Kinh Tiểu Bộ - tập 8 [Chuyện Tiền Thân 474-520] (GS Trần Phương Lan dịch)

Kinh Tiểu Bộ (HT Thích Minh Châu & GS Trần Phương Lan dịch)

Chương XIII Phẩm Mười ba bài kệ

474. Chuyện trái xoài (Tiền thân Amba)

Trước kia, khi trẫm bảo chàng trai..,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Đề-bà-đạt-đa không thừa nhận bậc Đạo Sư của mình và bảo:

- Chính ta sẽ là bậc Chánh đẳng giác và Sa-môn Gotama không phải là bậc Đạo Sư hướng dẫn của ta.

Vì vậy, khi xuất định, ông gây chia rẽ trong Tăng chúng. Sau đó dần dà ông tiến về Xá-vệ, ở bên ngoài Tinh xá Kỳ Viên, thì mặt đất há miệng, ông rơi vào địa ngục Avìci (A-tỳ hay Vô gián địa ngục). Lúc ấy tất cả Tăng chúng đều nói chuyện ấy tại Chánh pháp đường:

- Này Hiền hữu, Đề-bà-đạt-đa đã xa rời bậc Đạo sư và bị hủy diệt khủng khiếp, đó là sinh vào một đời sống khác trong địa ngục A-tỳ sâu thẳm.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì, hội chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:

- Không phải chỉ bây giờ, mà cả ngày xưa cũng như nay, Đề-bà-đạt-đa đã xa rời bậc Đạo sư của mình và bị hủy diệt khủng khiếp.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thời, khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, cả gia đình của vị tế sư trong triều bị bệnh sốt rét tiêu diệt. Chỉ một người con trai duy nhất phá được tường nhà trốn thoát đi xa.

Chàng đến Takkasilà và học tập đủ các nghệ thuật kỹ năng với một vị giáo sư tiếng tăm lừng lẫy khắp thiên hạ.

Sau đó chàng từ giã sư phụ, và ra đi, với ý định chu du khắp nhiều miền; trên bước giang hồ, chàng đến một làng ở biên địa. Gần đó là một làng của giai cấp hèn hạ Chiên-đà-la (Candàla). Thời đó Bồ-tát cư ngụ trong làng này, và ngài là một bậc hiền trí. Ngài biết một thần chú làm cho quả trên cây mọc rộ lên trong lúc trái mùa.

Một buổi sáng kia, ngài mang đòn gánh đi ra khỏi làng mãi đến tận cây xoài mọc trong rừng, khiđứng cách đó bảy bước, ngài đọc thần chú và rảy một bụm nước vào cây đó. Trong chớp mắt, lớp lá khô rụng hết, lớp lá non mọc mầm, hoa nở rồi hoa tàn rụng, các trái xoài nhú ra. Song chỉ trong chốc lát chúng đã chín mọng ngọt ngào thơm ngát, xoài

lớn nhanh như loại trái thần rồi rụng

xuống đất! Bậc Đại sĩ chọn ăn tùy thích, rồi chất đầy hai giỏ trên đòn gánh, đem trái đi bán và kiếm tiền nuôi vợ con.

Lúc bấy giờ, chàng trai Bà-la-môn thấy bậc Đại Sĩ bán xoài chín trái mùa. Chàng suy nghĩ: "chắc hẳn phải nhờ công năng của một loại thần chú nào đó xoài ấy mới mọc được. Người này có thể dạy ta một thần chú vô giá". Chàng rình ngắm kỹ cách thức bậc Đại sĩ hóa phép ra các thứ xoài của ngài, và phát hiện việc này một cách chính xác.

Sau đó chàng đi đến nhà bậc Đại sĩ lúc ngài chưa trở về từ khu rừng ấy, rồi làm như thể chưa biết gì cả, chàng hỏi người vợ của bậc Đại sĩ:

- Đại sư đâu rồi?

Bà đáp:

- Đã vào rừng.

Chàng đợi cho đến khi ngài về, liền tiến tới phía ngoài, đỡ lấy đòn gánh và đôi thúng từ vai ngài,đem hết đồ đạc vào nhà và đặt ở đó.

Bậc Đại sĩ nhìn chàng trai bảo vợ:

- Này hiền thê, chàng trai này đến đây để được dạy thần chú; song chẳng có thần chú nào ở lâu với gã ấy cả vì gã là người không tốt đâu.

Còn chàng trai nghĩ thầm: "Ta sẽ học được thần chú bằng cách làm tôi tớ cho thầy ta".

Thế là từ đó chàng làm mọi công việc trong nhà như gánh củi, giã gạo, nấu nướng, mang đến thầy đủ các thức cần thiết để rửa mặt rửa chân.

Một ngày kia bậc Đại sĩ bảo chàng:

- Này con, đem cho ta một cái ghế đẩu để gát chân.

Chàng ta chẳng còn cách nào khác, liền để hai chân của bậc Đại sĩ lên đùi mình suốt đêm.

Vào mùa sau, bà vợ của ngài sinh hạ một con trai, chàng lại làm đủ mọi việc phục dịch trong thời bà ấy sinh sản. Một ngày nọ, bà vợ bảo bậc Đại sĩ:

- Này phu quân, cậu trai dù là ở giai cấp quý tộc, lại hạ mình làm mọi việc tôi đòi, phục dịch cho nhà ta chỉ vì muốn có thần chú. Vậy phu quân hãy dạy thần chú cho cậu ấy đi, dù thần chú có chịu ở với cậu ấy hay không.

Ngài đồng ý việc đó. Ngài liền dạy thần chú cho cậu trai và bảo thế này:

- Con ạ, đây là thần chú vô giá, con nhờ nó sẽ được vinh quang phú quý tột bực. Nhưng hễ khi nào đức vua hoặc vị đại thần của ngài có hỏi ai là thầy dạy con thì con đừng dấu tên ta; vì nếu con hổ thẹn về chuyện người dạy con câu thần chú kia là một người hạ đẳng và con bảo rằng thầy dạy

con là một vị Bà-la-môn quyền cao chức trọng thì con sẽ chẳng được kết quả gì do thần chú đem đến cả đâu.

- Tại sao con lại phải dấu tên của sư phụ kia chứ? Khi nào con được ai hỏi thì con sẽ nói chính sư phụ đây.

Sau đó chàng kính lễ thầy rồi từ giã cái thôn làng hạ đẳng kia, chàng vừa ra đi vừa suy nghĩ mãi về thần chú ấy, kịp lúc đến Ba-la-nại. Tại đó chàng bán xoài và thu được nhiều tiền bạc.

Bấy giờ, một ngày kia người giữ vườn ngự uyển dâng vua một trái xoài gã mới mua từ chàng trai ấy. Sau khi ăn xoài, vua hỏi gã kiếm được ở đâu ra trái xoài ngon ngọt như thế. Gã đáp:

- Tâu Chúa thượng, có một chàng trai mang xoài trái mùa tới bán. Tiểu thần đã mua được từ chàng ấy.

Vua bảo:

- Hãy dặn cậu ta từ nay mang xoài đến đây cho trẫm.

Người ấy làm y lời dặn, từ đó chàng đem xoài đến cung vua. Vua mời chàng đến phục vụ ngài, từ đó chàng trở thành bề tôi phục dịch vua, được hưởng đại phú quý, dần dần chàng được vua rất tin cậy.

Một ngày nọ vua hỏi chàng:

- Này thiếu sinh, khanh kiếm ra xoài trái mùa này ở đâu mà ngon ngọt, thơm ngạt ngào và màu sắc tươi đẹp thế? Có phải một vị Long vương, Kim sí điểu hay thần linh nào đó ban thưởng cho khanh, hoặc đây là phép tiên chăng?

- Tâu Đại vương, chẳng ai cho tiểu sinh cả - chàng trai đáp - song tiểu sinh có một thần chú vô giá và đây là thần lực của chú ấy.

- Được, thế khanh có định biểu diễn cho trẫm xem thần lực của chú này một ngày nào đó chăng?

- Tâu Chúa thượng, tiểu sinh xin sẵn sàng thực hiện điều đó hầu Chúa thượng - chàng đáp.

Hôm sau vua cùng chàng ta vào vườn ngự uyển và ngài phán bảo chàng hãy biểu diễn thần chú. Chàng trai vâng dạ và đi đến gần cây xoài, đứng cách chừng bảy bước đọc thần chú và rảy nước vào cây. Trong chốc lát cây xoài sinh trái như cách đã tả trên đây: một đám xoài rụng xuống ào ào như cơn bão; đám người xem vô cùng thích thú vung vẫy khăn để hoan nghênh. Còn vua dùng xoài, xong thưởng công chàng hậu hỉ, rồi bảo:

- Này thiếu sinh, ai đã dạy khanh thần chú kỳ diệu này?

Bấy giờ chàng nghĩ thầm: "Nếu ta bảo một kẻ Chiên-đà-la hạ đẳng đã dạy ta thì ta sẽ bị làm nhục, hội chúng sẽ chế diễu khinh thị ta, nay ta đã thuộc lòng thần chú này, ta không bao giờ có thể mất nó. Được rồi, ta sẽ nói đó là một giáo sư lẫy lừng thiên hạ.

Vì thế, chàng nói dối và bảo:

- Tiểu thần đã học được tại Takkasilà từ một danh sư lẫy lừng thiên hạ.

Khi chàng nói những lời phủ nhận thầy dạy mình như thế, lập tức thần chú biến mất. Còn vua rất hoan hỷ, cùng chàng trở về kinh thành.

Một ngày kia, vua muốn ăn xoài, liền đi vào ngự uyển ngồi trên ghế đá, nơi thường dùng vào những dịp quốc lễ, ngài ra lệnh chàng trai đem xoài dâng ngài. Chàng trai tuân lệnh đi đến cây xoài, đứng xa bảy bước, bắt đầu đọc thần chú, song thần chú không công hiệu. Lúc ấy chàng biết mình đã mất thần chú, nên đứng im đầy hổ thẹn. Còn vua suy nghĩ: "Trước kia chàng này đã dâng xoài ào ào như mưa dông ngay giữa đám đông người, nay chàng đứng như trời trồng, vì nguyên cớ nào đây?".

Vì thế ngài ngâm vần kệ đầu hỏi chuyện ấy:

1. Trước kia, khi trẫm bảo chàng trai,
Lớn nhỏ, chàng đem đủ loại xoài,
Nay trái trên cây không xuất hiện,
Dù chàng vẫn đọc chú kia hoài.
Khi nghe vậy, chàng trai nghĩ thầm rằng nếu chàng bảo hôm nay trái cây không thể có được thì vua sẽ tức giận, vì thế chàng nghĩ cách nói dối để lừa vua, liền ngâm vần kệ thứ hai:

2. Thời gian không hợp: đợi khi nào,
Kết hợp hành tinh giữa cõi cao,
Gặp gỡ đúng thời, giây phút đến,
Sẽ dâng xoài chín thật dồi dào!
"Cái gì thế này?" Vua tự hỏi. "Chàng trai trước kia chẳng hề nói chuyện hành tinh gặp gỡ cả".

Ngài liền ngâm vần kệ để điều tra vấn đề này:

3. Bữa trước, chàng không nói lúc nào,
Hay mùa gặp gỡ các vì sao,
Song xoài thơm ngát, ngon thanh vị,
Màu đẹp, chàng dâng trẫm biết bao!
4. Buổi nọ, chàng phô diễn trái cây,
Nhờ câu thần chú, thật tài thay,
Nay không làm được, dù chàng đọc,
Trẫm muốn hỏi chàng ý nghĩa đây.
Nghe thế chàng trai suy nghĩ: "Không nên lừa phỉnh vua bằng lời dối trá. Nếu như khi ta nói sự thật mà ngài trừng phạt ta thì cứ để ngài trừng phạt; song ta phải nói sự thật này". Rồi chàng ngâm hai vần kệ:

5. Một người hạ đẳng chính là thầy,

Dạy đúng chú thần hữu hiệu đây,
Bảo: Được hỏi tên thầy, chủng tộc,
Con đừng giấu, kẻo chú thần bay!
6. Thần được hỏi thăm bởi Đại vương,
Dù thần đã biết thật tinh tường,
Vẫn mong lừa phỉnh, thần khai dối:
"Thần chú kia là của đạo nhân".
Thần nói dối, nay đành mất chú,
Đắng cay, lòng tiếc việc si cuồng.
Nghe chàng nói điều này, vua tự nhủ: "Kẻ độc ác này không biết giữ gìn một kho báu vĩ đại dường ấy! Khi người ta có báu vật vô giá, thì nguồn gốc gia tộc có liên quan gì đến báu vật đó đâu?". Trong cơn thịnh nộ, ngài ngâm các vần kệ sau:

7. Cây nimb, hồng phượng hoặc thầu dầu,
Bất cứ loại cây gỗ thế nào,
Nơi đó thấy tầng ong mật ngọt,
Người xem cây ấy tốt hàng đầu.
8. Dù là Đạo sĩ, Khat-ti-ya,
Vệ-xá, Chiên-đà-la, Thủ-đà,
Puk-ku-sa, người ta học tập,
Thảy đều tối thượng với đời ta.
9. Trừng phạt oắt con tệ bạc này,
Hoặc lôi cổ nó giết đi ngay,
Kho tàng đã được bao công khó,
Lại vứt vì tâm ngã mạn đầy!
Quân sĩ của vua theo lời, bảo:

- Hãy trở lại thầy dạy anh và xin ngài tha thứ, rồi nếu anh học được thần chú lần nữa thì hãy vềđây; còn nếu không thì đừng bao giờ hòng để mắt đến xứ này nữa.

Nói thế xong, họ đuổi chàng đi.

Cậu trai hoàn toàn bơ vơ lạc lõng. Chàng nghĩ thầm: "Chẳng có nơi nào cho ta nương tựa trừ thầy ta ra. Ta quyết trở về với thầy ta, xin thầy tha tội cho, rồi xin học thần chú lại".

Vậy là chàng vừa than khóc vừa tiến về phía làng ấy. Bậc Đại sĩ thấy chàng đến, liền chỉ cho vợ ngài và bảo bà:

- Này hiền thê, hãy nhìn thằng khốn kia trở lại, mà thần chú đã biến mất rồi.

Chàng đến gần bậc Đại sĩ, kính lễ ngài và ngồi xuống một bên. Ngài hỏi:

- Tại sao con đến đây?

Chàng đáp:

- Thưa sư phụ, con đã nói dối, chối bỏ về vị sư phụ của mình nên nay con hoàn toàn tiêu tan sự nghiệp.

Sau đó chàng kể lại lỗi lầm của mình trong một bài kệ và xin thần chú lần nữa:

10. Kẻ nào nghĩ mặt đất san bằng,
Đang trải dài ra dưới gót chân,
Liền ngã vào ao, hồ, vực thẳm,
Vấp vào gốc rễ mục, long thân.
11. Vật giống sợi dây, kẻ giẫm lên,
Hóa ra con rắn, sắc đen huyền;
Kẻ kia sa cẳng vào trong lửa,
Vì mắt mù không thể xét xem.
12. Con phạm tội, nên mất chú thần,
Nhưng còn sư phụ, bậc Hiền nhân,
Xin thầy tha thứ cho lần nữa,
Nhìn tận mắt thầy, hưởng đặc ân!
Nhưng sư phụ chàng đáp:

- Sao này, con bảo gì vậy? Chỉ cần ra dấu cho kẻ mù lòa là nó tránh được ao hồ đủ thứ rồi; còn tađây đã dạy thần chú cho con một lần, con lại muốn gì nữa đây chứ?

Rồi ngài ngâm các vần kệ sau:

13. Đúng cách, ta từng dạy bảo ngươi,
Chú kia, ngươi học đúng theo thời,
Ta đà giảng đủ phần tinh túy,
Ngươi khéo làm hay, chú chẳng rời.
14. Ai đầy cực nhọc, hỡi ngu nhân,
Học chú thần gian khổ, khó khăn,
Đối với loài người trên hạ giới,
Rồi khi kẻ ngốc đã làm ăn,
Cuối cùng nó lại đem quăng bỏ,
Cũng chỉ vì mồm nói dối gian.
15. Với kẻ ngu si muốn dối gian,
Người không tự chế, kẻ vong ân,
Cút ngay, đừng hỏi gì ta nữa,
Ta chẳng còn cho nó chú thần!
Bị thầy dạy đuổi như vậy, chàng trai nghĩ thầm: "Đời còn có nghĩa lý gì với ta nữa?". Rồi chàng vào rừng sâu và chết bơ vơ một mình ở đó.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

- Không phải chỉ bây giờ, này các Tỷ-kheo, Đề-bà-đạt-đa mới chối bỏ vị thầy dạy của mình, và phải chịu tiêu diệt thảm khốc.

Và nói xong Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là kẻ vong ân bội nghĩa kia, Ànanda (A-nan) là vua, và Ta chính là người Candàla (Chiên-đà-la) hạ đẳng.

-ooOoo-

475. Chuyện cây hồng phượng vĩ (Tiền thân Phandana)

Người đứng cầm rìu ở dưới tay..

Chuyện này bậc Đạo sư kể trên bờ sông Rohini, về một việc tranh chấp cãi cọ trong gia đình.

Hoàn cảnh này được mô tả đầy đủ trong số 546. Tiền thân Kunàla. Vào dịp này, bậc Đạo sư dạy bảo đám thân tộc ấy, Ngài nói:

*

Một thời kia vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, ngoài kinh thành là một làng thợ mộc. Trong làng có một người Ba-la-nại làm nghề kiếm sống bằng cách mang gỗ từ rừng về đóng xe kéo.

Vào thời ấy có một cây hồng phượng vĩ đại thọ ở vùng Tuyết Sơn. Một hắc Sư tử thường đến nằm dưới gốc cây ấy săn mồi.. Một ngày kia gió đánh mạnh cây khiến một cành cây khô rơi xuống, trúng vai Sư tử, cành đập mạnh vào khiến cho nó đau đớn vùng lên chạy trốn vì sợ hãi, sau đó quay lui nhìn trên con đường vừa mới chạy qua, khi chẳng thấy có gì cả; nó suy nghĩ: "Chẳng có sư tử, cọp, beo hay con gì nữa đuổi theo ta ở đây, thì ta chắc vị Thần cây không chịu cho ta nằm đó. Ta muốn xem có đúng vậy không?". Suy nghĩ thế nó liền giận dữ thật vô lý, vừa đánh vào cây vừa thét lên:

- Ta chẳng ăn một ngọn lá nào bẻ trên cây của ông, cũng chẳng bẻ gãy cành nào, thế sao ông chịu cho các loài vật khác ở đây, mà ông không chịu cho ta ở? Ta có làm gì sai trái đâu, cứ đợi vài ngày nữa, ta sẽ phá nát gốc rễ cành lá ông, ta sẽ làm ông tan tác từng mảnh!

Sư tử mắng rủa vị Thần cây như vậy, rồi bỏ đi tìm một người.

Lúc ấy, người thợ mộc Bà-la-môn nói trên cùng với hai ba người khác đã dùng xe tải đến vùng lân cận ấy để kiếm gỗ đóng xe. Gã để chiếc xe một nơi, rồi cầm búa rìu trong tay đi tìm cây gỗ, gã

chợt đến gần cây phượng vĩ. Con sư tử thấy gã, liền đi đến đứng dưới gốc cây vì nó nghĩ thầm: "Hôm nay ta phải trừ khử kẻ thù của ta mới được". Người kia thấy nó và vội chạy trốn ra khỏi vùng rừng cây đó. Sư tử nghĩ thầm: "Ta phải nói chuyện với kẻ đó trước khi nó chạy đi mất". Rồi nó ngâm vần kệ đầu:

1. Người đứng cầm rìu ở dưới tay,

Đi lui, đi tới chốn rừng này,
Mau lên, nói rõ cho ta biết,
Ông muốn cây gì ở chốn đây?
"Ô kìa! thật là kỳ diệu! - Người kia bảo khi nghe lời ấy - ta thề chưa bao giờ nghe thấy súc vật nói được như người. Chắc chắn nó sẽ biết rõ loài cây nào có gỗ tốt để đóng xe. Ta muốn hỏi nó". Nghĩ vậy, gã liền ngâm vần kệ thứ hai:

2. Trên đồi, dưới vực, khắp đồng bằng,
Làm chúa, ngài đi khắp núi rừng,
Nói thật cho nghe, ta muốn hỏi,
Cây gì tốt để bánh xe lăn?
Sư tử nghe vậy nghĩ thầm: "Bây giờ ta đã được toại nguyện rồi!".

Nó liền ngâm vần kệ thứ ba:

3. Chẳng keo, tai ngựa, chẳng chiên-đàn,
Chẳng bụi cây nào tốt gỗ hơn,
Cây ấy, phượng hồng như vẫy gọi
Làm xe gỗ tốt nhất trần gian.
Kẻ kia nghe vậy rất hài lòng, nghĩ thầm: "Thật là một ngày tốt lành đưa ta vào rừng. Đây là một vị nào mang lốt thú vật chỉ bảo cho ta cây gỗ tốt để làm bánh xe. Kỳ lạ thật, song lại tuyệt quá!" Vì vậy, gã hỏi Sư tử vần kệ thứ tư:

4. Cành lá cây kia kiểu thế nào,
Thân cây trông thấy, loại ra sao,
Mong ngài nói thật, ta xin hỏi,
Để biết loài cây ấy ở đâu?
Sư tử ngâm hai vần kệ đáp lời:

5. Này cây cành rũ thấy là đà,
Cong xuống, song không gãy trước giờ,
Cây phượng vĩ hồng này đấy bạn,
Gốc cây thường đứng của nhà ta.
6. Để làm vành trục hoặc khung càn, Đôi bánh, hay bất cứ mọi phần,

Cây giống như vầy đều ích lợi, Cho người khi đóng chiếc xe lăn.

Sau khi tuyên bố như vậy, Sư tử đứng xích ra một bên, lòng mừng khấp khởi. Còn người thợ mộc bắt đầu đẵn cây. Lúc ấy, vị Thần cây nghĩ thầm: "Ta không hề làm rớt cành nào trên con thú kia, mà nó lại nổi cơn thịnh nộ thật phi thời, bây giờ nó lại đang muốn phá nhà ta, và ta cũng sẽ bị hủy diệt nữa. Vậy ta phải tìm cách đập tan oai lực của nó". Vì thế vị Thần này giả dạng tiều phu, đến gần gã thợ mộc kia bảo:

- Này người kia, anh kiếm được cây này đẹp quá! Thế anh định làm gì khi chặt nó đây?

- Làm bánh xe.

- Sao, có kẻ nào bảo anh là cây ấy làm bánh xe tốt lắm ư?

- Đúng thế, một con hắc Sư tử.

- Tốt lắm, hắc Sư tử khéo nói lắm. Song, này ta bảo anh là lột được da cổ Sư tử màu đen rồi phủ lên quanh vành ngoài của bánh xe như một tấm chắn bằng sắt, chỉ một mảnh rộng chừng bốn lóng tay thôi thì bánh xe vững vàng lắm, anh sẽ hưởng lợi rất lớn nhờ đó.

- Nhưng làm sao ta kiếm được da Sư tử bây giờ?

- Sao anh ngu thế? Cây này đứng trong rừng, nó chạy đi đâu được. Anh cứ đi tìm sư tử kia đã chỉ bảo cho anh cây này và hỏi nó xem phải chặt phần cây nào, rồi đem nó về đây. Sau đó, nó chẳng nghi ngờ gì cả và chỉ nơi này nơi nọ, cứ chờ lúc nó nhe hàm răng ra thì lấy chiếc rìu bén nhất đập nó trong khi nó đang nói, giết nó đi mà lột da ra, ăn phần thịt ngon nhất, rồi hãy chặt cây tùy thích.

Như thế là Thần cây nổi cơn thịnh nộ.

Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau:

7. Cây kia lập tức bảo như vầy,
Ý nguyện ước ao được tỏ bày:
"Ta cũng có điều này muốn nói
Này Bhà-rad hỡi, hãy nghe đây!
8. Từ bên vai chúa tể khu rừng,
Anh hãy cắt ra rộng bốn phân,
Bao phủ da quanh vành gỗ ấy,
Rồi xe sẽ mạnh gấp đôi lần.
9. Cây kia phút chốc nổi lôi đình,
Trút xuống loài sư tử đã sinh,
Cả với loài chưa xuất hiện nữa,
Gây ra tàn sát khiến hồn kinh.
Người thợ làm xe nghe theo lời chỉ dẫn của Thần cây, kêu to:

- Ôi hôm nay thật là một ngày may mắn cho ta.

Rồi gã đi giết Sư tử, chặt cây xuống và đi về.

10. Cây phượng vĩ tranh đấu chúa rừng,
Chúa rừng tranh đấu với cây thần,
Mỗi bên tranh chấp nhau như vậy,
Đem lại bên kia họa tử vong.
11. Vậy giữa người, nơi có hận hiềm,
Hoặc là cãi cọ nổi hăng lên,
Khác nào thú dữ và cây gỗ,
Chúng nhảy như loài Công múa men.

12. Đây này Ta bảo, chính điều lành,
Là lúc các ông thuận ý tình,
Hãy giữ đồng tâm, đừng cãi vã,
Như cây và thú đã thi hành.
13. Nên tập bình an với mọi người,
Điều này bậc trí tán dương hoài,
Ai mong an ổn và chân chánh,
Tối hậu bình an sẽ đạt thôi.
Khi đám người ấy nghe lời khuyến giáo của vua, họ liền giải hòa với nhau.

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện Tiền thân:

*

- Vào thời ấy, Ta là vị Thần sống trong rừng kia và đã chứng kiến toàn thể câu chuyện này.

-ooOoo-

476. Chuyện Chúa Thiên Nga Có Thần Tốc (Tiền thân Javana-Hamsa)

Này Thiên nga đến đậu nơi này..,

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về Kinh Dalhadhamma Suttanta hay Kinh Thí dụ các Lực sĩ.

Đức Thế Tôn dạy:

- Này các Tỷ-kheo, giả sử có bốn thiện xạ đứng ở bốn điểm trên một vòng tròn, bốn lực sĩ khéo huấn luyện, thật tài giỏi, thiện xảo nghề cung tên, bắn ra bốn mũi tên từ bốn điểm, Tasẽ lấy bốn

mũi tên vừa được bắn ra trước khi chúng chạm xuống đất; phải chăng rõ ràng các ông đều đồng ý rằng kẻ đó là một người rất nhanh nhẹn và chính là hiện thân của tốc lực tuyệt vời! Vậy mà, này các Tỷ-kheo, dù tốc lực của người kia nhanh đến đâu đi nữa, dù cho thần kỳ như tốc lực của mặt trăng, mặt trời, cũng còn cái khác nhanh hơn. Này các Tỷ-kheo, Tabảo tốc lực của người kia dù cho thần kỳ đến đâu đi nữa, dù nhiều vị Thiên bay nhanh hơn cả mặt trăng, mặt trời, vẫn còn có cái khác nhanh hơn chư Thiên ấy nữa. Này các Tỷ-kheo, tốc lực của người kia thần diệu là dường ấy (như trên). Tuy thế còn nhanh hơn cả chư Thiên biết bay là sự biến hoại của Tứ đại hợp thành sự sống. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông phải học tập điều này, phải tinh cần. Thật vậy, Tabảo các ông phải học tập điều này!".

Hai ngày sau lời giáo huấn này, Tăng chúng bàn luận chuyện đó trong Chánh pháp đường:

- Này các Hiền hữu Tỷ-kheo, bậc Đạo sư trong địa vị tối thượng của một bậc Chánh Đẳng Giác,đã chứng minh bản chất của những gì tác hợp nên sự sống, chỉ rõ đời sống thật là giả tạm và yếu ớt mỏng manh khiến cho Tăng chúng lẫn người ngoại đạo phải

hết sức kinh hoàng. Ôi! Thần diệu thay uy lực của đức Phật!

Bậc Đạo sư bước vào, hỏi Tăng chúng đang bàn luận điều gì. Các vị thưa với Ngài và Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, nay Tađạt Trí tuệ Viên mãn mà dùng lời khuyến giáo để báo trước cho Tăng chúng thấy rõ Tứ đại thật là giả tạm thì cũng chẳng kỳ diệu gì. Ngay cả khi Ta hóa sinh từ một chim thiên nga, Ta cũng chứng tỏ tính cách giả tạm của Tứ đại trong đời sống và bằng Giáo pháp của Ta, đã gây kinh hoàng cho cả triều đình một vị vua cùng với chín vị vua ở Ba-la-nại nữa.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thời khi vua Brahmadatta lên ngôi ở Ba-la-nại, bậc Đại sĩ được sinh làm một chúa Thiên nga có thần tốc, sống trên núi Cittakùta, dẫn đầu một đoàn gồm chín mươi ngàn Thiên nga khác. Một ngày kia, sau khi cùng cả đoàn đi ăn lúa mọc hoang trong cái hồ ở vùng đồng bằng xứ Diêm-phù- đề (Ấn Độ), ngài bay qua không gian (như thể một tấm thảm vàng óng ánh trải dài từ đầu nọ đến đầu kia của kinh thành Ba-la-nại) và lượn chầm chậm như đùa chơi về phía núi Cittakùta. Lúc bấy giờ vua Ba-la-nại trông thấy ngài, liền bảo các triều thần:

- Con chim đằng kia ắt hẳn là chim chúa như trẫm đây.

Vua sinh lòng yêu mến chúa chim, nên đã đem vòng hoa, hương liệu và dầu thơm đi tìm bậc Đại sĩ và bảo trình diễn đủ loại âm nhạc cho ngài nghe. Khi bậc Đại sĩ thấy vua tôn vinh ngài như vậy, ngài hỏi các chim Thiên nga kia:

- Khi một ông vua muốn tôn vinh ta như vậy, vua ấy muốn gì chăng?

- Tâu Chúa thượng, ngài muốn bầu bạn với Chúa thượng.

- Được rồi, thế thì ta bầu bạn với vua ấy!

Ngài bảo và ngài làm bạn với vua, rồi sau đó bay về tổ.

Một ngày kia, sau việc kết bạn này, vua vào ngự uyển và đi đến hồ Anotatta, chim chúa bay đến gần vua với một cánh mang đầy nước và cánh kia mang bột gỗ Chiên-đàn, chim rảy nước lên mình vua và rắc bột gỗ Chiên-đàn cho vua nữa, trong lúc hội chúng đang nhìn theo, ngài lại cùng với đàn chim bay về Cittakutà. Từ lúc ấy về sau, vua cứ mong ngóng bậc Đại sĩ mãi; ngài thường nấn ná chờ đợi vừa nhìn con đường bậc Đại sĩ đến và nghĩ thầm: "Hôm nay thân hữu ta sẽ đến".

Lúc bấy giờ hai con thiên nga non trẻ nhất trong đàn của bậc Đại sĩ, quyết định thi đua với mặt trời, vì vậy chúng xin phép bậc Đại sĩ thử sức bay qua với mặt trời. Ngài bảo:

- Này các chú, tốc lực mặt trời rất thần kỳ, các chú không bao giờ có thể thi đua với mặt trời đâu. Các chú sẽ chết tiêu tan trong cuộc thi tài ấy. Vậy các chú đừng đi.

Lần thứ hai chúng xin phép, rồi lần thứ ba. Song Bồ-tát phản đối chúng đến lần thứ ba chúng xin. Tuy nhiên, chúng vẫn khăng khăng giữ ý định đó, không tự lượng sức mình, rồi cương quyết bay đua với mặt trời mà không tâu trình với chúa chim. Vì thế, trước lúc rạng đông, chúng đã đậu trên đỉnh núi Yugandhara (một trong bảy rặng núi lớn quanh núi Meru: Tu-di).

Bậc Đại sĩ thấy vắng chúng, liền hỏi chúng đi đâu. Khi ngài nghe những việc xảy ra , ngài nghĩ thầm: "Chúng sẽ chẳng bao giờ đủ sức bay đua với mặt trời, và chúng sẽ bị tiêu diệt trong cuộc so tài ấy. Ta phải cứu mạng chúng mới được". Vì vậy, ngài bay đến đỉnh núi Yugandhara và đậu bên cạnh chúng. Khi vầng nhật xuất hiện trên đường chân trời, đôi tiểu thiên nga vùng lên, lao tới đằng trước theo mặt trời, bậc Đại sĩ cũng bay theo chúng. Con chim bé nhất bay tới trước giờ ngọ thì ngất xỉu. Bên trong khớp xương đôi cánh nó cảm thấy như thể đang bị lửa đốt. Rồi nó ra hiệu cho bậc Đại sĩ:

- Thưa đại huynh, tiểu đệ không tiếp tục được nữa.

Bậc Đại sĩ bảo:

- Đừng sợ, ta sẽ cứu chú.

Rồi mang nó trên đôi cánh dang rộng của mình, ngài an ủi nó, đưa nó về núi Cittakùta đặt nó xuống giữa đàn thiên nga, sau đó ngài lại bay đi bắt kịp mặt trời, đến bên cạnh chim kia. Con chim ấy bay đua với mặt trời cho đến gần đúng ngọ thì ngất ngư và thấy như thể lửa đang thiêu đốt trong khớp xương ở đôi cánh của nó. Nó vừa làm dấu cho bậc Đại sĩ vừa kêu lên:

- Thưa đại huynh, tiểu đệ không thể tiếp tục được nữa.

Ngài cũng an ủi nó như trên, rồi mang nó trên đôi cánh dang rộng của mình, ngài đưa nó về đỉnh Cittakùta. Vào lúc ấy mặt trời đang ở trên đỉnh đầu. Bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Hôm nay ta sẽ thử xem uy lực của mặt trời ra sao". Thế là chỉ cần phóng lui một vòng, ngài đã đậu trên đỉnh Yugandhara. Sau đó vừa tung cánh lên là ngài bắt kịp mặt trời, ngài bay đi, lúc tiến về phía trước, lúc lùi lại đằng sau, ngài nghĩ thầm: "Đối với ta thì chuyện bay đua với mặt trời thật là vô ích, chỉ do trí ngu si mà ra cả, nó có nghĩa lý gì đối với ta đâu? Ta muốn bay đến Ba-la-nại, nói cho thân hữu của ta là vua ấy một lời khuyến giáo về công bình và chân chánh".

Rồi quay lại trước khi mặt trời dần đi xuống giữa không gian, ngài bay qua toàn cõi thế giới từđầu chí cuối xong, ngài giảm dần tốc lực, bay từ đầu nọ đến đầu kia toàn xứ Diêm-phù-đề, cuối cùng đến thành Ba-la-nại. Cả kinh thành này với chu vi chừng mười hai dặm, như thể đang nằm dưới bóng chim chúa, không có một khe hở nào lộ ra; rồi tốc lực giảm dần, những lỗ trống, kẽ hở lại xuất hiện trên bầu trời. Bậc Đại sĩ bay chầm chậm rồi đáp xuống từ không trung, hạ cánh trước song cửa. Vua vui mừng reo lớn:

- Thân hữu của ta đang đến kìa!

Rồi đặt chiếc bảo tọa bằng vàng cho chim đậu, vua phán:

- Xin Hiền hữu vào đây, an tọa tại nơi này.

Và ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Chúa Thiên nga, đến đậu nơi đây,
Lòng trẫm thiết tha diện kiến ngài,
Hãy chọn thứ gì ngài thấy được,
Nay ngài là chúa tể nơi này.

Bậc Đại sĩ đậu trên bảo tọa bằng vàng. Vua xoa vào dưới đôi cánh của ngài những loại dầu thơm đã lọc sạch cả trăm lần, hay còn hơn thế nữa, cả ngàn lần, ban cho ngài thứ gạo mềm mại và nước đường trong cái đĩa bằng vàng, rồi nói chuyện với ngài với giọng ngọt ngào như mật:

- Này Hiền hữu, ngài đến đây một mình, vậy ngài từ đâu lại?

Chim chúa kể hết mọi việc. Sau đó vua bảo ngài:

- Này Hiền hữu, xin ngài lần nữa biểu diễn tốc lực của ngài so với mặt trời kia.

- Thưa Đại vương, tốc lực ấy không thể phô diễn được.

- Vậy xin ngài biểu diễn một việc tương tự như thế.

- Được lắm, thưa Đại vương, ta sẽ biểu diễn một việc tương tự như vậy. Xin triệu tập các xạ thủ bắn nhanh như chớp lại đây.

Vua liền ra lệnh triệu tập họ. Bậc Đại sĩ lựa bốn người rồi cùng họ từ cung điện đến sân chầu. Nơi đó, ngài bảo dựng một trụ đá, và buộc vào cổ ngài một cái chuông nhỏ. Sau đó, ngài đậu trên đỉnh trụ đá, đặt bốn xạ thủ quay lưng từ trụ đá hướng ra bốn phía, bảo:

- Thưa Đại vương, xin ra lệnh cho bốn xạ thủ bắn ra cùng một lúc bốn mũi tên về bốn hướng và ta sẽ chụp lấy bốn mũi tên ấy trước khi chúng chạm mặt đất rồi đặt xuống chân các xạ thủ. Đại vương sẽ biết khi nào ta đi nhặt các mũi tên nhờ tiếng chuông reng reng, song Đại vương chẳng trông thấy được ta đâu.

Sau đó đồng loạt các xạ thủ bắn bốn mũi tên ra, ngài liền chụp lấy chúng và đặt dưới chân đám xạ thủ kia, còn mọi người thấy ngài đang đậu trên trụ đá.

- Thưa Đại vương, ngài đã thấy tốc lực của ta chăng?

Rồi ngài nói tiếp:

- Thưa Đại vương, tốc lực ấy không phải là tốc lực bậc nhất của ta đâu, cũng không phải là tốc lực bậc trung mà là tốc lực kém nhất trong các tốc lực thấp kém: thế mà nó đã chứng tỏ cho Đại vương thấy ta nhanh nhẹn đến mức độ nào.

Sau đó, vua hỏi ngài:

- Này Hiền hữu, thế có tốc lực nào nhanh hơn tốc lực của ngài chăng?

- Thưa Hiền hữu, có chứ. Nhanh hơn tốc lực của ta đến trăm lần, à không, cả ngàn lần, là sự biến hoại của Tứ đại trong đời sống của loài hữu tình: Chúng tan rã như vậy đó, chúng bị tiêu diệt như vậy đó.

Bằng cách ấy ngài đã làm sáng tỏ cách thế giới hữu hình hoại vong như thế nào, bị hủy diệt như thế nào từng giây từng phút. Khi nghe nói vậy, vua sợ chết, không còn giữ bình tĩnh được nữa, mà ngất xỉu đi. Cả hội chúng kinh hoàng, rảy nước vào mặt vua, khiến ngài hồi tỉnh. Sau đó bậc Đại sĩ nói với vua:

- Thưa Đại vương, chớ sợ hãi, nhưng hãy nhớ đến thần chết. Hãy tiến lên trong đường công chính, bố thí và làm thiện sự, phải gắng tinh cần.

Lúc ấy vua đáp lại:

- Tâu Chúa thượng, nếu không có một Đạo sư hiền trí như ngài, trẫm không thể nào sống được, vậy xin ngài đừng trở về đỉnh núi Cittakùta nữa, mà hãy ở lại đây, dạy bảo trẫm, xin hãy làm Đạo sư để giáo hóa trẫm.

Rồi vua ngâm hai vần kệ thỉnh cầu ngài:

2. Nhờ nghe nói đến người mình yêu mến,
Mà tình yêu thương được dưỡng nuôi hoài,
Lòng nhớ nhung người vắng bóng dần phai,
Vì nghe, thấy, khiến người sinh lưu luyến,
Xin hãy cho ta đặc ân diện kiến.
3. Giọng nói ngài thật thân ái bên ta,
Diện kiến ngài còn thắm thiết hơn xa,
Vì ta thích được cùng ngài diện kiến,
Thiên nga hỡi, ở cùng ta, xin đến!
Bồ tát đáp:

4. Ví dù ta ở lại với Quân vương,
Trong cảnh vinh quang dường ấy được ban,
Song ngày kia, choáng men nồng, Chúa thượng
Có thể truyền: "Đem chúa chim ra nướng!".
- Không đâu - Vua nói - Lúc có ngài ở bên cạnh, trẫm sẽ không bao giờ đụng đến men rượu nồng nữa.

Rồi vua cam kết hứa hẹn điều này qua vần kệ sau:

5. Thức uống, ăn kia thật đáng rủa nguyền
Nếu trẫm quý yêu hơn cả bạn hiền!
Trẫm không nếm, dầu giọt nào hay ngụm,
Bao lâu ngài ở lại đây cùng trẫm!
Sau vần kệ này, Bồ-tát ngâm sáu vần kệ khác:

6. Tiếng loài sơn cẩu, tiếng chim muông,
Cũng rất dễ dàng được cảm thông,
Tiếng nói người đời, tuy rõ thế,
Vô cùng tối nghĩa, hỡi quân vương!

7. Con người thường nghĩ: "Bạn thân mình,
Quyến thuộc là đây, bạn chí tình!".
Song tình bằng hữu thường hay mất,
Căm hận, oán thù lại khởi sinh.
8. Ai được ngài thương, cũng quý ngài,
Gần ngài, dù ở tận phương trời,
Song người sống cận kề ngài đó,
Lòng ngài hờ hững, cũng xa vời.
9. Ai ở nhà ngài, dạ mến thương,
Vẫn ân cần, dẫu cách trùng dương,
Nhà ngài ai ở, tâm thù nghịch,
Xa cách trùng dương, vẫn oán hờn!
10. Những người thù nghịch, Chúa công ôi!
Dù ở gần nhau, vẫn cách vời.
Song hỡi Đại vương-nuôi-quốc-độ,
Các hiền nhân kết hợp nhau hoài!
11. Ai ở quá lâu sẽ thấy rằng
Thân bằng có lúc hóa cừu nhân,
Trước khi để mất tình thân hữu,
Ta giã biệt ngài, cất bước chân.
Sau đó vua nói với ngài:

12. Dù trẫm chấp tay lại cố nài,
Ngài không hề chịu để vào tai,
Chẳng dành lời nói cho bằng hữu
Tha thiết cầu mong giúp đỡ hoài.
Trẫm khát khao ngài ban đặc huệ:
Trở về đây viếng trẫm nay mai.
Thế rồi Bồ tát đáp lời:

13. Nếu không gì gián đoạn dòng đời,
Vì thử ngài, ta, Chúa thượng ôi!
Còn sống, hỡi Người-nuôi-đại-chúng,
Ta bay về lại chốn đây thôi,
Rồi ta còn dịp lành tương kiến,
Trong lúc ngày đêm lờ lững trôi.
Với lời nhắn nhủ vua xong, bậc Đại sĩ lên đường về núi Cittakùta.

*

Khi bậc Đạo sư chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Như vậy, này các Tỷ kheo, ngày xưa, ngay cả khi Ta được sinh vào loài súc vật, Ta đã chứng minh tính cách mong manh của Tứ đại trong cuộc sống và tuyên thuyết Chánh pháp.

Nói vậy xong, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Ànanda là vua, Moggallàna (Mục-kiền-liên) là con chim trẻ nhất, Sàriputta (Xá-lợi- phất) là chim non thứ hai, hội chúng của đức Phật là tất cả Thiên nga, và Ta chính là Chúa Thiên nga có thần tốc.

-ooOoo-

477. Chuyện Tiểu Đạo Sĩ Nàrada (Tiền thân Culla-Nàrada)

Không có củi nào được bổ ra..,

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về các trò quyến rủ của một cô gái thô tục.

Thời ấy, Ta biết rằng có một cô gái chừng mười sáu tuổi, con của một người dân thành Xá-vệ là một cô gái có thể đem vận may đến cho đàn ông, song chẳng có nam nhân nào chọn nàng cả. Vì vậy, mẹ nàng nghĩ thầm: "Con gái ta đã đến tuổi trưởng thành. Song chẳng ai chọn nó cả. Ta muốn dùng nó như miếng mồi câu cá, khiến cho một vị xuất gia tu hành trong dòng họ Thích-ca phải hoàn tục và nó sống nương nhờ vị ấy".

Lúc bấy giờ, có một thiện gia nam tử ở Xá-vệ, đã quyết tâm tu hành và gia nhập Tăng chúng. Nhưng từ khi chàng đã thọ Đại giới xong, chàng lại mất cả ước vọng tu tập và cứ sống chuyên lo tô điểm bản thân chàng.

Người nữ cư sĩ này thường hay dọn sẵn cháo gạo trong nhà và nhiều thức ăn loại cứng, loại mềm, rồi đứng ở cửa trong khi Tăng chúng đi ngang qua đường phố và cố tình xem ai là người có thể bị lòng thèm ăn của ngon vật lạ lôi cuốn. Kìa lũ lượt trên đường là đám nam tử hành trì Tam Tạng Kinh, Luật, Luận, song bà không tìm được ai có thể mắc vào mồi của bà cả. Giữa các vị mang bình bát đắp y kia là những vị pháp sư thuyết giáo với giọng ngọt ngào như mật, di chuyển như đám mây bồng bềnh trước gió, bà chẳng thấy ai cả.

Song cuối cùng bà chợt thấy một nam nhân tiến tới, khóe mắt xoa dầu thơm, tóc buông xõa, mang chiếc y trong bằng thứ lụa mượt mà, chiếc y ngoài được giặt giũ sạch sẽ, bình bát có màu sắc đẹp như loại bảo châu, chiếc dù thật vừa ý, một con người buông thả các căn theo sở thích, toàn thân một màu đồng vàng bóng lộn. "Đây chính là người mà ta có thể bắt lấy!" Bà nghĩ thầm và đảnh lễ vị kia, bà đến cầm lấy bình bát và mời ông vào nhà.

Bà dọn chỗ ngồi cho ông, đưa cháo gạo và các thức khác. Rồi sau bữa ăn, bà yêu cầu ông ghé nhà bà làm nơi nghỉ chân lui tới trong tương lai. Vì thế, ông thường viếng thăm nhà đó về sau, dần dần với thời gian trở nên thân thiết.

Một ngày kia, bà cư sĩ ấy nói cốt cho ông nghe:

- Trong nhà này, chúng ta sung sướng lắm, duy chỉ một điều là ta chẳng có con trai hay con rể để bảo tồn gia sản thôi.

Ông nghe được, tự hỏi không biết lý do gì bà lại nói vậy, chẳng mấy chốc dường như việc đó đã đâm sâu vào tim ông. Bà ta bảo con gái:

- Con hãy quyến rủ người này đi, hãy tìm cách điều khiển chàng theo ý con.

Vì thế sau đó, cô gái tô điểm đầy mình đủ loại trang sức và quyến rủ vị kia, dùng đủ mánh lới xảo quyệt của nữ nhân. (Ta phải hiểu rằng "một cô gái thô tục" đây không có nghĩa là thân hình mập mạp, nhưng dù mập hay gầy, cô ta cũng bị gọi là "thô tục" vì mãnh lực năm thứ dục tình của cô ta).

Sau đó, nam tử kia còn trẻ lại bị dục tình chi phối, nên lòng thầm nghĩ: "Nay ta không thể nào tu theo Giáo pháp của đức Phật được nữa". Và ông đi đến Tinh xá đặt y bát xuống, nói với các vị giáo thọ của mình:

- Tâm con đang thối thất.

Rồi các Tỷ-kheo ấy dẫn ông đến bậc Đạo sư và thưa:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ kheo này đang thối thất.

Ngài hỏi:

- Này Tỷ kheo, họ bảo rằng tâm ông đang thối thất. Có đúng vậy không?

- Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy.

- Thế việc gì khiến ông như vậy?

- Bạch Thế Tôn, một cô gái thô tục.

Ngài bảo:

- Này Tỷ kheo, ngày xưa, lâu lắm rồi, khi ông ở trong rừng, chính cô gái này đã cản trở đời thanh tịnh của ông và đã làm hại ông rất nhiều, thế thì tại sao ông lại sinh thối thất vì cô ta nữa?

Rồi theo lời thỉnh cầu của tăng chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thời kia, khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn rất giàu có. Sau khi thành đạt việc học vấn, ngài về điều hành cả tài sản. Kế đó, bà vợ ngài sinh một con trai rồi qua đời. Ngài suy nghĩ: "Cũng như vợ yêu quý của ta, cái chết sẽ không chừa ta đâu, vậy gia đình có nghĩa gì với ta nữa? Ta muốn xuất gia tu hành".

Vì thế, ngài từ bỏ mọi tham dục, cùng con trai ngài đi vào vùng Tuyết Sơn, ở đó cùng sống đời ẩn sĩ, tu tập Thiền định và Thắng trí, cư trú trong rừng, sinh sống bằng trái cây và củ rừng.

Vào thời ấy, dân chúng ở biên địa cướp phá xứ sở, sau khi tấn công một thị trấn và bắt các tù nhân, bọn chúng chất đầy chiến lợi phẩm, trở về biên địa. Trong đám ấy, có một cô gái tuyệt đẹp, song đầy mánh khóe giả dối. Cô ta nghĩ thầm: "Các đàn ông này khi mang chúng ta đi xa nhà, sẽ biến bọn ta thành nô lệ, quyết tìm cách trốn thoát". Vì vậy, cô ta bảo:

- Thưa chủ nhân, thiếp muốn nghỉ chân, vậy cho thiếp đi nghỉ chân một lát.

Nàng đánh lừa bọn cướp như thế, rồi trốn đi.

Lúc bấy giờ, Bồ tát đã đi vào rừng tìm củ quả, để con trai ở lại am lá. Trong khi ngài đi vắng, cô gái đang lang thang trong rừng, bước đến am này vào sáng sớm, quyến rủ chàng trai bằng dục tình, phá hủy công đức của chàng và chinh phục chàng theo ý mình. Nàng bảo chàng:

- Sao chàng lại ở trong rừng, này đôi ta cùng về một làng kia làm nhà riêng cho ta ở. Tại đó đôi ta dễ dàng tận hưởng mọi lạc thú ái tình.

Chàng bằng lòng và bảo:

- Nay cha ta đang ở trong rừng kiếm trái cây, khi nào gặp lại cha ta thì sẽ cùng nhau đi xa.

Lúc ấy, cô gái thầm nghĩ: "Cậu trai khờ dại này chẳng biết gì cả, song còn cha cậu ắt hẳn đã xuất gia tu hành lúc tuổi già. Khi ông ấy về nhà, ông ấy sẽ biết ta làm gì ở đây và đánh đập ta, lôi cổ kéo cẳng ta ra, quẳng ta vào rừng sâu. Vậy ta muốn đi ngay trước khi ông ấy về".

Rồi chỉ rõ dấu hiệu đi đường xong, nàng liền đi ngay. Sau khi nàng vừa khuất bóng, chàng trai trở nên buồn bã, không làm phận sự hàng ngày như thường lệ, mà đi trùm kín từ đầu tới chân nằm dài ra trong am lá, u sầu phiền muộn.

Khi bậc Đại sĩ đem mớ quả rừng về nhà, ngài quan sát dấu chân cô gái: "Đây là dấu chân một nữ nhân", ngài nghĩ thầm: "Ắt hẳn công đức của con trai ta đã mất rồi". Sau đó ngài bước vào am đặt mớ quả rừng xuống và ngâm vần kệ đầu hỏi con trai ngài:

1. Không có củi nào được bổ ra,
Và không kéo nước tự ao hồ,
Cũng không có lửa nào con nhóm,
Đờ đẫn nằm sao giống kẻ rồ?

Nghe giọng của cha, chàng trai vùng dậy đảnh lễ cha và hết sức cung kính, chàng thổ lộ rằng chàng không thể nào chịu được cuộc sống trong rừng nữa, và chàng ngâm đôi vần kệ:

2. Con không thể sống ở sơn lâm,
Cuộc sống trong rừng thật khó khăn,
Con quyết điều này, Ca-diếp hỡi!
Con mong trở lại chốn phàm nhân.

3. Này Đại sĩ ơi, hãy dạy con,
Khi con từ giã, bước lên đường,
Thế nào phong tục trong toàn quốc
Con phải biết cho thật tỏ tường.
Bậc Đại sĩ bảo:

- Này con, được lắm, ta sẽ dạy con mọi phong tục trong nước.

Và ngài ngâm đôi vần kệ:

4. Nếu con đã quyết chí xa rời
Các trái cây rừng với sắn khoai,
Về sống thị thành, nghe dạy bảo
Làm sao phong cách hợp theo đời.
5. Tránh nơi vách đá, chốn hang sâu,
Thuốc độc, rời xa, dẫu loại nào,
Bước thận trọng nơi loài rắn ở,
Đống bùn nhơ bẩn, chờ sa vào.
Con trai vị ẩn sĩ không hiểu được lời khuyên cốt lõi ấy, liền hỏi:

6. Cách đá, dốc cao ấy có gì Liên quan đến Thánh đạo ta đi,

Bùn nhơ, thuốc độc cùng loài rắn? Xin nói điều này với tiểu nhi.

Vị ấy đáp lời giải thích:

7. Có thuốc uống kia ở cõi trần,
Mà người ta gọi rượu, con thân,
Thơm tho, như mật ong ngon ngọt,
Giá rẻ, đầy hương vị dịu dàng,
Cái ấy, Na-ra-da, bậc trí
Bảo là thuốc độc đối hiền nhân.
8. Và bọn nữ nhân ở cõi trần,
Làm người ngu trí phải điên cuồng,
Chúng lôi đám trẻ người non dạ,
Như bão dưới đường bắt hạt bông,
Ta nói vực sâu là đấy nhé
Đang nằm ngay trước mặt hiền nhân.
9. Được đời trao tặng đại vinh quang,
Ân sủng, lộc nhiều, tiếng tốt vang,
Này đó, Nà-ra, bùn cấu uế
Có cơ làm bẩn các hiền nhân.
10. Đế vương cùng với đám quần thần
Đang ngự trong cung chốn thế nhân,

Này đó, Na-ra đều chức trọng,
Mỗi vua là một chúa oai hùng.
11. Trước chân vua chúa, các quân vương,
Con nhớ đừng nên chọn bước đường
Vì đó, Na-ra là rắn cả,
Những người ta đã nói, con thương.
12. Ngôi nhà con đến để xin ăn,
Khi mọi người an tọa trước bàn,
Nếu thấy tốt lành trong chỗ ấy,
Thì con ăn uống thỏa thuê lòng.
13. Khi người kia dọn bữa mời con,
Thực hiện điều này lúc uống ăn:
Đừng uống quá chừng, ăn quá độ,
Tranh xa nguồn dục lạc phàm trần.
14. Rượu chè, chuyện phiếm, bạn tà gian, Các tiệm bán buôn của thợ vàng,

Con hãy tránh xa như những kẻ Đi trên đường lộ chẳng bình an.

Trong khi người cha cứ tiếp tục nói mãi, nói mãi bên tai, chàng trai dần dần hồi tỉnh và nói:

- Thưa phụ thân, con đã chán chê cõi phàm trần rồi.

Sau đó vị cha dạy cho chàng tu tập từ tâm và các thiện pháp khác. Người con nghe theo lời cha dạy bảo, chẳng bao lâu phát khởi Thiền định trong tâm trí chàng. Và cả hai cha con không bao giờ gián đoạn Thiền định, nên được tái sinh vào cõi Phạm thiên.

*

Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt Pháp thoại, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, cô gái thô tục này là thiếu nữ kia, Tỷ-kheo thối thất là con trai vị ẩn sĩ, và Ta chính là người cha.

-ooOoo-

478. Chuyện Sứ Thần (Tiền thân Dùta)

Trầm tư trên bến nước sông Hằng..,

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên, về việc tán thán trí tuệ của Ngài.

Trong Chánh pháp đường, Tăng chúng đang bàn luận:

- Này các Tỷ kheo Hiền hữu, tài trí của đấng Thập lực thật dồi dào phương tiện thiện xảo biết bao! Ngài đã chỉ cho vương tử Nanda (em trai của Ngài) thấy cả bầy thiên nữ xong khiến vị ấy đắc Thánh quả; Ngài lại trao chiếc y cho chàng tiểu thị giả của Ngài và giáo hóa cho chàng chứng quả Thánh quả bốn Thiền chứng. Ngài chỉ đóa hoa sen cho người thợ rèn nọ khiến người ấy đạt Thánh quả. Thật Ngài đang hóa độ chúng sinh với

muôn vàn phương tiện khác nhau.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang ngồi bàn luận chuyện gì; các vị trình với Ngài, Ngài bảo:

- Đây không phải là lần đầu tiên Như Lai có đủ phương tiện thiện xảo và tài trí để biết rõ việc gì sẽ đem lại kết quả như ý đâu, mà ngày xưa Như Lai cũng đã đầy đủ tài trí.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, cả nước đó không có vàng vì vua áp bức toàn dân và lấy hết kho vàng. Vào thời ấy, Bồ-tát sinh vào một gia đình Bà-la-môn ở một làng nọ trong xứ Kàsi. Khi ngài đến tuổi khôn lớn, ngài đến Takkasilà và nói:

- Ta sẽ kiếm tiền để trả học phí cho sư phụ ta sau, bằng phương pháp xin của bố thí một cách kín đáo.

Ngài đi đến thọ giáo và khi đã hoàn thành việc học tập, ngài nói:

- Thưa sư phụ, con sẽ dùng hết năng lực tinh cần của con để đem về dâng sư phụ số tiền xứng đáng với việc sư phụ dạy bảo.

Thế là xin phép từ giã thầy dạy, ngài ra đi tất cả vùng đó để cầu bố thí.

Sau khi ngài đã kiếm được vài lạng vàng theo đúng cách chơn chánh và ngay thẳng, ngài ra về định trao tận tay thầy mình, rồi trên đường đi đã dùng thuyền vượt qua sông Hằng. Khi con thuyền tròng trành trên mặt nước, số vàng ấy rơi mất. Ngài suy nghĩ: "Xứ này thật khó kiếm vàng, nếu ta lại đi lần nữa để kiếm tiền trả thầy ta thì sẽ chậm trễ lắm, vậy nếu ta cứ ngồi tuyệt thực bên bờ sông Hằng thì sao? Dần dần cũng có lúc đức vua biết được việc ta ngồi đây, và vua sẽ phái một vài cận thần đến, nhưng ta sẽ chẳng nói gì với họ. Sau đó, chính đức vua sẽ đến và nhờ đó ta sẽ kiếm được tiền học phí trả thầy ta".

Vì vậy, ngài đắp thượng y lên mình, đặt sợi dây tế đàn ra ngoài và ngồi bên bờ sông Hằng như thể một pho tượng vàng trên vùng cát bạc. Đám đông đi ngang qua thấy ngài ngồi đó không ăn thứ gì cả, liền hỏi tại sao ngài ngồi như vậy. Nhưng ngài không nói lời nào với dân chúng cả. Hôm sau, dân làng kế cận hay tin ngài ngồi đó, cũng đến hỏi han, nhưng ngài cũng không nói gì; dân chúng thấy ngài kiệt sức như vậy thì vừa bỏ đi vừa thương xót than vãn.

Ngày thứ ba, dân từ kinh thành kéo đến, ngày thứ tư là các bậc quyền cao chức trọng trong kinh thành, ngày thứ năm là đám triều thần quanh vua, ngày thứ sáu, vua sai các đại thần đến, nhưng ngài chẳng hề nói với ai điều gì. Ngày thứ bảy, vua lo ngại đến gặp ngài và xin ngài giải thích qua vần kệ đầu:

1. Trầm tư bên bến nước sông Hằng,
Và tại sao chàng chẳng nói năng,

Để trả lời ta truyền nhắn hỏi,
Hay chàng dấu chuyện khổ đau chăng?
Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp:

- Tâu Chúa thượng, nỗi sầu của thần chỉ được thổ lộ cho người có thể vứt bỏ nó đi chứ không nói với ai khác được.

Rồi ngài ngâm bảy vần kệ:

2. Hỡi Đại vương nuôi-xứ-Kà-si!
Số ngài ví thử gặp sầu bi,
Nỗi sầu chớ lộ cho người khác,
Nếu kẻ này không có ích gì.
3. Song nếu ai san sẻ một phần

Nỗi sầu, nhờ thế lực quyền năng, Thì con người ấy đang sầu muộn Nói rõ người kia mọi ước mong.

4. Tiếng loài sơn cẩu, tiếng chim muông
Cũng rất dễ dàng được cảm thông,
Tiếng nói người đời, tuy rõ thế
Vô cùng khó hiểu, hỡi Quân vương!
5. Con người thường nghĩ: "Bạn thân mình,
Quyến thuộc bà con, bạn chí tình",
Song mối tình thân thường biến mất,
Oán thù, căm hận, lại sần sinh!
6. Người không được hỏi gặn nhiều lần,
Nói chẳng đúng thời nỗi khổ tâm,
Chắc chắn làm phiền lòng bạn hữu,
Mong mình an ổn, phải than van.
7. Tìm kiếm cơ may để nói năng,
Biết người hiền trí lại đồng lòng,
Bạn hiền tỏ nỗi ưu cùng bạn,
Ý nghĩa nằm sau tiếng dịu dàng.
8. Song, nếu trí nhân thấy rõ ràng,
Không gì giải được nỗi gian truân,
Điều gì đem nói cho người biết,
Cũng chẳng đạt thành quả ước mong,
Bậc trí một mình đành nín lặng,
E dè nhẫn nhục đến sau cùng.
Bậc Đại sĩ đã thuyết pháp như vậy qua bảy vần kệ trên để giáo hóa vua, rồi ngâm thêm bốn vần nữa để kể chuyện ngài đi kiếm tiền trả cho thầy dạy:

9. Đại vương! Thần đã phải lang thang,

Nhiều nước, kinh thành, mỗi quốc vương,
Thị trấn, thôn làng, cầu bố thí
Bởi vì học phí, quyết lòng mang.
10. Đến trước thềm ai, mọi chủ nhà,
Triều thần, đạo sĩ hoặc thương gia,
Cầu xin một ít vàng, thần được
Chừng một hay hai lạng ấy mà,
Chúa thượng, số vàng nay đã mất
Nên thần buồn bã thật sâu xa.
11. Các sứ giả không thế lực gì
Làm thần thoát khỏi nỗi sầu bi,
Thần đà cân nhắc hoài cho kỹ,
Chúa thượng! Thần không giải thích chi.
12. Song ngài, uy lực đủ, Anh quân!
Giải thoát cho thần nỗi khổ thân.
Vì xét kỹ ngài nhiều đức độ,
Thần cho ngài biết thật tinh tường.
Khi vua nghe lời cảm khái ấy, liền đáp:

- Này chàng Bà-la-môn, thôi đừng phiền muộn nữa. Vì trẫm sẽ tặng học phí cho chàng đem trả thầy giáo.

Rồi vua hoàn lại gấp đôi số vàng cũ.

Để làm sáng tỏ vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ cuối cùng:

13. Đại vương nuôi dưỡng-cả-giang-san,
Hoàn lại người kia một số vàng,
Tròn vẹn với lòng tin tưởng nhất,
Trước chàng đã có, gấp đôi lần.
*

Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Như vậy, này các Tỷ kheo, không phải chỉ bây giờ Như Lai mới đầy đủ phương tiện thiện xảo, xưa kia Như Lai cũng vẫn như vậy.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Ànanda (A-nan) là vua, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là vị giáo thọ, và Ta là chàng thanh niên kia.

-ooOoo-

479. Chuyện Cây Bồ Đề và Thánh Đế Kalinga (Tiền thân Kalinga-Bodhi)

Kha-linh, Thánh đế Chuyển Luân Vương..,

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về việc Tôn giả Ànanda cử hành lễ cúng dường cây Bồ-đề.

Trong lúc đức Như Lai đi du hành vì mục đích thâu nhận những người đủ cơ duyên để thọ giáo, dân chúng thành Xá-vệ tiến đến Kỳ Viên, tay cầm đầy vòng hoa thơm ngát, thấy không có nơi nào khác để tỏ lòng ngưỡng mộ sùng kính, liền đặt hoa bên cổng vào Hương phòng của đức Phật rồi ra đi. Việc này đã gây được niềm hoan hỷ rất lớn. Song Trưởng giả Anàthapindika (Cấp Cô Độc) nghe được chuyện ấy; khi đức Như Lai trở về, vị trưởng giả liền đến thăm Tôn giả Ànanda và nói với ngài:

- Thưa Tôn giả, tinh xá này không được cúng dường trong lúc đức Như Lai du hóa, và không có nơi nào cho dân chúng dâng hoa thơm để tỏ lòng sùng bái. Xin Tôn giả từ bi thưa với đức Như Lai về vấn đề này để Ngài cho biết xem có thể tìm được nơi nào dùng vào mục đích này chăng?

Vị Tôn giả kia sẵn sàng làm theo, liền thưa đức Phật:

- Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu loại bảo Tháp?

- Này Ànanda, có ba loại.

- Bạch Thế Tôn, đó là các loại nào?

- Bảo tháp thờ kim thân, bảo tháp thờ các vật thường dùng hay mang trên người và bảo tháp thờ các kỷ vật (ảnh tượng).

- Trong lúc Thế Tôn còn tại thế, có thể xây một bảo tháp được chăng?

- Không được, này Ànanda, không thể xây một bảo tháp thờ kim thân, loại tháp đó chỉ được xây khi nào một đức Phật diệt độ (đắc Niết bàn vô dư y). Một bảo tháp thờ kỷ vật cũng không đúng đâu vì mối liên hệ chỉ tùy thuộc vào tâm tưởng mà thôi. Còn cây Đại Bồ-đề đã được chư Phật sử dụng, nên rất đáng làm nơi chiêm bái, dù chư Phật còn tại thế hay diệt độ.

- Bạch Thế Tôn, trong thời gian Thế Tôn du hóa xa xôi, ngôi Đại Tinh xá Kỳ Viên này không có nơi nương tựa, và dân chúng không có nơi nào để có thể tỏ bày lòng quy ngưỡng. Xin Thế Tôn cho phép con trồng một hạt giống từ cây Đại Bồ-đề (ở Bồ-đề Đạo tràng) ngay trước cổng Tinh xá này được chăng?

- Dĩ nhiên nên làm như vậy lắm, này Ànanda, và nó cũng sẽ là một nơi an trú cho Ta như trước kia.

Tôn giả này nói lại chuyện ấy với trưởng giả Cấp Cô Độc, bà Visàkkà và vua Pasenadi. Sau đó, tại cổng Tinh xá Kỳ Viên, Tôn giả đào một lỗ để trồng cây Bồ-đề và nói với Đại trưởng lão Moggallàna (Mục-kiền-liên):

- Tiểu đệ muốn trồng một cây Bồ-đề trước Tinh xá Kỳ Viên, xin Tôn huynh kiếm cho tiểu đệ một quả Bồ-đề có được chăng?

Vị Trưởng lão kia rất sẵn sàng đồng ý, liền bay qua không gian đến tận vùng đất có cây Bồ-đề ấy. Ngài lấy đặt dưới tấm y một quả Bồ-đề đang rụng ra khỏi thân cây nhưng

không rớt xuống đất, và mang nó về giao cho Tôn giả Ànanda. Vị Tôn giả này báo tin cho vua xứ Kosala biết là mình sắp

trồng cây Bồ-đề. Vì thế, buổi chiều vua đến cùng một đám tùy tùng đông đảo, sau đó ông Cấp Cô Độc và bà Visàkkà cũng đến cùng một đám người mộ đạo nữa.

Ở chỗ cây Bồ-đề sắp được trồng, Tôn giả Ànanda đặt một chiếc bình vàng, dưới đáy có lỗ, đựng đầy đất tắm nước hương thơm ngát. Tôn giả bảo:

- Tâu Đại vương, xin hãy trồng hạt giống Bồ-đề này.

Và Tôn giả trao hạt ấy cho vua. Song vua nghĩ rằng vương quốc này không ở trong tay mình mãi được, nên để cho ông Cấp Cô Độc trồng, liền giao hạt giống cho vị trưởng giả đại phú kia. Sau đó, ông Cấp Cô Độc xới đất thơm lên và thả hạt giống vào. Vừa lúc hạt rơi ra khỏi tay vị ấy, ngay trước mắt mọi người, vọt lên một cây Bồ-đề con, to cỡ bằng đầu lưỡi cày, cao chừng năm mươi cubit (1cubit = 45cm) tứ phía nảy ra năm cành lớn dài 50cubit, như thân cây ấy. Cây đứng sừng sững như thế quả là một chúa tể rừng xanh, một phép lạ hy hữu thần kỳ.

Vua tưới quanh thân cây những bình bằng vàng, bằng bạc, tất cả tám trăm bình đựng đầy nước tỏa hương thơm ngát, tươi đẹp với vô số hoa sen xanh. Bao giờ cũng vậy, vua ra lệnh tất cả một dãy dài bình bát đựng đầy thực phẩm và một sàng tọa làm bằng bảy báu vật, có lớp nhủ vàng rảy lên, rồi dựng một bức tường bao quanh vùng ấy, lại xây một nhà canh cổng làm bằng bảy báu vật. Vua bày tỏ lòng sùng kính đặc biệt trọng thể như vậy đối với cây Bồ-đề.

Trưởng lão Ànanda đến gần đức Như Lai và thưa với Ngài:

- Bạch đức Thế Tôn, vì lợi lạc của chúng sinh, xin Thế Tôn thị hiện ngay dưới cây Bồ-đề con vừa mới trồng này sự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác mà Thế Tôn đã thành tựu dưới gốc cây Bồ-đề trước kia.

- Này Ànanda, ông nói gì thế? Không có nơi nào khác có thể chịu đựng nổi sức mạnh của Ta nếu Ta ngồi nơi đó để chứng đắc quả vị mà Ta đã chứng đắc trong khu vực có cây đại Bồ-đề trước kia cả đâu.

Tôn giả Ànanda lại nói:

- Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn vì lợi lạc của chúng sinh mà dùng cây Bồ-đề này làm nơi nhập đại định, bao lâu mặt đất chốn này đủ sức chịu đựng sức mạnh của Thế Tôn.

Bậc Đạo sư liền sử dụng nơi mới trồng cây Bồ-đề ấy để nhập đại định suốt một đêm.

Tôn giả Ànanda liền thông báo với vua và mọi người khác, rồi gọi nó bằng tên "Hội Bồ-đề". Và cây này do Tôn giả Ànanda trồng nên được đặt tên là cây Bồ-đề của Ànanda.

Vào thời ấy, Tăng chúng bắt đầu nói đến việc trên tại Chánh pháp đường:

- Này hiền hữu, ngay khi đức Như Lai còn tại thế, Tôn giả Ànanda đã xin trồng một cây Bồ-đề và cử hành đại lễ cúng dường cây ấy. Uy lực của Tôn giả thật cao cả thay!

Bậc Đạo sư đi vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận điều gì. Các vị thưa với Ngài, Ngài bảo:

- Này các Tỷ kheo, đây không phải là lần đầu tiên Ànanda hướng dẫn hội chúng loài người trên khắp bốn châu thế giới cùng các đám tùy tùng đông đảo mang đến vô số vòng hoa thơm và mở Hội Bồ-đề trong vùng Đạo tràng quanh cây Bồ-đề kia đâu.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, trong vương quốc Kalinga tại kinh thành Dantapura, có một vị vua mệnh danh là Kalinga cai trị. Vua có hai vương tử tên là Mahà-Kalinga và Culla-Kaling. Thời ấy các nhà tiên tri đã đoán rằng vị thái tử sẽ cai trị sau khi vua cha băng hà, còn vị vương đệ sẽ trở thành nhà tu khổ hạnh, sống đời khất sĩ; tuy thế, con trai vị sau này sẽ làm một đấng Chuyển luân Thánh vương (Ràja Cakkavatti: vị vua ngự trị toàn cầu bằng Chánh pháp).

Thời gian trôi qua và khi vua cha băng hà, thái tử lên ngôi báu, còn vương đệ làm phó vương. Vị vương đệ cứ nghĩ rằng con trai mình sau này sẽ là một Chuyển luân vương, nên sinh lòng kiêu mạn về cớ đó. Vua không chịu được chuyện này, liền ra lệnh cho một vị sứ thần truy bắt Phó vương Kalinga. Vị sứ giả kia đi đến bảo:

- Tâu Điện hạ, Đại vương muốn sai bắt ngài, vậy ngài hãy lo cứu mạng mình.

Vương tử này liền chỉ cho vị sứ thần được giao trọng trách này thấy chiếc nhẫn có dấu hiệu riêng của mình, một tấm thảm thật đẹp và một cây kiếm: Có ba bảo vật tất cả. Rồi vương đệ bảo:

- Khanh phải nhận ra được vương nhi ta nhờ những tín vật này và phò vương nhi lên ngôi báu.

Cùng với những lời dặn dò này, vương tử vội trốn vào rừng. Tại đó, chàng dựng một am thất ở một nơi đẹp, vừa ý và sống như người tu khổ hạnh trên một bờ sông.

Lúc bấy giờ, trong vương quốc Madda ở kinh thành Sàgala, vua Madda vừa hạ sinh một công chúa. Về phần công chúa này, cũng như vương tử kia, các nhà tiên trí đoán rằng nàng sẽ phải làm nhà tu khổ hạnh, song con trai nàng lại sẽ thành một Chuyển luân vương. Các vị vua ở Diêm-phù-đế (Ấn Độ) nghe tin đồn ấy, liền đồng một lúc đến bao vây kinh thành.

Vua nghĩ thầm: "Nay ta gả con gái ta cho một quốc vương nào thì các vị vua kia sẽ nổi giận. Vậy ta phải cố gắng cứu mạng con gái ta".

Vì thế, vua cùng hoàng hậu và công chúa cải trang trốn vào rừng, và sau khi dựng một am thất hơi xa bờ sông, phía trên thảo am của vương tử Kalinga, họ cùng sống tại đó như người tu khổ hạnh, ăn toàn những thứ cây trái lượm hái được.

Hai vị cha mẹ muốn con gái được an ổn, nên để nàng ở lại trong am, rồi đi ra hái trái rừng. Trong lúc hai vị đi vắng, nàng lượm đủ các loại hoa kết thành vòng hoa. Bấy giờ,

trên bờ sông Hằng có một cây xoài nở hoa đẹp, tạo thành một cái thang thiên nhiên. Nàng trèo lên đó, đùa chơi và tìm cách thả vòng hoa xuống nước.

Một ngày kia, vương tử Kalinga vừa bước ra khỏi nước sau khi tắm thì vòng hoa nọ vướng lên tóc chàng.

Chàng nhìn hoa và bảo:

- Một nữ nhân nào đã kết hoa này, song đó không phải là một người đàn bà trưởng thành mà là một cô gái còn thơ dại. Ta phải kiếm nàng mới được.

Thế là chàng đâm ra si tình, đi lên phía thượng lưu sông Hằng, cho đến khi chàng nghe nàng ca hát bằng một giọng ngọt ngào trong lúc ngồi trên cây xoài. Chàng đến gần gốc cây, vừa thấy nàng liền bảo:

- Này giai nhân, nàng là loài gì thế?

- Thưa công tử, thiếp là người - Nàng đáp.

- Thế thì hãy xuống đi - Chàng bảo.

- Thưa công tử, không được, vì thuộc dòng dõi Sát-đế-ly.

- Thưa công nương, ta cũng vậy, xin nàng bước xuống.

- Thưa công tử, không được, thiếp không xuống đâu. Lời nói không làm nên một Sát-đế-ly; nếu quả thật ngài là một vị Sát-đế-ly, xin hãy kể cho thiếp nghe những điều bí mật của nghi lễ truyền thống kia.

Sau đó, hai người nói cho nhau nghe những điều bí mật truyền kỳ trong dòng họ. Rồi công chúa bước xuống và hai bên kết giao với nhau.

Khi cha mẹ nàng trở về, nàng kể cho hai vị nghe chuyện vương tử của vua Kalinga, vì sao chàng vào rừng với đầy đủ mọi chi tiết. Hai vị bằng lòng đem gả nàng cho chàng. Trong thời gian sống chung sắc cầm hòa hợp, công chúa thụ thai và sau mười tháng, hạ sinh một nam tử đầy đủ tướng mạo tốt lành, phước đức và đặt tên là Kalinga. Cậu trai lớn lên, học tập đủ mọi nghệ thuật tài năng từ thân sinh và tổ phụ chàng.

Về sau, cha chàng nhìn theo cách kết hợp của ngôi sao và biết được vương huynh đã băng hà. Vì thế, ông gọi con trai vào và bảo:

- Này con, con không nên phí cuộc đời trong rừng già buồn tẻ, vì vương huynh ta, Đại vương Kalinga ấy đã qua đời. Vậy con phải về Dantapura và kế vị vương quyền của dòng họ ta.

Sau đó, người cha trao cho con các vật mang theo mình: chiếc nhẫn có tín hiệu, tấm thảm và thanh kiếm rồi bảo:

- Này con, trong kinh thành Dantapura ở phía kia có một vị đại thần vốn là bề tôi thân tín của cha. Con hãy đến nhà vị ấy, đi thẳng vào phòng riêng, đưa cho ông thấy ba vật này, rồi nói cho ông biết con là con của ta. Ông sẽ đưa con lên ngai vàng.

Chàng trai giã từ cha mẹ và ông bà, và nhờ thần lực công đức của chàng, chàng bay qua không gian, xuống nhà vị đại thần nọ, đi thẳng vào phòng riêng của vị ấy.

- Công tử là ai? Vị quan hỏi.

Chàng đáp:

- Ta là con trai của Tiểu vương Kalinga

Rồi chàng rút ba tín vật ấy ra. Vị quan liền báo tin cho cả hoàng cung, các triều thần liền trang hoàng kinh thành và giương chiếc lọng hoàng gia lên đầu chàng. Sau đó vị Tế sư của triều đình tên là Kàlinga - Bhàvadvàja dạy chàng Mười Pháp mà một Chuyển luân Thánh vương phải thành tựu và chàng học tất cả mười phận sự ấy.

Thế rồi vào một ngày rằm, tức là ngày Trai giới, từ Cakkadaha xuất hiện cho vua Bánh xe báu (Bảo luân), từ dòng họ Uposatha xuất hiện Voi báu, từ giống quý tộc Valàha xuất hiện Ngựa báu, từ Veppulla xuất hiện Bảo châu, kế là Nữ vương báu cùng đám tùy tùng thị nữ và vương tử báu dần dần xuất hiện.

Sau đó vua thống trị toàn cõi địa cầu.

Một ngày kia, ngài được đám tùy tùng hộ tống suốt ba mươi sáu dặm đường, ngự trên bảo tượng toàn thắng, cao như đỉnh núi Kelàsa. Trong cảnh uy nghi lộng lẫy, ngài trở về thăm song thân chốn cũ. Nhưng khi muốn vượt qua vùng đất quanh cây đại Bồ-đề, bảo tọa vinh quang của chư Phật, nơi đã trở thành trung tâm điểm của vũ trụ, thì Voi báu không thể nào qua được: vua cứ thúc Voi mãi, song Voi vẫn không thể nào vượt qua.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ đầu:

1. Kha-linh Thánh đế, Chuyển luân vương,
Chân chánh, ngài cai trị cõi trần,
Một thuở đến Bồ-đề đại thọ,
Trên mình Voi báu đại oai thần.
Do đó, vị Tế sư của triều đình cùng du hành với vua thầm nghĩ: "Trên không gian chẳng có gì cản trở cả, tại sao đức vua không giục Voi qua được? Ta muốn đến xem sao". Từ trên không hạ xuống, vị này chiêm ngưỡng bảo tọa vinh quang của chư Phật, và khu vực quanh cây đại Bồ-đề.

Thời ấy, tương truyền rằng trong khoảng chừng một dặm vuông ấy không bao giờ có một ngọn cỏ mọc, dù chỉ bằng một sợi lông nhỏ, mặt đất như thể cát mịn, bốn bề là thảo mộc, cát đẳng và đại thọ chẳng khác nào chúa tể sơn lâm sừng sững như đang chiêm ngưỡng, đầu quay mặt về hướng bảo tọa Bồ-đề. Khi vị Bà-la-môn Tế sư quan sát chỗ này, lại suy nghĩ: "Đây là nơi chư Phật đã đoạn tận mọi dục tham của trần thế nên không ai có thể vượt qua được, dù cho đó chính là Sakka (Đế Thích) Thiên chủ đi nữa".

Và tiến về phía đức vua, vị Tế sư tâu với ngài các đặc tính của địa phận quanh cây Bồ-đề, cùng thỉnh cầu Thánh vương ngự xuống Voi.

Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau:

2. Vị Tế sư tâu với Thánh vương,
Là con nhà khổ hạnh hiền nhơn,
Khi ngài chuyển vận xa luân báu,
Đảnh lễ ngài xong, hướng dẫn đường:
3. "Đây các thi nhân vẫn tán dương,
Xin ngài ngự xuống, tấu Hùng vương,
Nơi đây chư Phật - đà vô thượng
Chánh Giác viên thành tỏa ánh quang.
4. Tương truyền rằng ở chốn phàm trần,
Đây chính là linh địa thánh thần,
Thảo mộc, cát đằng, cùng đại thọ
Đứng quanh trong dáng điệu tôn sùng.
5. Xuống đây, xin đảnh lễ trang nghiêm,
Vì đến miền xa tận hải biên,
Trên đại địa cầu nuôi vạn vật,
Nơi này là đất thánh thiêng liêng.
6. Đại vương đầy đủ mọi loài voi
Thuần chủng nhờ cha mẹ tốt đôi,
Ngự giá đến đây, Voi vẫn muốn,
Song không thể tiến bước gần nơi.
7. Ngự trên mình Bảo tượng thuần nòi,
Thánh ý tuy nghi, cứ thúc Voi,
Song chẳng cách nào Voi bước nữa,
Đến đây, Voi phải đứng yên thôi".
8. Vua nghe lời nói vị tiên tri,
Vừa phán truyền cho Bảo tượng đi,
Vừa thúc gậy sâu vào Bảo tượng:
"Nếu vầy, ta sẽ thấy liền khi".
9. Bị thúc, Voi kêu thét tựa kèn,
Như còi lanh lảnh, hạc vang rền,
Chuyển rung, liền ngã vì hùng lực
Đè nặng sườn, không thể đứng lên.

Vì cứ bị đức vua thúc mãi, Voi không thể nào chịu được cơn đau đớn, nên phải chết ngay. Song đức vua không biết là Voi đã chết, cứ điềm nhiên ngự trên lưng Voi. Một lát sau, Tế sư Kalinga-Bhàradvàja nói:

- Tâu Thánh thượng, Vương tượng đã chết rồi, xin Thánh thượng ngự qua Voi khác.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ mười để giải thích việc này:

10. Quốc sư lo sợ lúc nhìn Voi
Đã chết, lòng kinh động thốt lời:
"Xin tìm voi khác, tâu Hoàng thượng,
Bảo tượng ngài nay bỏ mạng rồi".
Nhờ công đức và thần lực của vị Thánh vương, một con Voi khác thuộc chủng loại Uposatha xuất hiện trước đức vua và đưa lưng ra mời. Vua ngự trên lưng nó. Lúc ấy thi thể vương tượng kia liền ngã xuống đất.

Bậc Đại sư ngâm vần kệ để giải thích việc này:

11. Vua hãi kinh nghe tấu việc này,
Ngự lên Voi khác, bỗng liền ngay,
Thi hài Bảo tượng kia nhào xuống,
Lời thật tiên tri đã hiển bày.
Lập tức vua ngự xuống từ trên không gian, và chiêm ngưỡng vùng đất quanh cây Bồ-đề. Trước việc thần kỳ kia vừa thị hiện xong, đức vua tán thán vị tế sư Bhàradvàja qua vần kệ:

12. Thế này, với vị Tế sư mình,
Đại đế Kha-linh bảo: "Thực tình
Mọi việc khanh am tường thấu suốt,
Hiền khanh thấy tất cả duyên sinh".
Bấy giờ, vị Bà-la-môn kia không muốn nhận lời tán thán trên, mà vẫn giữ nguyên vị trí khiêm tốn của mình, ông tán thán công đức chư Phật và ca tụng các Ngài hết lời.

Bậc Đạo sư lại ngâm kệ để giải thích vấn đề:

13. Quốc sư từ chối sự tuyên dương
Và tấu như vầy với Thánh vương:
" Thần chỉ biết điềm vùng tướng triệu,
Còn chư Phật giác ngộ hoàn toàn.
14. Phật-đà tri kiến đạt toàn chân,
Điềm triệu, các Ngài chẳng chú tâm,
Chư Phật toàn tri nhờ tuệ quán,
Thần là học giả chẳng uyên thâm.
Vua nghe nói về công đức của chư Phật, nên lòng đầy hoan hỷ, liền ban lệnh cho mọi người trần thế đem thật nhiều vòng hoa thơm đến cúng dường vùng đất quanh linh thọ Bồ-đề suốt bảy ngày đêm liền.

Bậc Đạo sư ngâm đôi vần kệ để giải thích việc này:

15. Thánh thọ Bồ-đề, chúa cúng dường,
Với bao âm nhạc thật du dương,
Các vòng hoa đẹp thơm ngào ngạt,
Ngài lại xây quanh một bức tường.

16. Thế rồi Thánh đế ngự ra về,
Mang đến hoa đầy sáu vạn xe,
Làm lễ cúng dường, vì Đại đế
Kha-linh sùng Thánh địa Bồ-đề.

Sau khi đã làm lễ cúng dường trọng thể Đại thọ Bồ-tát như trên, đức vua thăm song thân, rồi rước hai vị về thành Dantapura sống cùng ngài. Tại đấy ngài chuyên bố thí và làm các phận sự khác, cho đến khi mạng chung ngài được tái sinh vào cõi Trời Ba mươi ba.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại trên, bậc Đạo sư bảo:

- Này các Tỷ kheo, đây không phải là lần đầu tiên Ànanda làm lễ cúng dường cây Bồ-đề, mà ngày xưa cũng vậy.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Ànanda là vua Kalinga, và Ta chính là vị quốc sư Kalinga - Bhàradvàja.

-ooOoo-

Chương XIII (tt)

480. Chuyện Hiền Giả Akitta (Tiền thân Akitta)

Sak-ka, Chúa tể giữa quần sinh..,

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về một đại thí chủ rất rộng lượng sống ở Xá-vệ.

Chuyện kể rằng người này mời bậc Đạo sư đến nhà và suốt bảy ngày đã cúng dường rất nhiều thí vật cho Tăng chúng đi theo Ngài. Vào ngày cuối cùng lại cúng dường Thánh chúng đủ các vật dụng cần thiết, sau đó bậc Đại sư nói lời tùy hỷ với ông:

- Này nam cư sĩ, công đức bố thí của ông thật là rộng lớn, ông đã thực hành một việc khó lắm thay. Bố thí là tục lệ của các bậc hiền trí ngày xưa, thí vật phải được phân phát dù người còn tại gia hay xuất gia, các bậc trí giả ngày xưa, ngay khi đã rời thế tục vào ở trong rừng, khi chỉ ăn lá Kara rảy nước mà không có thứ gia vị nào cả cũng vẫn đem cho đám khất thực đi qua đó để đáp ứng nhu cầu của các vị ấy và vẫn an trú trong hỷ lạc của bản thân mình.

Gia chủ kia đáp:

- Bạch Thế Tôn, việc cúng dường mọi vật dụng cần thiết ấy cho Tăng chúng thật rõ ràng dễ hiểu. Song lời dạy của Thế Tôn chưa được rõ. Xin Thế Tôn giải thích cho chúng con.

Rồi theo lời thỉnh cầu trên, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh trong một gia đình đại phú Bà-la-môn, có tài sản lên tới tám trăm triệu. Ngài được đặt tên là Akitti. Khi ngài vừa biết đi, thì một bé gái lại ra đời với tên Yavasati.

Lúc mười sáu tuổi, bậc Đại sĩ đi vào thành Ba-la-nại học tập cho đến lúc thành đạt rồi ra về. Sau đó cha mẹ ngài qua đời. Khi ngài cử hành tang lễ cho song thân đã khuất xong, ngài xem xét lại kho tàng của gia tộc. Danh mục ghi rõ: "Các vị này, vị kia đã tích trữ những tài sản lớn như vậy rồi qua đời, kế đến là các vị khác cũng tích trữ nhiều như vậy.." Nghe chuyện này, ngài phiền muộn trong trí và nghĩ thầm: "Kho báu này ai cũng thấy cả, song những vị tích trữ tài sản thì không còn nữa. Các vị đã ra đi để lại kho báu đằng sau mình, nhưng khi ta từ trần, ta muốn đem theo bảo vật". Vì vậy, ngài cho tìm em gái đến và bảo:

- Hiền muội, hãy trông nom kho báu này.

- Ý hiền huynh là thế nào?

Ngài đáp:

- Ta muốn làm người tu khổ hạnh.

Nàng đáp:

- Này hiền huynh, tiểu muội không muốn đội lên đầu những thứ mà hiền huynh đã nhổ ra khỏi miệng, tiểu muội chẳng muốn thứ gì cả, mà cũng muốn sống đời khổ hạnh thôi.

Rồi sau khi xin phép vua, ngài bảo đánh trống vang dội khắp kinh thành, bố cáo cho mọi người rõ:

- Toàn dân lắng nghe này: "Ai muốn có tiền bạc cứ đến nhà hiền nhân kia!".

Suốt bảy ngày, ngài phân phát những kho tài sản lớn, tuy thế kho báu vẫn chưa hết, ngài lại nghĩ thầm: "Tứ đại trong thân ta đang tan rã, ta còn muốn cái trò phân phát tài sản này nữa sao? Thôi, ai muốn lấy cứ lấy đi".

Thế là ngài từ giã ngôi nhà đầy châu báu, giữa các gia nhân thân quyến khóc lóc xung quanh, ngài cùng em gái ra đi. Và cái cổng thành Ba-la-nại nơi các ngài đi qua được gọi là cổng Akitta, còn bến đò các ngài bước xuống bến sông cũng được đặt tên là bến đò Akitta nữa.

Các ngài băng qua ba dặm đường, đến một nơi mát mẻ dễ chịu thì dựng lên một am lá và cùng em gái ngài sống như người tu khổ hạnh. Sau thời gian từ bỏ thế tục, nhiều người khác cũng làm như vậy, dân ở thôn quê, thị trấn, hoặc ở kinh thành, đầy đủ cả. Hội chúng thật đông đảo, các vị ấy nhận được nhiều vật cúng dường cùng sự tôn trọng sùng kính chẳng khác nào thời có một đức Phật xuất hiện ở đời. Lúc ấy bậc Đại sĩ thầm nghĩ: "Ở đây thật nhiều vinh quang trọng vọng cùng với vô số thí vật và hội chúng đông đảo, song ta phải độc cư".

Vì thế, vào một lúc không ai ngờ được và cũng không báo trước cho cô em gái, ngài ra đi một mình, dần dần đến tận vương quốc Damila ở bờ biển bắc Tích lan sống trên một hoa viên sát trên vùng Kàvìrapattana, ngài tu tập Thiền định và Thắng trí. Tại đó ngài cũng nhận được sự ngưỡng mộ và vô số thí vật của dân. Điều ấy không thích hợp với ngài, ngài liền từ bỏ hết và phi hành qua không gian rồi đến tận đảo của Rắn Rồng (Nàga) gần Bắc Tích Lan. Vào thời ấy, Kàradìpa được gọi là Ahidìpa hay đảo Rắn Rồng. Tại đó, ngài xây một ẩn am cạnh một cây Kàra lớn và an trú. Song việc ngài ở đó không ai hay biết cả.

Lúc bấy giờ, em gái ngài đi tìm anh, dần dần đến tận vương quốc Damila, vẫn không gặp ngài, nàng lại ở ngay chính nơi ngài đã ở, song nàng không thể phát khởi Thiền định.

Còn bậc Đại sĩ sống thiểu dục đến độ ngài không đi đâu cả, mà cứ vào mùa có trái cây chín, ngài chỉ sống bằng trái cây đó, còn vào mùa lá trổ bông thì ngài ăn lá đó luộc với ít nước lã. Nhờ ngọn lửa công đức của ngài mà chiếc ngai báu bằng cẩm thạch của Sakka (Đế Thích) Thiên chủ nóng rực lên. Thiên chủ nghĩ: "Ai đã khiến ta phải bước xuống khỏi chiếc ngai ta đang ngự?" và ngài nhận xét và thấy bậc hiền nhân này, ngài nghĩ thầm: "Tại cớ gì vị tu khổ hạnh đằng kia hộ trì côngđức? Có phải vị ấy muốn lên ngôi Thiên chủ chăng? Hay vì một duyên cớ nào khác? Ta muốn thử vị ấy xem. Vị ấy sống rất khổ cực, chỉ ăn lá Kàra luộc với nước thôi: Nếu vị đó ước muốn làm Thiên chủ, vị ấy sẽ nhường cho ta mớ lá cây luộc với nước của mình, còn nếu không thì vị ấy sẽ không đưa". Sau đó, Thiên chủ giả dạng một Bà-la-môn, đến gặp Bồ-tát.

Bồ-tát đang ngồi ở cửa thảo am, sau khi luộc lá và đem xuống, ngài nghĩ: "Khi nào nguội ta sẽ ăn". Vào lúc ấy, Sakka Thiên chủ đứng trước mặt ngài và xin bố thí. Khi Bồ-tát nhìn thấy Thiên chủ, lòng rất hoan hỷ: "Thật là một niềm hạnh phúc cho ta - Ngài nghĩ thầm - ta thấy một vị khất thực, hôm nay ta sẽ đạt được tâm nguyện và ta sẽ bố thí".

Lúc món ăn đã sẵn sàng, ngài liền múc vào bát ngài và vừa tiến về phía Thiên chủ, vừa nói:

- Đây là vật cúng dường của ta, ước mong rằng đây là phương tiện để ta đạt Chánh Giác tối thượng.

Rồi chẳng để lại chút gì cho mình, ngài đặt hết thức ăn vào bình bát của Thiên chủ. Vị Bà-la-môn này cầm lấy vừa đi một khoảng ngắn thì biến mất. Còn bậc Đại sĩ, sau khi cúng dường, cũng không nấu thêm thứ gì nữa, mà cứ ngồi an tịnh trong niềm hỷ lạc. Hôm sau, ngài cũng luộc lá và ngồi trước cửa am như cũ. Thiên chủ Sakka lại đến giả dạng một Bà-la-môn và bậc Đại sĩ cũng bố thí rồi tiếp tục an trú vào hỷ lạc. Vào ngày thứ ba, ngài lại bố thí như trước, và bảo:

- Ngài hãy xem phần phước lạc dành cho ta nhiều biết bao! Chỉ một ít lá Kàra đã mang lại côngđức lớn cho ta rồi.

Trong niềm hỷ lạc phát xuất tận đáy lòng như vậy, ngài thấy yếu người vì thiếu ăn đã ba ngày, ngài liền ra khỏi am đúng lúc ngọ và ngồi trước cửa, suy nghĩ về tặng vật ngài đã đem cúng dường.

Còn Sakka Thiên chủ nghĩ thầm: "Vị đạo sĩ Bà-la-môn này đã nhịn ăn đã ba ngày, yếu ớt thế kia song vẫn nhường cho ta và tìm an lạc trong việc bố thí. Trong tư tưởng vị này không còn ý định nào khác. Ta không hiểu vị ấy ao ước điều gì và tại sao lại bố thí như vậy, nên ta phải hỏi để hiểu vị ấy muốn gì và biết được nguyên nhân việc bố thí trên".

Vì thế, Thiên chủ chờ đợi đến quá giờ ngọ, và trong vẻ huy hoàng oai nghi tột bực, ngài xuất hiện trước mặt bậc Đại sĩ, sáng chói như mặt trời ban mai; vừa đứng trước bậc Đại sĩ, Thiên chủ hỏi:

- Này Đạo sĩ, tại sao ngài hành trì khổ hạnh, trong rừng này, xung quanh là biển mặn bao bọc, với những cơn gió nóng hừng hực đang hắt mạnh vào người?

*

Thiên chủ ngâm vần kệ đầu để giải thích vấn đề này:

1. Sak-ka, Chúa tể của quần sinh,
Trông thấy A-ki đáng kính danh,
Liền hỏi: "Tại sao, này Đại sĩ,
Trú đây trời hực nắng vàng hanh?"
*

Khi bậc Đại sĩ nghe vậy, và thấy vị đó chính là Sakka, ngài đáp:

- Ta không ước ao đạt đến những cảnh giới trên kia, mà chỉ ao ước chứng đắc Chánh Giác tối thượng nên ta đã sống đời khổ hạnh ở đây.

Ngài ngâm vần kệ thứ hai để làm sáng tỏ điều này:

2. Thân hoại, tái sinh, tử biệt trần,
Mê lầm, tất cả chính đau buồn,
Sak-ka Thiên chủ, nay vì vậy
Ta vẫn trú đây được vạn an.
Nghe những lời này, Sakka Thiên chủ hoan hỷ trong lòng và thầm nghĩ: "Vị ấy không ham thích bất cứ sinh loại hữu tình nào và vì muốn chứng đắc Niết bàn nên vào an trú trong rừng. Ta muốn ban cho vị ấy một điều ước". Thế là Thiên chủ mời ngài chọn một điều ước qua lời kệ thứ ba:

3. Kas-sa-pa, khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây lời ước nguyện
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
Bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ tư nói lên điều ngài ước mong:

4. Thiên chủ Sakka của chúng sinh,

Ban cho ta hưởng một ân lành;
Vợ con, vàng bạc, cùng kho lúa,
Dù có dư, ta vẫn bất bình;
Ta ước những điều tham dục ấy
Chẳng còn trú ẩn ở tâm mình.
Lúc ấy Sakka Thiên chủ vô cùng hoan hỷ, ban cho ngài thêm nhiều đặc ân khác nữa và bậc Đại sĩ nhận lãnh, mỗi vị lần lượt ngâm một vần kệ như sau:

Thiên chủ:

5. Kas-sa-pa, khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn, giờ đây, điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
Bồ-tát:

6. Chúa tể muôn loài chính là Sak-ka,
Ân lành, ngài muốn tặng cho ta:
Ruộng, vàng, của cải, tôi đòi, ngựa,
Trâu, chó, ngay sau phải chết già.
Ta ước sẽ không còn giống chúng.
Ta mong nhược điểm ấy rời ta.
Thiên chủ:

7. Kas-sa-pa, khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn, giờ đây, điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
Bồ-tát:

8. Sak-ka, Thiên chủ ngự trên trần,
Ban tặng cho ta một đặc ân:
Ước chẳng nghe, nhìn người độn trí,
Kẻ kia chẳng sống với ta cùng,
Chẳng ham trò chuyện người vô trí,
Chẳng kết bạn cùng kẻ độn căn!
Thiên chủ:

9. Kẻ ấy làm gì, Kas-sa-pa, Cho ngài, xin hãy nói ngay ra,

Tại sao bầu bạn người vô trí Ngài chẳng ưa, này, hãy bảo ta.

Bồ-tát:

10. Hành động người ngu thật bạo tàn,
Buộc ràng gánh nặng chẳng ai mang,

Thực hành ác nghiệp: đích mong muốn,
Nổi giận khi nghe nói thật chân,
Nó chẳng biết gì là chánh hạnh,
Nên ta không muốn kẻ ngu gần.
Thiên chủ:

11. Kas-sa-pa, khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn, giờ đây, điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
12. Sak-ka, Thiên chủ của quần sinh,
Ban tặng cho ta một phước lành:
Ta ước nghe nhìn người có trí,
Ước mong vị ấy ở cùng mình.
Ta mong đàm luận cùng người trí,
Được kết giao cùng bậc trí minh.
13. Bậc trí làm gì, Kas-sa-pa,
Cho ngài, xin hãy nói ngay ra,
Sao ngài ao ước nơi ngài ở,
Người trí cùng chung sống một nhà?
14. Hành động tốt lành, bậc trí nhân
Chẳng ràng buộc gánh khổ vào thân,
Chuyên tâm, bậc trí làm ân phước,
Chẳng giận khi nghe nói thật chân,
Thông hiểu chánh hành, và bởi vậy,
Lành thay bậc trí sống chung cùng.
15. Kas-sa-pa, khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn, giờ đây, điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
Bồ-tát:

16. Sak-ka, Thiên chủ của quần sinh,
Ban tặng cho ta một phước lành:
Mong giải thoát ngoài vòng ái dục,
Và khi vầng nhật chiếu bình minh,
Mong chư Thánh giả du hành đến,
Đem thực phẩm thiên giới tặng mình.
17. Mong tặng nó không giảm sút dần,
Ta không hối tiếc việc ta làm,
Mong lòng hoan hỷ lúc phân phát,

Ta chọn ước kia để hưởng phần.
Thiên chủ:

18. Kas-sa-pa, khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn, giờ đây, điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
Bồ-tát:

19. Sak-ka, Thiên chủ của quần sinh,
Ngài đã ban ta một phước lành:
Thiên chủ, xin đừng thăm viếng nữa,
Điều này khao khát tự tim mình.
Thiên chủ:

20. Song các nam nhân, các nữ nhân,
Những người đang sống thật hiền lương,
Đều ước ao cùng ta diện kiến,
Việc này có tác hại gì chăng?
Bồ-tát:

21. Dung mạo ngài muôn vẻ thiện toàn,
Vô cùng hoan hỷ, đại vinh quang,
Thấy ngài, xao lãng điều tâm nguyện,
Nguy hại là trông thấy Ngọc hoàng!
- Thôi được rồi, thưa Tôn giả - Thiên chủ đáp - Ta quyết sẽ chẳng bao giờ viếng thăm ngài nữa.

Và vừa đảnh lễ ngài, vừa xin ngài thứ lỗi, Thiên chủ ra đi. Từ đó, bậc Đại sĩ an trú tại nơi ấy suốt đời, tu tập Tứ Vô lượng tâm (từ,bi,hỷ,xả) và được sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Ànanda (A-nan) là Thiên chủ Sakka (Đế Thích) và Ta chính là Hiền giả Àkitti.

-ooOoo-

481. Chuyện Hiền Giả Takkàriya (Tiền thân Takkàriya)

Ta nói điên cuồng tựa ễnh ương..,

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Tỷ-kheo Kokàlika.

Trong một thời an cư về mùa mưa, hai vị Đại đệ tử Sàriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallàna (Mục- kiền-liên) muốn rời hội chúng và sống độc cư, nên từ giã bậc Đạo sư, đi vào vương quốc, nơi có Tỷ-kheo Kokàlika trú ngụ. Các vị đến nhà Tỷ kheo Kokàlika

và nói với ông như vầy:

- Này Hiền hữu Kokàlika, vì chúng ta thích sống với Hiền hữu và Hiền hữu cũng thích sống với chúng ta, nên chúng ta muốn ở lại đây ba tháng.

Vị kia hỏi:

- Các Tôn giả hoan hỷ khi an trú với tiểu đệ theo cách nào?

Hai vị đáp:

- Nếu Hiền hữu không nói với ai rằng hai Đại đệ tử đang ở đây, thì chúng ta sẽ rất hoan hỷ, đó là niềm an lạc của chúng ta khi sống với Hiền hữu.

- Thế còn tiểu đệ được hoan hỷ như thế nào khi sống chung với các Tôn giả?

- Chúng ta sẽ thuyết Pháp cho Hiền hữu trong ba tháng tại nhà Hiền hữu, chúng ta sẽ giảng giáo lý cho Hiền hữu và việc đó là niềm hoan lạc của Hiền hữu khi sống với chúng ta.

- Xin các Tôn giả hiền huynh hãy an trú tại đây bao lâu các Hiền huynh muốn.

Rồi ông dành một nơi cư trú an lạc cho các ngài. Các ngài an trú tại đó trong quả vị của các Thiền chứng và không ai biết về việc các ngài an trú tại nơi ấy.

Sau khi hai vị đã trải qua mùa mưa như vậy, hai vị bảo ông:

- Này Hiền hữu, nay chúng ta đã ở với Hiền hữu xong, chúng ta muốn trở lại với bậc Đạo sư.

Và hai vị từ giã lên đường. Ông chấp thuận, cùng với hai vị trên đường đi khất thực vào một làng đối diện nơi đã ở. Sau buổi cơm, các vị Tỷ-kheo Trưởng lão rời làng ấy. Còn Tỷ-kheo Kokàlika từ giã các vị xong, trở về nói với dân chúng:

- Này các cư sĩ, các ông thật giống loài thú hoang sơ. Đây là hai vị Đại đệ tử của đức Phật đã an cư suốt ba tháng trong một tinh xá đối diện nơi này, thế mà các ông không hay biết gì cả, nay các ngài đã đi rồi.

- Thưa Tôn giả, tại sao ngài không nói cho chúng tôi gì cả? Dân chúng hỏi.

Rồi họ đem bơ tươi, và thuốc men, y phục đến gần các vị Trưởng lão, kính lễ các vị và nói:

- Bạch các Tôn giả, xin các Tôn giả tha thứ cho chúng con. Chúng con không biết các ngài là Đại đệ tử, chúng con chỉ mới biết điều ấy do lời của Tôn giả Tỷ-kheo Kokàlika. Xin các ngài từ bi đối với chúng con và nhận các thuốc men, y phục này.

Kokàlika cùng dân chúng đi theo các Trưởng lão vì ông suy nghĩ: "Các Tôn giả này sống rất đạm bạc và thiểu dục; các ngài sẽ không nhận các vật dụng này và rồi sẽ đem chúng cho ta". Nhưng hai vị Trưởng lão không nhận các vật dụng ấy cho phần mình, cũng không cho Tỷ-kheo Kokàlika, lý do là các vật ấy được cúng dường theo lời xúi giục của một Tỷ-kheo.

Lúc ấy, các cư sĩ liền nói:

- Bạch các Tôn giả, nếu các ngài không nhận các món này, xin đến đây lần nữa để ban phước cho chúng con.

Hai Trưởng lão chấp thuận hứa lời xong, rồi đi về yết kiến bậc Đạo sư.

Lúc bấy giờ Tỷ-kheo Kokàlika tức giận vì hai Trưởng lão không nhận vật cúng dường cho phần mình mà cũng không đem cho vị này. Còn hai vị Trưởng lão, sau khi ở lại một thời gian ngắn với bậc Đạo sư, liền chọn năm trăm Tỷ-kheo làm đoàn tùy tùng cho mỗi vị, rồi cùng cả ngàn Tỷ-kheo này du hóa khất thực đến tận xứ sở của Tỷ-kheo Kokàlika.

Các cư sĩ ra đường đón Tăng chúng và dẫn họ đến tinh xá trước kia, cùng bày tỏ lòng ngưỡng mộ hàng ngày đối với các vị.

Dân chúng cúng dường Tăng chúng cả kho lớn y phục và thuốc men. Các Tỷ-kheo đi khất thực cùng hai vị Trưởng lão phân phát y phục cho tất cả các Tỷ kheo đã đến đây, song không chia cho Kokàlika cái nào cả, và hai vị Trưởng lão cũng không cho ông chút gì. Kokàlika không nhận được y phục nên bắt đầu phỉ báng mạ lỵ hai vị Trưởng lão:

- Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thật tràn đầy ác dục, trước kia đã không nhận các lễ vật cúng dường, nhưng nay lại nhận hết. Chẳng có gì làm thỏa mãn hai vị này cả. Các vị không thương tưởng đến kẻ khác.

Nhưng hai vị Trưởng lão nhận thấy ông đang nuôi ác tâm đối với mình nên các vị cùng đám đồ chúng ra đi, các vị cũng không muốn trở lại dù dân chúng van nài các vị hãy ở lại thêm vài ngày nữa. Lúc ấy, một vị Tỷ-kheo trẻ hỏi:

- Hai vị Trưởng lão sẽ không ở lại đâu, này các cư sĩ. Vị Tỷ-kheo khó tính của các ông không muốn các ngài ở lại đây.

Sau đó, dân chúng đi đến gặp Tỷ-kheo Kokàlika và hỏi:

- Thưa Tôn giả, chúng con được nghe nói Tôn giả không muốn hai vị Trưởng lão ở lại đây. Xin hãy đi ngay, hoặc là khuyên giải các ngài và đưa các ngài trở lại đây hoặc là Tôn giả cũng đi tìm chỗ khác mà ở.

Vì sợ dân chúng, vị này đi thỉnh cầu các Trưởng lão. Các vị đáp:

- Này Hiền hữu, hãy đi về! Chúng ta không trở lại đâu.

Thế là ông không thể thuyết phục hai vị, phải trở về tinh xá. Sau đó, các cư sĩ hỏi ông các Trưởng lão có trở lại nữa không. Ông đáp:

- Ta không thể thuyết phục các ngài trở lại được.

- Tại sao không, thưa Tôn giả?

Và họ bắt đầu suy nghĩ chắc hẳn không có thiện Tỷ-kheo nào muốn ở đó nữa, vì người này sống theo tà hạnh; và họ phải tống xuất ông đi. Họ liền bảo:

- Thưa Tôn giả, xin đừng lại ở đây, chúng con chẳng cung cấp gì cho Tôn giả nữa đâu.

Bị hội chúng làm ô nhục như vậy, vị ấy cầm bình bát, đắp y và đi đến Kỳ Viên. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư, ông nói:

- Bạch Thế Tôn, các Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên tràn đầy ác dục, hai vị đang có ác dục chế ngự.

Bậc Đạo sư đáp:

- Này Kokàlika, đừng nói vậy; này Kokàlika, ông hãy có từ tâm đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền- liên, phải biết rằng đó là các thiện Tỷ-kheo.

Kokàlika nói:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn tin tưởng hai vị Đại đệ tử của Thế Tôn, còn con thấy tận mắt hai vịđang có ác dục, hai vị có những việc riêng tư trong lòng, hai vị ấy là các ác nhân.

Người ấy nói như vậy ba lần (mặc dù bậc Đạo sư đã ngăn cản), rồi đứng dậy ra đi. Ngay khi đang đi trên đường, khắp thân thể ông mọc lên các mụt nhọt bằng hạt cải, sau lớn dần bằng hạt cây vilva chín muồi, vỡ ra, máu chảy khắp người. Ông rên rỉ ngã xuống bên cổng ở tinh xá Kỳ Viên, đau đớn điên cuồng. Bỗng có tiếng kêu lớn vang dội đến cõi trời Phạm thiên:

- Kokàlika đã phỉ báng hai vị Đại đệ tử.

Rồi một vị Phạm thiên tên là Tudu, biết được chuyện này, xuất hiện với ý định hòa giải các Tỷ-kheo, liền bảo trong lúc đứng vững trên không:

- Này Kokàlika, ông đã làm một việc ác, vậy hãy đi giảng hòa với hai vị Đại đệ tử.

Người ấy hỏi:

- Hiền hữu là ai thế?

- Ta là Phạm thiên Tudu. Vị thần kia đáp.

Người này lại bảo:

- Ngài đã chẳng được đức Thế Tôn tuyên bố ngài là một vị Bất Lai đó sao? Chữ ấy có nghĩa là một vị không trở lại đời này nữa. Ngài sẽ trở thành một con quỷ trên đống phân đấy.

Ông lại mạ lỵ vị Đại Phạm thiên như vậy. Vì không thể thuyết phục người ấy theo lời khuyên của mình, vị Phạm thiên đáp:

- Ông sẽ bị hành hạ theo khẩu nghiệp của ông.

Sau đó, vị Thiên thần ấy trở về cõi an lạc của ngài. Còn Kokàlika chết đi liền tái sinh vào địa ngục Hoa sen. Việc người này được tái sinh tại đó được vị Đại Phạm thiên chủ đầy oai thần Sahampati (Ta-bà chủ) trình đức Như Lai và bậc Đạo sư kể lại cho các Tỷ-kheo. Trong Chánh pháp đường, Tăng chúng bàn luận về ác tâm của các người ấy:

- Này Hiền hữu, Kokàlika đã phỉ báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên và vì lời nói phát xuất từ chính miệng kia mà vị ấy đã đọa xuống Địa ngục Liên Hoa.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi:

- Này các Tỷ-kheo, các ông đang nói chuyện gì trong lúc ngồi đây?

Tăng chúng trình Ngài. Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Kokàlika bị hủy hoại vì chính khẩu nghiệp và bởi chính do miệng mình nên phải đày đọa khổ sở, mà trước kia cũng vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vị Tế sư của vua có màu da ngăm ngăm đen và mất hết cả hàm răng. Bà vợ của ông thông gian với một vị Bà-la-môn khác. Vị sau này cũng giống như vị trước. Nhiều lần vị Tế sư cố tìm cách ngăn cản vợ mình, nhưng không thể được. Rồi ông suy nghĩ: "Đấy là kẻ thù của ta, ta không thể chính tay giết được, mà ta phải lập mưu kế giết nó đi".

Thế là ông đến yết kiến vua và tâu:

- Tâu Đại vương, kinh thành của Đại vương là kinh thành trọng yếu nhất trong toàn cõi Diêm-phù- đề, Đại vương là vị vua cao trọng bậc nhất, nhưng dù Đại vương là vị vua thủ lãnh, hoàng môn phía nam của Đại vương lại có điềm xấu, nó được xây theo kiểu xui xẻo.

- Được rồi, này quốc sư, ta phải làm gì?

- Xin Đại vương đem may mắn cho nó và chỉnh trang nó.

- Vậy phải làm gì đây?

- Ta phải hạ cổng cũ xuống, lấy loại gỗ mới có dấu hiệu may mắn, lập tế đàn cúng các vị thần canh giữ hoàng thành rồi xây hoàng môn theo cách kết hợp tốt lành của các vì sao.

- Thế khanh hãy làm như vậy.

Vào thời ấy, Bồ-tát là một trang nam tử tên là Takkàriya đang học tập với Tế sư này.

Bấy giờ, vị Tế sư ra lệnh hạ cổng thành cũ xuống làm cổng mới cho sẵn sàng, khi đã xong xuôi, ông vào tâu trình vua:

- Tâu Chúa thượng, cổng thành đã xong, ngày mai lại có sự kết hợp tốt lành của các tinh tú; vậy trước khi ngày mai trôi qua hết, ta phải làm tế lễ và dựng cổng thành mới.

- Được rồi, này quốc sư, phải cần tế lễ như thế nào?

- Tâu Chúa thượng, đại hoàng môn đang được các đại thần linh chiếm cứ và bảo vệ. Vậy phải giết một Bà-la-môn có da ngăm ngăm đen và không có răng, thuần chủng cả hai bên cha mẹ, lấy máu thịt vị đó đem ra tế lễ, thân thể đặt phía dưới, và cổng dựng lên trên đó. Vị ấy sẽ đem lại vận may cho Chúa thượng cùng cả kinh thành này.

- Được lắm, này quốc sư, hãy tìm một Bà-la-môn như vậy mà giết đi rồi dựng hoàng môn lên trênđó.

Vị Tế sư rất hoan hỷ. Ông bảo:

- Ngày mai ta sẽ trừ khử được kẻ thù của ta rồi!

Lòng đầy hăng hái, ông trở về nhà, nhưng không thể giữ yên cái lưỡi được, liền nói ngay với vợ:

- Này mụ già xấu xí kia, rồi mụ sẽ còn ai để hú hí nữa chứ? Ngày mai ta sẽ giết tình lang của mụ và đem tế lễ đấy!

- Tại sao ông muốn giết người vô tội?

- Đức vua ra lệnh cho ta giết một người Bà-la-môn ngăm ngăm đen và dựng cổng thành lên người đó. Còn tình lang của mụ cũng ngăm ngăm đen nên ta định giết nó để tế lễ.

Bà vợ liền gởi cho tình quân một lá thư nhắn nhủ: "Chúng bảo đức vua muốn giết một Bà-la-môn da ngăm ngăm đen để tế lễ; vậy nếu chàng muốn cứu lấy mạng mình xin hãy lo đào tẩu kịp thời, đem theo cả những người nào giống như chàng nữa".

Người kia làm theo như vậy, tin đó lan khắp kinh thành, và mọi người nào có màu da đen đều tẩu thoát cả.

Vị tế sư không hề biết gì về việc kẻ thù đã chạy trốn, sáng hôm sau vào yết kiến vua thật sớm và tâu:

- Tâu Chúa thượng, trong chỗ kia có một Bà-la-môn da ngăm ngăm đen, xin cho bắt nó lại.

Vua bảo vài người đến tìm kẻ đó, nhưng họ chẳng thấy ai cả, liền trở về thông báo cho vua rằng kẻ ấy đã trốn thoát rồi, vua phán:

- Vậy hãy tìm nơi khác.

Họ lục soát khắp kinh thành nhưng chẳng tìm được ai. Vua phán:

- Phải kiếm thật nhanh lên.

Họ đáp:

- Tâu Chúa thượng, ngoại trừ vị quốc sư, chẳng còn ai khác nữa.

Vua phán:

- Tế sư không thể đem ra giết được.

- Tâu Chúa thượng, Chúa thượng đã phán bảo điều gì vậy? Theo lời tế sư này, nếu cổng thành không được dựng hôm nay, thì kinh thành sẽ gặp nguy hiểm. Khi vị tế sư giải thích việc này, ông ta để ngày này trôi qua, thì giờ tốt không trở lại nữa cho đến cuối năm. Kinh thành này không có cổng suốt một năm ròng là cơ hội ngàn vàng để cho kẻ thù chúng ta. Chúng ta phải giết một người nào đó, và làm tế lễ nhờ sự trợ lực của một vị Bà-la-môn hiền trí rồi dựng cổng thành.

- Nhưng có vị Bà-la-môn nào đủ tài trí như sư phụ ta chăng?

- Tâu Chúa thượng, có đồ đệ của vị ấy, một nam tử tên là Takkàriya, xin hãy phong vị ấy làm tế sư và cử hành lễ cát tường này.

Vua liền triệu vị nam tử ấy vào, ban cho chàng vinh hiển và phong chàng làm tế sư, rồi ra lệnh làm mọi sự như đã nói.

Vị nam tử ấy đi đến hoàng môn với một đám đông theo sau. Nhân danh hoàng đế, họ trói vị tế sư cũ và đem đến. Bậc Đại sĩ bảo đào một cái hố, tại nơi hoàng môn sắp được dựng lên, che một cái lều trên đó, cùng với sư phụ bước vào lều. Vị tế sư ấy nhìn cái hố, thấy không lối nào thoát, liền bảo bậc Đại sĩ:

- Mục đích của ta đã thành đạt, ta thật là một kẻ ngu si, ta đã không biết giữ mồm giữ miệng cho yên, mà lại hấp tấp nói với mụ đàn bà độc ác kia. Ta đã tự sát bằng chính binh khí của ta.

Rồi ông ngâm vần kệ đầu:

1. Ta nói điên cuồng tựa ễnh ương
Trong rừng gọi rắn: ngã nhào luôn
Vào trong hố, thật, Tak-ka hỡi,
Lời nói phi thời phải tiếc thương!
Sau đó vị nam tử đáp lời ông và ngâm vần kệ này:

2. Người nói phi thời phải diệt vong
Như vầy, than khóc với đau buồn,
Xin thầy tự trách mình nay phải
Nhận lỗ đào này, ấy hố chôn.
Cùng với lời ấy, ngài nói thêm:

- Thưa sư phụ, không phải chỉ mình sư phụ, mà nhiều người khác nữa, đã phải chịu khổ đau vì không biết phải giữ lời nói cho kỹ.

Nói vậy xong, ngài kể một chuyện quá khứ để minh chứng điều đó.

*

Chuyện kỹ nữ Kàli

Chuyện kể rằng ngày xưa tại Ba-la-nại, có một cô kỹ nữ sang trọng tên là Kàli, nàng có một người anh tên là Tundila. Trong một ngày, Kàli có thể kiếm cả ngàn đồng tiền. Bấy giờ Tundila là một gã trác táng, nghiện rượu, mê cờ bạc, hễ nàng cho gã tiền và gã có được bao nhiêu tiền đều phung phí hết. Nàng cố sức ngăn cản gã nhưng không thể được.

Một hôm gã thua bài súc sắc, phải mất ngay cả áo quần đang mặc trong mình. Gã vừa mang quanh mình một tấm khố rách vừa đi đến nhà em gái. Nhưng nàng đã ra lệnh cho các tỳ nữ rằng nếu Tundila có đến thì bọn họ không được cho gã cái gì cả mà phải

lôi cổ gã quẳng ra ngoài. Vì thế, họ đã làm đúng như vậy. Gã liền đứng lại bên thềm và kêu than.

Bấy giờ, có con trai một phú thương nọ, thường vẫn cho Kàli cả ngàn đồng tiền, hôm ấy tình cờ gặp gã, liền hỏi:

- Tại sao lại khóc lóc vậy, Tundila?

Gã đáp:

- Thưa công tử, tôi đã thua bài súc sắc, đến cầu xin em tôi, bọn nữ tỳ lại nắm lấy cổ tôi lôi ra ngoài.

- Được rồi, cứ ở lại đây, ta sẽ nói chuyện với em gái cậu.

Chàng vào nhà bảo:

- Anh của nàng đang đứng đợi kia, chỉ mặc khố rách che thân, tại sao nàng không cho anh áo quần mặc?

Nàng đáp:

- Đúng vậy, thiếp chẳng muốn cho gì cả, nếu chàng thích anh ta thì chàng cho đi.

Bấy giờ, trong ngôi nhà mang tai tiếng xấu xa kia, có tục lệ như vầy: "Cứ mỗi một ngàn đồng tiền nhận được, thì năm trăm đồng được dùng cho bọn nữ nhân, năm trăm đồng để mua sắm xiêm y, dầu thơm và vòng hoa. Bọn khách làng chơi đến đây nhận áo quần mặc vào, ở lại đêm tại đó, rồi ngày hôm sau cởi áo quần ấy ra trả, mặc quần áo của mình và ra đi. Trong dịp ấy, con trai vị phú thương mặc áo quần mà bọn họ đưa cho chàng, và đem áo quần của chàng cho Tundila. Gã ấy mặc áo quần vào, vừa la hét vừa chạy đến tửu quán.

Nhưng nàng Kàli ra lệnh cho bọn nữ tỳ rằng khi chàng trai ra về ngày hôm sau, họ phải lấy lại áo quần. Vì vậy, khi chàng bước ra, bọn họ chạy đến từ khắp nơi như bọn cướp, lột hết áo quần trên thân của chàng đến trần như nhộng, rồi bảo:

- Này công tử, ra về đi!

Họ tống khứ chàng ta như vậy. Chàng ra đi trần truồng, bị mọi người chế diễu. Chàng ta hổ thẹn than khóc:

- Đây chính là việc ta gây ra vì ta không giữ được mồm miệng!

Để làm sáng tỏ vấn đề này, bậc Đại sĩ ngâm kệ thứ ba:

3. Tại sao lại hỏi chuyện Kà-li
Cư xử thế nào với Tuấn-di?
Gặp phải tay em chàng, hãy ngắm,
Áo quần ta đã biến bay đi,
Ta đành trần trụi, như tai vạ
Xảy với thầy, sao thật quái kỳ!

*

Chuyện chim đuôi chĩa

Một người khác lại kể chuyện này: Do sự bất cẩn của người chăn dê, hai con dê đực đánh nhau trên đồng cỏ ở Ba-la-nại. Trong lúc đang hăng máu, có một chim đuôi chĩa nghĩ thầm: "Chúng sẽ vỡ đầu ra mà chết mất, ta phải ngăn cản chúng mới được!" Thế là nó cố gắng ngăn cản bằng cách kêu la:

- Chú ơi, đừng đánh nhau nữa!

Nó chẳng nghe chúng nói gì đáp lại. Ngay giữa trận đánh, nó nhảy lên lưng trước, rồi sau nhảy lên đầu, van xin chúng dừng lại nhưng chẳng được gì. Cuối cùng, nó kêu to:

- Thế thì cứ đánh nhau đi, nhưng giết tôi trước đã!

Và nó đứng chen vào giữa hai cái đầu dê. Chúng vẫn tiếp tục húc nhau văng ra xa. Con chim bị nghiền nát như thể bởi cái chày, và chịu hủy hoại do chính hành động của nó.

Để giải thích việc này, bậc Đại Sĩ ngâm vần kệ thứ tư:

4. Chim đuôi chĩa vội đến bên sườn
Hai chú dê rừng lúc đả thương,
Dù chẳng dự phần trong trận đấu,
Hai đầu dê nghiến nát như tương
Ngay liền tại chỗ, như thầy vậy,
Số phận chim kỳ quái lạ thường!
*

Chuyện cây cọ dừa

Một chuyện khác nữa: Gần một cây cọ dừa kia, bọn chăn bò cất giấu nhiều của cải. Dân chúng Ba- la-nại thấy cây đó liền cho một người leo lên cây hái quả. Trong lúc gã đang ném quả xuống thì một con rắn hổ đen bò ra từ một tổ kiến, bắt đầu leo lên cây, bọn người đứng phía dưới cố xua đuổi nó bằng gậy, đá..v.v. nhưng không được, kêu la lớn gọi người kia:

- Con rắn đang bò lên cây!

Gã ấy kinh hoảng hét lớn. Những người đứng dưới lấy tấm vải thô cầm bốn góc, bảo gã kia ngã vào tấm vải. Gã gieo mình xuống, rơi vào chính lòng tấm vải giữa bốn người kia nhanh như gió, khiến bọn người ấy không giữ gã được phải đập đầu vào nhau mà chết.

Để giải thích việc này, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ năm:

5. Bốn người muốn cứu mạng anh chàng,
Bốn góc cầm chung một tấm màn,
Bọn chúng vỡ đầu ra chết tiệt,
Như thầy, thật quái lạ kinh hoàng!

*

Chuyện con Dê cái

Đám người khác lại kể chuyện này: Một bọn ăn trộm dê sống ở Ba-la-nại, một đêm kia bắt được một con dê cái, định làm một bữa chè chén trong rừng. Để dê khỏi kêu, chúng bịt mõm mó và cột nó vào một bụi tre. Hôm sau, khi chúng đến giết con dê, chúng quên mất con dao phay.

Chúng bảo nhau:

- Này, ta hãy giết dê rồi nấu. Hãy đem con dao phay ra đây!

Nhưng chẳng ai có dao.

- Nếu không có dao thì ta không thể nào ăn thịt nó được, dù ta có giết chết nó. Thôi thả nó ra. Việc này cũng do phước phần nào đó của con dê đây!

Vì thế, chúng thả dê ra. Bấy giờ, tình cờ có người thợ tre đến trước đó lấy một bó tre, gã để quên một con dao của người đan rổ, giấu dưới đám lá, định khi trở về sẽ lấy dùng. Nhưng con dê tưởng mình đã thoát thân, nên bắt đầu vui chơi nhảy nhót dưới bụi tre, lấy chân sau đánh đá làm sao mà con dao rớt ra! Đám ăn trộm nghe tiếng dao rớt, chạy đến nơi thấy việc như vậy, vô cùng mừng rỡ, thế rồi chúng giết dê ăn thịt.

Như vậy để giải thích việc con dê đã tự giết mình bằng chính hành động của nó như thế nào, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ sáu:

6. Dê cái cột trong bụi trúc dày
Nhảy quanh, tìm thấy một dao phay,
Cổ dê, chúng cắt bằng dao ấy,
Kỳ quái, dê kia giống hệt thầy!
Sau khi kể chuyện này, ngài giải thích:

- Song còn những kẻ dè dặt trong lời nói, biết giữ gìn ngôn ngữ, thường thoát khỏi số phận chết chóc đau thương.

Rồi ngài kể một chuyện thần tiên của loài Kinnara (Khẩn-na-la: các ca thần của Sakka Thiên chủ).

*

Chuyện Đôi Ca thần

Chuyện kể rằng, một thợ săn sống ở Ba-la-nại, một bữa nọ vào vùng Tuyết Sơn bằng cách nào đó đã bắt được một cặp tiên núi, gồm một tiên nữ và lang quân của nàng, rồi đem về dâng vua. Vua chưa bao giờ thấy loài hữu tình này cả. Vua hỏi:

- Này thợ săn, chúng là loài gì?

- Tâu Chúa thượng, chúng có thể hát êm tai và nhảy múa rất đẹp mắt, không có con người nào có thể ca múa hay bằng chúng được.

Vua ban thưởng gã thợ săn ấy rất hậu hỉ, rồi ra lệnh cho đôi tiên ca múa. Song hai vị nghĩ: "Nếu chúng ta không diễn tả đầy đủ ý nghĩa bài ca, thì bài ca sẽ thất bại, hội chúng sẽ mạ lỵ và làm thương tổn chúng ta; và hơn nữa, người nào nói nhiều thường hay nói dối". Vì thế, sợ phải dối trá này kia, hai vị không múa hát dù vua nài nỉ thế nào cũng mặc. Cuối cùng, vua nổi cơn thịnh nộ và bảo: - Hãy giết bọn này đem nấu và dâng cho ta dùng.

Vua ban lệnh này qua vần kệ thứ bảy:

7. Bọn này đây chẳng phải là tiên,
Cũng chẳng nhạc thần của cõi Thiên,
Là thú do người kia dẫn đến
Vì mong kiếm một túi đầy tiền
Vậy bây hãy nấu, ta dùng tối
Một đứa, rồi mai một đứa liền!

Lúc ấy tiên nữ nghĩ thầm: "Bây giờ vua nổi giận, chắc chắn ngài sẽ giết chúng ta. Vậy đây là lúc nên nói", và lập tức nàng ngâm vần kệ:

8. Mười vạn khúc ca biểu diễn lầm
Chẳng bằng một mảy khúc kỳ âm,
Hát tồi có tội, nên tiên chúng
Chẳng dám làm, không bởi hận tâm.

Vua rất hoan hỷ vì tiên nữ, lập tức đáp vần kệ:

9. Hãy để nàng đi, bởi nói rồi,
Cho nàng thấy lại Tuyết Sơn thôi,
Song bây hãy bắt chàng kia giết,
Bảo nấu, ta dùng bữa sáng mai!

Trong lúc vị tiên kia suy nghĩ: "Nếu ta giữ yên mồm, chắc chắn vua sẽ giết ta, vậy đây là lúc phải nói". Và chàng ngâm vần kệ nữa:

10. Trâu bò trông cậy đám mây trời,
Trông cậy bò trâu, ấy mọi người,
Còn phận tôi nương nhờ Chúa thượng,
Hiền thê này lại dựa vào tôi,
Xin ngài đoán số phần chàng nọ
Trước lúc chàng quay lại núi đồi!

Khi chàng đã nói lời này xong, chàng ngâm hai vần kệ nữa, để nói rõ cho vua rằng hai vị yên lặng không phải vì không muốn tuân lệnh vua, song vì hai vị nghĩ rằng nói là sai lầm:

11. Khác người, khác cách, tấu Minh quân,
Tránh lỗi cho mình thật khó khăn,
Điều được kẻ này khen tốt đẹp,

Kẻ kia lại thấy đó sai lầm.
12. Có người cho tất cả điên cuồng
Tưởng tượng mỗi người vẫn khác luôn,
Thật khác, nhiều người nên lắm ý,
Ý người chẳng có luật thông thường.
Vua phán:

- Chàng ta nói đúng sự thật, đó quả là một vị tiên khôn ngoan.

Vì thế vua rất hoan hỷ, ngâm vần kệ cuối cùng:

13. Đôi vợ chồng tiên giữ lặng thinh, Nay chàng cất tiếng bởi hồn kinh, Bình an, hạnh phúc, tha chàng bước,

Vẫn biết lời hay tạo phước lành.

Sau đó, vua đặt đôi tiên núi vào chiếc lồng vàng, truyền đưa người thợ săn vào, bảo gã thả hai vị ra ở nơi trước kia gã đã bắt.

Bậc Đại sĩ nói thêm:

- Này sư phụ, đôi tiên núi biết phòng hộ lời nói như trên, và nhờ nói đúng thời nên được thả tự do vì nói năng khéo léo; còn thầy do nói năng sai lạc mà phải chịu đại họa.

Rồi sau khi so sánh cho vị tế sư thấy rõ như thế, ngài an ủi ông:

- Xin sư phụ đừng sợ, con sẽ cứu mạng sư phụ.

- Còn có cách nào chăng? - Vị kia hỏi: - Làm thế nào con cứu ta được nữa?

Ngài đáp:

- Vì chưa đến đúng lúc các hành tinh gặp gỡ.

Ngài để cho ngày ấy trôi qua, vào canh giữa đêm (canh ba), liền đem đến đó một con dê đã chết và nói:

- Xin thầy muốn đi đâu thì đi mà sinh sống.

Rồi ngài thả cho ông đi ngay, chẳng hề có ai hay biết gì cả. Còn ngài làm tế lễ với thịt dê ấy, xong dựng cổng thành trên đó.

*

Khi bậc Đại sư đã chấm dứt Pháp thoại, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Kokàlika bị hủy hoại vì chính lời nói của mình, mà ngày xưa cũng thế nữa.

Sau đó, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Kokàlika là người tế sư da ngăm ngăm đen, còn Ta là hiền giả Takkàriya.

-ooOoo-

482. Chuyện lộc vương (Tiền thân Ruru)

Thần tâu Hoàng thượng biết tin nai..,

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Có người bảo vị ấy:

- Bậc Đạo sư đem lại thật nhiều lợi ích cho hiền hữu, này hiền hữu Đề-bà-đạt-đa. Hiền hữu đã thọ Đại giới từ đức Như Lai, Hiền hữu đã học với ngài Tam Tạng Kinh điển, Hiền hữu đã nhận được nhiều lợi dưỡng và danh vọng.

Khi những điều như vậy được nói, người ta thường nghe thuật lại một cách đáng tin cậy là vị ấy sẽ trả lời:

- Không đâu hiền hữu, bậc Đạo sư chẳng làm gì lợi lạc cho ta dù chỉ bằng một cọng cỏ. Ta đã thọ Đại giới của chính ta, ta tự học Tam Tạng kinh điển, ta nhận được lợi dưỡng và danh vọng do từ bản thân ta chứ không nhờ ai cả.

Trong Chánh pháp đường, Tăng chúng nói về việc này:

- Đề-bà-đạt-đa thật là vong ân bội nghĩa, này Hiền hữu, và lại quên cả thân tình.

Bậc Đạo sư bước vào và muốn biết Tăng chúng đang bàn luận gì khi ngồi đó. Các vị trình với Ngài. Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, nay không phải là lần đầu Đề-bà-đạt-đa vong ân bội nghĩa, mà trước kia kẻ ấy đã vô ơn. Thuở xưa, nó đã được Ta cứu mạng, nhưng nó không biết công đức to lớn của Ta.

Nói vậy xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, một vị đại phú thương có tài sản tám trăm triệu, chỉ sinh được một con trai, đặt tên là Mahà-dhanaka hay Đại phú ông.

Nhưng ông không dạy cho con việc gì cả, ông bảo:

- Con trai ta sẽ thấy việc học làm mệt mỏi tấm thân mà thôi.

Ngoài việc múa ca, ăn uống, tiệc tùng cậu trai chẳng biết việc gì cả. Khi cậu khôn lớn, cha mẹ cậu cưới cho cậu một cô gái xứng đôi với cậu, rồi cả hai vị qua đời. Sau khi song thân mất đi, cậu bị đám người chơi bời, phóng đãng, rượu chè, cờ bạc vây quanh nên đã tiêu hết tài sản một cách hoang phí. Lúc đó cậu phải vay tiền rồi không trả lại nổi, bị chủ nợ thúc đòi. Cuối cùng cậu nghĩ: "Đời ta còn nghĩa lý gì với ta nữa? Ta đang bị biến đổi thành một con người khác rồi, thà chết sướng hơn". Sau đó cậu bảo đám chủ nợ.

- Hãy đem các giấy nợ đến đây, ta có cả một gia bảo chôn ở bờ sông Hằng, các ông sẽ được phần đó.

Họ cùng đi với cậu. Cậu làm như thể chỉ chỗ đây đó là nơi chôn gia sản (song lúc đó cậu có ý định nhảy xuống sông trầm mình) và cuối cùng cậu ta nhảy xuống sông Hằng.

Trong lúc nước cuốn xoáy cậu đi ra, cậu kêu to lên đầy kinh hoảng.

Lúc bấy giờ, bậc Đại sĩ sinh làm một con Nai chúa và sau khi rời đàn, hiện đang trú ẩn tại một khúc sông, chỉ riêng mình Nai trong khóm cây Sà-la chen lẫn đám xoài trổ hoa rất đẹp. Lớp da trên mình Nai có màu vàng óng ả láng mượt, bàn chân trước và bàn chân sau đỏ như thể nhuộm son, cái đuôi giống như cái đuôi bò rừng, cặp sừng như hình xoắn ốc bằng bạc, đôi mắt Nai tựa hồ đôi hạt minh châu lóng lánh, khi Nai quay mồm về hướng nào thì trông chẳng khác quả cầu bằng vải đỏ. Vào khoảng nửa đêm, Nai nghe tiếng kêu thê thảm ấy, liền nghĩ thầm: "Ta nghe tiếng người kêu. Trong lúc ta đang sống đây, nó chẳng phải chết! Ta sẽ cứu mạng nó".

Vừa rời khỏi chỗ ẩn nấp trong bụi cây, ngài bước xuống bờ sông và gọi to bằng giọng nói an ủi:

- Này người kia, đừng sợ, ta sẽ cứu anh sống.

Rồi Nai rẽ dòng nước, mang cậu lên bờ đến tận nơi nai trú ẩn. Suốt hai ba ngày liền, Nai săn sóc và cho cậu ăn trái cây rừng. Sau đó, Nai bảo cậu:

- Này người kia, ta sẽ mang anh ra khỏi rừng và đặt anh trên đường cái đến Ba-la-nại, anh sẽ về bình an. Song ta yêu cầu anh đừng bị lòng tham tiền bạc lôi kéo mà báo cho vua, hay một người quyền thế nào đó biết là trong chỗ kia một con Nai vàng óng cần phải bắt đấy.

Người kia hứa giữ lời và bậc Đại sĩ, sau khi được hứa rồi, liền để cậu trên lưng và đưa ra đường cái hướng về thành Ba-la-nại rồi trở về đường cũ.

Vào ngày cậu ta đi về thành Ba-la-nại, bà hoàng hậu mệnh danh Khemà (Thái Hòa) nằm mộng về sáng thấy một con Nai màu hoàng kim thuyết pháp cho bà, nên bà suy nghĩ: "Nếu không có một Nai thần như thế này thì chắc hẳn ta đã không nằm mộng thấy ngài. Hẳn nhiên phải có một vị như vậy, nên ta muốn thông báo việc này với đức vua".

Sau đó, bà đến yết kiến vua và thưa:

- Tâu Đại vương, thần thiếp đang mong mỏi được nghe bài thuyết Pháp của một con Nai hoàng kim. Nếu làm được việc ấy, thiếp mới sống, nếu không, thiếp chẳng thiết sống nữa.

Vua an ủi bà và bảo:

- Nếu có một con vật như thế sống trong cõi trần gian này thì ái khanh sẽ toại nguyện.

Rồi vua triệu các Bà-la-môn vào và hỏi:

- Có loài vật nào như loài Nai hoàng kim chăng?

- Tâu Chúa thượng, có.

Vua liền đặt một túi tiền mười ngàn đồng đựng bên trong một cái hộp bằng vàng lên lưng một con voi đã được trang điểm thật lộng lẫy: "Bất kỳ ai được tin về một con Nai

hoàng kim thì vua sẽ chấp thuận trao cho người đó túi tiền mười ngàn đồng tiền vàng này cùng chiếc hộp bằng vàng và cả con voi ấy nữa hoặc một con khác tốt đẹp hơn". Vua ra lệnh khắc một vần kệ trên một phiến vàng, giao cho một viên quan trong triều và bảo vị ấy nhân danh vua hát vần kệ ấy lên giữa dân chúng toàn thành. Sau đó, vua ngâm vần kệ đầu trong chuyện Tiền thân này:

1. Ai mang tin báo trẫm về Nai,
Tối thượng Lộc vương của cả loài?
Ai được trẫm ban phần thưởng quý:
Ngôi làng tuyệt hảo, gái xinh tươi?
Viên triều thần mang phiến vàng ấy đi, công bố khắp kinh thành. Vừa lúc ấy, con trai của vị phú thương đi vào Ba-la-nại, khi nghe lời công bố ấy, cậu đến gần viên quan và nói:

- Tiểu sinh có thể đưa tin về một con nai như vậy, các ngài hãy dẫn tiểu sinh vào yết kiến đức vua.

Viên quan liền xuống voi, dẫn cậu vào yết kiến vua và tâu:

- Tâu Chúa thượng, người này có thể đưa tin tức trình Chúa thượng về con Nai kia.

Vua phán:

- Có đúng như vậy chăng, người kia?

Cậu đáp:

- Tâu Đại vương, quả đúng như vậy, xin Đại vương cho tiểu thần vinh dự đó.

Và cậu ngâm vần kệ thứ hai:

2. Thần tâu Hoàng thượng biết tin Nai,
Tối thượng Lộc vương của cả loài,
Xin Đại vương ban phần thưởng quí:
Ngôi làng tuyệt hảo, gái xinh tươi!
Vua rất hoan hỷ khi nghe những lời này của tên phản bạn:

- Này mau lên! - Vua phán: - Phải tìm con Nai này ở đâu thế?

Gã đáp:

- Tâu Chúa thượng, ở chỗ như vầy.

Và gã chỉ rõ đường đi. Cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, vua ra lệnh tên phản bội dẫn ngài đến nơi ấy, rồi gã bảo:

- Xin ra lệnh cho đoàn quân sĩ dừng lại.

Khi quân sĩ đã được lệnh dừng, gã chỉ tay nói tiếp:

- Nơi có con Nai vàng ánh ở chốn đằng xa xa kia kìa.

Và gã ngâm vần kệ thứ ba:

3. Bụi cây xoài ở phía đàng xa,
Cùng đám Sà-la nở rộ hoa,
Đất tựa yên chi màu đỏ thắm,
Nai này có thể được tìm ra.
Khi vua nghe những lời này, ngài bảo các cận thần:

- Đừng để Nai chạy thoát, mà phải lập tức bủa vây quanh bụi cây này, còn binh sĩ cầm binh khí trong tay.

Họ làm theo lệnh ấy và đồng thanh la lớn. Vua cùng một số người khác đứng riêng ra, song gã đó cũng không đứng xa mấy. Bậc Đại sĩ nghe tiếng kêu ấy, nghĩ thầm: "Đây là tiếng thét của mộtđoàn người đông đảo, vậy ta phải đề phòng họ mới được".

Ngài đứng lên và khi nhìn cả một đoàn người, ngài nhận thấy nơi vua đứng. "Nơi nào vua đứng", ngài nghĩ thầm, "ta sẽ được bình an, vậy ta phải đến đó". Rồi ngài chạy về phía vua. Khi vua thấy ngài chạy đến, liền bảo:

- Một con vật mạnh như voi có thể quật mọi thứ trên đường đi của nó. Ta muốn giương cung lên dọa con nai này. Nếu nó chạy, ta sẽ bắn cho nó yếu đi rồi ta mới bắt nó được.

Sau đó vua giương cung lên ngay trước mặt Bồ-tát.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm đôi vần kệ:

4. Nai tiến lên: cung đã được giương,
Mũi tên nằm ở sợi dây trương
Đằng xa, vì vậy Nai kêu lớn
Ngay lúc Nai nhìn thấy Đại vương:
5. Đại vương, Chúa tể của vương xa, Xin đứng yên và chớ bắn ta,

Ai đã mang tin Hoàng thượng biết Nơi này, Nai sẽ được tìm ra?

Vua say mê giọng ngọt như mật của ngài, liền thả cung đứng yên chiêm ngưỡng ngài. Lúc ấy bậc Đại sĩ bước lên chỗ vua, vừa nói chuyện vui vẻ với vua và đứng một bên. Cả đám tùy tùng cũng hạ binh khí xuống, bước lên vây quanh vua. Vào lúc ấy, bậc Đại sĩ hỏi vua với giọng êm ái như tiếng chuông vàng rung nhè nhẹ:

- Ai đem tin đến cho ngài rằng nơi đây sẽ tìm được Nai vàng?

Vừa lúc ấy, con người gian ác kia bước lại gần và đứng nghe lỏm. Vua chỉ gã và nói:

- Đó là người báo tin cho trẫm.

Rồi vua ngâm vần kệ thứ sáu:

6. Kẻ ác kia, bằng hữu của ta,
Con người đang đứng ở đằng xa,
Mang tin, nó đã cho ta biết

Rằng ở đây Nai được thấy mà.
Nghe vậy, bậc Đại sĩ trách mắng người bạn phản bội kia, và ngâm vần kệ thứ bảy nói với vua:

- 7. Nhiều người ở cõi thế gian này,
Tục ngữ thường hay nói đúng thay:
"Thà vớt gỗ trôi sông còn tốt,
Hơn là cứu một kẻ như mầy!".
Khi vua nghe lời kệ này, liền ngâm vần kệ khác:

8. Muốn trách người có thể hỏi Nai?
Là chim, là thú hoặc là ai?
Lòng ta đầy nỗi lo vô hạn
Khi tiếng Nai nghe giống tiếng người!
Đến đây, bậc Đại sĩ đáp lại:

- Tâu Đại vương, ta không trách một thú vật hay chim chóc nào cả, mà ta trách một người.

Để giải thích việc này, ngài ngâm vần kệ thứ chín:

9. Ta cứu gã kia, đã một lần
Khi gần như gã phải chìm dần
Trên dòng chảy xiết dìm thân gã,
Vì đó, nay đành phải khổ thân;
Ngài cứ đi cùng phường độc ác,
Ngày sau chắc chắn sẽ ăn năn.
Khi vua nghe vậy liền nổi giận lôi đình với gã kia. Vua phán:

- Sao? Ngươi không nhìn nhận công đức của ngài sau một việc cứu vớt đầy nhân từ như vậy ư? Ta muốn bắn chết gã kia ngay.

Vua liền ngâm vần kệ thứ mười:

10. Ta sẽ đâm tên bốn cánh này
Xuyên vào tim nó, bỏ thân ngay!
Ác nhân này đã đầy tâm phản
Chẳng đội ơn sâu cứu giúp vầy!
Lúc ấy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Ta không muốn nó chết vì ta", nên ngài ngâm vần kệ thứ mười một:

11. Người ngu đáng thẹn, tấu Minh quân,
Song việc giết người, bậc thiện nhân,
Chẳng tán thành, xin tha kẻ khốn,
Và ban cho gã thưởng toàn phần
Những gì ngài hứa, còn ta sẽ

Phục vụ Quân vương những lúc cần.
Vua hoan hỷ khi nghe lời này nên ngâm vần kệ tiếp để tán thán ngài:

12. Nai này quả thật có lòng nhân,
Không trả hận sân với hận sân,
Tống gã hèn ngay! Ta thưởng nó
Làm tròn lời hứa đã từng ban
Còn Nai đi đến nơi tùy ý,
Xin chúc ngài luôn được vạn an!
Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp:

- Tâu Đại vương, người ta có thể miệng nói một đường mà làm một nẻo.

Và ngài ngâm hai vần kệ để giải thích điều đó:

13. Tiếng loài sơn cẩu, tiếng chim muông,
Thường cũng dễ dàng được cảm thông,
Còn tiếng người đời, tuy rõ thế,
Vô cùng khó hiểu, tấu Quân vương!
14. Con người thường nghĩ: "Bạn thân mình,
Quyến thuộc là đây, bạn chí tình".
Tuy thế, tình thân thường biến mất,
Oán thù, căm hận lại dần sinh.
Khi vua nghe lời này, ngài đáp:

- Này Lộc vương! xin đừng nghĩ rằng ta thuộc loại người như vậy. Vì ta quyết sẽ không chối từđặc ân mà ta đã ban cho ngài, dù ta có mất cả quốc độ vì chuyện đó. Hãy tin tưởng vào ta.

Rồi vua cho ngài chọn điều ước.

Bậc Đại sĩ nhận đặc ân này và ước mong rằng tất cả các loài vật từ chính ngài trở đi đều được bình an thoát khỏi mọi tai họa. Vua thuận cho ngài điều ước ấy, rồi đem ngài về thành Ba-la-nại và sau khi trang hoàng cả kinh thành lộng lẫy, lại tô điểm luôn cả bậc Đại sĩ nữa, vua mời ngài thuyết Pháp cho bà chánh hậu, sau đó là vua và triều đình nghe bằng thứ tiếng của loài người ngọt ngào như mật. Ngài khuyến giáo vua hành trì Thập vương pháp (mười đức tính của vị minh quân) và khích lệ hội chúng đông đảo ấy xong, liền trở về chốn núi rừng, nơi ngài sống chung với bầy nai.

Vua ra lệnh đánh trống khắp kinh thành cùng lời loan báo:

- Hoàng thượng bảo vệ mọi loài thú vật.

Từ đó về sau, không ai dám giơ tay giết hại thú vật hay chim muông cả.

Nhưng nhiều đàn nai phá hoại mùa màng của người và không ai đủ sức xua đuổi chúng đi. Một đám đông tụ tập trước sân chầu, kêu than với vua.

Để làm sáng tỏ việc này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ sau:

15. Dân thành thị theo với tiện dân,
Đều đi thẳng đến tấu vương quân:
"Đàn nai ăn hết mùa màng cả,
Chúa thượng, việc này phải cản ngăn".
Nghe vậy, vua ngâm đôi vần kệ:

16. Dân chúng dù mong muốn hoặc không,
Ví dù đất nước trẫm tiêu vong,
Trẫm không thể hại đàn nai được,
Trẫm hứa cho nai sống vẹn toàn.
17. Thần dân có thể bỏ rơi ta,
Hủy bỏ vương quyền của thế gia,
Lời ước ta đà ban Lộc chúa
Ta không hề chối bỏ đâu mà.
Dân chúng nghe lời vua phán bảo, thấy mình không thể nói gì được nữa, đành ra về. Lời vua phán lan ra khắp nơi, bậc Đại sĩ nghe được tin ấy, liền tập hợp cả đàn nai lại, và ra lệnh cho chúng:

- Từ nay về sau, các con không được phá hoại mùa màng của loài người nữa.

Ngài đã gởi thông báo cho dân chúng hay rằng mỗi người phải dựng một tấm bảng hiệu lên vùngđất của mình.

Dân chúng làm theo, và nhờ dấu hiệu ấy, cho đến nay, loài nai không phá hoại mùa màng nữa.

*

Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Đề-bạt-đạt-đa vong ân bội nghĩa.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là con trai nhà phú thương, Ànanda (A-nan) là vua, và Ta chính là Nai chúa.

-ooOoo-

483. Chuyện Chúa Nai Sarabha (Tiền thân Sarabha-Miga)

Cứ hy vọng, người ơi, là bậc trí..,

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên để giải thích đầy đủ một câu hỏi do Ngài nêu ra một cách tổng quát cho vị Tướng quân Chánh pháp (Sàriputta).

Vào thời ấy, bậc Đạo sư nêu vắn tắt câu hỏi với Trưởng lão ấy. Đây là câu chuyện đầy đủ chi tiết về nguồn gốc của một số chư Thiên. Khi Tôn giả Pindola-Bhàradvàja dùng

thần thông để lấy được cái bình bát bằng gỗ Chiên-đàn trước sự hiện diện của vị Đại phú thương ở thành Ràjagaha (Vương Xá), bậc Đạo sư cấm các Tỷ-kheo sử dụng thần thông lực.

Lúc ấy, các Tỷ-kheo ly khai Giáo hội suy nghĩ: "Sa-môn Gotama đã cấm sử dụng thần thông lực. Nay chính vị ấy cũng sẽ không sử dụng thần thông lực nữa". Đám đệ tử của các vị ly khai Giáo hội lo lắng, nói với họ:

- Tại sao các Tôn giả không dùng thần thông lực lấy cái bát kia?

Họ đáp:

- Này Hiền hữu, việc này không khó gì đối với chúng ta. Song chúng ta nghĩ: Ai lại muốn thị hiện thần thông cao quý vi diệu của mình trước người thế tục chỉ vì cái bình bát bằng gỗ nhỏ mọn kia chứ? Do thế, chúng ta không lấy nó xuống. Các Sa-môn dòng họ Thích-ca đã lấy nó xuống và thị hiện thần thông chỉ vì tham lam ngu xuẩn mà thôi. Đừng tưởng biến hóa thần thông là việc khó khăn gì với chúng ta đâu: giả sử ta đừng kể đến các đệ tử của Sa-môn Gotama, nếu chúng ta muốn, chúng ta sẽ biến hóa thần thông với chính Sa-môn Gotama nữa kia. Nếu Sa-môn Gotama thị hiện một phép thần thông, thì chúng ta sẽ thị hiện một phép khác kỳ diệu gấp hai lần.

Tăng chúng nghe chuyện này liền thưa với đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ly khai Giáo hội nói họ muốn thị hiện thần thông lực.

Bậc Đạo sư bảo:

- Cứ để họ làm đi, Ta cũng sẽ làm việc ấy.

Vua Bimbisàra (Tần-bà-sa-la) nghe vậy, đi đến hỏi đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Ngài định thị hiện thần thông lực chăng?

- Thưa Đại vương, phải.

- Bạch Thế Tôn, chẳng phải là có lệnh cấm về vấn đề này rồi sao?

- Thưa Đại vương, lệnh ấy dành cho các đệ tử của ta, chớ không có lệnh nào có thể ngăn cản chư Phật cả. Cũng như hoa quả trong vườn ngự uyển là của cấm đối với kẻ khác chứ không hề áp dụng luật này đối với Đại vương.

- Bạch Thế Tôn, vậy Ngài sẽ thị hiện phép thần thông ở nơi đâu?

- Tại Xá-vệ, dưới một cây xoài có "cục u".

- Vậy trẫm sẽ làm gì lúc đó?

- Thưa Đại vương, chẳng cần làm gì cả.

Ngày kế đó, sau khi điểm tâm xong, bậc Đại sư đi khất thực.

- Bậc Đạo sư đi đâu thế? Dân chúng hỏi.

Các Tỷ-kheo đáp lại:

- Ở cổng thành Xá-vệ, dưới một gốc cây xoài có cục u, Ngài sẽ thị hiện một phép Thần thông Song hành (Yamaka Patihariya: các tia sáng xanh và đỏ phát ra từ thân Ngài) để đánh bại những kẻ ly khai Giáo hội.

Đám người ấy nói:

- Phép thần thông này sẽ là tuyệt tác, nên chúng ta muốn đi xem.

Sau khi rời nhà, dân chúng đi theo bậc Đạo sư, và vài kẻ ly khai Giáo hội cũng đi theo Ngài cùng với đám đệ tử của họ.

Họ nói:

- Chúng ta sẽ thị hiện một phép thần thông ở nơi mà Sa-môn Gotama sắp thị hiện phép thần thông của mình.

Dần dần, bậc Đạo sư đi đến Xá-vệ. Vua hỏi Ngài:

- Bạch Thế Tôn, có đúng là Ngài sắp thị hiện thần thông lực như chúng đồn chăng?

- Quả đúng vậy. Ngài đáp.

- Khi nào? Vua hỏi.

- Ngày thứ bảy kể từ đây, vào đúng rằm tháng sáu trăng tròn.

- Bạch Thế Tôn, thế trẫm có cần dựng lên một ngôi đình chăng?

- Thưa Đại vương, cứ an tâm, ở ngay nơi mà Ta sắp thị hiện thần thông. Sakka (Đế Thích) Thiên chủ sẽ dựng lên một ngôi đình bằng châu ngọc có chu vi mười hai dặm.

- Bạch Thế Tôn, trẫm có cần loan báo việc này khắp kinh thành chăng?

- Đại vương cứ loan báo.

Vua liền đặt người thông tin Chánh pháp này trên một con voi được trang hoàng thật lộng lẫy, đi công bố như sau:

- Hãy nghe tin này! Bậc Đạo sư sắp thị hiện bằng thần thông để đánh bại những kẻ ly khai Giáo hội, trước cổng thành Xá-vệ, dưới gốc cây xoài-có-cục-u trong bảy ngày nữa kể từ ngày hôm nay!

Cứ mỗi ngày họ lại báo tin này. Khi đám người ly khai nghe tin rằng phép lạ sẽ được thị hiện dưới một gốc cây xoài-có-cục-u, họ liền ra lệnh chặt hết mọi cây xoài gần thành Xá-vệ, rồi đền tiền bạc cho các chủ vườn xoài.

Vào đêm trăng tròn, người thông tin Chánh pháp ấy công bố:

- Hôm nay vào buổi sáng, phép thần kỳ sẽ xuất hiện.

Nhờ oai lực của chư Thiên, người người khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ), dường như đều ra đứng ở cửa và nghe tin loan báo ấy. Bất cứ người nào trong lòng có ý muốn đi xem, đều thấy mình đến tại Xá-vệ ấy: dân chúng chiếm khoảng mười hai dặm.

Từ sáng sớm, bậc Đạo sư đi khất thực. Viên quan giữ vườn ngự uyển, tên Ganda hay "Cục U", sắp đem đi dâng vua một trái xoài chín trông thật đẹp, lớn bằng cái giạ đựng lúa, vừa độ chín muồi, thì ông thấy bậc Đạo sư tại cổng thành, liền bảo:

- Trái xoài này thật xứng đáng với bậc Đạo sư.

Rồi ông dâng xoài lên Ngài. Bậc Đạo sư cầm lấy ngồi xuống một bên cổng, dùng trái xoài. Khi đã thọ thực xong, Ngài bảo:

- Này Ànanda, đưa cho người giữ vườn hột xoài này để trồng ngay chỗ này, nó sẽ thành cây xoài có cục u.

Tôn giả tuân lệnh. Người giữ vườn đào một lỗ dưới đất, trồng hột xoài ấy. Trong chốc lát, hạt xoài nứt ra, rễ đâm ra và nhú lên một mầm đỏ cao bằng cái chày, ngay khi đám đông đang trố mắt nhìn, nó lớn dần thành một cây xoài cao cả trăm cubit (1 cubit = 45cm) với thân cây cao năm mươi cubit,

các cành lá cũng cao năm mươi cubit, cùng lúc hoa nở rộ, trái chín dần, cây vẫnđứng choáng rợp cả bầu trời có đàn ong vây quanh cành sai nặng trĩu quả vàng óng. Khi có làn gió thổi, trái ngọt rơi xuống, các Tỷ-kheo đến lượm lấy xoài, ăn xong ra về. Vào buổi chiều, Thiên chủ Sakka (Đế Thích) suy xét, nhận thấy mình có bổn phận dựng lên một ngôi đình gồm bảy báu vật, chu vi rộng mười hai dặm che kín mọi nơi bằng hoa sen xanh. Như vậy, chư Thiên của mười ngàn thế giới tụ tập lại đây.

Sau khi đã thị hiện phép thần thông vô cùng kỳ diệu trước các đệ tử của Ngài để đánh bại đám người ly khai Giáo hội, bậc Đạo sư làm phát khởi lòng tin trong các hội chúng xong, Ngài đứng lên, ngự trên bảo tọa dành cho đức Phật và thuyết Pháp. Hàng trăm triệu chúng sinh uống được nguồn nước trường sinh; sau đó Ngài nhận định để biết rõ chư Phật quá khứ đi về đâu sau khi đã thực hiện một phép thần thông, và nhận thấy chính là về cõi trời Ba mươi ba, Ngài liền rời khỏi bảo tọa, chân phải Ngài đặt lên đỉnh Yugandhara, chân trái Ngài bước qua đỉnh Sineru (Tu-di), Ngài bắt đầu an cư vào mùa mưa dưới cây Đại San hô, an tọa trên chiếc ngai hoàng thạch, và suốt thời gian ba tháng, Ngài thuyết Thắng pháp (Abhidhamma) siêu phàm cho chư Thiên.

Dân chúng không biết bậc Đạo sư đi đâu, họ nhìn nhau bảo:

- Thôi ta về nhà và an trú tại nơi đó, suốt mùa mưa.

Khi mùa an cư trai giới gần chấm dứt, ngày đại lễ Tự Tứ cận kề, Đại Trưởng lão Moggallàna (Mục-kiền-liên) đi thông báo với đức Thế Tôn.

Ngài hỏi:

- Sàriputta (Xá-lợi-phất) nay ở đâu?

- Bạch Thế Tôn, sau khi phép thần thông làm cho Tôn giả hoan hỷ, vị ấy đã ở lại cùng năm trăm vị Tỷ-kheo trong kinh thành Samkassa, và vẫn còn an trú tại đó.

- Này Moggallàna, vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay, ta sẽ xuống hạ giới bằng cổng thành Samkassa. Vậy kẻ nào muốn chiêm ngưỡng Như Lai hãy tụ tập tại thành

Samkassa.

Trưởng lão này đồng ý đi báo cho dân chúng hay: Tôn giả mang toàn thể hội chúng từ Xá-vệ đến Samkassa cách xa nhau cả ba mươi dặm chỉ trong chớp mắt.

Khi mùa an cư trai giới qua rồi, đại lễ Tự tứ đã được cử hành xong, bậc Đạo sư bảo Sakka Thiên chủ rằng Ngài sắp trở về cõi nhân thế. Sau đó, Thiên chủ cho triệu Thần xây dựng Vissakamma vào và bảo:

- Hãy làm một cầu thang để đấng Thập Lực bước xuống cõi trần.

Vị này đặt cầu thang trên đỉnh Sineru, chân nằm trên cổng thành Samkassa; ở giữa, vị ấy làm ba bậc thang liền nhau, một bậc bằng ngọc, một bậc bằng bạc, và một bậc bằng vàng, còn lan can và mái làm bằng bảy báu vật.

Sau khi bậc Đạo sư thị hiện thần thông để cứu độ cõi thế gian, Ngài bước xuống bậc thang chính giữa làm bằng ngọc. Thiên chủ Sakka cầm chiếc bình bát và chiếc y, Suỳama cầm cái quạt bằng đuôi trâu rừng (Yak), Phạm thiên chủ mang chiếc lọng và chư Thiên trong mười ngàn thế giớiđồng chiêm bái Ngài với các vòng hoa trời và các hương liệu.

Khi bậc Đạo sư đã đứng ở chân cầu thang, vị đệ nhất trưởng lão Sàriputta đảnh lễ Ngài, sau đó là toàn thể hội chúng. Ở giữa hội chúng này, bậc Đạo sư suy nghĩ: "Moggallàna đã chứng tỏ đầy đủ thần thông lực, Upàli là người tinh thông Giới luật của bậc Thánh, song đặc tính đại trí tuệ của Sàriputta lại chưa được dịp tỏ bày. Trừ một mình ta, chẳng ai đạt trí tuệ đầy đủ trọn vẹn như vậy, nên ta muốn tỏ bày năng lực trí tuệ của vị này cho hội chúng biết rõ".

Trước tiên Ngài đặt câu hỏi thông thường cho đám người phàm phu không biết gì cả. Cùng cách ấy, Ngài lần lượt đặt câu hỏi vừa tầm hiểu biết của những vị Nhất Lai, Bất Lai và các vị A-la-hán, các Thánh đệ tử, trong từng trường hợp; những vị nào dưới cấp bậc ấy lần lượt không trả lời được, chỉ những vị ở trên cấp bậc ấy mới có thể trả lời. Sau đó, Ngài đặt câu hỏi trong khả năng hiểu biết của Tôn giả Sàriputta thì chỉ Trưởng lão này trả lời được, còn các vị khác không thể. Dân chúng hỏi nhau:

- Vị Trưởng lão trả lời bậc Đạo sư là ai thế?

Họ được bảo đó là vị Tướng quân Chánh pháp tên gọi Sàriputta.

- Ôi! Trí tuệ của ngài thật cao cả thay! Họ bảo nhau.

Từ đó về sau, đặc tính đại trí tuệ của Trưởng lão này vang dội khắp loài người và chư Thiên.

Lúc ấy bậc Đạo sư nói với vị này:

Người này thử thách phải đi qua,
Kẻ khác đạt rồi mục đích xa,
Tư cách khác nhau đều hiển lộ,
Vì ông biết rõ hết kia mà.

Như vậy, sau khi hỏi một câu thuộc phạm vi hiểu biết của một vị Phật, Ngài thêm:

- Đây là vấn đề được đặt ra tổng quát sơ lược, còn đâu là ý nghĩa của vấn đề trong mọi phương diện?

Vị Trưởng lão xem xét vấn đề. Vị ấy suy nghĩ: "Bậc Đạo sư hỏi về đường lối tu tập thích hợp cho Tăng chúng tinh tấn tăng trưởng, cả những người mới đạt được những quả vị thấp, lẫn những bậc Thánh A-la-hán đó chăng?" Về vấn đề tổng quát, Tôn giả này không có điều gì nghi hoặc. Nhưng rồi Tôn giả suy xét: "Đường lối tu tập thích hợp có thể được diễn tả bằng nhiều cách nói theo ngũ uẩn trong mỗi vị hữu tình, khởi đầu là như vậy, song bây giờ làm sao ta có đáp đúng ý nghĩa của bậc Đạo sư?". Tôn giả hoài nghi về ý nghĩa ấy.

Bậc Đạo sư nghĩ thầm: "Sàriputta không hoài nghi gì về vấn đề tổng quát, song còn nghi hoặc về khía cạnh đặc biệt gì của vấn đề mà Ta đang xem xét. Nếu Ta không đưa ra lời gợi ý hướng dẫn thì

ông ấy không thể nào giải đáp được. Vậy ta phải gợi ý cho ông ấy". Rồi Ngài đưa lời gợi ý bằng cách hỏi:

- Này Sàriputta, ông có chấp nhận điều này là đúng chăng (Ngài nói một vấn đề nào đó).

Tôn giả Sàriputta chấp nhận vấn đề ấy.

Gợi ý như vậy xong, Ngài biết Tôn giả Sàriputta đã nắm vững ý nghĩa của Ngài, và sẽ giải đáp đầy đủ bắt đầu từ ngũ uẩn trong mỗi vị hữu tình. Sau đó, vấn đề hiện ra rõ ràng trước mắt vị Trưởng lão như có cả trăm ngàn lời gợi ý, ồ không, cả ngàn lời nữa, và theo lời hướng dẫn củađức Phật, Tôn giả giải đáp vấn đề kia thuộc về tri kiến Phật.

Bậc Đạo sư thuyết Pháp cho cả hội chúng khắp cả mười hai dặm: ba trăm triệu vị hữu tình uống được nguồn nước trường sinh.

Khi hội chúng ra về, bậc Đạo sư lại du hành khất thực, dần dần đến Xá-vệ. Ngày hôm sau, khi đã khất thực tại Xá-vệ xong, Ngài trở về và dạy bảo các Tỷ-kheo giữ phận sự của mình rồi bước vào Hương phòng. Về buổi tối, các Tỷ-kheo bàn luận đến đức tính cao cả của Trưởng lão Sàriputta, trong lúc Tăng chúng ngồi tại Chánh pháp đường:

- Này các Hiền giả, Tôn giả Sàriputta thật là bậc đại trí tuệ, Tôn giả có trí tuệ quảng bác, trí tuệ mẫn tiệp, trí tuệ tinh xảo, trí tuệ linh lợi. Bậc Đạo sư đặt câu hỏi tổng quát, Tôn giả đã trả lời thật đầy đủ sâu rộng.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận gì trong lúc ngồi đó, các vị trình với Ngài, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu vị ấy trả lời rộng rãi một vấn đề được nêu tổng quát, mà ngày xưa cũng đã làm như vậy.

Và Ngài kể câu chuyện quá khứ.

*

Một thời, khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm một con Nai sống trong rừng. Bấy giờ, vua thích săn bắn, và vua lại là một người đầy uy lực, ngài cho rằng không có ai xứng danh con người cả.

Một ngày kia, lúc ngài đi săn, ngài bảo đám cận thần:

- Hễ ai để thoát một con nai vì mình thì sẽ bị trừng phạt như vầy như vầy..

Bọn họ suy nghĩ: "Người ta có thể đứng trong nhà mà không tìm thấy vựa lúa. Khi một con nai bị vây bắt bằng cái móc hay gậy cong, ta phải lùa nó đến nơi đức vua đứng".

Bọn họ liền giao ước với nhau để thực hiện điều này, và sắp đặt vua đứng ở cuối đường. Sau đó, họ vây quanh một hang lớn và bắt đầu lấy dùi cui gậy gộc đập lên mặt đất. Con vật đầu tiên bị vây bắt

chính là Nai vàng. Ba lần Nai nhìn quanh bụi cây tìm cơ hội trốn thoát. Khắp nơi, Nai thấy người ta đứng chật ních chen tay, cung kề cung, chỉ có nơi vua đứng là Nai thấy may ra còn có dịp. Với đôi mắt chiếu sáng lòa, Nai vụt đến phía vua làm chói mắt vua như thể tung cát bụi vào đôi mắt ấy. Lập tức vua thấy Nai, bắn tên ngay và hụt mất.

Ta phải biết rằng loài nai rất thông minh tránh được các mũi tên. Khi các mũi tên vụt thẳng vào chúng, chúng đứng yên để tên bay đi, nếu tên vụt tới phía sau, nai sẽ vụt chạy nhanh hơn; nếu tên bay xuống từ phía trên chúng cong lưng lại, nếu từ phía suờn, nai nghiêng mình một tí; nếu tên nhắm vào bụng, nai lăn một vòng; khi tên đã lướt qua rồi thì Nai vụt nhanh như bay gió cuốn. Vì vậy, khi vua thấy Nai lăn qua, tưởng Nai đã bị thương, liền kêu lên một tiếng "ô này!".

Nai vùng đứng dậy, vụt nhanh như gió, phá được vòng vây của đám người kia. Các triều thần ở cả hai phía nhìn thấy con nai chạy thoát, liền tụ tập lại với nhau và hỏi:

- Nai tiến về chỗ của ai thế?

- Chỗ của Chúa thượng.

- Song Chúa thượng đã la lớn: Ta bắn được nai rồi kia mà! Vậy Chúa thượng bắn được cái gì? Tôi dám chắc với quí vị, Chúa thượng bắn hụt rồi! Chúa thượng bắn mặt đất đấy!

Như vậy, hội chúng chế nhạo vua không ngớt. Vua nghĩ thầm: "Bọn này đang chế nhạo ta, chúng không biết tay ta". Rồi khi nai nịt thắt lưng, vua đi bộ, cầm kiếm trong tay, vừa đi thật nhanh vừa la to:

- Ta sẽ đi bắt Nai!

Vua nhìn sát theo Nai và đuổi Nai chừng ba dặm. Nai tiến sâu vào rừng, vua cũng tiến theo. Lúc bấy giờ trên đường Nai đi, có một cái hố thật lớn với một cây đã mục nát, sâu chừng sáu mươi cubit, đám cỏ dại mọc che phía trên. Nai ngửi được mùi nước, thấy đó là cái hố, nên nghiêng mình qua một bên tránh đường. Song vua cứ đi thẳng lên nên ngã vào hố. Nai không còn nghe tiếng chân vua nữa, liền quay lại. Thấy không có ai, Nai biết là vua hẳn đã rơi xuống hố. Vì thế, Nai đến nhìn vào, thấy vua trong tình cảnh

nguy khốn, vùng vẫy trong nước sâu. Song Nai khôngđể lòng oán hận đối với việc ác mà vua đã làm, còn thương hại nghĩ thầm: "Không được để vua này chết trước mắt ta, ta sẽ cứu vua qua khỏi cơn hoạn nạn này".

Vừa đứng trên miệng hố, Nai vừa kêu lớn:

- Này Đại vương đừng sợ, vì ta sẽ cứu thoát ngài khỏi cảnh hiểm nghèo này.

Rồi dùng hết sức lực, sốt sắng thiết tha như thể cứu lấy đứa con yêu quý của mình, Nai đỡ vua lên dốc đá, chính vua kia đã đuổi theo Nai để giết hại đó, Nai kéo vua ra khỏi hố sâu sáu mươi cubit, và nói lời an ủi vua rồi đặt vua lên chính lưng mình, mang vua ra khỏi rừng, để vua xuống không xa đám quân sĩ mấy. Sau đó, Nai thuyết giáo cho vua và an trú vua vào Ngũ giới. Tuy nhiên, vua không thể rời bậc Đại sĩ được, mà bảo:

- Tâu Lộc vương Chúa thượng, xin hãy cùng ta đến Ba-la-nại, vì ta muốn nhường ngôi cho ngài tại Ba-la-nại, một kinh thành trải rộng khắp mười hai dặm để ngài ngự trị toàn quốc độ ấy.

Song ngài đáp:

- Thưa Đại vương, ta là thú vật, ta không muốn chiếm vương quốc nào cả. Nếu ngài có lòng thương mến ta, xin hãy giữ Ngũ giới mà ta đã dạy ngài, rồi ngài dạy cho đám quần thần của ngài cũng giữ giới nữa.

Cùng với lời khuyên này, ngài trở về rừng. Còn vua đến gặp lại quân sĩ, và trong khi hồi tưởng những đức tính cao thượng của Nai kia, mắt vua đẫm lệ. Vừa được đám binh sĩ hộ tống, vua ngự khắp kinh thành trong hồi trống ban lệnh vua vang rền, truyền rao lời bố cáo này:

- Từ nay về sau, dân chúng toàn thành hãy giữ Ngũ giới.

Song vua không nói với ai về lòng nhân từ mà bậc Đại sĩ đã ban cho ngài. Sau khi dùng xong các món cao lương mỹ vị về buổi chiều tối, vua an nghỉ trên vương sàn lộng lẫy và sáng sớm hôm sau, vua nhớ lại những đức tính cao thượng của bậc Đại sĩ, ngài liền trở dậy và ngồi chéo chân trên vương tọa, tâm tràn đầy hân hoan, ngài cất tiếng ca lên nguyện vọng của ngài qua sáu vần kệ:

1. Cứ hy vọng, người ơi, là bậc trí, Xin hãy đừng nản chí hoặc sờn lòng, Chính ta nay thành đạt đích hằng mong.

2. Ta thấy rõ, người ơi, là bậc trí, Cứ hy vọng, dù buồn, đừng nản chí, Chính ta đây chiến đấu tiến vào bờ.

3. Vượt trùng dương, ta thấy rõ, bây giờ,
Cố gắng mãi, người ơi, là bậc trí,
Xin hãy chớ nản lòng hay nhụt chí,
Chính ta nay thành đạt đích ước nguyền.
4. Ta thấy nay, người hỡi, gắng sức lên,
Nếu người trí, dù buồn phiền đau khổ,

Đừng chán nản, chính ta đây nhìn rõ,
Ta đã từng chiến đấu vượt trùng dương.
5. Bậc trí nhân dù tràn ngập đau thương,
Niềm hy vọng an vui không hề tắt,
Nhiều tình cảm, khổ đau cùng an lạc:
Các ngài không nghĩ đến chúng làm chi,
Song lên đường cho đến lúc chết đi.
6. Việc xảy ra, ta đều không ngờ tới, Việc ta tính lại thường hay thất bại,

Vì chỉ riêng phần ý tưởng mà thôi Chẳng lợi cho niềm hạnh phúc người đời.

Trong lúc vua đang ca khúc hát này, mặt trời cũng vừa lên. Còn vị tế sư của ngài cũng dậy sớm vào vấn an sức khỏe của ngài. Lúc đang đứng ở cửa, vị này nghe tiếng ca ấy, nghĩ thầm: "Hôm qua đức vua đi săn. Chắc ngài đã hụt mất con Nai và khi bị quần thần chế nhạo, ngài phán rằng ngài sẽ đích thân đuổi bắt con mồi và giết đi. Sau đó, hẳn ngài săn đuổi theo Nai, vì bị lòng kiêu mạn của một chiến sĩ thúc đẩy, nên bị rơi vào cái hố sâu sáu mươi cubit. Rồi Nai có từ tâm chắc hẳn đã kéo ngài lên mà không hề có chút ý nghĩ gì đến tội ác của đức vua đối với mình. Chắc vì thế nên đức vua hát lên khúc tụng ca này đây".

Như vậy, vị Bà-la-môn này nghe hết mọi lời ca của khúc hát kia, và những việc gì đã xảy ra giữa vua với Nai đều rõ ràng như một khuôn mặt phản chiếu trong chiếc gương được lau chùi thật kỹ. Ông lấy đầu ngón tay gõ nhẹ lên cửa. Vua hỏi:

- Ai đó?

- Tâu Chúa thượng, chính hạ thần là tế sư đây.

- Này Sư trưởng, cứ vào đi.

Vua bảo rồi mở cửa. Vị ấy bước vào, tung hô vạn tuế đức vua, và đứng sang một bên. Sau đó, ông thưa:

- Tâu Đại vương, hạ thần biết những việc đã xảy ra với Đại vương ở trong rừng. Trong lúc đuổi theo con Nai, Đại vương rớt vào hố và con Nai dựa vào sườn đá bên hố mà kéo Đại vương lên. Vì vậy, Đại vương nhớ lại đặc tính cao cả của Nai và hát một bài tụng ca.

Rồi ông ngâm hai vần kệ:

7. Bên sườn non nọ có con Nai,
Trước đó là con thịt của ngài,
Dũng cảm Nai ban ngài cuộc sống,
Vì ly tham hận hết trong đời.
8. Khỏi hố đáng kinh, vuốt tử thần,
Dựa vào tảng đá bạn-khi-cần,
Chúa Nai cứu mạng nên ngài bảo:
Trí tuệ Nai vàng vượt hận sân.

"Ô kìa!" Vua suy nghĩ khi nghe lời trên: "Người này không cùng đi săn với ta, tuy thế, lại biết hết mọi sự. Làm sao lại biết được thế? Ta muốn hỏi vị ấy". Và vua ngâm vần kệ thứ chín:

9. Đạo sĩ, hôm kia có mặt chăng?
Hoặc nghe từ một kẻ bàng nhân?
Tấm màn tham dục ngài đã vén,
Trí tuệ ngài làm trẫm hãi hùng!
Song vị Bà-la-môn đáp:

- Hạ thần không phải là một vị Phật toàn tri đâu, hạ thần chỉ nghe lóm khúc tụng ca của Đại vương vừa hát đó thôi, mà không bỏ sót ý nghĩa, nên mọi việc trở nên rõ ràng trước mắt hạ thần.

Để giải thích điều này, ông ngâm vần kệ thứ mười:

10. Tâu Chúa công! Việc ấy, thần chẳng nghe,
Không vào rừng để chứng kiến ngày kia,
Song từ khúc kệ ngài ca êm dịu,
Việc ra sao, trí nhân đà thấu hiểu.
Vua rất hoan hỷ nên ban thưởng ông một tặng phẩm quí giá.

Từ đó về sau, vua chuyên tâm bố thí và làm các thiện sự, dân chúng cũng đem hết lòng làm thiện sự, nên khi mạng chung được sinh lên cùng Thiên chúng thật đông đảo.

Lúc bấy giờ, vua đi vào thượng uyển cùng với vị tế sư để bắn bia. Thời ấy Sakka (Đế Thích) Thiên chủ đang suy gẫm xem cả đám tiên đồng ngọc nữ kia mới từ đâu đến mà ngài thấy thật đông đảo chung quanh ngài như thế. Khi xét kỹ, ngài chợt hiểu toàn câu chuyện: Vua đã được Nai cứu thoát khỏi cái hố như thế nào, vua đã được an trú vào giới đức, và nhờ uy lực của vua ra sao mà dân chúng đã làm nhiều thiện sự nên Thiên giới trở thành đông đúc như thế, và nay vua lại vào ngự uyển để bắn một cái bia.

Vì thế, Thiên chủ cũng đến nơi đó, với giọng sư tử hống, ngài tuyên thuyết tính cao thượng của Nai, và bảo cho biết chính ngài là Sakka Thiên chủ, rồi đứng vững trên không mà thuyết Pháp nêu rõ công đức của lòng từ bi và Ngũ giới, xong ngài trở về. Bấy giờ, vua dự định bắn bia, giương chiếc cung và lắp mũi tên vào dây. Ngay lúc ấy, Sakka Thiên chủ dùng thần lực hóa hiện ra con Nai đứng giữa vua và tấm bia, vua thấy vậy không bắn tên nữa. Lúc ấy, Thiên chủ nhập vào thân của vị tế sư ngâm kệ này cho vua nghe:

11. Tên ngài giết lắm vật oai hùng,
Sao lại cầm tên lặng giữa cung?
Hãy bắn tên bay vào lộc ấy,
Đó là ngự thiện, tấu Minh vương!
Vua đáp lại qua vần kệ:

12. Tế sư, trẫm thấu suốt hơn ngài:

Trẫm biết dâng vua chính thịt nai,
Song trẫm nhớ ơn đà cứu giúp,
Trẫm dừng tay chẳng hại đời ai.
Sau đó, Sakka Thiên chủ ngâm đôi vần kệ:

13. Chẳng phải là Nai, tấu Đại vương, Mà đây là một Tu-la-thần,

Ngài là chúa tể nơi trần thế, Giết nó, ngài lên đấng Ngọc hoàng!

14. Nếu ngài do dự, tấu Anh quân,
Khi giết Nai vì chính bạn thân,
Sẽ vào sông lạnh Diêm vương phủ,
Cùng vợ con ngài xuống cõi âm.
Nghe thế vua liền ngâm hai vần kệ:

15. Cứ vậy Diêm vương với tử hà,
Đưa ta đến đủ cả toàn gia,
Cùng thân bằng nữa, ta không thể
Tự giết Nai bằng tay của ta.
16. Đầy rẫy rừng sâu nỗi hãi hùng,
Chính Nai đã cứu khỏi tai ương,
Sao ta muốn vị ban ân chết,
Sau việc thi ân ấy đã mang?
Lúc ấy, Thiên chủ Sakka xuất ra khỏi thân của vị tế sư, mang lấy đúng hình dáng của ngài và hiệnđứng vững trên không, ngâm hai vần kệ nêu rõ đức tính cao thượng của vua:

17. Thiện hữu muôn năm ở cõi trần!
Dạy đời lương thiện, lý toàn chân,
Rồi Thiên nữ sẽ theo hầu hạ
Ngài chính In-dra giữa các thần.
18. Thoát dục, tâm mình mãi trú an,
Khi nhiều người lạ đến kêu van,
Hãy cho chúng những gì cần thiết,
Vì Đại vương đầy đủ khả năng,
Hãy sống phân minh không phạm lỗi,
Ngày sau Thiên giới sẽ dành phần.
Nói vậy xong, Thiên chủ tiếp tục như sau:

- Ta đến đây để thử ngài, này Đại vương, và ngài đã không đồng ý với ta. Ta xin ngài hãy gắng tinh cần mãi.

Cùng với lời khuyên này, ngài trở về cõi của mình.

*

Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt Pháp thoại, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Sàriputta hiểu đầy đủ những điều được nói tổng quát, mà ngày xưa cũng vậy.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Ànanda (A-nan) là vua, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là vị tế sư và Ta chính là Nai chúa.

-ooOoo-

Chương XIV

Tạp phẩm

484. Chuyện cánh đồng lúa (Tiền thân Sàlikedàra)

Mùa lúa chiêm vàng thật đẹp thay..,

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.

Trường hợp này sẽ được giải thích trong Tiền thân Sàma (số 540, tập VII). Lúc ấy, bậc Đạo sư cho gọi Tỷ-kheo này đến và hỏi:

- Này Tỷ kheo, Ta nghe nói ông cấp dưỡng người thế tục, có đúng vậy chăng?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

- Họ là ai thế?

- Bạch Thế Tôn, chính song thân của con.

Bậc Đạo sư bảo:

- Này Tỷ-kheo, tốt lành thay! Các trí nhân ngày xưa, ngay khi còn mang thân thú vật hạ liệt, dù chỉ sinh làm loài Anh vũ, nhưng khi cha mẹ già yếu, cũng đã đem cha mẹ vào tổ và nuôi nấng bằng chính thức ăn mà chúng ngậm về trong mỏ mình.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, vị vua mệnh danh là Đại vương Magadha (Ma-kiệt-đà) trị vì tại Ràjagaha (Vương Xá). Thời ấy, có một làng Bà-la-môn, tên là Sàlindiya ở phía đông bắc kinh thành này. Trong vùng đông bắc này là địa phận thuộc về nước Ma-kiệt-đà. Có một Bà-la-môn sống ở Salindiya, tên là Kosiyagotta, chiếm giữ điền sản cả ngàn mẫu đất để trồng lúa. Khi vụ mùa đến, ông làm một hàng rào vững chắc, giao đất cho các gia nhân, có người được năm mươi mẫu, người khác sáu mươi mẫu, và cứ vậy, vị địa chủ chia khoảng năm trăm mẫu điền sản cho đám gia nhân.

Còn năm trăm mẫu kia, ông chủ giao cho một người làm thuê lấy công, người ấy dựng túp lều và ở đó suốt đêm ngày. Lúc bấy giờ, về phía đông bắc vùng đồng ruộng này là

một khu rừng cây bông vải rộng lớn, mọc trên một ngọn đồi bằng phẳng, trong rừng này có một đàn chim Anh vũ (két) rất đông.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sinh vào đàn chim Anh vũ này, làm vương tử của chúa Anh vũ. Ngài lớn lên tốt đẹp và khỏe mạnh, thân lớn bằng cái trục bánh xe. Bấy giờ, chúa chim đã già, bảo ngài:

- Nay ta không thể nào bay ra đồng được nữa, con hãy chăm sóc cả đàn chim này.

Và phong cho ngài chức chim chúa. Từ hôm sau, ngài không chịu để cha mẹ đi kiếm mồi nữa, mà ngài cùng cả đàn bay về vùng Tuyết Sơn, và sau khi ăn lúa no nê từ đám ruộng mọc hoang tại đó, ngài trở về mang thức ăn đầy đủ để nuôi cha mẹ.

Một ngày kia, đàn chim Anh vũ hỏi ngài một chuyện. Chúng nói:

- Trước đây, vào lúc này lúa đã chín trong nông trại Ma-kiệt-đà, bây giờ lúa có được trồng nữa chăng?

Ngài đáp:

- Cứ đi xem.

Rồi ngài bảo hai chim Anh vũ đi tìm hiểu. Đôi chim Anh vũ bay đi, và hạ cánh xuống đồng bằng Ma-kiệt-đà ở phần đất được người làm mướn canh giữ, chúng ăn lúa rồi mang một cọng lúa về rừng, thả xuống trước đôi chân của bậc Đại sĩ và nói:

- Lúa này mọc tại đó.

Hôm sau, ngài bay đến nông trại đó và hạ xuống cùng với cả đàn chim. Người làm công ấy cứ chạy đằng này đến chạy đằng kia, cố xua đuổi đàn chim, song không thể nào đuổi chúng được. Cả đàn Anh vũ ăn lúa xong, ra đi với những mỏ trống không, nhưng chúa Anh vũ thu lượm một số lúa mang về cho cha mẹ.

Hôm sau, bầy Anh vũ lại đến đó ăn lúa lần nữa, và hôm sau nữa cũng vậy. Lúc ấy người kia bắtđầu suy nghĩ: "Nếu những con vật này cứ tiếp tục ăn thêm vài ngày nữa, thì ta chẳng còn chút gì. Vị Bà-la-môn kia sẽ định giá cả cho cả đám lúa này và sẽ phạt tiền ta. Ta phải đi báo cho ông ấy biết". Vừa cầm lấy một nắm lúa và một món quà kèm theo, gã đi đến gặp vị Bà-la-môn kia, kính chào vị ấy và đứng sang một bên. Ông chủ bảo:

- Nào, anh bạn, có được mùa lúa chăng?

- Thưa Tôn giả Bà-la-môn, được mùa lắm.

Gã đáp và ngâm hai vần kệ:

1. Mùa lúa chiêm vàng thật đẹp thay,
Song tôi xin nói để ngài hay
Đàn Anh vũ phá tan đồng lúa,
Tôi chẳng làm sao đuổi chúng bay.
2. Có một chim kia đẹp nhất đàn,

Trước tiên tìm lúa chín mà ăn,
Rồi mang một nắm vào trong mỏ,
Để sẵn mai sau những lúc cần.
Khi vị Bà-la-môn nghe chuyện này lòng phát sinh mối tình thương cảm đối với chim Anh vũ chúa. Ông hỏi:

- Này chú, thế chú có biết cách đặt bẫy chăng?

- Thưa Tôn ông, tôi có biết.

Ông chủ ấy liền nói với gã qua vần kệ này:

3. Đặt bẫy lông đuôi ngựa thế này,
Chim kia rồi cũng bị sa ngay,
Bắt cho cẩn thận, chim còn sống,
Rồi lấy chim về gặp lão đây.
Người giữ ruộng rất vui mừng vì ông chủ không định giá tiền về đám lúa kia, và không ai nhắc đến nợ nần cả. Gã đi ngay và làm một cái bẫy bằng lông đuôi ngựa. Sau đó gã tìm hiểu xem lúc nào đàn chim sắp đáp xuống ngày hôm ấy, rồi gã thấy được nơi chúa Anh vũ đậu. Hôm sau từ sáng sớm gã làm một cái lồng to cỡ bằng cái bình nước và đặt bẫy rồi ngồi trong lều đợi đàn chim đến.

Chim chúa đến giữa đàn và chim không tỏ chút gì tham ăn, vừa bước xuống đúng nơi đã đậu ngày hôm qua, thì chân đặt ngay vào chiếc thòng lọng. Khi chim thấy chân bị siết chặt, liền nghĩ thầm: "Nếu bây giờ ta thốt lên tiếng chim của con chim mắc bẫy, thì đàn chim thân thuộc của ta sẽ kinh hoàng và chạy trốn mà chưa ăn gì được. Vậy ta phải chịu đựng cho đến khi chúng ăn xong".

Cuối cùng, khi chim chúa thấy chúng đã no nê, mới lo sợ cho tính mạng mình mà thốt lên ba lần tiếng kêu của con chim bị nạn. Cả đàn chim bay trốn mất. Lúc ấy, chúa chim Anh vũ bảo:

- Cả đàn chim bà con quyến thuộc của ta đây, chẳng con nào quay lại nhìn ta nữa! Ta đã phạm tội gì vậy?

Và chim cảm hứng ngâm vần kệ quở trách chúng:

4. Bầy chim ăn uống thật no say,
Rồi chúng liền tung cánh vút bay,
Bị bắt mình ta vào chiếc bẫy,
Ta đà gây tội lỗi gì đây?
Người giữ ruộng chợt nghe tiếng kêu của chim chúa và âm thanh của cả đàn chim kia bay qua không gian. "Cái gì đó?" Gã nghĩ thầm. Gã đứng dậy ra khỏi lều và đi về phía cái bẫy, gã thấy chim chúa ở đó.

"Đúng là con chim mà ta muốn đặt bẫy đã bị bắt". Gã kêu lên mừng rỡ vô cùng, gã lấy con chim ra khỏi bẫy, buộc đôi chân vào nhau và đi về phía làng Salindiya, gã giao

chim cho vị Bà-la-môn. Vị này với tình cảm đậm đà dành cho bậc Đại sĩ, ôm ngài trong đôi tay, đặt ngài trên đùi mình và nói chuyện với ngài qua hai vần kệ sau:

5. Bụng chim lớn vượt các chim kia:
Trước hết chim ăn bữa thỏa thuê,
Sau đó ngậm thêm đầy mỏ nữa,
Trước khi giương cánh rộng bay về.
6. Chim có một kho phải đổ vào?
Và chim ghét lão đắng cay sao? Lão đòi chim phải trình cho đúng: Chim để kho kia ở chốn nào?

Nghe lời này, Anh vũ chúa đáp lời, ngâm vần kệ thứ tám bằng giọng người ngọt ngào như mật:

7. Ta chẳng ghét ngài, Ko-si-ya,
Ta không hề có vựa kho nhà,
Khi vào rừng ở, ta hoàn nợ,
Và cũng cho vay mượn nữa mà,
Nơi đó ta dồn kho báu mãi,
Đây là câu giải đáp phần ta.
Tiếp theo vị Bà-la-môn hỏi chim chúa:

8. Món nào chim lại muốn cho vay?
Gì đó là công phải trả đây?
Cho biết kho nào đang tích trữ,
Rồi ta sẽ thả tự do bay.
Chim Anh vũ chúa vừa đáp lời Bà-la-môn yêu cầu, vừa giải thích ý định mình qua bốn vần kệ:

9. Lũ chim non nớt ở nhà ta,
Đôi cánh còn chưa mọc đủ ra,
Chúng sẽ nuôi ta mai mốt nọ,
Nay ta cho chúng mượn vay mà.
10. Mẹ cha già yếu cả song thân,
Hai vị xa dần hạn tuổi xuân,
Với lúa ta mang trong chiếc mỏ
Đem vê dâng trả các ân nhân.
11. Còn lắm chim đang sống lẻ đơn,
Bầy chim yếu đuối lại nhiều hơn,
Ta cho bọn chúng vì từ mẫn:
Đây chỗ hiền nhân gọi trữ tồn.
12. Đây là phần nợ muốn cho vay, Đấy lại là công phải trả đầy,

Nơi nọ là kho đang tích trữ, Giờ ta phân giải hết lời này.

Vị Bà-la-môn rất hoan hỷ khi nghe bài thuyết giáo hợp đạo lý này của bậc Đại sĩ, liền ngâm hai vần kệ:

13. Đạo lý cuộc đời tối thượng thay!
Làm bao công đức chính chim này!
Từ mồm nhiều kẻ trên trần thế
Chẳng có hề nghe luật lệ vầy.
14. Ăn cho vừa ý thật no nê,
Và mọi chim thân cũng thỏa thuê,
Anh vũ, rồi ta còn gặp lại,
Ta yêu hình bóng bạn quay về.

Cùng với những lời này, ông nhìn bậc Đại sĩ với lòng trìu mến như thể nhìn đứa con yêu quý nhất của mình; rồi thả dây khỏi chân chim, ông xoa lên đôi chân ấy một loại dầu quý đã lọc kỹ cả trăm lần, và đặt chim lên một bảo tọa rất sang trọng, đãi chim ăn món bắp ngọt trên một cái đĩa vàng và uống nước đường.

Sau đó chúa Anh vũ vừa khuyên nhủ vị Bà-la-môn tinh cần, vừa ngâm kệ này:

15. Trong nhà ngài đấy, Ko-si-ya,
Ta uống ăn, tình bạn thiết tha,
Xin hãy cúng dường cho những vị
Trong đời gánh nặng đã quăng xa,
Và xin phụng dưỡng song thân đủ,
Khi các ngài kia đã xế tà.

Lúc ấy vị Bà-la-môn vô cùng hân hoan trong lòng, cảm hứng ngân nga nỗi lạc thú lâng lâng của mình qua vần kệ này:

16. Thần nữ Cát Tường hẳn đến đây
Khi ta nhìn thấy chúa chim này,
Ta nguyền thực hiện nhiều công đức,
Chẳng có bao giờ muốn nghỉ tay,
Vì giọng chim thần nay lảnh lót,
Ta vừa nghe thật tuyệt vời thay!

Kế đó, bậc Đại sĩ không chịu nhận cả ngàn mẫu ruộng mà vị Bà-la-môn tặng ngài, nhưng chỉ nhận tám mẫu thôi. Vị ấy cho xây tường đá làm ranh giới để dành riêng điền sản cho ngài, rồi lạiđưa tay lên đảnh lễ ngài rất cung kính và nói:

- Xin Chúa công thượng lộ bình an và mau về khuyên dỗ song thân đang than khóc.

Xong ông để ngài bay đi. Ngài rất đẹp ý, ngậm một cọng lúa đem về cho cha mẹ rồi vừa thả cây lúa trước song thân vừa bảo:

- Nào dậy đi thôi, cha mẹ thân yêu của con.

Hai vị nghe lời ngài liền vùng dậy, mắt nhòa lệ thảm. Sau đó, cả đàn Anh vũ kia lục tục kéo đến hỏi thăm:

- Tâu Chúa thượng, ngài làm sao thoát thân được?

Ngài kể cho chúng nghe toàn câu chuyện từ đầu đến cuối. Còn gia chủ Kosiya nghe lời khuyên nhủ của chim Anh vũ chúa, đem phân phát nhiều của cải, bố thí cúng dường các vị chân nhân, các ẩn sĩ khổ hạnh, cùng các Bà-la-môn nữa.

Vần kệ cuối cùng do bậc Đạo sư ngâm để giải thích việc này:

17. Ko-si này với đại hân hoan
Thực phẩm làm phong phú ngập tràn
Đãi uống ăn La-môn, Thánh giá,
Bản thân vị ấy thật hiền lương.
*

Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Như vậy, này các Tỷ-kheo, phụng dưỡng mẹ cha mình là một mỹ tục cổ truyền của các bậc trí nhân và thiện nhân.

Sau đó, Ngài thuyết giảng các Sự Thật và nhận diện Tiền thân. Bấy giờ, vào lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo đó đã được an trú vào Sơ quả Dự Lưu:

- Vào thời ấy, các đệ tử Phật là đàn Anh vũ, phụ hoàng, mẫu hậu ngày nay là cha mẹ chim chúa, Channa (Xa-nặc) là người giữ ruộng, Ànanda là vị Bà-la-môn, và Ta chính là chim chúa Anh vũ kia.

-ooOoo-

485. Chuyện đôi ca thần Canda (Tiền thân Canda Kinnara)

Chắc hẳn đời ta sắp sửa tàn..,

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Bồ-đề Lâm gần Kapilapura, về thân mẫu của Ràhula (La-hầu-la) khi bà còn ở trong cung.

Tiền thân này phải được kể bắt đầu từ thời quá khứ xa xưa của Tiền thân đức Phật. Song câu chuyện về các thời kỳ này, bắt đầu từ tiếng Sư tử hống của Tôn giả Uruvela Kassapa (Ưu-lâu-tần- loa Ca-diếp) tại Latthivana (Rừng Mía gần Trúc Lâm), đã được kể trước kia trong số 1. Tiền thân

Apannaka. Bắt đầu từ đó, ta sẽ đọc trong số 547. Tiền thân Vessantara phần tiếp theo chuyện cho đến khi Ngài trở về Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Đang lúc Ngài ngồi trong cung phụ vương, suốt buổi ăn, bậc Đạo sư kể Tiền thân Mahàdhammapàla (số 447) và sau khi buổi ăn đã xong, Ngài nói:

- Ta muốn tán thán những đức tính cao quý của mẹ Ràhula (La-hầu-la) ngay ở nội thất bà bằng cách kể Tiền thân Canda-Kinnara này.

Rồi vừa trao bình bát cho vua cha, Ngài cùng hai vị Đại đệ tử bước qua cung thất của mẫu thân La- hầu-la. Thời ấy, có bốn mươi ngàn cung nữ giỏi ca múa hay đến bầu bạn với bà, trong đó có một ngàn chín mươi nàng là con gái dòng Sát-đế-ly. Khi bà nghe báo tin đức Như Lai đến viếng, bà ra lệnh tất cả đám cung nữ này đắp y vàng và hội chúng tuân lệnh.

Bậc Đạo sư bước vào, ngồi xuống chỗ đã được dành sẵn cho Ngài. Lúc ấy, cả hội chúng nữ nhân đều kêu lên một tiếng và than khóc rền rỉ. Sau khi để mặc dòng lệ tuôn tràn, bà mẹ của La- hầu-la cố dẹp nỗi sầu riêng, đứng lên đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống với vẻ vô cùng tôn kính dành cho một vị vua. Lúc ấy, phụ vương Ngài bắt đầu kể đức hạnh của bà:

- Bạch Thế Tôn, xin hãy nghe đây. Khi nàng hay tin Thế Tôn đã đắp y vàng, nàng cũng đắp y vàng, Thế Tôn bỏ hết các vòng hoa và đồ trang sức, nàng cũng bỏ hết mọi thứ và chỉ nằm ngồi dưới đất. Khi Thế Tôn đã xuất gia, nàng liền trở thành cô phụ và từ chối mọi tặng vật mà các vương tử khác gửi đến nàng. Lòng nàng bao giờ cũng trung thành với Thế Tôn.

Như thế, phụ vương của Ngài đã kể hết đức hạnh của nàng trong nhiều cách, bậc Đạo sư liền bảo:

- Thưa Phụ vương, thật không lạ gì ngày nay trong đời cuối cùng của Như Lai, công chúa này đã yêu thương, gìn giữ lòng trung thành đối Như Lai và chỉ muốn được một mình Như Lai dìu dắt mà thôi. Quả vậy, ngay cả khi được sinh làm loài phi nhân, bà cũng giữ dạ thủy chung với phu quân mình mà thôi.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua cha, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thời, khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, bậc Đại sĩ được sinh trong vùng Tuyết Sơn làm một vị Tiên Kinnara (Khẩn-na-la: Ca thần) tên là Canda hay Nguyệt Lang, vợ ngài là Candà hay Nguyệt Nga. Cả hai vị sống cùng nhau trên một hòn núi bạc tên là Canda-pabbata hay Nguyệt Quang.

Thời ấy, vua Ba-la-nại giao phó việc triều chính cho các quan đại thần, một mình vua khoác hai chiếc hoàng bào, trang bị năm thứ vũ khí và tiến về vùng Tuyết Sơn nọ.

Trong lúc đang thưởng thức món sơn hào, vua chợt nhớ nơi có con suối nhỏ, nên bắt đầu leo lên đồi. Thời bấy giờ, đôi tiên sống trên đỉnh Nguyệt Sơn thường ở trong núi vào mùa mưa, và chỉ xuống núi vào mùa nắng. Vừa lúc ấy, tiên nam Canda cùng vợ hạ sơn và đi quanh quẩn. Đôi tiên tầm nước hoa, ăn phấn hoa, mặc xiêm y bên trong lẫn bên ngoài đều bằng thứ lụa sa dệt từ bông

hoa, vừa lắc lư trong đám cây cát đằng (dây leo), vừa vui đùa ca hát bằng một giọng ngọt ngào như mật.

Vị tiên nam tiến dần đến con suối này và tại một chỗ dừng chân bên suối, chàng bước xuống cùng vợ rắc hoa khắp mặt suối vừa vui đùa dưới nước. Khi cả hai vị đã mặc lại

xiêm y bằng hoa xong, trên một khoảng cát trắng, sáng láng một tấm bạc, hai vị trải hoa làm sàng tọa và nằm xuống. Vừa lượm được một khúc cây trúc, vị tiên nam bắt đầu thổi sáo, thỉnh thoảng ca hát ngọt ngào như mật rót vào tai, trong lúc tiên nữ uốn lượn đôi tay mềm mại, vừa nhảy vừa hát ca gần đó.

Nhà vua nghe tiếng hát, liền đi rón rén để đừng ai nghe lọt bước chân, vừa đến gần ngắm nghía đôi tiên từ một nơi nấp kín đáo. Vua bỗng nhiên sinh ra si tình tiên nữ và nghĩ thầm: "Ta muốn bắn chàng kia và sống ở đây với vợ chàng". Sau đó vua liền nhắm bắn trọng thương vị tiên nam Canda. Chàng đau đớn thốt lên bốn vần kệ:

1. Chắc hẳn đời ta sắp sửa tàn,
Máu ta đang chảy xiết, tuôn tràn,
Ta gần mất hết nguồn sinh lực,
Hơi thở đang thoi thóp, hỡi nàng!
2. Ta đang chìm ngập với đau thương,
Lòng dạ ta đang đốt cháy bừng,
Song bởi chính nàng sầu, Nguyệt hỡi,
Mà tim ta cảm xúc khôn lường.
3. Như cỏ cây, ta cứ lụi tàn,
Héo hon như suối cạn khô dần,
Lòng đầy xúc cảm, Can-dà hỡi,
Vì nỗi buồn đau của chính nàng.
4. Dòng lệ tuôn từ cặp mắt ta,
Như mưa chân núi chảy vào hồ,
Bởi vì lòng dạ đầy thương cảm,
Cho nỗi sầu nàng, hỡi Nguyệt Nga!

Bậc Đại sĩ than khóc như vậy qua bốn vần kệ trong khi quằn quại trên sàn tọa bằng hoa, rồi bất tỉnh quay mặt đi. Nhà vua vẫn đứng ở nơi đã nấp. Còn tiên nữ không biết bậc Đại sĩ vừa bị thương, ngay khi ngài than khóc như thế, nàng cũng không hay biết, vì nàng đang say sưa với niềm hoan lạc của mình. Nhưng khi thấy ngài quay đi và nằm bất động, nàng bắt đầu tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với vị phu quân. Vội đến gần quan sát chồng, nàng thấy máu đang chảy ra từ miệng vết thương, nên không thể nào chịu đựng nổi cơn đau đớn khủng khiếp trước tình cảnh phu quân yêu quý của mình, nàng kêu gào thất thanh.

"Vị tiên nam ắt hẳn đã chết", vua thầm nghĩ và bước ra lộ diện. Khi tiên nữ Candà thấy vua, nàng nghĩ thầm: "Đây hẳn là kẻ cướp đã giết chồng yêu quý của ta", và nàng run rẩy chạy trốn. Khi đãđứng trên đỉnh đồi, nàng kết tội vua quyết liệt qua năm vần kệ:

5. Ôi khổ thân ta, chúa bạo tàn!
Nhà ngươi đã bắn trọng thương chàng,
Nay chàng nằm đó, trên đất lạnh,
Dưới một gốc cây, giữa núi ngàn.

6. Vương tử! Sầu đau xét ruột này,
Ta mong thái hậu phải đền thay!
Mối sầu đang bóp tim tan nát,
Khi thấy chàng yêu đã chết đây.
7. Vương tử! Sầu đau xét ruột này, Ta mong vương hậu phải đền thay! Mối sầu đang bóp tim tan nát,

Khi thấy chàng yêu đã chết đây.

8. Mong thái hậu nay khóc phụ hoàng,
Và sau lại phải khóc hoàng nam,
Kẻ vì tham dục đang làm ác
Cho chính chồng ta thật uổng oan.
9. Ước mong vương hậu phải chờ trông
Tình cảnh mất con lẫn mất chồng,
Là kẻ vì tham, làm việc ác
Cho chàng vô tội, chính phu quân.
Sau khi nàng kêu gào than khóc như vậy qua năm vần kệ trên, nhà vua vừa đứng trên đỉnh núi vừa cất tiếng an ủi nàng qua một vần kệ khác.

10. Thôi đừng than khóc, chớ sầu thương,
Ta chắc rừng đêm quáng mắt nàng:
Cung điện vua ban nàng diễm phúc,
Nàng làm hoàng hậu của quân vương!
- Ngươi vừa nói gì thế?

Tiên nữ Candà thét lên khi nghe lời này, và nàng cất giọng sư tử hống hùng hồn đáp lời:

11. Không, ta đành kết liễu cuộc đời!
Ta chẳng bao giờ muốn lấy ngươi,
Ngươi giết chồng ta nào có tội,
Tất cả vì tham ái ta thôi!
Khi nghe lời này, lòng say mê của vua đối với nàng đều tan hết, sau đó, vua liền ngâm một vần kệ khác nữa:

12. Sống cho thỏa nguyện, hỡi tiên nương,
Thôi hãy quay về đỉnh Tuyết Sơn,
Ta biết có nhiều loài thú vật
Ăn toàn cỏ hoa, mến rừng hoang.
Cùng với những lời này, vua bình thản bỏ đi. Ngay khi Candà biết vua đi rồi, nàng bước đến ôm lấy bậc Đại sĩ đem tận đỉnh đồi và đặt ngài nằm trên một chỗ đất bằng phẳng tại đó; vừa kê đầu ngài lên lòng nàng, nàng vừa than thở qua mười hai vần kệ sau:

13. Đây giữa vùng đồi núi, đỉnh cao,

Trong nhiều thung lũng, dưới hang sâu,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì bóng chàng nay thiếp thấy đâu?
14. Thú rừng lang bạt khắp nơi nơi,
Lá trải trên nhiều chốn đẹp tươi,
Thiếp phải làm gì, chàng Nguyệt hỡi,
Vì nay chàng vắng bóng trên đời?
15. Dã thú tung hoành, hoa ngát hương
Lan tràn bao chốn đẹp hoang đường,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì chẳng còn đâu thấy bóng chàng?
16. Trong veo, nhiều suối chảy ven đồi,
Hoa dại muôn ngàn, phủ khắp nơi,
Thiếp phải làm gì, chàng Nguyệt hỡi,
Vì nay chàng bỏ thiếp đơn côi?
17. Xanh thẳm là đối núi Tuyết San,
Khi nhìn, đồi núi đẹp vô vàn,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì chẳng còn đâu thấy bóng chàng?
18. Bao đỉnh Tuyết Sơn nhuộm ánh vàng,
Nhìn xem đồi núi đẹp huy hoàng,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì thiếp còn đâu thấy bóng chàng?
19. Đồi núi Tuyết Sơn đỏ rực lên,
Núi đồi tuyệt diệu lúc nhìn xem!
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì thiếp còn đâu thấy bóng tiên?
20. Tuyết Sơn đỉnh nhọn vút trời cao, Đồi núi nhìn xem đẹp biết bao!

Thiếp sẽ làm gì, chàng Nguyệt hỡi, Vì nay thiếp chẳng thấy chàng đâu?

21. Lấp lánh, Tuyết Sơn đỉnh trắng ngần,
Nhìn xem đồi núi đẹp muôn phần!
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì chẳng còn trông thấy Nguyệt quân?
22. Tuyết Sơn lại đổi sắc cầu vồng,
Tuyệt diệu là khi đứng ngắm trông!
Thiếp phải làm gì, chàng Nguyệt hỡi,
Vì không còn được thấy lang quân?
23. Đồi Hương thân thiết với yêu ma,
Khắp chốn phủ đầy vạn cỏ hoa,

Thiếp phải làm gì, chàng nguyệt hỡi,
Vì đâu còn thấy bóng Can-da?
24. Thần tiên yêu mến ngọn đồi Hương,
Cây cỏ bao quanh khắp nẻo đường,
Thiếp sẽ làm gì, chàng Nguyệt hỡi,
Vì đâu còn thấy bóng chàng thương?
Nàng cứ than thở mãi như vậy, rồi khi cầm tay bậc Đại Sĩ đặt lên ngực nàng, nàng thấy tay ngài còn ấm. Nàng nghĩ thầm: "Can-da còn sống đây, ta quyết khiêu khích các thần linh cho đến khi chàng được sống lại!" Rồi nàng lớn tiếng quở trách các thần:

- Chẳng có vị thần nào cai trị cõi trần hay sao? Các ngài đi ngao du ở đâu cả rồi? Chắc hẳn các ngài chết hết rồi nên chẳng còn ai cứu mạng chồng yêu quý của ta đây!".

Vì uy lực nỗi khổ đau thống thiết của nàng, chiếc ngai của Sakka (Đế Thích) Thiên chủ nóng rực lên. Khi xét kỹ, ngài thấy rõ nguyên nhân, liền giả dạng một vị Bà-la-môn đến gần nàng, cầm bình nước thần dược rảy lên mình bậc Đại Sĩ. Trong chốc lát, thuốc độc mất công hiệu, sắc mặt ngài trở lại tươi tỉnh, ngài cũng không còn biết gì đến chỗ bị thương nữa. Bậc Đại Sĩ đứng dậy hoàn toàn hồi phục.

Khi Candà thấy vị phu quân muôn vàn yêu quí của mình đã hoàn toàn bình an, nàng hân hoan quì xuống chân của Đế Thích Thiên chủ và tán thán ngài qua vần kệ:

25. La-môn, Thánh giả đáng tôn vinh!
Cho phận thiếp đây kém phước lành
Được thấy phu quân đầy ái kính,
Rảy lên chàng thánh dược hồi sinh!
Sau đó, Đế Thích Thiên chủ khuyên nhủ:

- Từ rày về sau, hai vị đừng xuống khỏi đỉnh Nguyệt Sơn ra giữa đường đi của loài người nữa, mà cứ ở chốn đây thôi.

Ngài lặp lại câu này hai lần rồi trở về cõi của ngài. Còn Candà hỏi chồng nàng:

- Này phu quân, sao ta lại ở chốn đầy nguy hiểm này? Ta hãy mau về đỉnh Nguyệt Sơn.

Rồi nàng ngâm vần kệ cuối cùng:

26. Ta hãy lui về đỉnh Nguyệt San,
Nơi khe suối diễm lệ tuôn tràn,
Suối khe phủ ngập đầy hoa lá,
Mãi mãi chốn kia, gió nhẹ nhàng
Thầm thì len qua ngàn cổ thụ,
Mải mê trò chuyện, phút bình an.
*

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Không phải chỉ bây giờ, mà ngày xưa cũng thế, Công chúa luôn luôn tận tụy và giữ lòng trung thành với Ta.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Anuruddha (A-na-luật-đà) là vua, mẹ của La-hầu-la (Ràhulamàtà) là tiên nữ Candà và Ta chính là vị tiên nam.

-ooOoo-

486. Chuyện chúa chim ưng (Tiền thân Mahà-Ukkusa)

Dân chúng đang nhen lửa đảo này...

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên, về Mitta-gandhaka, một cư sĩ.

Tương truyền, người này là con cháu một dòng họ đã suy tàn ở Sàvatti (Xá-vệ), phải nhờ một người bạn đi cầu hôn một thiếu nữ sang trọng. Nhà kia hỏi:

- Thế cậu ấy có bạn bè thân thích nào để có thể giải quyết công việc cần lo liệu chăng?

Nhà trai đáp:

- Không, chẳng có ai cả.

Bên kia bảo:

- Thế thì trước tiên phải kiếm bạn đã.

Người ấy nghe lời khuyên này đi bầu bạn với bốn người giữ cổng thành. Sau đó chàng dần dần kết bạn với những người giữ thành, những nhà thiên văn, nhiều người quí tộc trong triều; ngay cả vị tướng lãnh và phó vương. Nhờ giao thiệp với đám người này, chàng trở thành bạn thân thiết của vua, rồi sau đó là đạo hữu của tám mươi vị Trưởng lão, và nhờ Trưởng lão Ànanda, chàng đến yết kiến chính đức Như Lai. Lúc ấy bậc Đạo Sư an trú cả gia đình chàng vào Tam quy và Ngũ giới, vua lại phong cho một chức vụ cao và chàng được biệt danh "Mitta-gandhaka" hay "Người kết giao nhiều bằng hữu".

Vua còn ban cho chàng một dinh cơ lớn rồi ra lệnh cử hành hôn lễ cho chàng, nên tất cả mọi người từ vua chúa trở xuống đều mang tặng vật đến nhà. Lúc ấy, vợ chàng nhận được một tặng vật của vua ban, rồi tặng vật của vị Đại tướng quân, tặng vật của vị Phó vương, cứ thế dân chúng toàn thành đều đến nhà nàng. Vào ngày thứ bảy, đôi tân hôn ấy tổ chức đại lễ để mời đấng Thập Lực, nhiều phẩm vật cúng dường cao sang được đem dâng đức Phật và Tăng chúng lên đến năm trăm vị Tỷ-kheo. Cuối buổi lễ, đôi tân hôn nhận lời tùy hỷ công đức từ đức Phật và được an trú vào Sơ quả Dự Lưu.

Trong Chánh pháp đường, hội chúng nói đến chuyện này:

- Này các Hiền giả, cư sĩ Mitta-gandhaka theo lời vợ khuyên nhủ, và nhờ nàng, đã trở thành bạn của mọi người, được vinh quang tột bực từ vua ban, và sau khi thành thân hữu của bậc Đạo Sư, đôi vợ chồng đã được an trú vào Sơ quả Dự Lưu.

Bậc Đạo Sư đi vào và hỏi Tăng chúng đang bàn luận gì. Các vị thưa với Ngài. Ngài bảo:

- Đây không phải là lần đầu tiên, này các Tỷ-kheo, người này nhận được vinh quang nhờ nữ nhân kia. Ngày xưa, khi còn là súc sinh, nhờ lời khuyên của nàng, nên vị ấy đã kết bạn rất nhiều và thoát khỏi sự lo âu về tính mạng bầy con trẻ.

Nói vậy xong. Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, một số người ở vùng biên địa thường cư trú tại nơi nào họ có thể tìm kiếm thực phẩm nhiều nhất, như sống trong rừng và bắn giết những loài thú vật đông đúc tại đó để lấy thịt cho họ và gia đình họ. Không xa làng của họ là một cái hồ rộng, về phía nam bờ hồ đó có một chim Ưng trống, phía tây là một chim Ưng mái; phía bắc là một Sư Tử, chúa của mọi loài dã thú, phía đông là một chim Ưng biển (Đại bàng), chúa loài chim, và ở giữa là một con Rùa sống trên một hòn đảo nhỏ.

Chim Ưng trống đến hỏi chim Ưng mái làm vợ. Chim mái bảo:

- Chàng có bạn bè nào không?

- Thưa cô nương, không. Chim trống đáp.

- Ta cần phải có vài chim bạn bảo vệ ta chống lại mọi hiểm nguy hay chuyện rắc rối có thể xảy ra, vậy chàng phải đi kiếm vài chim bạn.

- Ta phải làm bạn với ai đây?

- Ô kìa, với Đại bàng chúa sống trên bờ phía đông chứ còn ai nữa, rồi với Sư Tử ở phía bắc và Rùa ở giữa hồ này.

Chàng theo lời khuyên của nàng và làm như vậy. Sau đó đôi chim sống với nhau trong một cái tổ do chúng xây lấy; cũng cần nói thêm rằng trên một đảo nhỏ trong hồ này có một cây Kadampa mọc, bốn phía là nước bao quanh. Sau đó chúng sinh được hai chim trống.

Một ngày kia, khi lông cánh đôi chim non còn non nớt, có vài người trai làng đi săn mồi khắp rừng suốt ngày mà chẳng kiếm được gì cả. Vì không muốn trở về làng tay không, họ đi xuống hồ bắt rùa cá, họ lên đảo, nằm dưới bóng cây Kadamba và đang lúc bị ruồi, muỗi, bọ chích đốt thật khổ sở, họ nhóm lửa lên đuổi muỗi mòng bằng cách chà sát củi khô vào nhau, và hun khói. Khói đùn lên làm khó chịu bầy chim, khiến đôi chim non kêu lên chim chiếp.

- Kìa có tiếng chim! Đám dân làng bảo nhau.

- Nào đốt lửa nhanh lên! Ta không thể nằm nhịn đói ở đây; mà trước khi nằm ngủ, ta phải ăn một bữa thịt chim rừng chứ!

Họ nhóm lửa làm cho ngọn lửa cao dần. Song chim mẹ nghe tiếng động ấy, nghĩ thầm: "Những người này muốn ăn con ta. Ta phải kiếm bạn để cứu nhà ta khỏi hiểm họa này. Ta muốn bảo chim trống đi đến chúa chim Ưng kia". Rồi chim mái bảo:

- Này chàng, hãy đi báo cho chim Ưng chúa biết mối nguy hiểm đang đe dọa các con ta.

Và nó ngâm vần kệ này:

1. Dân chúng đang nhen lửa đảo này,
Để ăn bầy trẻ chốc liền đây,
Hỡi chàng! Mau bảo cùng bè bạn
Nguy hiểm con ta cấp báo ngay.
Chim trống liền bay hết tốc lực đến chỗ kia và kêu lên để báo hiệu cho nó đến. Khi được phép, nó đến gần Đại bàng chúa, và kính chào. Chim Ưng chúa bảo:

- Tại sao bạn đến?

Chim trống liền ngâm vần kệ thứ hai:

2. Chim chúa là ngài, hỡi chúa công!
Nay ta tìm chốn chúa an thân,
Dân làng săn muốn bắt bầy trẻ,
Xin chúa ban cho bạn nỗi mừng!
- Đừng sợ - Chim Đại bàng bảo chim Ưng trống.

Vừa an ủi, nó vừa ngâm vần kệ thứ ba:

3. Đúng lúc hay không, bậc trí nhân
Kết giao cùng bảo vệ thân bằng,
Vì chim Ưng hỡi, ta hành động,
Bạn thiện giúp nhau những lúc cần.
Sau đó, chim Đại bàng chúa hỏi tiếp:

- Này bạn, thế dân làng đã trèo lên cây chưa?

- Họ chưa trèo lên, họ chỉ mới chất củi lên để đốt lửa.

- Vậy bạn nên trở về mau và an ủi hiền thê của bạn rồi nói ta đến ngay.

Chim Ưng làm theo lời. Chim Đại bàng chúa cũng đi, và từ một nơi gần cây Kadamba, nhìn đám người ấy leo lên, và đậu trên một ngọn cây. Ngay khi một người trèo lên đến gần tổ chim, chim Đại bàng chúa liền nhào xuống hồ, dùng đôi cánh và mỏ rảy nước lên đám lửa đang cháy khiến chúng tắt hết. Đám người ấy trèo xuống, nhóm ngọn lửa khác để nấu bầy chim, rồi khi chúng trèo lên, chim Đại bàng chúa lại dập ngọn lửa lần nữa. Cứ thế, khi lửa được nhóm lên là chim dập tắtđi, cho đến nửa đêm. Chim Đại bàng chúa đã kiệt sức: lớp da dưới bụng trầy ra xơ xác dần, đôi mắt rướm máu. Thấy thế, chim mái bảo chim trống:

- Này phu quân, Đại bàng chúa đã mệt lả rồi, hãy đi đến báo cho bạn Rùa, để chim Đại bàng chúađược nghỉ ngơi.

Khi nghe vậy, chim Ưng trống đến gần chim Đại bàng chúa, ngâm kệ bảo bạn:

4. Bạn thiện giúp nhau: ấy việc cần,

Ngài làm vì xót bạn gian nan,
Bình an con trẻ, ngài còn sống,
Cẩn thận, đừng cho thể lực tàn.
Khi nghe lời này, chim Đại bàng chúa cất cao giọng sư tử hống ngâm vần kệ thứ năm:

5. Khi ta canh giữ ở cây này
Ta chẳng lo rằng nếu chẳng may
Ta mất mạng mình vì chúng bạn,
Thiện nhân hành động vẫn như vầy!
Thế nên, bạn hãy làm vì bạn
Dù chính đời mình kết liễu ngay.
*

Còn vần kệ thứ sáu này do bậc Đạo Sư ngâm phát xuất từ Trí tuệ Tối thắng của Ngài, khi Ngài tán thán công đức của chim Đại bàng chúa:

6. Vương điễu noãn sinh lượn cõi không
Đã làm một việc khổ vô cùng,
Chúa Ưng, trước lúc màn đêm xuống,
Canh giữ bầy chim nhỏ vạn an.
*

Sau đó, chim Ưng trống nói:

- Xin hiền hữu chúa chim Đại bàng hãy nghỉ ngơi chốc lát.

Rồi nó bay đi đến con Rùa, đánh thức Rùa dậy.

- Này bạn, đến có việc gì vậy? Rùa hỏi.

- Có mối hiểm nguy như vậy xảy ra với chúng tôi, và chim Đại bàng chúa đã chịu khổ nhọc hết sức từ canh một, nay gần kiệt lực, cho nên tôi phải đến gặp bạn.

Cùng với những lời này, nó ngâm vần kệ thứ bảy:

7. Cho dầu những kẻ bị sa chân
Qua lắm việc làm ác, bất nhân,
Cũng có cơ vươn mình tiến được,
Nếu xin nhờ giúp đỡ khi cần.
Các con ta gặp khi nguy khốn,
Ta chẳng bay ngay đến bạn vàng,
Hỡi bạn ngâm mình trong đáy nước,
Giúp nhà tôi, hãy vội lên đàng!
Khi nghe vậy, Rùa ngâm vần kệ khác:

8. Thiện nhân đối với một thân bằng
Cho cả đồ dùng lẫn bản thân,

Vì bạn, hỡi Ưng! Ta hoạt động,
Thiện nhân giúp đỡ bạn khi cần.
Chú Rùa con, nằm không xa đó, nghe tiếng cha nói, liền suy nghĩ: "Ta không muốn cha ta phải nhọc sức, mà ta sẽ lãnh phần của cha ta". Vì vậy, chú ngâm vần kệ thứ chín:

9. Xin cha an dưỡng, hỡi cha thân,
Việc của cha, con sẽ lãnh phần.
Con phụng sự cha là tốt nhất,
Con đi cứu cả tổ chim bằng.
Rùa cha đáp lời con qua vần kệ:

10. Cứ làm việc thiện, hỡi Rùa con,
Con phải giúp cha, thật chánh chơn,
Song chúng chỉ tha bầy trẻ nhỏ,
Vì cha, người thầy lớn khôn ngoan.
Cùng với những lời này, Rùa bảo chim Ưng bay về và thêm:

- Này bạn ơi, đừng sợ. Nhưng bạn cứ đi trước rồi ta sẽ theo sau lập tức.

Rùa lặn xuống nước, lượm một ít bùn, đến đảo dập tắt ngọn lửa và nằm im. Lúc ấy, đám dân làng kêu lên:

- Này, tại sao phải nhọc công về bầy chim Ưng con thế kia? Ta hãy lật con Rùa đáng ghét này lên mà giết nó cũng vừa đủ cho cả bọn ta mà.

Vì thế, họ hái ít cây leo, bện thành sợi dây, nhưng khi họ đã buộc chặt dây ở chỗ nầy chỗ kia rồi, và xé cả áo quần để dùng vào việc này, họ lại không thể lật con Rùa lên được. Con Rùa cứ lôi họ đi theo nó rồi nhào xuống nước sâu. Bọn người ấy nôn nóng bắt Rùa đến độ cũng nhào xuống theo, lội bì bõm, bắn nước lên tung tóe và uống nước đầy bụng. Họ bảo nhau:

- Này cứ xem đi, chim Ưng chúa cứ làm tắt ngọn lửa của ta đến nửa đêm, nay thì con Rùa làm ta rớt xuống nước và uống nước nhiều, thật quá khổ sở. Thôi, ta cố nhen ngọn lửa khác, rồi đến sáng mai sẽ ăn được bầy chim Ưng con.

Sau đó, họ lại bắt đầu nhóm lửa. Chim Ưng mái nghe tiếng ồn áo của bọn người này, liền bảo:

- Này chàng, sớm muộn gì, bọn người này cũng xé xác các con ta rồi mới chịu đi. Vậy chàng hãyđến báo cho bạn Sư tử biết chuyện.

Lập tức, chàng chim Ưng đến gặp Sư tử, Sư tử này hỏi tại sao chim Ưng đến giờ bất thường như vậy. Chim Ưng liền kể cho Sư tử nghe mọi việc từ đầu và ngâm vần kệ thứ mười một:

11. Oai hùng bậc nhất của muôn loài,
Loài thú vật kia lẫn mọi người,
Chạy đến anh hùng lúc hoảng sợ:

Chin non gặp nạn, giúp nhà tôi,
Ngài là chúa tể muôn loài đó,
Vì thế nên tôi phải đến nơi.
Nghe nói vậy, Sư tử ngâm vần kệ nữa:

12. Ta giúp chim ngay, hỡi bạn Ưng!
Mau, ta đi giết bọn cừu nhân,
Hiển nhiên, bậc trí nhiều thông hiểu
Cần gắng công che chở bạn thân.
Nói vậy xong, Sư tử bảo chim Ưng ra về, còn dặn thêm:

- Thôi, bây giờ hãy về đi và an ủi các con dại.

Rồi Sư tử tiến lên, đập tung tóe nước hồ trong suốt. Khi bọn dân làng thấy Sư tử đến gần, họ sợ chết khiếp cả, liền kêu lên:

- Chim Đại bàng chúa thổi tắt củi lửa của ta, con Rùa làm ta mất quần áo đang mặc, song giờ đây ta tàn đời rồi! Con Sư tử này sẽ giết chết chúng ta lập tức.

Họ liền chạy tứ tán. Khi Sư tử đến gốc cây, chẳng còn thấy gì nữa. Sau đó chim Ưng chúa, chim Ưng trống, con Rùa đều tiến lên vây quanh Sư tử. Sư tử bảo cho chúng biết ích lợi của tình bằng hữu và nói:

- Từ rày về sau, hãy cẩn thận đừng để tan vỡ mối tình bằng hữu thân ái.

Với lời khuyên này, Sư tử ra đi. Rồi bọn kia cũng về chốn ở của riêng mình.

Chim Ưng mái nhìn con tự nghĩ: "Nhờ tình bằng hữu mà các con ta được trả lại cho ta". Và trong lúc chim mái vui mừng, nó vừa nói với chim trống, vừa ngâm vần kệ nêu rõ hiệu lực của tình bằng hữu:

13. Rõ ràng kết bạn hữu đầy nhà,
Gặp bạn hiền: hoan lạc hiện ra,
Tên bắn trên quân bào bất lợi,
Ta mừng, an ổn các con ta.
14. Nhờ công giúp của bạn chân tình,
Chim bạn đến mong góp sức mình,
Đối đáp, chim non kêu ríu rít
Làm say lòng mẹ với âm thanh.
15. Người khôn nhờ bạn giúp bàn tay,
Sống với đàn con hạnh phuc đầy,
Ta với chồng con cùng đứng vững
Vì thân bằng hữu mến thương lây.
16. Dân cần bảo vệ bởi vua quan,
Những vị tình thân hữu vẹn toàn,
Hạnh phúc chàng mong: uy lực đủ

Là người hưng thịnh, lắm thân bằng.
17. Này Ưng, cần phải kiếm thân bằng
Dù bạn nghèo hèn hoặc yếu non,
Nay hãy xem: nhờ tình thắm thiết
Ta và gia quyến thảy bình an.
18. Chim Ưng tìm được bậc anh hùng Để đóng vai chim bạn thiết thân,

Ưng hỡi, như đôi ta hạnh phúc, Chim kia cũng hạnh phúc trong lòng.

Như vậy, chim mái nêu rõ đặc tính của tình bằng hữu qua sáu vần kệ. Từ đó đám bạn hữu sống với nhau suốt đời không làm đứt đoạn sợi dây thân ái, rồi lúc mạng chung, chúng đều đi theo nghiệp của mình.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại, bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên người này được hạnh phúc nhờ vợ mình, mà trước kia cũng vậy.

Cùng với những lời này, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, đôi vợ chồng này là đôi chim Ưng, Ràhula (La-hầu-la) là Rùa con, Moggallàna(Mục-kiền-liên) là Rùa cha, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là chim Ưng chúa và ta chính là Sư tử kia.

-ooOoo-

487. Chuyện nam tử Uddalaka (Tiền thân Uddalaka)

Hàm răng bẩn, áo da dê, tóc bện...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một người gian dối.

Người này, mặc dù đã đặt cuộc đời mình vào Giáo pháp đưa đến giải thoát, trong lúc muốn kiếm lợi dưỡng cần dùng để sống, đã hành động lừa đảo cả ba mặt. Tăng chúng đều rõ ra những ác hạnh của người này trong lúc bàn luận tại Chánh pháp đường:

- Này các Hiền giả, người đó sau khi đã đặt hết cuộc đời mình vào Chánh pháp của đức Phật đưa tới giải thoát, lại sống lừa dối kẻ khác!

Bậc Đạo Sư bước vào, và muốn biết Tăng chúng đang bàn luận gì tại đó. Tăng chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

- Đây không phải là lần đầu tiên, kẻ ấy trước kia cũng đã lừa dối rồi.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-Tát là một vị Tế sư rất thông thái. Một ngày kia, ngài vào vườn hoa để giải trí, chợt thấy một cô gái có sắc đẹp lẳng lơ, đâm say mê nàng và đem nàng về nhà mình chung sống.

Khi thấy mình thọ thai, nàng liền bảo ngài:

- Thưa Đại quan, thiếp đã có thai, khi sinh con, thiếp muốn đặt tên cho nó theo danh tánh của tổ phụ nó.

Song ngài suy nghĩ: "Chẳng bao giờ tên họ của một dòng quý tộc lại đặt cho đứa con hoang của một nô tỳ". Vì thế, ngài bảo:

- Này ái nương, cây này tên là Uddala (quế), nàng có thể đặt tên con là Uddalaka vì nó thọ thai ở gốc cây này.

Sau đó, ngài cho nàng một chiếc nhẫn có dấu hiệu riêng và bảo:

- Nếu nó là con gái, hãy dùng chiếc nhẫn này mà nuôi dưỡng nó cho lớn khôn, còn nếu là con trai thì hãy đem đến cho ta lúc nó trưởng thành.

Đến kỳ hạn, nàng sinh hạ một con trai và đặt tên là Uddalaka. Khi chàng trai lớn lên, chàng hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, cha con là ai thế?

- Là vị Tế sư đấy con ạ.

- Nếu vậy, con sẽ học các kinh thánh.

Thế là khi nhận được chiếc nhẫn từ tay mẹ và số học phí dành cho thầy giáo, chàng lên đường đi đến Takkasilà, và học ở đó với một giáo sư lừng danh thế giới.

Trong thời gian học tập, chàng thấy một đám người tu khổ hạnh. Chàng suy nghĩ: "Đám người kia chắc chắn phải có kiến thức vẹn toàn. vậy ta muốn học hỏi ở họ". Vì thế, chàng từ giã thế tục, và vì chàng ước mong được kiến thức, nên làm việc phục dịch các vị này, chỉ yêu cầu các vị ấy dạy lại cho chàng mọi kiến thức thông thái của họ. Thế rồi các vị ấy dạy cho chàng mọi điều hiểu biết, song giữa đám năm trăm người ấy chẳng có ai vượt chàng về kiến thức cả, chàng là người thông thái nhất.

Sau đó, đám người ấy tụ tập lại và bầu chàng làm thầy. Chàng bảo họ:

- Thưa các Tôn giả, các ngài sống suốt đời ở trong rừng ăn toàn hoa quả, củ rừng, tại sao các ngài không đi đến chỗ của người thế tục?

- Thưa Tôn giả, người đời muốn cúng dường chúng ta, nhưng lại muốn chúng ta trả ơn bằng cách thuyết Pháp, họ hay hỏi ta nhiều chuyện lắm. Vì sợ điều này nên chúng ta không muốn đến giữa người đời.

Chàng đáp:

- Thưa các Tôn giả, nếu các ngài có ta cùng đi, thì cứ để một vị Chuyển luân vương cật vấn, một mình ta sẽ giải đáp ổn thỏa, chớ sợ gì cả.

Thế là chàng cùng hội chúng đi du hành khất thực để sống và cuối cùng đến Ba-la-nại, trú ngụ trong vườn ngự uyển. Hôm sau, cùng với cả đám ấy chàng khất thực ở một làng trước cổng thành. Dân chúng bố thí rất nhiều. Ngày hôm sau nữa, các nhà tu khổ hạnh

đi qua kinh thành, dân chúng lại bố thí rất nhiều. Vị khổ hạnh Uddalaka nói lời tùy hỷ công đức rồi giải đáp các lời chất vấn. Dân chúng rất hoan hỷ và lại cúng dường phong phú cho hội chúng mọi thứ cần dùng.

Toàn kinh thành vang dậy tin đồn:

- Một vị giáo sư thông thái mới đến, một vị Thánh nhân khổ hạnh.

Và vua nghe được tin đó. Nhà vua hỏi:

- Các vị ấy đang ở đâu?

Dân chúng tâu:

- Trong ngự uyển.

Nhà vua bảo:

- Tốt lắm, hôm nay ta sẽ đi thăm các vị ấy.

Một người đi báo với Uddalaka:

- Đức vua sẽ đến viếng các Tôn giả hôm nay.

Chàng gọi hội chúng lại và bảo:

- Này các Tôn giả, đức vua sắp đến, hãy chiếm cho được ân vua trong một ngày cũng đủ cho cả đời người.

- Vậy ta phải làm gì, thưa Sư trưởng?

Chàng đáp:

- Một vài vị phải chịu khổ hình treo người lủng lẳng, vài vị ngồi xổm dưới dất, vài vị nữa nằm trên giường chông, vài vị khác chịu khổ hạnh với năm ngọn lửa, thêm vài vị ngâm mình xuống nước và vài vị tụng Thánh kinh ở chỗ này chỗ nọ.

Các vị ấy làm y lời.

Chính chàng cùng độ mười vị hiền giả ngồi trên một chỗ đã soạn sẵn có lót gối dựa, bàn luận với nhau, có một quyển sách đẹp cân xứng nằm trên một cái giá mực sang trọng bên cạnh chàng, và thính chúng vây quanh.

Lúc ấy, vua và vị Tế sư cùng với đám tùy tùng đông đảo bước vào ngự uyển, và vua khi thấy tất cả hội chúng ở đây đang chuyên chú trong dáng điệu khổ hạnh như vậy, vua rất hoan hỷ, nghĩ thầm: "Các vị này đều giải thoát khỏi nỗi lo âu về các cõi dữ ở đời sau rồi". Khi đến gần Uddalaka, vua ân

cần đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Rồi với lòng hân hoan, vua bắt đầu nói chuyện với vị Tế sư và ngâm vần kệ đầu:

1. Hàm răng bẩn, áo da dê, tóc bện,
Miệng thì thầm lời thánh đạo bình an,
Chẳng từ nan nhiều phương tiện hiền nhân,

Chắc đã đạt Chân như và Giải thoát.
Nghe vậy, vị Tế sư nghĩ:

- Đức vua hoan hỷ ở một chỗ đáng lẽ không nên hoan hỷ, vậy ta không được giữ yên lặng.

Rồi ngài ngâm vần kệ:

2. Một trí nhân có thể làm ác hạnh,
Một trí nhân có thể chẳng chánh chân,
Ngàn câu Vệ-đà chẳng tạo an toàn
Khi việc hỏng, hoặc cứu người lâm nạn.
Khi Uddalaka nghe những lời này, liền nghĩ thầm:

"Vua hài lòng về những vị khổ hạnh này, song vị Tế sư lại đụng ngay vào mõm con bò khi chạy quá nhanh, làm rơi đồ dơ vào dĩa cơm đã dọn sẵn, ta phải nói chuyện với vị ấy mới được". Vì thế, chàng đáp lời ngài qua vần kệ thứ ba:

3. Ngàn câu Vệ-đà chẳng tạo an toàn
Khi việc hỏng, hoặc cứu người nguy khốn:
Kinh Vệ-đà hẳn là đồ vô dụng,
Chánh đạo là: làm chánh, tự điều thân.
Vị tế sư nghe vậy, liền ngâm vần kệ thứ tư:

4. Không phải thế, Vệ-đà không vô dụng,
Dù tự điều thân là đạo chánh chân,
Học Vệ-đà vẫn mang lại vinh quang,
Song ta đạt tối an nhờ chánh hạnh.
Bấy giờ, Uddalaka suy nghĩ: "Gây gỗ với vị này sẽ không bao giờ ích lợi đâu. Nếu ta bảo ngài: ta chính là con trai của ngài, ngài phải thương yêu ta. Vậy ta phải quyết cho ngài biết ta là con của ngài". Thế rồi chàng ngâm vần kệ thứ năm:

5. Cha mẹ và thân quyến họ hàng
Đòi ta chăm sóc với yêu thương,
Mẹ cha là bản thân con đó,
Con Ud-da-la chính búp non
Từ gốc rễ nhà ngài quý tộc,
Thưa ngài, Tôn giả Bà-la-môn.
- Thế con chính là Uddalaka đấy ư? Ngài hỏi. Chàng đáp:

- Thưa, chính phải.

Sau đó, ngài hỏi:

- Trước kia, ta đã cho mẹ con một vật làm tin, nay nó đâu rồi?

Chàng đáp:

- Thưa Tôn giả Bà-la-môn, chính nó đây!

Rồi chàng trao chiếc nhẫn cho ngài. Ngài nhận ra chiếc nhẫn ấy rồi bảo:

- Con là một Bà-la-môn hẳn nhiên rồi, song có biết phận sự của một Bà-la-môn chăng?

Ngài hỏi về các phận sự này qua vần kệ thứ sáu:

6. Điều gì thành tựu một La-môn,
Vị ấy làm sao được thiện toàn?
Hãy nói thế nào người chánh hạnh,
Làm sao đạt hạnh phúc Niết-bàn?
Uddalaka giải thích việc ấy qua vần kệ thứ bảy:

7. Bỏ đời, sùng bái lửa thiêng hồng,
Vung gậy tế đàn, rảy nước trong,
Phận sự làm xong, người tán tụng,
La-môn như vậy được an lòng.
Vị tế sư lắng nghe chàng kể các phận sự của một vị Bà-la-môn như vậy, xong ngài ngâm vần kệ thứ tám để phê bình chuyện ấy như sau:

8. Rảy nước không làm sạch Đạo nhân,
Thiện toàn chẳng phải việc đăng đàn,
Cũng không an ổn và thân ái,
Chẳng đạt tối cao, lạc Niết-bàn.
Nghe thế, Uddalaka lại hỏi:

- Nếu việc này không làm thành một Bà-la-môn, thế thì việc gì?

Và chàng ngâm vần kệ thứ chín:

9. Điều gì thành tựu hạnh La-môn
Vị ấy làm sao được thiện toàn,
Xin bảo thế nào người chánh hạnh,
Làm sao thành tựu lạc Niết-bàn?
Vị Tế sư đáp lời qua vần kệ khác:

10. Người không của cải, chẳng nương đồng,
Không có họ hàng, chẳng ước mong,
Chẳng thiết cuộc đời, không ái dục,
Hoặc không ác hạnh, thảy đều không.
Đạo nhân vậy đạt tâm thanh tịnh,
Giữ phận chánh chân, được tán đồng.
Sau đó, Uddalaka lại ngâm kệ nữa:

11. Công, nông, giáo sĩ, đến vua quan,
Nô lệ, Chiên-đà, các tiện dân,

Tất cả những người đầy trắc ẩn,
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn.
Vậy ai cao trọng, ai hèn kém
Giữa các Thánh hiền tối thượng chăng?
Khi đó, vị Bà-la-môn kia ngâm vần kệ nêu rõ ràng không có ai cao, ai thấp khi đã đạt Thánh quả:

12. Công, nông, giáo sĩ, đến vua quan,
Nô lệ, Chiên-đà, các tiện dân,
Tất cả những người đầy trắc ẩn,
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn,
Chẳng ai cao trọng, ai hèn kém
Giữa các bậc hiền Thánh đại nhân.
Song Uddalaka phê bình điểm này bằng cách ngâm vần kệ:

13. Công, nông, giáo sĩ, đến vua quan,
Nô lệ, Chiên-đà, các tiện dân,
Tất cả những người này đức hạnh
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn,
Chẳng ai cao trọng, ai hèn kém,
Giữa các bậc hiền Thánh đại nhân;
Giáo sĩ, vậy ngài vô tích sự,
Hư danh địa vị, hẳn rồi chăng?
Đến đây, vị Tế sư ngâm đôi vần kệ nữa, cùng với một ví dụ:

14. Với tấm vải thô nhuộm đủ màu,
Ngôi đình được dựng, mái đình cao,
Đỉnh tròn, rực rỡ đầy màu sắc,
Bóng đổ một màu vẫn giống nhau.
15. Vậy khi nhiều kẻ đạt thanh tâm Tại chính nơi đây, giữa cõi trần,

Người thiện thấy toàn là bậc Thánh, Chẳng hề hỏi huyết thống nguồn căn.

Bấy giờ, Uddalaka không còn nói gì được nữa, nên chàng ngồi yên lặng. Lúc ấy, vị Tế sư Bà-la- môn nói với vua:

- Tâu Đại vương, tất cả bọn này đều là phường dối trá, toàn cõi Diêm-phù sẽ bị suy tàn vì nạn lừađảo kia. Xin Đại vương hãy khuyến dụ Uddalaka từ bỏ việc hành trì khổ hạnh của nó và làm Tế sư theo gót hạ thần, lại cho phép đám người này khỏi phải tu tập khổ hạnh, rồi cho chúng đủ gươm, giáo, mộc để làm tùy tùng của Đại vương.

Vua chấp nhận, làm theo lời ngài dạy và tất cả bọn ấy đều đến phụng sự vua.

*

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên, mà kẻ này trước kia cũng đã làm một tên lừa đảo.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Tỷ-kheo gian dối này là Uddalaka, Ànanda là vua và Ta chính là vị Tế sư.

-ooOoo-

488. Chuyện củ sen (Tiền thân Bhisa)

Mong nhiều trâu ngựa, lắm kim ngân...,

Chuyện này do bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất.

Trường hợp này cũng sẽ xuất hiện trong số 531, Tiền thân Kusa. Ở đây, một lần nữa, bậc Đạo Sư hỏi:

- Này Tỷ-kheo, có đúng là ông đã thối thất chăng?

- Bạch Thế Tôn, quả đúng vậy.

- Vì cớ gì?

- Bạch Thế Tôn, vì ác dục.

- Tại sao, này Tỷ-kheo, ông lại thối thất, sau khi đã hành trì đạo lý này trước khi đưa đến Giải thoát, và tất cả chỉ vì ác dục? Ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, những bậc trí nhân khởi đầu cuộc sống tu hành, ngay cả những vị ngoại đạo cũng đã phát hạnh nguyện và đoạn trừ ngay các tưởng khởi lên có liên hệ các dục hoặc sức cám dỗ của dục.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con trai của một đại danh gia Bà-la-môn có tài sản đến tám trăm triệu đồng tiền. Gia đình đặt tên ngài là Mahà-Kancana hay Đại chúa tể Hoàng kim. Vào lúc ngài mới biết đi chập chững, một bé trai khác lại sinh ra đời trong nhà vị Bà-la-môn ấy và được đặt tên là Upa-kancana hay Tiểu chúa tể Hoàng kim. Cứ như vậy, bảy nam nhi liên tiếp ra đời và cuối cùng là một quý nữ, được đặt tên là Kancana-devi hay Công nương Hoàng kim.

Khi Mahà-Kancana lớn lên, ngài đi học tập tại Takkasilà đầy đủ mọi môn học thuật rồi ngài trở về nhà. Lúc ấy, song thân ngài muốn lập cho ngài một gia thất riêng. Hai vị bảo:

- Cha mẹ sẽ tìm cho con một thiếu nữ nhà lành để kết bạn xứng đáng với con, rồi con sẽ yên bề gia thất.

Song ngài đáp:

- Thưa cha mẹ, con không muốn lập gia đình. Đối với con, ba cõi sinh hữu đều như lửa đốt, bị trói buộc xiềng xích như ngục tù, đáng ghê tởm tựa đống phân. Con chẳng hề có

ý nghĩ gì về việc đó, dù chỉ là trong giấc mộng. Cha mẹ có các con trai kia, xin bảo chúng làm chủ gia đình và để cho con yên thân.

Dù hai vị van nài ngài nhiều lần, nhờ bạn hữu của ngài đến năn nỉ ngài tận miệng, ngài cũng chẳng muốn gì về việc ấy cả. Sau đó, bạn bè hỏi ngài:

- Này hiền hữu, thế bạn muốn gì mà bạn chẳng thiết tha đến việc tận hưởng tình yêu và lạc thú?

Ngài bảo họ ngài đã từ bỏ thế tục. Khi song thân hiểu việc này, hai vị đề nghị việc kia với các con trai thứ, nhưng chẳng ai chịu nghe cả, ngay cả nương tử Kancana cũng không. Dần dà cha mẹ qua đời. Trí giả Mahà-kancana làm lễ an táng song thân xong, với kho tàng tám trăm triệu ấy, ngài phân phát hào phóng cho tất cả đám hành khất và du sĩ, rồi ngài đem sáu em trai cùng em gái, một gia nhân và một nữ tỳ cùng một người bạn đường, ngài làm đại sự xuất gia và sống ẩn dật trong dãy Tuyết Sơn.

Tại đó, trên một vùng đất vừa ý gần một hồ sen, các vị xây một khu am thất ẩn cư tu hành và ăn toàn trái cây, củ rừng. Khi họ vào rừng, chỉ đi từng người một, nếu có vị nào thấy trái cây hay lá rau gì liền gọi các vị kia và tại đó, vừa bảo nhau những điều gì nghe thấy được, các vị vừa thu lượm các thức ăn sẵn có, chẳng khác gì cái chợ nhỏ trong làng. Song bậc Sư trưởng, vị khổ hạnh Mahà- kancana lại nghĩ thầm:"Ta đã bỏ qua cả gia sản tám trăm triệu và sống đời tu hành, rồi để ham đi quanh quẩn kiếm trái rừng, thật chẳng hợp lý. Từ nay, ta muốn một mình ta đi lượm trái rừng thôi". Sau đó, trở về nhà, buổi tối, ngài tập họp mọi người lại và nói cho họ biết ý định của ngài:

- Các em cứ ở đây, và tu tập đời ẩn sĩ, để ta đi hái quả cho các em.

Nghe vậy, Upa-kancana và các người kia ngắt lời:

- Chúng tiểu đệ đã theo hiền huynh đi tu hành, vậy chính hiền huynh phải ở nhà và tu tập đời ẩn sĩ, và hiền muội cũng ở nhà nữa, cùng với nữ tỳ. Tám người chúng em thay phiên nhau đi hái quả, còn ba người ở nhà khỏi làm việc ấy.

Ngài đồng ý.

Từ đó, tám người này thay phiên nhau đem trái cây về từng người một: Các người kia nhận được phần chia trong số kiếm được và mang đi về am thất của mình, rồi ở trong lều tranh riêng của mỗi người. Như vậy, các vị ấy không gặp gỡ nhau nếu không có duyên cớ. Người nào đến phiên mang thức ăn vào để ở một khu đất có rào thì đặt trên một phiến đá phẳng, chia ra mười một phần rồi đánh cồng lên, rồi lấy phần mình đi về nhà mình. Khi nghe tiếng cồng, các vị kia đến, không chen lấn nhau mà theo đúng lễ nghi trật tự, nhận phần mình đã được chia từ các thức kiếm được, rồi trở về nhà mình mới ngồi ăn, và sau đó lại tiếp tục hành thiền, tu tập khổ hạnh.

Sau một thời gian, họ lượm các củ sen để ăn và sống tại đó, tự hành xác với lửa nóng như thiêu như đốt và các loại cực hình khác, nên các giác quan đều tê liệt cả, trong khi họ cố hết sức để nhập định.

Vì công hạnh sáng chói của họ, chiếc ngai của Sakka (Đế Thích) Thiên chủ rung động lên. Ngài bảo:

- Các vị này chỉ thoát khỏi tham dục thôi, hay họ là các vị hiền nhân rồi? Họ có phải hiền nhân chăng? Nay ta muốn tìm hiểu xem sao.

Thế là nhờ thần lực của mình, suốt ba ngày, Thiên chủ làm cho phần thực phẩm của bậc Đạo Sư biến mất.

Ngày đầu tiên, khi không thấy phần mình, ngài nghĩ: "Có lẽ phần của ta đã bị quên mất". Vào ngày thứ hai: "Chắc hẳn ta có lỗi lầm nào. Chính là vì muốn nhắc nhở ta về điều này một cách cung kính mà người đó không chia phần cho ta". Vào ngày thứ ba: "Tại sao họ lại không chia phần cho ta như thế được? Nếu ta có gì lỗi lầm thì ta phải hòa giải phần mình trước".

Vì thế, buổi tối, ngài đánh cồng lên. Tất cả đều đến và hỏi ai đã đánh cồng.

- Này các hiền đệ, chính ta đánh.

- Thưa Tôn giả, tại sao vậy?

- Này các hiền đệ, trong ba ngày qua, ai đem thức ăn vào?

Một người đứng dậy nói:

- Chính tiểu đệ.

Rồi vị ấy vẫn đứng yên rất cung kính.

- Khi hiền đệ chia phần, có để dành phần cho ta chăng?

- Có chứ, thưa Tôn sư, đó là phần của vị Sư trưởng.

- Còn ai mang về thực phẩm hôm qua?

Một người khác đứng lên và nói:

- Chính tiểu đệ.

Rồi vị ấy kính cẩn đứng chờ.

- Thế hiền đệ có nhớ phần ta chăng?

- Tiểu đệ đã để phần Sư trưởng cho hiền huynh đấy.

- Thế hôm nay ai đem thực phẩm về?

Một người nữa đứng dậy và kính cẩn đứng chờ.

- Hiền đệ có nhớ chia phần cho ta không?

- Tiểu đệ đã để phần Sư trưởng cho hiền huynh đấy.

Ngài liền bảo:

- Này các hiền đệ, hôm nay là ngày thứ ba ta không có phần ăn. Ngày đầu tiên ta không thấy phần mình, ta nghĩ người nào chia phần đã quên ta. Ngày thứ hai, ta nghĩ chắc ta

đã phạm lỗi lầm gì. Song hôm nay, ta quyết định rằng nếu có lỗi lầm gì, ta sẽ hòa giải và vì thế ta đánh cồng triệu tập các tiểu đệ. Các hiền đệ bảo đã để các phần củ sen cho ta mà ta chẳng có được chút gì cả. Ta phải tìm hiểu xem ai đã lấy trộm và ăn hết phần đó. Khi ta đã từ bỏ cuộc đời và mọi tham dục ở đời rồi thì lấy trộm là chuyện không đúng đắn, dù chỉ là một củ sen.

Khi các vị kia nghe thấy lời ấy, họ đồng kêu to:

- Ôi, thật là một việc ác.

Và tất cả các vị đều lo lắng vô cùng.

Lúc bấy giờ, vị Thần trú trên cây gần am thất ấy, đó là cây cổ thụ lớn nhất rừng, bước ra ngồi giữa các vị. Cũng vậy, có một con Voi, không thể nào chịu nổi sự huấn luyện mà không đau đớn, nên phá chiếc cọc ở nơi nó bị trói vào, rồi chạy trốn vào rừng. Thỉnh thoảng, Voi thường đi đến kính lễ đám hiền giả này, nên bây giờ nó cũng đến đứng một bên. Có một con Khỉ đã được huấn luyện để làm trò với bầy Rắn, cũng chạy trốn thoát khỏi tay người luyện rắn vào trong rừng; nó ở tại vùng am thất ấy, nên hôm nay nó cũng đến kính lễ các hiền giả và đứng sang một bên. Thiên chủ Đế Thích quyết tâm thử các vị ẩn sĩ này nên cũng tàng hình đứng cạnh hội chúng.

Lúc ấy, vị em thứ hai của Bồ-tát, ẩn sĩ Upa-kancana, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ ngài rồi cúi chào khắp hội chúng và nói như sau:

- Bạch Tôn sư, không kể đến các người kia, tiểu đệ xin được phép thanh minh cho mình khỏi tội này chăng?

- Này hiền đệ, được lắm.

Vị ấy đứng lên giữa các hiền nhân và nói:

- Nếu đệ đã ăn các củ sen của Tôn huynh, đệ sẽ thành một người như vầy như vầy.

Và vị ấy trang nghiêm phát nguyện qua vần kệ đầu:

1. Mong nhiều trâu ngựa, lắm kim ngân,
Vợ quý, nó giữ gìn luyến thương,
Mong nó sinh nhiều trai gái đủ,
Kẻ ăn phần trộm của La-môn!
Nghe thế, các vị tu khổ hạnh kia đều đặt tay lên hai tai và kêu to:

- Không, không thưa Tôn giả, lời thề nguyền ấy quả thật nặng nề lắm!

Và Bồ-tát cũng nói:

- Này hiền đệ, lời nguyền của em nặng lắm đấy! Em không ăn phần đó, thôi, ngồi xuống nệm rơm đi.

Vị ấy, sau khi thề nguyện xong, liền ngồi xuống.

Người em thứ ba đứng lên đảnh lễ bậc Đại Sĩ và ngâm vần kệ thứ hai để thanh minh cho mình:

2. Mong nó nhiều con, lắm áo quần,
Vòng hoa tay khoác, ngát chiên-đàn,
Tâm tư sôi sục đầy tham dục,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi Đạo nhân!
Khi vị ấy ngồi xuống, các vị kia lần lượt ngâm vần kệ. Vị thứ tư:

3. Mong nó nhiều danh vọng, ruộng vườn,
Nhà kho, con cái, sẵn sàng dâng,
Nó không hiểu tháng năm dần mất,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi Đạo nhân!
Vị thứ năm:

4. Mong nó lừng danh đại tướng quân,
Đế vương tối thượng ngự huy hoàng,
Thế gian bốn cõi đều phần nó,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi Đạo nhân!
5. Mong nó trở thành một Đạo nhân,
Mà không chế ngự được tham sân,
Chỉ tin tinh tú, ngày lành tốt,
Được hiển vinh nhờ các đế vương
Ân thưởng, kẻ ăn phần trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!
Vị thứ sáu:

6. Vệ-đà, mong nó học uyên thâm,
Người quý trọng đức độ Thánh nhân,
Mong nó được muôn người bái phục,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!
Vị thứ bảy:

7. Ơn trời cho nó được ngôi làng,
Có đủ giàu sang, bốn loại hàng,
Khi chết, dục tham không chế ngự,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!
8. Nó làm lý trưởng, bạn quây quần,
Vũ khúc, hoan ca, nhạc đắm hồn,
Mong nó đầy tràn ơn lộc chúa,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!
Tiểu muội:

9. Mong nàng làm tuyệt thế giai nhân,
Chúa tể thế gian chọn má hồng,
Chánh hậu giữa muôn người toại ý,

Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!
Nô tỳ:

10. Khi mọi nữ tỳ tập họp xong,
Mong nàng oai vệ ngự ngai vàng,
Cao lương mỹ vị đầy ngon ngọt,
Kiêu hãnh vì ân phước của nàng,
Người đã lấy phần ăn trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!
Thần cây:

11. Mong nó bảo tồn viện Ka-jan, Trùng tu quang cảnh đã tiêu tàn,

Hàng ngày làm cửa song nhà mới, Kẻ trộm phần ngài, hỡi Đại nhân!

Con Voi:

12. Mong nó bị người bắt lấy thân,
Sáu trăm dây trói tự rừng hoang
Mang về thành, bị người vây đánh
Bằng gậy, giáo, gươm, phải phát cuồng!
Kẻ đã lấy phần ăn trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!
Con Khỉ:

13. Vòng hoa trên cổ, thiếc đeo tai,
Mong nó đi đường, khiếp sợ oai
Chiếc gậy luyện chơi gần lũ rắn,
Kẻ ăn phần trộm ấy, thưa ngài!
Khi cả hội cùng thề nguyện xong qua mười ba vần kệ này, bậc Đạo Sư suy nghĩ: "Có lẽ chúng tưởng chính ta nói dối rằng không có phần ăn để đó, trong khi nó vẫn có", vì thế, ngài cũng thề nguyền phần mình qua vần kệ thứ mười bốn:

14. Ai thề thực phẩm biến đi rồi,
Mà nếu không mất mát, vậy thời
Mong nó hưởng tràn đầy dục lạc,
Và mang kết quả việc kia hoài,
Ước mong cái chết đầy phàm tục
Số phận dành cho nó cuối đời,
Điều ấy cũng dành cho quí vị,
Nếu bây giờ quí vị nghi tôi!
Khi các bậc hiền nhân đã thề nguyền như thế xong, Đế Thích Thiên chủ nghĩ thầm: "Đừng sợ gì cả. Ta đã làm cho các củ sen kia biến mất để thử các người này và nay các vị ấy thề nguyền cả, lại đều ghê tởm hành động ấy như thể một cục đờm phải nhổ. Nay

ta muốn hỏi các vị tại sao lại ghê tởm dục tham như vậy". Thiên chủ đặt câu hỏi này để chất vấn Bồ-tát trong vần kệ tiếp, sau khi Thiên chủ đã hiện nguyên hình:

15. Người kiếm tìm luôn ở cõi trần
Cái điều vui đẹp, thiết thân lòng
Được nhiều kẻ ước mong mê mẩn.
Như vậy, vì sao các Thánh nhân
Lại chẳng tán dương nhiều sự việc
Vẫn thường ham muốn bởi phàm nhân?
Để trả lời câu hỏi này, bậc Đạo Sư ngâm hai vần kệ:

16. Tham dục là tai họa chết người,
Là dây xiềng xích trói trên đời,
Ở trong ác dục, ta tìm thấy
Đau khổ và kinh hãi cả thôi.
Khi bị dục tham nào cám dỗ,
Vua thường phạm tội, đắm say hoài!
17. Phải vào địa ngục, các phàm nhân
Gây tội, khi tan rã nhục thân,
Vì biết khổ đau trong ác dục,
Bậc hiền chê trách, chẳng đồng lòng.
Khi Đế Thích Thiên chủ nghe bậc Đạo Sư giải thích xong, lòng đầy xúc động nên ngài ngâm vần kệ này:

18. Chính ta trộm, thử các hiền nhân,
Ta đặt bên hồ các thức ăn,
Bậc trí thật hiền lương thánh thiện,
Hỡi người Phạm hạnh, hãy nhìn phần!
Nghe thế, Bồ-tát liền ngâm kệ nữa:

19. Chúng ta không múa rối vui chơi,
Làm các trò tiêu khiển với ngài,
Chẳng quyến thuộc ngài, hay bạn hữu,
Tại sao vậy thế, hỡi vua trời?
Thưa ngài Ngàn mắt, sao ngài nghĩ
Bậc trí bày trò giải trí thôi?
Đế Thích Thiên chủ ngâm vần kệ thứ hai mươi để làm lành với ngài:

20. Ngài chính là Sư trưởng đại nhân,
Chính ngài là một vị cha thân,
Chở che cho trẫm đà sai phạm,
Xin hãy thứ tha trót lỗi lầm;
Chẳng có bao giờ, thưa Thánh giá,

Bậc hiền lại phát khởi lòng sân!
Bậc Đạo Sĩ liền tha thứ cho Thiên chủ Đế Thích và về phần ngài, để hòa giải với các Thánh nhân kia, ngài ngâm vần kệ nữa:

21. An lạc một đêm với Thánh nhân,
Chúng ta hội kiến đấng Thiên vương,
Chư Hiền, hãy đẹp lòng khi thấy
Thực phẩm mất, nay được phục hoàn.
Đế Thích Thiên chủ liền đảnh lễ hội chúng hiền nhân rồi trở về thiên giới. Còn các vị ấy đã làm cho phát khởi Thiền định và các Thắng trí trong tâm, nên về sau được sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, như vậy, các bậc trí ngày xưa đã phát hạnh nguyện và từ bỏ ác dục.

Nói xong, Ngài thuyết giảng các Sự Thật. Vào lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo thối thất kia đãđược an trú vào Sơ quả Dự Lưu. Và ngài ngâm ba vần kệ này để nhận diện Tiền thân:

22. Mục-liên, Xá-lợi-phất và Ta,
Ca diếp, A-na-luật, Phú-na, (1),
Cùng với A-nan-đà thuở ấy
Thất Hiền Huynh Đệ chốn kia mà.
23. Liên Hoa Sắc, tiểu muội ngày xưa,
Tỳ nữ, Khuj-ju (2), thuở bấy giờ,
Cổ thụ Thần kia, Sà-tá (3) đó,
Cit-ta Gia chủ, chính gia nô.
24. Con Voi ngày trước chính Par-ley (4)
Con Khỉ là Ma-dhu-sét đây, (5)
Đế Thích là Ka-lu (6) thuở ấy,
Chúng Tăng giờ hiểu Tiền thân này.
Chú thích: (1) Punna; (2) Khujjutarà; (3) Satàgira; (4) Pàrileyya; (5) Madhuvasettha; (6) Kàludàyi

-ooOoo-

489. Chuyện Đại Vương Huy Hoàng (Tiền thân Suruci)

Thiếp là chánh hậu chúa Ru-ci...,

Chuyện này do bậc Đạo Sư kể trong lúc trú gần Xá-vệ trong tòa nhà của Lộc mẫu, về việc bà nữ cư sĩ đệ nhất Visàkhà này đã được Ngài ban Tám điều Nguyện ước như thế nào.

Một buổi nọ, bà ấy nghe thuyết Pháp ở Kỳ Viên xong, rồi trở về nhà, sau khi mời đức Phật và chúng đệ tử của Ngài đến nhà vào ngày hôm sau.

Nhưng khuya hôm ấy một cơn cuồng phong dữ dội hoành hành cả bốn châu thiên hạ, đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo như sau:

- Khi mưa rơi ở Kỳ Viên, này các Tỷ-kheo, thì mưa cũng rơi khắp bốn châu thế giới. Các ông hãy thấm nhuần ơn mưa móc đến tận thịt da: vì đây là cơn đại cuồng phong cuối cùng của Ta thổi khắp thế giới.

Rồi cùng với các Tỷ-kheo thân mình đã thấm ướt nước mưa, Ngài dùng thần lực biến mất khỏi Kỳ Viên và xuất hiện trong gian phòng khách của tòa nhà bà Visàkhà. Bà kêu lên:

- Thật hi hữu thay! Thật linh diệu thay là thần thông lực của đức Như Lai thị hiện! Nước ngập lụt đến tận đầu gối, nước ngập lụt đến tận thắt lưng, mà chẳng có bàn chân hay chiếc y của một Tỷ- kheo nào bị ướt cả!

Trong nỗi hân hoan tràn trề ấy, bà cùng đám tín nữ phục vụ đức Phật và Tăng chúng. Sau buổi thọ thực, bà thưa với đức Phật:

- Thật tình con ước ao nhận được nhiều thỉnh nguyện từ đức Thế Tôn.

- Này Visàkhà, các đức Như Lai có vô lượng ân lành.

- Song những điều thỉnh nguyện này xin được ban cho chúng con, những điều này không lỗi lầm!

- Này Visàkhà, cứ nói đi!

- Con ước ao rằng suốt đời con được quyền dâng áo khoác về mùa mưa cho Tăng chúng, thực phẩm cho các vị khách đến thăm nhà, thực phẩm cho Tăng chúng du hóa đường xa, thực phẩm cho các vị bị bệnh, thực phẩm cho những vị Tỷ-kheo phục vụ các bệnh nhân, thuốc men cho các bệnh nhân, thường xuyên cúng dường cháo gạo và suốt đời cúng dường y phục cho các Tỷ-kheo ni khi đi tắm.

Bậc Đạo Sư đáp:

- Này Visàkhà, bà dự định làm công đức gì khi bà thỉnh cầu Như Lai Tám Nguyện ước này?

Bà liền thưa với ngài những lợi lạc mà bà mong có được, và Ngài đáp:

- Lành thay, lành thay, này Visàkhà, thật tốt lành thay là điều lợi lạc mà bà mong sẽ được khi thỉnh cầu Như Lai Tám Nguyện ước này.

Rồi ngài bảo:

- Này Visàkhà, Ta cho bà Tám đặc ân này đó.

Sau khi ban cho bà tám Thỉnh Nguyện ấy xong và nói lời tùy hỷ công đức, Ngài ra về.

Một hôm, khi bậc Đạo Sư đang trú tại Đông Viên, Tăng chúng bắt đầu bàn luận việc này trong Chánh Pháp đường:

- Này hiền hữu, nữ thí chủ Visàkhà, dù là nữ nhân, đã được chính đấng Thập Lực ban cho tám Thỉnh nguyện.Công đức của bà ấy thật cao cả thay!

Bậc Đạo Sư bước vào và hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì. Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:

- Đây không phải là lần đầu tiên nữ nhân này nhận được những Thỉnh nguyện từ Ta, vì bà ấy xưa kia cũng đã nhận được như vậy.

Rồi Ngài kể cho Tăng chúng một chuyện quá khứ.

*

Một thời, có vị vua Suruci trị vì tại Mithilà. Vua này có một vương tử đặt tên là Suruci Kumàra, hay vương tử Huy Hoàng. Khi chàng lớn lên, chàng quyết định đi du học tại Takkasilà, vì thế chàng đến đó và ngồi nghỉ ở một sảnh đường tại cổng thành. Bấy giờ vương tử của vua Ba-la-nại tên là vương tử Brahmadatta cùng đi đến đó, và ngồi nghỉ trên cùng một chiếc ghế dài mà vương từ Suruci đã ngồi. Hai người trò chuyện và kết bạn với nhau, rồi cả hai cùng đi đến vị giáo thọ kia. Hai chàng trả học phí và học tập, chẳng bao lâu, việc học đã hoàn tất.

Rồi hai chàng từ giã thầy dạy và cùng nhau lên đường. Sau khi đi một đoạn ngắn, họ dừng lại ở một nơi có ngã rẽ, cả hai ôm nhau từ biệt, và để giữ mãi tình bạn thấm thiết, hai vị giao ước với nhau:

- Nếu ta có con trai và bạn có con gái hoặc bạn có con trai và ta có con gái thì chúng ta sẽ kết đôi cho chúng.

Khi hai vị lên ngôi, vua Suruci sinh hạ một vương tử và cũng đặt tên vương tử là Suruci. Còn vua Brahmadatta sinh con gái đặt tên là Sumedha hay công chúa Thiện Trí.

Vào đúng thời lớn khôn, vương tử Suruci đi đến Takkasilà để học tập và khi việc học hoàn tất, lại trở về. Sau đó vua cha muốn phong vương cho con mình bằng lễ quán đảnh, và nghĩ thầm: "Bạn ta là vua Ba-la-nại đã sinh con gái, ta nghe nói vậy. Nay ta muốn cưới nàng ấy làm vương hậu cho con ta". Vì mục đích trên, vua phái đám sứ thần đem các sính lễ rất sang trọng ra đi.

Song trước khi sứ bộ đến nơi, vua Ba-la-nại hỏi bà chánh hậu điều này:

- Này ái hậu, điều gì là nỗi khổ đau nhất đối với một nữ nhân?

- Muôn tâu, đó là việc tranh chấp với các thê thiếp khác của chồng mình.

- Vậy thì, này ái hậu, để tránh cho con gái duy nhất của ta là công chúa Sumedha khỏi nỗi khổđau ấy, ta sẽ chẳng gả con cho một ai, ngoại trừ người nào chỉ cưới một mình nàng, chứ không có thê thiếp khác.

Vì vậy khi các sứ thần đến, và nêu danh hiệu công chúa để cầu hôn, vua bảo họ:

- Này các hiền hữu, quả thực ta đã hứa gả con gái ta cho con của vị vua thân bằng của ta ngày xưa. Song chúng ta không muốn thả con gái vào giữa một đám nữ nhân. Vì vậy chúng ta muốn gả con gái cho vị vua nào chỉ cưới một mình nàng, chứ không thêm ai khác.

Các sứ giả đem thông điệp ấy về tâu với vua. Nhưng vua này phật ý, bảo:

- Nước ta là một đại vương quốc với kinh thành Mi-thi-la chiếm bảy dặm, toàn thể đất nước gồm cả ba trăm dặm. Một vị đại vương như vậy phải có cả mười sáu ngàn cung phi là ít nhất.

Còn vương tử Suruci vừa nghe danh tiếng dung sắc tuyệt mỹ của công chúa Sumedha liền đâm ra si tình công chúa dù chỉ là nghe đồn thôi, nên chàng nhờ thưa lại song thân là:

- Con quyết sẽ cưới một mình nàng chứ không thêm ai khác nữa. Con có cần gì cả đám nữ nhân kia chứ? Xin đi cưới nàng về ngay.

Hai vị không cản trở ước vọng của chàng, liền gửi sính lễ sang trọng cùng một đám sứ thần đông đảo đi rước nàng về cung. Thế là nàng được phong làm vương hậu và cả hai người đều được tôn lên ngôi bằng lễ quán đảnh (rảy nước lên đầu).

Chàng trở thành quốc vương Suruci, cai trị rất đúng pháp và sống rất hạnh phúc với hoàng hậu. Song dù nàng đã về sống ở nhà chồng đến mười ngàn năm, nàng chẳng hề sinh hạ con trai hay con gái gì cả.

Sau đó, dân chúng tụ tập lại trước sân chầu với những lời trách móc. Vua hỏi:

- Có chuyện gì thế?

Dân chúng tâu:

- Chúng thần chẳng thấy lỗi lầm nào ngoại trừ việc này: Đó là Chúa thượng không có con trai để nối dõi. Chúa thượng chỉ có một chánh hậu, tuy nhiên một quốc vương phải có ít nhất là mười sáu ngàn cung tần. Xin Chúa thượng hãy tuyển một đám phi tần mỹ nữ, rồi một thứ phi xứng đáng sẽ hạ sinh cho Chúa thượng một hoàng nam.

- Này, các hiền hữu nói điều gì thế? Ta đã hứa không cưới ai khác ngoài hoàng hậu và theo những điều kiện thỏa thuận trên mà ta đã chiếm được nàng làm vợ. Ta không thể nuốt lời được, ta không cần cả một đám nữ nhân đâu.

Như thế vua từ chối lời thỉnh cầu của dân nên họ ra về. Song Sumedha nghe được câu chuyện. Bà nghĩ thầm: "Đức vua từ chối việc tuyển chọn cung phi vì lòng trung tín của ngài, được rồi, ta sẽ tìm thê thiếp khác cho ngài". Bà vừa đóng vai người mẹ, cùng vai người vợ đối với vua, nên bà tự nguyện tuyển một mgàn công nương thuộc dòng Sát-đế-ly, một ngàn tiểu thư của các con quan trong triều, một ngàn thiếu nữ nhà lành, một ngàn vũ nữ đủ loại, tổng cộng bốn ngàn, rồi đem dâng vua.

Các nàng ấy sống trong cung suốt mười ngàn năm cũng chẳng hề sinh con cái gì cả. Cứ theo cách ấy, ba lần nữa, bà dâng vua bốn ngàn cung nữ, song họ chẳng sinh được con

cái gì. như vậy bà đã dâng vua cả mười sáu ngàn cung tần mỹ nữ. Bốn mươi ngàn năm trôi qua, nghĩa là năm mươi ngàn năm tất cả, tính luôn mười ngàn năm vua đã chỉ sống với một mình hoàng hậu thôi. Sau đó, dân chúng lại tụ tập với những lời trách móc; vua hỏi:

- Cái gì đây nữa?

- Tâu Chúa thượng, xin ngài ra lệnh cho các cung phi cầu tự.

Từ đó, để cầu tự, các nàng cúng bái đủ các loại thần linh và thề nguyền khấn khứa đủ mọi cách, tuy thế, vẫn không có vương tử nào xuất hiện. Rồi vua ra lệnh cho bà Sumedha cũng phải cầu tự, hoàng hậu thỏa thuận.

Vào dịp lễ Trai giới ngày mười lăm (rằm) trong tháng, hoàng hậu giữ hạnh nguyện Bát quan Trai giới và ngồi trầm tư về các công đức trong một cung thất lộng lẫy trên một sàng tọa êm ái. các cung nữ khác đều ở trong ngự uyển, cầu nguyện sẽ cúng tế đủ loại dê bò. Vì công đức sáng chói của hoàng hậu Sumedha nên cung điện của Thiên chủ Sakka (Đế Thích) rúng động.

Đế Thích Thiên chủ suy xét và hiểu rằng bà Sumedha đang cầu tự. "Được rồi, bà sẽ được một hoáng nam. Song ta không thể ban cho bà một hoàng nam này hay một hoàng nam nọ một cách thiếu quan tâm, mà ta muốn đi tìm một vị nào xứng đáng". Rồi ngài thấy một Thiên tử còn trẻ tên là Nalakàra, Người Đan giỏ.

Chàng có đầy đủ đức độ thiện hạnh, trong một đời trước đó sống ở Ba-la-nại, thì chuyện này xảy ra cho chàng. Vào mùa gieo hạt, khi chàng ra đồng, chàng gặp một vị Độc Giác Phật. Chàng bảo các tá điền gieo hạt, cúng dường một bữa ăn rồi dẫn vị ấy trở lại bờ sông Hằng. Chàng cùng con trai dựng túp lều, trụ bằng thân cây sung và đan kết lau sậy làm vách tường, gắn cửa vào và dọn một lối đi. Chàng mời vị Độc Giác Phật ở đó suốt ba tháng và khi hết mùa mưa, hai cha con chàng đắp lên Ngài ba chiếc y rồi để Ngài ra đi. Cùng cách ấy, hai cha con thiết đãi đồ ẩm thực bảy vị Độc Giác Phật trong túp lều ấy rồi cúng dường mỗi vị ba chiếc y, xong để các vị ai đi đường nấy.

Vì vậy, dân chúng vẫn kể chuyện hai cha con làm nghề đan giỏ, tìm các cây liễu trên bờ sông Hằng (để lấy gỗ đan giỏ) và hễ khi nào thấy một vị Độc Giác Phật thì họ cúng dường như trướcđã nói. Lúc mạng chung, họ được tái sinh vào cõi trời Ba mươi ba, và cứ an trú sáu tầng trời cõi Dục liên tục tới lui theo vòng luân hồi sinh tử, tận hưởng vinh quang tột đỉnh giữa chư Thiên.

Hai vị ấy sau khi mạng chung ở cõi này lại ước mong được lên các thiên giới cao hơn. Đế Thích Thiên chủ nhận thức rằng một trong hai vị Thiên tử này sẽ thành đức Như Lai, nên Thiên chủ đến cửa cung của hai vị, đảnh lễ vị ấy khi vị ấy đứng lên chào đón Thiên chủ và bảo:

- Thưa Tôn giả, ngài nên sinh vào thế giới loài người.

Song vị Thiên tử bảo:

- Tâu Đại vương, thế giới loài người đầy hận thù đáng kinh tởm, những người ở đó làm thiện sự và bố thí, cũng đều ước mong được lên thiên giới. Vậy thần xuống đó làm gì chứ?

- Thưa Tôn giả, ngài sẽ được hưởng trọn vẹn mọi lạc thú có thể hưởng được trong nhân giới; ngài sẽ ngự trong một cung điện làm toàn bằng bảo ngọc cao hai mươi lăm dặm. Xin ngài đồng ý cho.

Vị Thiên tử liền chấp thuận. Khi Đế Thích Thiên chủ đã được vị ấy hứa lời rồi, liền giả dạng một hiền nhân giáng xuống ngự viên, xuất lộ nguyên hình vừa bay lượn trên đầu các cung phi này, vừa ca hát:

- Ta sẽ ban diễm phúc cho ai được một nam tử đây? Ai mong được diễm phúc có một nam tử đây?

- Thưa ngài, xin cho con, xin cho con!

Hàng ngàn cánh tay giơ lên. Sau đó Thiên chủ bảo:

- Ta sẽ ban các nam tử cho những người đức độ: vậy về công đức các nàng làm được những gì? Cuộc đời các nàng, lối sống các nàng ra sao?

Họ đều hạ tay xuống và thưa:

- Nếu ngài muốn thưởng công cho người đức hạnh thì xin ngài đi tìm chành hậu Sumedha.

Ngài liền bay qua không gian và dừng lại ở cửa sổ cung thất của bà. Khi đó đám cung nữ đến trình với bà:

- Tâu lệnh bà, một vị Thiên chủ đã bay qua không gian và đứng ngay tại cửa sổ cung thất lệnh bà để ban cho lệnh bà diễm phúc được một vương tử!

Bà liền đến đó đón ngài vô cùng trọng thể. Vừa mở cửa sổ ra, bà vừa hỏi:

- Tâu Thiên chủ, tiện thiếp trộm nghe rằng ngài sẽ ban diễm phúc cho một nữ nhân đức hạnh được một nam tử, có đúng vậy chăng?

- Đúng vậy, ta sẽ làm như thế.

- Vậy xin ngài làm ơn ban cho tiện thiếp diễm phúc ấy.

- Hãy cho ta biết Chánh hậu đã tạo được công đức gì, rồi nếu chánh hậu làm đẹp ý ta, ta sẽ ban cho diễm phúc ấy.

Bà liền ngâm mười lăm vần kệ này nêu rõ công đức của mình:

1. Thiếp là chành hậu chúa Ru-ci,
Vương hậu đầu tiên chúa cưới về,
Với chúa Su-ru-ci vạn tuế,
Thiếp đã sống trọn đạo hiền thê.
2. Huy Hoàng chúa tể ở My-la,

Là chính kinh thành của quốc gia,
Thiếp chẳng hề xem thường thánh ý,
Chẳng chê ngài thấp kém, sai ngoa,
Dù sau lưng chúa, hay ngoài mặt,
Về khẩu, ý, thân, đủ cả ba.

3. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.
4. Phụ hoàng, mẫu hậu của vương quân,
Hai đấng sinh thành ngự trị dân,
Trong lúc các ngài còn tại thế,
Vẫn thường dạy thiếp Đạo hiền nhân.
5. Thiếp ước không làm hại mạng ai,
Quyết lòng hành động chánh chân hoài,
Ân cần tận tụy hầu hai vị,
Không mệt mỏi cho dẫu tối ngày.
6. Thánh giả, điều này, nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.
7. Thứ phi sau thiếp cứ tăng dần,
Mời sáu ngàn không thiếu một nàng,
Tuy thế, chẳng hề, thưa Thánh giả,
Xảy hờn ghen giữa đám hồng quân.
8. Thiếp mừng khi chúng được an lành,
Với mọi cung phi, thắm thiết tình,
Lòng thiếp nhân từ cùng tất cả,
Khác nào đối với bản thân mình.
9. Thánh giả, điều này, nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.
10. Nô tỳ, thị giả, mọi gia nhân,
Tất cả nơi đây ở hợp quần,
Thiếp đối ân cần, ban thực phẩm,
Tươi cười nét mặt tạo hân hoan.
11. Thánh giả, điều này, nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,

Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.
12. Các nhà ẩn sĩ, Bà-la-môn,
Hễ thấy người nào đến khẩn van,
Thiếp đãi uống ăn đều khắp cả,
Đôi bàn tay rửa sạch hoàn toàn.
13. Thánh giả, điều này, nếu thật chân,
Cấu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.
14. Vào ngày mống tám, nửa tuần trăng,
Mười bốn, mười lăm, các buổi rằm,
Thiếp vẫn chuyên tâm trì giới luật,
Bước theo Thánh đạo của hiền nhân.
15. Thánh giả, điều này, nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.

Quả thật, dù cả trăm, cả ngàn câu kệ cũng không đủ lời tán thán mọi công đức của bà; tuy thế, Đế Thích Thiên chủ cứ để cho bà tự tán thán trong mười lăm vần kệ này. Ngài cũng không ngắt ngang câu chuyện, mặc dù ngài còn nhiều việc phải làm ở nơi khác. Sau đó ngài bảo:

- Công đức của Chánh hậu thật là kỳ diệu và sung mãn tràn trề thay!

Rồi ngài ngâm hai vần kệ ca ngợi bà:

16. Nương nương hỡi, Chánh hậu Huy Hoàng,
Công đức này cao trọng thập toàn
Đều thấy trong nàng, này Chánh hậu,
Chính nàng ca ngợi đại danh nàng.
17. Một hoàng nam chính thống cao sang,
Muôn vẻ vinh quang, trí vẹn toàn,
Đại đế Vi-đề-ha chánh trực,
Sắp ra đời đó chính con nàng.

Khi bà nghe những lời này, bà vô cùng hoan hỷ ngâm hai vần kệ để hỏi Thiên chủ:

18. Bụi bẩn, lấm lem tóc rối bồng,
Hình ngài lơ lửng ở trên không,
Nói bằng một giọng đầy thân ái,
Lám thiếp cảm rung tận cõi lòng.
19. Có phải ngài Thiên đế đại hùng,

Trên trời ngài ngự, hỡi hiền nhân?
Xin cho thiếp biết từ đâu đến,
Cho biết là ai đó giáng trần?
Thiên chủ đáp lời bà qua sáu vần kệ:

20. "Thiên nhãn Sak-ka" nàng thấy đây,
Vì Thiên chúng vẫn gọi như vầy.
Những khi Thiên chúng đều đoàn tụ
Trong Thiện pháp đường mỹ diệu thay.
21. Khi nữ nhân hiền đức vẹn toàn,
Tại đây được thấy giữa trần gian,
Chánh chân nội tướng đầy nhân ái
Với mẹ chồng, như phận sự nàng.
22. Khi chư Thiên biết một hồng nhan,
Lòng trí cao minh, nghiệp thiện toàn,
Dù nữ nhi, mà từ thượng giới,
Thiên chúng đích thân đến với nàng.
23. Giữ đời đức hạnh, hỡi Nương nương,
Nhờ tích trữ toàn việc thiện lương,
Công chúa xuất thân, đà đạt được
Trọn niềm hạnh phúc vẫn cầu mong.
24. Vậy nàng gặt hái nghiệp duyên nàng
Bằng cảnh huy hoàng ở thế gian,
Công chúa, về sau trên thượng giới
Tái sinh nàng được hóa Thiên thần.
25. Nữ nhi hiền đức, hưởng hồng ân!
Cứ sống giữ gìn hạnh chánh chân,
Nay lúc ta cần về thượng giới,
Vui mừng vì diện kiến tôn nhan.
- Ta còn việc phải làm trên tiên giới-Ngài bảo-Vậy ta đi đây, còn nàng hãy chuyên tâm tinh cần.

Cùng với lời khuyên nhủ này, ngài ra về.

Tảng sáng hôm ấy, Thiên thần Nalakàra được nhập mẫu thai của hoàng hậu. Khi bà biết chuyện ấy, bà liền tâu với vua. Vua làm đủ mọi việc cần thiết cho một thai phụ. Sau mười tháng, bà sinh hạ một vương tử, hai vị đặt tên là Mahà-panàda. Toàn dân của hai quốc độ đều đến kêu lên:

- Tâu Chúa thượng, chúng hạ thần xin mang tiền mua sữa tới tặng hoàng thái tử.

Rồi mỗi người thả một đồng vàng vào trong sân chầu thành một đống tiền lớn. Vua không muốn nhận tiền này, nhưng dân chúng không chịu lấy lại, và tâu với vua khi họ

ra về:

- Tâu Chúa thượng, số tiền này để dành cấp dưỡng vương tử khi ngài lớn lên.

Vương nhi lớn lên giữa cảnh huy hoàng và khi chàng đến tuổi trưởng thành, không quá mười sáu, chàng đã kiện toàn tất cả mọi môn học thuật. Vua nghĩ đến tuổi trưởng thành của chàng, bảo hoàng hậu:

- Này ái hậu, khi đến thời làm lễ quán đảnh cho hoàng nhi, ta hãy xây cho con ta một cung điện tuyệt đẹp vào dịp đó.

Bà thỏa thuận hoàn toàn. Vua liền cho triệu các người có tài đoán biết nơi chốn an lành để xây cung điện và họ bảo:

- Này các hiền hữu, hãy tìm một kiến trúc sư thượng thủ và xây cho ta một cung điện không xa cung ta. Cung này dành cho hoàng tử mà chúng ta sắp phong vương để kế vị ta đó.

Họ tâu việc ấy tốt lành thay và bắt đầu đi vào khảo sát mặt đất.

Lúc áy, chiếc ngai của Đế Thích Thiên chủ nóng rực lên. Nhận thấy điều này, Thiên chủ lập tức triệu Vissakamma-vị Thiên thần chuyên xây dựng đến và bảo:

- Này Hiền giả Vissakamma, hãy xây cho thái thái tử Mahà-panàda một cung điện dài rộng nửa dặm và cao hai mươi lăm đặm, toàn bằng bảo ngọc.

Vissakamma liền giả dạng thợ hồ đi đến gần đám thợ kia bảo:

- Hãy đi ăn sáng xong rồi trở về đây.

Sau khi họ đi khuất cả rồi, vị ấy lấy cây gậy đập xuống đất, lập tức một cung điện hiện ra cao bảy tầng đúng kích thước như trên.

Bấy giờ triều đình cử hành liên tiếp ba đại lễ cho Thái tử Mahà-panàda: Lễ khánh thành cung điện, lễ giương chiếc lọng hoàng gia trên đầu chàng (lễ phong vương) và lễ thành hôn cho chàng. Trong thời gian hành lễ, toàn dân cả hai xứ tụ tập lại tổ chức hội hè yến tiệc suốt bảy năm mà vua cũng không giải tán quần chúng: xiêm y, đồ trang sức, đồ ẩm thực và mọi thứ khác hoàng gia đều cung cấp đầy đủ cả.

Sau bảy năm ấy, dân chúng bắt đầu càu nhàu than phiền và vua Suruci hỏi tại sao, họ đáp:

- Tâu Đại vương, trong lúc chúng hạ thần mãi vui chơi hội hè đình đám thì bảy năm đã trôi qua. Thế khi nào thì lễ hội này mới chấm dứt?

Vua đáp:

- Này các hiền hữu, suốt thời gian qua, vương nhi chưa hề một lần nào cười cả. Vậy khi nào vương nhi cười thì ta sẽ giải tán.

Sau đó dân chúng đi đánh trống và tập hợp các người làm trò múa rối nhào lộn lại với nhau. Hàng ngàn người diễn trò kéo đến và chia nhau thành bảy ban ca múa, nhưng

họ không thể nào làm vương tử cười được. Rõ ràng chàng là một người đã từng xem múa hát của các vũ thần chốn thiên đình rồi thì không thể nào ham thích được các vũ công hạ giới như thế này.

Sau đó hai tên hề múa rối lanh lợi xuất hiện, đó là Bhandu Kanna và Pandu Kanna tức Tai Cụt và Tai Vàng. Chúng tâu:

- Chúng tiểu thần sẽ làm cho hoàng tử cười.

Bhandu Kanna liền hóa phép ra một cây xoài vĩ đại, mà gã gọi là "Vô song địch", mọc lên trước cửa cung, sau đó gã ném ra một cuộn dây làm cho nó mắc vào một cành xoài rồi gã trèo lên cây xoài Vô song địch ấy.

Thời bấy giờ người ta bảo cây xoài Vô địch ấy là của Vessavana (Tỳ-sa-môn Thiên vương). Bọn nô lệ của thần Vessavana bắt lấy gã, như thường lệ, chặt ra từng khúc và thả xuống đất. Bọn người làm trò ảo thuật kia ghép các khúc đó lại và tưới nước lên. Gã đó liền choàng mớ xiêm y cả bên trong lẫn bên ngoài đều kết bằng hoa rồi đứng dậy bắt đầu ca múa như cũ. Ngay cái cảnh tượng kỳ dị này cũng không làm vương tử cười được.

Sau đó Pandu Kanna chất dầu củi đốt lửa lên trước sân chầu và nhảy vào lửa với đồng bọn múa rối ấy. Khi lửa tan hết, người ta tưới nước vào đó, Pandu Kanna cùng cả bọn lại vùng dậy ca múa với đủ xiêm y từ trong ra ngoài kết bằng hoa! Khi dân chúng thấy họ không thể làm cho vương tử cười được thì họ bực tức lắm.

Đế Thích Thiên chủ nhận thấy việc này, liền phái xuống một vũ công trên trời, bảo vị ấy làm cho vương tử Mahà-panàda cười. Thế rồi vị ấy đứng lơ lửng giữa không gian trên sân chầu, và biểu diễn một điệu múa gọi là Vũ khúc Bán thân: chỉ một tay, một chân, một mắt, một răng nhảy múa rung rinh, lắc lư qua lại, còn mọi phần kia vẫn trơ như đá!

Khi Mahà-panàda thấy thế thì chàng hơi nhếch mép cười một chút thôi! Còn đám dân chúng đều cười rộ lên từng tràng dài, và không thể nào kềm chế chân tay được nữa, nên họ cứ lăn quay long lóc khắp cả sân rống. Thế là kết thúc hội hè! Phần còn lại:

Đại đế Pa-nà, chúa đại hùng

Với cung bằng ngọc quý, vàng ròng...

Đã được giải thích trong Thế Tôn Mahà Panàda (số 264, tập II, Chương III)

Vua Mahà Panàda chuyên tâm làm thiện sự và bố thí nên lúc mạng chung được sinh lên Thiên giới.

*

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Như vậy, này các Tỷ-kheo, Visàkhà đã nhận được điều ước Ta ban thuở trước kia.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời bấy giờ, Bhaddaji là Mahà Panàda, Visàkhà là hoàng hậu Sumedha, Ànanda là Vissakamma và Ta chính là Đế Thích Thiên chủ.

-ooOoo-

Chương XIV (tt)

490. Chuyện năm vị hành trì trai giới (Tiền thân Pancùposatha)

Ta chắc giờ chim thiểu dục rồi...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về năm trăm cư sĩ giữ hạnh Bồ-tát giới.

Thời đó người ta nói là bậc Đạo Sư ngồi trên bảo tọa dành cho đức Phật trong Chánh pháp đường, giữa tứ chúng, nhìn quanh hội chúng với từ tâm, Ngài thấy rằng hôm nay bài thuyết giảng sẽ quay về đề tài chuyện các nam cư sĩ. Sau đó Ngài hỏi hội chúng:

- Các nam cư sĩ có giữ hạnh trai giới (Bồ-tát) chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Họ đáp.

- Lành thay, việc hành trì ngày trai giới là tập tục của các trí nhân tự thuở xưa: Ta bảo là các bậc trí tự ngàn xưa đã hành trì trai giới để nhiếp phục các tham dục.

Rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, có một khu rừng lớn ngăn chia vương quốc Magadha (Ma-kiệt-đà) với hai vương quốc giáp giới nó. Bồ-tát sinh ra ở Ma-kiệt-đà trong một gia đình Bà-la-môn sang trọng. Khi ngài lớn lên, ngài từ bỏ các tham dục và đi vào rừng kia dựng lên một ẩn am và sống tại đó. Bấy giờ không xa nơi am thất ấy có một con Bồ câu rừng sống cùng chim mái, trong một tổ kiến kia có con Rắn, trong bụi rậm nọ có con Chó rừng làm hang ổ và trong một bụi rậm khác lại có con Gấu. Cả bốn con vật này thường đến viếng vị hiền nhân và nghe ngài thuyết Pháp.

Một ngày kia, Bồ câu cùng vợ rời tổ đi kiếm thức ăn. Chim mái bay sau, và khi nó đang bay, một con chim ưng thình lình chụp bắt lấy nó và tha đi. Nghe tiếng kêu thét của chim mái, chim trống quay lại nhìn và thấy chim ưng đang tha vợ nó đi! Chim ưng giết chết chim mái ngay khi nó đang kêu cứu và xé xác ăn ngay. Bấy giờ lòng chim trống nóng như lửa đốt vì thương tiếc chim mái phải bị chia lìa đột ngột với nó như vậy. Rồi chim suy nghĩ: "Ái dục này xâu xé lòng ta đau đớn quá sức

chịu đựng; ta không còn muốn đi tìm mồi cho đến khi nào ta thấy được cách nhiếp phục nỗi đau". Thế là chim bỏ ngang việc kiếm ăn, bay đến tận nhà tu khổ hạnh kia, quyết tâm giữ hạnh nguyện nhiếp phục tham ái và nằm xuống một bên.

Con rắn cũng nghĩ rằng nó muốn kiếm ăn, nên bò ra khỏi lỗ và kiếm được chút gì đó trên lối nó bò đi gần một làng ở biên địa. Vừa lúc ấy, một con bò đực của người lý trưởng, một con vật tuyệt đẹp toàn màu trắng, sau khi gặm cỏ xong, quỳ mọp xuống

gần một tổ kiến, lấy sừng hất tung đất lên để đùa chơi. Con Rắn kinh hoảng khi nghe tiếng móng bò sột soạt, phóng đến ẩn mình trong một tổ kiến. Con bò tình cờ giẫm lên Rắn, làm con Rắn tức giận cắn con bò và con bò chết tại chỗ. Khi dân làng khám phá ra con bò đã chết, họ đều vừa chạy vừa khóc than, đem cúng vòng hoa cho bò rất trọng thể rồi mới chôn nó xuống mồ và trở về nhà. Khi dân chúng đã đi hết, con Rắn bò ra và suy nghĩ: "Vì giận dữ, ta đã đoạt mạng sống của con vật này và đã gây bao đau buồn cho nhiều người. Ta chẳng còn muốn đi kiếm mồi bao giờ nữa, cho đến khi ta học được cách nhiếp phục sân hận". Vì thế nó quay đi về thảo am sĩ kia, và quyết giữ hạnh nguyện nhiếp phục sân hận, nó nằm xuống một bên.

Con Chó rừng cũng đi kiếm mồi và thấy một con voi đã chết. Nó vui mừng quá:

- Thức ăn nhiều lắm đây rồi!

Nó kêu lên và đi cắn một miếng vào thân voi, chẳng khác nào cắn vào một thân cây. Nó thấy chẳng thích thú gì cả nên cắn vào chiếc vòi cứ như thể là cắn vào hòn đá.

Nó thử cắn cái bụng - cũng như là cái thúng vậy, nên nó nhào vào đuôi voi - giống như cái bát sắt. Rồi nó chồm lên đít voi và ô kìa! Chiếc mông mềm như chiếc bánh sữa! Nó thích thú quá nên cứ ăn sâu vào trong. Rồi ở đó ăn mãi khi đói, còn khi khát thì uống máu voi. Khi nằm xuống nó trải phần trong ruột và ngực voi ra như cái giường để ngã lưng, nó suy nghĩ: "Ở đấy ta đã tìm được thức ăn uống và giường nằm rồi, vậy còn đi đâu làm gì nữa".

Thế là nó ở lỳ đó, lòng rất thỏa mãn, trong cái bụng voi và chẳng hề chui ra ngoài lần nào cả. Dần dần xác voi khô cứng dưới sức nắng gió, cái chỗ hở phía sau mông voi khép kín lại. Con chó rừng quẫn quại bên trong mất dần máu thịt, thân thể võ vàng, song không tìm được cách thoát ra ngoài.

Rồi một ngày kia, có cơn bão rớt thình lình, cái lỗ hở ấy thấm nước và mềm ra bắt đầu hé miệng. Khi thấy khe hở, Chó rừng kêu lên:

- Lâu nay ta đã bị hành hạ quá nhiều, giờ đây ta phải thoát ra bằng lỗ này.

Rối nó đi ra lỗ đó bằng cái đầu trước tiên. Bấy giờ cái lỗ còn hẹp mà nó ra mau quá nên thân thể bầm dập và lông lá rụng xuống đất. Khi ra ngoài được rồi, nó trần trụi như khúc thân dừa, không còn một sợi lông nào nữa! Nó suy nghĩ: "À, vì tham ăn mà ta ta chịu nông nỗi cực khổ này. Ta chẳng bao giờ muốn đi ra kiếm mồi nữa cho đến khi ta học được cách chế ngự dục tham trong ta".

Sau đo, nó đi đến ẩn am kia, quyết giữ hạnh nguyện chế ngự dục tham và nằm xuống một bên.

Phần con Gấu ra khỏi rừng và vì lòng tham ăn thúc đẩy nó đi về phía làng biên địa của quốc độ Malla.

- Con Gấu đây này!

Toàn dân làng la to lên, họ bước ra trang bị đầy cung , gậy, giáo và nhiều thứ khác nữa, vây quanh bụi cây mà Gấu đang nằm. Nó thấy mình bị cả đám người vây quanh thì vụt

chạy trốn đi. Vừa chạy vừa bị đám người ấy đánh cho một trận nhừ tử bằng cung gậy, về đến hang, nó bị dập đầu và chảy máu. Nó nghĩ thầm: ' À, chính vì lòng tham ăn thái quá đã gây cho ta mọi tai họa này. Thôi ta chẳng bao giờ muốn đi kiếm mồi cho đến khi học được cách nhiếp phục lòng tham ấy". Vì thế nó đi đến thảo am, quyết giữ hạnh nguyện nhiếp phục tính tham lam, và nằm xuống một bên.

Còn vị tu khổ hạnh này không thể phát khởi Thiền định được vì ngài vốn vẫn tràn đầy kiêu mạn về dòng dõi quý tộc của ngài. Một vị Độc Giác Phật, nhận thấy ngài đang bị ngã mạn chi phối, tuy vậy, vị này biết rõ ngài không phải là người tầm thường. Vị ấy suy nghĩ: "Người này sẽ thành bậc Chánh Giác, và ngay trong hiện kiếp này người ấy sẽ đạt Tối thắng trí. Ta muốn giúp người ấy nhiếp phục ngã mạn và khiến người ấy tụ tập các Thiền chứng".

Vì vậy trong khi ngài đang ngồi trong thảo am, vị Độc Giác Phật kia từ vùng thượng Tuyết Sơn đi xuống và an tọa trên một phiến đá của nhà tu khổ hạnh. Vị này bước ra thấy vị Phật ngồi trên sàn tọa của mình thì do lòng đầy kiêu mạn, ngài không tự chủ được nữa ngài bước lên búng ngón tay vào mặt vị kia và kêu to:

- Đồ vô tích sự xấu xa kia, thật đáng nguyền rủa, quân giả dối trọc đầu, tại sao ngươi dám ngồi trên tọa sàng của ta?

Vị kia đáp:

- Bạch Thánh giả, tại sao ngài đầy lòng kiêu mạn thế kia? Ta đã đạt trí tuệ của một Độc Giác Phật, nên ta bảo cho ngài biết rằng ngay trong chính hiện kiếp này, ngài sẽ được hoàn toàn giác ngộ. Ngài đã đủ cơ duyên thành Phật! Khi ngài đã thành tựu Thập hạnh Ba-la-mật và sau một thời gian dài bằng thời kỳ đó trôi qua, ngài sẽ thành bậc Chánh giác, danh hiệu là Siddhatha.

Sau đó vị ấy mới cho ngài biết về danh tánh, dòng họ, gia tộc, các đệ tử, vân vân...và thêm:

- Vậy thì bây giờ tại sao ngài quá kiêu mạn và sân hận như vậy? Việc ấy không xứng đáng với ngài.

Đó là lời khuyên của vị Độc Giác Phật. Nghe những lời này, nhà khổ hạnh chẳng nói gì nữa, cũng chẳng đảnh lễ vị kia, chẳng hỏi xem nơi đâu, bao giờ, và bằng cách nào mình sẽ thành Phật. Sau đó vị khách lại bảo:

- Ngài hãy học cách đánh giá dòng dõi của ngài và thần lực của ta qua việc này, nếu làm được thì hãy bay lên không như ta đây.

Nói vậy xong, vị này bay lên không hất tung bụi bám trên đôi chân mình vào cuốn tóc trên đầu nhà khổ hạnh, rồi lại trở về vùng thượng Tuyết Sơn.

Khi vị ấy đi rồi, lòng nhà khổ hạnh tràn ngập đau buồn. Ngài bảo:

- Đó là một bậc Thánh, với tấm thân nặng như thế kia mà có thể bay qua không gian như một hạt bông bị gió cuốn! Một vị Độc giác Phật như vậy, mà ta chẳng hề hôn chân Ngài, vì ta đây kiêu mạn về dòng dõi của ta, nên cũng không hỏi Ngài xem bao giờ ta sẽ

thành Phật. Cái dòng dõi này có làm gì được cho ta đã chứ? Trong thế giới này, cuộc sống thuần thiện chính là một cách thể hiện uy lực, còn lòng kiêu mạn của ta chỉ đưa ta đến địa ngục thôi. Vậy ta sẽ chẳng bao giờ đi kiếm trái rừng nữa, cho đến khi nào ta học được cách nhiếp phục lòng kiêu mạn của ta".

Sau đó ngài vào thảo am và quyết giữ hạnh nguyện nhiếp phục lòng kiêu mạn. Khi tĩnh tọa trên tấm đệm rơm. bậc trí giả quý tộc kia nhiếp phục được lòng kiêu mạn rồi làm phát khởi tâm Thiềnđịnh, tụ tập các Thắng trí và các Thiền chứng xong, liền bước ra ngồi trên phiến đá cuối mái hiên.

Lúc bấy giờ, chim Bồ câu và các con vật kia đứng lên đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư bảo Bồ câu:

- Các ngày kia chim chẳng hề đến đây vào giờ này, mà chim đi kiếm mồi. Vậy hôm nay chim giữ Trai giới đó chăng?

- Thưa Tôn giả, chính vậy.

Ngài hỏi:

- Tại sao thế?

Và ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Ta chắc giờ chim thiểu dục rồi,
Nay Bồ câu chẳng muốn tìm mồi,
Tại sao đành chịu nằm thèm khát,
Sao nguyện theo Trai giới hỡi ngài?
Bồ câu đáp lời qua hai vần kệ:

2. Xin đầy tham đắm, cặp uyên ương
Đùa giỡn quanh đây tựa phượng loan,
Ưng ác chụp nàng, bay biến mất,
Chia lìa duyên kiếp đã tan hoang!
3. Con biết niềm mất mát phủ phàng,
Bạo tàn, khốc liệt biết bao đường,
Con nhìn mọi vật, lòng đau đớn;
Vì thế con tìm đến náu nương
Nhờ giới hạnh, thề nguyền ái dục
Chẳng bao giờ trở lại lòng con.
Khi Bồ câu đã tán thán hành động của mình liên quan đến hạnh nguyện ấy, bậc Đạo Sư lại hỏi câu đó với con Rắn và lần lượt các con vật kia. Mỗi con trong bọn chúng đều nêu lên sự việc như đã xảy ra:

Bồ-tát:

4. Vật ở cây, bò sát cuộn mình,
Đầy răng nhọn hoắc, nọc truyền nhanh,

Rắn sao muốn giữ truyền Trai giới,
Sao đói khát cam chịu cố tình?
Con Rắn:

5. Con bò thôn trưởng thật oai hùng,
Dáng đẹp, lưng gù cứ chuyển rung,
Bò gầm lên, con hờn cắn nó,
Đau đớn, bò chết ngã lăn đùng!
6. Dân làng mọi kẻ đổ ra đường,
Than khóc vì trông thấy tận tường,
Vì vậy con nương nhờ giới hạnh,
Thề sân hận chẳng trở về con.
Bồ-tát:

7. Xác chết, thức ăn quý sẵn đầy,
Nằm trong nghĩa địa rã tan thây,
Chó rừng, sao chịu đành thèm khát,
Sao lại thề tuân giới hạnh này?
Chó rừng:

8. Tìm được voi và thích thịt ngon,
Con vào bụng nó ở lỳ luôn
Song nhiều gió mạnh, trời gay gắt
Làm héo khô khe hở chó chun!
9. Tôn giả, con vàng võ, ốm gầy,
Vì không lối thoát, phải nằm đây,
Rồi cơn bão nọ bùng vang dội
Làm ướt, mềm đi ngã hậu này.
10. Để thoát ra, con chẳng chậm đâu
Như trăng thoát khỏi vuốt la-hầu,
Nên con chạy đến nhờ Trai giới,
Con nguyện tham tâm tránh chạy mau.
Bồ tát:

11. Ngài có thói xưa vẫn kiếm mồi
Nằm trên tổ kiến, Gấu Ông ơi,
Sao nay lại chịu nằm thèm khát,
Sao muốn thề nguyền Trai giới thôi?
Con Gấu:

12. Bỏ nhà vì quá đói trong lòng,
Con đến Mal-la, chạy vội vàng
Dân chúng trong làng đều đổ đến,

Dùng cung, gậy, chúng đánh hung tàn.
13. Mình con vấy máu, vỡ tan đầu,
Con chạy về nơi trú ẩn mau,
Vì vậy con nguyền theo giới hạnh,
Dục tham chẳng kéo đến ngày sau.
Như vậy cả bốn con vật đều tán thán hành động của chúng trong việc quyết tâm giữ hạnh Trai giới, xong vừa đứng lên đảnh lễ bậc Đạo Sư, chúng vừa hỏi ngài câu này:

- Thưa Tôn giả, các ngày trước ngài ra đi kiếm trái rừng vào giờ này. Tại sao hôm nay ngài khôngđi, mà lại hành trì Trai giới?

Chúng liền ngâm vần kệ này:

14. Điều ấy, ngài mong muốn giải bày,
Mọi điều con biết, đã thưa thầy,
Song nay đến lượt mình, xin hỏi:
Tôn giả sao theo hạnh nguyện này?
Bồ tát:

15. Một vì Độc Giác Phật qua đây
Chốc lát trong am, đã giải bày
Mọi việc vãng lai, danh tiếng, hiệu,
Gia đình và đạo lộ sau này.
16. Ta không quỳ, bởi quá kiêu căng
Ở trước chân Ngài, chẳng hỏi han,
Vì thế, ta nương vào giới hạnh,
Để kiêu căng ấy chẳng đeo gần.
Bằng cách ấy, bậc Đạo Sư giải thích việc hành trì hạnh nguyện của mình. Sau đó ngài thuyết giáo cho chúng, bảo chúng ra đi và ngài bước vào thảo am. Các con vật kia trở về chốn ở của mình. Bậc

Đạo Sư không hề gián đoạn tâm Thiền định nên được sinh vào cõi Phạm thiên. Còn các con vật ấy tuân hành lời thuyết giáo của ngài nên đã lên cộng trú đồng đảo với Thiên chúng.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo Sư bảo:

- Như vậy, này các cư sĩ, giữ hạnh nguyện Trai giới là một tập tục của các bậc trí ngày xưa, và nay các ông phải biết hành trì.

Rồi ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Anuruddha (A-na-luật) là chim Bồ câu, Kassapa (Ca-diếp) là con Gấu, Mục-kiền- liên là Chó rừng, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là con Rắn, và Ta chính là nhà tu khổ hạnh kia.

-ooOoo-

491. Chuyện Đại Khổng Tước (Tiền thân Mahà-Mora)

Bắt ta, bạn sẽ được ngàn vàng...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất.

Bậc Đạo Sư bảo vị Tỷ-kheo này:

- Có đúng như Ta nghe nói là ông đã thối thất chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, quả đúng vậy.

Ngài liền nói:

- Này Tỷ-kheo, chẳng lẽ lòng tham muốn dục lạc này lại không đánh bại một người như ông sao? Trận cuồng phong hoành hành khắp núi Sineru (Tu-di) cũng chẳng nao núng trước một ngọn lá khô đâu. Ngày xưa tham dục này đã đánh bại các bậc thanh tịnh, là những vị đã lánh xa bảy ngàn năm khỏi mọi tham dục khởi lên trong tâm mình.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào bụng một con Công mái ở một vùng biên địa. Khi thai kỳ đã mãn, Công mẹ sinh trứng ở một nơi nó kiếm mồi và bỏ đi xa. Lúc bấy giờ trứng chim công khỏe mạnh chẳng bị tai nạn gì nếu không có những mối hiểm nguy từ loài rắn hay các loài bọ tai hại tương tự như thế.

Vì vậy cái trứng Công này có màu vàng óng như chồi cây Kanikara; khi nó đã đủ thuần thục thì tự nó nứt ra, và một con Công xuất hiện có màu vàng óng ánh, với con mắt như trái Gunja, chiếc mỏ màu san hô, và ba sọc đỏ chạy quanh cổ xuống đến giữa lưng. Khi chim lớn lên, thân mình to bằng

chiếc xe đẩy của người bán hàng, trông thật đẹp mắt, nên cả đàn Công màu đen tụ tập lại chung quanh bầu chim Công này làm chim đầu đàn.

Một hôm chim Công đang uống nước trong hồ, nhìn thấy vẻ đẹp của mình liền suy nghĩ: "Ta đẹp nhất trong đám công. Nếu ta ở chung với chúng giữa mọi nẻo đường đời, ta sẽ gặp nguy hiểm. Ta muốn đi xa đến vùng Tuyết Sơn, và ở đó một mình tại một nơi vừa ý". Thế là về đêm, khi cả đàn công lui về nơi trú ẩn riêng biệt kín đáo, Công ra đi mà không ai biết, về phía khu vực Tuyết Sơn, sau khi băng qua ba rặng núi, Công vào ẩn thân tại rặng thứ tư. Đây là khu rừng mà Công khám phá ra một hồ thiên nhiên rộng bát ngát phủ đầy hoa sen, không xa một cây đa cạnh một ngọn đồi, Công chúa đậu trên cành cây này. Trong lòng ngọn đồi này có một hang động kỳ thú, và vì muốn ở đó nên Công chúa đậu trên một vùng đất phẳng ngay trước miệng hang.

Lúc bấy giờ không ai có thể trèo đến chốn này được dù từ dưới lên hay trên xuống, cho nên nó tránh khỏi mọi nỗi lo sợ về chim muông, mèo rừng, rắn rít hay loài người. "Đây

là một nơi thích thú dành cho ta!" Công suy nghĩ. Hôm ấy Công ở đó và sáng hôm sau bước ra khỏi hang, Công đậu trên đỉnh đồi hướng về phía đông. Khi Công thấy mặt trời lên, Công tự vệ mình trong ngày sắp đến bằng cách đọc câu ca:

- Ngài đã hiện ra, đấng Toàn tri.

Sau đó Công đi kiếm mồi. Buổi chiều, Công lại trở về đậu trên đỉnh đồi hướng về phía Tây., và khi nhìn thấy mặt trời biến mất dạng, Công tự vệ mình trước màn đêm sắp buông xuống bằng cách đọc câu ca:

- Ngài đã lặn kia, đấng Toàn tri.

Bằng cách ấy cuộc đời Công cứ trôi qua (Xem lại Tiền thân số 159 tập II: Mora Jàtaka).

Song một hôm có người thợ săn ở trong rừng bất chợt thấy Công đang đậu trên đỉnh đồi ấy và trở về nhà. Khi lão sắp chết, lão bảo với con trai về chuyện ấy:

- Này con, trong rặng núi thứ tư của dãy kia, trong rừng có một con Công màu vàng ánh. Nếu nhà vua muốn có một con Công như vậy, thì con biết nơi kiếm nó rồi đấy.

Một ngày kia chánh hậu của vua Ba-la-nại tên là Khema, (Thái Hòa) nằm mộng về tảng sáng, và giấc mộng diễn ra như thế này: "Một con Công màu vàng óng đang thuyết Pháp và bà chăm chú nghe rất hoan hỷ. Khi Công đã thuyết Pháp xong liền bay lên ra đi, bà vội kêu to: "Kìa chúa Côngđang chạy thoát, hãy bắt Công lại ngay!" Và trong khi bà thốt lên các lời này, bà liền thức dậy. Khi tỉnh lại, bà biết đó chỉ là giấc mộng, và suy nghĩ: "Nếu ta trình đức vua đó là cơn mộng, thì ngài sẽ chẳng quan tâm đến, song nếu ta bảo đó là niềm mong ước của một thai phụ thì ngài sẽ lưu ý ngay".

Thế là bà liền giả bộ làm như thể bà đang khao khát một thứ gì đó theo cách thông thường của một thai phụ, và nằm xuống. Nhà vua đến viếng bà và hỏi bà đau bệnh gì. Bà đáp:

- Thần thiếp đang có một niềm khát vọng.

- Ái khanh ao ước điều gì thế?

- Tâu Chúa thượng, thần thiếp ước ao nghe lời thuyết Pháp của một con chim Công màu vàng ánh.

- Song, này ái khanh, ta tìm đâu ra được một con chim như vậy?

- Như vậy thì, tâu chúa thượng, thần thiếp sẽ chết mất.

- Này ái khanh, đừng lo buồn chuyện ấy, nếu nơi nào có con chim như vậy thì nó sẽ được bắt về cho ái khanh.

Nhà vua an ủi bà như vậy rồi đi ra ngoài ngồi xuống hỏi các triều thần:

- Này các khanh, chánh hậu ao ước nghe bài thuyết giảng của một con chim Công vàng ánh. Vậy có loại Công vàng ánh ấy chăng?

- Tâu Chúa thượng, các Bà-la-môn biết chuyện đó.

Nhà vua hỏi các Bà-la-môn. Họ đáp như vậy:

- Tâu Đại vương, theo những vần kệ nói về điềm lành của chúng thần, thì trong loài thủy tộc có cá rùa, cua, trong các loài thú rừng thì có hươu, nai, thiên nga, công, trĩ...các loài đó cùng loài người,đều có thể sinh ra với sắc vàng ánh.

Sau đó nhà vua triệu tập tất cả thợ săn trong quốc độ lại và hỏi họ có bao giờ từng thấy con Công váng ánh chưa. Bọn họ đều trả lời không, trừ người thanh niên đã được cha mách bảo cề chuyện ông ta đã thấy. Gã đáp:

- Chính hạ thần chưa thấy, song thân phụ hạ thần đã bảo cho thần biết một nơi có thể tìm ra một chúa Công vàng ánh.

Nhà vua liền bảo:

- Này hiền hữu, đây là chuyện sống chết của trẫm và chánh hậu; vậy hãy cố bắt lấy Công ấy đem về đây.

Nhà vua cho gã thật nhiều tiền bạc và bảo gã ra đi.

Gã ấy đem tiền về cho vợ con rồi đi đến nơi kia gã thấy bậc Đạo Sư, gã đặt bẫy bắt ngài. Mỗi ngày gã tự nhủ thầm là chắc chắn sẽ bắt được chim Công; tuy nhiên gã chết đi mà chẳng bắt được Công ấy. Rồi chánh hậu cũng từ trần mà không thỏa tâm nguyện. Nhà vua nổi trận lôi đình và ngài phán:

- Ái hậu của trẫm đã qua đời vì chim Công này.

Rồi nhà vua truyền lệnh chép câu chuyện ấy vào một phiến bằng vàng kể rằng trong rặng thứ tư của khu vực Tuyết Sơn có con chim Công vàng sống ra sao, hễ ai ăn được thịt nó sẽ trường xuân bất tử. Nhà vua đặt phiến vàng ấy trong kho báu và sau đó qua đời.

Kế vị vua ấy, một vua khác lên ngôi, đọc lời lẽ câu chuyện ghi trên phiến vàng nên ước mongđược trường xuân bất tử, liền cho người thợ săn đi bắt chim Công; song nhà vua ấy cũng chết trước khi mãn nguyện giống như vua kia.

Cùng cách ấy, sáu vị vua kế tiếp qua đời và sáu người thiện xạ chết đi mà không được kết quả gì ở khu vực Tuyết Sơn cả. Song người thợ săn thứ bảy, được nhà vua thứ bảy phái đi, không thể nào bắt được chim suốt bảy năm liền mặc dù mỗi ngày gã đều mong đợi chuyện ấy, nên bắt đầu suy nghĩ không biết tại sao lại không thể bắt được đôi chân chim sa vào bẫy.

Vì thế gã ngắm nghía chim, thấy chim cầu nguyện để được phù hộ mỗi buổi sáng tối đều đặn, và gã lý luận về trường hợp này như sau: "Không có con chim Công nào khác ở vùng này, rõ ràngđây đúng là chim Công sống đời thanh tịnh. Chính uy lực đời sống thanh tịnh của chim ấy cùng uy lực của thần chú hộ mệnh đã khiến cho đôi chân chim không bao giờ sa vào bẫy của ta được". Khi kết luận như vậy rồi, gã đi đến vùng biên địa bắt một con công mái, mà gã luyện cho nó hót tiếng gáy mỗi khi gã búng tay, và xòe cánh múa mỗi khi gã vỗ tay.

Gã đem chim mái trở về, rồi đặt bẫy trước khi Bồ-tát đọc thần chú hộ mệnh, gã búng tay và làm cho công mái gáy. Công trống nghe tiếng gáy ấy lập tức ác dục đã ngủ yên suốt bảy ngàn năm, bỗng vùng dậy như con rắn hổ mang giương mào lên khi bị đánh. Bị ác dục làm cho mê muội, chim Công không thể nào đọc thần chú hộ mệnh nữa, mà vội vàng bay về phía chim mái, từ trên không chim hạ cánh xuống đặt đặt đôi chân ngay vào bẫy: chiếc bẫy kia suốt bảy ngàn năm chẳng đủ uy lực bắt chim, nay đã kẹp chặt lấy chân chim thần.

Khi người thợ săn thấy chim nằm tòn teng ở cuối sợi dây, gã nghĩ thầm: "Sáu người thợ săn trước đã không thể bắt được chim Công chúa này và trong bảy năm liền ta cũng không bắt được nó. Nhưng hôm nay, ngay khi chim đâm si tình chim mái, thì nó không đọc thần chú được, nên sa vào bẫy và bị bắt, nó đang nằm tòn teng với cái đầu lộn ngược kia kìa. Ôi sinh vật mà ta đã làm hại kia thật là đức hạnh! Nếu ta giao một linh vật như vậy cho một người khác chỉ vì bị mua chuộc tiền bạc thì thật là không xứng đáng: Danh vọng của vua chúa có nghĩa gì đối với ta đã chứ? Ta muốn thả chim ấy bay đi".

Nhưng rồi gã lại nghĩ: "Đó là một thần điểu kỳ dị phi thường, nếu ta đến gần nó, nó sẽ tưởng ta đến để giết nó, nó sẽ lo sợ cho tính mạng của mình mà vùng vẫy, thì có thể gãy chân hay cánh. vậy ta không muốn đến gần nó, mà chỉ đứng ẩn mình và cắt đứt cái thòng lọng bằng một mũi tên bắn ra. Sau đó chim muốn đi đâu tùy ý". Thế là gã đứng ẩn mình, giương cung lên, lắp một mũi tên vào dây và kéo ra sau.

Bấy giờ chim Công trống suy nghĩ: "Người thợ săn này đã làm ta mê mệt vì ái dục, và khi thấy ta bị sa bẫy rồi lại không còn quan tâm đến ta nữa. Gã ấy ở đâu kìa?" Chim Công cứ nhìn hướng này hướng nọ, và thấy người kia đứng với cây cung sẵn sàng bắn. "Chắc chắn gã muốn giết ta rồi rađi". Chúa Công suy nghĩ và sợ chết nên ngâm vần kệ đầu xin tha mạng:

1. Bắt ta, bạn sẽ được ngàn vàng,
Bắt sống, xin đừng bắn bị thương,
Van bạn đem ta về chúa thượng,
Chắc ngài sẽ thưởng thật giàu sang.

Nghe vậy, người thợ săn suy nghĩ: "Đại khổng tước này tưởng ta sắp bắn nó bằng mũi tên đây. Ta phải trấn an nó mới được". Vì mục đích ấy, gã ngâm vần kệ thứ hai:

2. Trên cung, ta chẳng ráp tên này
Để bắn chim, Công chúa, ở đây
Ta muốn cắt dây thòng lọng ấy
Để chim tùy ý, hãy xa bay!

Nghe lời này, chim Công chúa đáp qua hai vần kệ:

3. Bảy năm theo đuổi, thợ săn này,
Đói khát, bạn cam chịu tháng ngày,
Bạn muốn gì, nay ta mắc bẫy,

Vì sao muốn thả để ta bay?
4. Hiển nhiên mọi vật được an lành,
Bạn nguyện từ đây bỏ sát sinh,
Mắc bẫy thân ta, tuy thế bạn
Muốn ta được thả để bay nhanh!
Thọ săn tiếp theo:

5. Khi người từ bỏ sát quần sinh,
Nhờ nó, muôn loài thoát hãi kinh,
Phước đức nào đời sau sẽ đến,
Việc này, Khổng tước đáp cho mình.
Công chúa:

6. Nhờ nó muôn loài thoát hãi kinh
Khi người thề chẳng sát quần sinh,
Đời này nó được nhiều ca ngợi,
Thiên giới, đời sau hưởng phước lành.
Thợ săn:

7. Nhiều người nói chẳng có Thiên thần,
Cực lạc, đời này có thể mang;
Sinh quả dữ lành ngay hiện tại;
Vì nhiều bậc Thánh đã cho rằng:
Thi ân là việc đầy ngu xuẩn,
Vì thế tôi thường đánh bẫy săn
Chim thú, giờ đây tôi muốn hỏi:
Lời kia xứng đáng để tin chăng?
Lúc ấy bậc Đạo Sư quyết định giảng cho người này biết quả thực có đời sau, nên trong lúc ngài đang nằm lủng lẳng ở cuối sợi dây, đầu lộn ngược xuống đất, ngài ngâm vần kệ:

8. Đôi vầng nhật nguyệt rõ ràng ràng
Đi khắp trời cao tỏa sáng quang;
Người gọi là gì nơi hạ giới,
Thuộc về cõi khác hoặc trần gian?
Người thợ săn ngâm vần kệ đáp lại:

9. Rõ ràng nhật nguyệt thấy đôi vầng
Đi khắp trời cao, tỏa ánh quang;
Chúng chẳng thuộc về nơi hạ giới,
Mà về cõi khác: miệng người trần.
Lúc ấy bậc Đạo Sư bảo gã:

10. Vậy chúng đều sai lạc cả bầy,
Những người gian dối nói như vầy!
Chẳng vì duyên cớ gì đi nữa
Lại bảo chỉ riêng thế giới này
Mang nghiệp quả lành hay quả dữ,
Còn xem bố thí việc ngu thay!
Trong khi bậc Đạo Sư nói, người thợ săn suy nghĩ rồi ngâm hai vần kệ:

11. Điều này ngài nói quả là chân,
Sao có người kia lại bảo rằng:
"Bố thí không mang về kết quả?
Rằng đây, ngay ở cõi phàm trần.
Người ta gặt quả lành hay dữ,
Bố thí là công việc độn đần?"
12. Cách nào nên sống, phải làm gì?
Thánh đạo là đâu, phải bước đi?
Công chúa, xin ngài cho lão biết,
Pháp môn khổ hạnh phải hành trì,
Cầu mong lão được chim Công chúa
Cứu khỏi chim vào địa ngục kia!
Khi nghe vậy, bậc Đạo Sư suy nghĩ: "Nếu ta giải đáp vấn đề này cho gã, thì cả thế giới này đối với gã thành ra trống rỗng và hư vọng. Lần này ta sẽ nói cho gã biết bản chất của các Thánh giả Bà-la- môn chân chính". Với ý định trên, ngài ngâm hai vần kệ:

13. Người truyền khổ hạnh ở trần gian,
Chẳng ở nhà đâu, đắp áo vàng,
Sáng sớm đi ra đường khất thực,
Không đi chiều tối: chính hiền nhân.
14. Đúng thời thăm các thiện nhân vầy,

Bạn sẽ vui lòng, dẫu hỏi ai Giải vấn đề, vì chư vị biết Cõi trên kia với cõi đời náy.

Khi nói như vậy ngài muốn cho kẻ kia phải biết kinh sợ cảnh giới địa ngục. Còn người ấy đã đạt đến tri kiến viên mãn của một vị Độc Giác Phật, vì người ấy đã sống đến độ tri kiến sắp thành thục, như búp hoa sen tròn đầy sung mãn đợi chờ các tia nắng chiếu vào. Trong lúc người thợ săn nghe bài thuyết Pháp của ngài, ngay tại chỗ người ấy đang đứng, người ấy hiểu lập tức mọi yếu tố cấu tạo nên các vật hữu hình (tứ đại), thấu suốt cả ba đặc tính căn bản của chúng (đó là: vô thường, khổ, vô ngã) và thâm nhập tri kiến của một Độc Giác phật. Tri kiến trên của vị này cùng với việc giải thoát bậc Đạo Sư khỏi cái bẫy kia xảy ra cùng một lúc. Vị Độc giác Phật, sau khi đã đoạn diệt mọi dục tham của mình, đang đứng trên bờ sinh tử cuối cùng, liền thốt lên cảm thán nguyện trong vần kệ này:

15. Như rắn lột quăng lớp vỏ tàn,

Lá khô cây trút lúc xanh dần,
Hôm nay ta bỏ nghề săn bắn,
Mãi mãi xa lìa nghiệp thợ săn.
Sau khi thốt lên ý nguyện cao cả của mình, vị ấy suy nghĩ: "Ta vừa được giải thoát khỏi các dây trói buộc của ác dục; song ở nhà ta còn rất nhiều chim đang bị giam cầm, vậy làm thế nào ta giải thoát cho chúng đây?" Vì thế vị ấy hỏi bậc Đạo Sư:

- Tâu Khổng tước Đại vương, ta còn giam cầm nhiều chim tại nhà, làm sao ta giải thoát cho chúng được?

Lúc bấy giờ Bồ-tát là bậc toàn tri, có tri kiến tinh thông mọi đường lối và phương tiện hơn cả một vị Độc Giác Phật, nên ngài bảo:

- Khi ngài đã phá vỡ sức chi phối của tham dục và thâm nhập tri kiến của một vị Độc Giác Phật, nhờ lẽ đó ngài hãy tuyên thệ điều Chân lý, thì trong toàn cõi Diêm phù-đề sẽ không còn sinh vật nào bị giam cầm nữa cả.

Sau đó, vị kia vừa đi vào bằng cánh cửa mà Bồ-tát mở ra như vậy, vừa ngâm vần kệ này tuyên thệ một hành động Chân lý:

16. Tất cả chim nào ta đã giam
Trong nhà, ta có đến hàng trăm,
Nay ta trả cuộc đời cho chúng
Về tổ, bầy chim được thoát nạn.
Lúc ấy, nhờ hành động Thề nguyền Chân lý kia, dù đã muộn, tất cả bầy chim cũng được thoát cảnh giam cầm, ríu rít líu lo bay về tổ của mình. Cùng lúc ấy, khắp cõi Diêm-phù-đề tất cả mọi sinh vật đã bị bắt đều được thả tự do, không còn con vật nào sót lại trong cảnh giam cầm cả, dù chỉ là con mèo.

Vị Độc Giác Phật ấy giơ tay lên vừa xoa trán mình, lập tức các dấu vết của dòng họ cũ biến mất và dấu hiệu của bậc tu hành xuất hiện vào chỗ ấy. Lúc bấy giờ, vị này trông giống như một Trưởng Lão Tỳ kheo đã sáu mươi tuổi, đắp y đầy đủ, mang tám vật cần thiết (bình bát, ba y, đai lưng, dao cạo, cây kim và cái lọc nước), cung kính đảnh lễ chim Công chúa, và đi diễu quanh ngài, thân hướng về phía hữu, rồi bay vụt lên không gian đến tận một hang động trên đỉnh núi Nanda. Chúa chim Công cũng bay ra khỏi cái bẫy, kiếm mồi và trở về chốn ở của mình.

*

Vần kệ cuối cùng do bậc Đạo Sư ngâm kể chuyện suốt trong bảy năm trời người thợ săn quanh quẩn với chiếc bẫy trong tay và sau đó được giải thoát khỏi khổ đau nhờ chim Công chúa như thế nào:

17. Thợ săn xuyên suốt khắp rừng cây
Tìm kiếm chúa Công, bẫy dưới tay,
Đã giải thoát đau cho Khổng tước
Khi vừa bị bắt, giống Ta đây.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật, vị Tỷ-kheo thối thất kia đã đắc Thánh quả (A-la-hán).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Ta là chim Công chúa kia.

-ooOoo-

492. Chuyện lợn rừng của thợ mộc (Tiền thân Taccha-Sùkara)

Lang thang tìm kiếm khắp xa gần...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về hai Trưởng lão.

Người ta đồn rằng khi vua Mah Kosala (Đai vương xứ Kiều-tát-la) gả con gái cho vua Bimbisàra (Tần-bà-sa), ngài đã chia phần nàng một ngôi làng ở Kàsi để nàng lấy tiền mua dầu thơm tắm gội. Sau khi vua Ajàtasattu (A-xà-thế) sát hại vua cha (Tần-bà-sa), thì vua Pasennadi (Ba-tư-nặc), con của vua Mahà-Kosala phá hủy ngôi làng ấy. Trong các trận chiến xảy ra giữa hai nước về chuyện này, ban đầu chiến thắng thuộc về Ajàtasattu (A-xà-thế). Còn vua Kosala thua trận liền hỏi các vị quân sư:

- Ta lập mưu gì để bắt A-xà-thế được chăng?

Các vị ấy đáp:

- Tâu Đại vương, Tăng chúng có đại tài về thần chú. Hãy phái sứ giả đến hỏi ý kiến của Tăng chúng tại tinh xá.

Vua đồng ý việc này. Vì thế vua truyền quân hầu tới, bảo họ đi đến đó, ẩn mình ở nơi kín, để nghe lóm câu chuyện giữa Tăng chúng.

Bấy giờ tại Kỳ Viên có một số đại thần của nhiều vua chúa, đã từ giã thế tục xuất gia. Hai người trong đám ấy là hai Trưởng lão, sống trong môt thảo am ở bên ngoài tinh xá, một vị tên là Trưởng lão Dhanuggaha-tissa, vị kia là Trưởng lão Mantidatta. Hai vị đã ngủ suốt đêm, và thức dậy khi vầng đông vừa hé.

Trưởng lão Dhanuggaha-tissa bảo, trong khi nhóm lửa:

- Thưa Hiền giả Tỷ-kheo Datta.

- Thưa vâng, Hiền giả bảo gì?

- Hiền giả đang ngủ chăng?

- Thưa không, tôi không ngủ. Ta phải làm gì bây giờ?

- Này, vua Kosala thật là một kẻ ngu ngốc bẩm sinh, vua ấy chỉ biết một chuyện là ăn cả đống thức ăn tạp nhạp.

- Thưa Hiền giả muốn nói gì thế?

- Vua ấy đã để cho vua Ajàtasattu đánh bại, mà Ajàtasattu có hơn gì con giun trong bụng vua ấy đã chứ?

- Vậy thì vua ấy phải làm gì đâ?

-Này Trưởng lão Datta, Hiền giả phải biết có ba cách bày binh bố trận: bày binh hình Chiếc xe, bày binh hình Bánh xe, và bày binh hình Hoa sen. Chính là cách bày binh hình Chiếc xe ấy, vua kia phải sử dụng để bắt Ajàtasattu. Vua ấy phải bố trí các dũng sĩ hai bên cạnh mình trên đỉnh đồi, rồi dàn đạo binh chính yếu ra trước mặt trận: một khi vua kia lọt vào giữa rồi và vừa nhảy ra vừa hét lớn, thì họ bắt ngay vua kia như cá nằm trong giỏ. Đó là cách bắt Ajàtasattu đấy.

Cả đám sứ giả này nghe hết mọi chuyện đó và trở về tâu trình với vua mình, vua lập tức đem một đạo quân lớn ra, bắt được Ajàtasattu làm tù binh và trói lại bằng các dây xích xiềng. Sau khi trừng phạt như vậy vài ngày, vua này thả vua kia ra, khuyên không nên làm chuyện như trước nữa, và để an ủi vua Ajàtasattu , vua lại đem chính con gái mình là công chúa Vajirà gả cho vua Ajàtasattu rồi tiễn đưa về nước rất trọng thể.

Giữa Tăng chúng có lời bàn tán chuyện này rất nhiều:

- Ajàtasattu đã bị vua Kosala bắt sống theo lời chỉ dẫn của Trưởng lão Dhanuggaha-tissa.

Tăng chúng cũng đàm luận việc này tại Chánh pháp đường và khi bậc Đạo Sư đi vào, Ngài hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì. Tăng chúng trình với ngài. Sau đó ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu Dhanuggaha-tissa biểu lộ tài nghệ về chiến lược đâu.

Và ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ có một người thợ mộc sống trong ngôi làng gần cổng thành Ba-la-nại, đi vào rừngđốn củi. Ông tìm được một con Lợn rừng đực rớt xuống hố, liền đem về nhà nuôi nấng và đặt tên là Lợn rừng của Thợ mộc. Con Lợn rừng trở thành tên đầy tớ của ông. Nó nhổ bật cây cối lên bằng chiếc mõm và đem về nhà cho ông, nó buộc cái dây đo đạc quanh mũi nó và kéo lê đi, rồi tìm thấy cái rìu, cái đục, cái vồ ngậm trong miệng.

Khi Lợn rừng khôn lớn, nó thành một con vật lực lưỡng dị thường, người thợ mộc thương yêu nó như con ruột mình, và sợ có ai làm hại nó, nên thả nó vào rùng. Con Lợn rừng suy nghĩ: "Ta không thể sống một mình bơ vơ trong rừng này. Nếu ta kiếm bà con và ở với chúng chẳng hay lắm sao?" Vì thế nó tìm bầy lợn khắp rừng cây, cho đến khi gặp được cả đàn, nó rất vui mừng, liền ngâm ba vần kệ:

1. Lang thang tìm kiếm khắp xa gần
Đồi núi chung quanh, các khóm rừng,
Thơ thẩn ta đi tìm quyến thuộc,
Kìa! Ta tìm thấy đám thân bằng!

2. Đây, củ quả rừng phong phú sao
Với kho thực phẩm thật đồi dào!
Núi đồi khe suối xinh tươi quá,
Sống ở đây đời đẹp biết bao!
3. Ta sống đây toàn quyến thuộc thân,
Hưởng thư nhàn, chẳng phải băn khoăn,
Cũng không lo lắng và kinh hãi,
Dù chuyện gì do phía địch quân.
Bầy Lợn rừng kia nghe vần kệ này liền đáp lời qua vần kệ thứ tư:

4. Cừu địch là đây! Ở chốn nào,
Xin tìm đường lối ẩn thân vào,
Nó thường giết hại, này Thợ mộc,
Lợn đẹp nhất đàn, loại tối cao!
Hỏi:

5. Kẻ thù các bạn ấy đâu đây? Nói thật cho ta, hạnh ngộ thay!

Kẻ giết họ hàng, ai đó vậy? Dù là chưa giết trọn luôn bầy.

Đáp:

6. Đó chính là vua của thú rừng!
Với răng để cắn, sọc đen vằn,
Ấy là mãnh thú oai hùng quá,
Thường giết lợn uu tú nhất đàn!
Hỏi:

7. Thân thể ta tàn hết lực chăng?
Thế sao ta lại chẳng nhe răng?
Nếu ta chung sức thì nhờ vậy
Ta sẽ thắng ngay chú Cọp vằn!
Đáp:

8. Lời nói này nghe tuyệt diệu thay!
Tượng công, ta thích nói như vầy,
Đừng cho chú lợn nào đi trốn,
Hoặc bị giết sau trận đấu này.
Bấy giờ Lợn rừng của Thợ mộc đã làm cho cả đàn lợn đồng tâm nhất trí, liền nói:

- Khi nào Cọp sẽ đến?

- Hôm nay nó đã đến sớm và bắt mất một con lợn rồi, ngày mai nó lại sẽ đến sớm đấy.

Lợn rừng rất thiện chiến và biết lợi thế để tấn công, vì vậy có thể đạt được chiến thắng. Lợn rừng nhìn quanh tìm một nơi, bảo cả đám ăn uống khi đêm chưa đến, rồi tảng

sáng hôm sau nó giải thích cho cả đàn nghe cách giàn binh gồm ba kiểu: đội hình theo Chiếc xe,v.v...

Sau đó, nó giàn binh hình Hoa sen theo cách trên. Ở giữa nó đặt bầy lợn con đang còn bú, chung quanh là mẹ chúng, kế đó là bầy lợn cái không sinh sản, kế nữa là một vòng gồm các lợn mới lớn mập mạp, tiếp đến là bầy Lợn có răng nanh mới nhú, tiếp nữa là bầy lợn có răng nanh đã lớn, cón đám lợn rừng đực già cả ở ngoài cùng. Rồi nó bố trí những tiểu đội chừng mười, hai mươi, ba mươi quân rải rác đây đó. Nó lại bảo chúng đào cho chính nó một cái hố và một hố cho con Cọp rơi vào có hình rổ sàng: giữa hai hố đó có để một dãi đất nhỏ cho nó đứng. Sau đó nó cùng đám lợn đực thiện chiến hùng dũng đi khắp nơi khích lệ cả đàn.

Trong khi nó bận rộn như thế thì mặt trời mọc. Con Cọp vừa ra khỏi vùng thảo am của một nhà khổ hạnh giả danh và xuất hiện trên đỉnh đồi. Bầy lợn rừng kêu to:

- Thưa Chúa công, kẻ thù của ta đã đến.

Lợn rừng bảo:

- Đừng sợ, hễ nó làm gì, các bạn cứ làm lại hệt như thế.

Con Cọp rùng mình thật mạnh, làm như thể sắp đi, rồi tiểu tiện, bầy lợn cũng làm theo như thế. Con Cọp nhìn bầy lợn rừng và gầm một tiếng thật lớn, bọn chúng cũng làm y như vậy. Nhìn tháiđộ của chúng, con Cọp nghĩ thầm: "Chúng có vẻ thay đổi, hôm nay chúng đối diện ta như một đám kẻ thù trong hàng ngũ chỉnh tề, chắc có một tên thiện chiến nào đó đã tập hợp chúng lại đây; ta không nên đến gần chúng hôm nay". Vì sợ chết, Cọp cụp đuôi chạy vội về nhà tu hành giả mạo kia và vị này, khi thấy con Cọp đi về tay không, liền ngâm vần kệ thứ chín:

9. Cọp thề bỏ giết mọi loài chăng?
Cọp đã cho muôn vật vạn toàn,
Chắc hẳn hàm răng không bén nữa,
Đàn heo đã gặp, lại xin ăn?
Nghe thế, Cọp ngâm ba vần kệ đáp lời:

10. Răng của ta không cắn được rồi,
Sức ta đà kiệt quệ mà thôi,
Cùng nhau, chúng đứng toàn huynh đệ,
Vì thế ta phiêu bạt lẻ loi.
11. Xưa, chúng ngược xuôi, bại tẩu nhanh,
Tìm hang tháo chạy, phách hồn kinh,
Nhưng nay chúng rống, vòng vây chặt,
Vô địch, đấu tranh giáp mặt mình!
12. Bây giờ chúng thỏa thuận đồng tâm,
Chúng đã bầu lên một tướng quân,
Chúng hại thân này khi hiệp lực,

Nên ta thấy chúng, cũng không cần!
Nghe lời này, nhà tu khổ hạnh giả hiệu đáp lời qua vần kệ sau:

13. Diều hâu đơn độc giết đàn chim,
Chiến thắng La thần bởi Đế thiên,
Khi mãnh hổ nhìn bầy dã thú,
Lựa con đẹp nhất, giết êm liền!
Sau đó Cọp ngâm kệ:

14. Chẳng diều, chẳng hổ, chúa sơn lâm,
Thiên chủ, làm sao đủ lực thần
Khống chế cả bầy heo đánh Hổ,
Họ hàng hiệp lực để tranh hùng!
Nghe vậy, vị tu hành giả hiệu lại ngâm hai vần kệ để thúc giục nó:

15. Con chim bé bỏng phủ đầy lông,
Bay nhảy từng đàn lũ thật đông,
Tụ tập trên cao thành đám lớn,
Cùng nhau lướt nhẹ khoảng trời không.
16. Một mình đáp xuống, chú diều hâu,
Trong lúc cả bầy chúng giỡn nhau,
Tàn sát chúng ngay như ý muốn,
Đó là cách Hổ phải theo mau!
Nói xong, ông còn khuyến khích Cọp thêm:

- Này Cọp chúa, ngài chưa biết oai lực của ngài đâu. Chỉ một tiếng gầm, một bước phóng mình thôi, là ta dám chắc không sống sót đến hai con lợn nữa đấy!

Con Cọp làm theo đúng như vậy.

*

Bạc đạo Sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

17. Với con mắt ác độc thèm ăn,
Cọp tưởng lời này quả thật chân,
Can đảm mồm nhe răng nhọn hoắc,
Nhảy vào đám lợn cũng đầy răng!
Vậy là con Cọp quay trở lại và đứng một lát trên đồi. Bầy lợn rừng báo cho Lợn rừng của Thợ mộc biết rằng con cọp lại đến, Lợn rừng bảo:

- Đừng sợ!

Lợn trấn an chúng và đến đứng bên bờ giữa hai cái hố. Cọp phóng nhanh về phía chú Lợn rừng. Song lợn rừng lăn quay vào hố đầu tiên. Cọp không kiềm hãm được sức phóng của nó, cũng ngã gọn vào trong cái hố có hình như cái sàn quạt lúa. Lập tức lợn rừng nhảy lên đâm sâu răng nanh vào sườn Cọp thấu tận tim nó ra, nhét nó vào hố bên

kia, và kêu to:

- Đó, cứ ăn thịt tên khốn kiếp đi!

Con lợn nào đến trước được ăn thịt cọp thỏa thê, những con đến sau cứ đi quanh mà hỏi:

- Này, thịt Cọp mùi vị ra sao đó?

Lợn rừng của Thợ mộc nhảy ra khỏi hố nhìn quanh cả bọn và hỏi:

- Nào, các bạn chẳng thích thịt đó sao?

Song bọn kia đáp:

- Tâu Chúa công, Chúa công đã trừ được Cọp, đó mới là một tên, tuy thế còn một tên nữa nguy hiểm gấp mười lần Cọp ấy!

- Xin nói rõ đó là ai thế?

- Một vị tu khổ hạnh giả hiệu thường ăn thịt mà Cọp kia vẫn đem đến.

- Vậy thì ta sẽ đi bắt nó mau lên!

Thế là cả bọn cùng ra cùng đi.

Bấy giờ vị khổ hạnh giả hiệu kia đang trông ngóng ra con đường, chờ mong Cọp đến từng phút. Song vị ấy có thấy gì ngoài bầy lợn rừng đâu!- "Chúng đã giết Cọp rồi, chắc thế, và nay chúng lại đến giết ta!" Vị ấy vội chạy trốn và leo lên một cây sung dại. Bầy lợn rừng báo cho chủ tướng:

- Nó đã leo lên cây rồi!

- Được lắm, chúng ta sẽ bắt nó tức thì!

Lợn rừng bảo bầy lợn con ủi đất ra khỏi rễ cây, và bầy lợn cái hút thật nhiều nước trong mõm đem về, cho đến khi đứng trơ trụi tận gốc rễ. Sau đó, lợn rừng bảo bọn kia lui ra rồi chú quỳ xuống lấy răng nanh đâm vào rễ cây, chú cắt ngang cả rễ như cái rìu vậy, cây liền ngã xuống song người kia chẳng bao giờ đặt chân xuống đất được, vì đã bị chúng xé tan từng mảnh mà ăn thịt trên đường về.

Vừa chứng kiến việc kỳ diệu hy hữu này, vị Thần cây vừa ngâm kệ:

18. Bạn bè hiệp lực tựa cây rừng
Đó thật là quang cảnh đáng mừng,
Bầy lợn hợp quần, làm nhiệm vụ
Giết ngay Cọp chúa trọn thành công.
*

Và bậc Đạo Sư ngâm một vần kệ nữa nói về cách cả hai con người và vật này bị tiêu diệt như thế nào:

19. Bầy lợn thế là đã diệt tan

Bà-la-môn với Cọp đen vằn,
Rồi gầm thét, chúng la vang dội
Trong nỗi lòng vui sướng ngập tràn.
Lần nữa, lợn rừng lại hỏi:

- Thế các bạn còn kẻ thù nào nữa chăng?

- Tâu Chúa công, không.

Sau đó chúng đề nghị làm lễ phong vương quán đãnh cho lợn rừng. Chúng liền đi tìm nước. Khi thấy vỏ ốc mà vị ẩn sĩ giả hiệu ấy dùng để uống, đó là chiếc vỏ sò rất quý với hướng xoắn ốc về phía hữu, chúng liền đổ đầy nước vào vỏ sò, và làm lễ phong vương cho lợn rừng của người Thợ mộc ngay dưới gốc cây sung ấy và tại đó, nước dùng làm lễ quán đảnh được rảy lên đầu lợn rừng. Một ả Lợn cái son trẻ được chúng bầu làm vương phi. Từ đó xuất hiện một phong tục còn thịnh hành mãi cho đến nay, là khi làm lễ tấn phong cho một vị vua, quân thần đặt vua lên ngự trên một chiếc ngai bằng gỗ sung và rảy nước lên một cái vỏ ốc có đường xoắn hướng về phía hữu, đó là một vật rất hiếm và đắt giá, chỉ dùng cho lễ phong vương.

*

Bậc Đạo Sư cũng giải thích việc này bằng cách ngâm vần kệ cuối cùng:

20. Bầy heo ở dưới gốc sung rừng
Đổ nước thánh đầy để tấn phong
Chú Lợn rừng con người Thợ mộc,
Đồng hô: "Chúa tể của thần dân!"
*

Khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo Sư bảo:

- Không đâu, này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Trưởng lão Dhanuggaha-tissa chứng tỏ mình có tài tinh thông chiến lược, mà trước kia cũng vậy.

Cùng với những lời này, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là vị khổ hạnh giả danh, Dhanuggatta-tissa là Lợn rừng của thợ mộc và Ta chính là thần cây.

-ooOoo-

493. Chuyện vị đại thương nhân (Tiền thân Mahà-Vànija)

Từ nhiều quốc độ, các thương nhân...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một đám thương nhân sống ở Xá-vệ.

Tương truyền rằng những người này lúc đi buôn bán xa, đã đem lễ vật cúng dường bậc Đạo Sư và an trú vào Tam quy cùng Ngũ giới. Họ nói:

- Bạch Thế Tôn, nếu chúng con trở về bình an, chúng con sẽ hôn chân đảnh lễ Thế Tôn.

Họ lên đường cùng với năm trăm cỗ xe chất đầy hàng hóa, chẳng bao lâu vào rừng hoang dã, họ chẳng thấy đường nào đi nữa. Bị lạc đường, không nước uống thức ăn, họ băng qua rừng cho đến khi thấy một cây đa khổng lồ có loài rắn ẩn náu, họ liền thả dây cương xe ngựa ra và ngồi xuốngđó. Nhìn lên đám lá, họ thấy chúng sáng loáng như thể thấm nước, còn cành cây như mọng đầy nước

làm cho cả bọn suy nghĩ: "Dường như nước đang chảy trong thân cây này. Ta hãy cắt lấy một nhánh trở về hướng Đông xem sao? Chắc là có nước để uống".

Một người trèo lên cây chặt một cành, từ đó một dòng nước chảy ra sền sệt như nước trong thân cây thốt nốt, họ lấy nước rửa mặt và uống. Kế đó họ chặt một cành ở hướng nam, từ đó xuất hiện đủ loại cao lương mỹ vị, họ liền ăn uống. Rồi họ chặt một cành ở hướng Tây này, liền hiện ra một đám nữ nhân xinh đẹp trang sức lộng lẫy, họ vui chơi hưởng lạc với đám nữ nhân kia. Cuối cùng họ chặt một nhánh ở hướng Bắc: từ đó rớt tung tóe bảy báu vật, họ lượm lấy chất đầy năm trăm xe ngựa và trở về Xá-vệ.

Tại đó, họ cho người bảo vệ tài vật rất cẩn thận. Rồi tay mang vòng hoa, hương liệu đủ loại, họ đi đên Kỳ Viên đảnh lễ bậc Đạo Sư và cúng dường Ngài xong, liền ngồi xuống một bên. Ngày hôm ấy, họ nghe thuyết Pháp và hôm sau họ đem dâng lễ vật rất hào phóng, mà lại khước từ công đức kia. Họ thưa:

- Bạch Thế Tôn, công đức của lễ vật này chúng con xin nhường lại hồi hướng về vị Thần cây đã ban cho chúng con tất cả tài vật đó.

Khi cơm nước xong, bậc Đạo Sư hỏi:

Các ông muốn hồi hướng công đức này cho Thần cây nào?

Các thương nhân trình đức Như Lai việc bọn họ đã được cây đa cho kho báu như thế nào , bậc Đạo Sư bảo:

- Các ông đã nhận được kho báu vật ấy vì cách sống tiết độ của các ông và các ông không buông mình cho dục lạc chi phối; song ngày xưa, có những người không tiết dục, và bị dục tham chi phối, nên chúng mất cả tài sản lẫn tính mạng.

Rồi theo lời thỉnh cầu của bọn kia, Ngài kể cho họ nghe một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, gần bên thành Ba-la-nại cũng có chính khu rừng hoang này cùng cây đa này. Một đám thương nhân đi lạc đường và chợt thấy cây đa ấy.

Với Trí tuệ Viên mãn của ngài, bậc Đạo Sư giải thích vấn đề qua các vần kệ sau:

1. Từ nhiều quốc độ, các thương nhân
Đến họp cùng nhau cả một đoàn,
Bầu chọn trưởng đoàn và thẳng tiến
Lên đường tìm kiếm một kho tàng.

2. Đoàn lữ hành kia thiếu thức ăn
Đến rừng khô cháy nắng oi nồng,
Chợt nhìn thấy gốc đa hùng vĩ,
Với bóng cây che mát dịu lòng.
3. Thế rồi dưới tán là cây che,
Cả bọn thương nhân thảy dựa kề,
Lý luận như vầy vì ám độn,
Nghèo nàn trí tuệ, hóa u mê:
4. "Cây này đầy ẩm ướt bên trong
Từ đó hình như nước có dòng,
Ta hãy chặt từ cây một nhánh,
Cành nào đã mọc hướng về Đông".
5. Cành kia được chặt, nước tuôn dòng,
Từng giọt tinh nguyên, thật sáng trong,
Cả bọn thương nhân cùng tắm rửa,
Uống cho đến lúc thỏa thuê lòng.
6. Lại vì trí tuệ chúng nghèo nàn
Vì sự ngu si đã cản ngăn,
Chúng bảo: "Phía Nam còn một nhánh,
Chúng ta hãy đến cắt nhanh chân".
7. Cành này vừa chặt xuống liền mang
Lúa gạo, thức ăn cứ chảy tràn,
Cháo đặc, nghệ gừng, cùng xúp đậu
Và nhiều thức ăn khác thật vô vàn.
8. Bọn thương nhân uống uống ăn ăn,
Chúng nhét vào đầy bụng thật căng,
Rồi bảo với lòng đầy ám độn
Và vì trí tuệ quá nghèo nàn:
9. "Mau lên các bạn phú thương này,
Ta hãy cắt cành lá phía Tây",
Mỹ nữ cả bầy ùa tứ phía,
Xiêm y lộng lẫy diễm kiều thay!
10. Kìa! Xiêm y có đủ muôn màu,
Lủng lẳng vòng vàng với bảo châu,
Trong số cả trăm người mỗi một,
Mỗi chàng chiếm một gái xinh sao!
11. Cùng đứng bên nhau cả bọn này
Quây quần dưới bóng mát tàn cây,
Đám thương nhân thảy đều vào giữa,

Đùa giỡn bày trò thích thú thay!
12. Lại vì trí tuệ chúng nghèo nàn,
Vì sự ngu si đã cản ngăn
Chúng bảo: "Bắc phương còn một nhánh
Chúng ta hãy chặt xuống lìa thân".
13. Khi cành hướng Bắc chặt vừa xong,
Vàng bỗng tuôn ra cả một dòng,
Bạc chảy đầy tay và thảm quý,
Bào ngọc, trân châu nói chẳng cùng.
14. Trang phục Ba-la-nại mượt mà,
Chăn màn dày mỏng thực xa hoa,
Thương nhân lúc ấy liền hành sự
Cuộn hết thành bao lớp lụa là.
15. Cũng vì ngu muội với si mê,
Chúng lại bảo nhau, như trước kia:
"Ta hãy chặt cây từ gốc rễ,
Chắc càng thâu của cải tràn trề".
16. Kìa vội đứng lên, vị trưởng đoàn
Cúi đầu cung kính, lại thưa rằng:
"Cây đa làm hại gì chư vị,
Mong ước trời cho hưởng phước phần!
17. Cành hướng Đông cho nước chảy tràn,
Cành Nam cho thực phẩm ta ăn
Cành Tây cho các nàng kiều nữ,
Cành Bắc cho tơ lụa bạc vàng,
Cây đó hại gì cho quý vị,
Cầu chư vị hưởng phước trời ban!
18. Cây này cho bóng mát an nhàn,
Nằm nghỉ, ngồi chơi, những lúc cần,
Không được phá tan cành đổ hết,
Hành vi bừa bãi thực hung tàn!"
19. Song ngài chỉ một, chúng từng bầy,
Tiếng nói ngài sao cản chúng đây:
Chúng nện những dao rìu sắc bén
Vào phần gốc để đốn thân cây.

Lúc ấy, Linh xà vương thấy bọn chúng đến gần gốc để đốn ngã cây, liền nghĩ thầm: "Ta đã cho bọn này nước để uống khi khát, lại cho thức ăn thần tiên, bạc chất đầy năm trăm xe, mà giờ đây chúng bảo nhau hãy chặt cây đến tận gốc rễ. Chúng thật tham lam vô độ, và trừ vị trưởng đoàn ra, chúng đều phải chết!" Thế là Rắn chúa tập hợp quân

đội Rắn ngay:

- Ta truyền thật nhiều quân sĩ hãy mang giáp bào và đứng ra dàn trận, thật nhiều xạ thủ hãy mang cung, kiếm và mộc che thân sẵn sàng chiến đấu.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ giải thích việc này:

20. Rắn mặc giáp bào đủ bách quân,
Đứng lên cùng giữ vững sa trường,
Ba trăm xạ thủ, sáu ngàn nữa
Trang bị mộc khiên với kiếm thần.
*

Vần kệ sau đây do Rắn chúa ngâm:

21. Bắn hạ bọn kia, trói chặt mau,
Chẳng tha mạng sống một tên nào,
Đốt thành tro bụi trừ đoàn trưởng,
Như thế hoàn thành việc đã giao.
Bầy Rắn thần làm đúng như vậy. Sau đó chúng chất đầy các tấm thảm từ cành phương Bắc và mọi vật kia lên năm trăm chiếc xe, rồi di chuyển đoàn xe và vị trưởng đoàn lữ hành về Ba-la-nại, cất hết hàng hóa vào nhà ngài và trở về nơi trú ngụ của loài Rắn.

*

Khi bậc Đạo Sư đã chứng kiến việc này, Ngài ngâm vần kệ khuyên giáo:

22. Vậy trí nhân nên thấy thiện hành,
Chẳng bao giờ để bản tâm thành
Tôi đòi nô lệ lòng tham dục,
Phá vỡ mục tiêu đối thủ mình.
23. Bậc trí khi xem việc ác làm
Khổ đau bắt rễ tự lòng tham,
Đoạn trừ tham dục và dây trói,
Phát nguyện sống đời thanh tịnh tâm.
*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, ngày xưa các thương nhân bị dục tham trấn áp, nên đã bị hủy diệt tàn khốc, vậy các ông đừng chìu theo lửa dục.

Rồi Ngài thuyết giảng các Sự Thật. Bấy giờ vào lúc kết thúc các Sự Thật, các thương nhân kia đãđược an trú vào Sơ quả Dự Lưu. Và Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Sàriputta (Xá-lợi-phất) là Linh-Xà vương, và Ta là vị Trưởng đoàn lữ hành.

-ooOoo-

494. Chuyện đại vương Sàdhìna (Tiền thân Sàdhìna)

Việc lạ trên trần đã được xem...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một đám nam cư sĩ giữ hạnh nguyện Trai giới.

Nhân dịp này, bậc Đạo Sư bảo:

- Này, các cư sĩ, các trí nhân ngày xưa, nhờ công đức hành trì hạnh nguyện Trai giới mà đã thân hành lên cõi trời và an trú ở đó thật lâu dài.

Rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, vua Sàdhìna ở thành Mithilà, cai trị rất đúng pháp. Tại bốn cổng thành, giữa kinh thành cùng cửa cung thất, ngài đều ra lệnh xây sáu bố thí đường, và công đức bố thí của ngài làm chấn động khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ). Mỗi ngày, ngài bố thí sáu trăm ngàn đồng tiền: ngài giữ Ngũ giới, hành trì hạnh nguyện các ngày Bồ-tát, còn dân trong kinh thành cũng theo lời khuyến cáo của ngài bố thí và làm thiện sự, nên lúc mạng chung đều tái sinh cõi Thiên.

Các vị Thiên tử khi ngồi tụ họp tại Thiện Pháp đường của Sakka (Đế Thích) Thiên chủ, đồng tán thán đời sống đạo hạnh và công đức của vua Sàdhìna. Lời đồn đại về vua này khiến các Thiên thần khác ao ước được gặp mặt ngài. Đế Thích Thiên chủ biết được tâm tư của các vị liền nói:

- Các hiền hữu ước ao diện kiến vua Sàdhìna phải chăng?

Các vị đồng thanh đáp phải, Thiên chủ ra lệnh cho thần Màtali:

- Khanh hãy đến điện Vejayanta (Tối thắng) của trẫm, thắng ngựa vào thiên xa và đi đón vua Sàdhìna lên đây.

Vị kia tuân lệnh và đi thắng ngựa vào thiên xa để xuống vương quốc Videha.

Đó là một ngày trăng tròn. Vào lúc dân chúng dùng cơm chiều xong, đang ngồi nhàn nhã trước cửa nhà, thần Màtali lái thiên xa song hành bên cạnh vầng trăng đỏ. Dân chúng đồng reo lớn:

- Xem kìa, có hai mặt trăng trên trời!

Nhưng khi họ thấy thiên xa vượt qua mặt trăng và tiến về phía hạ giới, họ lại kêu lên:

- Không phải mặt trăng, mà là chiếc xe, hình như có vị Thiên tử nào đó. Ngài đang đem chiếc thiên xa này với cả đoàn ngựa thuần chủng, những linh vật ở trong trí tưởng tượng , vậy xe đến đón ai đây? Há không phải là để đón đức vua của ta sao? Phải lắm, đức vua của ta thật là một minh quân chân chánh!

Trong nỗi vua mừng tột độ, họ chắp tay cung kính vái chào và đứng lên ngâm vần kệ đầu:

1. Việc lạ trên trần đã được xem
Làm cho dựng đứng tóc người lên:
Vì mời Đại đế Vi-đề quốc,
Phái xuống thiên xa tự cõi thiên.

Thiên sứ Màtali lái thiên xa xuống dần, trong lúc dân chúng chiêm bái với vòng hoa và hương liệu, vị thần này lái ba vòng kinh thành hướng về phía hữu. Sau đó vị ấy tiến đến cung môn, dừng xe lại và đứng yên trước cửa sổ phía tây, tỏ ý muốn đi lên. Lúc bấy giờ là ngày vua đích thân quan sát các bố thí đường, và đã ra lệnh cho đám cận thần phân chia ra sao. Khi xong việc, ngài phát nguyện ngày Trai giới, và cả ngày cứ trôi qua như vậy. Ngay lúc ấy, ngài đang ngồi trên một chiếc ngai lộng lẫy, hướng ra cửa sổ phía đông, với đám triều thần vây quanh, ngài thuyết giảng về lẽ chân chánh và công bình. Chính vào thời điểm này, Màtali đến mời đức vua lên ngự thiên xa, và khi đã xong xuôi, thần cùng ra đi với ngài.

*

Bậc Đạo Sư ngâm các vần kệ sau đây để giải thích vấn đề này:

2. Thiên sứ Mà-ta-li đại cường,
Vị thần điều ngự ấy vừa mang
Lời truyền đến tận Vi-đề quốc
Ngay tại kinh thành triệu quốc vương:
3. "Xin tấu Đại vương, bậc Thánh quân,
Ngự trên xa giá để theo thần,
In-dra Thiên chủ cùng Thiên chúng
Tam thập tam thiên giới lẫy lừng,
Chư vị giờ này đang hội họp
Và đồng mơ tưởng đến hiền nhân".
4. Đại đế Sà-dhì ngước mắt lên,
Và liền ngự giá chiếc xe tiên,
Thần xa được cả ngàn thiên mã
Đồng kéo ngài lên đến cõi thiên.
5. Chư Thiên chiêm ngưỡng đấng anh quân,
Thượng khách lên chơi, vội đón mừng:
"Đại đế!" đồng hô lời chúc tụng,
"Thật là hạnh ngộ cuộc tao phùng!
Trên ngai vàng cạnh ngai Thiên chủ An tọa xin mời đấng thánh nhân!"

6. Sak-ka chào đón chúa Vi-đề
Ngự trị kinh thành tại Mỹ-thi,

Thiên chủ ban ngài ngàn lạc thú,
Thỉnh ngài an tọa thật uy nghi:
7. "Giữa các đế vương ở cõi trần
Chào mừng Thánh thượng đến thiên cung,
Đại vương an trú cùng Thiên chúng,
Được phỉ ước nguyền đúng lệnh ban,
Xin hưởng lạc thiên đường bất tận
Trên trời Đao lợi, cảnh thiên đàng!"
Đế Thích Thiên chủ ban tặng ngài một nửa kinh thành của chư Thiên rộng mười ngàn dặm, nửa số hai mươi lăm triệu Thiên nữ và nửa Cung điện Vejayanta. Ngài ở đó hưởng thọ cực lạc trong suốt bảy trăm năm theo ước tính của loài người.

Rồi khi phước đức của ngài đã tận, theo cách ấy ở thiên giới, nỗi bất mãn khởi lên trong lòng, ngài liền ngâm kệ nói lời này với Đế Thích Thiên chủ:

8. Ta hưởng, từ khi đến ngọc đường,
Đàn ca, vũ khúc, nhạc du dương.
Nay ta chẳng thấy niềm hoan lạc,
Lâm mạng chung thời đến phải chăng?
Hay chính là vì lòng ám độn,
Làm ta sợ hãi, tấu Thiên hoàng?
Lúc ấy Thiên chủ Đế Thích đáp lời ngài:

9. Đời ngài chưa hết, chẳng lâm chung,
Ngài chẳng cuồng si, hỡi Đại nhân,
Song thiện nghiệp ngài nay đã tận,
Giờ công đức trước hưởng xong phần.
10. Song cứ ở đây, hỡi Đại vương!
Bởi quyền tối thượng của ta ban:
Hưởng đi thiên lạc cùng Thiên chúng
Tam thập tam thiên giới trú an.
Tuy nhiên bậc Đạo Sư chối từ và đáp lại Thiên chủ:

11. Như lúc thiên xa đã giáng trần,
Hoặc khi phước lộc được dành phần,
Chính là thọ hưởng niềm thiên lạc
Do bởi bàn tay khác thưởng ân.
12. Ta chẳng cầu mong nhận phước phần
Do bàn tay kẻ khác thi ân,
Chính nhờ thiện nghiệp phần ta tạo,
Thiện sự riêng ta đứng vững chân.
13. Ta sẽ ra đi tạo việc lành,

Phát ban cả nước, khắp quần sinh,
Tuân theo giới hạnh và tu tập,
Điều phục thân tâm, quyết thực hành,
Người biết làm vầy là hạnh phúc,
Chẳng ăn năn hối tiếc phần mình.
Nghe thế, Đế Thích Thiên chủ liền ra lệnh cho Màtali:

- Này hiền khanh, hãy đi đưa vua Sadhìna về lại Mithilà và đặt đức vua xuống vườn ngự uyển.

Vị Thiên thần tuân lệnh.

Đức vua đến nơi, bước đi thơ thẩn trong vườn ngự; người giữ vườn trông thấy ngài, và sau khi hỏi ngài là ai, liền mang tin ấy về tâu trình với đương kim hoàng đế Nàrada. Khi vua này biết tin tiênđế trở về trần, liền ra lệnh cho người giữ vườn:

- Ngươi cứ đi trước và sắp đặt hai chiếc ngai, một dành cho tiên đế và một dành cho trẫm.

Người ấy tuân lệnh. Sau đó đức vua Sadhìna hỏi:

- Ngươi soạn hai chiếc ngai vàng cho ai đây?

- Muôn tâu, một chiếc dành cho Hoàng thượng và một chiếc dành cho đức vua của chúng thần.

Lúc ấy Đại đế Sàdhìna bảo:

- Còn ai khác dám ngồi trước mặt ta chứ?

Rồi ngài ngự lên một chiếc ngai và đặt hai chân lên chiếc kia! Vua Nàrada đến gần, sau khi đảnh lễ dưới chân ngài, liền ngồi xuống một bên. Bấy giờ theo truyền thuyết, vua này là vị vua thứ bảy trong dòng dõi chính thống của ngài, và thời ấy, tuổi thọ của con người chỉ là một trăm năm. Còn bậc Đại sĩ đã trường thọ như thế là do công đức thiện nghiệp của ngài. Ngài cầm lấy tay vua Nàrada dạo bước quanh vườn ngự và ngâm ba vần kệ này:

14. Lãnh thổ là đây, tổ quốc ta
Máng tròn dẫn nước suối băng qua
Cỏ xanh bao phủ đầy nơi chốn
Khe nhỏ, lạch ngòi vẫn chảy ra
15. Các hồ diễm lệ lắng nghe vang

Khi đám hồng nga réo gọi đàn
Bao đóa sen xanh chen lẫn trắng,
Cây hình đá biến mọc lan tràn
Song người yêu cánh cùng ta trước,
Nay ở đâu, lòng ta muốn hỏi han?

16. Đây là điền thổ ruộng cùng nương,
Đồng lúa lạc viên , chính cố hương,
Song chẳng thấy đâu người quyến thuộc,
Tưởng chừng sa mạc quá thê lương!
Nghe vậy vua Nàrada đáp:

- Tâu Hoàng tổ phụ, từ khi tổ phụ thăng thiên giới đến nay đã bẩy trăm năm trôi qua, giờ đây hoàng tôn là cháu bẩy đời của tổ phụ, các vị quan cận thần của tổ phụ đều đã hóa ra người thiên cổ. Nhưng đây chính là vương quốc của tổ phụ, hoàng tôn xin tổ phụ nhận lại đất nước.

Đức vua đáp:

- Này Hoàng tôn Nàrada, ta không đến đây để rồi lên làm vua nữa đâu, mà ta đến đây để làm thiện sự và ta sẽ làm thiện sự thôi.

Rồi ngài ngâm kệ như sau:

17. Ta đã nhìn cung điện cõi trời
Huy hoàng chiếu sáng khắp muôn nơi,
Chư Thiên ở cõi trời Đao Lợi
Thiên chủ cùng ta diện kiến rồi.
18. Ta hưởng bao hoan lạc tuyệt trần,
Ngôi nhà thiên giới để riêng phần
Tràn đầy tất cả điều tâm nguyện
Tam thập tam thiên của Ngọc Hoàng.
19. Ta ngắm xong và đã tái hồi
Để thi hành thiện sự mà thôi
Và ta sẽ sống đời thanh tịnh,
Ta chẳng màng gì đến chiếc ngôi.
20. Đạo này không dẫn đến đau buồn,
Chánh Đạo mà chư Phật chỉ đường;
Đường đó giờ đây ta tiến bước
Là đường bậc Thánh vẫn theo luôn.
Bậc đại sĩ đã nói như vậy với Trí tuệ Tối thắng của ngài và làm cô đọng tất cả ý nghĩ qua các vần kệ trên. Sau đó vua Nàrada, một lần nữa lại thưa với ngài:

- Xin Hoàng tổ phụ nhận lấy quyền cai trị vương quốc.

Và ngài đáp:

- Này Hoàng tôn yêu quý, ta không thiết gì vương vị đâu, song ta lại muốn phân phát trong vòng bẩy ngày tất cả tài vật cần được bố thí trong bảy năm qua.

Vua Nàrada lãnh ý, và làm như ngài yêu cầu, truyền chuẩn bị vô số của cải để phân phát rộng rãi.Đức tiên đế bố thí trong bẩy ngày xong xuôi, vào ngày thứ bảy ngài băng

hà và tái sanh vào cõi trời Ba mươi ba.

*

Khi bậc Đạo sư chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Việc hành trì hạnh nguyện ngày Trai giới là bổn phận cần phải giữ gìn.

Và Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Bấy giờ vào lúc kết thúc các Sự Thật, một số nam cư sĩ đắc Sơ quả Dự Lưu, một số khác đắc Nhị quả Nhất Lai. Và Ngài nhận diện Tiền thân:

-Vào thời ấy, Ànanda là vua Nàrada, Anuruñha (A Na Luật) là Sakha (Đế Thích) Thiên chủ và Ta chính là vua Sàdhina.

-ooOoo-

495. Chuyện Mười Hạng Bà-La-Môn (Tiền thân Dasa-Bràhmana)

Đại Đế Yud-dhi thật chánh chân .....

Chuyện này Bậc Đại Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một lễ vật cúng dường tối thượng.

Truyện này đã được giải thích trong số 424. Tiền thân Aditta của Chương VII. Ta biết rằng nhà vua trong lúc thực hiện việc cúng dường này đã quan sát kỹ lưỡng năm trăm vị Tỳ kheo với đức Phật là vị thượng thủ và đã dâng lễ vật lên các bậc Thánh cao trọng nhất trong Tăng chúng.

Sau đó Tăng chúng ngồi trong Chánh pháp đường và nói về công đức của vua ấy như sau:

- Này Hiền hữu Tỳ kheo, vị vua này trong lúc dâng lễ vật tối thượng đã cúng dường các vị đủ đạo cao đức trọng.

Bậc Đạo Sư bước vào và hỏi các vị bàn luận gì trong lúc ngồi tại đây, các vị trình với Ngài. Ngài bảo:

- Này các Tỳ kheo, thật không kỳ diệu gì ngày nay vua Kosala đã là đệ tử của một Đạo Sư như ta, lại cúng dường có phân biệt rõ ràng. Ngay các bậc hiền trí xưa kia, trước khi đức Phật xuất hiện ở đời, cũng đã cúng dường có phân biệt.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện qúa khứ.

*

Một thuở nọ trong quốc vương Kuru và kinh thành Indapatta, có vua Koravya cai trị, thuộc dòng dõi Yuddhitthila. Còn quốc sư về thế sự cũng như thánh sự của vua là vị đại thần mệnh danh Vidhùra (bậc Hiền Trí). Vua thực hành đại bố thí làm chấn động khắp cõi Diêm phù đề (Ấn Độ), nhưng trong số những người thọ hưởng các thí vật này không có ai là người giữ đúng Ngũ giới, tất cả bọn chúng đều là độc ác trên phương diện làm người, nên việc bố thí của vua không làm tâm ngài thỏa mãn. Ngài suy nghĩ:" Kết quả của việc cúng dường có phân biệt thật là vĩ đại thay". Và với lòng ước ao cúng dường

các bậc có đức độ cao cả, ngài quyết định hỏi ý kiến bậc hiền nhân Vidhùra. Vì thế khi quốc sư Vidhùra vào chầu vua, ngài mời vị này ngồi xuống và đưa vấn đề ra hỏi vị này.

*

Để trả lời việc này, bậc Đạo Sư ngâm vần kệ đầu. Phần sau là phần vấn đáp giữa nhà vua và Vidhùra:

1- Chúa thượng Yu-dhi thật chánh chân
Một hôm hỏi ý bậc hiền nhân:
"Vi-dhù, tìm các La môn thiện
Những bậc hiền nhân trí tuệ tràn.
2- Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng như vầy, thiện hữu,
Để ngày sau hái qủa an toàn.
Trí giả Vidhùra nói:

3- Thật khó tìm Hiền thánh thế này
La-môn trí đức đủ như vầy,
Những người giữ trọn tâm ly dục
Để thọ hưởng phần phẩm thực đầy.
4- Giữa đời mười loại Bà la môn,
Xin hãy lắng nghe, tấu Đại Vương,
Trong lúc hạ thần phân biệt họ,
Thần xin nói rõ họ hoàn toàn:
5- Vài người mang túi xách trên lưng,
Củ, rễ chất đầy buộc thật căng,
Những kẻ góp gom cây cỏ thuốc
Tắm mình, tụng chú thuật, bùa thần.
6-Bọn họ như thầy thuốc, Đại vương, Cũng đều được gọi Bà la môn

Nay ngài biết loại này tường tận, Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

Đại vương Koravya đáp:

7- Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhù, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
8- Những người đoạn ác nghiệp, ly tham
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

Trí Giả Vidhùra nói:

9- Bọn người đi trước lại mang chuông,
Trong lúc vừa đi họ réo vang,
Họ biết lái xe đầy khéo léo,
Thư từ thông điệp họ đều mang
10-Họ chẳng khác nào đám dịch nhân,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?
Đại vương Koravya đáp:

11- Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vi-dhù, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
12- Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
Trí giả Vi-dhù nói:

13- Với bình nước uống gậy cong cong,
Họ chạy theo kịp quốc vương,
Qua các thôn làng cùng thị trấn,
Trong khi theo đuổi lại ca rằng:
" Ta không đi nữa, dù rừng, phố,
Cho đến khi Hoàng thượng cúng dường".
14- Họ quấy rầy các thuế nhân,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?
Đại vương Koravya đáp:

15- Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vi-dhù, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
16- Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

Trí giả Vi-dhù nói:

17- Móng dài, lông rậm cả tay chân,
Tóc bện và hôi thối miệng răng,
Bụi bặm bám đầy người bẩn thỉu,
Họ đi đường tựa bọn xin ăn.
18- Là bọn tiều phu! Tấu Đại vương!
Cũng đều được gọi Bà la môn
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?
Đại vương Koravya đáp:

19- Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vi-dhù, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
20- Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
Trí giả Vi-dhù nói:

21- Am-lạc, Vil-va, đào đỏ hồng, La-buj, xoài chín, vật chùi răng, Thuốc cao, ván, điếu, đường, ong mật,

Nhiều thứ còn kia, họ bán hàng.

22- Chúa thượng, khác nào bọn lái buôn,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?
Đại vương Koravya đáp:

23- Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vi-dhù, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
24- Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
Trí giả Vi-dhù nói:

25- Những người làm ruộng hoặc đi buôn

Nuôi lắm đàn dê ở trại chuồng,
Trao đổi cưới xin làm sính lễ,
Bán bầy con gái, để mua vàng.
26- Giống bọn con lai đám tiện dân,
Cũng đều được gọi Bà La Môn,
Nay ngài biết loại này tường tận
Ta có nên tìm loại ấy chăng?
Đại vương Koravya đáp:

27- Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vi-dhù, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
28- Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
Trí giả Vi-dhù nói:

29- Bọn thầy cúng tế, đoán điềm hên, Thiến, lựa bò, dê để lấy tiền,

Dân chúng mời về, thường ở lại,
Có đầy thực phẩm được dâng lên,
Nơi kia bò cái, bê, bò thiến,
Dê, lợn đều đem giết lắm phen.
30- Bọn họ như hàng thịt hạ tầng,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận
Ta có nên tìm loại ấy chăng?
Đại vương Koravya đáp:

31- Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vi-dhù, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
32- Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
Trí giả Vi-dhù nói:

33- Bọn mang gươm, giáo, mộc che mình,
Tay lại cầm rìu tựa chiến binh,

Họ đứng trước đoàn thương khách nọ,
Sẵn sàng hướng dẫn đám du hành.
34- Như mục phu, quân cướp bạo gan,
Cũng đều được gọi Bà la môn ,
Nay ngài biết loại này tường tận
Ta có nên tìm loại ấy chăng?
Đại vương Koravya đáp:

35- Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vi-dhù, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
36- Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.
Trí giả Vi-dhù nói:

37- Có bọn xây lều đặt bẫy giăng,
Bất kỳ nơi chốn ở trong rừng,
Bắt loại tôm, cá, cùng rùa, trạnh,
Mèo, thỏ, cắc kè, mọi thú hoang.
38- Tâu Đại vương, đây chính thợ săn,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận
Ta có nên tìm loại ấy chăng?
Đại vương Koravya đáp:

39- Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vi-dhù, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
40-Chư vị đoạn tham dục, ác hạnh,
Để dùng thực phẩm của triều đình,
Trẫm nguyện dâng cúng chư hiền giả,
Để chính mình sau gặt quả lành.
Trí giả Vi-dhù nói:

41- Lại có bọn ham chuộng bạc vàng,
Chịu nằm xuống dưới chiếu vương sang,
Để vua tắm rửa trên đầu họ,
Trong lễ So-ma rảy tế đàn.

42- Thợ cạo khác gì? Tấu Đại vương,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận
Ta có nên tìm loại ấy chăng?
Đại vương Koravya đáp:

43-Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vi-dhù, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
44- Chư vị đoạn tham dục, ác hành,
Để dùng thực phẩm của triều đình,
Trẫm nguyện dâng cúng người như vậy,
Để chính mình sau gặt quả lành.
Như vậy sau khi miêu tả các loại Bà la môn chỉ mang hư danh mà thôi, bậc Trí giả nói tiếp để miêu tả các vị Bà la môn theo đúng ý nghĩa cao cả nhất trong hai vần kệ:

45-Song các La môn , Tấu Đại vương,
Những người đại trí tuệ, hiền lương,
Đoạn trừ mọi ác hạnh, tham dục,
Để thọ thức ăn được cúng dường.
46- Chư vị chỉ dùng một bữa ăn,
Chẳng bao giờ đụng rượu men nồng,
Đại vương biết rõ người như vậy,
Ta có nên tìm các vị không?
Khi vua nghe các lời này, liền hỏi:

- Này hiền hữu Vidhùra, các vị Bà la môn này xứng đáng cúng dường tối thượng ở đời, hiện nay các vị đang ở đâu?

- Tâu Đại vương, ở trên dãy Tuyết sơn xa xôi kia, trong hang núi Nanda.

- Vậy thì, này bậc trí giả, hãy dùng uy lực của ngài, mang các vị Bà la môn ấy đến ngay đây cho trẫm.

Rồi trong nỗi hân hoan tột độ, vua ngâm vần kệ này:

47- Quốc sư đem hết các La môn,
Thanh tịnh tràn đầy, trí chánh chơn,
Mời các Ngài, ngay Hiền sĩ hỡi,
Chần chờ gì nữa? Hãy lên đường!
Bậc Đại sĩ chấp thuận làm theo lời vua yêu cầu, và nói thêm:

- Bây giờ, tâu Đại vương, hãy truyền lệnh cho đánh trống khắp kinh thành, loan báo rằng toàn thành phải trang hoàng rực rỡ, toàn dân phải bố thí, và hành trì ngày Trai

giới, nguyện giữ mình đức độ, và chính Đại vương cùng cả triều đình cùng phát nguyện giữ ngày Trai giới.

Còn chính ngài ngay từ tảng sáng, sau khi điểm tâm xong, liền phát nguyện giữ ngày Trai giới,đến chiều, ngài bảo đem đến một giỏ hoa lài. Rồi cùng vua, đảnh lễ với năm phần thân thể sát đất và khi ngài vừa nhớ lại những công đức của các vị Độc Giác Phật, ngài vừa khấn vái lời này:

- Kính thỉnh năm trăm đức Độc Giác Phật đang trú trong vùng Bắc Tuyết Sơn, hang núi Nanda, ngày mai xin các Ngài hạ cố hưởng thọ thực phẩm của triều dình.

Ngài thả tám nắm tay đầy hoa lên không gian, lập tức các hoa này rơi trên năm trăm vị Độc Giác Phật, vào đúng nơi các ngài đang an trú. Các ngài ấy suy xét và thấy ngay sự việc kia, liền nhận lời mời và bảo nhau:

- Này các Tôn Giả, chúng ta được vị hiền nhân Vidhùra mời đến, vị này không phải người phàm tục đâu, ngài có hạt giống Phật trong mình, nên ngay trong kiếp này, ngài sẽ thành Phật. Chúng ta hãy tỏ lòng kính mến đặc biệt với ngài.

Bậc Đại sĩ hiểu các Ngài đã chấp thuận lời mời, bằng chứng là các hoa kia không bay trở lại. Sau đó, ngài bảo:

- Tâu Đại vương, ngày mai các vị Độc Giác Phật sẽ đến, vậy hãy lo cung thỉnh các vị trọng thể và dâng lễ cúng dường.

Ngày hôm sau đức vua đón tiếp các Ngài vô cùng trọng thể, sửa soạn các bảo tọa để các Ngài ngồi trên một cái bệ uy nghi cao cả.

Các vị Độc Giác Phật ở Hồ Anotatta, đợi cho đến lúc cảm thấy đói bụng, liền du hành qua không gian và giáng hạ, ngay sân chầu của hoàng cung. Vua cùng Bồ Tát đầy lòng thành tín, đón lấy các bình bát từ tay các Ngài và thỉnh chư vị đi lên chiếc bệ đài hoa kia, mời an tọa, rảy nước cúng dường lên tay chư vị, rồi phục vụ các Ngài các thực phẩm thượng hạng đủ loại cứng và loại mềm. Sau buổi thọ thực, vua lại mời các Ngài đến ngày hôm sau và cứ thế trong bẩy ngày liền, dâng cúng các Ngài nhiều lễ vật, và vào ngày thứ bẩy vua cúng dường đủ mọi vật thiết. Lúc ấy chư vị nói lời tùy hỷ với vua xong, liền bay qua không gian trở về nơi trú ngụ cũ, còn các vật cúng dường cũng đều bay theo các Ngài.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại, bậc Đạo Sư bảo:

- Này các Tỳ Kheo, thật chẳng kỳ lạ gì việc vua Kosala nay là đệ tử của Ta đã cúng dường Ta lễ vật tối thượng, vì các bậc trí nhân ngày xưa ở thời chưa có đức Phật, cũng đã làm như thế.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Ànanda là vua, và bậc Trí giả Vidhùra chính là Ta.

-ooOoo-

496. Chuyện cúng thực phẩm đúng cấp bậc (Tiền thân Bhikkhà-Parampara)

Ta trông ngài xứng đáng ngôi cao.....

Chuyện này Bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một vị điền chủ.

Người ấy là một tín đồ mộ đạo, thường xuyên tỏ lòng cung kính trọng thể đức Như Lai và Tăng chúng. Một hôm ông suy nghĩ như sau: "Ta thường xuyên tỏ lòng cung kính trọng thể đức Phật là ngôi báu và Tăng chúng là một ngôi báu nữa, bằng cách cúng dường thực phẩm thượng vị và y phục. Nay ta muốn tỏ lòng cung kính trọng thể Pháp Bảo: Song làm cách nào để cúng dường ngôi báu ấy?"

Vì vậy ông đem nhiều vòng hoa thơm và hương liệu, đi về phía Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo Sư và hỏi Ngài:

- Bạch Thế Tôn, ước nguyện của con là cúng dường Pháp Bảo, vậy làm sao một người có thể thực hiện việc ấy?

Bậc Đạo Sư đáp:

- Nếu tâm nguyện của ông là cúng dường trọng thể ngôi Pháp Bảo thì ông hãy cúng dường trọng thể cho Ànanda, vị Thủ kho Chánh Pháp (Dhamma-Bhandàgàrika):

- Lành thay! Ông đáp và xin hứa sẽ thực hiện việc ấy.

Ông đi mời Tôn giả Ànanda đến viếng nhà mình, rồi hôm sau rước Tôn giả về nhà với lễ nghi vô cùng huy hoàng trọng thể. Ông mời Tôn giả ngồi trên một bảo tọa lộng lẫy và cúng dường Tôn giả vòng hoa thơm cùng hương liệu rồi thiết đãi đủ loại cao lương mỹ vị, lại dâng loại vải vóc rất sang trọng vừa đủ cho ba y. Tôn giả liền suy nghĩ:"Vinh dự này dành cho Pháp Bảo; nó không thích hợp với ta, mà thích hợp với vị Tướng quân Chánh pháp (Dhamma-Senàpati)".

Thế là đặt thực phẩm vào bình bát và cầm vải vóc, Tôn giả đem đến tinh xá, tặng lễ vật cho Tôn giả Sàriputta. Tôn giả này cũng nghĩ như vậy: "Vinh dự này dành cho ngôi Pháp Bảo, nó không thích hợp với ta, mà nó chỉ thích hợp duy nhất với bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đấng Pháp vương ". Và Tôn giả dâng nó lên đấng Thập lực. Bậc Đạo Sư thấy không còn ai trên Ngài nữa, nên thọ hưởng thực phẩm và nhận số vải vóc để làm ba y.

Sau đó Tăng chúng bàn luận việc này trong Chánh pháp đường:

- Này các hiền giả Tỳ kheo, thế là vị điền chủ kia muốn tỏ lòng cung kính trọng vọng đối với Chánh pháp nên cúng dường Tôn giả Ànanda là vị Thủ Kho Chánh pháp. Tôn giả này nghĩ mình chưa xứng đáng với lễ vật ấy nên trao lại vị Tướng quân Chánh pháp. Tôn giả này cũng nghĩ mình không xứng đáng nên dâng lên đức Như Lai. Còn đức Như Lai, thấy không còn ai trên Ngài, biết rằng Ngài xứng đáng với lễ vật ấy ở vị trí đấng Pháp vương, nên Ngài đã thọ hưởng thực phẩm và nhận số vải để làm ba y kia. Như vậy thực phẩm cúng dường đã tìm được chủ nhân nhờ đi đến đúng người có quyền thọ hưởng.

Bậc Đạo Sư bước vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận gì khi ngồi ở đây. Các vị trình với Ngài. Ngài bảo:

- Này các Tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên thực phẩm cúng dường đến đúng vào phần của người xứng đáng bằng những cấp bậc tiến lên tuần tự, mà ngày xưa, trước thời đức Phật cũng thế.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thời, vua Brahmadatta trị vì rất chân chánh tại Ba La Nại, sau khi đã đoạn trừ các ác nghiệp và hành trì Thập vương pháp. Vì thế, tòa án xử kiện của vua trở nên trống rỗng, vua muốn tìm kiếm

cho ra lỗi lầm của mình, cứ hỏi han mọi người, bắt đầu với những người ở chung quanh ngài, nhưng không nơi nào, dù trong các hậu cung, trong kinh thành hay các thôn làng lân cận, ngài tìm được người nói một lỗi gì cho ngài cả. Sau đó, ngài quyết định đi thăm dò dân chúng vùng quê. Vì thế, sau khi giao quyền trị nước cho các triều thần, ngài đem vị Tế sư đi theo ngài. Hai vị cải trang du hành xuyên qua quốc độ Kàsi; tuy thế, ngài cũng không thấy ai nói về ngài vì một lỗi gì cả.

Cuối cùng , ngài đến một làng ở biên địa, ngồi ở một sảnh đường không có cổng vào. Thời đó, một vị điền chủ của làng ấy là một phú ông giầu có đến tám trăm triệu đồng tiền, đi cùng một đám tùy tùng đông đảo đến một bến tắm, thấy vua ngồi trong sảnh đường kia với thân tướng cao sang và sắc da vàng óng. Ông sinh lòng yêu mến ngài, liền đi vào sảnh đường và bảo:

- Hãy ngồi đây một lát.

Sau đó ông về nhà, bảo soạn sẵn đủ loại thực phẩm thượng vị, rồi trở lại với đám tùy tùng đông đảo mang theo các bình bát đựng thức ăn.

Cùng lúc ấy, một vị tu khổ hạnh từ vùng Tuyết Sơn đi xuống cũng ngồi xuống đó, vị này đã chứng được năm Thắng trí. Và một vị Độc Giác Phật, cũng từ hang núi Nanda hạ sơn đến ngồi đó. Vị điền chủ kia đưa nước cho vua rửa tay rồi dọn một đĩa thức ăn thượng hạng đủ loại gia vị thơm ngon và đặt trước mặt vua. Ngài nhận và trao cho vị Tế sư Bà la môn, vị Tế sư cầm lên trao cho nhà tu khổ hạnh. Nhà tu khổ hạnh bước đến gần vị Độc Giác Phật, tay trái cầm bình đựng thức ăn, tay phải cầm bình nước, trước tiên rót nước cúng dường (như chuyện trước), rồi đặt thức ăn vào bát vị này. Vị ấy liền ăn ngay, không mời ai cùng chia phần với mình hay xin phép gì cả.

Khi bữa xong, vị điền chủ suy nghĩ: "Ta dâng thức ăn lên đức vua, ngài trao cho vị Tế sư, vị Tế sư trao cho vị tu khổ hạnh, vị tu khổ hạnh lại trao cho vị Độc Giác Phật, và vị Độc Giác Phật đã thọ thực ngay mà không xin phép ai nữa. Việc cúng dường này có ý nghĩa gì chăng? Tại sao vị cuối cùng thọ thực và không cần xin phép ai hay nhờ ai cho phép? Ta sẽ hỏi lần lượt các vị này".

Rồi vị ấy lần lượt đến gần mỗi người, đảnh lễ xong liền nói câu ấy và được các vị trả lời:

Phú ông hỏi:

1- Ta trông ngài xứng đáng ngôi cao,
Ngài đến từ cung điện xứ nào,
Sa mạc vùng này hoang vắng quá,
Dáng hình ngài quá thật thanh tao.
2- Vì mến thương ngài, ta đã dâng,
Cao lương khéo chọn lựa vừa ăn:
Món cơm kia được tài người khéo
Nấu đổ lên trên món thịt hầm.
3- Thực phẩm ngài cầm lại chẳng ăn,
Ngài đem tặng vị Bà la môn,
Lòng đầy cung kính, nay xin hỏi:
Việc mới làm mang ý nghĩa chăng?
Đức vua đáp:

4- Sư trưởng ta đây thật nhiệt thành,
Việc dù lớn nhỏ vẫn thi hành,
Nên ta phải tặng phần cơm cúng,
Xứng đáng Quốc sư, quá thật tình.
Phú ông hỏi:

5- Dù vua cũng trọng Bà la môn
Xin nói, sao ngài lại chẳng ăn,
Một đĩa cao lương tài nấu khéo,
Người đổ đầy trên món thịt ngon?
6- Ngài chẳng hiểu thông nghĩa cúng dường,
Song ngài đem tặng vị hiền nhân,
Với lòng kính trọng, nay xin hỏi,
Việc ấy ngài làm có nghĩa chăng?
Tế sư đáp:

7- Ta có gia đình với vợ con,
Ta thường cư trú tại gia môn,
Dục tham vua chúa ta điều phục,
Tham dục riêng ta vẫn đám hồn.
8- Vói người khổ hạnh, bậc hiền nhân,
Xưa ở trong rừng vẫn trú thân,
Già cả, thực hành theo giáo lý,
Nên ta cầm thực phẩm đem dâng.
Phú ông hỏi:

9- Nay ta xin hỏi bậc hiền nhân,

Ở dưới da ngài lộ rõ gân,
Vói móng mọc dài, đầu tóc rối,
Cái đầu dơ bẩn lẫn hàm răng.
10- Ngài chẳng màng đời sống thế gian,
Hỡi người đơn độc trú rừng hoang,
Tôn sư nay có gì ưu thắng,
Mà phải đem lương thực cúng dâng?
Vị khổ hạnh đáp:

11- Ta đào củ cải, tỏi, hành hoang, Cỏ, lá, bạc hà, vẫn kiếm luôn,

Nhặt hạt cải đen, rung lúa dại, Trải ra phơi nắng thật khô dòn.

12- Ngó sen, dược thảo, táo, chà là,
Am-lạc, mật ong, miếng thịt thừa,
Là của ta dành phần kiếm được,
Rồi làm thành món hợp cho ta.
13- Ngài không, lão nấu, lão nhiều hàng,
Ngài chẳng có chi, lão buộc ràng,
Thế sự bao điều, ngài giải thoát,
Món cơm ngài hưởng đúng công bằng.
Phú ông hỏi:

14- Xin hỏi, ngồi kia bậc Trí hiền,
Mọi nguồn dục vọng thảy nằm yên,
Món cơm nấu khéo đầy ngon ngọt,
Có kẻ đem phần thịt đổ lên.
15- Ngài nhận và ngon miệng uống ăn,
Chẳng mời ai đến để chia phần,
Đầy lòng kính trọng, nay xin hỏi:
Việc ấy ngài làm có nghĩa chăng?
Độc Giác Phật đáp

16- Không nấu, cũng không bảo nấu dùm,
Nay không làm hại, trước không làm,
Vị kia biết rõ ta không của,
Ta quyết đoạn trừ mọi dục tham.
17- Tay phải vị kia nắm chiếc bình,
Thức ăn cầm phía trái bên mình,
Cho ta món thịt hầm người đặt,
Trên bát cơm ngon thật tốt lành.
18- Chúng nhiều tài sản, lắm kim ngân,
Bổn phận là đem của phát phân,

Ai bảo người cho cũng thọ hưởng,
Ấy là thù địch, chớ phân vân.
Khi nghe những lời này, vị điền chủ vô cùng hoan hỷ ngâm hai vần kệ cuối cùng:

19- Thật là ta được một duyên may Hạnh ngộ quân vương ngự tới rày,

Thuở trước ta không hề biết rõ, Cúng dường mang phước quá tràn đầy.

20- Đế vương với các Bà la môn,
Trị nước mà tâm ác dục tràn,
Các trí nhân tìm cây quả dại,
Bậc tu hành giải thoát lòng tham.
Khi vị Độc Giác Phật thuyết giáo cho vị kia xong, liền trở về cõi của Ngài và vị tu khổ hạnh cũng thế. Còn nhà vua, sau vài ngày ở lại với vị điền chủ, cũng trở về Ba la nại.

*

Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Này các Tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên thực phẩm đến tay người xứng đáng, mà trước kia cũng vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Vào thời ấy, người điền chủ đã tôn trọng cúng dường Pháp là người điền chủ trong chuyện này, Ànanda (A -nan) là vua, Sariputta (Xá lợi phất) là Tế sư và Ta chính là vị tu khổ hạnh trên vùng Tuyết Sơn.

-ooOoo-

Chương XV Phẩm Hai Mươi Bài Kệ

497- Chuyện bậc Hiền trí Màtanga (Tiền thân Màtanga)

Lão từ đâu đến, đắp y dơ.....

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về vua Udena.

Vào thời ấy, Tôn giả Pindola Bhàradvàja phi hành từ Kỳ Viên qua không gian, thường đến tránh cơn nóng ban ngày trong vườn ngự uyển của vua Udena nước Kosambi. Chuyện kể rằng Tôn giả này trong một đời trước đã làm vua, và thọ hưởng một thời gian dài cảnh vinh quang phú quý trong chính vườn ngự uyển kia cùng đám hầu cận. Nay nhờ công đức thiện nghiệp ông đã tạo được, nên ông thường đến tọa Thiền tại đây, tránh cơn nóng ban ngày và hưởng được cực lạc do chứng đắc Thánh quả.

Một hôm ông vào chỗ đó ngồi dưới một cây Sala đang trổ hoa sung mãn, thì vua Udena đi vào vườn với một đoàn tùy tùng đông đảo. Suốt bảy ngày trước vua uống rượu say nên muốn vào ngự viên giải trí. Vua nằm trên vương sàng trong cánh tay của một nàng cung nữ và được dỗ dành cho chóng ngủ thiếp đi. Sau đó đám nữ nhạc ngồi ca hát quanh vua đặt nhạc khí xuống, vừa đi quanh quẩn trong vườn ngự uyển vừa nhặt hoa trái. Dần dần họ thấy vị Trưởng lão ấy nên bước lên,đảnh lễ vị ấy và ngồi xuống. Vị

Trưởng lão ngồi tại chỗ đó thuyết pháp cho họ nghe. Nàng cung nữ kia đổi cánh tay để thức vua dậy, vua hỏi:

- Bầy tiện tỳ kia đi đâu cả rồi?

Nàng đáp:

- Chúng đang ngồi vòng quanh một nhà tu khổ hạnh.

Vua nổi cơn thịnh nộ, đi đến gặp vị Trưởng lão và mạ lỵ phỉ báng:

- Đi ngay, ta muốn kẻ kia phải bị bầy kiến xé xác ra!

Thế là trong cơn thịnh nộ, vua truyền đem một thúng kiến đỏ đến rải tung trên thân thể vị Trưởng lão. Song vị này đã bay lên không gian, và thuyết giáo cho vua xong, trở về Kỳ Viên hạ xuống trước cổng Hương phòng. Đức Như Lai hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Tôn giả ấy kể lại sự việc trên. Ngài bảo:

- Này Bhàradvàja, đây không phải là lần đầu tiên vua Udena nổi sân hận và lăng mạ một kẻ tu hành, mà trước kia cũng đã như thế.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vị Trưởng lão, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thời, khi vua Brahmadatta lên ngôi tại Ba La Nại; bậc Đại sĩ sinh làm con trai của một người Chiên đà la (Candàla: hạ đẳng tiện dân) ở ngoại thành, họ đặt tên ngài là chú voi Màtanga. Sau đó ngài thông đạt trí tuệ, danh tiếng lan truyền khắp nơi là bậc Hiền trí Màtanga.

Lúc bấy giờ có một nàng tên Dittha- Mangalikà (Người thấy các Điềm lành), con gái của một vị thương nhân thành Ba La Nại, cứ một hoặc hai tháng một lần, thường vào ngự viên vui đùa cùng đám bạn đồng hành đông đảo.

Một ngày kia, bậc Đại sĩ đi vào thành, liền gặp Dittha-Mangalikà, ngài bước sang một bên vàđứng im phăng phắc. Từ sau búc màn, Dittha trông thấy ngài và hỏi:

- Ai đó?

- Thưa cô nương, một kẻ Chiên đà la.

- Hừ, nàng đáp,- ta đã thấy nhằm một vật mang điềm xui xẻo.

Rồi nàng rửa mắt bằng nước hoa và quay đi. Đám người đi với nàng la lớn:

- Này tên bần cùng hèn hạ kia, mày đã làm chúng ta mất phần cơm rượu miễn phí hôm nay.

Trong cơn giận dữ, họ lấy tay chân đấm đá bậc Hiền trí Màtanga, khiến cho ngài bất tỉnh rồi bỏđi. Sau một lát ngài hồi tỉnh và nghĩ thầm: "Đám người đi theo Dittha-Mangalika đã vô cớ đánhđập ta, một kẻ vô tội. Ta quyết sẽ không nhúc nhích

cho đến khi ta chiếm được nàng, chẳng chịuđi trước một chút nào cả".

Với quyết định này, ngài bước đi đến trước cửa nhà cha nàng. Khi đám gia nhân hỏi tại sao ngài nằm đó, ngài đáp:

- Ta chỉ muốn được nàng Dittha-Mangalikà mà thôi.

Một ngày trôi qua, rồi hai, ba, tư, năm, sáu, quyết định của chư Phật thường thường không sao lay chuyển được; vì thế vào ngày thứ bẩy họ phải đem cô gái ra trao cho ngài. Sau đó nàng bảo:

- Nào đứng lên chàng ơi, ta cùng đi về nhà chàng đi!

Song ngài đáp:

- Cô nương ôi, ta vừa bị bọn người nhà nàng đánh đập nên thân, nay ta yếu lắm, nàng hãy cõng ta trên lưng và mang đi.

Nàng làm theo lời ấy ngay trước mặt mọi người dân trong thành và nàng cứ tiến dần từ thành đô đi đến vùng tiện dân Chiên đà la cư trú.

Ở đó trong vài ngày, bậc Đại Sĩ giữ nàng lại mà không chút nào xâm phạm các luật lệ của giai cấp. Rồi ngài suy nghĩ: "Chỉ bằng cách từ bỏ thế tục, chứ không còn cách nào khác, ta mới có thể cho cô nương này thấy cảnh vinh hiển tột bậc và cho nàng hưởng những lễ vật cao sang nhất". Vì thế ngài bảo nàng:

- Này nương tử, nếu ta không vào rừng kiếm ăn thì chúng ta không thể sống được. Vậy ta muốn vào rừng, nàng hãy đợi cho đến khi ta về; song đừng có lo âu gì cả.

Ngài ra lệnh cho gia nhân không được sao nhãng đối với nàng, rồi đi vào rừng, sống cuộc đời người tu hành, rất nhiệt tâm tinh tấn; vì vậy trong bẩy ngày, ngài tu tập và thành tựu Tám thiền chứng và Năm thắng trí. Sau đó ngài suy nghĩ: "Nay ta đã có thể bảo vệ Dittha-Mangalikà được rồi".

Nhờ thần thông lực, ngài trở về và hạ xuống cổng làng Chiên đà la, từ đó đi vào nhà Dittha Mangalikà. Khi nghe tin ngài trở về, nàng bước ra và òa lên khóc bảo:

- Tại sao chàng bỏ thiếp và đi tu khổ hạnh?

Ngài đáp:

- Này nương tử, đừng lo gì cả. Nay ta có thể làm cho nàng vinh quang hơn trước kia nữa! Vậy nàng có chịu nói lên giữa mọi người đúng lời này: Phu quân ta không phải là Màtanga, mà là một đấng Đại Phạm thiên chăng?

- Thưa phu quân được, thiếp xin nói điều ấy.

- Tốt lành thay, khi dân chúng hỏi: Chồng nàng đâu? Nàng trả lời: Chàng đã đi lên Phạm Thiên giới. Nếu họ lại hỏi: Thế khi nào chàng về? Nàng phải đáp: Trong bảy ngày nữa, chàng sẽ về, xuyên qua mặt trăng tròn đầy của đêm rằm.

Cùng với những lời này, ngài đi vào vùng Tuyết Sơn. Lúc bấy giờ, Dittha Mangalikà nói nhữngđiều nàng đã được căn dặn khắp nơi ở Ba la nại giữa quần chúng đông đảo. Dân chúng tin ngay lời ấy , bảo nhau:

- Ngài là đấng Đại Phạm thiên, nên đã không đến thăm viếng Dittha, nhưng mọi việc sẽ như vầy như vầy.

Vào đêm trăng rằm, trong lúc vầng trăng đang di chuyển nửa vời, Bồ Tát hóa thành một vị Phạm thiên ở giữa luồng ánh sáng tràn ngập vương quốc Kàsi và kinh thành Ba la nại đến mười hai dặm, băng ngang qua mặt trăng và giáng trần. Ngài đi vòng quanh kinh thành Ba la nại ba lần, được dân chúng đông đảo tỏ lòng sùng bái bằng các vòng hoa thơm và hương liệu khác rồi quay mặt về hướng ngôi làng Chiên đà la.

Những người ngưỡng mộ Phạm Thiên tụ tập cùng nhau đi về phía làng Chiên đà la ấy. Họ bao phủ căn nhà của Dittha Mangalikà bằng màu vải trắng tinh, lau sàn nhà bằng bốn loại hương thơm, rải hoa khắp nơi, đốt trầm hương, trương một tấm vải làm mái che, đặt một bảo tọa rực rỡ, thắp đèn dầu thơm, rắc lớp cát mịn như phiến bạc rồi treo đèn kết hoa và cờ xí rợp trời.

Trước gian nhà được trang hoàng lộng lẫy thế kia, bậc Đại Sĩ bước vào và ngồi một lát trên bảo tọa. Lúc ấy Dittha-Mangalìka đang có kinh kỳ. Ngài lấy ngón tay trỏ rờ vào rốn nàng và nàng thụ thai. Sau đó bậc Đại Sĩ bảo nàng:

- Này hiền thê, nàng đã thụ thai, nàng sẽ sinh ra một con trai, nàng và con trai nàng sẽ được phú quý tột bậc, nước rửa chân nàng sẽ được vua chúa dùng làm lễ quán đảnh (lễ rảy nước thánh phong vương) cõi Diêm Phù Đề (Ấn Độ), nước nàng tắm sẽ là thứ tiên dược trường sinh bất tử, người nào rảy nước đó lên đầu sẽ thoát khỏi mọi thứ bệnh tật và không gặp điềm xui xẻo, những kẻ nào được đặt đầu dưới chân nàng và kính lễ nàng, sẽ dâng lên một ngàn đồng tiền vàng. Những kẻ nào được đứng gần đủ để có thể nghe nàng nói và kính lễ nàng sẽ dâng lên một trăm đồng; kẻ nào được đứng để trông thấy nàng và kính lễ nàng sẽ dâng một đồng rupee. Vậy nàng hãy tỉnh giác giữ mình cẩn thận!

Cùng với lời khuyến giáo này, trước mặt một đám đông, ngài đứng dậy và lại đi vào mặt trăng.

Những người sùng bái Phạm thiên tụ tập nhau lại và đứng đó suốt đêm, sáng hôm sau họ mời nàng lên chiếc kiệu bằng vàng và đội lên đầu nàng , rước nàng vào kinh đô. Một đám đông dân chúng chạy đến phía nàng kêu lớn:

-Kìa! Hoàng hậu của đấng Phạm thiên!

Rồi cúng bái nàng với các hoa thơm và nhiều thứ nữa, những kẻ nào được phép đặt đầu dưới chân nàng và kính lễ đều dâng lên một túi tiền một ngàn đồng, người nào đứng gần nàng và kính lễ thì dâng một trăm, người nào đứng đủ nhìn thấy được nàng và kính lễ thì dâng một rupee. Cứ vậy họ tiến dần khắp thành Ba la nại, rộng mười hai dặm và thu được tổng số một trăm tám chục triệu đồng.

Sau khi đi xung quanh thành như vậy, họ rước nàng vào nội thành, dựng lên một ngôi đình lớn vây màn chung quanh, mời nàng yên nghỉ tại đó giữa cảnh huy hoàng vinh quang như thế. Tới ngôi đình, họ bắt đầu xây bảy cổng vào thật lớn và dựng một cung điện bảy tầng, họ đã tạo được nhiều công đức mới dành phần họ vậy.

Cũng trong ngôi đình ấy Dittha-Mangalikà sinh hạ con trai. Vào ngày đặt tên hài nhi, các Bà la môn tụ họp nhau và đặt tên nó là Mandavya Kumàra hay Vương tử của Ngôi Đình, vì nó được sinh ra tại đó. Độ mười tháng, lâu đài kia đã được xây xong, từ đó nàng vào ở trong lâu đài vô cùng vinh hiển và Vương tử Mandavya lớn lên giữa cảnh huy hoàng tột bực.

Khi hài nhi được bẩy tuổi, những bậc thầy danh tiếng nhất khắp toàn cõi Diêm phù đề (Ấn Độ) tụ tập lại và dạy cậu ba tập Vệ Đà. Từ mười sáu tuổi cậu trai đã cúng dường thực phẩm cho các Bà la môn, và mười sáu ngàn Ba la môn được cúng dường liên tục ; tại cổng thành thứ tư có dàn binh bố trận, các vật cúng dường được phân phát cho các vị Bà la môn.

Bấy giờ vào một ngày Đại hội, dân chúng chuẩn bị một số lớn cháo gạo, rồi mười sáu ngàn Bà la môn ngồi tại cổng thành thứ tư có dàn binh bố trận kia, và dùng món cháo ấy cùng với món bơ tươi màu vàng óng ánh, nước đường pha mật ong đặc, và chính vị vương tử trang điểm ngọc châu sáng rực rỡ mang đôi hài vàng dưới chân, cầm chiếc gậy vàng ròng trong tay, vừa đi quanh vừa chỉ dẫn:

- Này bơ đây, mật ong đây.

Vào lúc ấy bậc hiền trí Màtanga đang ngồi trong thảo am ở vùng Tuyết Sơn, và hướng tầm tứ vào việc xem xét những gì xảy ra cho con trai của nàng Dittha-Mangalikà. Khi nhận thấy cậu con trai đang đi lạc tà đạo, ngài suy nghĩ: "Hôm nay ta sẽ đi giáo hóa cho cậu bé kia và dạy cho nó biết cúng dường như thế nào để lễ vật bố thí ấy sẽ mang lại kết quả lớn".

Ngài liền bay qua không gian đến hồ Anotatta, rửa mặt mũi và súc miệng rồi khi đứng tại địa phận Manosila (thuộc vùng Tuyết Sơn) ngài khoác đôi tấm y vàng vào quấn thắt lưng quanh người, rồi đắp phấn tảo y (áo may bằng giẻ rách) ra ngoài, cầm bình bát đất, phi hành qua không gian đến cổng thứ tư ấy, nơi đó ngài hạ xuống ngay cạnh Bố thí đường, và đứng một bên. Đang lúc Mandavya nhìn quanh quẩn, chợt thấy ngài liền kêu to:

- Lão từ đâu đến, hỡi kẻ khổ hạnh kia, lão là kẻ hạ liệt bị bỏ rơi vô thừa nhận, một thứ yêu quỷ chứ không phải là người đó chăng?

Rồi cậu ngâm vần kệ đầu:

1- Lão từ đâu đến đắp y dơ,
Người ngợm tồi tàn tựa quỷ ma,
Giẻ rách làm y quàng trước ngực,
Lão là ai? Chẳng xứng phần quà!

Bậc Đại Sĩ lắng nghe, rồi với lòng từ mẫn, ngài đáp lời cậu qua vần kệ thứ hai:

2- Vương tử! Thức ăn đã sẵn bày,
Mọi người ăn uống hưởng no say:
Bọn ta, ngài biết thường sinh sống
Bằng thứ tìm ra bởi gặp may.
Xin đứng lên cho người hạ tiện
Hưởng phần thọ thực chút gì đây.
Tiếp theo Mandavya ngâm vần kệ thứ ba:

3- Phần các La môn hưởng phước ân,
Này đây thực phẩm chính tay dâng
Thí tài cúng với lòng thành kính.
Thôi cút! Ai đưa lão cán chân?
Chẳng có phần cho người hạ tiện,
Kẻ hèn kia hãy bước đi luôn!
Vì nghe thế bậc Đại Sĩ ngâm vần kệ:

4- Mọi nơi cao thấp họ gieo trồng,
Mong gặt quả trên đám ruộng đồng:
Chánh đạo này đây, xin bố thí,
Sau ngài xứng đáng hưởng phần công.
Sau đó Mandavya đáp kệ:

5- Ta biết đất ta muốn cấy trồng,
Những vùng xứng đáng hạt đâm bông,
La môn quý tộc, thông kinh thánh:
Là đất lành phong phú ruộng đồng.
Rồi bậc Đại Sĩ lại ngâm hai vần kệ:

6- Ngạo mạn giống dòng quá tự kiêu,
Tham sân si, uống rượu say nhiều,
Người tâm chứa đủ sai lầm ấy,
Là đất hoang cằn để hạt gieo.
7- Ngạo mạn giống dòng quá tự kiêu,
Tham sân si, uống rượu say nhiều,
Người tâm chứa đủ sai lầm ấy,
Là đất hoang cằn để hạt gieo.
Bậc Đại Sĩ cứ ngâm đi ngâm lại những lời kệ ấy mãi, song cậu trai nổi giận và kêu lớn:

- Lão này nói quàng xiêng quá nhiều rồi; những người gác cổng đi dâu cả mà không tống cổ lão ra?

Rồi cậu ngâm kệ:

8- Này Bran-da! Hỡi U-paj-jhà!
Ta bảo, đâu rồi Up-ti-ya,
Trừng phạt lão này, cho lão chết,
Tên hèn hạ, tống cổ ngay ra.
Bọn gia nhân nghe tiếng cậu gọi, liền chạy đến ngay kính lễ cậu rồi hỏi:

- Tâu Chúa công, chúng tiểu nô phải làm gì đây?

- Thế các người không thấy tên hạ liệt tồi tàn này sao?

- Tâu Vương tử không, chúng tiểu nô không biết lão đã tới đây lúc nào cả, chắc chắn lão là tên lừa bịp xảo trá rồi !

- Nào, vậy sao các người còn đứng đó?

- Tâu Chúa công, vậy chúng tiểu nô phải làm gì đây?

- Sao ư? Phải vả vào mồm lão! Bẻ hàm lão ra, lấy roi gậy đánh cho nát lưng, trừng phạt lão đi, tóm lấy cả tên khốn kiếp này, quăng lão xuống, tống lão ra khỏi đây ngay!

Song trước khi bọn chúng đến gần ngài, bậc Đại Sĩ đã bay lên không, vừa đứng vững ở đó vừa ngâm kệ:

9- Phỉ báng Hiền nhân! Lợi ích bằng
Với khi nuốt ngọn lửa đang hồng,
Hay là sắt cứng, đưa răng cắn,
Đào núi, mà dùng móng vuốt không?
Sau khi thốt những lời này xong, bậc Đại Sĩ vụt lên cao trong khi cậu trai và đám Bà la môn ngơ ngác nhìn theo.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ để giải thích việc này:

10- Nói vậy, Màtanga trí nhân,
Bậc phò chánh đạo, lý thuần chân,
Rồi ngài bay bổng trên không khí
Trước mắt nhìn theo của đám đông.
*

Ngài quay mặt về hướng Đông, hạ xuống một đường phố với ý định làm cho dấu chân ngài được nhìn thấy, nên ngài khất thực gần Đông môn. Lúc ấy, sau khi đã nhận được một số thực phẩm đủ loại, ngài ngồi xuống một sảnh đường và bắt đầu ăn.

Song các thần linh trong kinh thành chợt đến, thấy rằng vua này đã nói năng như vậy làm phiền nhiễu vị Hiền nhân của các vị, là điều không thể dung thứ được, nên vị thần cao niên nhất trong bọn chụp lấy cổ Mandavya và vặn tréo, các quỷ kia lại chụp lấy cổ các Bà la môn ấy và vặn luôn. Song vì thương cảm Bồ Tát, các vị ấy không giết Mandavya, các vị bảo:

- Đó là con trai của ngài.

Và các vị chỉ hành hạ cậu ta thôi. Đầu của Mandavya bị vặn tréo ra đằng sau vai, tay chân cậu cứng đờ, mắt trợn trừng như thể chết rồi, cậu nằm rũ liệt tại đó. Các Bà la môn kia quay cuồng vật vã, mồm chảy nước miếng tràn ra. Dân chúng đến báo tin cho bà Dittha-Mangalikà:

- Tâu lệnh bà, có chuyện chẳng lành xẩy ra cho vương tử!

Bà vội chạy đến thấy cậu trai liền kêu lớn:

- Ôi sao lại thế này?

Rồi bà ngâm kệ:

11- Vặn tréo đầu con khỏi bả vai, Kìa sao con duỗi cánh tay dài,

Bơ vơ mắt trắng dường như chết, Kẻ hại con mình đó chính ai?

Khi ấy những người đứng ngoài xem liền ngâm kệ nói cho bà biết chuyện kia.

12- Ẩn sĩ đây khoác áo dơ,
Tồi tàn người ngợm tợ yêu ma,
Y bằng giẻ rách quàng ngang ngực,
Chính kẻ hành hung quý tử bà.
Nghe vậy bà suy nghĩ. "Chắc chắn đó là bậc Hiền nhân Màtanga, không ai khác có thần lực như vậy. Song một người thủy chung và đầy thiện ý đối với mọi loài, chẳng bao giờ lại bỏ đi để cho những kẻ này phải chịu sự hành hạ thế kia. Nay không biết ngài đã đi hướng nào?" Bà hỏi câu này qua vần kệ sau:

13- Về hướng đi nào, bậc Trí nhân?
Trả lời ta, hỡi các vương tôn!
Chúng ta đi chuộc cho lầm lỗi,
Để giúp con ta được tỉnh hồn.
Các chàng trai kia đáp lời bà theo cách này:

14- Bậc Hiền vụt hiện giữa không gian,
Như thể vầng trăng giữa tối rằm,
Đẹp mặt thay, ngài sùng Chánh đạo!
Phương Đông theo hướng ấy lên đàng.
Khi họ đáp như thế bà liền bảo:

- Ta quyết sẽ đi tìm phu quân ta.

Rồi bà ra lệnh đem theo bà nhiều bình vàng và chén vàng, rồi được một đám tỳ nữ vây quanh, bà ra đi, tìm thấy nơi có dấu chân của ngài đã in xuống đất, bà cứ theo dấu chân này cho đến khi bà gặp ngài đang ngồi trên một chỗ kia và ăn cơm. Đi đến gần ngài, bà đảnh lễ rồi đứng im. Khi thấy bà, ngài đặt miếng cơm vào bát. Dittha-Mangalikà rót nước lên tay ngài từ chiếc bình vàng, ngài lập tức rửa tay và súc

miệng. Sau đó bà hỏi:

- Ai đã làm việc tàn ác này cho con trai của thiếp?

Và bà ngâm kệ:

15- Vặn tréo đầu con khỏi bả vai,
Kìa sao con duỗi cánh tay dài,
Bơ vơ mắt trắng dường như chết,
Kẻ hại con mình đó chính ai?
Các vần kệ sau đây là lời đối đáp xen kẽ nhau giữa hai vị:

Bậc trí:

16- Quỷ linh đủ đại lực uy thần
Đẹp mắt theo hầu các trí nhân,
Chúng thấy con nàng sân, ác ý,
Nên hành xử nó chính vì nàng.
Bà hoàng:

17- Chính các thần linh tạo việc trên,
Hiền nhân đừng phẫn nộ thân hèn,
Xin ngài từ mẫn vì con thiếp,
Quy ngưỡng từ nay dưới gót sen.
Bậc trí:

18- Tâm ta, hãy biết, chẳng tiềm tàng,
Từ trước đến giờ, ý hận sân,
Con trẻ không thông ba Thánh điển,
Vì đầy vọng tưởng , ngập kiêu căng.
Bà hoàng:

19- Con người có thế, hỡi hiền nhân,
Bỗng chốc trí khôn hóa tối tăm,
Tha lỗi thiếp này, thưa Trí giả,
Bậc hiền không để khởi hờn căm.
Bậc Đại Si được bà xoa dịu bằng lời lẽ như vậy, liền đáp:

- Được, ta sẽ cho nàng thứ tiên dược trường sinh bất tử để đuổi bọn quỷ ma ấy đi xa.

Rồi ngài ngâm kệ:

20- Chút của thừa này, hãy lấy mang,
Cho Man-da khốn khổ phần ăn,
Con nàng sẽ mạnh mau bình phục,
Bọn quỷ tha mồi, được thoát thân.
Khi bà nghe những lời này của bậc Đại Sĩ liền đưa chiếc bình bát vàng ra và nói:

- Xin phu quân hãy cho thiếp thuốc tiên bất tử ấy.

Bậc Đại Sĩ đổ vào đó một ít cháo còn lại và bảo:

- Hãy đổ một nửa cháo này vào mồm con nàng, còn lại thì trộn với nước rồi đổ vào mồm các Bà la môn kia, chúng sẽ được bình phục cả.

Rồi ngài đứng lên đi về phía vùng Tuyết Sơn.

Bà mang bình ấy trên đầu và kêu:

- Ta đã được thuốc tiên bất tử rồi!

Khi đến nhà, trước hết bà đổ một ít vào miệng con trai bà.

Quỷ thần liền chạy trốn, vua đứng dậy, phủi bụi bặm rồi hỏi:

- Cái gì đây mẹ?

- Con đã biết rõ những việc con làm rồi, nay hãy nhìn tình cảnh khốn khổ của đám người khất thực nhà ta kia kìa!

Khi cậu nhìn thấy bọn ấy, lòng cậu đầy ân hận. Rồi mẹ cậu bảo:

- Này Mandavya yêu quý, con thực là kẻ ngu si không biết bố thí cách nào để của bố thí ấy mang lại kết quả tốt. Bọn này không xứng đáng với lòng hào phóng của con đâu, chỉ những vị nào như bậc Hiền nhân Mantaga là xứng đáng thôi. Từ nay về sau đừng đem cái gì cho những ác nhân như bọn này, mà chỉ nên bố thí cúng dường những người đức hạnh.

Rồi bà ngâm kệ:

21- Man-da, tiểu trí thật ngu đần,
Chẳng biết lúc nào đáng bố ân:
Con cúng dường bao người trọng tội,
Lũ người vô độ, bọn tà nhân!
22- Xiêm áo bằng da mớ tóc xù,
Miệng như giếng cũ, có tràn bờ,
Hãy nhìn giẻ rách bầy kia mặc!
Các thứ này không cứu lũ ngu!
23- Hễ khi tham dục với cuồng sân,
Được tống ra ngoài các thế nhân,
Bố thí hiền nhân thanh tịnh ấy,
Quả nhiều cho việc đã làm ăn.

- Vậy từ nay về sau con đừng bố thí cho hạng người ác như thế này, mà chỉ nên bố thí cúng dường những kẻ nào ở trên đời này đạt Tám Thiền chứng, là những nhà tu khổ hạnh, các Sa môn, Bà la môn chân chính đã chứng Năm Thắng trí, các vị Độc Giác Phật. Này con, để mẹ đưa loại thuốc tiên bất tử này cho bọn gia nhân của ta đây và làm chúng bình phục.

Nói vậy xong, bà lấy miếng cháo thừa ấy đổ vào một bình nước và rẩy lên miệng mười sáu ngàn Bà la môn kia. Mọi người đều đứng dậy và phủi hết bụi bặm.

Sau đó, vì các Bà la môn này đã phải nếm thức ăn thừa của một kẻ Chiên đà la, nên bị các Bà la môn khác tống xuất ra khỏi giai cấp ấy. Đầy ô nhục, bọn họ rời thành Bà la nại và đi về vương quốc Mejjha, tại đây họ ở chung với vua xứ đó. Còn Mandavya vẫn ở chốn cũ.

Vào thời đó có một Bà la môn tên là Jàtimanta, là một kẻ tu hành, ở gần kinh thành Vettavati trên bờ sông có cùng tên ấy, ông là kẻ rất kiêu mạn về dòng dõi của mình. Bậc Đại Sĩ liền đến đó, quyết đập tan lòng kiêu mạn của người kia, ngài dựng am trú ngụ gần đó, sống ở phía thượng nguồn con sông.

Một hôm sau khi xỉa răng xong, ngài thả cái tăm xuống dòng nước; cố ý để cho nó vướng vào búi tóc của Jàtimanta, vì vậy, trong khi kẻ ấy đang tắm trong dòng nước sông, cái tăm ấy vướng vào búi tóc ông.

- Đồ súc sinh!

Ông nói, trong khi thấy cái tăm:

- Nó từ đâu đến đây với cái đồ phá hoại này. Ta phải tìm xem.

Ông liền đi ngược dòng, khi thấy bậc Đại Sĩ liền hỏi:

- Ông thuộc giai cấp nào?

- Ta là một Chiên đà la.

- Có phải ông đã thả cây tăm xuống sông chăng?

- Chính phải?

- Đồ súc sinh, quân tồi tàn hạ đẳng! Đồ mắc dịch, không được ở đây! Mà phải đi xuống chỗ hạ lưu kia.

Song khi ngài xuống ở vùng hạ lưu, cái tăm ngài thả trôi ngược dòng nước, vẫn vướng vào tóc Jàtimanta. Ông mắng:

- Quân đáng nguyền rủa! Nếu ngươi ở đây trong bảy ngày nữa , đầu ngươi sẽ tan thành bảy mảnh.

Bậc Đại Sĩ suy nghĩ:" Nếu ta buông mình theo cơn thịnh nộ với gã này, thì ta không giữ được công đức, song ta sẽ tìm cách phá tan lòng kiêu mạn của gã".

Vào ngày thứ bảy, ngài ngăn cản mặt trời mọc, cả trần gian đều tối tăm nên dân chúng kéo đến vị tu khổ hạnh Jàtimanta và hỏi:

- Thưa Tôn giả, có phải chính ngài ngăn cản mặt trời mọc chăng?

Gã đáp:

- Việc đó không phải do ta làm, mà có một lão Chiên đà la sống gần bờ sông, chắc lão ấy làm đấy.

Sau đó dân chúng đến gặp bậc Đại Sĩ và hỏi lại:

- Thưa Tôn giả, có phải chính Tôn giả ngăn cản mặt trời mọc chăng?

Ngài đáp:

- Này các hiền hữu, chính phải!

- Tại sao thế? Họ hỏi.

- Vị tu khổ hạnh được các hiền hữu quý mến đã phỉ báng ta, một người vô tội, vậy khi nào vị đó đến quỳ dưới chân ta để xin thương xót, thì ta mới để cho mặt trời mọc lên.

Dân chúng đi kéo lê kẻ ấy rồi thả ông xuống trước chân bậc Đại Sĩ và cố sức vỗ về ngài vừa nói:

- Thưa Tôn giả, xin cho mặt trời mọc.

Song ngài đáp:

- Ta không thể để mặt trời mọc được vì nếu ta làm như thế, đầu kẻ này sẽ vỡ thành bảy mảnh.

Họ hỏi:

- Thưa Tôn giả, vậy chúng tôi phải làm gì?

- Hãy đem cho ta một cục đất!

Họ đem lại một cục đất.

- Nào, hãy đặt cục đất lên đầu kẻ khổ hạnh này, rồi kéo gã xuống nước.

Sau khi sắp đặt mọi việc này xong, ngài để cho mặt trời mọc lên. Vừa khi mặt trời được di chuyển tự do, cục đất nứt thành bảy mảnh, còn kẻ tu khổ hạnh nhảy tùm xuống nước.

Sau khi đã hàng phục gã như vậy, bậc Đại Sĩ suy nghĩ: Mười sáu ngàn Bà la môn kia hiện ở đâu?" Ngài nhận ra bọn ấy đang ở với vua Mejjha, và cũng quyết định đi hàng phục họ, nên dùng thần lực, ngài hạ xuống vùng ngoại thành, cầm bình bát trong tay, đi khất thực. Khi các Bà la môn thấyđược ngài, họ bảo nhau:

- Chỉ để lão ở đây 2 ngày thôi là lão sẽ làm ta mất nơi nương tựa!

Bọn ấy vội vàng chạy đến yết kiến vua và kêu to:

- Tâu đại vương, có một lão khoác lác đại bịp đến đây, xin hãy bỏ tù lão!

Vua rất sẵn sàng. Còn bậc Đại Sĩ với bát thức ăn đủ loại đang ngồi ăn bên bức thành trên một chiếc ghế dài. Tại đó trong khi ngài đang bận ăn uống, đám thị vệ của vua tìm đến, lấy kiếm đánh ngài rồi giết đi. Sau khi mạng chung, ngài tái sanh lên cõi Phạm Thiên.

Chuyện kể rằng, trong kiếp này Bồ tát là một " người luyện thú mongoose" (một giống chồn ở Ấn Độ) và ngài phải chịu chết vì công việc hạ tiện này. Các vị thần nổi giận liền

trút xuống toàn vương quốc Mejjha một trận lửa tro nóng rực quét sạch nước ấy ra khỏi các nước kia.

Vì thế có lời lưu truyền:

24. Người ta kể chuyện cả non sông
Của xứ Mejjha phải diệt vong,
Nước kia bị xóa tan bờ cõi
Vì giết Mà-tan, bậc lẫy lừng.
*

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại này. Ngài bảo:

- Đây không phải là lần đầu tiên vua Udena phỉ báng các vị tu khổ hạnh, mà xưa kia cũng thế.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, vua Udena là Mandavya và Ta chính là bậc Hiền trí Màtanga.

-ooOoo-

498. Chuyện Đôi Bạn Citta-Sambhùta (Tiền thân Citta-Sambhùta)

Chóng chầy thiện nghiệp đều mang quả.....

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về hai người bạn đồng tu của Tôn giả Mahà Kassapa (Đại Ca Diếp) sống rất hòa hợp với nhau.

Chuyện kể rằng đôi bạn này vô cùng thân thiết, đã phân chia mọi thứ cùng nhau hết sức công bình; ngay cả khi khất thực, hai vị cũng cùng đi ra và cùng trở về với nhau, hai vị không hề chịu rời nhau.

Trong Chánh pháp đường, Tăng chúng đang ngồi tán thán tình bằng hữu ấy thì bậc Đạo Sư bước vào, hỏi các vị đang bàn luận chuyện gì khi ngồi tại đó. Tăng chúng trình với Ngài... Ngài đáp:

Này các Tỳ kheo, tình bạn này chỉ trong một đời sống chẳng có gì kỳ lạ cả, vì các bậc trí nhân ngày xưa đã giữ được tình bằng hữu vững bền suốt qua cả ba bốn đời sống.

Nói vậy xong, Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, trong quốc độ Avanti, tại kinh thành Ujjeni, có vị đại vương trị vì mệnh danh là vua Avanti. Thuở ấy một làng Candàla (Chiên đà la: vô loại, hạ đẳng) ở ngoại thành Ujjeni là nơi bậcĐại Sĩ ra đời. Một người khác sinh làm con trai của bà dì Ngài. Một cậu bé tên là Citta, cậu kia tên là Sambhùta.

Khi hai cậu bé lớn lên và đã học được nghề quét bằng chổi trong dòng họ Chiên đà la rồi, liền nghĩ rằng hai cậu sẽ đi trình diễn nghề này tại cổng thành. Vì thế một cậu biểu diễn tại Bắc môn, một cậu tại Đông môn. Bấy giờ trong kinh thành này có hai phụ nữ

giỏi nghề xem tướng, một cô là con gái một thương nhân, và cô kia là con một tế sư. Hai cô gái ấy đi vui chơi trong công viên, sau khi bảo gia nhân đem theo thực phẩm đủ loại cứng, loại mềm, vòng hoa hương liệu, thì ngẫu nhiên một cô đi ra cổng Bắc, và một cô ra cổng phía Đông. Khi thấy hai thanh niên Chiên đà la đang biểu diễn tay nghề, hai cô hỏi:

- Chúng là ai đây?

Rồi hai cô được cho biết đó là hai kẻ Chiên đà la. Hai cô bảo:

- Thấy điềm này xui xẻo lắm.

Và sau khi rửa mắt bằng nước hương thơm, cả hai đều đi về. Sau đó, đám dân chúng la lớn:

- Này bọn hạ đẳng tồi tàn kia, chúng bay đã làm chúng ta mất phần cơm rượu đáng lẽ được hưởng miễn phí đấy!

Chúng đánh đập hai anh em cùng họ ấy một trận nhừ tử, làm cả hai đau đớn ê chề. Khi hai người tỉnh dậy liền đi tìm nhau và kể cho nhau nghe tai họa đã đến cho mình, rồi lại kêu gào và cố nghĩ cách xem phải làm gì đây. Cả hai suy nghĩ: "Tất cả việc khốn nạn này đã giáng xuống chúng ta chỉ vì dòng giống ta sinh ra. Ta sẽ chẳng bao giời làm kẻ Chiên đà la nữa, mà ta phải dấu tung tích dòng họ để rồi đi tới Takkasilà, giả dạng các nam tử Bà la môn và học tập tại đó".

Sau khi quyết dịnh như vậy, cả hai đến chỗ đó, theo đòi học tập với một giáo sư danh tiếng lẫy lừng. Thiên hạ đồn vang khắp cõi Diêm phù đề (Ấn độ) rằng có hai nam tử Chiên đà la đang làm thư sinh và giấu diếm tung tích gia tộc mình. Bậc Trí nhân Citta học tập thành công, song chàng Sambhùta thì không được như thế.

Một ngày kia có người dân làng mời vị giáo sư ấy với ý định cúng dường thực phẩm cho các Bà la môn. Bấy giờ do ngẫu nhiên mưa suốt đêm ấy làm ngập lụt mọi hang hốc trên đường đi. Sáng sớm hôm sau, vị thầy giáo gọi Trí giả Citta vào và bảo:

- Này con , hôm nay thầy không đi được, vậy con đi cùng các nam tử kia, rồi làm lễ chúc phước lành và khi con ăn thực phẩm của mình xong, hãy mang về những món để dành cho thầy.

Do đó, ngài đem các thanh niên Bà la môn khác cùng lên đường. Trong khi các thanh niên tắm rửa và súc miệng, dân chúng dọn món cháo gạo đã chuẩn bị sẵn sàng để mời khách quý và bảo:

- Để cho nó nguội đi.

Trước khi cháo nguội, đám thanh niên đã đến ngồi xuống. Dân chúng dâng nước cúng dường, rồi đặt các bát cháo trước mặt họ. Trí óc Sambhùta có hơi trì độn, nên tưởng cháo đã nguội, liền múc một hớp bỏ vào miệng, song nó làm chàng nóng bỏng như cục sắt nóng đỏ. Trong lúc đau đớn, chàng quên mất vai trò của mình, liền liếc qua bậc Hiền trí Citta và nói bằng ngôn ngữ của dân Chiên đà la:

- Cháo nóng quá phải chăng?

Chàng kia quên mất bản thân mình, nên đáp lại theo ngôn ngữ của họ:

- Nhổ ra , nhổ ra mau!

Nghe thế, đám thanh niên nhìn nhau bảo:

- Loại ngôn ngữ gì thế này?

Lúc ấy bậc Trí giả Citta nói lời chúc lành cho tất cả.

Khi các chàng trai kia về nhà, họ tụ tập thành tụm năm túm ba và ngồi bàn luận về những từ ngữ đã được dùng kia. Khi nhận ra đó là ngôn ngữ của bọn Chiên đà la, họ kêu to:

- Quân hạ đẳng tồi tàn kia! Chúng bay đã lừa dối cả bọn ta lâu nay, cứ giả dạng làm Bà la môn!

Rồi họ đánh đập hai vị ấy. Có một người tốt bụng xua đuổi họ ra và nói:

- Đi ngay! Vết nhục nằm trong huyết thống kia. Phải đi ngay! Đến đâu đó mà làm ẩn sĩ khổ hạnh!

Rồi các thanh niên Bà la môn trình với thầy giáo rằng, đấy là hai kẻ Chiên đà la giả dạng.

Hai chàng đi vào rừng sống đời sống khổ hạnh tại đó, sau một thời gian chết đi, tái sanh làm hai chú Nai con bên bờ sông Nerañjarà (Ni liên thuyền). Từ lúc sinh ra, chúng luôn luôn ở bên nhau. Một ngày kia, sau khi chúng ăn xong, một người thợ săn chợt thấy chúng dưới một gốc cây đang ngồi nhai lại, âu yếm vuốt ve nhau rất hạnh phúc, đầu sát đầu, mõm kề mõm, sừng bên sừng. Gã liền phóng lao tới, giết trọn luôn cả hai bằng nhát lao ấy.

Sau đó chúng tái sanh làm con của chim Ưng biển trên bờ Nerbudda (Niết bút). Cũng tại đó, chúng lớn lên sau khi ăn xong lại ôm ấp đầu sát đầu, mỏ kề mỏ. Một kẻ bẫy chim trông thấy, bắt cả hai và giết đi.

Sau đó bậc Trí giả tái sanh tại Kosambi, làm con vị tế sư, còn bậc Trí Sambhùta tái sanh làm vương tử của vua Uttarapañcala. Ngay từ ngày được đặt tên, hai hài nhi ấy đã có khả năng nhớ lại các đời trước của mình. Song Sambhùta không thể nào nhớ hết tất cả mà không bị gián đoạn, và cậu chỉ nhớ đời thứ tư hoặc đời Chiên đà la thôi, còn Citta lại nhớ đủ cả bốn đời theo thứ tự.

Khi Citta được 16 tuổi, chàng xuất gia làm ẩn sĩ khổ hạnh ở vùng Tuyết Sơn, tu tập làm phát khởi thắng trí do thiền định và an trú trong hỷ lạc Thiền định. Còn bậc trí giả Sambhùta, sau khi phụ vương băng hà, liền được phong chiếc lọng trắng trên đầu vào ngày phong vương kia, giữa quần thần đông đảo, ngài làm một bài ca tức vị, rồi rung cảm ngâm lên hai đoạn.

Khi quần thần nghe xong, đám cung phi và nhạc công đều ca hát, bảo nhau:

- Đây là khúc đăng quang của đức Chúa thượng chúng ta!

Và dần dà với thời gian, dân chúng đều ca khúc hát ấy vì đó là Thánh đạo ca được vua yêu thích. Bậc Trí giả Citta đang an trú ở vùng Tuyết Sơn, tự hỏi không biết hiền đệ Sambhùta của ngài đã được giương chiếc lọng che ấy chưa. Khi nhận thấy việc đã xong, ngài suy nghĩ:" Ta chẳng bao giờ đủ sức giáo hóa một vị Tân vương còn trẻ, song khi nào em ta già rồi, ta sẽ đến thăm và khuyên nhủ em ta đi làm ẩn sĩ khổ hạnh".

Suốt năm mươi năm ngài không hề đi thăm viếng, và trong thời gian ấy, vua có đông con cái lên dần. Về sau nhờ thần lực của ngài, Trí giả Citta phi hành đến vườn ngự uyển đáp xuống, ngồi trên bảo tọa nghi lễ như một bức tượng bằng vàng.

Vừa lúc ấy, một chàng trai kiếm củi, vừa làm việc vừa hát khúc đạo ca ấy. Bậc Trí giả Citta gọi chàng trai lại gần, chàng tiến đến đảnh lễ cung kính rồi đứng chờ. Trí giả Citta bảo chàng:

- Từ sáng đến giờ, cậu chỉ hát mãi khúc đạo ca ấy, thế cậu không biết khúc nào nữa chăng?

- Thưa Tôn giả, có chứ, con biết nhiều khúc ca lắm, song đây là những lời ca được đức vua yêu chuộng, vì thế con không hát khúc nào khác.

- Thế không có ai biết hát một điệp khúc đáp lại khúc ca của đức vua chăng?

- Thưa Tôn giả, con biết hát nếu con được dạy khúc ca ấy.

- Thế thì được, hễ khi nào đức vua hát hai khúc trên, thì cậu hát khúc này làm khúc thứ ba đấy.

Rồi ngài ngâm một khúc và bảo:

- Bây giờ cậu hãy đi hát khúc này trước đức vua, ngài sẽ hài lòng và quý trọng cậu lắm.

Chàng trai vội vàng chạy về tìm mẹ, bảo mẹ mặc cho chàng y phục thật tề chỉnh rồi đến cửa cung vua, nhờ người tâu lên rằng có một chàng trai xin được yết kiến để hát một khúc ca đáp lời đức vua. Vua bảo:

- Cho nó vào.

Khi chàng trai tiến lên, đảnh lễ ngài xong, vua phán:

- Chúng tâu rằng cậu muốn hát một khúc đáp lời trẫm có phải chăng?

Chàng trai đáp:

- Tâu Chúa thượng, đúng vậy, xin ngài triệu tập quần thần để cùng nghe.

Ngay khi triều đình tụ họp xong, chàng tâu:

- Tâu Chúa thượng, xin Chúa thượng ca khúc hát của ngài trước, rồi thần sẽ xin hát lời đối lại.

Vua liền ngâm đôi vần kệ:

1- Chóng chầy thiện nghiệp đều mang trái,
Không nghiệp gì không có quả sinh,
Chẳng có việc lành nào uổng phí:
Sam-bhù, ta thấy, lớn lên thành
Hùng cường, vĩ đại và như thế
Công đức ngài đem đến quả lành
2- Chóng chầy thiện nghiệp đều mang trái,
Không nghiệp gì không có quả mang,
Chẳng có việc lành nào uổng phí:
Cit-ta ai biết, có vinh quang
Giống như phần trẫm, tâm hiền hữu
Có được an vui lợi lạc chăng?
Khúc đạo ca trên vua chấm dứt, chàng trai liền đáp vần thứ ba:

3-Thiện nghiệp chóng chầy đều đạt quả
Nghiệp nào mà chẳng quả lai sinh,
Không gì vô ích tâu Hoàng thượng,
Xin ngắm Cit-ta tại cổng thành,
Chẳng khác quân vương, tâm vị ấy
Đã đem hỷ lạc đến cho mình.
Nghe lời này vua lại ngâm vần kệ thứ tư:

4- Vậy có phải chăng chính Cit-ta,
Hay chàng nghe được chuyện ngày xưa
Từ ngài, hay một người nào khác?
Ôi ngọt ngào thay khúc Thánh ca!
Ta chẳng sợ gì, ta sẽ thưởng
Ngôi làng hay tặng vật làm quà.
Tiếp theo chàng trai ngâm vần kệ thứ năm:

5- Hạ thần nào có phải Cit-ta,
Song chuyện ấy thần được biết qua,
Chính một hiền nhân vừa dạy bảo:
"Đi ngâm lời hát đối dâng vua,
Rồi chàng sẽ được ngài ban thưởng,
Tay của ngài ân nghĩa đậm đà".
Nghe lời này, vua suy nghĩ: "Chắc hẳn đó là hiền huynh Citta của ta rồi, ta muốn đi tìm ngài ngay". Thế là vua ra lệnh cho quần thần qua hai vần kệ sau:

6- Các vương xa hãy thắng yên cương, Chạm trổ tinh vi, đẹp tuyệt trần, Đem buộc cân đai vào bảo tượng,

Điểm trang vòng cổ sáng huy hoàng.

7- Quần thần hãy đánh trống liên hoan,
Bảo thổi tù và ốc dậy vang,
Chuẩn bị vương xa nhanh bậc nhất
Bởi vì trẫm muốn sớm lên đàng
Hôm nay tìm thảo am cô tịch,
Yết kiến hiền nhân trước tọa sàng.
Vua nói vậy xong, liền ngự lên vương xa lộng lẫy và vội vàng đến ngay cổng ngự viên. Tại đó ngài dừng xa giá và đến gần Hiền giả Citta, đảnh lễ rất cung kính rồi ngồi xuống một bên, lòng tràn ngập hân hoan, ngài ngâm vần kệ thứ tám:

8- Thật quý thay là Thánh khúc xưa,
Trẫm từng ca hát thật say sưa,
Trong khi dân chúng đông dồn dập,
Quần tụ chung quanh chật cả nhà;
Nay đến đây xin chào Thánh giả,
Hân hoan, hạnh phúc ngập tâm ta.
Từ lúc tái ngộ Hiền giả Citta, vua hoan hỷ ra lệnh làm mọi sự cần thiết và truyền chuẩn bị bảo tọa dành cho vị hiền huynh, rồi ngài ngâm vần kệ thứ chín:

9- Tọa sàng, nước mát rửa bàn chân,
Đúng pháp là đem lễ cúng dâng,
Thực phẩm dành cho nhiều khách quý,
Xin hiền huynh nhận, trẫm ân cần.
Sau lời mời ngọt ngào này, vua ngâm vần kệ khác để tặng bạn hiền một nửa giang san của mình:

10- Bảo làm cho nhộn nhịp tưng bừng,
Nơi chốn hiền huynh sẽ trú thân,
Truyền đem nữ tỳ theo phục vụ,
Ôi, ta muốn tỏ với hiền nhân
Lòng ta yêu quý ngài tha thiết,
Xin hãy cùng ta ngự trị dân.
Khi nghe những lời này, bậc Trí giả Citta thuyết giáo cho vua qua sáu vần kệ:

11- Hỡi Đại vương, nhìn quả ác hành,
Thấy bao lợi lạc thiện hành sinh,
Ta mong điều ngự thân tu tập,
Con, của không lôi cuốn trí mình.
12- Trăm năm tròn cuộc sống người đời, Năm tháng theo nhau kế tiếp trôi, Khi đến hạn kỳ, người héo úa,

Tựa hồ lau sậy nát tan thôi.

13- Thế nghĩa gì hoan lạc, ái ân,

Nghĩa gì săn đuổi cảnh giàu sang?
Nhiều con, nghĩa lý gì? Nên biết,
Hỡi Đại vương, ta thoát buộc ràng.
14- Ta biết, vì đây chính thật chân,
Ta không qua khỏi tử ma thần,
Nghĩa gì vàng bạc và ân ái,
Khi bạn đến thời phải mạng vong?
15- Giòng giống hạ đẳng bước hai chân,
Hạ liệt Chiên đà nhất thế nhân,
Khi nghiệp chín làm phần thưởng quý,
Hai ta cùng có một tiền thân:
16- Tại A-van, bạn trẻ Chiên đà,
Là cặp Nai vàng bến nước xưa,
Đôi chú chim Ưng bờ Niết bút,
Giờ đây giáo sĩ, đó làm vua.
Sau khi đã nói rõ các tiền thân hạ liệt của mình trong quá khứ như vậy, tại đây trong đời hiện tại này, ngài tuyên thuyết tính Vô thường của mọi pháp hữu hình và ngâm bốn vần kệ làm phát khởi tinh tấn lực.

17- Đời người ngắn ngủi chết cùng đường,
Già cả không nơi chốn náu nương,
Này hỡi Pañcala, thực hiện,
Những gì ta khuyến nhủ quân vương:
Tránh xa tất cả hành vi ác,
Đưa đẩy vào đau khổ đoạn trường.
18- Đời người ngắn ngủi, chết sau cùng,
Già cả không nơi chốn trú thân;
Này hỡi Pañcala, thực hiện
Những gì ta khuyến nhủ quân vương:
Tránh xa tất cả hành vi ác
Đưa đẩy vào trong hạ ngục tầng.
19- Nhân thế ngắn sao, chết cuối cùng,
Người già không chốn để nương thân,
Pañcala hỡi, xin thành tựu
Những việc ta khuyên nhủ Đại vương:
Xin hãy xa lìa bao vọng nghiệp,
Nhiễm ô toàn ác dục tham sân..
20- Đời người ngắn ngủi, chết vong thân,
Bệnh, lão làm suy thế lực dần,
Ta chẳng làm sao ra thoát được;

Pañcala thực hiện lời răn:
Tránh xa tất cả hành không thiện
Đưa đẩy vào trong ngục hạ tầng.
Vua rất hoan hỷ khi nghe bậc Đại Sĩ khuyến giáo, liền đáp lời qua ba vần kệ:

21- Lời kia, Tôn giả, quá toàn chân,
Ngài dạy lời như bậc Thánh nhân,
Song dục tham ta đều khó bỏ,
Với người như trẫm, chúng vô cùng.
22- Như voi chìm xuống vũng bùn nhơ,
Không thể bò lên, dẫu thấy bờ,
Trẫm cũng lún sâu bùn dục lạc,
Nên không theo nổi Đạo Thầy tu!
23- Như mẹ như cha dạy bảo con,
Thành người sống hạnh phúc, hiền lương,
Dạy ta hạnh phúc làm sao đạt,
Xin chỉ cho ta bước đúng đường.
Sau đó bậc Đại Sĩ bảo nhà vua:

24- Ngài không thể bỏ, hỡi Quân vương,
Các dục tham đây cũng thế thường:
Vậy chớ bắt dân nhiều thuế nặng,
Trị sao dân chúng thấy công bằng
25- Gửi sứ thần đi khắp bốn phương,
Mời người khổ hạnh, Bà la môn,
Cúng dường thực phẩm, nhà an nghỉ,
Xiêm áo và luôn mọi thứ cần.
26- Đem thức ăn uống để đãi đằng
Bà la môn, Thánh giả, Hiền nhân,
Tâm đầy thành tín, ai ban phát,
Và trị dân tài đức hết lòng,
Người ấy sẽ đi lên thượng giới,
Lỗi lầm không có, lúc vong thân.
27- Song nếu vây quanh bởi má hồng, Dục tham, ngài thấy, quá say nồng,

Trong tâm hãy nhớ vần thi kệ, Và hát hò lên giữa đám đông.

28- "Dưới trời không mái để che thân,
Bầy chó xưa cùng nó ngủ lăn,
Mẹ nó cho ăn lúc bước vội,
Mà nay làm một vị vương quân.
Đó là lời khuyến giáo của bậc Đại Sĩ. Rồi ngài lại bảo:

- Ta đã khuyên nhủ Đại vương rồi. Bây giờ Đại vương có muốn làm người tu khổ hạnh hay không là tùy ý Đại vương, song ta sẽ tiếp tục theo đúng nghiệp quả của chính ta làm.

Sau đó ngài bay vụt lên không, phủi bụi bặm trên đôi chân ngài, giã từ vua trong dáng điệu khinh thường, rồi đi về vùng Tuyết Sơn.

Còn phần vua trông thấy cảnh này, lòng vô cùng xúc động, liền giao quốc độ cho thái tử, triệu tập quân sĩ thẳng hướng tiến về vùng Tuyết Sơn. Khi bậc Đại Sĩ nghe vua đến, liền bước ra cùng đám hiền nhân đồ đệ của ngài đón tiếp vua, và truyền giới cho vua sống đời Phạm Hạnh rồi dạy vua phương tiện làm phát khởi Thiền định. Vua tu tập chứng đắc Thắng trí do Thiền định, vì vậy cả hai vị đều cùng được sinh lên cõi Phạm Thiên.

*

Sau khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Như vậy, này các Tỳ kheo, các bậc trí nhân ngày xưa giữ vững tình bằng hữu lâu dài qua ba bốn đời sống.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Ànanda là trí giả Sambhùta và Ta chính là Trí giả Citta.

-ooOoo-

499- Chuyện Đại Vương Sivi (Tiền thân Sivi)

Nếu thí tài gì thuộc thế nhân....

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về lễ vật cúng dường tối thượng.

Trường hợp này đã được kể đầy đủ trong Chương VIII ở số 424. Tiền thân Savìra. Song tại đây vào ngày thứ bẩy, vua dâng đủ tất cả vật cúng dường và thỉnh cầu lời tùy hỷ; tuy nhiên, bậc Đạo Sư ra đi mà không tán thán công đức của vua. Sau buổi điểm tâm, vua đi đến tịnh xá và hỏi:

- Bạch Thế Tôn, vì cớ gì Thế Tôn không đáp lời tùy hỷ hôm ấy?

Bậc Đạo Sư nói:

- Thưa Đại vương, hội chúng kia không thanh tịnh.

Ngài lại tiếp tục thuyết Pháp, ngâm vần kệ bắt đầu bằng câu:" Người hạ tiện sẽ không lên Thiên giới (Pháp cú 177)".

Vua đầy hoan hỷ bày tỏ lòng tôn kính đối với đức Như Lai bằng cách dâng chiếc thượng y của xứ Sivi trị giá một ngàn đồng tiền; sau đó vua trở về thành.

Ngày hôm sau trong Chánh pháp đường, Tăng chúng nói về chuyện ấy:

- Này các Hiền giả, vua Kosala đã cúng dường lễ vật tối thượng, và chưa hài lòng với việc ấy, nên sau khi đấng Thập Lực thuyết giáo cho vua ấy, vua liền dâng chiếc y của

xứ Sivi trị giá cả một ngàn đồng tiền vàng! Quả thật vua không hề thỏa mãn với việc cúng dường!

Bậc Đạo Sư bước vào, và hỏi các vị đang bàn việc gì khi ngồi đó. Tăng chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

- Này các Tỳ kheo, bố thí ngoại tài quả thật là điều có thể thỏa đáng được, song các bậc trí nhân ngày xưa đã bố thí cho đến khi khắp cả Diêm phù đề đều vang danh lừng lẫy, mỗi ngày bố thí cả sáu trăm ngàn đồng tiền, vẫn chưa thỏa mãn với việc bố thí ngoại tài, và nhớ lại câu phương ngôn: "Hãy đem cho cái gì ta yêu quý nhất và từ tâm sẽ sinh khởi", cho nên các vị ấy đã móc đôi mắt mình ra tặng những kẻ nào đòi xin chúng.

Cùng với những lời này; Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi đại đế Sivi cai trị tại kinh thành Aritthapura trong quốc độ Sivi. Bậc Đại Sĩ sinh ra làm vương tử. Triều thần đặt tên ngài là Vương tử Sivi. Khi ngài lớn lên, ngài đi đến Takkasikà học tập tại đó, xong trở về chứng tỏ tài năng kiến thức của ngài trước vua cha nên được phong làm phó vương.

Lúc phụ vương băng hà, ngài lên ngôi vua và từ bỏ các ác đạo, ngài hành trì Thập vương pháp và trị dân rất chân chánh. Ngài truyền xây sáu bố thí đường tại bốn cổng thành, giữa kinh thành và ngay cửa cung của ngài. Ngài bố thí rất hào phóng mỗi ngày sáu trăm ngàn đồng tiền vào các ngày mồng tám, mười bốn và ngày rằm, ngài chẳng hề quên thăm viếng các bố thí đường để xem xét bố thí được thực hành ra sao.

Vào một ngày trăng tròn kia , chiếc lọng hoàng gia đã được giương lên từ sáng sớm và ngài ngự trên ngai vàng suy ngẫm về các thí vật ngài đã ban phát. Ngài tự nghĩ: "Trong tất cả các tài vật bên ngoài, chẳng có món gì ta không đem cho hết, song cách bố thí này chưa làm ta hài lòng. Ta muốn bố thí vật gì thuộc về bản thân ta. Được rồi hôm nay ta đến bố thí đường phát nguyện rằng nếu có người nào không xin một vật gì đó ngoài thân ta, lại nói rõ tên một phần thân thể ta, nếu người ấy muốn nói đến chính quả tim ta, ta sẽ quyết lấy dao xẻ phăng lồng ngực ta và chẳng khác nào ta nhổ

lên một cộng sen từ hồ nước phẳng lặng, ta sẽ móc lấy quả tim ta đang chảy máu từng cục đem cho người ấy.

Nếu người ấy muốn xin thịt ta, ta sẽ xẻ thịt ra từ thân thể và cho nó, như thế ta dùng cái dao mà khắc chạm tấm thân này. Người đó cứ nói đến máu của ta, ta sẽ lấy máu ta nhỏ từng giọt vào miệng người đó, hoặc đổ đầy một chén rồi đem cho, hoặc nữa, giả sử có ai bảo: "Hạ thần không làm nổi việc nhà, xin hãy đến làm gia nô tại nhà hạ thần", ta nhận mình là nô lệ và ta sẽ làm hết các việc nô dịch. Hoặc giả có ai đó xin đôi mắt ta, ta sẽ móc mắt ra cho nó như người ta lấy lõi của cây dừa nước". Ngài nghĩ thầm như vậy:

Nếu thí tài gì thuộc thế nhân,
Dẫu là đôi mắt, chẳng hề ban,
Giờ đây ta sẽ đem ban bố,

Lòng chẳng hãi kinh, thật vững vàng.
Thế rồi ngài tắm mình với mười sáu bình nước hoa thơm và trang sức cực kỳ lộng lẫy và sau một buổi cơm đầy cao lương mỹ vị, ngài ngự lên một con voi được tô điểm cân đai rất rực rỡ đưa ngài đến đại bố thí đường.

Khi Sakka (Đế Thích) Thiên chủ nhận thấy quyết tâm của ngài liền suy nghĩ: "Vua Sivi đã cương quyết đem đôi mắt ngài bố thí cho kẻ nào ngẫu nhiên đến xin ngài. Thế ngài có đủ hùng lực để thực hiện việc đó hay chăng?

Thiên chủ quyết định đi thử thách ngài, nên giả dạng một Bà la môn già mù mắt, Thiên chủ đứng trên một chỗ cao, khi đức vua bước vào bố thí đường, Thiên chủ đưa tay ra, kêu lớn:

- Vạn tuế Đại vương!

Lúc ấy vua lái vương tượng về phía Thiên chủ, phán bảo:

- Này Bà la môn ông nói gì vậy?

Thiên chủ đáp:

- Tâu Đại vương, trên cõi thế gian này không nơi nào không vang dậy phương danh về từ tâm hào phóng bố thí của Đại Vương. Nay lão đã mù lòa, còn Đại vương có đủ hai mắt.

Rồi Thiên chủ ngâm vần kệ đầu để xin một con mắt;

1- Chẳng có mắt, nên chính lão già,
Đến xin con mắt, tự phương xa,
Lão cầu Chúa thượng ban con mắt
Một mắt cùng nhau mỗi chúng ta.
Khi bậc Đại Sĩ nghe lời này, ngài suy nghĩ:" Chính đó là chuyện mà ta suy nghĩ ở hậu cung trước khi ta đến đây kia! Ồ cơ duyên đến mới tuyệt diệu làm sao chứ! Tâm nguyện của ta hôm nay

sẽ được thành tựu, ta sẽ bố thí một tài vật mà chưa một người thế tục nào từng ban phát", và ngài ngâm vần kệ thứ hai:

2- Ai đã dạy ông bước đến đây,
Để xin một mắt , lão ăn mày?
Đây phần thân thể người cao trọng,
Chúng bảo xa lìa khó lắm thay!
Các vần kệ sau là do hai vị ngâm để đối đáp với nhau:

Lão Bà la môn:

3- Su-ja Phu tướng, chính nơi đây,
Người gọi Ma-gha cũng hiệu này,
Ngài dạy lão về đây yết kiến,

Van nài cho được một mắt ngay.
4- Thí tài tối trọng đại, mong cầu
Chúa thượng ban già một bảo châu,
Xin chớ chối từ già một mắt,
Thí tài tối trọng, đứng hàng đầu,
Như lời thế tục thường hay nói:
"Thật khó cho người dứt bỏ sao!"
Vua Sivi:

5- Ước nguyện làm ông đến tận đây
Trong lòng ông khởi ước như vầy,
Cầu mong nguyện ước kia thành tựu,
Đạo sĩ, cầm đôi mắt trẫm này!
6- Ông chỉ xin ta một mắt thôi,
Nhìn xem! Ta bố thí tròn đôi!
Hãy đi với nhãn quang hoàn hảo
Trước mắt nhìn theo của mọi người,
Vậy ước nguyện ông mong thực hiện
Giờ đây hẳn đã đạt thành rồi!

Đức vua đã nói nhiều như thế. Song nghĩ rằng nếu ngài tự móc mắt của mình ra mà tặng ngay tạiđó, vào lúc ấy, thì không thích hợp, nên ngài đem vị Ba la môn cùng vào nội cung với ngài, và khi ngự lên ngai vàng, ngài truyền lệnh triệu một vị phẫu thuật sư tên là Sivaka vào chầu. Rồi ngài phán:

- Khanh hãy lấy mắt trẫm ra.

Lúc bấy giờ cả kinh thành vang dậy nguồn tin rằng đức vua muốn cắt đôi mắt ngài ra để bố thí cho một lão Bà la môn. Sau đó vị đại tướng quân cùng với các viên quan khác và mọi người thân thuộc

của vua, từ trong kinh thành lẫn hậu cung đều tề tựu cùng nhau và ngâm ba vần kệ để xin vua từ bỏ ý định trên:

7- Xin đừng cho mắt, tấu Minh quân!
Chúa thượng ôi, đừng bỏ chúng thần!
Bố thí san hồ, tiền, bảo ngọc,
Và nhiều vật khác quý vô ngần.
8- Cho bầy tuấn mã đủ yên cương,
Bảo kéo đoàn xa giá xuống đường,
Chúa thượng truyền xua đoàn bảo tượng
Cân đai tuyệt mỹ rặt toàn vàng.
9- Các vật này xin Chúa thượng ban,
Chúng thần mong hộ chúa bình an,

Toàn dân trung tín cùng xa pháp,
Tề tựu quanh vương vị xếp hàng.
Vua lập tức đáp lời, ngâm ba vần kệ:

10- Tâm kẻ muốn ban bố, phát nguyền,
Về sau lại thấy chẳng trung kiên,
Cổ mình tự đặt vào thòng lọng
Che dấu nằm sâu dưới đất liền.
11- Tâm nào đã thệ nguyện thi ân,
Sau lại thấy lòng chẳng thuỷ chung,
Thật lỗi lầm hơn là tội ác,
Phải đày đọa ngục Dạ ma cung.
12- Đừng cho gì nếu chẳng ai xin,
Cũng chớ cho ai thứ chẳng thèm,
Vậy vật này đây hành khất muốn
Cầu xin, trẫm bố thí ngay liền.
Lúc ấy triều thần vừa hỏi:

- Vậy Chúa thượng ước nguyện điều gì khi bố thí cặp mắt của Chúa thượng?

Họ vừa ngâm vần kệ:

13- Thọ mạng, sắc, quyền lực, lạc hoan,
Đâu là phần thưởng, tấu Minh quân?
Lực nào thúc dục Ngài hành động,
Chúa thượng Sivi của quốc dân,
Sao lợi gì cho đời kế vậy,
Ngài đành bỏ cặp mắt mình vàng?
Vua đáp hội chúng qua vần kệ:

14- Như vậy, trong khi muốn cúng dường,
Đích ta chẳng nhắm đạt vinh quang,
Nhiều con, nhiều của, nhiều vương quốc,
Để nắm quyền cai trị thế gian.
Đây chính là con đường Thánh thiện,
Từ xưa của các bậc Hiền nhân;
Tâm ta nồng nhiệt hằng mong ước
Đem mọi thí tài để phát ban.
Trước lời lẽ của bậc Đại sĩ, quần thần không đáp được nữa, vì thế bậc Đại sĩ ngâm kệ bảo Sivaka, vị phẫu thuật sư:

15- Bạn hiền, chí thiết, Sivaka,
Xin hãy làm theo lệnh của ta,

Bạn có đầy tài năng kỹ xảo,
Xin đem liền cặp mắt ta ra,
Vì đây là chính điều tâm nguyện,
Và tặng vào tay khất sĩ già.
Song Sivaka đáp:

- Tâu Chúa thượng , xin Chúa thượng suy nghĩ lại. Đem cho cặp mắt không phải là chuyện tầm thường đâu!

- Này Sivaka, trẫm đã suy xét kỹ rồi. Xin đừng trì hoãn hay nói chuyện gì nhiều trước mặt trẫm nữa.

Lúc ấy Sivaka suy nghĩ: "Một phẫu thuật sư như ta lại lấy lưỡi dao đâm thủng cặp mắt một bậc quân vương thật chẳng hợp lý tí nào". Vì vậy vị ấy giã một ít cây thuốc, chà xát một đóa sen xanh với thứ bột ấy rồi xoa khắp lên mắt phải của vua; con mắt liền đảo lộn tròng, hết sức đau đớn.

- Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ kỹ, hạ thần có thể làm cho mắt bình phục được ngay.

- Này hiền hữu, cứ làm tiếp đi, xin đừng trì hoãn nữa.

Vị ấy lại xát thứ bột kia vào mắt và xoa bóp cho thuốc thấm: con mắt bật ra khỏi lỗ, nỗi đau đớn lại càng khốc liệt hơn trước nữa.

- Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ lại, ha thần vẫn có khả năng phục hồi con mắt ngài như cũ.

- Khanh hãy làm việc nhanh lên!

Lần thứ ba, vị phẫu thuật sư xoa một thứ bột mạnh hơn nữa và xát vào; nhờ công hiệu của thuốc này, con mắt đảo lộn và lăn ra ngoài lỗ mắt, dính lủng lẳng ở đầu sợi dây gân.

- Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ lần nữa, nay hạ thần vẫn có thể phục hồi con mắt lại như trước.

- Thôi nhanh lên.

Nỗi đau đớn đến tột độ, máu chảy từng giọt, hoàng bào của vua vấy toàn máu đỏ. Đám cung tần cùng triều thần quỳ xuống kêu van:

- Tâu Chúa thượng, xin đừng hy sinh đôi mắt của Chúa thượng.

Cả đám người kêu gào thắm thiết. Vua cố chịu đựng đau đớn và bảo:

- Này hiền hữu, hãy nhanh lên.

- Xin vâng, tâu Chúa thượng.

Phẫu thuật sư đáp, tay trái cầm lấy tròng mắt, tay phải cầm dao cắt đứt sợi gân và đặt con mắt vào bậc Đại Sĩ.

Ngài nhìn con mắt phải ấy bằng mắt trái vừa cố chịu đau vừa phán:

- Này Bà la môn hãy đến đây.

Khi vị Bà la môn đến gần, ngài nói tiếp:

- Nhãn quang Chánh giác còn thân thiết hơn nhãn quang này cả trăm lần, à không, cả ngàn lần kia. Đấy, các người đã hiểu lý do trẫm hành động như vậy.

Rồi ngài trao mắt cho vị Bà la môn, lão liền đưa tay ra đón lấy mắt đặt ngay vào chỗ mắt mình. Nhờ thần lực của vị ấy, con mắt dính chặt vào đó chẳng khác nào đóa sen xanh nở ra.

Khi bậc Đại Sĩ dùng mắt trái nhìn thấy con mắt kia trên mặt của vị Bà la môn, ngài kêu lớn:

- Ôi tốt lành thay là việc bố thí con mắt này của ta.

Rồi nỗi hân hoan sinh khởi trong tâm ngài làm rung động toàn thân ngay giây phút ấy, ngài lại bố thí luôn con mắt kia. Đế Thích Thiên chủ cũng đặt con mắt này vào lỗ mắt của mình và từ cung vua, Thiên chủ ra đi, sau đó rời kinh thành trước ánh mắt kinh ngạc của mọi người nhìn theo, rồi trở về Thiên giới.

Để giải thích việc này, bậc Đại Sĩ ngâm một vần kệ rưỡi:

16- Si vi chúa tể giục Si va
Hoàn tất tâm nguyện của đức vua,
Trao tặng Bà la môn tài thí vật,
Y sư lấy cặp mắt ngài ra,
Bà la môn có liền đôi mắt,
Chúa thượng giờ đây phải tối lòa.
*

Chẳng bao lâu, đôi mắt vua bắt đầu mọc lại, trong lúc chúng xuất hiện từ từ, và trước khi lên đến đỉnh cao của hai lỗ mắt, một cục thịt lớn dần bên trong lỗ như thể trái cầu bằng lông thú, tựa hồđôi mắt trên hình đứa trẻ nhồi bông, song nỗi đau đớn đã chấm dứt. Bậc Đại Sĩ an nghỉ trong cung thất ít ngày.

Sau đó ngài suy nghĩ:" Một kẻ mù lòa còn dính líu gì đến việc trị nước nữa. Ta muốn giao quốc độ cho các triều thần, rồi vào ngự viên thành kẻ khổ hạnh, sống đời thanh tịnh".

Ngài liền triệu tập quần thần, nói cho hội chúng nghe những việc ngài dự định làm. Ngài phán:

- Một người sẽ ở bên ta để rửa mặt, chăm sóc ta làm những gì cần thiết và phải buộc một sợi dâyđể dắt ta đi về nơi ẩn dật.

Sau đó ngài truyền gọi viên quan lái xe của ngài đến và ra lệnh cho người ấy chuẩn bị vương xa. Song triều thần không muốn ngài ra đi bằng xe ngựa, họ đưa ngài lên đường

trong chiếc kiệu bằng vàng và đặt ngài xuống bên cạnh bờ hồ, đứng vây quanh ngài, canh phòng cẩn thận xong lại ra về. Còn vua ngồi trong kiệu suy nghĩ đến việc bố thí của mình.

Lúc ấy chiếc ngai của Sakka (Đế Thích) Thiên chủ nóng rực lên. Thiên chủ xem xét và nhận thấy lý do kia: "Ta sẽ ban thưởng vua một điều ước", ngài suy nghĩ, "và làm đôi mắt của vua bình phục trở lại".

Vì thế Thiên chủ đến chỗ ấy. Khi không còn cách xa bậc Đại Sĩ mấy, Thiên chủ cất bước đi đi lại lại quanh đó.

*

Để giải thích việc này, bậc Đạo Sư ngâm các vần kệ sau:

17- Vài ngày qua cặp mắt vừa lành,
Bình phục dần nên lại hiện hình,
Đại đế Sivi nuôi quốc độ
Triệu quan điều ngự của riêng mình;
18- "Ngự quan, chuẩn bị chiếc vương xa,
Rồi đến đây trình báo với ta,
Ta muốn vào khu rừng, thượng uyển,
Đầy hồ sen súng mọc chen hoa".
19- Quan đặt vua vào chiếc kiệu hoa,
Và đây, dừng kiệu ở bên bờ,
Su-ja Phu tướng, ngài Thiên chủ,
Xuất hiện, chính là Đại Sakka.
- Ai đó?

Bậc Đại Sĩ kêu lên khi ngài nghe tiếng bước chân kia. Đế Thích Thiên chủ liền ngâm vần kệ:

20- Chính ta là Thượng đế Sakka,
Ta đến đây tham kiến nhà vua,
Hãy chọn hồng ân, này Thánh chúa,
Điều gì ngài ước, nói cùng ta.
Vua đáp lời qua vần kệ khác:

21-Sinh lực, kho vô tận, bảo châu,
Ta đều bỏ lại hết đằng sau,
Thiên hoàng, ta chẳng mong gì nữa
Trừ chết, vì ta có mắt đâu!
Sau đó Thiên chủ hỏi:

- Này Đại vương Sivi, ngài cầu mong cái chết vì ngài muốn chết hay vì ngài mù lòa?

- Tâu Thiên chủ, vìỉ ta mù lòa.

- Này Đại vương, tài vật bố thí tự nó không phải là hoàn toàn đầy đủ ý nghĩa, mà nó phải được bố thí với một cái nhìn hướng về đời sau. Tuy thế, vẫn còn có duyen cớ liên quan đến cuộc đời hiện tại này. Trước đây, người kia xin ngài chỉ một mắt, ngài lại cho cả hai, vậy ngài hãy phát nguyện nói lời Chân thật về việc đó.

Rồi Thiên chủ ngâm kệ:

22- Chúa tể của loài lưỡng túc nhân,
Hãy nguyền nói đúng lẽ toàn chân,
Nếu ngài tuyên bố lời chân thật,
Đôi mắt ngài nay sẽ phục hoàn.
Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp:

- Tâu Thiên chủ, nếu ngài muốn ban cho trẫm con mắt thì xin đừng cố tìm phương tiện gì khác nữa, mà hãy làm cho mắt trẫm phục hồi như là kết quả hạnh bố thí của trẫm thôi.

Thiên chủ bảo:

- Này Đại Vương, dù ta được chúng gọi là Đế Thích, Chúa tể chư Thiên, ta cũng không thể đem con mắt cho ai được cả; tuy thế, nhờ thiện quả từ hạnh bố thí của Đại vương, chứ chẳng phải do việc gì khác, mà mắt của Đại vương sẽ được phục hồi đó thôi.

Tiếp theo, vua ngâm kệ xác nhận việc bố thí của mình đã được thực hiện tốt đẹp chân chánh:

23- Loài nào bất kể, muốn cầu ân, Hễ có ai nài nỉ lại gần,

Ai đến bất kỳ, xin bố thí,
Lòng ta cũng thấy thật thương thân:
Nếu lời Đại nguyện này chân thật,
Cầu mắt ta nay sẽ hiện dần.
Ngay khi ngài vừa thốt những lời này, một con mắt của ngài xuất hiện ra trong lỗ mắt. Sau đó ngài ngâm đôi vần kệ để xin phục hồi con mắt kia:

24-Một đạo sĩ kia đến viếng ta,
Chỉ cần xin một mắt thôi mà,
Ta đà đem trọn đôi con mắt,
Bố thí La môn khất sĩ già.
25- Hoan hỉ càng nhiều, lạc thọ tăng,
Chính hành động ấy đã ban phần,
Nếu lời Nguyện ước này Chân thật,
Mong được mắt kia cũng phục hoàn.
Lập tức con mắt thứ hai xuất hiện, song đôi mắt này không phải là tự nhiên hay của thần linh nào. Con mắt do Đế Thích Thiên chủ giả dạng Ba la môn ban cho, không thể là con mắt tự nhiên mà có được, ta phải hiểu như vậy; còn về phương diện khác, thì

một con mắt thần linh không thể hóa hiện ra bất cứ sinh vật nào đã bị thương tật. Nhưng thật sự cặp mắt này được gọi là Nhãn quang Toàn chân và Tối thắng.

Vào lúc chúng xuất hiện, toàn thể triều thần tề tựu lại nhờ thần lực của Đế Thích Thiên chủ; và Đế Thích Thiên chủ đứng giữa hội chúng, cảm hứng ngâm đôi vần kệ tán thán đức vua:

26- Đại đế Sivi bảo dưỡng dân!
Bài ca thánh thiện của Minh quân
Cho ngài được hưởng phần ân huệ
Vô giá này, đây cặp mắt thần.
27- Xuyên qua tường, núi, đá, đồng bằng,
Bất cứ vật gì đứng cản ngăn,
Đôi mắt ngài đây đều thấy suốt
Khoảng chừng trăm dặm ở mười phương.
Khi ngâm kệ xong, ngài vụt đứng trên không trước hội chúng này cùng với lời khuyến giáo bậc Đại Sĩ phải tỉnh giác tu tập, rồi Thiên chủ trở về Thiên giới.

Còn bậc Đại Sĩ được đám tùy tùng vây quanh, ngự xa giá về kinh thành trong cảnh uy nghi trọng thể và ngài bước vào cung điện mệnh danh Candaka hay Khổng tước Nhãn (Con mắt chim công)

Nguồn tin đức vua đã được phục hồi cặp mắt vang dậy khắp vương quốc Sivi. Toàn dân tập họp lại để yết kiến ngài cùng với các cống vật trong tay. Bậc Đại Sĩ suy nghĩ: "Giờ đây hội chúng nàyđã tụ họp đông đủ, ta sẽ tán thán việc bố thí vừa rồi đã làm". Ngài truyền lệnh dựng lên một ngôi đình

ngay cổng thành, nơi đó ngài ngự trên môt vương toạ với chiếc lọng trắng hoàng gia che trên đầu ngài, triệu tập các hội đoàn, dân chúng, quân sĩ lại; rồi ngài phán:

- Này dân chúng Sivi, nay các người đã nhìn thấy cặp thiên nhãn này thì đừng có bao giờ ăn thứ gì mà không đem bố thí đi một ít!

Rồi ngài ngâm bốn vần kệ tuyên thuyết Pháp lành:

28. Nếu mình được gợi ý thi ân,
Nào ai có từ chối được chăng,
Dù đó là phần cao quý nhất,
Của mình, bảo vật giá vô ngần
29- Dân chúng Sivi hội họp đoàn,
Đến đây, nhìn cặp mắt trời ban!
Xuyên qua tường đá , đồi, thung lũng
Bất cứ vật gì đứng cản ngăn
Đôi mắt ta đều trông thấy suốt
Một trăm dặm trải khắp mười phương
30- Từ bỏ thân mình giữa thế nhân

Là điều cao quý nhất trên trần,
Ta đem bố thí mắt phàm tục,
Nên được trời cho cặp mắt thần.
31- Dân chúng này xem, hãy phát ban,
Nhường phần cho kẻ khác khi ăn,
Nếu làm việc ấy đầy tâm thiện,
Người sẽ sinh thiên chẳng lỗi lầm.
Đức vua thuyết Pháp qua bốn vần kệ này, và về sau cứ mỗi nửa tháng, vào ngày Trai giới, và mỗi ngày rằm ngài lại thuyết Pháp qua các vần kệ trên liên tục trước đám dân chúng đông đảo quây quần. Nghe lời ấy, dân chúng bố thí và làm nhiều thiện sự, cho nên đã đi lên gia nhập hội chúng cõi trời thật đông đúc.

*

Sau khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại này Ngài bảo:

- Như vậy, này các Tỳ kheo, các bậc trí nhân ngày xưa không thỏa mãn việc bố thí ngoại tài, nên đã bố thí cho bất cứ người nào ngẫu nhiên đến xin chính cả đôi mắt của mình lấy từ đầu ra nữa.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

-Vào thời ấy Ànanda là phẫu thuật sư Sivaka, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Thiên chủ Đế Thích, hội chúng của đức Phật là toàn dân và Ta chính là vua Sivi.

-ooOoo-

500. Chuyện Thần Nữ Cát Tường (Tiền thân Sirimanda)

Chuyện Thần nữ Cát Tường này sẽ được kể đầy đủ trong chuyện Đường Hầm Lớn (Mahà- Ummagga) số 546.

-ooOoo-

501. Chuyện Lộc Vương Rohanta (Tiền thân Rohanta Miga)

Hãi kinh thần chết hỡi Citta.....

Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm (Veluvana) về Tôn giả Ànanda (A- nan)đã hy sinh tính mạng mình.

Sự hy sinh này được miêu tả trong chương XXI, số 553. Tiền thân Culla-Hansa, tập V. ChuyệnĐiều phục con voi Dhanapàla (Tài hộ). Sau khi Tôn giả đã hy sinh tính mạng mình vì bậc Đạo Sư, Tăng chúng bàn tán việc ấy trong Chánh pháp đường.

- Này Hiền giả, Tôn giả Ànanda, sau khi đạt tri kiến đầy đủ về con đường tu tập Giáo pháp, đã hy sinh tính mạng mình vì đấng Thập lực (Dasabala: danh hiệu của đức Phật).

Bậc Đạo Sư bước vào, hỏi Tăng chúng nói chuyện gì trong khi ngồi tại đó. Tăng chúng trình bày với Ngài. Ngài bảo:

- Này các Tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên vị ấy hy sinh tánh mạng vì Ta, mà trước kia cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài kể cho hội chúng nghe một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì Ba la nại, chánh hậu của vua tên là Khemà (Thái Hòa). Thời ấy Bồ Tát được sinh làm con Hươu ở vùng Tuyết Sơn có màu da vàng óng ả tuyệt đẹp, và em trai của Ngài là Citta Miga hay Hươu sao, và em gái ngài là Sutanà cũng có màu da như thế. Bấy giờ bậc Đại Sĩ có tên Rohanta làm chúa tể đàn hươu lớn. Vượt băng ngang qua hai rặng núi, vào đến rặng thứ ba, ngài sống ở bên hồ Rohanta và được cả bầy hươu nai tám mươi ngàn con vây quanh hầu hạ. Thời ấy ngài phải phụng dưỡng song thân ngài già cả mù lòa.

Bấy giờ một người thợ săn ở trong một làng săn gần Ba la nại đến vùng Tuyết Sơn và chợt thấy bậc Đại Sĩ. Lão trở về làng mình và vào lúc lâm chung, lão dặn con trai:

- Này con, ở một nơi nọ trong vùng đất cha săn bắn, có một con hươu màu vàng ròng, nếu bao giờđức vua chợt phán hỏi thì con hãy xin phép tâu trình với ngài về chuyện đó.

Một ngày kia hoàng hậu Khemà, trong một giấc mộng về sáng, nằm mơ thấy cảnh như vầy: Một con hươu màu vàng ròng ngồi trên một chiếc kim đôn thuyết pháp cho hoàng hậu nghe bằng giọng nói ngọt ngào như mật, chẳng khác gì tiếng chuông ngân vang. Song trước khi bài giảng chấm dứt, con hươu đứng lên và chạy mất, bà giật mình tỉnh dậy và kêu to:

- Bắt lấy con hươu!

Đám nữ tỳ nghe tiếng bà kêu, bật cười ròn rã:

- Đây là cung thất đóng kín mọi cửa lớn lẫn cửa sổ, ngay cả một mảy gió cũng không lọt vào được, giữa lúc này mà lệnh bà gọi lớn bảo bắt con hươu kia!

Đến khi ấy bà mới biết đó chỉ là giấc mộng. Song bà tự nhủ: "Nếu ta bảo đó là giấc mộng thì đức vua sẽ không để ý. Nhưng nếu ta bảo đó là nỗi ước ao của một thai phụ thì ngài sẽ quan tâm lo lắng ngay. Vậy ta quyết phải nghe cho được lời thuyết Pháp của chính con hươu màu hoàng kim ấy!"

Sau đó bà liền nằm xuống giả vờ ngã bệnh. Vua bước vào:

- Này ái khanh có việc gì thế? Ngài hỏi.

- Ôi tâu Chúa thượng, đó chỉ là nỗi ao ước tự nhiên của thần thiếp.

- Thế ái khanh muốn điều gì?

- Thần thiếp ước ao được nghe lời thuyết Pháp của một con hươu màu hoàng kim chân chánh.

- Kìa ái khanh, điều ái khanh ao ước không hề có: chẳng bao giờ có con vật nào là loài hươu hoàng kim cả.

Bà đáp:

- Nếu thần thiếp không được như ý, thần thiếp sẽ phải chết ngay lập tức.

Bà liền quay lưng lại về phía vua và nằm im. Vua bảo:

- Nếu có một con vật như thế trên đời này thì nó sẽ được bắt về ngay.

Sau đó vua hỏi các triều thần và các Bà la môn như trong chuyện Tiền thân "Khổng tước" (số 129, tập I) để xem thử có loài vật nào là hươu hoàng kim chăng. Khi được biết là hiện có, ngài triệu tập các thợ săn vào và hỏi:

- Trong các người, ai đã từng thấy hoặc nghe nói về một con vật như thế chăng?

Con trai của lão thợ săn mà ta đã nói trên đây liền kể lại câu chuyện gã nghe được. Vua phán:

- Này ngươi, khi nào ngươi đem về cho trẫm con hươu kia thì trẫm sẽ ban thưởng ngươi rất trọng hậu, vậy ngươi hãy đi tìm kiếm nó và đem về đây.

Ngài bảo đưa tiền lộ phí cho gã và bảo gã lui ra. Người thợ săn tâu:

- Xin Chúa thượng đừng lo, nếu như tiểu thần không đem được con hươu ấy về thì tiểu thần cũngđem được bộ da nó về, nếu không đem được da thì cũng đem được lông nó về đây.

Sau đó người ấy trở lại nhà, đưa số tiền vua ban cho gia đình mình rồi ra đi vào rừng và trông thấy Lộc vương. Gã suy nghĩ: "Ta phải đặt bẫy ở đâu để bắt hươu đây?" Gã thấy ngay cơ hội tốt ở chỗ hươu nai uống nước. Gã kết một sợi dây bằng da thật chặt và đặt sợi dây vào một cái sào ở nơi mà bậc Đại Sĩ thường xuống để uống nước.

Hôm sau bậc Đại Sĩ cùng với tám mươi ngàn con hươu trong lúc tìm kiếm thức ăn, đi đến đó để uống nước tại bến sông thường lệ. Ngài vừa đặt chân xuống liền bị kẹt ngay vào dây thòng lọng. Ngài suy nghĩ: "Nếu ta rống lên tiếng kêu bị nạn thì cả đàn hươu sẽ kinh hoàng chạy trốn mà không được ăn uống gì cả". Vì thế, mặc dầu ngài bị siết chặt ở đầu cây sào, ngài vẫn đứng giả vờ uống nước, như thể đang còn được tự do.

Khi tám mươu ngàn con hươu đã uống xong và bấy giờ chúng đã bước ra khỏi nước, ngài liền lắc mạnh cái thòng lọng ấy ba lần cố làm nó đứt ra. Lần đầu ngài làm rách da, lần thứ hai nó đâm sâu vào thịt và lần thứ ba làm giãn gân ra, vì thế cái thòng lọng siết tới tận xương tủy. Sau đó vẫn không thể nào phá đứt thòng lọng, ngài rống lên kêu bị nạn: cả bầy hươu kinh hoàng chạy thoát thân thành ba đàn lớn.

Citta Miga không tìm được bậc Đại Sĩ trong ba đàn ấy liền suy nghĩ: "Mối hiểm họa này vừa xảy ra cho bọn ta đã gieo xuống đại huynh của ta". Khi quay về, chú hươu em thấy ngài đã bị mắc bẫy thật chặt. Bậc Đại Sĩ chợt thấy em mình, liền kêu lên:

- Này hiền đệ, đừng đứng đây nữa, ở đây nguy hiểm lắm.

Rồi ngài ngâm kệ, thúc giục em chạy trốn:

1- Hãi kinh thần chết, hỡi Citta,
Cả đám hươu kia chạy thoát xa
Hiền đệ hãy đi, vì bọn chúng
Cùng em sẽ sống, chớ chần chờ.
Ba vần kệ sau do anh em đối đáp nhau:

Citta:

2- Em chẳng đi đâu, hỡi Lỗ hân,
Tim em đã kéo bước em gần,
Chẳng lìa anh tại nơi này nữa,
Em sẵn sàng từ bỏ tấm thân.
Rohanta:

3- Chẳng ai bảo dưỡng lại mù lòa,
Phải chết song thân, mẹ lẫn cha,
Em hãy về ngay cùng phụ mẫu,
Hỡi em đừng nấn ná gần ta.
Citta:

4- Em chẳng đi đâu, hỡi Lỗ hân,
Tim em đã kéo bước em gần,
Chẳng rời anh ở nơi này nữa,
Em sẵn sàng từ bỏ tấm thân.
Rồi Citta đứng vững làm chỗ dựa cho Bồ Tát ở bên phải và cố làm vui vẻ để ngài phấn khởi tinh thần.

Còn Sutanà, là bé Hươu còn non tơ, cứ chạy quanh quẩn giữa bầy hươu, song không tìm thấy hai anh đâu cả, cô bé Hươu non suy nghĩ: "Chắc tai họa đã xẩy ra cho hai anh của ta rồi". Bé Hươu quay lại, đến chỗ hai anh và khi bậc Đại Sĩ thấy em gái tới, liền ngâm vần kệ thứ năm:

5- Hươu nhút nhát, mau chạy trốn xa,
Bạo tàn thòng lọng siết chân ta,
Hãy đi theo chúng đừng lưu luyến,
Em phải sống cùng với mẹ cha.
Ba vần kệ sau lại được hai anh em đối đáp như trên:

Sutanà:

6- Em chẳng đi đâu, hỡi Lỗ hân,
Tim em đã kéo bước em gần,
Chẳng rời anh ở nơi này nữa,
Em sẵn sàng từ bỏ tấm thân.

Rohanta:

7- Chẳng ai bảo dưỡng lại mù lòa,
Phải chết song thân, mẹ lẫn cha,
Em hãy về ngay cùng phụ mẫu,
Hỡi em đừng nấn ná gần ta
Sutanà:

8- Em chẳng đi đâu, hỡi Lỗ hân,
Tim em đã kéo bước em gần,
Em liều mất mạng, song không thể
Bỏ mặc anh sa bẫy buộc chân.
Như vậy nàng Hươu non cũng không chịu nghe lời ngài, nên cứ đứng bên cạnh ngài mà an ủi vỗ về.

Bấy giờ người thợ săn thấy bầy hươu đã chạy trốn mất và nghe tiếng kêu của con vật mắc cạn:" Ắt hản là Hươu chúa đã bị lọt bẫy rồi!". Gã nói xong, nai nịt dây đai thật kỹ và chạy vội đi.

Bậc Đại Sĩ ngâm vần kệ thứ chín, ngài vừa thấy gã đến:

9- Thợ săn hung dữ, dáo trong tay
Nhìn gã, kìa đang bước đến đây!
Rồi với mũi tên hay ngọn giáo,
Chúng mình, gã giết nội, ngày nay!
Citta không chạy trốn, dù chú hươu này cũng trông thấy gã thợ săn. Còn bé Sutanà không đủ mạnh dạn để đứng yên, cứ vẫn chạy loanh quanh vì sợ chết. Rồi nàng Hươu bé bỏng kia suy nghĩ: "Ta sẽ chạy thoát đi đâu nếu ta bỏ mặc các anh của ta?" Thế là cô nàng quay lại, dành chịu hy sinh tánh mạng, mặc cho tử thần ghi dấu trên đôi mày và đứng yên phía bên trái anh mình.

*

Bậc Đạo Sư ngâm vần kệ thứ mười để giải thích việc này:

10- Hươu non mềm yếu quá kinh hoàng,
Sợ hãi chạy quanh cố kiếm đường,
Rồi có hành vi đầy quyết liệt:
Vì nàng đành chịu phận đau thương.
*

Khi người thợ săn đến nơi, gã thấy cả ba sinh vật này đứng bên nhau. Một ý tưởng từ mẫn thương xót nổi lên trong lòng, vì gã đoán chúng là anh em cùng một mẹ. Gã suy nghĩ: "Chỉ một mình Hươu chúa đàn bị mắc bẫy, còn hai Hươu kia thì bị ràng buộc bởi những mối liên hệ thương yêu tôn trọng mà thôi. Thế chúng có họ hàng gì với Hươu chúa chăng?" Gã hỏi câu ấy như vầy:

11- Đôi lộc dù không bị buộc chân,
Là ai, chầu chực cạnh tù nhân,
Không đành bỏ mặc chàng Hươu chúa,
Và chạy trốn đi để thoát thân?
Bồ tát liền đáp:

12- Em gái, em trai ấy thật là,
Cùng chung một mẹ đã sinh ra,
Không đành phận được riêng mình sống,
Bỏ mặc ta trơ trọi đấy mà.
Những lời này lại làm cho tim gã mềm dịu xúc cảm tột độ. Lộc vương đệ Citta nhận thấy lòng gã thợ săn đã trở thành thân ái nhu hòa, liền nói:

- Này Hiền hữu thợ săn, hiền hữu đừng tưởng rằng đây là một con hươu tầm thường chứ không có gì khác, ngài đây chính là Lộc vương của tám mươi ngàn con hươu. Ngài đã sống đời đạo hạnh, có từ tâm đối với muôn loài và trí tuệ cao minh, ngài đã phụng dưỡng song thân nay đã già cả mù lòa. Nếu hiền hữu giết một bậc chân chánh như vậy, tức là giết chết song thân ta, em gái ta và ta nữa, luôn năm mạng tất cả. Còn nếu hiền hữu tha mạng ngài, là hiền hữu đem cuộc sống lại cho cả năm mạng ta đó.

Rồi Hươu này ngâm kệ:

13- Chẳng ai chăm sóc lại mù lòa,
Đành phải chết luôn cả mẹ cha,
Thiện hữu hãy tha năm mạng ấy,
Và xin thiện hữu thả anh ta.
Khi người thợ săn nghe lời thuyết giáo đầy hiếu thảo này, lòng gã vô cùng hoan hỷ, gã đáp:

- Xin Chúa công đừng sợ.

Rồi gã ngâm kệ tiếp đáp lời:

14- Thôi được, này xem ta thả ra,
Chúa Hươu hiếu dưỡng mẹ cùng cha,
Khi nhìn con bảo toàn thân mạng,
Cha mẹ vui mừng sẽ múa ca.
Trong khi nói thế, gã suy nghĩ: "Nay ta còn thiết gì đến đức vua cùng các danh vọng ngài ban cho nữa? Nếu ta làm hại Hươu chúa này, thì hoặc là mặt đất sẽ há miệng ra nuốt chửng ta, hoặc là Thiên lôi sẽ giáng xuống đánh tan xác ta. Vậy ta quyết thả Hươu này thôi". Vì thế gã đến gần bậc Đại Sĩ, hạ cây sào xuống và cắt sợi dây da. Sau đó gã ôm lấy Hươu chúa vào lòng, đặt Hươu xuống gần mặt nước, nhẹ nhàng êm ái tháo gỡ nút dây thòng lọng ra khỏi chân Hươu, nối các đầu dây gân lại với nhau, làm kín vết thương trên da thịt cùng các mép da bị sây sát, lấy nước rửa sạch máu, rồi cứ thoa bóp Hươu khắp mình mẩy một cách đầy thương xót.

Nhờ uy lực của lòng thân ái kia cùng với công hạnh viên mãn của bậc Đại sĩ, nên toàn thân ngài bình phục như trước, đủ gân cổ, da, thịt, lông tơ và da non bao phủ cẳng chân, nên không ai đoán biết được chỗ nào Hươu đã bị trọng thương cả. Bậc Đại Sĩ đứng tại đó và tràn ngập hạnh phúc trong lòng, Citta nhìn ngài vô cùng hoan hỷ nên ngỏ lời cảm tạ người thợ săn qua vần kệ này:

15- Chú thợ, cầu mong phước lộc tràn,
Ước ao hạnh phúc cả thân bằng,
Như ta hạnh phúc khi nhìn ngắm
Đại lộc vương nay được thoát nàn.

Lúc ấy bậc Đại Sĩ suy nghĩ: "Phải chăng vì tự ý mà người thợ săn đánh bẫy ta, hay do lệnh của một ai khác?". Và ngài hỏi nguyên nhân bắt hươu này. Người thợ săn đáp:

- Tâu Chúa công, kẻ hèn này không có liên can gì đến Chúa công cả, chính vương hậu Khemà của đức vua ước mong nghe ngài thuyết giảng Chánh pháp, cho nên kẻ hèn này đã đánh bẫy ngài theo lệnh vua truyền.

- Hiền hữu, bạn đã dám cả gan thả ta ra ư? Mau lên, đưa ta vào yết kiến đức vua, rồi ta sẽ thuyết giáo trước mặt hoàng hậu.

- Quả thật, tâu Chúa công, các vua chúa thường ác độc lắm. Làm sao ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra? Kẻ hèn này chẳng màng thứ công danh gì mà đức vua có thể ban cho mình đâu; vậy ngài hãy ra đi nơi nào như ý.

Nhưng bậc Đại Sĩ lại suy nghĩ rằng gã thả ngài ra là một việc qúa liều lĩnh, nên ngài phải tìm cơ hội cho gã đạt vinh quang danh vọng đã được vua hứa hẹn trước ấy. Vì thế ngài bảo:

- Này hiền hữu, hãy lấy tay xát mạnh vào lưng ta.

Gã làm y lời, bàn tay gã liền dính dầy lông tơ vàng óng.

- Tâu Chúa công, kẻ hèn này sẽ làm gì với đám lông tơ này đây?

- Này hiền hữu, hãy đem chúng về trình lên đức vua cùng hoàng hậu, tâu các ngài rằng đây là đám lông tơ của Hoàng kim Lộc vương kia, rồi hãy thay mặt ta thuyết giáo cho hai vị ấy nghe các lời kệ mà ta sắp ngâm đây. Khi hoàng hậu nghe lời hiền hữu như thế là cũng đủ làm thỏa mãn niềm khát khao của hoàng hậu rồi.

- Tâu Lộc vương, xin ngài hãy thuyết Pháp.

Người thợ săn nói và Hươu chúa dạy cho gã mười vần kệ về đời sống Thánh hạnh, trình bày Ngũ giới đức và bảo gã ra đi với lời dặn dò khuyên nhủ gã phải tỉnh giác hộ phòng.

Người thợ săn cư xử với bậc Đại Sĩ như cách người ta đồn đãi tôn trọng một bậc thầy vậy. Gã đi diễu quanh ngài ba lần hướng về phía hữu, đảnh lễ bốn lần rất cung kính và gói ghém đám lông tơ vàng ấy trong ngọn lá sen rồi ra đi.

Ba anh em chúa Hươu tiễn đưa gã đi một đoạn đường . Sau khi ăn uống xong, ba vị liền trở về với cha mẹ.

Song thân vội hỏi ngài:

- Này con yêu Rohanta, cha mẹ đã nghe con bị bắt, làm sao con trở về được tự do đây?

Hai vị hỏi qua vần kệ:

16- Làm thế nào con được tự do,
Khi đời con suýt dứt đường tơ?
Sao người săn nọ cho con thoát,
Chiếc bẫy giăng kia đã phỉnh lừa?
Bồ tát ngâm ba vần kệ đáp lời:

17- Citta đã giải thoát cho con
Bằng những lời rung động tâm hồn,
Mê mẩn đôi tai, xuyên thấu dạ,
Lời đưa trong sáng thật du dương.
18- Suta đã giải thoát cho con,
Bằng những lời rung động tâm hồn,
Mê mẩn đôi tai, xuyên thấu dạ,
Lời đưa trong sáng thật du dương.
19- Chú thợ kia đã giải thoát con,
Khi nghe lời nói thật mê hồn,
Thấm sâu tâm trí, xuyên vào dạ,
Lời lẽ thanh tao dịu ngọt tuôn.
Song thân của ngài bày tỏ lòng cảm ơn bằng một vần kệ:

20- Ta chúc người, gia quyến, vợ con,
Cầu mong các vị phước duyên tròn,
Như ta hạnh phúc khi nhìn ngắm
Nay chúa Lỗ hân được thoát nàn.
Bấy giờ người thợ săn ra khỏi rừng đi về yết kiến vua, gã đảnh lễ ngài và đứng chầu một bên. Khi vua trông thấy gã liền bảo:

21- Lạp hộ, mau lên , nói trẫm hay,
Nhà ngươi có phải muốn thưa vầy
"Tâu hoàng thượng, tấm da hươu chúa,
Nay tiểu thần dâng ngự lãm ngay".
Hoặc giả da hươu ngươi chẳng có
Để dâng, vì cớ sự gì đây?
Thợ săn:

22- Chúa Hươu đã đến tận tay rồi

Vào bẫy nằm sâu kín của tôi.
Bị bắt liền, song đôi lộc khác
Thong dong chầu chực một bên ngài.
23- Xót thương, thần rợn cả làn da
Từ mẫn lạ thường mới khởi ra:
"Nếu giết Hươu này (thần nghĩ ngợi),
Đời thần ắt cũng hóa ra ma!"
Nhà vua:

24- Lạp hộ, bầy hươu ấy thế nào,
Phong tư, cốt cách chúng ra sao,
Màu lông, đặc tính gì trong chúng
Xứng đáng lời kia tán tụng cao?
Vua cứ hỏi đi hỏi lại câu này mãi như thể một người tràn đầy kinh ngạc. Gã thợ săn đáp lời qua vần kệ:

25- Đôi sừng như bạc, dáng cao sang,
Với bộ lông da sáng rỡ ràng,
Chân đỏ, mắt ngời sao chói lọi,
Toàn thân tuyệt mỹ giữa trần gian.
Trong lúc ngâm kệ, gã vừa đem đặt vào lòng bàn tay vua một nắm lông tơ vàng ánh của bậc Đại Sĩ và qua một vần kệ khác, gã trình bày sơ lược đặc tính của các Hươu này:

26- Phong tư, cốt cách chúng như vầy,
Tâu Chúa công, là đám lộc này,
Chúng vẫn tìm mồi nuôi phụ mẫu,
Thần không đem được chúng về đây.
Qua những lời này, gã miêu tả các đức tính của bậc Đại Sĩ, của chú Hươu em Citta và cô bé Hươu non Sutanà, rồi nói thêm điều này:

- Tâu Đại vương, Hươu chúa cho tiểu thần một nắm lông, lại bảo thần thay thế địa vị ngài mà thuyết Pháp trước Hoàng hậu qua mười vần kệ về đời sống theo Thánh hạnh.

Trong lúc gã thợ săn vừa ngồi trên bảo tọa bằng vàng, gã thuyết Pháp lành qua mu+o+fi vần kệ này:

(Theo bản kinh Miến Điện, vua đặt gã thợ săn lên chiếc vương tọa được chạm cẩn với bảy loại châu báu; còn chính vua cùng hoàng hậu ngồi trên một bảo tọa thấp hơn, đặt ở một bên, rồi cung kính đảnh lễ, thỉnh cầu gã thuyết giảng. Người thợ săn thuyết giảng pháp lành như vầy:)

27- Tâu Hoàng thượng, đối với song thân,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi Thiên đường.

28- Với đàn thê tử, tấu quân vương,
Xin thực hành đường lối chánh chân
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi Thiên đường
29- Đại vương với thân hữu quần thần
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh
Đại vương sẽ đến cõi Thiên đường.
30- Trong bước lãng du, hoặc chiến trường,
Thực hành đường lối sống thuần lương,
Vì nhờ sống cuộc đời chân chánh,
Thiên giới sẽ về, tấu Đại vương
31- Trong làng, thị trấn, tấu quân vương,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh
Đại vương sẽ đến cõi Thiên đường.
32- Mọi miền quốc độ, tấu Quân vương
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi Thiên đường
33- Với các Sa môn, Bà la môn,
Thực hành đường lối sống hiền nhơn,
Vì nhờ sống cuộc đời chân chánh
Thiên giới sẽ về , tấu Đại vương!
34- Với loài cầm thú, tấu Quân Vương,
Xin thực hành đường lối chánh chân
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi Thiên đường.
35- Xin thực hành chân chánh Đại vương
Từ đây nguồn hạnh phúc tuôn tràn,
Nhờ đi theo cuộc đời chân chánh
Chúa thượng sẽ lên cõi ngọc đường
36- Hộ phòng tỉnh giác, tấu Quân vương
Tiến bước trên đường lối thiện lương,
Thiên chủ, chư Thiên cùng giáo sĩ,
Từ lâu đã đạt cõi Thiên đường.
37- Ngàn xưa đây chính các phương ngôn,
Đi đúng theo đường lối trí nhân,
Thiên nữ được tràn đầy hạnh phúc,

Tự mình thăng tiến cõi Thiên đường.
Người thợ săn đã thuyết Pháp như trên, theo cách bậc Đại Sĩ đã giảng bày cho gã với tài năng của một bậc Giác Ngộ, chẳng khác nào người đem từ bầu trời xuống trần thế cả giải Thiên hà kia. Hội chúng gồm đủ ngàn giọng nói đồng reo hò tán thán. Lòng khát khao của Hoàng hậu đã được thỏa mãn lúc bà nghe lời thuyết Pháp ấy.

Vua đầy hoan hỷ liền ngâm các vần kệ này, khi ngài ban thưởng người thợ săn đại vinh hoa phú quý:

38- Nạm ngọc vòng tai, trẫm muốn ban,
Tặng khanh cùng với sáu cân vàng,
Xinh tươi, bảo tọa như hoa tấm
Với nệm nằm chen cả bốn hàng.
39- Hai vợ cùng giai cấp xứng đôi,
Trâu bò thường đúng một trăm rồi
Trẫm nguyền sẽ trị dân công chính
Mãi mãi, ân nhân của trẫm ôi!
40- Cho vay, cày ruộng hoặc kinh doanh,
Hễ đó là nghề nghiệp của khanh,
Trẫm thấy khanh không làm việc ác,
Song nhờ đó cấp dưỡng gia đình.
Khi nghe vua nói những lời này, người ấy đáp:

- Tiểu thần không có nhà cửa hay gia đình gì nữa, xin Chúa thượng cho phép tiểu thần được làm ẩn sĩ khổ hạnh.

Sau khi được vua chấp thuận, người ấy đem mọi vật vua ban thưởng trọng hậu ấy về cho vợ con, gia đình, xong rồi lại ra đi lên vùng Tuyết Sơn, nơi đây người ấy sống theo đời khổ hạnh, tu tập tám Thiền chứng và được sinh lên cõi Phạm Thiên.

Còn vua vẫn tuân hành lời giáo huấn của bậc Đại Sĩ, nên về sau lên cộng trú với hội chúng chư Thiên dục giới. Lời giáo huấn ấy tồn tại cả ngàn năm sau nữa.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư bảo:

- Như vậy, này các Tỳ kheo, xưa kia cũng như bây giờ, Ànanda hy sinh tính mạng vì Ta.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Lúc bấy giờ Channa (Xa nặc) là người thợ săn, Sàriputta (Xá Lợi Phất) là vua, một Tỳ kheo ni là hoàng hậu Khemà, hai người trong hoàng tộc là mẹ cha của chúa Hươu, Uppalavannà (Liên Hoa Sắc) là Sutanà, Ànanda la Citta, dòng họ Sàkya (Thích Ca) này là đàn hươu tám mươi ngàn con, và Ta chính là Lộc vương Rohanta.

-ooOoo-

502. Chuyện Chúa Thiên Nga (Tiền thân Hamsa)

Kìa đám hằng nga cất cánh bay....

Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm, về việc Tôn giả Ànanda hy sinh tính mạng.

Lúc ấy Tăng chúng đang bàn luận trong Chánh pháp đường về các đức tính của Tôn giả này thì bậc Đạo Sư bước vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì tại đó. Rồi ngài bảo:

- Này các Tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên Ànanda từ bỏ tánh mạng vì ta, mà xưa kia cũng đã làm như thế.

Và Ngài kể cho Tăng chúng một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ có một vị vua ngự trị tại thành Ba la nại mệnh danh là Bahuputtaka hay là Thân phụ của nhiều Vương tử và chánh cung hoàng hậu của ngài là Khemà (Thái Hòa).

Thuở ấy, bậc Đại Sĩ sống trên đỉnh núi Cittakuta, ngài là chúa tể của chín mươi ngàn Thiên nga, sau khi được sinh làm chim Thiên nga với màun lông vàng ánh.

Thuở ấy như đã thuật trước đây, chánh hậu nằm mộng và tâu vua rằng bà đã mang nỗi khát khao của một thai phụ muốn nghe một chim Kim nga thuyết Pháp. Khi vua hỏi xem có loài vật nào như chim Kim nga chăng, và ngài được báo tin là hiện có loài ấy trên núi Cittakùta. Sau đó ngài bảo xây cái hồ đặt tên là Khemà, lại truyền lệnh trồng đủ loại ngũ cốc làm thực phẩm, hằng ngày rao truyền khắp tứ phương ban bố lệnh bảo vệ hồ ấy, rồi phái một thợ săn đến bắt Thiên nga.

Người này được phái đi cách nào, người ấy canh chừng chim muông ra sao, tin tức được tâu trình vua khi bầy Thiên nga được xuất hiện như thế nào, cái bẫy được giăng theo kiểu gì và bậc Đại Sĩ bị mắc vào bẫy, rồi Đại tướng Thiên nga Sumukha (Sư mục kha) không thấy Ngài trong ba đàn chim kia, liền trở về tìm ngài ra sao, tất cả chi tiết này sẽ xuất hiện trong Tiền thân Mahàhamsa (Đại Thiên nga) số 534, tập VI, trong đó Chúa Thiên nga có tên Dhatarattha.

Bấy giờ ngay lúc bậc Đại Sĩ bị bắt vào thòng lọng và cây sáo, dù cho ngài đang treo lủng lẳng trong chiếc thòng lọng ở đầu cây sào, ngài cũng cố vươn cổ ra nhìn theo hướng bầy chim đã bay trốn mất và chợt thấy tướng Sumukha quay trở lại, ngài suy nghĩ: "Khi chim tướng đến đây, ta sẽ thử lòng chim tướng ấy xem sao". Vì thế khi chim kia đến, bậc Đại Sĩ ngâm ba vần kệ:

1- Kìa đám hồng nga cất cánh bay,
Cả bầy hốt hoảng hãi kinh đầy,
Đi ngay, Sư mục lông vàng óng,
Khanh muốn gì chăng ở chốn này.
2- Họ hàng ta đã bỏ rơi ta!
Bọn chúng đều cao chạy vút xa,

Đào tẩu ngay, không hề nghĩ lại,
Sao khanh đơn độc ở đây mà?
3- Thiên nga cao thượng hãy bay về,
Tù tội, thân không có bạn bè,
Lúc được tự do, Sư mục hỡi,
Bay đi! Đừng bỏ dịp may kề.
Nghe vậy, Tướng quân Sumukkha đáp lời lúc đang đậu trên vũng bùn:

4- Không, thần sẽ chẳng bỏ Nga vương,
Khi đến gần tai họa thảm thương,
Song ở lại đây, thần đã quyết
Bên ngài, dù sống chết không màng.
Như thế Sumukkha đã cất giọng sư tử hống và chúa chim Dhataratha đáp kệ này:

5- Những lời khanh nói thật anh hùng,
Đại tướng ôi, cao cả tấm lòng!
Vì muốn thử lòng hiền hữu đó,
Trẫm đà bảo bạn hãy phi thân!
Trong lúc hai vị đang trò chuyện với nhau như vậy, người thợ săn vừa tới nơi, cầm gậy trong tay, gã chạy như bay hết tốc lực. Sumukkha khuyến khích chúa chim Dhatarattha cho phấn khởi tinh thần, rồi bay ra đón người thợ săn, kính cẩn đề cao đức hạnh của chim chúa đàn. Lập tức tâm hồn người thợ săn trở nên nhu hòa. Sumukkha nhận thấy ngay điều này, liền quay lại, đứng cạnh chúa Thiên nga để khích lệ ngài phấn khởi tinh thần. Còn người thợ săn tiến đến gần chim chúa và ngâm vần kệ thứ sáu:

6- Bọn chúng đều co cẳng vút bay,
Bầy chim tung cánh giữa trời mây,
Thiên nga vương giả, sao chim chẳng
Trông thấy từ xa chiếc bẫy này?
Bậc Đại Sĩ đáp lại:

7- Khi đời sắp sửa phút lâm chung,
Giờ tử thần đang tiến lại gần,
Dù bạn đứng kề bên chiếc bẫy,
Cũng không thấy bẫy đặt, dây giăng!
Người thợ săn hài lòng với lời nhận xét của chim chúa, liền ngâm thêm ba vần kệ hỏi Sumukha:

8- Kìa đám hằng nga cất cánh bay,
Cả bầy hốt hoảng hãi kinh thay,
Còn Thiên nga có sắc vàng óng,
Bị bỏ rơi, còn nán đợi đây.

9- Cả đám hồng nga đã uống ăn,

Rồi bay về hết, chẳng quan tâm, Qua không gian chúng lao vùn vụt, Và bỏ mặc chim chỉ một thân!

10- Có gì quan hệ với chim này,
Khi cả đàn ruồng rẫy vụt bay,
Dù được tự do, chim ở lại,
Một mình kết bạn với kẻ tù đây?
Sumukha đáp lời:

11- Chim chúa là đây, bạn chí tình,
Thiết thân như chính cuộc đời mình,
Bỏ ngài ư?- Chẳng bao giờ có,
Dù lúc tử thần gọi đích danh!
Nghe thế, người thợ săn vô cùng hoan hỷ và nghĩ thầm: "Ví thử ta làm hại các sinh vật đức hạnh như thế này, chắc chắn mặt đất sẽ há miệng ra và nuốt chửng ta đi mất. Ta còn thiết gì đến ân thưởng vua ban nữa? Ta quyết thả chúng ra thôi".

Rồi gã ngâm kệ:

12- Thấy rằng vì trọng nghĩa thân bằng,
Chim sẵn sàng từ bỏ tấm thân,
Ta thả chúa chim đồng mệnh ấy
Để cùng nhau khắp chốn đằng vân.
Vừa nói lời này xong, gã kéo Nga vương Dhataratha xuống khỏi cây sào, nới lỏng dây thòng lọng ra và đem Thiên nga tới bờ hồ, rửa sạch máu trên thân chim với lòng đầy xót thương, rồi thoa bóp các bắp thịt cùng gân cốt bị trặc khớp lại cho đúng chỗ. Nhờ tâm từ ái của người thợ săn cùng uy lực các Công hạnh Viên mãn của bậc Đại Sĩ (Thập hạnh Ba la mật), nên lập tức chân ngài lành mạnh như trước, chẳng còn một dấu vết nào chứng tỏ ngài đã bị mắc bẫy cả. Tướng quân Sumukha chiêm ngưỡng bậc Đại Sĩ với lòng hân hoan và cảm tạ qua những lời này:

13- Lạp hộ, cùng thân hữu, họ hàng,
Cầu mong các vị phước ân tràn,
Như ta hạnh phúc khi nhìn ngắm
Chúa chim giờ đây thoát buộc ràng.
Khi người thợ săn nghe lời này, gã nói:

- Này hiền hữu, Ngài có thể bay đi rồi đấy.

Lúc ấy bậc Đại Sĩ bảo gã:

- Thưa Hiền giả, thế ngài đã bắt ta theo ý riêng của ngài hay do lệnh một người khác?

Gã liền kể cho ngài nghe mọi sự. Chim chúa tự hỏi nên trở về núi Cittakuta chăng hay đi vào kinh thành kia. Ngài suy nghĩ: "Nếu ta vào thành, thì người thợ săn sẽ được vua

ban thưởng, nỗi khao khát của hoàng hậu sẽ được thỏa mãn, tình bằng hữu của Sumukha sẽ được mọi người biết rõ, rồi cũng nhờ công đức trí tuệ của ta, ta sẽ được vua ban thưởng hồ Khemà như một đặc ân. Vậy ta vào thành thì hơn".

Quyết định xong ngài nói:

- Này thợ săn, bạn hãy mang chúng ta lên đòn gánh của bạn đưa vào yết kiến đức vua, và nếu ngài muốn, ngài sẽ thả ta ra.

-Này chúa chim ơi, tính vua chúa bạo tàn lắm, vậy các ngài cứ lên đường các ngài cho yên thân!

- Sao thế? Ta đã làm mềm lòng một thợ săn như Hiền giả, mà ta lại không chiếm được ân sủng của vua chúa kia ư? Cứ để việc ấy cho ta lo liệu, này bạn hữu, phần của ông bạn là mang chúng ta đến yết kiến đức vua.

Người ấy đành tuân lời.

Khi vua nhìn thấy đôi thiên nga, ngài rất đẹp ý. Ngài đặt đôi chim lên một cành đậu bằng vàng, bảo đem mật ong và hạt mễ cốc rang chín cùng nước đường lên mời đôi chim; sau đó ngài đưa đôi tay lên thỉnh cầu đôi chim thuyết Pháp. Nga vương thấy vua tha thiết nghe Pháp như thế, nên trước tiên ngài nói với vua bằng những lời lẽ nhu hòa êm ái.

Sau đây là các vần kệ trình bày câu chuyện giữa vua và Thiên nga chúa:

Thiên nga:

14- Đại vương, ngọc thể có khang an,
Quý quốc giờ đây có hưởng tràn
Hạnh phúc, giàu sang cùng thịnh vượng,
Và ngài trị nước thật công bằng!
Đức vua

15- Thiên nga, đây trẫm được khang an,
Và bổn quốc đây được vẹn toàn
Hạnh phúc, giàu sang cùng thịnh vượng,
Với nền cai trị thật công bằng.
Thiên nga:

16- Triều đình ngài chẳng phạm sai lầm,
Và đám quốc thù vẫn biệt tăm,
Bọn chúng chẳng bao giờ xuất hiện,
Khác nào bóng tối hướng Nam chăng?
Đức vua:

17- Triều thần trẫm chẳng thấy sai lầm,
Và đám quốc thù vẫn bặt tăm,

Bọn chúng chẳng bao giờ xuất hiện,
Khác nào bóng tối ở phương Nam!
Thiên nga:

18- Phải chăng chánh hậu cũng chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu, biết phục tòng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi Thánh ý chờ mong?
Đức vua

19- Thưa vâng, chánh hậu cũng chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu, biết phục tòng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi ý trẫm hằng mong!
Thiên nga:

20- Đại đế nuôi dân! Ngài có đông
Hoàng nam được dưỡng dục oai phong,
Thông minh ứng đối, người nhu thuận,
Bất cứ việc gì cũng gắng công?
Đức vua:

21- Nga vương, trẫm có đủ hoàng nam,
Nổi tiếng một trăm lẻ một chàng,
Dạy bảo chúng làm tròn phận sự,
Chúng không bỏ dở các lời vàng.
Nghe điều này bậc Đại Sĩ khuyến giáo hội chúng qua năm vần kệ:

22- Kẻ hoãn trì cho quá muộn màng
Thiện hành mà chẳng gắng công làm,
Dù nhiều đức tính, dòng cao quý,
Cũng vẫn chìm sâu xuống dưới dòng.
23- Người kia tri kiến cứ tàn dần
Tổn hại lớn lao, nó lãnh phần
Như kẻ quáng gà vì bóng tối,
Khi nhìn mọi vật hóa phồng căng,
Gấp đôi tầm cỡ thường nơi chúng,
Vì có nhãn quang chẳng vẹn toàn.

24. Ai nhìn hư vọng thấy toàn chân,
Chẳng đạt chút nào trí tuệ thông,
Như thể trên đường đèo lởm chởm,
Bầy hươu nai vẫn té nhào lăn.

25. Nếu người nào dũng cảm can cường,
Đức hạnh mến yêu, giữ đúng đường,
Dù chỉ là người dòng hạ liệt,
Cũng bừng lên tựa lửa đêm trường.
26. Cứ dùng ngay ví dụ trên này
Chân lý hiền nhân, hãy giải bày,
Dưỡng dục hoàng nam thành bậc trí,
Như mầm non gặp lúc mưa đầy.
Bậc Đại sĩ đã thuyết giáo như vậy cho vua suốt đêm ròng. Lòng khao khát của hoàng hậu đã được thỏa mãn. Trước buổi bình minh, ngài an trú vào Thập vương pháp và khuyên nhủ vua tinh cần cảnh giác, sau đó, ngài cùng tướng quân Sumukha bay ra khỏi khung cửa sổ hướng Bắc về miền núi Cittakùta.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

- Như vậy, này các Tỷ-kheo, trước kia người này cũng đã hy sinh tính mạng vì Ta.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Channa (Xa-nặc) là người thợ săn, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là vua, một Tỷ-kheo-ni là hoàng hậu Khemà, bộ tộc Thích-ca (Sàkya) là đàn thiên nga, Ànanda là Sumukha và Ta chính là Thiên nga vương.

-ooOoo-

503. Chuyện anh vũ Sattigumba (Tiền thân Sattigumba)

Vua xứ Pãn-ca với đạo quân..,

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Lộc-uyển Maddakucchi về Devadatta (Đề-bà-đạt- đa).

Khi Đề-bà-đạt-đa xô tảng đá lớn và một mảnh đâm vào chân của đức Thế Tôn khiến chân ngài rất nhức nhối, nhiều nhóm Tăng chúng họp lại đến viếng đức Như Lai. Bấy giờ, lúc đức Thế Tôn thấy quần chúng tụ họp đầy đủ, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, nơi đây đông đảo lắm. Dân chúng sẽ tụ tập nhiều nữa. Vị nào hãy dùng cái cáng khiêng ta đến Maddakucchi.

Các Tỷ-kheo liền làm theo đúng như vậy. Còn Tôn giả Jìvaka chữa cho chân đức Như Lai bình phục. Khi ngồi trước bậc Đạo sư, Tăng chúng nói về chuyện này:

- Đề-bà-đạt-đa là một kẻ ác và toàn thể hội chúng của ông đều là bọn người ác, kẻ gây ác nghiệp thường thân cận với lũ ác nhân.

Bậc Đạo sư hỏi:

- Này các Tỷ-kheo, các ông nói chuyện gì vậy?

Tăng chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

- Đây không phải là lần đầu tiên, ác nhân Đề-bà-đạt-đa thân cận với bọn ác, mà xưa kia cũng vậy.

Sau đó Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, có một vị vua mệnh danh là Pancàla ngự trị trong kinh thành Uttarapancàla. Còn bậc Đại sĩ được sinh làm vương tử của Anh vũ vương trong khóm cây bông vải mọc trên cao nguyên giữa lòng một khu rừng rậm: nhà có tất cả hai anh em trai. Ngược chiều gió với vùng đồi núi này là một làng trộm cướp, có năm trăm tên cướp trú ngụ. Thuận chiều gió núi rừng lại là một vùng ẩn am với năm trăm vị hiền nhân.

Vào thời kỳ loài chim Anh vũ thay lông, một cơn lốc cuốn đi mất một chim Anh vũ và rớt vào làng trộm cướp kia, nằm giữa đống vũ khí của bọn cướp, và do chim rớt vào đó nên bọn chúng gọi nó là Sattigumba hay "Gươm giáo tua tủa". Còn con chim kia rơi vào am ẩn sĩ, giữa đám hoa mọc trên chỗ đất cát, vì lý do đó nó được đặt tên là Pupphaka hay Hoa điểu. Thế là chim Sattigumba lớn lên giữa bọn cướp, còn Pupphaka sống với các hiền nhân.

Một ngày kia, vua phục sức oai nghi sang trọng cầm đầu một đám tùy tùng đông đảo ngự trên vương xa lộng lẫy để đi săn hươu nai. Không xa kinh thành mấy, vua vào rừng cây xinh tươi tràn đầy hoa quả. Vua phán:

- Nếu kẻ nào để cho một con nai thoát đi do lỗi mình thì phải lãnh trách nhiệm ấy!

Sau đó vua xuống xa giá tìm nơi ẩn mình, đứng yên với cung trong tay, dưới túp lều dành cho ngài.

Bọn người xua dã thú, đập vào các bụi rậm để đuổi con mồi. Một con hươu liền vùng dậy tìm đường thoát thân, nó thấy một kẽ hở ở cạnh vua, liền chui lọt qua đó biến mất. Mọi người hỏi nhau:

- Ai đã để con hươu chạy thoát? Chính là đức vua rồi!

Nghe vậy cả bọn cười nhạo vua, và vì lòng tự kiêu ngài không chịu được trò đùa này:

- Nay ta phải bắt cho được con hươu!

Vua kêu lớn và nhảy lên xe.

- Nhanh lên!

Ngài bảo người quản xa và ngài vụt biến mất theo con hươu.

Vua đi nhanh quá khiến bọn kia không theo kịp ngài, chỉ có vua và viên quản xa, hai người này cứ tiến lên đến giữa trưa, song chẳng gặp hươu đâu cả. Sau đó vua trở lại và khi thấy cạnh làng bọn cướp có một thung lũng đẹp mắt, ngài đi xuống tắm rửa, uống nước rồi đi lên khỏi con suối.

Sau đó người quản xa lấy tấm thảm từ trong vương xa ra trải dưới bóng cây, vua nằm trên đó, người quản xa ngồi dưới chân vua xoa bóp: vua cứ thức ngủ chập chờn. Dân chúng trong làng bọn cướp và cả bọn cướp nữa, đều đã vào rừng để chầu vua, vì thế trong làng không còn ai ngoài Sattigumba và người đầu bếp tên là Patikolamba.

Vào lúc ấy, Sattigumba bước ra khỏi làng và khi thấy vua, nó liền suy nghĩ: "Giá ta giết chết người kia đang nằm ngủ và lấy hết đồ trang sức ấy nhỉ?". Vì thế nó trở lại gọi Patikolamba và kể cho gã nghe mọi sự việc.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm năm vần kệ:

1. Vua xứ Pãn-ca với đạo quân
Lên đường săn bắn lũ nai rừng,
Trong rừng sâu thẳm vua đi lạc,
Chẳng có một ai ở kế gần.
2. Kìa, ngài trông thấy ở trong rừng
Bọn cướp đã làm chốn ẩn thân,
Anh vũ, một chim đang tiến bước,
Tức thì lời ác nó kêu vang:
3. "Ngồi trên xe nọ, một nam trang,
Châu báu nhiều sao, lắm ngọc vàng,
Vương miện trên đầu vàng óng ánh
Chiếu hồng như thể ánh trời quang!
4. Ngự quan cùng chúa ngủ say sưa,
Nằm đó lúc trời nắng giữa trưa,
Ta hãy cướp ngay đồ báu vật,
Nhanh lên, cất dấu hết bây giờ!
5. Cảnh lặng yên như lúc nửa đêm, Ngự quan cùng chúa ngủ nằm yên,

Bạc vàng châu báu, nào ta lấy, Giết họ, rồi ta chất củi lên!".

Nghe nói vậy, người kia bước ra khỏi nhà, khi nhìn thấy đó chính là vua, gã kinh hãi và ngâm kệ này:

6. Này Sat-ti, có phát điên khùng?
Lời lẽ nào nghe mới nói chăng?
Vua chúa giống như vầng lửa cháy,
Vô cùng nguy hiểm, nếu ta gần.
Chim đáp lại qua kệ khác:

7. Ngu dại Pa-ti nói chuyện này
Và ông điên, chẳng phải ta đây,
Mẹ ta trần trụi, sao khinh bỉ
Nghề nghiệp nhà ta sống thuở rày?

Bây giờ vua thức dậy, và khi nghe chúng nói chuyện với nhau bằng tiếng người, nhận thấy nguy hiểm, ngài ngâm kệ sau để đánh thức người lái xe:

8. Dậy mau, hiền hữu quản xa này,
Vào cỗ xe, nào thắng ngựa ngay,
Chỗ khác, ta tìm nơi ẩn náu,
Vì ta chẳng thích chú chim đây.
Gã liền vùng dậy, thắng đôi ngựa vào xe, rồi ngâm kệ nữa:

9. Xa mã thắng rồi, tâu Đại vương!
Sẵn sàng đã buộc đủ dây cương,
Đại vương, xin ngự vào xa giá,
Nơi khác, ta tìm để náu nương.
Vua vừa ngự vào trong xe thì đôi tuấn mã thuần chủng đã lao vút nhanh như gió. Khi chim Sattigumba thấy xe vua đi xa rồi, lòng dao động nôn nao, nó liền ngâm hai vần kệ:

10. Này đi đâu cả đám râu mày,
Họ vẫn thường lai vãng chốn đây?
Vua nước Pãn-cà vừa chạy mất,
Chúng không thấy nữa, hãy đi ngay!
11. Vua ấy thoát thân có được chăng?
Hãy cầm lao, dáo với tên, cung;
Kìa Pãn-ca chúa vừa bay mất,
Này, chớ cho vua ấy thoát thân!
Con chim nói huyên thiên như thế, đạp cánh xào xạc bay lui bay tới đầy vẻ bồn chồn. Trong lúc ấy, vua vừa thì giờ đến am ẩn sĩ của các hiền nhân. Vào lúc này, các vị ấy đã ra đi kiếm củ quả rừng, chỉ còn một mình chim Anh vũ Pupphaka ở trong am. Khi chim thấy vua, liền ra chào đón ngài và nói chuyện với ngài rất cung kính tao nhã.

Lúc ấy bậc Đạo sư ngâm bốn vần kệ:

12. Chim Anh vũ với mỏ tươi hồng
Cung cách ân cần đã nói năng:
"Vạn tuế Đại vương! Duyên hạnh ngộ
Đưa đường ngài ngự đến đây chăng!
Vinh quang Đại đế đầy uy lực,
Chúa thượng cần gì phải giáng lâm?
13. Tin-dook, Pi-yal, các lá cây,
Cùng Ka-su quả ngọt ngào thay,
Dù còn ít ỏi, tâu Hoàng thượng,
Chọn thức tối ưu, đó sẵn bày.
14. Nước mát từ hang núi thật sâu

Ẩn mình bên dưới ngọn đồi cao,
Oai hùng Đại đế, tâu ngài ngự,
Ẩm thức tùy nghi thỏa khát khao.
15. Mọi người đang lượm trái trong rừng,
Các vị nơi này vẫn trú thân,
Xin Chúa đích thân cầm ngự thiện,
Tay thần chẳng có để cung dâng!"
Vua rất đẹp ý khi nghe lời nói tao nhã lịch thiệp này, liền đáp qua lời đôi vần kệ:

16. Chưa có chim nào ưu tú hơn,
Trên đời, Anh vũ quả thuần chơn,
Còn chim Anh vũ đằng kia ấy
Đã nói bao điều thật ác ngôn:
17. "Đừng để nhà vua chạy thoát thân,
Đến mau! Trói giết!" nó kêu vang,
Trẫm đi tìm đến am tu sĩ
Và thấy nơi này chốn vạn an.
Khi được vua bảo như thế, Hoa Điểu Pupphaka ngâm đôi vần kệ:

18. Đại đế! Chúng thần chính đệ huynh, Cùng chung một mẹ đã khai sinh, Cưu mang đôi trẻ trên cây nọ,

Song chốn khác nhau đã trưởng thành.

19. Vì Sat-ti đến bọn cường gian,
Còn tiểu thần đi đến trí nhân,
Ác nọ, thiện đây, từ chỗ đó
Phát sinh lề thói chẳng cùng đàng.
Sau đó, Anh vũ giải thích đầy đủ chi tiết những sự khác nhau bằng cách ngâm vần kệ:

20. Đâm chém, xích xiềng, kế bất lương,
Những hành vi bịp bợm, tồi tàn,
Bao nhiêu bạo động và xung kích,
Chính đó là môn nó sở trường.
21. Còn đây tiết độ, tự điều thân,
Nhân ái, công bằng với chánh chân,
Lữ khách uống ăn cùng trú ẩn,
Quây quần thần lớn giữa hiền nhân.
Tiếp theo chim lại thuyết Pháp cho vua qua các vần kệ sau:

22. Đối với ác nhân hoặc thiện nhân
Mà người ta kính trọng tôn sùng,
Cho dù ác độc hay hiền đức,

Cũng khiến kẻ kia phải phục tùng.
23. Khi ta ngưỡng mộ bạn tâm đồng,
Như một người tri kỷ, bạn lòng,
Người ấy sẽ đồng hành, kế cận
Bên mình ta đến phút sau cùng.
24. Tình bạn kết giao thấm nhiễm dần,
Chuyện này ngài thấy quả là chân:
Cứ ngâm thuốc độc vào tên bắn,
Vỏ bọc cũng thành nhiễm độc luôn.
25. Người trí tránh bầu bạn ác nhân,
Vì e ô nhiễm chạm vào thân:
Cá ươn, cứ gói trong chùm cỏ,
Sẽ thấy cỏ kia cũng thối nồng,
Những kẻ kết giao phường trí độn
Chính mình cũng sẽ hóa ngu đần.
26. Lá kia đem gói gỗ trầm hương, Ngọn là liền thơm ngát dịu dàng, Cũng vậy, nhiều người thành có trí,

Khi ngồi chầu các bậc hiền nhân.

27. Nhờ ví dụ này bậc trí nhân
Phải am tường lợi lạc riêng phần:
Tránh xa bầu bạn phường gian ác,
Và sánh vai cùng bậc chánh chân,
Thiên giới đợi chờ người chánh hạnh.
Đọa vào ngục tối bọn tà gian.
Vua rất hoan hỷ với bài thuyết giảng này. Kế đó các bậc trí giả từ rừng trở về. Vua đảnh lễ các vị và nói:

- Cầu mong các Tôn giả tỏ lòng từ bi hạ cố đến an trú trong ngự viên của trẫm.

Và ngài đã thuyết phục được các vị nhận lời mời. Khi hồi cung vua liền ban bố lệnh thả hết mọi Anh vũ. Còn các bậc trí nhân vẫn đến yết kiến vua. Ngài tặng các vị khu vườn thượng uyển để trú ngụ và chăm nom các vị rất chu đáo trong thời gian ngài còn tại thế. Sau khi mạng chung ngài lên cộng trú với hội chúng chư Thiên, hoàng thái tử của ngài được quần thần giương chiếc lọng hoàng gia lên đầu làm lễ phong vương, và vị tân vương này cũng chăm sóc các hiền nhân và cứ thế cha truyền con nối suốt bảy đời vua đều bố thí cúng dường rất rộng rãi. Còn bậc Đại sĩ an trú trong rừng cho đến khi mạng chung liền đi theo nghiệp của mình.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

- Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông thấy xưa kia Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) cũng thân cận bạn ác như bây giờ.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Đề-bà-đạt-đa là Sattigumba, đám tùy tùng của kẻ ấy là bọn cướp, Ànanda là vua, hội chúng của đức Phật là các trí giả, và Ta là Anh vũ Pupphaka.

-ooOoo-

Chương XV (tt)

504. Chuyện Đại vương Bhallàtiya (Tiền thân Bhallàtiya)

Ngày xưa có đại đế Bhal-là..,

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về hoàng hậu Mallikà (Mạt-lợi) tức Nương tử Vũ Quý Hoa.

Một buổi kia, chuyện kể rằng có việc xích mích giữa hoàng hậu và vua về quyền lợi trong đời sống nội cung, vua nổi giận và không muốn nhìn mặt bà. Bà suy nghĩ: "Ta chắc đức Như Lai không biết đức vua đang giận hờn ta".

Khi bậc Đạo sư biết chuyện ấy, ngày hôm sau, Ngài đi vào khất thực tại Ba-la-nại có Tăng chúng theo hầu, rồi đến tận cung môn. Vua bước ra đón ngài và cầm lấy bình bát của Ngài, vừa rước Ngài lên thượng lầu, mời Tăng chúng ngồi theo thứ tự thích hợp, rồi dâng nước chào mừng cùng với thực phẩm thượng vị. Sau buổi cơm, vua ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

- Tại sao hoàng hậu Mallikà không đến?

Vua đáp: - Chỉ vì lòng kiêu mạn ngu si về cảnh vinh quang của bà ta đấy.

Bậc Đạo sư bảo:

- Này Đại vương, xưa kia, đã lâu lắm rồi, khi Đại vương còn là một tiên nam, Đại vương rời xa bạn đời của mình chỉ một đêm thôi mà về sau cứ mãi thương tiếc cả bảy trăm năm đó.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, có một vị vua tên là Bhallatiya trị vì tại Ba-la-nại. Do nỗi say mê món thịt nai rừng bốc khói trên hỏa lò lôi cuốn, ngài giao phó vương quốc cho các đại thần, rồi trang bị đủ năm thứ vũ khí cùng một bầy chó săn thông minh tinh luyện, ngài lên xa giá rời kinh tiến về vùng Tuyết Sơn. Ngài cứ du hành dọc theo sông Hằng mãi tận nơi không còn lên cao được nữa, liền đi theo một phụ lưu thêm vài đoạn đường, vừa giết nai, lợn rừng vừa thưởng thức món thịt nướng kia, cho đến khi ngài trèo tận một đỉnh cao.

Nơi đó có một con suối đầy thi vị chảy xuống khắp vùng, nước cao lên tận ngực, song vào các mùa khô ráo chỉ gần đến đầu gối. Lúc ấy các đàn cá rùa, đủ loại tung tăng, dải cát dưới nước sáng loáng như bạc, cây cối hai bên bờ rủ xuống nặng trĩu hoa trái, chim chóc, ong bướm say sưa hút nước trái chín và mật ong, bay lượn dưới bóng cây râm mát, nơi đây từng đàn hươu nai đủ loại vẫn lai vãng luôn. Bấy giờ trên bờ suối xinh đẹp này có đôi tiên đang ôm chặt nhau, âu yếm vuốt ve nhau rồi bỗng tiếng khóc than rền rĩ vô cùng thảm thiết.

Trong lúc vua trèo lên đỉnh Gandhamàdana (Hương Sơn) men theo dòng suối này, ngài chợt nhận thấy đôi tiên kia. "Tại sao họ cứ khóc than rền rĩ như thế này?", ngài suy nghĩ, "Ta muốn hỏi xem sao". Ngài chỉ cần liếc bầy chó săn và búng ngón tay, bầy chó thuần chủng thấy dấu hiệu này là hiểu ngay phần việc của chúng, liền bò vào dưới bụi rậm và nằm sát đất. Vừa khi ngài đã thấy chúng đã khuất dạng, ngài đặt cung tên cùng các vũ khi kia cạnh gốc cây gần đó và rón rén đi nhẹ nhàng đến gần đôi tiên để khỏi ai nghe lọt bước chân, rồi ngài cất tiếng hỏi:

- Tại sao các ngươi than khóc?

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm ba vần kệ:

1. Ngày xưa có đại đế Bhal-là,
Ngài vẫn đi săn bắn thật xa,
Trèo tận Hương Sơn và chợt thấy
Đầy hoa nở rộ với yêu ma.
2. Ngài truyền bầy chó thảy nằm yên,
Đặt các cung tên xuống đất liền,
Tiến bước để đưa lời ướm hỏi,
Chốn kia vừa thấy cặp thần tiên:
3. "Đông đã qua, sao lại trở về
Hàn huyên tâm sự cạnh sơn khê?
Các ngươi sao giống phàm nhân quá,
Người gọi loài gì, nói trẫm nghe".
Nghe vua hỏi, vị tiên nam không nói gì, nhưng tiên nữ đáp lại như sau:

4. Tam đỉnh, Hoàng Sơn, núi Mã-la,
Chúng thần men suối mát, băng qua,
Thú rừng cứ tưởng là người thật,
Song bọn đi săn gọi quỷ ma.
Kế đó vua ngâm ba vần kệ:

5. Các ngươi âu yếm tựa tình nhân,
Song lại khóc than thật não nùng,
Tiên chúng giống như người thế tục,
Cớ sao than khóc, hãy phân trần!

6. Các ngươi mơn trớn tựa uyên ương,
Song khóc đầy ai oán thảm thương,
Đôi lứa khác nào người thế tục,
Sao sầu đau thế? Nói cho tường!
7. Như các tình nhân, cứ vuốt ve,
Song lời than khóc thật lê thê,
Các ngươi trông giống người trần tục,
Sao quá bi ai? Nói trẫm nghe!
Các vần kệ sau là do đôi bên đối đáp nhau:

Tiên nữ:

8. Chàng, thiếp một đêm cách biệt nhau,
Không tình ân ái, nặng u sầu,
Tương tư, song chẳng bao giờ có
Đêm ấy trở về được nữa đâu.
Quân vương:

9. Sao nằm đêm ấy quá cô đơn,
Đã khiến ngươi rền rĩ tiếc thương?
Đôi trẻ giống như người thế tục
Mất tiền, hay lão phụ từ trần?
Tiên nữ:

10. Đằng kia, bóng mát, suối tuôn ra,
Giữa đá, rồi cơn bão thổi qua,
Vì quá lo âu tìm kiếm thiếp,
Nên tình quân đã lội qua bờ.
11. Trong lúc đôi chân thiếp rộn ràng,
Thiếp đi tìm cỏ nội hoa ngàn,
Làm vòng đeo, tặng chàng yêu dấu
Và thiếp, vừa khi gặp lại chàng.
12. Kết bó chuông vàng, đồng thảo xanh,
Thủy tiên trắng mát đượm sương lành
Cho chàng yêu cả vòng hoa cổ
Cùng thiếp, vừa khi gặp bạn tình.
13. Rồi sau thiếp hái bó hoa hồng
Là thứ hoa xinh đẹp nhất vùng,
Để kết liền cho chàng với thiếp
Vòng hoa đeo cổ, lúc tương phùng.
14. Kế hoa là lá, thiếp đi tìm
Về trải đầy trên mặt đất mềm

Nơi suốt đêm trường chung gối mộng,
Uyên ương thiêm thiếp giấc nồng êm.
15. Gỗ quế, trầm hương kế tiếp liền
Đặt trên hòn đá, thiếp đâm nghiền,
Làm hương tắm khắp chàng yêu dấu
Và thiếp, mùi hương cực diệu huyền!
16. Đứng bên bờ suối chảy tuôn dòng,
Thiếp hái hoa sen mãi đến cùng:
Chiều xuống, suối kia tràn khắp chốn,
Muốn sang bờ nọ, hết chờ mong!
17. Đành đứng cả hai ở mỗi bờ, Nhìn nhau tha thiết, ngóng ngang qua,

Ôi, bao tiếng khóc cười đôi ngả, Đêm ấy cùng đau đớn xót xa!

18. Sáng lại, vừng đông đã mọc cao,
Khi nhìn con suối cạn khô mau,
Thiếp, chàng vội bước, ôm nhau chặt,
Lập tức cùng cười, khóc với nhau!
19. Gần bảy trăm năm chỉ thiếu ba,
Từ khi chàng, thiếp phải chia xa,
Tim yêu tan nát sầu ly biệt,
Dằng dặc tưởng chừng trọn kiếp qua!
Quân vương:

20. Đời người kỳ hạn đến bao giờ?
Nếu chuyện này truyền lại thuở xưa,
Hoặc giả theo lời nhiều trưởng lão,
Thì đừng sợ hãi, nói cùng ta.
Tiên nữ:

21. Một ngàn mùa hạ thắm, an khương,
Chẳng chịu nhiều đau khổ đoạn trường,
Ít gặp ưu sầu, đầy cực lạc,
Suốt đời ngập hạnh phúc yêu đương!
Khi vua nghe vậy, ngài suy nghĩ: "Các sinh vật này thấp kém còn hơn loài người, thế mà vẫn khóc than mãi suốt bảy trăm năm ròng chỉ vì một đêm xa cách nhau, huống hồ ta đây, chúa tể cả một quốc độ rộng ba trăm dặm, lại đành bỏ hết cả vinh quang huy hoàng ấy đằng sau để phiêu bạt trong chốn núi rừng hoang dã. Thật là một sai lầm nghiêm trọng".

Ngài liền quay về lập tức. Khi đến thành Ba-la-nại, triều thần hỏi ngài có thấy việc gì hi hữu ở vùng Tuyết Sơn chăng, ngài kể cho hội chúng nghe toàn thể câu chuyện kỳ dị kia, rồi từ đó về sau ngài thực hành bố thí và an hưởng cảnh vinh hoa của mình.

Để giải thích việc này bậc Đạo sư ngâm vần kệ sau:

22. Nhờ được đôi tiên khuyến bảo vầy,
Đại vương trở lại bước đường ngay,
Bỏ săn, cấp dưỡng người nghèo túng,
An hưởng tháng ngày lướt nhẹ bay.
Và Ngài ngâm thêm hai vần kệ nữa:

23. Rút ra bài học của tiên kia, Đừng cãi nhau, mà sửa thói lề,

Kẻo các ngài sầu như bọn chúng Suốt đời, vì chính bởi lầm mê.

24. Lấy ngay bài học tự đôi tiên,
Đừng khấu tranh, mà sửa thói quen,
Kẻo chịu đau buồn như bọn chúng
Suốt đời, vì chính lỗi lầm riêng.
Bấy giờ hoàng hậu Mallikà đứng dậy từ bảo tọa khi bà nghe đức Như Lai thuyết giáo, rồi bà chấp hai tay đảnh lễ Ngài rất cung kính, trong lúc bà ngâm vần kệ cuối cùng:

25. Giờ đây kính bạch Thánh nhân,
Với lòng nhu thuận phục tuân sẵn sàng,
Con nghe được các lời vàng,
Tràn đầy thiện ý, chứa chan nhân từ,
Muôn vàn phước đức Tôn Sư!
Ngài vừa khuyến nhủ, ưu tư trút liền!
Từ đó về sau, vua xứ Kosala chung sống sắt cầm hòa hợp với hoàng hậu mãi mãi.

*

Khi Pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, vua xứ Kosala là vị tiên nam, hoàng hậu Mallikà là tiên nữ và Ta chính là vua Bhallàtiya.

-ooOoo-

505. Chuyện vương tử hoan lạc (Tiền thân Somanassa)

Kìa ai phá hoại hoặc khinh chê..,

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về cách Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) dự định sát hại Ngài. Sau đó bậc Đạo sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Đề-ba-đạt-đa tìm cách sát hại Ta, mà trước kia cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài kể cho Tăng chúng nghe một câu chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, trong quốc độ Câu-lâu (Kuru) và kinh thành Uttarapãncàla, có vị vua ngự trị với danh hiệu Renu. Lúc ấy có một ẩn sĩ khổ hạnh tên là Mahàrakkhita, sống ở vùng Tuyết Sơn cùng hội chúng năm trăm vị tu khổ hạnh khác. Trong lúc xuống vùng đồng bằng để xin muối và gia vị, vị tu khổ hạnh ấy đến xứ Uttarapancàla và cư trú trong ngự viên.

Cùng với hội chúng mình đi khất thực, vị ấy đến tận cung môn, và khi vua chiêm ngưỡng các hiền nhân, ngài rất đẹp lòng về cung cách của các vị, nên mời ngồi trên bảo tọa lộng lẫy, rồi cúng dường cao lương mỹ vị các vị dùng. Vua lại mời các vị an cư trong ngự viên suốt mùa mưa. Ngài rước các vị vào trong vườn ngự, cung cấp đủ nơi chốn để an trú, cùng các vật cần dùng cho đời sống tu hành, xong rồi từ giã. Sau đó các vị đều ăn uống trong cung vua. Bấy giờ vua không có con và đang ước mong sinh được hoàng nam, song chẳng có vương tử nào ra đời cho ngài cả.

Khi mùa mưa qua rồi, vị ẩn sĩ Mahàrakkhita nói:

- Nay vùng Tuyết Sơn xinh tươi dễ chịu lắm, ta hãy trở về đó.

Rồi vị ấy tạ từ vua, ngài liền tỏ bày đủ mọi cách tôn vinh trọng vọng rất hào phóng đối với các hiền nhân, xong hội chúng ra đi. Trên bước du hành, vào đúng ngọ, vị ấy rời đường cái cùng hội chúng của mình ngồi xuống trên thảm cỏ êm ái dưới bóng cây râm mát.

Các vị khổ hạnh kia bắt đầu đàm đạo. Họ nói:

- Nay không có hoàng nam trong cung để nối nghiệp hoàng gia. Nếu vua có được một vương tử thì thật là điều vạn phúc để kế tục vương nghiệp.

Mahàrakkhita nghe lời hội chúng nói chuyện, liền suy nghĩ: "Vua này có sinh được hoàng nam hay chăng?". Rồi vị này nhận xét thấy rằng vua sẽ có một hoàng nam, vội bảo:

- Này các Hiền giả, các bạn đừng lo lắng gì, đêm nay lúc rạng đông một đấng thiên tử sẽ giáng trần, và sẽ nhập mẫu thai của chánh hậu.

Một vị tu khổ hạnh giả danh nghe được chuyện ấy, nghĩ thầm: "Nay ta muốn trở thành người tâm phúc của hoàng gia".

Khi đến thời hội chúng khổ hạnh phải lên đường, vị ấy liền nằm xuống giả vờ lâm bệnh.

- Mau lên, ta cùng đi.

Hội chúng bảo nhau.

Người kia đáp:

- Đệ không đi nổi.

Sau đó Hiền giả Mahàrakkhita biết được tin vì sao người ấy phải nằm yên tại chỗ.

- Hễ khi hiền hữu đi được thì hãy theo chúng ta ngay. Ngài bảo.

Rồi ngài cùng các hiền nhân kia tiến về Tuyết Sơn.

Bấy giờ kẻ lừa dối ấy liền ra sức chạy thật nhanh đến đứng tại cửa cung, dâng sớ tâu rằng có một người tùy tùng của Hiền giả Mahàrakkhita đến chầu. Kẻ ấy được vua triệu vào ngay lập tức và

bước lên thượng lầu ngồi xuống sàn tọa đã được mời. Vua chào mừng kẻ ấy rồi ngồi xuống một bên, hỏi thăm sức khỏe của chư hiền. Ngài bảo:

- Tôn giả trở lại quá sớm. Thế vì nguyên cớ gì Tôn giả vội vàng quay lại đây?

- Tâu Đại vương - kẻ ấy đáp - trong lúc chư hiền đang ngồi thong dong cùng nhau, hội chúng bắtđầu nói chuyện nếu đức vua sinh được hoàng nam để kế nghiệp thì thật là điều đại phúc. Khi tiểu thần nghe thế, liền suy ngẫm xem Đại vương có sinh được hoàng nam không, thì nhờ thiên nhãn, thần thấy được một vị thiên tử vĩ đại sắp giáng trần và vị ấy sẽ nhập vào mẫu thai của chánh hậu Sudhamma. Rồi thần suy nghĩ: "Nếu họ không biết, họ có thể vô tình phá hoại bào thai ấy, vậy thì ta phải thông báo cho họ biết". Và thế là vì để trình Đại vương về tin ấy, nên hạ thần đến đây, tâuĐại vương. Nay hạ thần đã tâu trình xong, xin cho hạ thần lên đường.

- Không, không, này hiền hữu, không thể như vậy được.

Vua vô cùng hơn hỷ đem kẻ lừa gạt kia vào ngự viên ban cho ông một nơi an trú. Từ đó về sau ông sống trong cung vua, được dâng món ngự thiện tại đó và được mệnh danh là Dibbacakkuka hay là Thiên nhãn Đạo nhân.

Sau đó, Bồ-tát từ cõi trời Ba mươi ba giáng trần, nhập mẫu thai của chánh hậu và khi ngài ra đời, triều thần đặt tên ngài là Somanassa Kumara hay là Vương tử Hoan Lạc, rồi ngài được nuôi nấng theo cung cách của vua chúa.

Bấy giờ vị tu khổ hạnh giả hiệu ở trong góc vươn ngự thường trồng rau đậu, củ, quả; rồi đem bán cho người trồng rau ở chợ nên kiếm được nhiều tiền bạc. Khi Bồ-tát lên bảy, ở biên thùy có xảy ra bạo loạn. Vua ra đi dẹp giặc, giao phó vị tu khổ hạnh Dibbacakkhuka ấy cho thái tử chăm sóc và dặn không được xao nhãng vị ấy.

Một ngày kia, thái tử đến thăm vị ẩn sĩ. Ngài thấy ông mang cả hai chiếc y vàng, buộc chặt thượng y lẫn hạ y, hai tay cầm hai bình nước tưới cây, ngài nghĩ thầm: "Lão tu hành giả hiệu này lo làm vườn chứ chẳng lo làm phận sự tu hành". Ngài liền hỏi:

- Ông đang làm gì thế, này kẻ làm vườn phàm tục kia?

Ngài làm nhục ông như vậy và bỏ về chẳng chào hỏi gì ông cả. Ông suy nghĩ: "Nay ta đã khiến thằng bé này thành kẻ thù của ta rồi, ai biết được nó sẽ làm gì cơ chứ? Ta phải tiêu diệt nó ngay lập tức".

Vào lúc vua sắp hồi cung, ông ta ném chiếc trường kỷ bằng đá sang một bên, đập bể vụn bình bát, rải cỏ rác khắp am thất, lấy dầu bôi khắp người, rồi vào am nằm trên nệm rơi kia, trùm kín mít từ đầu đến chân, làm ra vẻ đau đớn lắm.

Vua đã hồi loan, xa giá diễu quanh kinh thành theo hướng bên hữu, song trước khi vào nội cung, ngài đến thăm vị thần hữu Dibbacakkhuka ấy. Vừa đứng bên cửa am, ngài đã thấy cảnh bừa bãi kia, liền bước vào mà không biết việc gì xảy ra. Còn kẻ đó đang nằm dưới đất. Vua xoa bóp chân ông và ngâm vần kệ đầu:

1. Kìa ai phá hoại hoặc khinh chê?
Sao khổ buồn, ngài quá ủ ê?
Thương khóc mẹ cha ai đó vậy?
Đất này ai lại xuống nằm lê?
Nghe lời này, kẻ bịp bợm kia liền vùng dậy rên rỉ, đáp vần kệ thứ hai:

2. Hân hoan thần bái kiến long nhan,
Xa cách từ lâu, tấu Đại vương!
Thái tử vừa đi thăm lão đó,
Chẳng ai khiêu khích, lại làm càn!
Các vần kệ sau đây theo mạch lạc rõ ràng, được sắp đặt đúng với diễn biến của câu chuyện:

3. Ô kìa, đao phủ, hãy xem nào!
Thị giả, đưa trường kiếm lại mau!
Giết chết So-ma, hoàng thái tử!
Đem đầu cao quý đến đây giao!
4. Sứ giả nhà vua bước vội vàng,
Đến cung hoàng tử, họ kêu ran:
"Phụ vương đã bỏ hoàng nam đó!
Điện hạ ôi, ngài phải chết oan!".
5. Hoàng tử đứng kia cũng khóc than,
Vòng đôi tay lại, khẩn cầu ân:
"Xin tha mạng trẻ trong giây lát,
Đem trẻ đi nhìn mặt phụ vương?"
6. Nghe lời thỉnh nguyện tự nơi chàng,
Họ dẫn hoàng nhi đến phụ hoàng,
Hoàng tử từ xa nhìn đại đế,
Chàng liền tâu vậy với nghiêm đường:
7. "Quân sĩ cứ mang kiếm chém đầu,
Song nghe con trẻ trước, muôn tâu,
Xin cho con rõ, tâu Hoàng thượng,
Con đã làm nên tội lỗi nào?".
Vua cha đáp:

- Hoàng triều đang suy sụp điêu tàn: tội của con làm trọng đại lắm.

Rồi vua giải thích qua vần kệ:

8. Sáng chiều kéo nước, bậc hiền nhân Ngọn lửa chăm nom, chẳng chút ngừng,

Hãy trả lời ta, sao lại dám Gọi ngài thánh thiện kẻ phàm trần?

Vương tử đáp:

- Tâu Chúa thượng, nếu thần nhi gọi một kẻ phàm tục là một kẻ phàm tục thì có hại gì đâu?

Rồi chàng ngâm kệ:

9. Lão có nhiều cây với trái đầy,
Phụ vương xem đủ sắn khoai này
Chăm nom chúng, lão không ngừng nghỉ,
Lão chính phàm nhân, trẻ nói ngay.
Hoàng tử nói tiếp:

- Và đó là lý do con gọi lão là người phàm tục. Nếu phụ vương không tin con, xin cứ hỏi thăm những người trồng rau ở bốn cổng thành thì rõ.

Vua cha truyền đi điều tra việc ấy. Dân chúng đáp:

- Thưa vâng, chúng thần đã mua của vị ấy đủ loại rau quả.

Khi vua khám phá ra việc buôn bán rau quả này, ngài công bố cho mọi người biết. Gia nhân của hoàng tử vào am lão và lục soát được một bó đồng tiền và đồng xu nhỏ, là số tiền bán rau quả kia, họ liền trình vua.

Lúc ấy, vua biết bậc Đạo sĩ vô tội, liền ngâm kệ:

10. Đúng là lão có thật nhiều cây
Với các loại rau, củ trái đầy,
Chăm sóc trông nom không chút nghỉ,
Phàm nhân, quả đúng trẻ tâu bày.
Sau đó, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Trong khi có một kẻ ngu si ám động như thế này ở hoàng cung, thì thượng sách là đi vào vùng Tuyết Sơn và sống đời tu tập. Vậy trước tiên ta công bố tội trạng lão với quần chúng tại đây, sau đó, ngay hôm nay, ta xuất gia thành ẩn sĩ".

Thế là ngài cúi chào hội chúng và nói lớn:

11. Này nghe ta nói, hỡi toàn dân,
Dân chúng thị thành lẫn dã nhân,
Chúa thượng nghe lời người xuẩn ngốc,
Khiến người vô tội phải vong thân.
Nói xong, ngài xin phép thực hiện ước nguyền trên qua vần kệ tiếp theo:

12. Phụ vương, cây tỏa rộng hùng cường,
Nhành trẻ, con sinh tự phụ vương,
Con cúi mình đây xin phép được

Giã từ thế tục để lên đường.
Các vần kệ sau đây thuật lại cuộc trò chuyện giữa vua cha và vương tử:

Phụ vương:

13. Vương nhi, hưởng phú quý huy hoàng,
Ngự trị Câu-lâu chiếc bệ vàng,
Đừng bỏ thế gian, gây khổ não
Cho mình, hãy nhận lễ đăng quang!
Vương tử:

14. Trần thế này đem lạc thú nào?
Khi xưa con đã ở trời cao,
Sắc, thanh, hương, vị và xúc cảm,
Lòng vẫn thường yêu chuộng biết bao!
15. Con từ bỏ hết nghiệp duyên xưa
Thiên lạc cùng thiên nữ ngọc ngà,
Với phụ vương là vua yếu kém,
Con không muốn ở nữa bây giờ.
Phụ vương:

16. Nếu cha kém trí, hỡi hoàng nam,
Tha thứ cha nay việc đã làm,
Giả sử cha còn làm việc ấy,
Cha tùy con định, chẳng kêu than.
Sau đó bậc Đại sĩ ngâm tám vần kệ khuyến giáo vua cha:

17. Hành động không suy nghĩ trước sau,
Hoặc làm không cân nhắc dài lâu,
Cũng như sử dụng lầm phương thuốc,
Hậu quả ắt là phải khổ đau.
18. Hành động nào suy tính thật lâu,
Khôn ngoan thận trọng tiếp theo sau,
Giống như vị thuốc nhiều công hiệu,
Kết quả tất nhiên phải nhiệm mầu.
19. Con chán ghét người ở thế gian Buông lung phóng dật, dục tham tràn,

Người tu khổ hạnh hư danh đó
Là kẻ dối gian lộ rõ ràng.
Một vị hôn quân thường xử án
Chẳng hề nghe lý lẽ phân trần;
Chẳng bao giờ gọi là chân chánh
Cơn giận bùng lên ở trí nhân.

20. Một vị vua xem xét kỹ càng
Rồi ban lời phán xử công bằng,
Khi vua cân nhắc lời phân xử,
Danh tiếng đời đời mãi vọng vang.
21. Những hình phạt Chúa thượng truyền ban
Phải được đắn đo thật kỹ càng
Những việc làm trong lúc vội vã
Sẽ gây hối hận lúc thư nhàn.
Nếu lòng phát nguyện nhiều điều tốt,
Sau chẳng đau buồn hối tiếc mang.
22. Những người có việc phải thi hành,
Muốn chẳng gây ân hận với mình
Thường đắn đo bao điều thận trọng,
Tạo nên thiện nghiệp thật an lành,
Làm công đức thỏa lòng hiền thánh,
Được tán tụng từ bậc trí minh.
23. Cha thét: "Kìa đao phủ, hãy mau!
Đi tìm vương tử của ta nào,
Nơi đâu bây kiếm, liền đem giết!"
Lúc trẻ ngồi bên mẹ dựa đầu,
Bọn chúng tìm ra con trẻ đó,
Rồi lôi đi thật bạo tàn sao?
24. Trẻ thơ non nớt, xử như vầy,
Con thấy chúng tàn nhẫn quá tay,
Nay thoát cảnh đày thân độc ác,
Con rời thế, chẳng sống nơi đây.
Khi bậc Đại sĩ đã thuyết giáo như vậy xong, vua phán bảo hoàng hậu:

25. Vậy vương nhi đó, Su-dham-ma,
Vừa thốt lời từ chối lệnh ta,
Quí tử So-ma bao khả ái;
Vì ta không mãn nguyện bây giờ,
Đích thân hoàng hậu nên xem thử
Có chuyển lay lòng trí trẻ thơ.
Song hoàng hậu thúc giục vương tử rời bỏ thế tục:

26. Hãy vui đời Thánh hạnh, hoàng nam,
Tuân thủ chánh chân, bỏ cõi phàm,
Ai giữa quần sinh không độc ác
Sẽ lên thiên giới, chẳng sai lầm.

Vua ngâm kệ tiếp theo:

27. Chuyện lạ này nghe tự ái khanh,
Sầu đang chất ngất ở trong mình,
Bảo nàng khuyên nhủ con dừng lại,
Nàng chỉ giục con phải bước nhanh.
Hoàng hậu lại ngâm kệ nữa:

28. Có hạng người không đắm dục tham,
Thoát sầu bi, sống chẳng sai lầm,
Nhiều người đắc Niết-bàn cao thượng:
Ví thử hoàng nhi muốn dự phần
Cùng tiến lên con đường Thánh hạnh,
Thì hoài công cản bước hoàng nam.
Vua ngâm vần kệ cuối cùng để đáp lời:

29. Quả thật là chân chánh thiện tâm,
Tôn sùng bậc trí tuệ cao thâm
Tâm tư siêu việt thường sinh khởi,
Ái hậu từng nghe các diệu âm,
Thông hiểu kiến văn nhiều bậc Thánh,
Nên không còn khổ não, tham lam.
Sau đó, bậc Đại sĩ đảnh lễ song thân, xin hai vị tha thứ cho ngài nếu có lỗi lầm gì, rồi vào cung kính vái chào toàn thể hội chúng, ngài quay mặt về hướng Tuyết Sơn. Khi dân chúng đã về, ngài cùng với các Thiên thần vừa đến đó giả dạng người trần, vượt băng qua bảy ngọn đồi cao lên tận Tuyết Sơn. Trong chiếc am tranh do vị Thiên thần Vissakamma giáng thế xây dựng cho ngài, ngài sống đời tu hành, tại đó ngài được các Thiên thần ấy giả dạng làm tùy tùng của vị hoàng tử, hầu hạ ngài đến năm lên mười sáu tuổi. Còn kẻ tu hành lừa bịp kia bị dân chúng bao vây đánh chết.

Về sau, bậc Đại sĩ tu tập làm phát khởi năng lực Thiền định, và được sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, như vậy ngày xưa cũng như bây giờ, kẻ ấy đã dự mưu sát hại Ta.

Và Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là kẻ lừa đảo, mẫu hậu Mayà là vương hậu kia, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là Hiền giả Rakkhita và Ta chính là vương tử Somanassa

-ooOoo-

506. Chuyện long vương Campeyya (Tiền thân Campeyya)

Ai đó như tia chớp sáng bừng..,

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về các hạnh nguyện ngày trai giới. Bậc Đạo sư bảo:

- Lành thay, này các thiện nam tử, các ông đã phát nguyện giữ trai giới. Nhưng bậc trí xưa kia cũng đã từ bỏ ngay cả vinh quang của một Long vương và sống theo các giới hạnh này.

Sau đó theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Anga (Ưng-già) trị vì ở quốc độ Anga (Ưng-già) mà vua Ma-kiệt-đà trị vì ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà); giữa hai quốc độ Ưng-già và Ma-kiệt-đà là con sông Campà (Chiêm-bà), nơi có loài Rồng rắn (Nàga) sinh sống, được chúa Rồng Campeyya cầm quyền thống lãnh.

Đôi khi vua Ma-kiệt-đà chiếm nước Ưng-già và có khi vua Ưng-già chiếm Ma-kiệt-đà. Một ngày kia, vua Ma-kiệt-đà, sau khi lâm chiến với Ưng-già và thất bại, liền leo lên chiến mã đào tẩu, và bị quân sĩ Ưng-già đuổi theo gấp. Khi vua đến sông Campà lại đang mùa lũ lụt, nhưng vua nói:

- Thà chết chìm trong dòng sông này hơn là chết trong tay kẻ thù của ta!

Rồi cả người và ngựa đều nhào xuống dòng sông ấy.

Thời bấy giờ Long vương đã xây dựng cho mình ở dưới nước một ngôi nhà thủy tạ bằng châu ngọc, ngay lúc ấy đang ở giữa triều đãi tiệc say sưa. Nhưng vua trên kia cùng chiến mã nhảy xuống sông ngay chính trước mặt chúa Rồng. Rồng chúa ngắm vị vua lộng lẫy cao sang này, sinh lòng yêu mến, liền đứng lên từ bảo tọa, Rồng chúa mời vua ngự lên chính ngai vàng của mình, bảo vua đừng sợ gì cả, rồi hỏi tại sao vua lại nhảy xuống sông. Vua kể hết mọi sự xảy ra cho Rồng chúa nghe. Rồng chúa liền bảo:

- Tâu Đại vương, đừng sợ gì cả! Trẫm sẽ làm cho Đại vương trở thành bá chủ hai vương quốc ấy.

Rồng chúa an ủi vua như vậy và suốt bảy ngày liền tiếp đãi vua vô cùng trọng thể. Vào ngày thứ bảy, chúa Rồng cùng vua Ma-kiệt-đà rời Long cung. Sau đó nhờ thần lực của Long vương, vua Ma- kiệt-đà chiếm lấy quốc độ Ưng-già, giết vua Ưng-già rồi thống trị cả hai lãnh thổ ấy. Từ đó trở đi, có mối giao hảo mật thiết giữa vua và Rồng chúa.

Dần dần vua truyền lệnh xây một ngôi đình bằng châu báu trên bờ sông Campà, triều cống Rồng chúa đủ lễ vật rất cao sang. Rồng chúa cùng đám tùy tùng đông đảo xuất hiện từ Long cung lên tiếp nhận lễ triều cống và mọi người được dịp chiêm ngưỡng cảnh vinh quang của Rồng chúa.

Thời ấy, Bồ-tát sinh trưởng trong một gia đình nghèo khó, ngài thường đi cùng đám thần dân ấy đến bờ sông. Tại đó khi trông thấy cảnh vinh quang của Rồng chúa, ngài sinh lòng thèm muốn và ngài chết đi trong nỗi khát vọng này. Rồi bảy ngày sau khi

Rồng chúa Campeyya ấy từ trần, phần Bồ-tát vì suốt một đời đã sống đầy đức hạnh và chuyên bố thí, nên được tái sinh vào cung điện của Rồng chúa ấy trên long sàng kia, thân thể ngài như một chuỗi vũ quý hoa (hoa lài) vĩ đại.

Khi thấy vậy, lòng ngài tràn ngập niềm hối hận. Ngài bảo: "Ta đã có quyền lực để dành trên sáu cảnh trời dục giới là do kết quả các thiện nghiệp của ta, như hạt thóc tích trữ trong vựa. Song nay hãy xem đây, ta lại sinh làm thân rồng rắn, vậy ta còn thiết gì đời sống nữa?" Và vì thế ngài có ý định kết liễu cuộc đời mình. Nhưng có một Long nữ tên là Sumanà, trông thấy ngài liền báo tin cho cả loài biết:

- Vị này ắt hẳn là Đế Thích Thiên chủ đầy uy lực vừa ra đời tại đây với chúng ta!

Sau đó, Long chúng cùng đi đến dâng lễ vật cho ngài với đủ loại đàn ca múa hát. Long cung của ngài chẳng khác nào cung của Thiên chủ, nên ngài không còn nghĩ đến chuyện chết nữa, ngài trút bỏ hình tướng Rồng và ngự lên bảo tọa, lộng lẫy xiêm y cùng ngọc vàng trang điểm. Từ đó về sau, cảnh vinh quang của ngài thật vĩ đại, ngài thấy hối tiếc ăn năn thầm nghĩ: "Ta còn ham thích gì cái thân rồng rắn này nữa? Ta muốn sống theo các hạnh nguyện trai giới, ta muốn thoát thân khỏi nơi này, ta sẽ ra đi đến giữa loài người, học hỏi các chân lý và chấm dứt khổ đau".

Nhưng sau đó ngài vẫn ở lại trong cung điện ấy, và thành tựu các hạnh nguyện trai giới, rồi khi các Long nữ trang điểm rực rỡ đến vây quanh ngài, ngài lại thường vi phạm giới đức. Về sau, ngài rời bỏ cung điện đi vào ngự viên, nhưng bọn chúng theo ngài đến đó, và hạnh nguyện của ngài cũng bị phá bỏ như trước kia. Ngài liền suy nghĩ: "Ta phải rời cung này, đi vào thế giới loài người, và tại đó, ta phải sống theo đúng hạnh nguyện của trai giới".

Vì thế vào ngày trai giới, ngài rời cung điện ra đi, vào nằm trên nóc tổ kiến cạnh đường cái, không xa một thôn làng biên địa. Ngài nói:

- Ai muốn lấy da thịt ta, thì cứ lấy, hoặc có ai muốn bắt ta làm trò con rồng nhảy múa thì cứ bắt ta đi.

Như vậy ngài đã chịu xả thân ra bố thí, nên vừa thu gọn chiếc mồng lại, ngài vừa nằm đó hành trì hạnh nguyện trai giới.

Nhiều người qua lại trên đường cái trông thấy ngài, liền cúng dường ngài đủ hương hoa thơm ngát. Và dân chúng trong thôn làng biên địa kia xem ngài là Rồng chúa đại oai lực, nên dựng một ngôi đình trên chỗ ngài nằm, rải cát trước đó và cúng dường chiêm bái đủ thứ hương liệu, nước hoa.

Bấy giờ, dân chúng bắt đầu cầu tự nhờ ngài giúp sức, nên có lòng tín ngưỡng bậc Đại sĩ và sùng kính tôn thờ ngài. Tại đó bậc Đại sĩ giữ hạnh nguyện vào các ngày mười bốn, rằm giữa tháng, an

tọa trên tổ kiến, rồi đến ngày mồng một âm lịch, ngài lại về long cung, và cứ như vậy ngài giữ tròn hạnh nguyện theo thời gian.

Một hôm vương phi Sumanà thưa với ngài:

- Tâu Chúa thượng, ngài ra đi đến cõi nhân gian để giữ hạnh nguyện trai giới, song nhân thế đầy nguy hiểm kinh hoàng. Giả sử có mối nguy cơ nào xảy ra cho Chúa thượng, thì nay ngài hãy bảo cho thần thiếp biết nhờ dấu hiệu gì để nhận ra việc ấy.

Sau đó ngài dẫn vương phi đến bên một hồ nước an toàn và bảo:

- Nếu có ai đánh ta hay làm ta bị thương, thì nước hồ sẽ vẩn đục lên. Còn nếu có con chim đại bàng nào tha ta đi, thì nước hồ sẽ biến mất, nếu có kẻ bỏ bùa bắt rắn nào tóm được ta thì hồ sẽ đổi thành màu máu.

Sau khi giải thích ba dấu hiệu này cho vương phi, ngài rời cung điện ra đi, giữ hạnh nguyện trai giới trong ngày mười bốn, đến nằm trên tổ kiến, ánh sáng trên thân ngài tỏa rực rỡ khắp chỗ đó. Toàn thân ngài trắng ngần, như một cuộn dây toàn bạc, đầu ngài như một cuộn len đỏ. Trong Tiền thân này, thân thể Bồ-tát to bằng cái đầu lưỡi cày, còn trong Tiền thân Bhuridatta (số 543, tập VII) ngài lớn bằng bắp đùi, và trong Tiền thân Sankhapàla (số 524, tập VI) thân ngài tròn trịa như chiếc xuồng dài có móc chèo.

Thời ấy có một thanh niên Bà-la-môn ở Ba-la-nại đến Takkasilà học tập dưới sự dạy bảo của một vị giáo sĩ lừng danh thế giới, nhờ vị này chàng ta học được bùa chú sai khiến mọi loài hữu tình. Khi về nhà theo đường cái ấy, chàng chẳng thấy gì ngoài bậc Đạo sĩ. Chàng suy nghĩ: "Ta sẽ bắt con Rồng này và sẽ du hành khắp thôn làng thị trấn, kinh thành, bắt nó nhảy múa và tha hồ kiếm lợi lớn".

Sau đó chàng lấy thứ cỏ thuốc linh dược, đọc thần chú và đến gần Rồng chúa. Vừa nghe tiếng niệm chú này, tức thì bậc Đại sĩ cảm thấy hai lỗ tai như bị củi đốt cháy đâm thủng, đầu ngài như thể vỡ ra vì bị kiếm đâm vào. Ngài suy nghĩ: "Ta gặp chuyện gì đây?". Rồi ló đầu ra khỏi chiếc mồng, ngài trông thấy người bỏ bùa bắt rắn ấy. Ngài liền suy nghĩ: "Nọc độc của ta cực kỳ mãnh liệt, nếu ta nổi giận và phì hơi độc từ lỗ mũi ra thì thân nó sẽ tan nát ra như một nắm trấu vậy, và thế là công đức của ta sẽ bị tiêu diệt hết, nên ta không muốn nhìn nó". Ngài vừa nhắm mắt lại vừa thụt đầu vào trong chiếc mồng.

Người Bà-la-môn bỏ bùa rắn kia nhai một cây cỏ thuốc, niệm chú rồi nhỏ lên mình ngài: nhờ công hiệu cỏ thuốc và bùa chú nên nơi nào có nước miếng của người đó dính vào thì các mụn mủ nổi lên. Sau đó chàng ta nắm lấy được ngài ra. Chàng ta lấy chiếc gậy hình chân dê thúc ép ngài cho đến lúc ngài yếu sức, rồi nắm chặt phần đầu ngài mà chà xuống. Bậc Đại sĩ há mồm ra, chàng nhỏ nước miếng vào, nhờ công hiệu cỏ thuốc và bùa chú, răng ngài gãy tan hết, chiếc mồm đầy cả máu. Song bậc Đại sĩ sợ phải phá hủy công đức của ngài, nên ngài chịu mọi khổ hình này và không hề mở mắt ra đủ để liếc nhìn gã.

Sau đó chàng nói:

- Ta sẽ làm Rồng chúa này yếu đi!

Chàng ép chặt thân Rồng chúa từ đầu chí đuôi như thể chàng muốn chà nát xương ngài thành bột! Rồi chàng gói ngài trong thứ thường được gọi là mảnh vải cuộn, thắt thêm

một vật gọi là dây thừng rồi nắm đuôi ngài và đấm đá. Thân thể của bậc Đại sĩ bê bết máu, và ngài đau đớn vô cùng. Khi thấy chúa Rồng này đã yếu sức, chàng làm cái thúng bằng cây liễu gai để đặt Rồng chúa vào.

Sau đó chàng đem ngài vào làng xóm, bắt ngài làm trò cho dân chúng. Dù phải hóa thành màu xanh, đen hay màu gì khác nữa, biến ra hình tròn vuông lớn nhỏ ra sao, hễ chàng Bà-la-môn muốn gì , bậc Đại sĩ đều làm cả, vừa nhảy múa, giương mồng quay tít thành thiên hình vạn trạng. Dân chúng quá thích thú nên cho thật nhiều tiền. Trong một ngày chàng đã kiếm được cả ngàn đồng ru- pi và nhiều trò đáng giá cả ngàn đồng khác nữa.

Lúc đầu chàng dự định thả ngài ra khi đã kiếm được một ngàn đồng, nhưng khi được rồi, chàng lại nghĩ: "Trong một làng biên địa mà ta đã kiếm được chừng này, nếu gặp vua quan thì ta còn mong được biết bao nhiêu của cải nữa".

Thế là chàng mua một chiếc xe bò và một chiếc xe du ngoạn, trong xe bò, chàng chất đầy hàng hóa, còn chàng ngồi xe kia. Như vậy cùng với một đoàn tùy tùng hầu cận, chàng đi qua thôn làng thị trấn, bắt bậc Đại sĩ làm trò, và tiếp tục du hành với ý định trình diện ngài trước vua Uggasena ở Ba- la-nại rồi mới thả ngài đi.

Chàng ta thường giết ếch nhái và đem cho Rồng chúa nhưng Rồng từ chối mỗi khi chàng ta đưa vậy, để không một sinh vật nào bị chàng ta giết vì ngài nữa. Sau đó chàng ta đem mật và bắp rang cho ngài. Nhưng ngài cũng không chịu ăn, vì ngài nghĩ: "Nếu ta ăn gì thì ta sẽ ở trong giỏ này cho đến chết".

Suốt một tháng, người Bà-la-môn đến ở Ba-la-nại. Tại đó chàng kiếm được nhiều tiền nhờ bảo Rồng chúa diễn trò trong các thôn làng ngoài cổng thành. Vua cho triệu chàng vào và ra lệnh diễn trò. Chàng hứa sẽ làm vào ngày hôm sau, là ngày cuối trong mỗi nửa tháng. Sau đó vua bảo đánh trống khắp kinh thành, bố cáo ngày mai sẽ có một Rồng chúa nhảy múa trong sân chầu, vậy dân chúng được phép tụ tập để xem thật đông. Hôm sau sân chầu được trang hoàng, và người Bà-la- môn được triệu vào. Chàng mang bậc Đại sĩ trong cái thúng và có dát ngọc vàng, trên một tấm thảm rực rỡ, chàng đặt thúng xuống và vua an tọa trên ngai vàng giữa thần dân chật ních vây quanh.

Người Bà-la-môn bắt bậc Đại sĩ ra và bảo nhảy múa. Dân chúng không thể nào ngồi yên được: hàng ngàn chiếc khăn quăng tung vẫy giữa không gian; bảy loại châu báu rớt xuống như mưa quanh Bồ-tát.

Từ khi Long vương bị bắt đến nay đã một tháng tròn và suốt thời gian ấy ngài chẳng ăn uống gì cả. Bây giờ vương phi Sumanà bắt đầu suy nghĩ: "Phu quân yêu quý của ta đã ở nán lại trên đó lâu rồi. Cả tháng này ngài chưa trở về chắc có việc gì chăng?

Vì thế nàng bước ra xem mặt nước hồ: Kìa, nước đỏ như máu! Thế là nàng biết chắc hẳn ngài đã bị hành hạ, và nàng khóc than.

Sau đó nàng vào ngôi làng biên địa kia để hỏi thăm và khi biết hết mọi sự, nàng đi thẳng đến Ba-la- nại và ngay giữa quần chúng trên khoảng không của chính sân chầu, nàng cứ đứng than khóc mãi.

Trong lúc bậc Đại sĩ nhảy múa, ngài chợt nhìn lên không và thấy nàng, ngài hổ thẹn, bò ngay vào thúng nằm yên. Khi ngài bò vào thúng, vua kêu lớn:

- Sao có gì thế này?

Nhìn quanh quẩn đâu đó, ngài thấy Long nữ đứng ở trên không liền ngâm vần kệ:

1. Ai đó như tia chớp sáng bừng,
Hay vầng tinh tú tỏa hào quang,
Tu-la thần nữ hay Thiên nữ?
Ta chắc nàng không phải thế nhân?
Sau đây câu chuyện giữa hai vị qua các vần kệ:

Long nữ:

2. Chẳng là Thiên nữ, Tu-la thần,
Cũng chẳng loài người, tấu Đại quân,
Tiện thiếp chính là Long nữ đó,
Đến đây vì có việc cầu ân.
Đức vua:

3. Nàng tỏ ra hờn giận, bất bằng,
Mắt nàng mưa lệ cứ tuôn tràn,
Việc gì, ước vọng nào đưa đến,
Hãy nói, ta mong biết, hỡi nàng!
Long nữ:

4. Rắn rồng bò, tựa lửa hung hăng!
Chúng vẫn gọi ngài thế, bỗng dưng
Gã bắt ngài đi vì hám lợi,
Thiếp cầu Chúa thượng thả Long quân!
Đức vua:

5. Vì sao kẻ ốm đói như vầy
Bắt được Rồng kia mãnh lực đầy?
Long nữ, xin nàng cho trẫm biết,
Làm sao đánh giá đúng Rồng này?
Long nữ:

6. Thần lực ngài, ngay cả thị thành, Ngài thiêu ra đống bụi tan tành,

Song ngài yêu chuộng đường thanh tịnh, Khổ hạnh đi tìm lại chính danh.

Sau đó vua hỏi bằng cách nào chàng kia bắt được ngài, nàng đáp qua vần kệ sau:

7. Vào ngày trai giới, đấng Long vương
Bốn pháp hành trì hạnh Thánh nhân,
Gã múa rối kia tìm bắt được,

Xin ngài vì thiếp, cứu lang quân!
Sau những lời trên, nàng lại ngâm hai vần kệ khác xin giải thoát cho ngài:

8. Mười sáu ngàn kìa đám nữ nhân,
Rỡ ràng vòng ngọc với kim ngân,
Dưới dòng nước đã tôn Rồng thánh
Là chúa tể cho chúng ẩn thân.
9. Đại vương, mong rộng lượng, công bằng,
Xin chuộc Long vương được thoát thân
Bằng một làng, trăm bò cái chẵn,
Thêm vàng, đem phước báo Quân vương.
Đức vua liền ngâm tiếp ba vần kệ:

10. Này xem ta chánh đáng, hào hoa,
Ta chuộc cho Rồng chúa được tha
Bằng một làng, trăm bò cái chẵn,
Thêm vàng, đem phước báo cho ta!
11. Rồi trẫm tặng chàng vòng ngọc tai,
Với vàng trăm lượng chẳng hề sai,
Tọa sàng xinh đẹp như hoa gấm,
Gối nệm nằm chen bốn dãy dài.
12. Bò đực, cùng bò cái một trăm,
Và hai người vợ cũng chung dòng,
Xin tha Rồng chúa đầy thanh tịnh,
Việc ấy sẽ đem lắm phước phần.
Nghe vậy, người bắt rắn đáp lời:

13. Thần không cầu thưởng, tấu Anh quân,
Mà để chúa Rồng được thoát thân,
Như vậy, nay thần xin giải phóng:
Việc này sẽ tạo lắm hồng ân.
Sau lời này, chàng ta đem bậc Đại sĩ ra khỏi thúng. Long vương từ từ bò ra, tiến vào trong một cái hoa, tại đó ngài trút bỏ xác cũ và hiện hình một nam tử phục sức cực kỳ lộng lẫy: Ngài đứng sừng sững, chẳng khác nào ngài vừa rẽ mặt đất ra và bước lên. Còn nàng Long nữ Sumanà từ trên trời giáng xuống đứng cạnh ngài. Vị Rồng chúa đứng chấp tay tỏ vẻ tôn trọng vua lắm.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ:

14. Tự do, Rồng chúa xứ Cam-pa
Liền nói như vầy với đức vua:
"Chúa tể Kà-si nuôi quốc độ!
Cầu ngài vinh hiển tự bây giờ

Thần xin đảnh lễ ngài cung kính,
Trước lúc trở về viếng cố gia!".
Đức vua:

15. Đời thường nói các đấng siêu phàm
Khó được lòng tin ở thế gian
Ví thử chúa Rồng nay nói thật:
Long cung đâu? Hãy chỉ ngay đàng!
Nhưng bậc Đại sĩ muốn vua tin tưởng, liền thề nguyền như sau qua hai vần kệ:

16. Dù gió thổi tung cả núi đồi,
Mặt trời, trăng rớt khỏi bầu trời,
Suối sông, xoáy ngược dòng đang cháy,
Chúa thượng, thần không thể dối lời!
17. Ví trời nứt nẻ, hải dương khô,
Đất mẹ bao la vỡ vụn ra,
Dù núi Tu-di rung bật gốc,
Đại vương, thần chẳng dối bao giờ!
Dù có lời cam đoan như vậy, vua vẫn chưa tin bậc Đại sĩ và bảo:

18. Đời thường nói các đấng siêu phàm
Khó được lòng tin ở thế gian,
Ví thử chúa Rồng nay nói thật,
Long cung đâu, hãy chỉ ngay đàng!
Một lần nữa vua ngâm vần kệ trên và thêm:

- Ngài phải biết ơn ta về các hành động tốt ta đã làm cho ngài đấy. Tuy nhiên ta có tin ngài chân chánh hay không, thì việc ấy tùy ta định đoạt.

Vua nói rõ điều này qua vần kệ:

19. Ngài đầy nọc độc, đủ quyền năng,
Chiếu sáng rực trời, chóng nổi sân,
Ngài bị giam, nhờ ta giải thoát,
Quyền ta là phải được tri ân!
Bậc Đại sĩ liền thề nguyền như vầy để vua tin tưởng:

20. Kẻ nào không muốn đáp ân tình,
Sẽ chẳng làm sao hưởng phước lành,
Kẻ đó bỏ mình trong rọ nhốt!
Chịu thiêu trong ngục tối hồn kinh!
Bấy giờ vua mới tin ngài và cảm ơn ngài như vầy:

21. Ngài nguyện lời kia quả thật chân,
Giận hờn tan biến, tránh thù hằn:

Như ta tránh lửa trong mùa hạ,
Mong Điểu vương xa lành chúa Rồng!
Phần ngài, bậc Đại sĩ cũng ngâm kệ nữa để cảm tạ vua:

22. Như mẹ hiền kia muốn bố ân
Cho con độc nhất quý vô ngần,
Đại vương nhân ái cùng rồng rắn,
Xin phụng sự vua, mỗi chúng thần.
Bấy giờ vua ước ao đi viếng cảnh giới loài Rồng, nên truyền lệnh cho quân sĩ chuẩn bị sẵn sàng lên đường qua vần kệ:

23. Đoàn vương xa, hãy thắng yên cương,
Đứng sẵn bầy la khéo luyện thuần,
Vương tượng cân đai vàng chói lọi,
Ta cùng đi viếng xứ Long vương.
Sau đây là vần kệ phát xuất từ trí tuệ Tối thắng của đức Phật:

24. Trống con, trống lớn, đánh thì thùng,
Chũm chọe, tù và thổi dậy rân,
Kìa ngắm Ug-ga vương ngự đến
Huy hoàng hiện giữa đám cung tần.
Vào lúc vua rời kinh thành, bậc Đại sĩ dùng thần lực khiến cảnh giới Long vương xuất hiện với một bức tường thành bao quanh làm bằng bảy loại châu báu, cùng các tháp canh tại cổng thành, ngài hóa phép cho các con đường dẫn đến Long cung đều được trang hoàng rực rỡ. Theo đường này, vua cùng đám tùy tùng bước vào cung và trông thấy một khung cảnh đầy kỳ thú với nhiều lâu đài nguy nga lộng lẫy cao sang.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

25. Chúa tể Kà-si thấy đất bằng
Nơi nơi rải khắp cát như vàng,
Hoa san hô đẹp trồng quanh chốn,
Đỉnh tháp bằng vàng ở tứ phương.
26. Sau đó, Đại vương lại đặt chân
Ngự vào đại sảnh của Long thần
Tựa thiên lôi chủy đồng lóe sáng,
Hay cả vầng hồng tỏa ánh quang.
27. Vào đến Cam-pey đại sảnh đường,
Vừa dời gót ngọc, đấng Quân vương:
Ngàn cây đổ bóng che im mát,
Không khí ngàn mùi tỏa diệu hương.
28. Bên trong cung điện chúa Cam-pey,
Đại đế vừa khi ngự đến đây,

Đàn trổi khúc thần tiên tuyệt diệu,
Yêu kiều Long nữ múa như bay!
29. Ngài được mời lên bảo tọa vàng
Nệm êm ái sực nức chiên-đàn,
Cả đoàn kiều nữ khoan thai lướt
Khắp sảnh đường theo gót rộn ràng.
Vừa khi vua an tọa tại đó, quân hầu đã dâng lên đủ thức cao lương mỹ vị thần tiên, họ cũng đem các thứ này mời mười sáu ngàn Long nữ kia và toàn thể hội chúng ấy. Suốt bảy ngày, vua cùngđám tùy tùng thọ hưởng các thực phẩm thần tiên cùng mọi lạc thú khác. Vừa ngự trên bảo tọa, vua vừa ca ngợi cảnh vinh quang của bậc Đại sĩ:

- Này Long vương - vua hỏi - tại sao ngài bỏ mọi cảnh huy hoàng này để đi nằm trên tổ kiến giữa cảnh trần thế của con người và hành trì ngày trai giới vậy?

Bậc Đại sĩ liền đáp lại vua.

Để giải thích sự việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

30. Chốn kia, vua hưởng thú vui tràn,
Rồi tới Cam-pey chúa, hỏi han:
"Cung điện ngài đây vinh hiển quá,
Hồng như vầng nhật tỏa hào quang,
Trên trần không chốn nào như vậy,
Vì cớ sao ngài muốn ẩn thân?
31. Đứng đây toàn tuyệt sắc giai nhân
Cầm lấy bằng đầu ngón búp măng
Chén rượu trong bàn tay ửng đỏ,
Đai vàng ôm sát ngực và thân,
Tại sao ngài muốn làm tu sĩ,
Chẳng thấy cảnh kia ở cõi trần?
32. Suối, sông, hồ cá đẹp, trong ngần,
Đều có bến xây bậc vững vàng
Trên trần chẳng chốn nào như thế,
Vì cớ sao ngài muốn ẩn thân?
33. Đàn công, sếu hạc, với thiên nga,
Bao vẻ mê hồn cu gáy ca,
Vì cớ sao ngài làm ẩn sĩ,
Trên đời đâu thấy cảnh kia mà?
34. Đây trồng ti-lak, đó xoài, sal,
Hoa quế, hoa chuông nở rộ tràn,
Chẳng thấy cảnh này nơi địa giới,
Sao ngài làm ẩn sĩ trần gian?

35. Nhìn các hồ kia, gió thoảng đưa,
Hương thần tiên tỏa khắp đôi bờ,
Cảnh này không thấy trên trần giới,
Vì cớ sao ngài muốn ẩn cư?
Long vương:

36. Chẳng vì thọ mạng, của hay con,
Ta phấn đấu vầy với bản thân,
Nếu được, chính lòng ta ước nguyện,
Tái sinh làm một kẻ phàm nhân.
Vua lại nói:

37. Phục sức cao sang, mắt đỏ ngầu,
Rộng vai và nhẫn nhụi đầu râu,
Chiên-đàn tẩm ướt, như Thiên đế
Phán bảo toàn dân chúng địa cầu.
38. Lực thần vĩ đại thật hùng oai,
Làm chủ quyền mơ ước mọi loài,
Rồng chúa, xin vui lòng giải đáp,
Vì sao địa giới vượt Long đài?
Câu hỏi này được Rồng chúa đáp lại như sau:

39. Thanh tịnh, điều thân, chỉ đạt thành
Khi người ta sống giữa quần sinh,
Nếu làm người, chẳng bao giờ nữa
Ta thấy tử sinh đến với mình.
Vua lắng nghe và đáp kệ này:

40. Quả thật là chân chánh thiện tâm
Tôn sùng bậc trí tuệ uyên thâm
Tầm tư siêu việt thường sinh khởi.
Khi trẫm nay chiêm ngưỡng chúa Rồng,
Cùng với cả đoàn Long nữ ấy,
Trẫm mong làm thiện nghiệp muôn phần.
Long vương bảo ngài:

41. Quả thật là chân chánh thiện tâm
Tôn sùng bậc trí tuệ uyên thâm
Tầm tư siêu việt thường sinh khởi.
Khi Đại vương nhìn thấy tiểu quân,
Cùng với cả đoàn Long nữ ấy,
Ngài mong thành thiện nghiệp muôn phần.
Sau buổi đàm đạo ấy, vua Uggasena muốn ra đi, liền tạ từ ngài và bảo:

- Này Long vương, trẫm ở lại đây đã lâu rồi, nay trẫm cần phải ra về.

Bậc Đại sĩ liền chỉ các kho báu cho vua xem, vừa tặng bất cứ thứ gì vua muốn lấy, ngài vừa ngâm kệ:

42. Vàng thoi bỏ đó, kể không cùng,
Bạc chất như cây cả mấy tầng,
Ngài lấy mà xây tường đá bạc,
Đem về dựng gác ngọc lầu vàng.
43. Ta đoán năm ngàn xe ngọc trai,
San hô chen giữa ửng hồng tươi,
Lấy đi để trải đầy cung điện
Chẳng thấy đất dơ lộ phía ngoài.
44. Đại vương! Hãy dựng một cung đình,
Như tiểu quân nay muốn tấu trình,
Tại đó xin ngài lên ngự trị,
Thành Ba-la-nại sẽ phồn vinh:
Mong ngài cai trị dân hiền đức, Và trị nước nhà thật xứng danh.

Vua chấp thuận lời đề nghị này. Sau đó bậc Đại sĩ ban lời bố cáo khắp kinh thành bằng tiếng trống lệnh:

- Hãy để cho đám tùy tùng của đức vua từ nhân giới lấy đem về bất cứ món gì trong các kho báu của ta, cả vàng ròng nữa như ý muốn.

Rồi ngài truyền đưa bảo vật đến tặng vua chất đầy hàng trăm cỗ xe.

Xong xuôi, vua giã từ cảnh giới Long vương trong muôn vẻ huy hoàng trọng thể và trở về thành Ba-la-nại. Từ đó về sau, tục truyền rằng đất được lát vàng khắp cả xứ Diêm-phù-đề (Ấn Độ).

*

Khi Pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

- Như vậy các bậc trí ngày xưa đã từ giã cảnh vinh quang trong thế giới loài Rồng để hành trì ngày trai giới.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là người nhử rắn, mẹ của Ràhula (La-hầu-la) là nàng Sumanà, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là vua Uggasena và Ta chính là Long vương Campeyya.

-ooOoo-

507. Chuyện sức cám dỗ mạnh (Tiền thân Mahà-Palobhana)

Từ cõi Phạm thiên một vị thần..,

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự ô nhiễm lậu hoặc của các vị bậc thanh tịnh.

Các hoàn cảnh đã được nêu trước kia. Tại đây, một lần nữa, bậc Đạo sư bảo:

- Nữ nhân thường gây cấu uế cho cả những người đã đạt tâm thanh tịnh.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ tại thành Ba-la-nại.. câu chuyện đời xưa này cũng diễn tiến như trong Tiền thân Cullapalobhana. Bấy giờ một lần nữa, bậc Đại sĩ từ Phạm thiên giới giáng trần làm vương tử của vua Kàsi và ngài có tên là Anitthi gandha: Người ghét nữ nhân. Vương tử hài nhi không muốn ở trong tay bất cứ một nữ nhân nào, nên bọn chúng phải mặc áo quần đàn ông khi cho vương tử bú sữa và chàng cứ ở riêng trong một thiền thất, không hề thấy bóng một nữ nhân nào cả.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm bốn vần kệ:

1. Từ cõi Phạm thiên, một vị thần
Đến đây là thế giới phàm nhân
Tái sinh, ngài được làm hoàng tử,
Mỗi ước mơ là lệnh phải vâng.
2. Chẳng có nghiệp tình, cõi Phạm thiên,
Chưa hề nghe nói chuyện tình duyên,
Giờ sinh dục giới này, vương tử
Nghe chữ "tình" thôi, chán ngấy liền!
3. Ở nội cung, hoàng tử đã xây,
Một am thất nhỏ của riêng tây,
Nơi chàng chìm đắm vào Thiền định,
Đơn độc trôi qua chuỗi tháng ngày.
4. Phụ vương lo lắng trước hoàng nam
Khi biết chàng trong ấy, khóc than:
"Trẫm chí sinh ra mình thái tử
Mà bao dục lạc, trẻ không màng!"
Vần kệ thứ năm diễn tả lời than vãn của vua cha:

5. Ai cho trẫm biết phải làm gì?
Ôi, lẽ nào không có cách chi?
Ai dạy con thèm mùi dục lạc?
Có ai làm thái tử mê ly?
Vần kệ rưỡi này là vần kệ xuất phát từ Trí tuệ Tối thắng của đức Phật:

6. Có thiếu nữ kia dáng mỹ miều,
Làn da trắng muốt thật yêu kiều,

Nàng thông suốt một trời ca nhạc,
Và uốn người quay tít thật đều.
Xuân nữ này đi tìm Chúa thượng,
Thế là nàng khởi chuyện tình yêu.
Nửa vần kệ này do cô gái ngâm:

7. Thần thiếp sẽ đi quyến rủ chàng, Nếu duyên cầm sắt được ngài ban.

Vua đáp lời cô gái, và phán như vầy như vầy:

Gắng công cám dỗ cho hoàn mãn, Chàng sẽ là vương tử của nàng!

Bấy giờ vua truyền lệnh tạo ra mọi cơ hội thuận tiện cho nàng và triệu nàng vào chầu chực bên mình vương tử.

Buổi sáng kia, nàng đem cây đàn đến đứng ngay bên ngoài tịnh thất của vương tử và chạm nhẹ các đầu ngón tay vào đàn, cố ra sức quyến rủ chàng bằng giọng ca êm ái dịu ngọt làm sao.

Bậc Đạo sư ngâm kệ để giải thích việc này:

8. Kiều nhi vào tận chốn cung đình,
Nơi đó nàng riêng đứng một mình,
Hát khúc ngọt ngào, đầy khát vọng,
Xuyên vào tim của bạn chung tình.
9. Xuân nữ đứng kia, cất tiếng oanh,
Ông hoàng nghe lọt được âm thanh,
Tức thì bỗng thấy lòng mê mẩn,
Chàng hỏi quân hầu đứng chực quanh:
10. "Âm thanh nào đó thật du dương
Đưa đến phòng ta rõ lạ thường,
Đâm suốt con tim, đầy dục tưởng,
Bên tai kỳ thú thật khôn lường!"
11. "- Vương tử, nàng kia ngắm tuyệt xinh!
Biết bao đùa cợt, vẻ đa tình,
Ví ngài mong hưởng tình ngon ngọt,
Thì lạc thú đây, hãy đắm mình!".
12. "- Này, bảo nàng kia hãy đến gần,
Rồi nàng ca hát thật nhiều lần,
Đến đây, trước mặt ta rồi hát
Ngay chính bên trong cánh cửa phòng!"
13. Cô gái vừa ca ngoại bức tường,
Đứng kia, trong thất của ông hoàng,
Nàng vây chàng chặt như voi nọ

Bị mắc bẫy giăng giữa núi ngàn!
14. Chàng hưởng tròn hoan lạc ái ân,
Kìa xem! Tràn ngập nỗi ghen tương:
"Không ai được phép yêu nàng cả!
Chỉ một mình ta được luyến thương!"
15. Một mình ta, chẳng được người nào! Rồi chạy ra, chàng cứ thét gào, Cầm kiếm lồng lên như khát máu

Đi tàn sát hết bọn mày râu!

16. Lâm nguy, dân chúng thét vang lừng,
Toàn thể phi thân đến hậu cung:
"Vương tử giết người bất kể số,
Chẳng ai khiêu khích!" Họ kêu rần.
17. Đại vương truyền bắt lấy chàng ngay,
Khuất mắt phụ vương, phán lệnh đày:
"Con chẳng được tìm nơi trú ẩn
Trong vùng biên địa nước ta này!".
18. Chàng đem vợ quý nọ lên đường
Cho đến khi dừng cạnh đại dương,
Tại đó chàng xây lều lợp lá,
Sống bằng của nhặt ở rừng hoang.
19. Một đạo nhân thanh tịnh lượt ngang
Bay qua biển cả, giữa không gian,
Đi vào lều lá sao vừa lúc
Cơm nước vừa đem dọn sẵn sàng.
20. Cô nàng kia quyến rủ ngài ngay,
Xem việc làm sao hạ liệt thay!
Ngài đọa khỏi con đường Thánh hạnh,
Mọi thần thông lực thảy xa bay!
21. Chiều đến, khi vương tử trở về,
Do chàng thâu nhặt thật tràn trề
Quả rau, một đống trên đòn gánh,
Đồ vật rừng hoang đã phủ phê!
22. Ẩn sĩ nhìn vương tử đến gần,
Ngài ra bờ biển vội rời chân,
Ngỡ là hành cước qua không khí,
Song chỉ chìm sâu xuống biển dần!
23. Vương tử vừa khi thấy trí nhân
Vào trong biển cả cứ chìm thân,
Từ tâm khởi dậy trong vương tử,

Liền đó chàng ngâm kệ mấy vần:
24. Ngài phi hành đến bởi thần thông
Trên biển không buồm để ruổi dong,
Chìm xuống giờ đây, vì ác phụ,
Khiến ngài chịu nhục nhã tiêu vong.
25. Phản bội, hồng quần cám dỗ ta,
Khiến người thanh tịnh nhất sa đà!
Chúng chìm dần xuống và dần xuống,
Ai biết hồng quần phải tránh xa!
26. Nói ngọt ngào, song khó thỏa lòng,
Cũng như khó đổ nước đầy sông,
Chúng chìm dần xuống và dần xuống,
Ai biết, nên xa lánh má hồng!
27. Bất kể hồng nhan phục vụ ai,
Hoặc vì tham dục hoặc tiền tài,
Chúng thiêu chàng rụi như nhiên liệu
Được thả cháy trong lửa sáng ngời!
28. Ẩn sĩ nghe lời thái tử khuyên,
Chán chê trần thế quả hư huyền,
Trở về Thánh đạo xưa thanh tịnh,
Ngay giữa không gian đứng vụt liền.
29. Vương tử vừa khi đứng ngắm trông
Cách ngài bay bổng giữa hư không,
Buồn phiền, vương tử liền cương quyết
Lựa chọn đời thanh tịnh vững lòng.
30. Chuyển hướng tu hành, quyết đập tan
Dục tham và khát vọng nồng nàn,
Dục tham lắng dịu, chàng thề nguyện:
"Đến cõi Phạm thiên, tiến thẳng đàng".
*

Khi Pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

- Như vậy, này các Tỷ-kheo, chỉ vì nữ nhân mà ngay những người có tâm thanh tịnh cũng vẫn gây ác nghiệp.

Rồi ngài thuyết giảng các Sự thật, bấy giờ vào lúc kết thúc các Sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất kia đãđắc Thánh quả A-la-hán.

Sau đó, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Ta chính là Vương tử Anitthigandha

-ooOoo-

508. Chuyện năm vị Hiền nhân (Tiền thân Panca-Pandita)

Chuyện Tiền thân về năm vị Hiền nhân sẽ được kể trong Tiền thân Mahà-Ummagga (Đường Hầm lớn) số 546, tập VII.

-ooOoo-

509. Chuyện Hiền giả quản tượng (Tiền thân Hatthipàla)

Cuối cùng thấy một Bà-la-môn..,

Câu chuyện này, bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Đại sự Xuất thế của Ngài.

Rồi cùng với các lời sau đây:

- Này các Tỷ-kheo, không phải đây là lần đầu tiên Như Lai làm Đại sự xuất thế, mà xưa kia cũng vậy.

Bậc Đạo sư kể cho Tăng chúng một chuyện quá khứ.

*

Một thời tại Ba-la-nại, có một vị vua cai trị mệnh danh là Esukàri. Vị tế sư của ngài vốn là bạn đồng môn được ngài yêu chuộng từ thuở niên thiếu. Cả hai đều không có con. Một ngày kia trong lúc hai vị đang ngồi chuyện trò thân thiết cùng nhau, hai vị nghĩ thầm: "Chúng ta cùng hưởng cảnh đại vinh quang, song chẳng hề có con trai con gái gì cả, vậy phải làm sao bây giờ?" Vua liền bảo vị tế sư:

- Này hiền hữu, nếu nhà hiền hữu sinh được một công tử thì hài nhi đó sau trở thành chúa tể trong quốc độ ta, song nếu ta sinh được một hoàng nam thì đó sẽ là chủ nhân tài sản nhà hiền hữu vậy.

Cả hai vị giao ước với nhau về các chuyện tiếp theo các điều lệ này.

Một hôm, vị tế sư đi đến ngôi làng có hoa lợi của mình, và vào làng bằng cổng phía nam, vị này thấy ngoài cổng làng một người đàn bà cùng khổ lại sinh nhiều con trai quá: có đến bảy đứa, tất cả đều cường tráng khỏe mạnh, đứa cầm nồi đem chảo đi nấu bếp, đứa thì lấy chiếu trải giường, thằng này đi trước thằng nọ theo sau, thằng khác nắm tay mẹ, thằng kia ngồi trong lòng mẹ, một thằng nữa trèo trên vai bà. Vị tế sư hỏi:

- Thế cha bầy trẻ này đâu?

Bà ấy đáp:

- Thưa ngài, chắc chắn là đám trẻ chẳng có cha nào cả.

Vị này hỏi:

- Vậy thì làm sao bà có được bảy thằng con xinh tốt như thế này?

Người đàn bà không để ý đến cả khu rừng rậm, mà chỉ tay vào cây đa đứng cạnh cổng thành và nói:

- Thưa ngài, tiện thiếp cầu khẩn vị thần sống ở cây này, vị thần ấy đáp lại lời cầu xin của thiếp bằng cách ban cho bảy thằng bé ấy.

Vị tế sư liền bảo:

- Thôi được, bà đi đi.

Rồi vị này xuống xe bước lên cây ấy, cầm một cành mà lắc mạnh, bảo nó:

- Này thần linh, đức vua có thiếu món gì cúng ông, suốt năm này qua năm khác, ngài cúng ông cả ngàn đồng tiền, mà ngược lại ông chẳng ban cho ngài vị vương tử nào cả. Còn mụ ăn mày kia đã làm gì mà ông cho mụ cả bảy đứa con trai hử? Ông phải cho đức vua một đứa con trai này trong vòng bảy ngày, nếu không ta sẽ bảo chặt đốn thân ông xuống và xẻ ra từng khúc đấy.

Khi trách mắng vị thần cây đa như thế xong, vị tế sư ra đi.

Suốt sáu ngày vị tế sư cứ làm như vậy và vào ngày thứ sáu, vừa nắm một cành cây vừa bảo:

- Này thần cây, chỉ còn một đêm nữa thôi đấy, nếu ông không cho đức vua một con trai thì thân ông phải ngã xuống ngay.

Vị nữ thần trên cây suy nghĩ mãi cho đến khi nàng thấy sự việc ấy rõ ràng như thế nào. Nàng nghĩ thầm: "Vị Bà-la-môn kia sẽ phá tan nhà của ta nếu vị ấy không được đứa con trai. Vậy ta biết cho ngài một con trai bằng cách nào đây đã chứ? Sau đó nàng yết kiến Tứ đại Thiên vương, và tâu trình với các ngài. Các ngài phán:

- Này, chúng ta không thể ban cho người ấy một đứa con trai được!

Kế đó, nàng đến gặp hai mươi tám vị thần Dạ-xoa (Yakkha), các thần kia cũng trả lời nàng như vậy, nàng liền đến yết kiến Sakka (Đế Thích) Thiên chủ và tâu trình ngài.

Thiên chủ suy nghĩ trong lòng: "Nhà vua nay có sinh được hoàng nam xứng đáng với mình hay chăng?" Rồi ngài nhìn quanh và chợt thấy bốn vị Thiên tử đức độ. Truyện kể rằng các vị này nguyên là thợ dệt ở Ba-na-lại, trong một đời trước, tất cả mọi tiền của kiếm được nhờ buôn bán, các vị ấy chia làm năm phần, bốn phần làm của riêng mỗi người, còn phần thứ năm là của chung được đem ra bố thí hết. Từ thành ấy chư vị tái sanh lên cõi trời (Ba-mươi-ba) sau đó lại tái sinh vào cõi Yama thiên (Dạ-ma), từ đấy cứ tái sinh liên tục lên xuống qua về sáu tầng trời cõi dục và hưởng thọ vô số vinh quang.

Ngay thời bấy giờ là lúc chư vị phải đi từ cõi trời Ba-mươi-ba đến cõi Yama (Dạ-ma). Thiên chủ Sakka liền đi tìm kiếm, đi đến cõi nhân gian và nhập mẫu thai của chánh hậu Đại vương Esukàri.

- Lành thay, tâu Thiên chủ.

Và các vị cùng nói những lời này:

- Chúng thần sẽ đi, song chúng thần không muốn liên quan gì đến hoàng gia cả: chúng thần sẽ tái sinh vào gia đình vị tế sư và ngay khi còn thanh niên, chúng thần sẽ từ giã

thế tục.

Thế là Thiên chủ tán thành các vị ngay về lời cam kết kia, xong ngài trở về, kể lại mọi chuyện cho nữ thần sống trên cây đa ấy. Nữ thần rất vui mừng, tạ từ Thiên chủ Sakka và lui về nơi cư ngụ của mình.

Còn vị tế sư ngày hôm sau lại đến cùng với một đám người lực lưỡng mà vị này đã tập họp lại, mỗi người cầm một cây rìu thật bén hay một vật tương tự. Vị tế sư bước gần cây nắm một cành và kêu to:

- Này thần cây! Đây là ngày thứ bảy. Kể từ khi ta cầu khẩn ông một đặc ân: nay đã đến phá hoại cây rồi đó!

Vị thần cây dùng đại lực của nàng làm nứt nẻ thân cây và xuất hiện với giọng ngọt ngào, bảo vị ấy như vầy:

- Này vị Bà-la-môn, ngài muốn có một nam tử chăng? Chà! Ta sẽ ban cho ngài cả bốn đứa kia!

Vị tế sư bảo:

- Ta không muốn có con, xin nàng có một đứa con trai cho đức vua của ta thôi.

Nàng đáp:

- Không được đâu, ta chỉ muốn ban cho ngài thôi.

Vậy thì nàng hãy ban cho đức vua hai đứa và ta hai đứa đi.

- Không được, đức vua chẳng thể nào có con đâu, phần ngài phải có cả bốn đứa, mà chúng chỉđược phép ban cho riêng ngài thôi, là vì chúng sẽ không muốn sống cuộc đời thế tục tại gia, nên ngay lúc tuổi còn thanh xuân, chúng sẽ từ giã thế tục này.

- Vậy nàng cứ cho ta các đứa con trai ấy đi, ta quyết chăm sóc để bọn chúng khỏi từ giã thế tục. Vị ấy đáp.

Như vậy là nữ thần đã chấp thuận lợi cầu tự của vị tế sư này và trở về chỗ cư ngụ của nàng. Từ đó về sau, nữ thần kia được trọng vọng tôn vinh lắm.

Bấy giờ vị Thiên tử lớn nhất giáng trần, nhập mẫu thai của phu nhân vị quốc sư kia. Vào ngày đặt tên, gia đình ấy gọi hài nhi là Hatthipala hay Người Quản Tượng, và để ngăn cản con trai rời khỏi thế tục này, họ giao hài nhi cho vài người giữ voi chăm sóc, nên hài nhi lớn lên giữa đám người ấy.

Khi hài nhi mới lớn vừa biết đi chập chững thì hài nhi thứ hai ra đời cũng từ phu nhân ấy. Vào ngày sanh, họ đặt tên hài nhi là Assapàla hay Người Giữ Ngựa, và hài nhi lớn lên giữa bọn người giữ ngựa. Hài nhi thứ ba lúc ra đời được đặt tên là Gopàla hay Người Chăn Trâu và hài nhi lớn lên giữa bầy mục tử. Còn Ajapàla hay Người Chăn Dê, là tên hài nhi thứ tư được gọi lúc ra đời và hài nhi

này lớn lên giữa đám người chăn dê. Khi bầy trẻ lớn lên, chúng là những nam tử có đầy đủ tướng mạo tốt lành.

Lúc bấy giờ, vì lo sợ bầy con trai từ bỏ thế tục nên các người tu khổ hạnh xuất gia đều bị đuổi ra khỏi quốc độ này: trong toàn xứ sở Kàsi không còn sót tu sĩ nào cả. Riêng bầy nam tử này tính tình thô bạo lắm: hễ chúng đi trên con đường nào là chúng cướp đoạt những lễ vật cúng cấp đây đó trong vùng.

Khi Hathipàla lên mười sáu tuổi, vua và vị tế sư thấy dung mạo hoàn mỹ của chàng, liền nghĩ thầm: "Các con nay đã khôn lớn mạnh mẽ. Khi đã giương lên chiếc lọng hoàng gia rồi thì ta sẽ làm gì chúng được nữa? Ngay khi làm lễ quán đảnh cho chúng xong, chúng sẽ thống trị tất cả: Các vị tu khổ hạnh sẽ đến, bọn chúng sẽ thấy các vị đó và cũng sẽ trở thành các vị tu khổ hạnh luôn; một khi chúng hành động như thế thì cả nước sẽ loạn lên mất. Vậy trước tiên ta phải thử lòng chúng rồi sau đó mới làm lễ quán đảnh".

Thế là hai vị này cải trang làm các nhà tu khổ hạnh và đi khất thực cho đến khi vào tận cửa nhà của Hatthipàla đang ở. Chàng trai này vui vẻ thích thú ngay khi gặp hai vị, liền bước đến gần đảnh lễ hai vị rất cung kính, và ngâm vần kệ:

1. Cuối cùng thấy được Bà-la-môn
Đầu tóc búi to, tựa Thánh thần,
Răng bẩn, hôi dơ đầy bụi bặm,
Lại gồng gánh nặng nhọc trên lưng.
2. Cuối cùng thấy được một hiền nhân
Vui thú theo đường lối chánh chân
Với vỏ cây làm y phủ kín,
Và thêm một chiếc nữa màu vàng.
3. Xin nhận tọa sàng nước rửa chăn,
Thật là chân chánh lúc đem dâng,
Tặng nhiều thực phẩm chư hiền khách,
Xin nhận, vì gia chủ đón mừng.
Chàng trai lần lượt nói như vậy với hai vị. Rồi vị tế sư bảo:

- Này Hatthipàla con hỡi, con nói điều này vì con không biết chúng ta. Con tưởng chúng ta là các bậc hiền nhân từ vùng Tuyết Sơn xuống đây ư, song thật chúng ta không phải như vậy đâu, con ạ. Đây là Đại vương Esukàri và ta là thân phụ của con, vị quốc sư đó.

Chàng trai nói:

- Thế thì tại sao Đại vương và thân phụ đắp y như các bậc hiền giả?

Vị ấy đáp:

- Để thử lòng các con đó mà!

Chàng hỏi:

- Tại sao lại thử con chứ?

- Bởi vì, nếu con gặp chúng ta mà không muốn từ giã thế tục thì chúng ta sẵn sàng làm lễ quán đảnh phong vương cho con ngay.

- Ồ thưa phụ vương, chàng đáp, con chẳng ham vương vị, con muốn rời bỏ thế tục.

Thân phụ chàng liền đáp:

- Này con Hatthipàla, đây chưa phải thời để rời bỏ thế tục đâu.

Rồi vị này giải thích ý định của mình qua vần kệ thứ tư:

4. Học Vệ-đà kinh, việc trước tiên,
Làm giàu và cướp vợ vầy duyên,
Nhiều con, hưởng thú vui trần thế,
Thanh, sắc cùng hương, vị, xúc êm,
Sau đó ẩn cư rừng khả ái,
Thế là người trí xứng danh hiền.
Hatthipàla đáp lại với vần kệ:

5. Chân lý không sao lại đạt thành
Từ vàng bạc hoặc Vệ-đà kinh,
Nhiều con chẳng khỏi thành già cả,
Có lối thoát ra mọi dục tình,
Như các trí nhân đều thấu suốt:
Gieo gì gặt nấy kiếp lai sinh.
Bấy giờ vua ngâm kệ đáp lời chàng trai:

6. Lời tự mồm con quả thật chân:
Đời sau ta gặt thứ đang trồng,
Hai thân con đó, nay già yếu
Song các người mong muốn thấy rằng
Cuộc sống trăm năm đầy hạnh phúc
An khang cho trẻ hưởng riêng phần.
- Tâu Chúa thượng, ngài muốn ám chỉ việc gì thế?

Vương tử hỏi và ngâm hai vần kệ:

7. Kẻ nào khi chết, tấu Anh quân, Có thể tìm ra một bạn thân, Đã ký với tuổi già thỏa ước

Để cho người ấy chẳng từ trần, Mong lời cầu nguyện trên Hoàng thượng Dành bách niên kẻ đó hưởng phần.

8. Cũng giống như người lái vượt dòng,
Con thuyền sang bến nọ bên sông,
Phàm nhân đều vậy, không sao khỏi
Bệnh, lão niên, rồi tử, mệnh chung.

Bằng cách trên, chàng trai đã chỉ cho các vị này thấy cuộc sống thế nhân giả tạm phù du ra sao, rồi thêm lời khuyên nhủ:

- Tâu Đại vương, ngài đứng đó và ngay khi tiểu sinh đang đàm đạo với ngài, ngay bây giờ đây, bệnh tật, tuổi già và thần chết đang tiến gần ta. Vậy xin Đại vương hãy tỉnh giác!

Sau khi vái chào vua và phụ thân, chàng đem theo đám hầu cận muốn đi cùng chàng, bỏ lại vương quốc Ba-la-nại đằng sau và lên đường với ý định theo sống đời khổ hạnh. Cả một hội chúng đông đảo cùng đi với chàng thanh niên Hatthipàla vì hội chúng bảo:

- Cuộc sống tu hành này chắc hẳn phải cao thượng lắm.

Hội chúng ấy trải dài suốt một dặm đường, chàng nam tử cùng hội chúng tiến lên cho đến tận bờ sông Hằng. Tại đó chàng làm phát khởi Thiền định bằng cách quán sát dòng nước sông Hằng.

Chàng nghĩ thầm: "Tại đây rồi sẽ có hội chúng đông lắm!.. Ba vị hiền đệ của ta sẽ đến, kế là song thân, đức vua và hoàng hậu, tất cả cùng với đám tùy tùng sẽ sống theo đời tu tập. Thành Ba-la-nại sẽ trống vắng. Ta sẽ ở đây cho đến khi các vị đến đủ". Thế là chàng ngồi tại đó, khích lệ cả đám đông dân chúng đang tụ tập.

Hôm sau, vua và vị tế sư suy nghĩ: "Như vậy vương tử Hatthipàla đã thực sự rời bỏ quyền làm vua và hiện đang ngồi bên bờ sông Hằng, từ đó chàng sẽ đi theo cuộc sống tu hành cùng với một hội chúng đông đảo ở bên chàng. Song ta hãy đi thử Assapàla xem sao, rồi làm lễ quán đảnh phong vương cho chàng". Vì thế cũng như trước kia vừa khoác bộ y phục của nhà tu khổ hạnh, hai vị cùng đi đến cửa nhà chàng. Chàng rất hoan hỷ khi thấy hai vị, liền bước tới gần hai vị ngâm câu kệ "Cuối cùng.." ấy giống như anh cả của chàng đã ngâm. Hai vị này cùng làm như trước, và báo cho chàng biết nguyên nhân hai vị đến đây. Chàng đáp:

- Tại sao chiếc lọng trắng hoàng gia lại dành ưu tiên cho phần con, khi con có một hoàng huynh như Hatthipàla?

Hai vị đáp:

- Này con, hoàng huynh con đã ra đi để sống đời tu tập, anh con chẳng muốn liên hệ gì với hoàng gia nữa.

- Thế bây giờ anh con đâu rồi? - Chàng hỏi.

- Hiện đang ngồi bên bờ sông Hằng.

- Tâu Chúa thượng và thân phụ, con cũng chẳng đến cái thứ mà anh con đã nhổ khỏi mồm. Chỉ có những kẻ ngu si và thiếu trí mới không đủ năng lực vứt bỏ ác dục này, còn con quyết sẽ vứt bỏ nó.

Sau đó chàng thuyết pháp cho thân phụ và đức vua qua hai vần kệ được chàng ngâm lên:

9. Dục lạc là bùn bẩn, uế nhơ,

Tham tâm gây chết chóc, sầu tư,
Ai chìm trong đám bùn vô trí
Không thể bước sang đến bến bờ.
10. Đây là kẻ đã chịu sầu tư,
Nó bị bắt giam trước đến giờ,
Tìm lối thoát thân nào chẳng thấy;
Để không làm những chuyện như xưa
Từ nay con quyết lòng xây dựng
Những bức tường không thể lọt vô.
- Tiểu sinh xin thưa: Chúa thượng cùng thân phụ hiện đứng chỗ kia và ngay khi tiểu sinh đang trình với hai vị, thì bệnh tật, tuổi già và cả thần chết cũng đang tiến đến gần ta hơn.

Cùng với lối khuyến giáo này, vừa được một đám đông hộ tống kéo dài cả dặm đường, chàng ra đi tìm gặp vương tử Hatthipàla, vị vương huynh chàng liền đứng ở trên không và thuyết Pháp cho chàng rồi nói:

- Này hiền đệ, sau sẽ có một đám đông dân chúng đến đây, vậy hai ta hãy cùng ở lại chốn này.

Chàng đồng ý ở lại đó ngay.

Hôm sau, vua và vị tế sư cũng theo cách trên đến nhà vương tử Gopala. Khi được chàng hoan hỷ chào đón theo như cách hai vị vương tử trước, hai vị giải thích duyên cớ đến đây. Cũng như Hatthipàla, chàng từ chối lời đề nghị của hai ngài.

- Từ lâu con đã ước mong sống đời tu tập như một bò cái bị lạc trong rừng, còn vẫn đi lang thang tìm lối sống. Nay con nhìn thấy con đường mà hai vương huynh của con đã đi qua, giống như dấu chân kia của con bò bị lạc, nên con cũng theo đường ấy mà ra đi.

Sau đó chàng ngâm kệ:

11. Như tìm bò cái lạc trên đường,
Bối rối, loanh quanh mãi giữa rừng,
Cũng vậy, an vui con đã mất,
Sao còn do dự với phân vân,
Xin tâu Chúa thượng E-su rõ,
Khi bước đi tìm theo dấu chân?
Hai vị đáp:

- Nhưng này Gopàlaka thân yêu, con hãy đến ở cùng chúng ta một ngày, hoặc đến với chúng ta hai ba ngày, để nhà chúng ta được hạnh phúc hân hoan, rồi sau đó con hãy rời thế tục.

Chàng đáp:

- Tâu Đại vương, xin đừng bao giờ hoãn lại đến ngày hôm sau chuyện gì đáng làm hôm nay, nếu Đại vương muốn an lành xin hãy hành động ngay hôm nay, đừng trì hoãn nữa.

Sau đó chàng ngâm kệ khác:

12. Ngày mai! Kêu lớn gã ngu nhân,
Gã thét: ngày mai! mãi chẳng ngừng,
"Thời vị lai không còn sự nghiệp!"
Bậc hiền nhân vẫn cứ khuyên răn,
Chẳng bao giờ bậc hiền khinh rẻ
Thiện nghiệp nằm ngay đúng với tầm.

Gopala vừa nói như vậy, vừa thuyết Pháp qua hai vần kệ trên, xong rồi nói thêm:

- Ngay nơi Đại vương đứng đó, và ngay lúc con thưa trình với Đại vương thì bệnh tật, tuổi già và cả thần chết nữa cũng đang tiến tới dần.

Sau đó được dân chúng hộ tống cả một dặm đường, chàng ra đi tìm kiếm hai vị hiền huynh. Rồi Tôn giả Hattipàla vừa đứng ở trên không vừa thuyết Pháp cho chàng như trước.

Ngày kế đó, vua và vị tế sư cũng theo cách trên và đi đến nhà vương tử Ajapàla; chàng hoan hỷ đón chào hai vị giống như các vương huynh chàng đã làm. Hai vị nói rõ duyên cớ đến đây và đề nghị giương cho chàng chiếc lọng hoàng gia. Vương tử bảo:

- Thế hai vương huynh con đâu rồi? Hai vị đáp:

- Hai vương huynh của con không muốn liên hệ với giang sơn quốc độ này nữa; cả hai đã khước từ chiếc lọng trắng và cùng với một hội chúng trải rộng cả ba dặm đường đang ngồi trên bờ sông Hằng.

- Thế thì con cũng không muốn đặt lên đầu cái vật mà hai vương huynh nhả ra khỏi mồm và đi theo sống đời tu hành như thế, nhưng con muốn hành trì đời sống xuất gia thôi.

Hai vị bảo:

- Này con, con còn trẻ lắm, hạnh phúc của con là mối quan tâm lo lắng của hai ta, vậy để lúc già hơn rồi con hãy sống theo đời tu tập.

Song chàng trai đáp:

- Đại vương và thân phụ bảo con điều gì thế kia? Hiển nhiên cái chết vẫn đến với tuổi trẻ cũng như với tuổi già! Không ai có dấu hiệu gì trong bàn tay hay không biết được lúc nào con chết cả, vì vậy con muốn rời thế tục ngay bây giờ đấy.

Rồi chàng ngâm hai vần kệ:

13. Con thường trông thiếu nữ xinh tươi,
Mắt sáng, say sưa với cuộc đời,

Chưa hưởng phần vui xuân mới hé:
Tử thần mang liễu yếu đi rồi!
14. Cũng vậy nhiều nam tử thật sang,
Khôi ngô, cường tráng tuổi xuân quang,
Bao quanh những chiếc cằm đen nhánh
Xúm xít chòm râu cứ mọc tràn
Con giã biệt đời người thế tục
Cùng bao dục lạc của trần gian,
Để làm ẩn sĩ, xin tha thứ,
Và hãy trở về chốn cố hương.
Sau đó chàng nói tiếp:

- Nay Đại vương đứng chỗ kia và ngay lúc tiểu sinh đang tâu trình với Đại vương cùng thân phụ, thì bệnh tật, tuổi già và thần chết cũng đang tiến tới gần tiểu sinh.

Rồi chàng đảnh lễ cả hai vị, dẫn đầu một hội chúng dài cả dặm đường, chàng ra đi đến bờ sông Hằng. Tôn giả Hatthipàla cũng đứng ở trên không và thuyết Pháp cho chàng, rồi ngồi xuống, đợi đám đại chúng mà ngài mong gặp.

Hôm sau, vị tế sư bắt đầu suy tư trầm ngâm trong lúc ngồi trên bảo tọa. Ông nghĩ thầm: "Các con ta đã sống đời tu tập, nay chỉ còn lại một mình ta là lão già như gốc cây đã cằn cỗi tàn rụi, ta cũng muốn theo cuộc sống tu hành.

Rồi ông ngâm kệ với phu nhân mình:

15. Cái vật kia đâm lộc trổ cành,
Người ta gọi đó một cây xanh,
Chặt cành, chẳng phải là cây nữa,
Nó chỉ còn trơ trụi khúc mình.
Người chẳng cháu con gì cũng vậy,
Hỡi phu nhân quý tộc cao danh,
Đây là thời điểm dành cho lão
Sống cuộc đời tu tập Thánh hành.
Nói lời này xong, vị tế sư triệu tập các Bà-la-môn vào diện kiến mình: sáu mươi ngàn vị đến nơi. Sau đó ông hỏi cả hội chúng muốn làm gì. Họ đồng đáp:

- Ngài là sư phụ của chúng thần.

Ông bảo:

- Được lắm, thế thì ta sẽ đi tìm con trai ta và theo đời sống tu hành.

Hội chúng đáp:

- Không chỉ riêng ngài mới thấy địa ngục nóng rực lửa; chúng tiểu thần cũng sẽ làm y như ngài vậy.

Vị tế sư liền giao hết kho tàng châu báu, cả tám trăm triệu đồng tiền cho bà phu nhân, rồi dẫn đầu cả một đoàn Bà-la-môn trải dài suốt một dặm đường, ra đi đến vùng đất hai vị vương tử đang cư trú. Với hội chúng này cũng như trước kia, Tôn giả Hatthipàla đứng ở trên không và thuyết Pháp.

Ngày hôm sau, bà phu nhân nghĩ thầm: "Bốn nam tử của ta đã từ chối chiếc lọng trắng của hoàng gia để theo đời tu tập; trượng phu của ta cũng đã để lại kho tài sản và vứt bỏ luôn chức vụ tế sư của triều đình nữa, rồi đi theo các con, thế ta còn làm gì một thân trơ trọi nữa? Theo cách các con ta đã đi, ta cũng đi luôn".

Rồi bà ngâm kệ nói lên ước vọng qua câu tục ngữ:

16. Tháng ngày mưa gió đã qua,
Lưới kia đã bị thiên nga phá rồi,
Tự do bay lượn giữa trời,
Như đàn sếu hạc tung đôi cánh liền,
Vậy ta theo đúng đường thiêng
Chồng con đã bước, ta tìm tâm minh.

Bà nhủ thầm: "Vì ta biết rõ điều này, sao ta lại không rời bỏ thế tục?". Với dự định trên, bà triệu tập các phu nhân Bà-la-môn lại và bảo:

- Các phu nhân định làm gì giờ đây?

Họ bảo bà:

- Thế lệnh bà muốn làm gì?

- Về phần ta, ta sẽ từ giã thế tục.

- Vậy chúng thần thiếp cũng làm việc ấy.

Như thế, bà từ giã mọi cảnh huy hoàng này, ra đi tìm các con mình, đem theo cả một đám nữ nhân trải dài trên một dặm đường. Với hội chúng này, Tôn giả Hatthipàla cũng đứng ở trên không và thuyết Pháp.

Hôm sau, vua hỏi:

- Vị tế sư của trẫm đâu rồi?

Triều thần đáp:

- Tâu Chúa thượng, ngài tế sư và phu nhân đã vứt bỏ hết cảnh phú quý lại đằng sau, rồi ra đi theo các công tử cùng với một hội chúng dài đến hai ba dặm đường.

Vua phán:

- Tiền bạc vô chủ đến tay ta rồi!

Vua truyền lệnh đem tiền bạc từ nhà vị tế sư về cung. Lúc bấy giờ chánh hậu muốn biết nhà vuađang làm gì, bà được trình báo:

- Hoàng thượng đang truyền đem về cả kho báu từ nhà vị tế sư.

Bà hỏi:

- Thế vị tế sư đâu?

- Tâu lệnh bà, ngài đã xuất gia làm ẩn sĩ khổ hạnh, cùng với cả vợ con và gia quyến.

Hoàng hậu nghĩ: "Thế tại sao chúa thượng đây lại truyền theo đem vào nhà mình thứ phân uế và nước bọt mà vị Bà-la-môn này cùng gia quyến vợ con đã nhổ ra thế kia? Thật là một kẻ ngu si mê mờ tham đắm làm sao! Ta sẽ khuyên bảo ngài qua ví dụ này".

Bà truyền lấy một mớ thịt dành cho chó, chất thành một đống giữa sân hoàng cung, rồi bà đặt một cái bẫy quanh đó, để cho lối ra vào bẫy mở rộng thẳng lên trời. Bầy kên kên thấy thịt, từ xa vội sà xuống. Song những con chim khôn ngoan trong đàn ấy nhận ra cái bẫy đã được giăng quanh đó, và tự biết thân mình quá nặng nề nên không thể bay vụt thẳng được, liền nôn ra hết mọi thứ chúng đã ăn và không để cho mình bị mắc bẫy, chúng lại vút lên không và bay biến mất.

Còn những con chim khác vì ngu si mà giáng xuống, ngốn ngấu hết các thức mửa ra của đàn trước, nên quá nặng nề không thể nào bay thoát được và bị mắc vào bẫy. Quân hầu mang một con chim mắc bẫy vào dâng lên hoàng hậu và bà tự mang đến chỗ vua:

- Tâu Chúa thượng hãy nhìn xuống, bà nói. Trong sân chầu có một cảnh lạ mắt cho ta nhìn đấy!

Rồi bà vừa mở cánh cửa sổ vừa nói:

- Tâu Chúa thượng, hãy nhìn đám kên kên kia kìa!

Sau đó bà ngâm hai vần kệ:

17. Đám nọ đã ăn, đã mửa rồi!
Tự do bay lượn giữa bầu trời:
Đám kia ăn nán và lưu lại,
Giờ bị bắt giam bởi thiếp rồi.
18. Vị tế sư nôn hết dục tham,
Vật kia, Chúa thượng muốn ăn phàm?
Người ăn đồ mửa, tâu Hoàng thượng,
Xứng đáng chê bai cực tệ tàn!
Nghe những lời này, vua tràn đầy ăn năn hối hận, ba cõi sinh hữu đều chẳng khác nào đám lửa đang cháy bừng bừng, nên vua bảo:

- Ngay chính hôn nay, trẫm phải từ giã vương vị này và sống theo đời ẩn dật tu hành.

Lòng nặng trĩu ưu phiền, ngài tán thán chánh hậu qua vần kệ:

19- Khác nào người lực sĩ can cường
Giúp cánh tay vì kẻ yếu hơn
Bị chìm trong vũng bùn dơ bẩn,
Hay bãi cát lầy đã lún thân.

Chánh hậu Pan-ca này cũng vậy,
Nàng vừa giải cứu đấng quân vương
Bằng nhiều vần kệ ngâm êm dịu
Như mật rót tai trẫm dịu dàng!
Vua vừa nói như thế xong, liền lập tức triệu hồi đám quần thần, lòng nôn nóng theo đuổi cuộc sống tu hành, ngài bảo:

- Còn các khanh sẽ ý sao? - Ngài phán - Trẫm sẽ đi tìm Hatthipàla và trở thành người tu hành.

Quần thần đáp:

- Tâu chúa thượng, vậy chúng thần cũng xin làm việc ấy.

Nhà vua rời bỏ vương quyền khắp Ba-la-nại hình thành vĩ đại rộng cả mười hai dặm và bảo:

- Ai muốn thì cứ giương lên chiếc lọng trắng vương quyền.

Sau đó được đám triều thần vây quanh, ngài dẫn đầu một dòng người dài cả ba dặm, đi đến trình diện vị nam tử kia. Với đám người này, Tôn giả Hatthipàla cũng đứng ở trên không và thuyết Pháp.

*

Bậc Đạo Sư ngâm kệ kể chuyện vua này lại xuất hiện thế ra sao:

20. Như vậy, E-su-kà Đại vương
Nắm quyền nhiều lãnh thổ, giang sơn
Từ vua, ngài hóa thành tu sĩ
Như thể voi vùng đứt bộ cương .
*

Ngày hôm sau dân chúng còn lại trong kinh thành tụ tập lại trước cung môn, xin trình báo với chánh hậu, rồi họ đi và đảnh lễ chánh hậu xong, liền ngồi sang một bên và ngâm kệ:

21. An lạc thay là đấng Thánh quân
Trở thành ẩn sĩ bỏ phàm trần
Chúng thần nay nguyện cầu hoàng hậu
Vào ngự trong ngôi vị đế vương
Xin hãy yêu thương toàn quốc độ,
Được tay phò trợ của quần thần.
Bà lắng nghe những lời hội chúng thỉnh nguyện, xong bà liền ngâm các vần kệ còn lại:

22. An lạc thay là đấng Thánh Quân
Trở thành ẩn sĩ, bỏ phàm trần
Bây giờ hãy biết rằng ta quyết

Tiến bước đơn thân giữa thế nhân
Cùng bao lạc thú đủ toàn phần.
23. An lạc thay là đấng Thánh quân
Trở thành ẩn sĩ, bỏ phàm trần
Bây giờ hãy biết rằng ta quyết
Tiến bước đơn thân giữa thế nhân,
Bất cứ nơi nào còn ngũ dục
Ta đều vứt bỏ chúng toàn phần.
24. Thời gian trôi, sáng tối không ngừng
Dung sắc thanh xuân phải úa dần
Nay hãy biết rằng ta đã quyết
Bước đi đơn độc giữa phàm trần
Giã từ khát vọng và tham ái
Cùng các thú vui đủ mọi phàm.
25. Thời gian trôi, sáng tối qua dần
Phải úa tàn bao vẻ đẹp xuân
Nay hãy biết rằng ta quyết chí
Bước đi đơn độc giữa phàm trần
Nơi nào bất kể còn tham dục
Ta cũng rời xa chúng mọi phần
26. Thời gian trôi, sáng tối xoay vần
Hương sắc thanh tân phải úa dần,
Nay hãy biết rằng ta ước nguyện
Bước đi đơn độc giữa phàm trần
Mọi dây ràng buộc đều quăng bỏ
Cũng chẳng còn uy lực dục tâm
Qua các vần kệ trên, bà thuyết Pháp cho hội chúng đông đảo ấy xong, bà triệu tập các vị phu nhân của đám triều thần và bảo:

- Nay các phu nhân muốn làm gì?

- Tâu nương nương , thánh ý định thế nào?

- Ta muốn sống đời tu tập.

- Thế thì chúng thần thiếp cũng làm theo lệnh bà.

Vậy là chánh hậu mở rộng cửa kho vàng trong cung, bà ra lệnh khắc một phiến đá vàng ghi câu: "Nơi ấy là cả một đại kho tàng, bất cứ ai muốn, đều có thể lấy về". Phiến vàng ấy được bà cho buộc vào một cái trụ trên một đài cao. Sau đó, từ giã bao cảnh vinh quang tráng lệ của hoàng cung, bà ra khỏi kinh thành. Tiếp theo toàn thành nhốn nháo lên với tiếng la hét:

- Đại vương và chánh hậu đã rời thành đi theo hội chúng tu khổ hạnh, vậy bây giờ ta phải làm gì?

Từ đó về sau dân chúng rời bỏ nhà cửa cùng các đồ vật trong đó, và ra đi, đem theo con cái, các tiệm buôn bán mở rộng cửa hàng, song chẳng ai buồn quay lại nhìn chúng nữa, cả kinh thành trống vắng không một bóng người.

Và chánh hậu cùng với đoàn người hộ tống dài cả ba trăm dặm đường đi đến cùng nơi chốn ấy như các vị trước đây. Với hội chúng này, Tôn giả Hatthipàla cũng đứng ở trên không và thuyết pháp; rồi sau đó cùng toàn thể dân chúng dài hơn mười dặm khởi hành về hướng Tuyết Sơn.

Toàn quốc độ Kàsi náo loạn, la hét vang lừng câu chuyện nam tử Hatthipàla đã làm cho kinh thành Ba-la-nại trống vắng bằng cách nào, với hội chúng dài hơn cả nười hai dặm đường chàng rađi về vùng Tuyết Sơn ra sao, để theo sống đời tu khổ hạnh, dân chúng bảo nhau:

- Thế thì hiển nhiên chúng ta càng nên làm việc ấy!

Cuối cùng hội chúng này cứ tăng dần đến độ chiếm cả ba mươi dặm đường, rồi vương tử cùng cảđại chúng ấy đi đến Tuyết Sơn.

Sakka (Đế Thích) Thiên chủ trong luc xét suy, đã nhận biết mọi việc đang xảy ra. Ngài suy nghĩ: "Vương tử Hatthipàla đã làm Đại sự Xuất thế; quần chúng đông đúc lắm, như thế chúng phải có nơi cư trú". Ngài liền ra lệnh cho Thiên sứ Vissakamma (Thần xây dựng):

- Này hiền hữu, hãy ra đi xây dựng vùng am tu dài ba mươi sáu dặm và rộng mười lăm dặm, rồi thâu góp về đó tất cả mọi thứ cần dùng cho các vị tu hành.

Vị này tuân lệnh, và dựng bên bờ sông Hằng ở một nơi mát mẻ dễ chịu cả một vùng am thất theo đúng tầm cỡ cần dùng, chuẩn bị trong các am đầy đủ nệm rơm lót bằng cánh lá cây, lại để sẵn sàng mọi vật dụng cần thiết cho các người tu hành. Mỗi am đều có các cửa ra vào, một chốn đi dạo mát, có chỗ ở riêng biệt dùng cho ban ngày và ban đêm, tất cả đều được quét vôi trắng sạch sẽ sáng sủa, lại có thêm các trường kỷ để nghỉ ngơi. Đó đây rải rác đủ loại trái cây trổ hoa chi chít trên cành

khoe đủ sắc hương ngào ngạt; cuối mỗi chốn dạo chơi là một cái giếng để kéo nước, cạnh đó có cây ăn trái, mỗi cây đều mọc đủ mọi thứ. Tất cả những thứ này đều nhờ thần lực hóa ra cả.

Khi Thiên sứ Vissakamma đã xây xong khu ẩn cư này và cung cấp cho các thảo am đủ mọi vật cần thiết, vị ấy ghi các hàng chữ bằng son đỏ trên bức tường: "Ai muốn sống đời tu tập xin mời đến chỗ các vật dụng này". Sau đó vị ấy lại dùng thần lực xua đuổi ra khỏi vùng ấy mọi thứ tiếng kêu kỳ quái, mọi ác điểu và mãnh thú, những loại phi nhân rồi trở về cõi của mình.

Tôn giả Hatthipàla chợt thấy vùng ẩn am này là tặng vật của Đế Thích Thiên chủ, ngài đi theo con đường mòn và thấy phiến đá ghi chữ kia. Ngài nghĩ thầm: "Đế Thích Thiên

chủ hẳn đã nhận thấy ta vừa làm Đại sự Xuất Thế". Ngài mở một cánh và bước vào am, cầm lên những vật dụng dành cho người tu khổ hạnh, ngài lại bước ra đi dọc theo chốn dạo chơi, và quanh quẩn đó đây vài lần. Sau đó ngài thâu nhận cả hội chúng vào nếp sống tu hành, và đi quan sát cả vùng ẩn cư ấy. Ngài để dành phần giữa là cho phụ nữ có con thơ, phần kế đó cho các bà già, phần kế nữa cho đám phụ nữ không có con cái gì, còn các am thất khác ở chung quanh đều dành cho nam giới.

Thế rồi một hôm vị vua kia nghe tin đồn là không có vua cai trị vì Ba-la-nại liền đi xem và thấy cả kinh thành được trang hoàng rực rỡ với nhiều báu vật. Bước vào cung điện vua ấy thấy vàng bạc nằm ngổn ngang từng đống.

- Kìa! Vị ấy bảo. Rời bỏ kinh thành như thế này để trở thành người tu hành ngay khi cơ duyên tốt lành vừa đến, thật là một việc cao cả thay!

Vị vua ấy vừa hỏi đường một anh chàng say rượu nào đó, liền đi tìm Tôn giả Hatthipàla. Khi Hatthipàla nhận biết vị vua ấy đã đến ven rừng, liền bước ra đón mừng, vừa trên không vừa thuyết Pháp cho toàn hội chúng mới. Sau đó ngài dẫn đám người ấy vào rừng ẩn cư, tiếp nhận cả đoàn vào hội chúng tu tập. Cùng cách trên, sáu vị vua khác gia nhập vào đây. Bảy vị vua này đều từ bỏ mọi phú quí vinh quang. Chốn ẩn cư này rộng cả ba mươi sáu dặm cứ đông đúc dần dần. Mỗi khi có một vị đạo nhân nào khởi tư tưởng tham dục hay các tưởng tượng như thế, ngài thường thuyết Pháp cho vị đó và giảng dạy hội chúng tư duy về các Công hạnh Viên mãn (Các hạnh Ba-la-mật) và thiền định, nên dần dần các vị này tu tập pháp môn nhập định; hai ba phần hội chúng được tái sanh vào cảnh giới Phạm Thiên, còn một phần ba lại được chia ra thành ba nhóm: một nhóm được sanh lên cõi Phạm thiên giới, một nhóm được sanh vào sáu tầng trời dục giới và một nhóm, sau khi hoàn thành sứ mạng của vị kiến giả, được sinh vào thế giới loài người. Như vậy mỗi người trong ba nhóm đều được thọ hưởng công đức của mình. Thế là việc giáo hóa của hiền giả Hatthipàla đã cứu độ mọi người khỏi đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và khỏi trở thành một Asura (A-tu-la: một loại ác thần hay sân hận, từng gây chiến với chư Thiên dục giới).

*

Trên đảo Tích Lan (Ceylon) này, các vị đã làm Đại sự Xuất thế là Trưởng lão Dhammagutta, vị này đã làm cho địa cầu chấn động; Trưởng lão Phussa-deva, một thị dân của thành Katakandhakara, Trưởng lão Mahàsamgharakkhita từ vùng Uparimandalakamalay, Trưởng lão Malimahàdeva từ vùng Bhaggiri; Trưởng lão Mahàsìva, từ vùng Vàmantapabbhàra; Trưởng lão Mahànàga từ vùng Kàlavallimandapa; các vị trong hội chúng của ngài Kuddàla, Mùgapakkha, Cùlusutasoma, của Hiền giả Ayohara, và cuối cùng của tất cả hội chúng Hatthipàla.

Do vậy bậc Thế Tôn bảo:

- Hãy vội làm việc lành, các vị sẽ được an lạc! Nghĩa là an lạc chỉ đến với ta nếu ta vận dụng hết công sức mình.

*

Khi Pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo Sư bảo:

- Như vậy này các Tỷ-kheo, ngày xưa, Như Lai làm Đại sự Xuất thế cũng như bây giờ

Nói xong Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy phụ vương Sudhodana (Tịnh Phạn) là vua Eusari, mẫu hậu Mahàmayà là vị chánh hậu kia; Kassapa (Ca-diếp) là vị tế sư, Bhaddakapilàni là vị phu nhân, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Ajapàla, Moggallàna (Mục-kiền-liên) là Gopàla, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là Assapala, hội chúng của đức Phật là toàn thể đám người kia, và Ta chính là Hiền giả Hatthipàla.

-ooOoo-

510. Chuyện vương tử trong ngôi nhà sắt (Tiền thân Ayoghara)

Mầm sống một khi nhập tử cung...

Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể về Đại sự Xuất thế của Ngài. Tại đây một lần nữa, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Như Lai làm Đại sự Xuất thế, vì trước kia Như Lai cũng đã làm như thế.

Và Ngài kể cho Tăng chúng một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Bramadatta trị vì Ba-la-nại, bà chánh hậu thọ thai, đến thời mãn nguyệt khai hoa, bà sinh một vương tử ngay sau buổi rạng đông. Bấy giờ trong một đời trước có một phụ nữ khác cũng lấy chồng chung với bà, đã thốt lời thề rằng nàng sẽ tìm cách ăn thịt hài nhi của bà đời sau. Chuyện kể lại, vì nàng không sinh sản gì nên đem lòng tức giận cả hai mẹ con bà thuở ấy, mới thốt lên lời nguyền như trên. Bởi duyên cớ đó, nàng tái sinh thành một thứ quỷ cái. Còn người mẹ kia, nay trở thành chánh hậu và sinh hạ hoàng nam này. Con quỷ cái ấy tìm cơ hội hiện hình khủng khiếp chụp lấy hài nhi ngay trước mặt người mẹ và mang đi mất. Hoàng hậu thét lên vang lừng:

- Một con quỷ đã bắt hoàng nam của ta rồi!

Con quỷ kia nhai ngấu nghiến trệu trạo đứa hài nhi như ăn một củ hành sống rồi nuốt trửng hết! Sau đó nó lại biến hóa tay chân ra đủ hình dạng để đe dọa cho hoàng hậu kinh hoảng lên, rồi biến đi. Khi vua hay tin dữ ấy, ngài câm lặng không nói gì được, ngài suy nghĩ: "Còn biết làm sao chống chọi lại con quỷ cái kia chứ?"

Lần kế tiếp hoàng hậu lâm bồn, vua sắp đặt quân canh phòng bên mình bà. Bà hạ sinh một vương tử nữa, con quỷ ấy lại đến vồ lấy đứa bé ăn thịt rồi biến mất.

Làn thứ ba chính là bậc Đại Sĩ nhập mẫu thai của chánh hậu. Vua triệu tập một số người lại phán:

- Hễ hoàng nhi nào do chánh hậu của trẫm sinh ra đều bị một con quỷ cái đến vồ lấy ăn thịt. Vậy phải làm sao bây giờ?

Sau đó có người tâu:

- Bọn quỷ rất sợ lá thốt nốt, chúa thượng nên cho buộc một ngọn lá ấy vào tay chân hoàng hậu.

Một kẻ khác lại tâu:

- Bọn quỷ cũng sợ cái nhà bằng sắt. Vậy phải dựng lên một cái.

Nhà vua chấp thuận. Ngài triệu tập tất cả thợ rèn trong quốc độ ngài và ra lệnh dựng cho ngài một cái nhà bằng sắt, và cho người giám sát công việc của họ. Ngay trong kinh thành, tại một địa điểm khả ái, họ xây lên một ngôi nhà có cột trụ và mọi bộ phận trong nhà không gì khác ngoài sắt; trong chín tháng ngôi nhà được hoàn tất, thật là một lâu đài vững chắc kiên cố, được đèn chiếu sáng suốt ngày đêm không bao giờ ngưng cả.

Khi vua biết rằng hoàng hậu sắp mãn nguyệt khai hoa, ngài truyền lệnh sắp đặt tiện nghi đầy đủ cho tòa nhà sắt rồi rước bà vào trong đó. Bà hạ sinh một hoàng nam có đầy đủ mọi quý tướng tốt lành, và hai vị đặt tên con là Ayoghara Kumàra hay Vương tử Thiết Thất (Vương tử ở trong ngôi nhà sắt)

Vua giao hài nhi cho các nhũ mẫu trông nom lại sắp đặt một đôi vệ sĩ hùng hậu giữ quanh lâu đài ấy, trong khi ngài cùng chánh hậu đi diễu quanh kinh thành hướng về phía hữu, rồi ngự lên thượng lầu nguy nga lộng lẫy của hoàng cung. Đồng thời con quỷ cái, vì cần uống nước đã đi tìm thứ nước của Thiên Vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) nên bị giết.

Trong ngôi nhà sắt kia, bậc Đại Sĩ lớn lên cùng với trí khôn phát triển dần, ngài được dạy đủ mọi môn học thuật cũng tại nơi đó cả.

Vua hỏi các triều thần:

- Nay vương nhi đã mấy tuổi rồi?

Hội chúng đáp:

- Tâu chúa thượng, vương tử vừa lên mười sáu: thật là một trang anh hùng đầy dũng lực cường tráng, đủ để chế ngự cả ngàn con quỷ kia!

Vua liền quyết định giao vương quyền vào tay vương tử. Ngài ra lệnh cho kinh thành trang hoàng rực rỡ, truyền bảo rước vương tử ra khỏi ngôi nhà sắt đến triều kiến ngài. Quần thần tuân lệnh: Toàn thành Ba-la-nại được trang hoàng rực rỡ, kinh đô vĩ đại ấy trải khắp mười hai dặm; họ lại tô

điểm cho vương tượng bằng tấm khăn phủ lưng thật lộng lẫy, phục sức cho vương tử cực kỳ sang trọng rồi đặt ngài lên lưng vương tượng và tâu:

- Tâu Điện hạ, xin Điện hạ ngự du một vòng theo phía hữu quanh kinh thành đang nô nức mở hội này, đây chính là giang sơn sự nghiệp của Điện hạ, sau đó sẽ đến đảnh lễ đấng Hoàng thượng là Đại vương quốc độ Kàsi, vì hôm nay chính là ngày Điện hạ đón nhận chiếc Lọng trắng.

Bậc Đại Sĩ ngự đám rước ngài diễu quanh kinh thành theo về phía bên hữu, ngài thấy các hoa viên tuyệt mỹ, đủ màu sắc xinh tươi với hồ nước, các thửa ruộng, vườn cây, nhà cửa phố xá, khắp nơi đều đẹp mắt, ngài tự nhủ thầm: "Tất cả cảnh sắc thế này mà trong bao lâu vương phụ lại giam giữ ta rất cẩn mật, chẳng hề cho ta thấy kinh thành được trang hoàng rực rỡ thể kia. Ta đã có lỗi gì vậy?" Ngài liền đem câu ấy hỏi các triều thần. Hội chúng đáp:

- Tậu Điện hạ, ngài chẳng có lỗi gì. Song có một con quỷ cái đã xé xác ăn hai vương huynh của ngài mất đi nên đức Thượng hoàng cho ngài ở trong ngôi nhà sắt và chính ngôi nhà sắt ấy đã cứu mạng ngài.

Những lời này lại làm ngài suy nghĩ: "Suốt mười tháng ta đã ở trong bụng mẹ, chắc hẳn có khác gì cái địa ngục hình Chảo Sắt (Thiết Oa địa ngục) hay Địa ngục phân dơ (Phẩn Ni địa ngục) đâu, rồi khi ta ra khỏi bụng mẹ, cả mười sáu năm trời nay ta sống trong ngục thất kia, không bao giờ có cơ hội nhìn ra ngoài. Mặc dù ta đã thoát được đôi bàn tay của con quỷ kia, ta vẫn không sao thoát được tuổi già và thần chết; vậy ta sẽ xin phép phụ vương đi theo đời sống tu hành, và ta sẽ lên vùng Tuyết Sơn để thực hiện ước nguyện."

Như vậy sau khi ngài dự đám lễ hội rước ngài ngự quanh kinh thành xong, ngài vào hoàng cung, đảnh lễ phụ vương và đứng chờ lệnh. Vua ngắm dung sắc tuyệt mỹ của ngài, lại nhìn đến đám quần thần với tấm lòng yêu thương mãnh liệt bừng lên trong đôi mắt. Quần thần hỏi:

- Tâu Chúa thượng, Chúa thượng muốn truyền cho chúng thần làm gì?

- Các hiền khanh hãy đưa vương nhi ngự lên đám trân châu báu ngọc, làm lễ quán đảnh cho vương nhi với nước từ ba vỏ ốc xà cừ, xong rồi giương chiếc Lọng trắng viền tua vàng lên che cho vương nhi.

Song Bậc Đại Sĩ đảnh lễ phụ vương và thưa trình:

- Tâu phụ vương, con không muốn liên hệ gì với vương triều nữa. Con ước ao sống đời tu tập và con tha thiết cầu mong phụ vương cho phép con làm việc ấy.

- Này vương nhi, tại sao con lại muốn rời bỏ vương vị và sống theo đời tu khổ hạnh.

- Tâu phụ vương, suốt mười tháng con nằm trong bụng mẹ chẳng khác nào Địa ngục phân dơ, khi đã sinh ra đời, vì sợ con quỷ dữ mà con phải sống trong cảnh giam cầm, chẳng bao giờ có cơ hội nhìn ra ngoài. Con thấy giống như bị nhốt vào ngục Ussada (Ngục có thành sắt bao bọc), nay đã thoát nạn quỷ cái ấy, song con chẳng bao giờ thoát được tuổi già và cái chết, vì không ai có thể chiến thắng thần chết cả. Con nhàm chán sự sinh ra đời rồi. Vậy trước khi già, bệnh, chết kéo đến

với con, con quyết theo đời người tu hành, tiến bước trong chánh hạnh. Con không muốn ngai vàng dành cho con. Tâu phụ vương, xin phụ vương ban ơn chấp thuận cho con đi.

Rồi ngài thuyết Pháp cho thân phụ như vầy:

1. Mầm sống, một khi nhập tử cung
Mới vừa khởi sự bước đầu xong
Nó liền tiến mãi hoài liên tục
Sinh mệnh dòng kia chẳng thể dừng.
2. Không một quyền năng, chẳng lực hùng
Giúp người tránh lão tử sau cùng,
Mọi loài khổ lụy vì sinh lão,
Con quyết tìm thanh tịnh bản thân
3. Đại vương chiến thắng bởi hùng binh
Bốn đạo quân nhìn thật đáng kinh,
Song chẳng phá tan quân Diêm chúa
Nên con nguyền Phạm hạnh phần mình
4. Dù mã, tượng, xa với đạo quân
Vây quanh, vài kẻ thoát nhanh chân;
Song không ai thoát tay thần chết
Con quyết đời thanh tịnh để phần.
5. Với mã , tượng xã, các đạo binh
Anh hùng tiêu diệt thảy tan tành.
Song không thấy có người nào đủ
Sức mạnh phá tan được tử hình;
Vì thế lòng con nay đã quyết
Cuộc đời Phạm hạnh để cho mình
6. Voi điên, da đẫm ướt trên đường
Phố xá dẫm tan, giết hại dân,
Song chẳng thấy người đầy thế lực
Dẫm ta, tiêu diệt tử ma vương;
Cho nên con quyết lòng tu tập
Thanh tịnh đời riêng với bản thân.
7. Xạ thủ đại hùng, thiện xảo thay,
Bắn như tia chớp tự xa bay,
Song con không thấy người thừa sức
Làm tổn thương được thần chết này
Vì thế lòng con giờ quyết định
Theo đời thanh tịnh để phần đây.
8. Rừng núi, hồ sông với thạch bàn
Không lâu để sụp đổ điêu tàn
Đúng thời, vạn vật thành không cả,
Con quyết đời thanh tịnh bước đàng.
9. Giống như cây ở mé bờ sông

Bán áo, người say đổi rượu nồng
Cuộc sống muôn loài đều khổ cả,
Nên con quyết Phạm hạnh riêng phần
10. Tứ đại rã tan , chúng lụi dần,
Trẻ già, nam nữ, cả nhân quần
Ngã như trái rụng vì cây đổ;
Con quyết đời thanh tịnh bản thân
11. Xuân của thế gian khác nữ thần
Ngự trên tinh tú ấy cô Hằng
Chẳng bao giờ tuổi xuân về nữa
Đối với lão niên kiệt quệ dần
Lạc thú ái ân nào có được?
Nên con quyết Phạm hạnh riêng phần.
12. Ác quỷ thần tiên, lúc nổi sân
Phun luồng khí độc hại phàm nhân,
Song làn khí độc thần linh ấy
Chẳng giúp vào xô ngã tử thần
Vì vậy lòng con giờ đã quyết
Cuộc đời thanh tịnh để riêng phần.
13. Khi ác thần, yêu quái quỷ tinh
Nổi sân, được vuốt dịu làm lành
Do người cúng bái; song không thể
Làm tử thần tan hết bất bình
Vì vậy giờ con đây quyết định
Cuộc đời thanh tịnh để phần mình.
14. Những người gây tội ác, hung tàn
Khi lộ, bị hình phạt chúa ban
Song với tử thần, không thể phạt
Nên con nguyền Phạm hạnh lên đàng
15. Những người gây tội ác đau thương
Tìm cách cản tay các đế vương
Song với tử thần tay lưỡi hái
Việc này xem quả thật vô phương.
Cho nên con quyết giờ đây chọn
Thanh tịnh đời con tiến thẳng đường

16. Quân vương, võ tướng, Bà-la-môn
Những kẻ mang danh vị tối tôn,
Những đại phú gia, người thế lực
Tử thần cũng chẳng rũ lòng thương

Cho nên con quyết từ đây sống
Phạm hạnh đời con đã chọn đường
17. Cọp beo, sư tử chụp con mồi
Tất cả đều ăn sống nuốt tươi
Cho dẫu con mồi mong giãy giụa
Tử thần đâu sợ hổ, sư nhai!
Cho nên con trẻ từ đây quyết
Phạm hạnh riêng con sống cả đời
18. Kẻ xiếc trên sân khấu lộn sòng
Diễn trò lừa bịp mắt người trông
Muốn lừa thần chết, không mưu kế;
Thánh hạnh đời con đã quyết lòng
19. Nọc độc rắn rồng lúc nổi sân
Tấn công, giết lập tức người trần;
Nọc kia, thần chết không hề sợ;
Thanh tịnh đời con quyết chọn phần
20. Nanh độc rắn dùng lúc nổi sân,
Vị lương y có đủ tài năng
Làm tiêu tan hết xà công lực
Song chữa vết thương của Tử thần
Không một anh hùng nào đủ sức
Nên con quyết Phạm hạnh riêng phần
21. Lương y chữa nọc rắn tài tình,
Đã chết, giờ đây khuất bóng hình:
Bố-giạ, Vệ-tài, Đa-mẫn nữa
Nên con quyết Phạm hạnh cho mình
22. Vài kẻ tinh thông thuật, chú thần,
Tàng hình đi trước mặt tha nhân,
Tuy nhiên không thể tàn hình mãi
Mà tử thần trông thấy vẫn gần
Vì vậy lòng con nay quyết định:
Cuộc đời thanh tịnh để riêng phần
23. Bất cứ ai theo hạnh phúc chánh chân

Đều là người được hưởng bình an,
Khéo hành chánh đạo nhiều công đức,
Hạnh phúc thay là bậc chánh nhân!
Chẳng bao giờ có người chánh hạnh
Rơi vào trong đọa xứ đau buồn
24. Đúng chăng nghiệp quả của riêng mình

Đều phải do tà, chánh phát sinh?
Tà hạnh dẫn người vào địa ngục
Chánh chân đưa đến cõi thiên đình.
Khi bậc Đại Sĩ đã thuyết pháp như vậy qua hai mươi bốn vần kệ xong, ngài tiếp:

- Tâu Đại vương, xin Đại vương giữ quốc độ cho mình, phần con không màng đến nó chút nào. Ngay khi con đang tâu trình với phụ vương thì bệnh tật, tuổi già và thần chết nữa đều tiến đến gần con hơn. Xin phụ vương ở lại vương vị cũ.

Sau đó, chẳng khác nào con voi điên cuồng bật tung xiềng xích bằng sắt, hoặc như chú sư tử nhỏ bé phá vỡ chiếc lồng vàng, ngài đập tan mọi dục vọng phàm tục trong lòng và đảnh lễ song thân rồi ra đi.

Tiếp theo đó phụ vương của ngài phán:

- Ta cũng không thiết ngai vàng quốc độ nữa!

Rồi vua cha từ giã thế sự, ra đi cùng ngài. Khi các ngài đi rồi, chánh hậu, đám triều thần Bà-la-môn, các gia chủ cùng mọi người khác trong kinh thành đều bỏ nhà cửa ra đi hết.

Thế là một đoàn đại chúng trải dài cả mười hai dặm đường. Cùng với đám đông này, ngài tiến về phía Tuyết Sơn.

Khi Sakka Thiên chủ (Đế Thích) biết rằng ngài đã xuất gia, liền sai Thiên sứ đi xây dựng một vùng am thất trải dài cả mười hai dặm, bề rộng bảy dặm và truyền bảo vị ấy đem vào đó mọi thứ cần thiết cho cuộc đời tu tập khổ hạnh. Cách thức bậc Đại Sĩ tiếp tục thâu nhận đám người này vào hội chúng xuất gia của ngài và thuyết giáo cho hội chúng, sau đó hội chúng được sinh lên Phạm thiên giới hay chứng đắc quả Tam quả bất Lai như thế nào, tất cả đều diễn ra giống như trước kia

* Khi Pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo Sư bảo: - Như vậy này các Tỷ-kheo, trước kia Như Lai cũng đã làm Đại sự Xuất thế.

Sau đó Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, song thân của vương tử kia là phụ hoàng và mẫu hậu ngày nay, hội chúng của đức Phật là đám thần dân và Ta chính là Hiền giả Ayoghara (Thiết Thất)

-ooOoo-

Chương XVI Phẩm Ba mươi bài kệ

511. Chuyện dục tham kỳ dị (Tiền thân Kimchanda)

Vì cớ sao ngài ở bến sông...,

Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên hay Thắng Lâm) về việc hành trì ngày trai giới (uposatha: Bố-tát giới hay bát quan trai giới)

Một ngày nọ, một số nam nữ cư sĩ đang hành trì ngày trai giới, đến nghe Pháp và ngồi tại Chánh pháp đường. Bậc Đạo Sư hỏi xem hội chúng có hành trì ngày trai giới không,

và khi họ đáp là có, Ngài nói thêm:

- Các ông hành trì ngày trai giới thật tốt lành thay; ngày xưa, có những người chỉ nhờ hành trì nửa ngày trai giới mà đạt được vinh quang tột bực.

Rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ tại thành Ba-la-nại, vua Brahmadatta cai trị quốc độ rất đúng pháp và là một người sùng đạo, ngài nhiệt tình hành trì mọi thiện sự trong ngày trai giới, giữ đúng giới luật và bố thí. Ngài cũng khuyên các cận thần cùng nhiều người khác giữ hạnh nguyện bố thí, làm phước đức, nhưng vị quốc sư của ngài là một kẻ xấu miệng, ưa gièm pha, tham của hối lộ, nên xử án bất công.

Vào một ngày trai giới kia, vua triệu các quân sư lại và bảo họ giữ giới. Vị quốc sư này không thi hành phận sự của ngày trai giới. Vì vậy trong ngày ấy, lão nhận hối lộ và xử án bất công rồi sau đó đến chầu vua. Sau khi hỏi mỗi vị cận thần xem có giữ giới không, vua hỏi vị quốc sư:

- Này Tôn giả, người có giữ giới không?

Lão nói dối là có, rồi rời cung vua. Lúc ấy một vị cận thần khác quở trách lão:

- Chắc chắn ngài chẳng giữ giới.

Lão đáp:

- Ta đã ăn từ sáng sớm, nhưng khi ta về nhà sẽ súc miệng và giữ giới luật, ta sẽ không ăn gì buổi chiều và suốt đêm ta sẽ giữ giới luật, như thế ta cũng giữ được nửa ngày trai giới.

Họ đáp:

- Thưa Tôn giả, thế thì tốt lắm.

Lão đi về nhà và làm đúng như vậy.

Một ngày kia, khi lão đang ngồi xử kiện, một người đàn bà vốn là kẻ giữ đúng giới luật, đang gặp chuyện thưa kiện, và vì không thể về nhà được, bà ấy nghĩ thầm: "Ta không thể vi phạm hành trì ngày trai giới."

Nên lúc đến gần giờ trì giới, bá ấy bắt đầu súc miệng. Và lúc ấy có người mang vào một mâm xoài chín biếu tế sư Bà-la-môn. Lão thấy bà ta đang giữ giới liền bảo:

- Bà ăn đi rồi giữ giới.

Bà ấy vâng theo. Hạnh nghiệp của vị Bà-la-môn kia đã tạo được nhiều phước lớn.

Về sau đó, lão chết đi và tái sinh vào vùng núi Tuyết Sơn, trong một nơi phong cảnh tươi đẹp bên bờ sông Kosiki, chi nhánh của sông Hằng, trong một khu rừng xoài rộng ba dặm trên một vương sàn nguy nga của một cung điện bằng vàng. Lão tái sinh như thể một người vừa thức giấc, liềnđược phục sức xiêm y, điểm trang lộng lẫy, với dung

mạo tuyệt vời, lại được mười sáu ngàn tiên nữ chầu hầu chung quanh. Suốt đêm trường lão thọ hưởng vinh quang này vì đã được sinh làm vị Thần trong Ma cung, phước lộc của lão cũng tương xứng với hạnh nghiệp xưa của lão.

Vì thế khi bình minh đến, lão vào rừng xoài, ngay lúc vừa bước chân vào, thân thể thần tiên của lão biến mất, lão hóa hình thù to lớn như một cây thốt nốt cao tám mươi cubit (acubit = 45cm), toàn thân rực sáng như một cây phượng vĩ đang trổ hoa đỏ thắm. Lão chỉ có một ngón tay trên mỗi bàn tay, nhưng móng lại to như bàn cuốc, với các móng tay này, lão móc thịt sau lưng, xé thịt mình ra mà ăn, rồi đau đớn điên cuồng lên, lão cứ khóc rống thật to. Mãi vào lúc mặt trời lặn, thân hình này biến mất và phong cách thần tiên của lão hiện ra. Bầy tiên nữ nhảy múa, cầm nhiều nhạc cụ trong tay, hầu hạ quanh lão, trong lúc hưởng đại vinh hiển như vậy, lão bước lên tiên cung trong khu rừng xoài diễm lệ.

Như vậy là do kết quả việc tặng trái xoài cho người đàn bà đang trì giới, lão được hưởng một khu rừng xoài rộng ba dặm, nhưng vì phải thọ lãnh nghiệp quả về việc nhận hối lộ và xử án sai lầm, lão phải xé thịt trên lưng ra mà ăn, đồng thời nhờ việc hành trì nửa ngày trai giới, lão tận hưởng vinh quang mỗi đêm cùng với mười sáu ngàn tiên nữ múa hát hầu hạ quanh mình.

Vào thời ấy, vua xứ Ba-la-nại hiểu rõ tội lỗi do tham dục gây ra, nên xuất gia tu hành, ẩn cư trong một thảo am nọ trên một vùng phong cảnh xinh đẹp miền hạ lưu sông Hằng, sống khổ hạnh với những vật ngài kiếm được.

Một ngày kia, có quả xoài chín trong rừng ấy bằng cái bát, rơi xuống sông Hằng theo dòng sông đến nơi đối diện với chỗ định cư của vị khổ hạnh này. Trong khi ngài đang súc miệng, chợt thấy trái xoài trôi giữa dòng, ngài liền lội qua lấy nó mang về am, cất vào nội thất, nơi ngài đốt ngọn lửa thiêng. Sau đó khi xẻ xoài ra, ngài chỉ ăn vừa đủ sống, rồi gói phần còn lại bằng lá chuối. Ngài cứ ăn dần dần trái xoài như vậy cho đến hết.

Khi đã ăn hết xoài, ngài không thể ăn trái cây nào khác nữa, nhưng bị thói tham ăn của ngon trói buộc, ngài thốt lời thề từ nay chỉ ăn xoài chín mà thôi, liền đến bờ sông nhìn xuống dòng nước,

quyết không bao giờ đứng dậy cho đến khi tìm được một trái xoài! Thế là ngài nhịn ăn sáu ngày liền, cứ ngồi đó chờ mong tìm xoài, cho đến khi ngài khô héo vì nắng gió.

Đến ngày thứ bảy, một vị nữ thần xem xét sự việc ấy, thấy rõ lý do hành động của ngài và suy nghĩ: "Vị tu khổ hạnh này bị thói tham ăn câu thúc, cứ ngồi đó nhịn đói bảy ngày nhìn xuống sông Hằng. Việc ta chối từ ngài một quả xoài là điều sai lầm, vì nếu không có xoài , ngài sẽ chết, vậy ta sẽ cho ngài một trái."

Thế là nữ thần liền hiện lên giữa không gian trên sông Hằng và nói với ngài vần kệ đầu tiên

1. Vì cớ sao ngài ở bến sông
Suốt trong mùa hạ, nắng oi nồng

Bà-la-môn hỡi, người thầm nguyện
Chủ đích gì ngài vẫn ước mong
Nhà tu khổ hạnh nghe thế liền đáp lại chín vần kệ:

2. Bồng bềnh trôi nổi ở trên dòng
Ta thấy xoài kia, hỡi nữ thần
Vươn cánh tay dài ta lấy quả
Đem về nhà cất ở gian trong
3. Ngọt ngào hương vị thật thanh tao,
Ta nghĩ của trời quí giá sao!
Hình dáng đẹp tươi này sánh với
Chiếc bình lớn nhất khác chi nào!
4. Ta dấu xoài trong lá chuối cây
Cắt ra từng lát với dao này
Ít oi thực phẩm, phần ăn uống
Hợp với đời người đạm bạc đây
5. Phần ăn dần hết, bớt thèm thuồng
Tuy thế lòng ta vẫn tiếc luôn:
Trong các trái nào ta kiếm được
Ta đều không thấy vị thơm ngon!
6. Héo hắt ta đà mỏi mắt trông
Xoài ngon ta lượm ở bên dòng
Sẽ làm ta chết, ta lo sợ
Chẳng trái cây nào ta ước mong!
7. Vì sao giữ giới đã trình nàng
Cho dẫu ta đang ở cạnh dòng
Sóng vỗ chập chùng, bao loại cá
Đầy đàn bơi lội cứ tung tăng
8. Nay ta cầu khẩn nói cho ta
Chớ sợ hãi rồi bỏ chạy xa,
Hỡi nàng tố nữ, là ai đó?
Tại sao nàng lại đến đây mà?
9. Thị nữ chư Thiên đẹp tuyệt vời
Khác nào vàng óng ánh ngời soi!
Xinh như bầy hổ còn thơ dại
Dọc các sườn non vẫn giỡn chơi
10. Cũng ở nơi đây cõi thế gian,
Muôn vàn vẻ đẹp lắm hồng nhan
Song không ai giữa nhân Thiên ấy
Lại dam khoe tươi với nữ hoàng!

Ta hỏi nữ thần muôn diễm lệ
Được trời phú mọi vẻ thiên quang
Xin cho ta biết phương danh tánh
Nơi chốn xuất thân quí tộc nàng
Nữ thần liền đáp tám dòng kệ

11. Trên dòng sông nước thật xinh tươi
Bên cạnh Hằng giang đạo sĩ ngồi
Bá chủ ngôi cao ta ngự trị
Dưới vùng sâu thẳm, thủy triều trôi
12. Cầm quyền ngàn thạch động chung quanh
Che phủ rừng cây rậm lá xanh
Từ đó bao dòng tràn ngập chảy
Hòa theo với sóng nước sông mình
13. Mỗi khu rừng, mỗi khóm vườn cây
Đưa đến Long cung lắm suối đầy
Đổ xuống bao nguồn nước xanh biếc
Ngập dòng bát ngát của ta này
14. Lệ thường trên các phụ lưu này
Nhiều trái sinh từ đủ loại cây
Đào đỏ, chà là, sung mít vả
Với xoài, người thấy rõ ràng ngay
15. Trái kia đều mọc mỗi bên bờ
Rơi xuống vừa tầm với của ta
Ta bảo của trời cho chánh đáng
Danh ta, ai có thể gièm pha?
16. Hiểu thông điều ấy lắng nghe đây
Hỡi đại vương thông tuệ, trí tài
Chớ đắm tham vào tâm dục vọng
Bỏ ngay lời nguyện đáng chê bai
17. Đại vương xưa ngự trị giang sơn
Nay việc ngài, ta chẳng tán dương
Muốn chết giữa mùa xuân tuổi trẻ
Rõ ràng biểu lộ đại điên cuồng
18. Giáo sĩ, chư thần, quý hiển linh
Mọi người biết hạnh nghiệp uy danh
Của ngài, mọi Thánh nhân thanh tịnh
Dưới thế đã thành tựu hiển vinh
Quả thấy việc ngài làm trái đạo
Hiền nhân tất cả biểu đồng thanh!

Tiếp theo đó vị tu hành ngâm bốn vần kệ:

19. Ai biết đời người thật mỏng manh
Mọi loài dục giới thoáng qua nhanh
Không hề nghĩ đến điều sinh sát
Mà trú an trong mọi hạnh lành
20. Xưa nàng được hội Thánh tôn vinh
Là bậc làm công đức sáng danh
Nay lại giao du nhiều kẻ ác
Tiếng xấu nàng đang cố tạo thành!
21. Ví ta chết cạnh bến sông nàng
Hỡi nữ thần dung sắc vẹn toàn
Tiếng xấu trùm lên nàng tất cả
Khác nào mây phủ giữa không gian!
22. Vậy kiều tiên hỡi, lão van nàng
Hãy tránh xa điều ác, sợ rằng
Mặc lão chết đi, rồi hối tiếc
Làm trò đàm tiếu giữa trần gian!
Nghe nói vậy , nữ thần đáp lại:

23. Ta biết ngài thầm kín ước mong
Và ngài nhẫn nhục thật cam tâm
Ta cam đành phận làm tỳ nữ
Đem đến xoài ngon tặng đạo nhân
Kìa ác dục từ bao thuở trước
Khó thay bỏ lạc thú phàm trần
Ngài đã đạt đến tâm thanh tịnh
Và trí bình an, phải giữ luôn.
24. Người nào đã thoát buộc ràng xưa
Lại bám xiềng gông trước chuyện thừa
Phóng dật bước vào phi thánh đạo
Chất chồng ác nghiệp mãi luôn mà.
25. Ta tặng ngài điều nguyện khát khao,
Rồi ngài tiêu hết mọi ưu sầu,
Ta đưa ngài đến nơi êm mát,
Ngài sống đời an lạc biết bao!
26. Mây-na, cu-gáy, hạc, hồng nga,
Say mật quây quần cạnh khóm hoa,
Từng đám thiên nga cao vút lượn
Chim đồng, đàn khổng tước kiêu sa
Cùng nhau hòa tiếng ca êm ái

Đánh thức rừng cây tỉnh giấc mơ!
27. Hoa nghệ, Ka-dam-ba rộ bông
Khác nào rơm rạ ở trên đồng
Chà là, thốt nót, nồng nàn chín
Tô điểm chung quanh lủng lẳng chùm
Và giữa cây cành đầy trĩu trái
Xoài cây sung mãn, hãy nhìn trông!
Vừa ca tụng thắng cảnh kia, tiên nữ vừa mang nhà tu hành đến đó, và mời ngài ăn xoài trong rừng này cho đến khi thỏa thích, rồi nàng lại ra đi. Nhà ẩn sĩ ăn xoài mãi đến lúc đã hết cơn thèm, xong nghỉ ngơi chốc lát. Sau đó loanh quanh thơ thẩn trong rừng, ngài thấy vị Thần kia đang lúc chịu khổ sở đau đớn, ngài không còn lòng dạ nào thốt ra lời hỏi han vị ấy, nhưng hoàng hôn đến, ngài thấy vị Thần kia được bầy tiên nữ hầu hạ và thọ hưởng vinh quang của tiên giới, ngài liền ngâm ba vần kệ:

28. Suốt đêm, quán đảnh tiệc liên hoan
Vương miện trên mày lại được mang
Tô điểm cổ tay, đầy ngọc quí
Sáng ngày đau khổ thật kinh hoàng
29. Hàng ngàn tiên nữ hộ quanh ngài
Thần lực ngài kia thật đại tài!
Kỳ diệu biết bao quyền biến đổi
Khổ hình lại hóa cảnh bồng lai!
30. Ngài đã làm sao phải đọa đày?
Tội gì ngài hối tiếc ngày nay?
Sao từ lưng nọ nay ngài phải
Móc thịt mình ăn lại mỗi ngày?
Vị Thần kia nhận ra ngài, liền bảo:

- Đại vương không nhận ra tiểu thần, nhưng ngày xưa tiểu thần là tế sư của Đại vương. Hạnh phúc này thần được hưởng hằng đêm là nhờ ơn Đại vương, đó là kết quả hành trì nửa ngày trai giới của thần, còn nỗi thống khổ thần phải chịu ban ngày là kết quả nghiệp ác mà thần đã làm. Vì khi thần được Đại vương cho ngồi ghế phán quan, thần đã ăn hối lộ, và phán xét sai trái, thần lại là kẻ xấu miệng, ưa phỉ báng sau lưng người khác, nên kết quả việc ác thần đã tạo những ngày đó, nay thần phải chịu khổ đau này.

Nói xong vị Thần ngâm hai vần kệ:

31. Xưa thân thọ hưởng thánh tam kinh
Song ác nghiệp giam hãm đắm mình
Việc ác đã làm cho bạn hữu
Bao năm ròng, cuộc sống trôi nhanh
32. Kẻ nào phỉ báng các tha nhân
Cứ thích rình mò phá tiếng thơm

Phải móc thịt mình ăn lại mãi
Như ta việc ấy hiện đang làm!
Nói xong vị thần hỏi nhà tu khổ hạnh tại sao đã đến đây. Vị này liền kể hết đầu đuôi câu chuyện của mình. Vị Thần lại hỏi:

- Vậy xin thưa Thánh giả, ngài định ở đấy hay lại ra đi?

- Ta không muốn ở lại, ta muốn trở về am.

Vị Thần đáp:

- Thưa Thánh giả, lành thay, thần sẽ dâng cúng ngài trái xoài chín thường xuyên đầy đủ.

Rồi vị ấy dùng thần lực đưa vị vua ẩn sĩ trở về vùng thảo am, khuyên ngài sống thiểu dục ở đó, yêu cầu ngài phải giữ tròn lời nguyền, rồi ra đi. Từ đó vị Thần kia thường xuyên cung cấp xoài cho nhà tu khổ hạnh. Ngài thọ hưởng thứ trái cây ấy, hành trì những pháp môn tu tập để làm phát khởi thiền định và về sau được thọ sinh vào Phạm thiên giới.

*

Bậc Đạo Sư, sau khi chấm dứt Pháp thoại với các cư sĩ, liền thuyết các Thánh Đế và nhận diện Tiền thân:

- Vào đoạn kết thúc các Thánh Đế, một số người đạt Sơ quả Dự Lưu, một số người đạt Nhị quả Nhất Lai, lại có một số người khác đạt Tam quả Bất Lai.

- Vào thời ấy nữ thần ấy là Uppalavannà (Liên Hoa Sắc) và ẩn sĩ khổ hạnh chính là Ta.

-ooOoo-

512. Chuyện bình rượu (Tiền thân Kumbha)

Ngài là Đại Sĩ ở trên không...,

Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể lại trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về việc năm trăm nữ nhân, các vị thân hữu của bà Visàkhà (Tỳ-xà-khư), là những kẻ uống rượu nặng.

Lúc bấy giờ truyện kể rằng có một tửu hội được tổ chức tại Savathi (Xá-vệ) và năm trăm nữ nhân này, sau khi đem rượu nồng cho các vị phu quân xong, vào cuối đám hội lại suy nghĩ: "Chúng ta cũng muốn dự tửu hội".

Họ liền tìm đến bà Visàkhà và bảo:

- Này hiền hữu, chúng ta cũng muốn dự hội.

Bà đáp:

- Đây là một tửu hội, còn ta không muốn uống rượu nồng.

Họ bảo:

- Thế hiền hữu hãy cúng dường đức Phật tối thượng, còn chúng tôi muốn dự hội này.

Nàng chấp thuận ngay và để họ đi. Sau khi đã cúng dường bậc Đạo Sư một phẩm vật long trọng, buổi chiều bà đi đến Kỳ Viên, cầm nhiều tràng hoa thơm cùng các nữ nhân kia để nghe thuyết pháp.

Bấy giờ đám nữ nhân kia thèm uống rượu cùng khởi hành với bà, nên lúc họ đứng trong căn phòng có nóc nhọn kia, họ uống rượu mạnh rồi cùng bà Visakhà đến yết kiến bậc Đạo Sư.

Bà Visàkhà đảnh lễ bậc Đạo Sư và cung kính ngồi qua một bên. Vài người đàn bà trong bọn ấy dám múa ca ngay trước mặt bậc Đạo Sư, có người lại lấy tay, chân làm những cử chỉ thô lỗ có người còn cãi nhau nữa. Bậc Đạo Sư muốn gây chấn động cho bọn này, liền phóng ra một tia hào quang từ chân mày của Ngài.

Tiếp theo đó bầu trời tối đen kịt. Bọn nữ nhân kinh hoàng sợ chết, vì thế tỉnh rượu ngay.

Bậc Đạo Sư biến mất khỏi bảo tọa Ngài đang ngồi, xuất hiện trên đỉnh núi Tu-di và phóng ra một tia hào quang từ giữa chân mày rực rỡ, khác nào ngàn vầng trăng hiện.

Trong lúc đứng đó, Bậc Đạo Sư nói lên kệ này để gây kinh động cho đám nữ nhân kia:

Ở đây không phải chốn vui cười
Lửa dục đốt tan mọi cảnh đời
Sao mãi chìm thân trong bóng tối
Không tìm ngọn đuốc, nẻo đường soi

Câu kệ vừa chấm dứt, cả đám năm trăm nữ nhân đều đắc quả Dự Lưu. Bậc Đạo Sư lại xuất hiện trên bảo tọa dành cho đức Phật dưới bóng mát của Hương phòng. Lúc ấy, bà Visàkhà đảnh lễ Ngài và hỏi:

- Bạch Thế Tôn, việc uống rượu mạnh phát xuất từ đâu đã xâm phạm đến thanh danh và lương tâm con người?

Để trả lời bà, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta đang trị vì quốc độ Ba-la-nại có người thợ rừng tên gọi Sura, sống ở quốc độ Kàsi, đến vùng Tuyết Sơn đi tìm hàng buôn bán. Ở đó có một cây mọc lên cao vừa tầm vóc người giơ hai tay lên đầu, và chia làm ba nhánh giữa cái chĩa ba này là một lỗ lớn bằng bình rượu, khi trời mưa lỗ này đầy nước. Chung quanh cây này có hai cây myrobalan (am-ma-lạc) và một bụi tiêu, khi trái chín được cắt xuống lại rơi vào lỗ này. Không xa cây này lại có một ruộng lúa tự mọc lên. Chim sẻ mổ lúa ăn đến đậu trên cây này. Trong lúc chim ăn, lúa và gạo sạch trấu rơi xuống đó, chỗ ấy nước lên men dưới ánh nắng mặt trời, nên có màu đỏ như máu. Mùa nắng, từng đàn chim khát nước, uống nước ấy và say sưa, ngã xuống dưới gốc cây, sau khi ngủ một lát, lại bay đi, kêu chiêm chiếp rất vui tai. Việc này cũng diễn ra với các loài chó hoang, khỉ và nhiều dã thú khác nữa. Người thợ rừng thấy vậy nghĩ thầm: "Nếu đây là thuốc độc thì chúng chết hết rồi, nhưng còn đây sau một giấc ngủ ngắn, chúng bay đi như ý

muốn, vậy không phải là thuốc độc."

Gã uống thứ nước ấy và lúc say rượu, gã thấy thèm ăn thịt, liền nhóm lửa lên, giết chim trĩ và gà gô vừa ngã gục dưới gốc cây, gã nướng con thịt trên đám lửa hồng, rồi một tay gã múa may, tay kia cầm thịt ăn, gã ở lại chỗ đó một hai ngày.

Bấy giờ không xa nơi ấy, có một vị ẩn sĩ tên gọi Varuna, nhiều lúc gã thợ rừng đến viếng ẩn sĩ, gã nghĩ thầm" Ta sẽ uống thứ rượu này với vị ẩn sĩ ấy"

Gã đổ đầy nước vào một ống sậy, cùng một ít thịt nướng, rồi gã đi đến am tranh và bảo:

- Thưa Thánh giả, xin ngài thử nếm rượu này.

Hai người cùng uống rượu và ăn thịt. Vì thứ rượu này do Sura và Varuna phát hiện, nên được đặt tên theo đó: Rượu Surà và Varuni. Cả hai suy nghĩ: "Đây là cách sử dụng rượu này"

Họ đổ đầy nước vào ống sậy, gánh đi đến làng lân cận, dâng sớ tâu vua rằng có vài người lái buôn rượu đã đến. Nhà vua cho triệu họ vào, và họ dâng rượu lên. Nhà vua uống rượu hai ba lần là say mèm. Rượu này chỉ đủ dùng chừng hai ba ngày, sau đó vua hỏi còn rượu không. Họ bảo:

- Tâu Đại vương còn.

- Ở đâu thế?

- Tâu Đại Vương trong vùng Tuyết Sơn..

- Thế đem rượu về đây.

Họ đi tìm rượu kia chừng hai ba lần rồi suy nghĩ: "Ta không thể đến đó mãi."

Họ nghiên cứu các thành phần chế tạo rượu ấy và bắt đầu dùng thứ vỏ cây kia, họ đổ thêm các thứ kia vào, và làm rượu ngay tại kinh thành. Dân trong thành uống rượu say trở thành những kẻ khốn cùng lười biếng. Vùng ấy trở nên một kinh thành hoang vắng.

Các lái buôn rượu bỏ đi đến Ba-la-nại dâng sớ tâu nhà vua xin trình báo họ đến thành. Nhà vua triệu họ vào, trả tiền cho họ và họ lại làm rượu tại đó. Thành ấy cũng hoang tàn như kiểu trên.

Sau đó họ đến Sàketa, từ Sàketa họ đến Xá Vệ, lúc bấy giờ có vị vua mệnh danh Sabbamitta ngự tại Xá-Vệ. Nhà vua tỏ ra ưu ái họ và hỏi họ muốn gì. Khi họ bảo:

- Chúng tiểu thần muốn có các vật liệu chính cùng gạo xay và năm trăm chiếc bình.

Nhà vua ban đủ mọi thứ họ xin.

Thế là họ cất rượu trong năm trăm bình kia, và họ cột một con mèo vào một bình rượu để canh giữ. Khi rượu lên men và bắt đầu phun ra, bầy mèo uống rượu mạnh chảy ra từ trong bình, khi say mèm, chúng nằm xuống ngủ, bọn chuột đến gặm tai, mũi, răng và đuôi mèo. Quân cận thần đến tâu vua:

- Bầy mèo đã chết vì uống rượu.

Nhà vua phán:

- Chắc chắn hai gã kia đã làm thuốc độc.

Rồi vua ban lệnh chém đầu họ và khi phải chết, họ còn la lớn:

- Xin cho chúng thần rượu mạnh, xin cho chúng thần rượu mật!

Nhà vua, sau khi xử tử bọn kia rồi, ra lệnh mở các bình ra. Còn bầy mèo, khi tác dụng rượu đã hết, tỉnh dậy đi lại chơi đùa. Các cận thần thấy vậy liền tâu vua. Vua bảo:

- Nếu đó là thuốc độc thì chúng đã chết hết rồi, chắc đây là rượu mật ta phải uống mới được.

Thế là vua ra lệnh trang trí kinh thành, dựng ngôi đình trong sân chầu và ngự vào đình nguy nga trên ngai vàng có lọng trắng che đầu, với các cận thần chầu quanh, nhà vua nhập tiệc uống rượu.

Lúc ấy Đế Thích Thiên chủ bảo:

- Có ai dưới trần là những kẻ phụng dưỡng mẹ cha lại tinh cần giữ trọn ba chánh hạnh chăng?

Rồi nhìn xuống thế gian, ngài thấy nhà vua đang ngồi uống rượu nồng, ngài nghĩ: "Nếu vua ấy cứ uống rượu nồng mãi thì toàn cõi Diêm-phù-đề sẽ bị hủy diệt, ta muốn thấy chắc chắn vua không được uống rượu nữa".

Thế là đặt bình rượu vào lòng bàn tay, ngài giả dạng một Bà-la-môn, đứng trên không ngay trước mặt vua kêu lớn:

- Mua bình này đi, mua bình này đi.

Vua Sabbamitta thấy ngài đứng trên không và nói như vậy, liền hỏi:

- Bà-la-môn này từ đâu đến đây?

Và nhà vua ngâm vần kệ trò chuyện với ngài:

1. Ngài là đại sĩ hiện trên không
Mình phóng hào quang rực ánh hồng
Như chớp ngang trời đang lóe sáng
Đêm đen kịt chiếu ánh trắng trong.
2. Giữa chốn bao la, lượt nhẹ mình,
Đi đứng trong khoảng chẳng âm thanh.
Lực thần ngài đạt, ôi vi diệu,
Chứng tỏ ngài thần thánh hiển linh
3. Đạo Sĩ, xin cho biết bậc nào
Vật gì trong ấy, chiếc bình cao
Giữa không trung giáng trần như vậy
Chắc muốn bán hàng cho trẫm sao?

Lúc ấy Thiên chủ đáp lại:

- Này nhà vua hãy nghe đây

Rồi vừa thuyết giảng mọi đặc điểm xấu xa của rượu nồng, ngài vừa ngâm vần kệ.

4. Bình không đựng lạc, chẳng dầu hương,
Chẳng phải mật ong, chẳng mía đường
Song chuyện xấu xa không kể xiết
Chứa đây trong bụng quả cầu tròn
5. Ai uống, tội thay kẻ dại khờ
Sẽ chìm trong hố thẳm đen dơ
Đâm đầu trong vũng bùn ghê tởm,
Ăn phải vật xưa đã nguyện chừa,
Đại đế, xin mua bình rượu nặng
Đầy lên tận miệng của nhà ta.
6.Rượu vào trí đảo lộn quay cuồng
Như chú bò ăn cỏ lạc đường
Tâm trí phiêu diêu, người lảo đảo.
Múa men ca hát suốt ngày trường.
Bình ta đầy rượu tràn lên miệng
Cực mạnh, mua ngay, hỡi Đại vương!
7. Người uống rượu trơ trẽn chạy rong
Khắp thành, như ẩn sĩ trần truồng
Đến khuya nằm nghỉ , liền đâm hoảng
Quên cả thì giờ phải ngã lưng
Bình rượu ta đầy lên tận miệng
Cực nồng, mua lấy hỡi Quân vương!
8. Bợm rượu , như người hoảng múa men,
Ngã nghiêng, dường chẳng đứng ngồi yên
Tay chân run rẩy, đầu co giật
Như nộm gỗ nhờ tay kéo lên
Đại đế, mua đi bình rượu đó
Đầy lên tận miệng, rượu cay men.
9. Bợm rượu bị thiêu đốt ruột gan,
Hoặc làm mồi lũ chó rừng hoang,
Dấn thân tù ngục hay thần chết
Còn phải chịu hao tốn bạc vàng
Bình rượu ta đầy lên tận miệng
Cực nồng, mua lấy, hỡi Vương quân!
10. Túy ông mất hết vẻ thanh tao

Trò chuyện những điều bẩn thỉu sao!
Ngồi đứng trần truồng cùng đám bạn
Mọi đàng ô trọc , bệnh lao đao
Bình ta đầy rượu tràn lên miệng
Cực mạnh, quân vương hãy lấy vào!
11. Kẻ uống thường hay thói tự cao,
Nhãn quang chẳng sáng suốt đâu nào,
"Thế gian của tớ", lòng thầm nghĩ,
Chẳng có vua nào sánh kịp đâu!
12. Rượu nồng là thứ đại kiêu căng
Ác quỷ nhát gan tựa nhộng trần,
Kết hợp đánh nhau và phỉ báng
Ấy nhà cho trộm, điếm dung thân.
13. Dù gia đình có thật giàu sang
Hưởng thọ kho vô số bảo tàng
Giữ của trời cho phong phú nhất
Rượu này cũng sẽ phá tan hoang
14. Bạc vàng, đồ đạc ở trong nhà
Đồng ruộng, trâu bò, thóc vựa kho
Ta sợ tiêu vong vì rượu mạnh
Là mầm suy sụp của toàn gia
15. Túy ông đầy nặng tính kiêu căng
Phỉ báng cả hai bậc lão thân,
Thách đố bà con cùng máu huyết
Dám làm ô uế mối hôn nhân
16. Nữ nhân uống rượu cũng kiêu căng
Phỉ báng chồng mình lẫn phụ thân
Bất chấp thanh danh nhà quý tộc
Biến thành nô lệ tính điên khùng
17. Bợm rượu, gan liều dám sát nhân
Sa môn chân chính Bà-la-môn,
Rồi cùng mọi cõi đời đau khổ
Hối tiếc hành vi quá bạo tàn
18. Rượu vào, phạm ác nghiệp ba phần:
Lời nói, việc làm với ý tâm
Địa ngục chìm sâu đầy khổ não
Vì hành động ác tạo sai lầm
19. Có kẻ, người năn nỉ uổng công
Dù đem dâng mấy đống vàng, song

Khi say, chúng dụ theo đường chúng
Lời dối tuôn ra cũng sẵn lòng
20. Vì người say giữ việc thông tin
Gặp cảnh gian nguy đến đột nhiên
Hãy ngắm! Kẻ này thề thốt nặng:
"Việc này tâm trí chợt quên liền!"
21. Ngay người thanh lịch nhất, khi say
Cũng hóa ra phường tục tử ngay
Đệ nhất trí nhân mà túy lúy
Cũng huyên thuyên nói xuẩn ngu đầy!
22. Uống nhiều, nhịn đói, ngã chơi vơi

Đất cứng trần là chỗ nghỉ ngơi Lúc nhúc trễn trơ như lũ lợn Chịu bao nhục nhã nhất trên đời

23. Như bò, bị đánh ngã trên trên sàn
La liệt nằm từng đống hỗn mang
Ngọn lửa chứa trong men rượu nặng
Sức người không thể sánh ngang bằng
24. Mọi người kinh hoảng vội lùi ra.
Tránh độc dược kia tựa độc xà
Dũng sĩ to gan nào giải khát
Cho mình bằng rượu giết người ta?
25. Ta chắc sau khi uống rượu nồng
And-ha tộc, với Vrish-ni cùng
Lang thang bờ biển rồi nhào xuống
Vì chiếc chùy kia của họ hàng
26. Tiên say bị đọa khỏi cung trời
Thần lực mất liền, Đại đế ơi!
Ai muốn nếm mùi ghê tởm ấy,
Mua đi bình rượu của nhà tôi!
27. Chẳng phải sữa chua, mật ngọt đây
Song ngài luôn nhớ mãi từ nay
Cái gì chứa đựng trong bầu ấy
Đại đế xin mua lấy rượu này!
Khi nghe xong bài thuyết giảng trên, vua nhận thấy thống khổ do rượu nồng gây ra, nên lòng hoan hỷ, tán thán Thiên đế qua hai vần kệ sau:

28. Chẳng song thân dạy khéo như ngài
Ngài thật nhân tử, thiện hảo thay,
Chân lý ngài tìm ra tối thượng

Trẫm vâng lời dạy bảo hôm nay
29. Năm đệ nhất thôn của trẫm ban
Bảy trăm bò, thị nữ trăm nàng
Mười xe tuấn mã thuần cao quý.
Vì lợi ích ngài đã dạy răn
Đế Thích nghe vậy liền xuất đầu lộ diện, vừa trụ trên không vừa ngâm hai vần kệ:

30. Một trăm thị nữ vẫn nhà ngài Làng mạc, đàn bò, cũng mặc ai

Chẳng ngựa xe, đòi thuần chủng quý Sak-ka Thiên chủ chính danh này

31. Hưởng đủ bơ tươi, thịt ướp, cơm
Vui lòng ăn bánh mật men thơm
Thích nhiều chân lý ta vừa dạy
Trong sạch cõi Thiên đến đúng đường.
Đế Thích Thiên chủ thuyết giáo cho ngài xong lại trở về Thiên giới. Nhà vua liền chừa rượu mạnh và ra lệnh đập vỡ các bình rượu kia. Sau đó ngài kiên tâm giữ Ngũ giới và bố thí, về sau được sinh vào cõi Thiên.

Nhưng việc uống rượu mạnh dần dần phát triển khắp cõi Diêm-phù-đề.

*

Bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại và nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Ànanda là nhà vua kia, còn Đế Thích Thiên chủ chính là Ta.

-ooOoo-

513. Chuyện vương tử chiến thắng (Tiền thân Jayaddisa)

Kìa, đã nhịn ăn bảy buổi sáng...,

Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.

Phần mở đầu cũng giống như chuyện kể trong số 540 Tiền thân Sàma. Nhưng vào dịp này, bậc Đạo Sư bảo:

- Các hiền nhân ngày xưa từ bỏ chiếc lọng trắng có các vòng kim hoa để phụng dưỡng song thân.

Nói xong, Ngài liền kể câu chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa có một vị vua ở kinh thành phía Bắc Pãncàla, trong quốc độ Kampila, mệnh danh là Pãncàla. Hoàng hậu của ngài có thai, sinh được một hoàng nam. Trong suốt tiền kiếp xưa, bà có một tình địch trong hậu cung đang cơn nóng giận đã thề:

- Một ngày kia ta sẽ ăn thịt con bà.

Và để lời nguyền kia có công hiệu, nàng biến thành một con quỷ cái. Sau đó, ác quỷ tìm cơ hội chụp lấy hài nhi ngay trước mặt hoàng hậu, nhai ngấu nghiến như miếng thịt tươi rồi biến đi. Lần thứ hai cũng làm y hệt như thế, nhưng đến lần thứ ba, khi hoàng hậu đã vào phòng sinh, đám vệ binh liền canh gác quanh hoàng cung rất chặt chẽ.

Vào ngày bà sinh con, quỷ cái lại xuất hiện và chụp lấy hài nhi. Hoàng hậu thét lên:

- Quỷ cái!

Lập tức binh lính cầm khí giới chạy đuổi theo con quỷ cái khi nghe báo động. Vì không kịp ăn thịt hài nhi, quỷ cái chạy trốn, ẩn mình dưới cống. Hài nhi nhận quỷ cái ấy làm mẹ, ngậm vú đòi bú, và quỷ cái kia bỗng sinh lòng thương hài nhi như mẹ thương con, liền đi đến nghĩa địa dấu hài nhi trong hang đá và chăm sóc kỹ lưỡng.

Hài nhi lớn dần, quỷ cái đem thịt người về cho nó ăn, và cả hai đều sống bằng thức ăn này. Đứa trẻ không biết mình là người, song dù tưởng mình là con của quỷ, cậu bé cũng không thể biến hóa khỏi hình người hay dấu mình được. Để thực hiện việc này, con quỷ đưa cho cậu bé cất một loại rễ cây - Nhờ công lực của thứ rễ này, cậu biến hình được và tiếp tục sống bằng thịt người. Lúc bấy giờ quỷ cái có việc đi xa để chầu đại lực quỷ vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) rồi chết luôn tại đó. Còn phần hoàng hậu, lần thứ tư sinh được một hoàng nam bình yên vì quỷ cái đã chết, và do sự kiện hoàng nam sinh ra chiến thắng kẻ thù là quỷ cái kia, nên được đặt tên Jayaddisa (Hoàng tử Chiến Thắng)

Khi hoàng tử khôn lớn, học hành tinh thông mọi mặt, chàng lên nắm quyền theo nghi lễ giương chiếc lọng trắng và trị vì quốc độ. Vào thời ấy, hoàng hậu của vua sinh hạ Bồ-tát được đặt tên là Alinasattu. Khi hoàng tử lớn khôn tinh thông mọi môn học thuật, liền được phong làm phó vương. Còn cậu bé làm con của quỷ cái vì bất cẩn làm hư hỏng rễ cây kia nên không thể dấu mình được nữa, phải sống trong nghĩa địa ăn thịt người nhưng vẫn xuất lộ nguyên hình.

Dân chúng thấy vậy sợ hãi, đến kêu than với nhà vua:

- Tâu Đại vương, một con quỷ có hình dạng rõ ràng đang ăn thịt người trên nghĩa địa. Dần dần nó sẽ tìm đường vào kinh thành ăn thịt dân. Xin Đại vương ra lệnh bắt nó đi.

Nhà vua chấp thuận ngay và ra lệnh bắt quỷ nọ. Một đạo binh cầm khí giới đứng quanh thành. Con quỷ ấy trần truồng nom thật khủng khiếp, nhưng lại sợ chết nên thét to và nhảy vào giữa ba quân. Quân sĩ la lên:

- Quỷ đây rồi!

Và họ cũng lo sợ cho mạng sống của họ, nên tan rã thành hai nhóm và bỏ chạy. Con quỷ thoát được và chạy ẩn mình trong rừng, từ đó không dám lai vãng chỗ có người ở.

Nó sống dưới gốc cây đa gần con đường lớn xuyên qua rừng, khi dân chúng qua lại đường đó, nó bắt lấy từng người một đem vào rừng giết ăn thịt. Lúc bấy giờ có một Bà-la-môn dẫn đầu đám, bộ hành, đưa một ngàn đồng tiền cho đám kiểm lâm rồi đi ngang qua đường ấy với năm trăm cỗ xe. Con quỷ có hình người liền rống lên nhảy vào đám người ấy. Họ hốt hoảng chạy trốn ngã lăn lóc dưới đất. Quỷ chụp lấy gã Bà-la-môn

nhưng vì bị mảnh gỗ gây thương tích trong lúc đang chạy trốn, lại bị đám kiểm lâm đuổi theo rất gắt, nên nó thả gã Bà-la-môn và đi đến nằm dưới gốc cây thường trú ẩn.

Đến ngày thứ bảy, vua Jayaddisa truyền lệnh đi săn và khởi hành từ kinh thành. Ngay lúc nhà vua lên đường, một người dân vùng Takkasilà, là một Bà-la-môn tên gọi Nanda, đang phụng dưỡng cha mẹ, đến yết kiến đức vua, mang theo bốn bài kệ, mỗi bài trị giá bốn trăm đồng tiền.

Nhà vua dừng lại để nghe kệ, và ra lệnh làm chỗ nghỉ ngơi cho ngài. Trong lúc đi săn người bảo:

- Người nào để con hươu chạy thoát từ phía mình thì phải trả tiền cho vị Bà-la-môn về các bài kệ ấy.

Sau đó một con hươu sao xuất hiện, chạy thẳng về phía nhà vua để thoát thân. Các cận thần cười rộ lên. Nhà vua chụp lấy kiếm, đuổi theo con hươu chừng ba dặm bắt được nó, liền lấy kiếm xẻ đôi và gánh lên đòn.

Lúc trở về, ngài đi đến chỗ quỷ nhân đang ngồi, nghỉ ngơi một lát trên bãi cỏ kusa rồi định tiếp tục đi, lúc đó quỷ nhân xuất hiện thốt lên:

- Dừng lại, ngươi định đi đâu, ngươi là mồi ngon của ta!

Rồi chụp lấy tay ngài, quỷ ngâm vần kệ:

1. Kìa! Bảy ngày qua chịu đói lòng
Mồi ngon bỗng xuất hiện sau cùng
Phải chăng danh tiếng ngươi lừng lẫy?
Ta muốn biết tên họ, giống dòng

Nhà vua kinh hoảng khi thấy quỷ nhân, nên đứng sửng như trời trồng, không thể chạy trốn được, song rồi tỉnh trí dần, ngài đáp vần kệ thứ hai:

2. Nếu ngươi biết Chiến Thắng là vua
Của xứ Pãn-ca, quốc độ ta!
Săn bắn trong rừng ta lạc bước,
Xin dùng hươu nọ thả ta ra.

Con quỷ nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ ba:

3. Muốn cứu mạng, ngài đã hiến dâng
Mồi kia ngon thật đấy Quân vương
Ta xơi ngài trước và không bỏ
Thú nếm thịt hươu: chớ nói quàng!

Khi nhà vua nghe vậy liền nhớ đến Bà-la-môn Nanda, và ngâm vần kệ thứ tư

4. Vì ta chẳng thuộc mạng an toàn
Được thả như ta khẩn thiết van
Thì hãy cho ta tròn hứa cũ
Ta đà giao ước Bà-la-môn

Sáng mai cứu được lời danh dự Rồi sẽ trở về với quỷ nhân

Quỷ nhân nghe vậy , lại ngâm vần kệ thứ năm

5. Đến gần chỗ chết chẳng an lòng
Lo lắng việc gì hỡi Đại vương
Nói thật cho ta rồi có thể
Ta bằng lòng thả một ngày ròng
Nhà vua ngâm vần kệ thứ sáu để giải thích sự việc ấy

6. Ta hứa lời cùng một đạo nhân
Nợ kia chưa trả, hứa cho xong
Mong tròn nguyện ước, thanh danh cứ
Ta sẽ gặp ngài buổi rạng đông
Nghe vậy, quỷ nhân đáp vần kệ thứ bảy:

7. Ngài đã hứa cùng một đạo nhân
Nợ kia chưa trả, hứa chưa xong
Mong tròn nguyện ước thanh danh cứu
Rồi trở về đây buổi rạng đông
Nói xong con quỷ để cho vua đi, Vua được tha về liền bảo:

- Xin đừng bận tâm vì ta, sáng sớm mai ta sẽ trở lại.

Rồi ghi nhận một số dấu đường xong, ngài trở lại với đám binh sĩ và chúng hộ tống ngài về thành. Sau đó ngài triệu vị Bà-la-môn vào, ngài ban tặng bốn ngàn đồng tiền. Rồi ngài lại truyền đưa vị Bà-la-môn lên ngồi một cỗ xe, ra lệnh cho đám tùy tùng rước vị này thẳng đến Takkasilà. Ngày hôm sau, nôn nóng đến gặp quỷ nhân, ngài gọi hoàng thái tử đến dặn dò.

*

Bậc Đạo Sư ngâm hai vần kệ giải thích việc này:

8. Thoát ác quỷ kia, lại trở về
Nhà yêu, mộng nước đẹp tràn trề
Với La-môn bạn, không sai hứa
Song dặn A-lin quý tử kia
9. Vương nhi nay nhận chức Quân vương
Cai trị bạn thù thật chính chân
Đừng để bất công làm hại nước
Cha đành nộp mạng chốn hung thần
Thái tử nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ mười:

10. Hoàng nhi mong biết rõ nguyên nhân
Khiến trẻ mất ân lộc phụ hoàng

Cha phải đưa con lên kế vị
Thiếu cha, con chẳng thiết ngai vàng
Nhà vua nghe vậy, ngâm vần kệ tiếp theo:

11. Này con, cha chẳng thể tìm ra
Một ác ngôn hay một nghiệp tà
Song nợ thanh danh, giờ trả trọn
Còn lời nguyền giữ với yêu ma.
Thái tử nghe thế liền ngâm vần kệ:

12. Cha ở lại, đây con sẽ đi
Trở về an ổn, có gì mong
Nếu cha đi nữa, con theo gót
Phụ tử cùng nhau chẳng sống chi!
Nghe lời này, nhà vua đáp kệ:

13. Vương tử , con theo đúng đạo trời
Song cha mất hết thú yêu đời
Nếu yêu tinh nọ dùng xiên gỗ
Nướng thịt con ăn trọn cả đời
Nghe vậy thái tử lại ngâm vần kệ nữa:

14. Nếu cha thoát được vuốt yêu tinh
Vì phụ vương, con nguyện bỏ mình
Hơn nữa con tràn trề hỷ lạc
Được đem đời hiến sinh thành
Nghe vậy vua nhận thấy đức hiếu thảo của con, liền nhận lời cầu mong của con và bảo:

- Tốt lành thay, vương nhi, hãy ra đi.

Thế là thái tử giả từ song thân và rời kinh thành.

*

Bậc Đạo Sư làm sáng tỏ việc này qua nửa vần kệ:

15. Thái tử anh hùng, xin vĩnh biệt Cúi đầu ngài đảnh lễ song thân.

Lúc ấy, song thân ngài, em gái ngài, vương phi cùng triều thần tiễn ngài đi ra khỏi kinh thành; ngài hỏi vua cha lối đi và sau khi xếp mọi việc cẩn thận cùng dặn dò khuyên nhủ các người thân, ngài lên đường tiến về hang quỷ, oai hùng như con sư tử có bờm. Mẹ ngài thấy ngài ra đi, không thể kềm chế được, liền ngất lịm. Vua cha giơ hai tay khóc lớn.

*

Bậc Đạo Sư làm sáng tỏ việc này qua nửa vần kệ:

16. Phụ vương khóc lớn, giơ tay cản, Hiền mẫu buồn thương, ngã lịm dần

Như vậy, muốn nêu rõ lời nguyện cầu của vua cha và lời Thề Chân thực của mẹ ngài, em ngài, cùng vương phi, bậc Đạo Sư lại ngâm thêm bốn vần kệ:

17. Khi hình thái tử khuất mờ dần
Trước mắt thảm sầu của phụ thân
Cầu nguyện chư thần , tay chắp khấn
Va-rù-na với So-ma vương
Phạm thiên, nhật nguyệt, chư thần nữa,
Bảo vệ hoàng nhi được vạn an
Nhờ các thần linh này, thái tử
Mong con thoát ác quỷ kinh hoàng
Mẫu hậu:

18. Như mẹ Ra-ma đẹp dáng người
Cứu con nàng đã bặt tăm hơi
Khi vào rừng rậm Dam-da ấy
Con trẻ ta mong giải thoát thôi
Nhờ khấn lời chân thành, ước nguyện
Chư thần cho trở lại an vui
Vương muội:

19. Hoàng huynh chẳng có lỗi lầm gì
Dù lộ rõ ràng hoặc giấu che
Chứng thực lời này, con nguyện ước
Chư thần mang thái tử quay về
Vương phi:

20 Với thiếp, chàng không phạm lỗi lầm
Lòng đầy yêu dấu, hỡi lang quân
Chứng thực lời này xin ước nguyện
Thần thánh cho chàng trọn tấm thân
*

Về phần thái tử, ra đi theo lời hướng dẫn của vua cha , lên đường đến nơi quỷ nhân ở. Song quỷ nhân nghĩ thầm: "Các vua Sát-dế-ly nhiều mưu mẹo lắm, ai biết được việc gì sẽ xảy ra?" Rồi nó trèo lên cây đợi nhà vua đến.

Khi thấy thái tử, nó nghĩ "Người con đã ngăn cản vua cha và tự dẫn thân đến. Không có gì phải sợ người ấy cả."

Và quỷ trèo xuống ngồi quay lưng về phía thái tử. Khi đến nơi thái tử đứng trước quỷ nhân, vừa lúc quỷ nhân này ngâm vần kệ:

21. Chàng từ đâu đến, hỡi hoàng nam
Có biết rừng này của quỷ chăng?

Ai đến thật xem thường tính mạng
Nơi loài quỷ dữ chiếm làm hang
Nghe vậy, thái tử bèn đáp kệ:

22. Ta biết rõ ngươi, quỷ bạo tàn
Chốn này ngươi ở giữa rừng hoang
Ta là đích tử Ja-ya đế,
Ăn thịt rồi , thả phụ vương
Quỷ nhân lại ngâm vần kệ:

23. Ta biết con trai chúa Ja-ya
Dáng chàng để lộ việc kia mà
Thật là gian khổ cho chàng quá
Phải chết vì thay mạng của cha
Thái tử liền đáp kệ nữa:

24. Nghĩ rằng chẳng phải việc anh hùng
Được chết vì ân phước phụ thân
Và mẹ quý yêu khi bỏ mạng
Đời đời hưởng cực lạc thiên cung
Nghe vậy, quỷ liền nói

- Này thái tử, không có kẻ nào không sợ chết. Thế tại sao chàng lại không sợ?

Ngài liền nói lý do cho quỷ nghe qua hai vần kệ:

25. Nhớ ta không phạm lỗi lầm gì Dù lộ ra ngoài hoặc giấu che Sinh tử ta đều cân nhắc kỹ

Dù đây, hay các cõi sau về

26. Ăn thịt ta đây, hỡi quỷ nhân
Phải làm công việc ấy cho xong
Ta buông mình xuống trên cao chết
Người cứ ăn ta, thỏa nguyện lòng
Qủy kia nghe vậy kinh hoảng liền bảo:

- Ta không thể ăn thịt người này được.

Rồi nghĩ mưu kế cho ngài chạy trốn, quỷ liền bảo:

17. Nếu chàng tự nguyện muốn liều thân
Thái tử, đem đời cứu phụ vương
Ta bảo chàng rời ngay bước vội
Tìm gom củi đốt lửa than hừng
*

Bậc Đạo Sư ngâm một vần kệ nữa làm sáng tỏ vấn đề này:

27. Hoàng nam anh dũng nhặt cây rừng
Và chất cao lên một cái giàn
Và thét vừa châm: "Bày tiệc sẵn!
Hãy xem, ta nhóm lửa cho hừng!"
*

Khi thấy thái tử trở về và nhóm lửa, quỷ nhân nói:

- Người này thật gan dạ không sợ chết. Xưa nay ta chưa từng thấy ai can đảm như vậy.

Nó ngồi sửng sờ, thỉnh thoảng lại nhìn thái tử. Ngài thấy thái độ quỷ nhân như thế, liền ngâm vần kệ:

28. Đừng đứng nhìn ta , dáng sửng sờ
Ta cầu ngươi giết bắt ăn ta
Khi đang còn sống ta trù tính
Muốn để ngươi ăn thịt đúng giờ
Quỷ nhân nghe vậy, liền ngâm kệ:

29. Một hiền nhân, chánh trực, công bằng
Chắc chẳng bao giờ phải bị ăn
Hoặc kẻ nào ăn người, ắt hẳn
Đầu kia tan nát bảy phần chăng
Thái tử nghe vậy hỏi:

- Nếu ngươi không muốn ăn ta, tại sao ngươi bảo ta bẻ cành về nhóm lửa?

Quỷ nhân nói:

- Ta muốn thử chàng đó thôi, vì ta chắc chàng sẽ bỏ chạy trốn.

Thái tử đáp:

- Bây giờ làm sao ngươi thử ta được, bởi vì lúc còn là súc sinh, ta đã để cho Thiên chủ thử đức hạnh của ta rồi.

Cùng với lời này ngài ngâm vần kệ:

30. Đế Thiên giả dạng một La-môn
Thỏ lấy thịt mình để cúng dâng
Từ đó mặt trăng in dáng thỏ
Ta chào nguyệt diện: "Dạ xoa thần!"
Quỷ nhân nghe vậy thả cho thái tử đi về và bảo:

31. Như trăng thoát vuốt La thần
Chiếu giữa đêm rằm tỏa ánh quang
Ngài, chúa Kam-pi anh dũng đã
Thoát tay quỷ dữ, sáng huy hoàng

Bạn đang sầu, bỗng tung hô dậy
Trước mặt ngài xuất hiện vẻ vang
Phụ mẫu thân yêu , ngài cống hiến
Bao niềm hạnh phúc ngập hân hoan
Rồi nó nói thêm:

- Hỡi đấng anh hùng, hãy đi đi!

Và nó để Bậc Đại Sĩ lên đường. Sau khi đã hàng phục quỷ nhân xong, ngài còn dạy nó ngũ giới và muốn thử xem nó phải quỷ không, ngài nghĩ thầm: "Mắt bọn quỷ thường đỏ và không chớp. Chúng không đổ bóng xuống đường và không hề biết sợ gì cả. Còn đây không phải quỷ. Đây là người. Nghe nói cha ta có ba vương huynh bị quỷ dữ tha đi, hai người ắt hẳn đã bị ăn thịt rồi, còn một người được quỷ cái thương yêu với tình mẹ con. Chắc là đây thôi. Ta phải đem vị này về tâu với vua cha để đưa lên ngôi báu mới được.

Nghĩ vậy ngài kêu lên:

- Này Tôn ông, Tôn ông chẳng phải là quỷ đâu, mà là bào huynh của cha ta. Xin mời Tôn ông đi về cùng ta giương chiếc lọng trắng biểu hiện vương quyền trong giang sơn của tổ tiên mình.

Khi quỷ nhân đáp:

- Ta không phải là người.

Thái tử nói:

- Tôn ông chẳng tin ta ư? Vậy kẻ nào cho Tôn ông tin được?

Quỷ đáp:

- Có chứ, có một nơi nọ có một ẩn sĩ đã thành tự thiên nhãn thông.

Thế là ngài dẫn quỷ đến nơi ấy. Vừa trông thấy hai người xuất hiện, vị ẩn sĩ hỏi ngay:

- Hai vị có cùng dòng họ tổ tiên, cần gì mà đến đây?

Nói xong vị ẩn sĩ lại nói rõ về liên hệ dòng họ giữa hai người. Con quỷ ăn thịt người liền tin ngay và bảo:

- Này hiền hữu cứ về triều đi, phần ta, ta sinh ra với hai bản chất trong một hình hài. Ta không muốn làm vua. Ta sẽ đi tu làm ẩn sĩ.

Thế là quỷ thọ giới tu hành với vị ẩn sĩ ấy.

Sau đó thái tử đảnh lễ hai vị và trở về triều.

*

Bậc Đạo Sư ngâm vần kệ làm sáng tỏ thêm vấn đề này:

32. A-lin thái tử anh hùng

Nghiêng mình kính lễ quỷ nhân hung tàn
Thêm lần thoát nạn lên đàng
Về Kam-pi xứ, an toàn tấm thân.
Khi thái tử về thành, bậc Đạo Sư giải thích cho dân trong thành cùng toàn thể hội chúng nghe những chuyện thái tử đã làm và ngâm vần kệ cuối cùng:

33. Từ thành thị đến thôn trang
Nhân dân lũ lượt lên đàng chen chân
Kìa! Đồng nô nức hô vang
Uy danh thái tử can tràng hùng anh
Tượng, xa ngất nghểu đăng trình
Đến ngài đảnh lễ, cung nghênh khải hoàn
Vua nghe thái tử đã trở về liền đi ra ngoài đón ngài. Thái tử được đám đông hộ tống bước đến đảnh lễ vua cha. Vua cha hỏi:

- Này vương nhi, làm thế nào con thoát được ác quỷ kia?

Ngài đáp:

- Tâu phụ vương, vị đó chẳng phải quỷ đâu. Chính là bào huynh của phụ vương, là bá phụ của conđấy.

Ngài liền kể mọi chuyện cho vua cha nghe và nói:

- Vương phụ nên đi thăm bá phụ ngay.

Vua lập tức ban lệnh khua trống lên rồi cùng đoàn tùy tùng lên đường đi thăm hai vị ẩn sĩ, vị ẩn sĩ trưởng kể lại đầy đủ chi tiết câu chuyện: hài nhi bị quỷ bắt đi ra sao. Thay vì ăn thịt, quỷ cái đem hài nhi về nuôi thành quỷ nhân. Vua và quỷ liên hệ máu huyết như thế nào. Vua liền bảo:

- Này hoàng huynh, hãy về làm vua trị nước.

- Xin cảm tạ Đại vương. Không được đâu.

Vua lại nói:

- Thế thì hoàng huynh đến ở trong vườn thượng uyển, ta sẽ cung cấp đủ bốn thứ vật dụng.

Nhà ẩn sĩ lại từ chối.

Sau đó vua cho lập ngôi làng trên một ngọn núi, không xa nơi ẩn cư kia, xây hồ, trồng trọt, đất đai và đem một ngàn gia đình cùng nhiều của cải đến lập một ngôi làng lớn cùng ban bố thí cúng dường cho hai vị ẩn sĩ. Ngôi làng lớn dần thành thị trấn Cullakammàsadamma. Vùng có quỷ nhân được bậc Đại sĩ Sutasoma điều phục mệnh danh là thị trấn Mahàkammàsadamma.

*

Bậc Đạo sư chấm dứt Pháp thoại xong liền tuyên thuyết các Thánh đế, và nhận diện Tiền thân: - Vào lúc kết thúc các Thánh đế, vị Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình đã đắc quả Dự Lưu-

- Thời ấy , phụ vương và mẫu hậu là hai thân trong hoàng tộc ngày nay, ẩn sĩ là Sàriputta (Xá-lợi- phất), quỷ nhân là Angulimàla; vương muội là Uppalavannà (Liên Hoa Sắc), hoàng hậu là mẹ của La-hầu-la và thái tử Alinasattu chính là Ta.

-ooOoo-

514. Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta (Tiền thân Chaddanta)

Ái hậu mắt nhung, đẹp tuyệt trần...,

Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ-viên) về một Sa-di-ni.

Một thiện gia tín nữ ở Xá vệ nhận thấy nỗi khổ đau của cuộc đời thế tục, đã xuất gia tu hành. Một ngày kia, nàng cùng các Tỷ-kheo-ni khác đi đến nghe Pháp.

Trong lúc đức Phật ngồi thuyết giảng trên bảo tọa uy nghi, nàng chiêm ngưỡng kim thân của Ngài đầy đủ vẻ tối thắng mỹ diệu phát xuất từ công đức vô lượng của Ngài, nàng nghĩ thầm: "Ta không biết trong một đời trước nào ta từng phụng sự là thê thiếp của bậc vĩ nhân này chăng?"

Ngay lúc ấy, nàng chợt nhớ lại các đời trước của nàng. "Vào thời thượng tượng vương Chaddanta, ta đã từng làm vợ vĩ nhân này ". Tâm nàng tràn ngập hân hoan hạnh phúc khi nhớ lại việc ấy. Trong niềm xúc động sung sướng kia, nàng bật cười lớn và nghĩ thầm: "Ít phụ nữ có thiện ý đối với chồng mình, đa số đều có ác ý cả. Ta không biết xưa kia ta có thiện ý hay ác ý đối với vị này."

Rồi hồi tưởng lại quá khứ, nàng nhận ra là vì cảm thấy bị đối xử thờ ơ lãnh đạm nên nàng đã sinh lòng oán hận Đại tượng vương Chaddanta có chiều dài một trăm hai mươi cubit (gần năm mươi mét), và nàng đã nhờ tay thiện xạ Sonuttara dùng tên tẩm thuốc độc bắn trọng thương để giết ngài. Lúc ấy niềm đau khổ khởi lên, lòng nàng bồn chồn nóng rang, rồi không thể kềm chế xúc động kia, nàng bật tiếng khóc nức nở.

Thấy thế, bậc Đạo Sư nở một nụ cười và khi được hội chúng tỷ-kheo hỏi:

- Bạch Thế Tôn, duyên cớ gì khiến Thế Tôn mỉm cười?

Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, Sa-di-ni này vừa khóc, khi nhớ lại một tội ác đã từng phạm để hại Ta trong một đời trước.

Nói vậy xong Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, có tám ngàn vương tượng nhờ tu luyện thần thông, du hành qua không gian đến an trú gần bên hồ Chaddanta ở vùng Tuyết Sơn. Vào thời ấy Bồ tát tái sinh làm con của Voi chúa. Thân ngài thuần trắng, bàn chân đỏ, da mặt đỏ hồng. Dần dần lớn

khôn, ngài cao đến tám mươi tám cubit, và dài một trăm hai mươi cubit. Ngài có cái vòi như cuộn dây thừng bằng bạc dài năm mươi tám cubit, bộ ngà có chu vi mười lăm cubit, dài ba mươi cubit, tỏa ánh sáng lục sắc. Ngài là chúa đàn voi lớn gồm tám ngàn con, thường tôn kính cúng dường các vị Độc Giác Phật và Mahàsubhaddà (Tiểu Hiền Phi và Đại Hiền Phu) Tượng cương với quân thần tám ngàn voi ngự trong Kim động.

Lúc bấy giờ hồ Chaddanta dài năm mươi dặm và rộng năm mươi dặm. Ở giữa hồ khoảng mười hai dặm, chẳng hề có cây Sevàla hoặc Panaka nào mọc, nên nước trong như khối ngọc thần. Bao quanh vùng nước này gần đó là một dải toàn hoa súng trắng tinh khiết rộng chừng một dặm. Tiếp theo đó là loại sen trắng, sen hồng, đến súng trắng, súng hồng và loại súng trắng ăn được, đám súng trắng chen lẫn các loại súng khác, rộng chừng một dặm cứ mỗi lớp bao quanh các lớp trước.

Kế tiếp bảy lớp cây này là một đám súng trắng xen lẫn các loại súng khác cũng rộng chừng một dặm, bao quanh tất cả các lớp trước.

Kế đó trong vùng nước sau vừa cho voi đứng, là một đám lúa đỏ. Tiếp theo trong vùng nước bao quanh là những khu rừng cây nhỏ đầy hoa thơm dịu dàng đủ mầu vàng, xanh, trắng, đỏ. Như vậy mười rừng hoa này rộng chừng một dặm mỗi thứ. Kế đó là rừng đậu đủ loại. Kế nữa là rừng chen lẫn bìm bìm, dưa, bí bầu và nhiều cây leo khác. Tiếp theo là một rừng mía cao bằng cây cau. Rồi đến một rừng chuối có quả lớn bằng chiếc ngà voi. Kế đó là một ruộng lúa. Rồi đến một vườn mít, trái bằng bình nước lớn. Tiếp theo là một vườn me đầy quả ngon ngọt. Sau đó là vườn táo voi. Rồi đến một rừng cây lớn đủ loại. Kế tiếp là một rừng tre. Vào thời ấy, phong cảnh vùng này tráng lệ như thế. Vẻ kỳ vĩ đương thời miêu tả trong bộ Luận Samyatta (Luận giải Bộ Kinh Tương Ưng)

Song vùng bao quanh rừng tre lại là bảy ngọn núi. Từ phía ngoài cùng là ngọn Tiểu Hắc Sơn. Kế đó là Đại Hắc Sơn, Thủy Sơn, Nguyệt Sơn, Nhật Sơn, Ngọc sơn và núi thứ bảy theo thứ tự là Kim Sơn. Núi này cao bảy dặm, vươn cao lên quan hồ Chaddanta, như đường viền cái chén; vách núi bên trong màu vàng chói. Do ánh sáng tỏa ra từ đó, hồ Chaddanta rực rỡ như mặt trời mới mọc.

Trong số các núi phía ngoài, có một ngọn cao sáu dặm, một ngọn cao năm dặm, ngọn cao bốn dặm, ngọn cao ba dặm, ngọn cao hai dặm và ngọn chỉ cao một dặm. Lúc bấy giờ về phía góc hồ đông, được bao bọc bằng Thất Sơn như vậy, ở một nơi gió thường thổi trên mặt nước, có một cây đa lớn mọc lên.

Thân cây có chu vi năm dặm, cao bảy dặm. Bốn cành vươn ra bốn phía dài sáu dặm. Như vậy từ rễ đến ngọn cao mười ba dặm, từ đầu ngọn cành cây phía này sang đầu ngọn cành cây phía kia rộng mười hai dặm. Cây này sinh ra tám ngàn chồi mọc thẳng tuyệt đẹp, chẳng khác nào Ngọc Sơn lồ lộ kia.

Song về phía Tây hồ Chaddanta trong Kim Sơn, có Kim Động chừng mười hai dặm. Tượng vương Chaddanta cùng đoàn tùy tùng tám ngàn voi, về mùa mưa thường sống ở Kim Động này, về mùa nóng lại đứng dưới gốc đa lớn kia, giữa các nhánh cây để đón gió nhẹ hiu hiu thổi từ mặt hồ nước.

Một ngày kia, đám quần thần tâu với ngài:

Đại Thọ Sàla vương đang độ nở hoa.

Thế là đám tùy tùng hộ tống, ngài có ý định đi du ngoạn trong vườn Sàla, và khi vừa đến nơi ấy, trán ngài đụng vào một cây Sàla đang nở rộ hoa.

Lúc bấy giờ nàng Cullasubhaddà đứng theo chiều gió, nên một đám cành lá khô cùng kiến đỏ rớt xuống thân nàng. Còn nàng Mahàsubhaddà đứng chỗ khuất gió nên các hoa tươi cùng phấn hoa và cành lá xanh rơi trên thân nàng.

Cullasubhaddà nghĩ thầm:"Ngài để rơi trên mình nàng ái phi của ngài đầy hoa tươi, phấn hoa cùng cành lá xanh, còn trên mình ta, ngài lại làm rớt cả một mớ cành lá khô cùng bầy kiến đỏ lẫn lộn! Được lắm, rồi đây ta sẽ biết cách làm gì!"

Và nàng sinh lòng oán hận bậc Đại Sĩ từ đó.

Một ngày kia, Tượng vương cùng đám tùy tùng xuống hồ Chaddanta để tắm. Lúc ấy, hai chú voi dùng vòi cầm các bó rễ cây usìra để hầu tắm ngài, chà xát cả thân ngài cao như thể núi Kelàsa. Khi ngài bước ra khỏi nước, lên đứng trước mặt bậc Đại Sĩ.

Sau đó tám ngàn voi kia xuống hồ vui đùa thỏa thích trong nước, hái đủ loại hoa dưới hồ, trang điểm bậc Đại Sĩ khác nào một ngôi đền bằng bạc; sau đó, chúng trang điểm cả hai hoàng hậu của chúa voi. Lúc ấy có một con voi kia bơi quanh hồ, hái một đóa sen lớn bảy chồi dâng bậc Đại Sĩ. Ngài dùng vòi cầm hoa sen rảy phấn lên trán mình xong đưa tặng hoa cho chánh hậu Mahàsubhaddà. Thấy việc này, nàng tình địch của chánh hậu lại nghĩ: "Hoa sen bảy chồi này ngài cũng tặng cho ái hậu của ngài, chứ không phải tặng ta!."

Nàng lại càng sinh lòng căm hờn ngài thêm nữa.

Một ngày kia, khi Bồ-tát đã ướp hoa quả ngon cùng ngó sen và củ sen với mật ong xong, ngàiđem cúng dường năm trăm vị Độc Giác Phật thọ thực, nàng Cullàsubhaddà cũng đem các thứ quả rừng nàng đã hái dâng cúng các vị Độc Giác Phật ấy, và nàng cầu nguyện như vầy:

- Từ nay, sau khi con lìa trần, ước mong rằng con được tái sinh làm công chúa Subhaddà trong hoàng tộc của vua Madda, và khi đến tuổi trưởng thành, mong rằng con được vinh dự làm hoàng hậu của vua Ba-lai-nại. Lúc ấy con sẽ đầy vẻ diễm lệ trước mắt ngài và được ngài sủng ái. và sẽ có đầy đủ quyền lực thực hiện điều gì con ước muốn. Thế là con sẽ tâu đức vua cho người thợ săn dùng tên độc bắn tử thương Voi chúa này. Và như vậy con ước mong có thể bảo chúng đem về dâng con một cặp ngà tỏa hòa quang lục sắc kia.

Từ đó nàng bỏ ăn uống, nên héo mòn dần, chẳng bao lâu nàng từ trần rồi tái sinh làm con chánh hậu vua Madda và được đặt tên là Subhaddà. Khi nàng đến tuổi dậy thì, song thân nàng liền xe duyên nàng với vua Ba-lai-nại. Nàng làm đẹp lòng vua và được sủng ái, nên được phong làm chánh hậu giữa đám mười sáu ngàn phi tần.

Khi nhớ lại các đời trước của mình, nàng nghĩ thầm: "Lời nguyện cầu của ta đã thành tựu, nay ta phải truyền đem bộ ngà voi ấy dâng ta mới được".

Thế là nàng xoa dầu khắp người, mặc áo dơ bẩn, nằm lên giường, giả vờ bệnh. Nhà vua hỏi:

- Ái hậu Subhaddà của trẫm đâu rồi?

Khi nghe tin nàng bị bệnh, ngài vội vào hậu cung ngồi bên vương sàng, vuốt nhẹ lưng nàng và ngâm vần kệ đầu tiên:

1. Ái hậu mắt nhung, đẹp tuyệt trần,
Nàng xanh xao quá, dáng đau buồn,
Như tràng hoa dưới chân giày xéo,
Vì cớ sao nàng héo úa dần?
Nghe lời này, nàng liền đáp vần kệ thứ hai:

2. Dường như chuyện thấy ở trong mơ,
Thần thiếp hằng mong mỏi thiết tha,
Mộng ước hão huyền e khó đạt,
Cho nên lòng thiếp mãi buồn lo.
Vua nghe thế, lại ngâm vần kệ nữa:

3. Những lạc thú nào ở thế gian,
Con người khao khát tận tâm can,
Điều gì mong trẫm đem ban tặng,
Hãy nói trẫm nghe, ước nguyện nàng.
Nghe vậy, hoàng hậu bảo:

- Tâu Đại vương, ước nguyện của thiếp thật khó đạt thành, thiếp chưa thể nói được ngay bây giờ ước nguyện ấy, xin cho tất cả các thiện xạ trong nước tụ tập về đây, lúc ấy thiếp sẽ nói ra giữa đám thiện xạ ấy.

Và nàng ngâm vần kệ để giải thích ý nàng muốn nói:

4. Truyền đám thợ săn phụng mệnh ngay,
Những người cư ngụ nước non này,
Điều thần thiếp muốn nhờ tay họ,
Khi diện kiến, xin sẽ giải bày.
Vua chấp thuận và từ hậu cung, ngài ban lệnh cho các đại thần:

- Hãy cho đánh trống ban lệnh rằng tất cả các thợ săn trong quốc độ Kàsi trải dài ba trăm dặm này, phải đến tụ tập tại đây.

Họ tuân lệnh, chẳng bao lâu các thợ săn trong quốc độ Kàsi mang tặng vật tùy theo phương tiện của họ, nhờ tâu trình vua họ xin bệ kiến. Lúc ấy họ đến chừng sáu mươi ngàn người. Vua nghe tin ấy, liền đứng trước cửa sổ mở rộng giơ tay chỉ cho hoàng hậu thấy họ đã trình diện, ngài bảo:

5. Nhìn đám thợ săn dũng cảm đây!
Nghề săn mồi lão luyện cao tay,
Với tài chém giết bầy hoang thú,
Vì trẫm, sẵn sàng bỏ mạng ngay.
Hoàng hậu nghe thế liền ngâm vần kệ bảo họ:

6. Lạp hộ can trường tụ tập đây,
Những lời ta nói, lắng nghe vầy:
Dường như ta thấy trong cơn mộng
Bạch tượng sáu ngà tuyệt mỹ thay,
Ta ước bộ ngà, lòng khắc khoải,
Chẳng còn gì đáng giá đời này!
Đám thợ săn nghe nàng nói, đáp lời:

7. Các bậc tổ tiên thuở đã qua,
Sáu ngà voi trắng, thấy bao giờ?
Loài gì thú ấy, xin cho biết,
Đã hiện trong mơ của lệnh bà.
Sau đó họ lại còn ngâm thêm vần kệ nữa:

8. Bốn phương Nam, Bắc, với Tây, Đông,
Chính giữa bốn miền cũng họp chung,
Thiên đỉnh thêm vào thiên đế nữa,
Nơi nào trong thập hướng không trung,
Tượng vương này ở, xin cho biết,
Xuất hiện trong mơ của chánh cung.
Nghe nói thế hoàng hậu Subhaddà nhìn toàn thể đám thợ săn, thấy trong đó có một người chân lớn, bắp chân phồng to như một cái thúng đựng đầy lễ vật, xương sườn, đầu gối đều vạm vỡ, bộ râu rậm, hàm răng vàng khè, mặt mũi méo mó đầy sẹo, là người thật xấu xí, đồ sộ, nổi bật lên giữa đám thợ săn, tên là Sonuttara, trong một đời trước đã từng là kẻ cừu thù của bậc Đại sĩ. Nàng liền nghĩ: "Người này có thể làm theo lời ta được".

Và xin phép vua đem gã kia đi lên thượng lầu của cung điện bảy tầng, nàng mở cửa sổ hướng Bắc, chỉ tay thẳng về phía dãy Bắc Tuyết Sơn, rồi ngâm bốn vần kệ:

9. Hướng Bắc bên kia dãy Thất San,
Cuối cùng ta đến Vách non Vàng,
Đỉnh cao thường có loài ma quỷ,
Hoa tự chân lên ngọn rỡ ràng.
10. Dưới núi ma kia lại thấy ngay
Xanh um cả khối, dáng như mây,
Một cây đa chúa, từ nhiều gốc

Sinh tám ngàn cành, tráng kiện thay.
11. Trú đây, Bạch tượng mạnh vô song
Có sáu ngà, quân đội tám ngàn,
Ngà tựa càng xe, tài thiện chiến,
Hộ phòng, giao đấu, tốc như phong!
12. Thở phì, Voi đứng, mắt trừng trừng,
Hơi gió nhẹ đưa cũng nổi sân,
Nếu chợt thấy người gây mảy gió,
Đùng đùng, chúng dẫm nát tan thân!
Sonuttara nghe tả thế, hồn vía bay lên mây, vội đáp vần kệ:

13. Lam ngọc sáng ngời hoặc bảo trân,
Biết bao trang sức với kim ngân,
Việc gì hoàng hậu cần ngà ấy,
Hay lệnh bà mong giết thợ săn?
Hoàng hậu lại ngâm vần kệ:

14. Nung nấu lòng ta rẫy giận hờn,
Mỗi lần nhớ lại vết đau thương,
Cho ta, lạp hộ, điều ta ước,
Làng đẹp năm ngôi, sẽ hưởng ơn!
Nói xong nàng thêm:

- Này hiền hữu thiện xạ, ngày trước, khi ta cúng dường các vị Độc Giác Phật, ta dâng lời cầu nguyện rằng ta muốn có đủ thần lực giết con voi sáu ngà kia để chiếm một đôi ngà. Điều này ta không phải chỉ thấy trong giấc mộng mà thôi đâu, đó còn là lời nguyện ta phải thành đạt. Hiền hữu hãy ra đi, đừng lo sợ gì cả.

Nàng nói vậy để trấn an gã. Gã chấp thuận lời nàng và đáp:

- Xin tuân lệnh hoàng hậu, nhưng trước hết xin lệnh bà chỉ rõ cho thần biết voi ấy hiện ở đâu.

Và gã hỏi qua vần kệ:

15. Voi ở đâu? Tìm kiếm chốn nào?
Đường Voi đi tắm, hướng ra sao?
Nơi nào Vương tượng thường bơi lội?
Xin chỉ con đường để bắt mau.
Lúc ấy nàng hồi tưởng lại đời trước của mình và nhớ rõ địa điểm ấy, nên chỉ đường cho gã qua hai vần kệ:

16. Không xa nơi tắm ấy là bao,
Thăm thẳm hồ sâu diễm lệ sao,
Hoa rộ nở, đầy ong bướm lượn,

Đấy nơi Vương tượng dễ tìm cầu.
17. Tắm mát, cài sen, chiếc miện hoa,
Hân hoan Voi rảo bước về nhà,
Như cành sen trắng cao vòi vọi,
Theo gót bà hoàng yêu thiết tha!
Sonuttara nghe vậy chấp thuận ngay và thưa:

- Tâu lệnh bà, tiểu thần xin đi giết Voi này và đem về dâng cặp ngà.

Nàng hoan hỷ ban thưởng gã một ngàn đồng tiền vàng và bảo:

- Hiền khanh cứ trở về nhà đã, sau bảy ngày nữa hãy khởi hành đến đó.

Nàng cho gã lui về và triệu tập đám thợ rèn lại, truyền lệnh:

- Này các khanh, ta cần một cái rìu, một cái xẻng, một cái khoan, một cái búa, dụng cụ để chặt tre, cái liềm cắt cỏ, một gậy sắt, một cái cọc, một cái chĩa ba bằng sắt, hãy làm mọi thứ thật gấp rồi đem đến đây ngay.

Nàng lại cho triệu tập đám thợ đồ da, bảo họ:

- Này các khanh, hãy làm cho ta một cái túi da đủ đựng đồ vật nặng cỡ một đầu heo lớn, ta lại cần các dây da, các lưới da, đôi giày lớn vừa cho voi mang và một cái dù da để nhảy xuống. Hãy làm mọi thứ thật cấp bách rồi đem lại đây ngay.

Cả hai đám thợ rèn và thợ da kia làm gấp mọi vật rồi mang lại cho nàng. Sau khi có đủ mọi vật dụng cần thiết cho cuộc hành trình, cùng lửa củi đủ loại, nàng đặt mọi món trang bị cần thiết như bánh nướng, lương khô.. vào túi da. Tất cả nặng cỡ chiếc đầu heo. Còn Sonuttara, sau khi sắp đặt xong xuôi, đến ngày thứ bảy, cung kính diện kiến hoàng hậu. Nàng bảo:

- Này hiền hữu, tất cả mọi hành trang đã hoàn thành, hãy cầm túi da này đi.

Gã này là một tên hạ đẳng lực lưỡng gan dạ, mạnh bằng năm con voi, nên cầm chiếc túi kia như thể túi đựng bánh đặt lên sườn, rồi đứng lên như thể hai tay không! Nàng Cullasubhaddà trao lương thực cho đám tùy tùng của gã, và tâu trình vua rồi truyền gã lui ra. Gã đảnh lễ vua cùng hoàng hậu xong, xuống thềm cung điện đặt các vật dụng lên một cỗ xe, khởi hành khỏi kinh thành cùng một đoàn tùy tùng đông đảo rầm rộ vượt qua vô số thôn làng, tới vùng biên địa.

Lúc ấy gã bảo dân chúng lui và tiếp tục đi cùng đám dân cư ngụ trên biên giới cho đến khu rừng, qua khỏi những nơi có người ở, gã lại cho dân biên giới lui về và một mình gã tiến lên một khoảng ba mươi dặm đường, băng qua rừng cỏ kusa và nhiều cỏ khác rậm rạp, những đám dàyđặc rau quế, lau sậy, cây đậu, những khóm gai, mía, và cây đủ loại, rồi các rừng rậm toàn lau, mía dày, rậm đến độ rắn cũng không thể bò qua được, rồi các rừng cây lớn, tre nứa, những bãi nước lầy, những dải núi; gã lần lượt đi qua mười tám vùng tất cả.

Qua rừng cỏ, gã cắt bằng lưỡi liềm, qua các đám rau, gai, tre, nứa, gã mở đường bằng dụng cụ đẵn tre, gã chặt các cây lớn bằng cái rìu, còn các cây cổ thụ quá lớn, gã phải đục bằng cái khoan trước tiên.

Sau đó tiếp tục cuộc hành trình, gã làm một cái thang trong rừng tre và trèo lên ngọn cây, gã đặt một cây tre vừa chặt lên trên bụi tre kế đó, cứ thế gã bò dần qua các đọt tre đến một bãi lầy.

Gã lại trải một tấm ván khô trên bùn, bước qua rồi ném một tấm ván khác ra phía trước và cứ như thế đi băng qua bãi lầy. Sau đó gã lại đóng thuyền để vượt qua một vùng ngập nước, cuối cùng đến đứng dưới chân các ngọn núi.

Gã buộc cái móc sắt có chĩa ba vào sợi dây, ném lên cao cho nó dính chặt vào sườn núi. Leo lên sợi dây, gã khoan núi bằng đầu gậy có gắn kim cương, đóng cọc vào lỗ rồi đứng lên đó. Sau gã lại kéo cái móc sắt có chĩa ba ra đóng vào sườn núi cao hơn trước, từ nơi này gã để dây da thòng xuống, xong gã cầm dây trèo xuống, buộc dây vào cọc phía dưới. Rồi tay trái cầm dây, tay phải cầm búa, gã đánh vào sợi dây để kéo cái cọc ra và trèo lên lần nữa.

Bằng cách này gã trèo lên đỉnh núi đầu tiên, rồi bắt đầu đi xuống phía bên kia, sau khi đóng cọc vào đỉnh núi đầu tiên như trước đây, xong buộc dây vào túi da và bao quanh cái cọc, gã ngồi vào trong túi da và thả mình xuống bằng cách buông dần cuộn dây như thể nhện nhả tơ vậy. Gã để cho cái dù da bắt gió và hạ xuống nhanh như chim. Tương truyền ít nhất là thế đấy.

Như vậy bậc Đạo sư kể chuyện gã thợ săn tuân lệnh nàng Subhaddà, xông pha từ kinh thành băng qua mười bảy địa giới khác nhau cho đến khi vào tận miền núi rừng, những cách gã băng rừng vượt qua sáu vùng nước non như thế nào để leo lên đỉnh Kim Sơn:

18. Thợ săn nghe lệnh, vững can tràng,
Nai nịt cung tên, tiến bước đàng,
Băng vượt bảy tầng non bát ngát,
Cuối cùng đến thượng đỉnh Kim San.
19. Đến núi cao đầy quỷ ẩn thân,
Khối gì trước mắt, dáng như vân?
Chính cây đa chúa, thân to lớn
Đỡ tám ngàn cành tán trải giăng.
|
20. Trú đây Bạch tượng mạnh vô song
Có sáu ngà, quân đội tám ngàn,
Ngà tựa càng xe, tài thiện chiến,
Hộ phòng, giao đấu, tốc như phong!
21. Gần đó, hồ kia nước tận bờ,
Xứng nơi vương tượng lội bơi qua,

Đôi bờ khả ái muôn hoa đẹp,
Ong lượn quanh đầy tiếng nhỏ to.
22. Đánh dấu đường đi của Tượng vương
Những khi bơi lội, chí kiên cường
Gã đào hố, việc làm hèn hạ
Xúi giục cho vương hậu giận hờn!
Tiếp theo đây là câu chuyện từ đầu đến cuối: chuyện kể rằng, sau bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, khi đến tận nơi cư trú của bậc Đại sĩ theo cách kể trên, gã thợ săn ghi dấu kỹ nơi ấy, và đào một cái hố ở đó, gã bảo:

- Ta sẽ đứng đây và đâm chết Voi chúa.

Gã sắp đặt công việc như vậy xong, vào rừng chặt cây làm cột trụ, cùng chuẩn bị một số vật dụng khác.

Khi đàn voi đến tắm ở nơi Voi chúa thường đứng, gã lại đào một hố vuông bằng một cái cuốc lớn, và đám đất gã đào lên gã rải khắp mặt nước, như thể gieo hạt, và trên đầu các tảng đá hình khối xay, gã trồng một trụ, chôn thêm các vật nặng cùng dây da và trải nhiều ván lên trên. Kế đó gãđào lỗ vừa cỡ một mũi tên rồi ném đất đá, rác rến lên nữa, còn một bên gã làm lối ra vào cho gã.

Thế là khi hố đã xong xuôi, vào lúc tảng sáng gã buộc một chùm tóc giả trên chỏm, mặc hoàng y vào, cầm cung và mũi tên độc, gã bước xuống đứng dưới hố kia.

Bậc Đạo sư giải thích mọi việc như sau:

23. Che hố trước tiên đậy ván dày,
Bước vào, cung nắm ở trong tay,
Vừa khi Bạch tượng đi qua đó,
Kẻ ác cho tên dữ vút bay.
24. Voi bị thương gầm rống thảm thương,
Cả đoàn đáp lại cũng gầm vang,
Ngàn cây nghiêng ngã giày tan cỏ,
Tán loạn đàn voi chạy thẳng đường.
25. Voi chúa đã gần giết địch nhân
Vì chứng đau đớn hóa điên cuồng,
Nhưng kìa! Đôi mắt ngài vừa gặp
Biểu tượng thanh cao, chiếc áo vàng,
Bộ áo tu hành bất khả phạm,
Ấy điều suy nghĩ của hiền nhân.
Bậc Đạo sư, trong lúc nói chuyện với thợ săn, ngâm hai vần kệ này:

26. Người nào vấy phải tội đầy thân,
Chẳng chế ngự mình, thiếu thật chân,
Dù chiếc hoàng y, mình nó mặc,

Chẳng hòng mong đạt tịnh thanh tâm.
27. Còn kẻ thoát ra mọi lỗi lầm
Đầy lòng chân thật, tự điều tâm,
Vững lòng cương quyết theo công chánh,
Xứng đáng y vàng khoác tấm thân.
Nói xong, bậc Đại sĩ dập tắt mọi nỗi hận sân đối với gã kia và hỏi:

- Tại sao ông bắn ta bị thương? Có phải vì lợi ích riêng hay vì bị kẻ nào mua chuộc?

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

28. Voi trúng tên tàn bạo quỵ chân,
Trong lòng bình thản, hỏi cừu nhân:
"Đích gì khi giết nhằm ta thế,
Cho biết ai xúi giục, bạn thân?".
Kế tiếp gã thợ săn đáp kệ này:

29. Ái hậu Kà-si bậc đại quân,
Su-bhad-dà, bảo đã từng trông
Dáng ngài trong mộng, và vì thế:
"Ta muốn ngà kia, hãy kiếm dâng!".
Nghe gã nói điều này, ngài nhận ra đây là việc làm của nàng Cullasubhaddà, nên ngài nhẫn nhục chịu đau đớn và suy nghĩ: "Nàng chẳng cần gì đôi ngà của ta đâu, nàng bảo gã đi đến đây chỉ vì muốn giết ta đấy thôi".

Và để làm sáng tỏ việc, ngài ngâm hai vần kệ:

30. Kho báu ta mang ở bộ ngà,
Hình hài di tích của ông cha,
Điều này ác phụ am tường quá,
Nên kẻ khốn nhằm đoạt mạng ta.
31. Trước khi ta chết, thợ săn ôi,
Cưa lấy bộ ngà của chúa Voi,
Bảo ác phụ kia mừng mãn nguyện,
"Đây ngà, Bạch tượng đã lìa đời!".
Nghe ngài bảo vậy, gã thợ săn đứng dậy từ nơi gã đang ngồi, cầm cưa trong tay đi đến gần ngài để cắt đôi ngà. Lúc bấy giờ Vương tượng cao như một ngọn núi tám mươi tám cubit (gần bốn mươi mét) nên không thể cưa được như ý muốn, vì gã này không thể lên tới tận đôi ngà. Thấy thế bậc Đại sĩ phải cúi mình trước gã, nằm xuống kê đầu dưới đất.

Lúc ấy gã mới trèo lên chiếc vòi của bậc Đại sĩ, dẫm chân lên đó như thể sợi dây thừng bạc, rồi đứng trên trán ngài như thể đỉnh núi Kesàla. Sau đó gã nhét chân gã vào miệng ngài, đầu gối gã đập vào da thịt trong miệng ngài, gã bò xuống từ trán ngài và thọc cây cưa vào miệng ngài. Bậc Đại sĩ chịu đựng nỗi thống khổ hành hạ và miệng ngài ứa đầy máu.

Còn gã thợ săn đi loanh quanh chỗ này chỗ kia vẫn không thể nào dùng cái cưa cắt được đôi ngà. Vì thế bậc Đại sĩ để máu rơi ra từ miệng ngài, chịu đựng nỗi đau đớn cực độ, hỏi gã:

- Này tôn ông không cưa được sao?

Và khi nghe gã bảo:

- Không.

Ngài liền lấy lại sự bình tĩnh trong tâm, bảo:

- Vậy thì được rồi, vì ta không còn đủ sức đưa chiếc vòi lên, ông hãy nhắc nó lên cho ta và nó sẽ cầm một đầu cưa.

Gã thợ săn làm theo.

Bậc Đại sĩ dùng vòi cầm phía đầu cưa, đưa lui đưa tới và đôi ngà được cắt rời ra ngay như đọt cây. Sau đó ngài bảo gã cầm lấy đôi ngà và nói:

- Này hiền hữu lạp hộ, không phải ta cho ông đôi ngà này vì ta không quý trọng chúng, cũng không phải giống như một người mong ước địa vị của Đế Thích Thiên chủ, Ma vương hay Phạm thiên đâu, nhưng đôi ngà Chánh Đẳng Chánh Giác còn đáng quý đối với ta gấp cả trăm ngàn lần hơn đôi ngà này, và ta ước mong công đức thiện hành này sẽ làm nhân duyên cho ta chứng đắc quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vừa khi cho gã đôi ngà, ngài hỏi:

- Ông đến đây phải đi mất bao lâu?

- Bảy năm, bảy tháng, bảy ngày.

- Vậy nhờ thần lực của đôi ngà này, ông sẽ về đến Ba-la-nại trong bảy ngày thôi.

Sau khi ngài bảo gã ra đi và trước khi đàn voi kia cùng hoàng hậu Subhaddà đến nơi, ngài đã qua đời.

Bậc Đạo sư giải thích sự việc qua vần kệ:

32. Rồi thợ săn cưa lấy bộ ngà
Từ hàm Bạch tượng tối cao ra,
Sáng ngời, bảo vật vô song ấy,
Gã bước nhanh chân trở lại nhà.
Khi gã đi rồi, đàn voi không còn thấy bóng kẻ thù trở lại nữa.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

33. Kinh hãi nhìn Vương tượng bỏ thân,
Đàn voi vùng tán loạn, hoang mang,
Chẳng tìm thấy vết cừu nhân ác,
Trở lại nhìn vua ngã xuống đàng.

Vương hậu Subhaddà cùng đến với đàn voi, tất cả đều đau đớn than và từ đó đi yết kiến các vị Độc Giác Phật trước kia thường rất thân thiết với bậc Đại sĩ, và thưa:

- Bạch các Tôn giả, đức vua thường vẫn cúng dường các Tôn giả mọi vật dụng cần thiết, đã từ trần vì trúng một mũi tên độc. Xin các Tôn giả đến viếng thi hài của ngài đang được quàng tại nơi kia.

Năm trăm vị Độc Giác Phật liền bay qua không trung hạ mình xuống vùng đất thiêng ấy. Vào lúc hai chú voi con lấy ngà nâng thi hài của Voi chúa lên để thi hài tỏ dấu hiệu sùng kính các vị Độc Giác Phật, rồi nâng thi hài cao đến tận dàn hỏa thiêu và làm lễ hỏa táng. Suốt đêm ấy các vị Độc Giác Phật tụng kinh trong thánh địa này. Tám ngàn voi ấy, sau khi dập tắt các ngọn lửa, liền tắm rửa rồi cùng theo hoàng hậu Subhaddà dẫn đầu, trở lại nơi cư ngụ như cũ.

Bậc Đạo sư giải thích vấn đề như sau:

34. Đàn voi khóc lóc lẫn kêu gào,
Tất cả chất tro đội đỉnh đầu,
Chầm chậm trở về nơi cư trú,
Theo sau hoàng hậu mãi thanh cao.
Còn gã Sonuttara trong bảy ngày đã về tới Ba-la-nại cùng với bộ ngà voi.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

35. Thẳng đến Kà-si, gã thợ săn,
Vô song tặng vật, gã vừa mang:
Bộ ngà của chúa Voi ngời chiếu
Làm mọi tâm hoan với ánh vàng;
Đến trước bà hoàng kia, gã nói:

"Đây ngà; Vương tượng đã từ trần!".

Bấy giờ khi mang đôi ngà đến dâng hoàng hậu, gã thưa:

- Tâu hoàng hậu, chúa Voi mà hoàng hậu mang mối thù hận trong lòng chỉ vì một lỗi lầm nhỏ nhặt ấy đã bị tiểu thần giết chết rồi!.

- Ngươi bảo rằng ngài đã chết rồi ư? Nàng kêu lớn.

Gã dâng đôi ngà lên và tâu:

- Hoàng hậu cứ tin chắc rằng ngài đã chết, đây là đôi ngà của ngài.

Nàng nhận lấy đôi ngà có sáu sắc hào quang ấy để lên chiếc quạt nạm ngọc của nàng rồi đặt vào lòng, nàng nhìn đôi ngà của Voi chúa ngày trước trong một đời trước đã là vị quân vương ái kính của nàng, nàng nghĩ thầm: "Gã thợ săn này trở về với đôi ngà gã cưa được từ Bảo tượng mà gã đã giết bằng mũi tên độc".

Rồi nhớ lại bậc Đại sĩ, lòng nàng bỗng tràn ngập đau thương đến độ nàng không thể chịu đựng được nữa, tim nàng tan nát ra và nàng từ trần ngay hôm ấy.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ để làm sáng tỏ câu chuyện:

36. Bà hoàng vừa chợt thấy đôi ngà,
Chúa thượng dấu yêu thuở đã qua,
Lòng quá đau thương liền vỡ nát,
Vì ngài, kẻ ngốc hóa ra ma.
37. Khi Đại trí nhân đủ lực thần,
Mỉm cười trước mắt các hiền Tăng,
Tức thì Thánh chúng liền suy nghĩ:
"Chư Phật chẳng cười chuyện bỗng dưng!".
38. Ngài bảo: "Các ông thấy nữ nhi
Làm Sa-di ấy, khoác hoàng y,
Xưa là hoàng hậu, và Ta nữa,
Ngài tiếp, "là Voi chúa mất đi".
39. Kẻ ác cưa ngà báu trắng tinh,
Vô song dưới thế, ánh quang minh,
Đem về thành phố Ba-la-nại
Nay chính Đề-bà-đạt đích danh".
40. Phật-đà với trí tuệ riêng Ngài
Kể lại chuyện xưa ấy thật dài,
Đủ mọi nỗi buồn đau thống thiết,
Dù Ngài đã thoát hết bi ai.
41. "Ngày xưa Bạch tượng chính Ta đây,
Làm chúa Voi đông đảo cả bầy,
Như vậy, chư Tăng, ta muốn bảo
Các ông hiểu rõ Tiền thân này".
Các vần kệ trên được các Tỷ-kheo ghi nhớ khi Tăng chúng tán dương Đạo pháp và ca ngợi đấng Thế Tôn đầy đủ mọi thần lực.

*

Khi nghe Pháp thoại này xong, một số trong đại chúng chứng quả Dự Lưu, còn vị Sa-di-ni ấy về sau nhờ tu tập Thiền định đã chứng đắc quả A-la-hán.

-ooOoo-

Chương XVI (tt)

515. Chuyện nam tử Sambhava (Tiền thân Sambhava)

Trẫm chẳng màng ngôi vị đế vương..,

Trong lúc trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện này liên quan đến sự Viên mãn của Trí tuệ Tối thắng.

Các chi tiết đưa đến phần mở đầu câu chuyện sẽ được nêu ra trong Tiền thân Mahà Ummagga Đường Hầm lớn, Chương XXII, tập VII.

*

Ngày xưa có vị vua danh hiệu Dhananjaya Korabya trị vì tại kinh đô Indapatta ở quốc độ Kuru (Câu-lâu). Một Bà-la-môn tên Sucìrata là tế sư cùng là quốc sư của ngài trong mọi vấn đề thánh sự. Nhà vua cai trị rất đúng pháp, thực hành bố thí cùng nhiều thiện sự khác. Một ngày kia ngài chuẩn bị một câu hỏi liên quan việc phụng sự Chân lý, nên sau khi mời Bà-la-môn Sucìrata an tọa xong, và cung kính đảnh lễ vị ấy, ngài đưa vấn đề ra hỏi bằng cách ngâm bốn vần kệ:

1. Trẫm chẳng màng ngôi vị đế vương,
Su-cì, và thống trị giang sơn,
Vì mong trẫm đạt thành cao cả,
Ngự trị khắp toàn cõi thế gian.
2. Bằng Chánh chân thôi, tránh lỗi lầm,
Bởi vì tất cả đấng quân vương,
Ở trên trần thế cần theo đúng
Bất cứ điều Chân chánh Thiện lương.
3. Do đó ta xa lánh lỗi lầm
Đời này và mãi mãi ngàn năm
Ta cầu mong được danh vinh hiển
Ở giữa chư Thiên lẫn thế nhân.
4. Này hỡi tế sư, hãy biết rằng
Những gì Chân thiện, trẫm mong làm,
Vậy khi được hỏi, xin cho biết
Những việc làm nào đúng Thiện Chân.

Lúc bấy giờ, đó là cả vấn đề cao siêu thuộc phạm vi tri kiến của một vị Phật. Đó là vấn đề ta phải đem ra thưa trình lên đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc nếu không có Ngài, thì ta phải trình với một vị Bồ-tát đang mong cầu quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác kia. Còn Sucìrata không phải là một vị Bồ-tát nên không lý giải được vấn đề; vì thế ông chẳng hề làm ra vẻ thông thái, mà đành thú nhận sự bất tài của mình qua vần kệ sau:

5. Khải tấu Đại vương, chẳng có ai
Ngoài Vi-dhu ấy đủ thiên tài,
Nói điều kỳ diệu là Chân thiện,
Chúa thượng hằng mong thực hiện hoài.

Nhà vua nghe lời này, liền phán:

- Vậy Tôn giả hãy đi ngay.

Và vua ban một tặng vật để vị tế sư đem theo và trong niềm mong mỏi ông lên đường, ngài ngâm vần kệ:

6. Hiền hữu, đi ngay lấy phiến vàng
Đến Vi-dhu ấy, trẫm nhờ mang
Tặng phần xứng trí nhân ưu tú
Dạy trẫm điều Chân thiện tỏ tường.
Nói xong ngài cho ông một phiến vàng đáng giá một trăm ngàn đồng tiền dùng để viết lời giải đáp vấn đề lên trên đó, một xe ngựa để đi đường, một đạo binh hộ tống, một tặng vật và bảo ông đi ngay.

Khởi hành từ thành Indapatta, ông không đi thẳng Ba-la-nại, trước tiên đến thăm nhiều nơi chốn các bậc hiền nhân cư ngụ, vẫn không thấy ai có thể giải đáp vấn đề được, ông đi dần đến Ba-la-nại. Trong khi nghỉ tại đó, cùng vài người tùy tùng đến nhà Vidhura vào giờ ăn sáng, sau khi nhờ thông báo việc đến yết kiến, ông được mời vào và thấy tế sư Vidhura đang dùng điểm tâm tại nhà riêng.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ bảy để giải thích sự việc này:

7. Bhà-rad vội vã tiến lên đàng
Đến gặp Vi-dhu, thấy bạn vàng
Ngồi tại nhà riêng, sắp sửa dự
Bữa cơm thanh đạm sáng tinh sương.
Lúc bấy giờ Vidhura là bạn thiếu thời của Sucìrata, đã học chung tại nhà một vị giáo sư, nên sau khi cùng ăn điểm tâm với nhau, tế sư Sucìrata an tọa, và được tế sư Vidhura hỏi:

- Hiền hữu đến đây có việc gì?

Tế sư Sucìrata nêu rõ lý do đến đây và ngâm vần kệ thứ tám:

8. Đến vì thánh chỉ chúa Câu-lâu
Dòng dõi Yu-dhi, hiện thỉnh cầu,
Hiền hữu, Vi-dhu, cho đệ biết
Thiện lương, Chân chánh phải là đâu.
Lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn này đang đeo đuổi công việc sưu tập các dòng tư tưởng của một số người, việc ấy cứ chồng chất lên cao như thể nước lụt sông Hằng dâng tràn, cho nên chẳng có thì giờ giải đáp vấn đề này được nữa. Vì thế, ông ngâm vần kệ thứ chín nêu rõ trường hợp mình:

9. Tràn ngập chủ đề quá lớn lao Như sông Hằng nước lụt tuôn trào,

Ta không thể nói đâu là lẽ Chân Thiện, hiền huynh đến thỉnh cầu.

Nói vậy xong, ông lại thêm:

- Ta có một con trai rất thông minh, cháu ấy còn mẫn tuệ hơn ta nhiều. Cháu sẽ giải thích rõ cho hiền hữu. Vậy hãy đến gặp tiểu điệt.

Và ông ngâm vần kệ thứ mười:

10. Hiện giờ đệ có một con trai

Tên gọi Bhà-dra ở giữa đời,
Tìm đến chàng ngay, chàng sẽ nói
Thiện lương, Chân lý rõ cho ngài.
Nghe điều này, tế sư Sucìrata liền rời nhà vị tế sư Vidhura, đến tư thất của Bhadrakàra, và thấy chàng đang ngồi ăn điểm tâm giữa đám thân nhân của chàng.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ mười một làm sáng tỏ vấn đề này:

11. Lúc ấy Bhà-rad lại vội vàng
Đến Bha-dra gấp tại gia đường,
Giữa bao bằng hữu đang tề tựu,
An tọa thong dong được thấy chàng.
Khi đến nơi, vị tế sư được chàng thanh niên Bhadrakàra tiếp đãi nồng hậu, mời lên tọa sàng cùng nhiều tặng vật. Vừa khi an tọa, và được hỏi nguyên cớ đến thăm, ông ngâm vần kệ thứ mười hai:

12. Đến vì thánh chỉ Câu-lâu
Dòng họ Yu-dhi, hiện thỉnh cầu
Hiền điệt Bhà-dra, cho chú biết
Thiện lương, Chân lý phải là đâu.
Lúc ấy Bhadrakàra đáp lại:

- Thưa Tôn giả, ngay bây giờ, tiểu điệt đang có dự mưu dan díu với vợ một người khác. Cho nên trí óc của tiểu điệt không được thư thái để giải đáp vấn đề. Song em trai cháu tên là Sanjaya còn thông thái hơn cháu nhiều. Xin Tôn giả đi hỏi chàng, chàng sẽ giải đáp vấn đề của Tôn giả.

Chàng ngâm vần kệ để bảo ông đến đó:

13. Cháu bỏ thịt nai thật ngọt ngon,
Và đang theo đuổi tắc kè con,
Làm sao có thể nào thông hiểu
Đâu lẽ Thiện lương với Thật chơn?
14. Song có em trai, ngài phải biết,

San-ja tên gọi, hãy lên đường Kiếm chàng cho được, chàng tuyên thuyết Chân Thiện ngài nghe thật tỏ tường.

Ông liền đi đến nhà Sanjaya ngay và được chàng tiếp niềm nở, khi được hỏi lý do đến đấy, ông nói rõ ra.

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ để giải thích sự việc này:

15. Lúc ấy Bhà-rad phải vội vàng
Đến San-jay gấp tại gia đường
Giữa bao bằng hữu đang tề tựu,
An tọa thong dong được thấy chàng.

16. Đến vì thánh chỉ chúa Câu-lâu,
Dòng dõi Yu-dhi, hiện thỉnh cầu
Hiền điệt San-jay, cho chú biết
Thiện lương, Chân lý phải là đâu.
Nhưng Sanjaya cũng đang bận bày mưu tính kế, chàng liền thưa với ông:

- Thưa Tôn giả, tiểu điệt đang theo đuổi vợ người khác, và lại sắp đi xuống sông Hằng để qua sông. Sáng tối trong lúc tiểu điệt qua sông thường phải gặp nanh vuốt tử thần, cho nên tâm trí tiểu điệt đang rối ren, tiểu điệt không thể giải đáp vấn đề của Tôn giả được, song em trai tiểu điệt là Sambhava, mới lên bảy tuổi đã thông minh tài trí hơn tiểu điệt gấp cả trăm ngàn lần đấy. Em cháu sẽ nói chuyện với Tôn giả, xin hãy đi tìm để hỏi em cháu ngay.

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ để giải thích sự việc:

17. Tử thần há miệng rộng đầy chông
Sáng tối chờ con, hỡi thúc ông
Làm thế nào con thưa với chú
Đâu là Chân lý với Hiền lương?
18. Song có em thơ, chú biết chăng,
Sam-bha tên gọi, hãy lên đường,
Tìm em, thưa chú, em nêu rõ
Chân lý, Thiện lương thật tỏ tường!
Nghe vậy, tế sư Sucirata nghĩ thầm: "Vấn đề này ắt là điều kỳ bí nhất trên đời. Ta chắc không ai đủ sức giải đáp cả".

Nghĩ vậy ông ngâm hai vần kệ:

19 - 20. Việc lạ lùng này phật ý ta, Chẳng hai con lớn, chẳng ông cha, Biết phương giải đáp điều mầu nhiệm

Vậy nếu như chàng cũng chịu thua, Thì phải chăng đây là cậu bé Biết gì về lý Thiện Chân ư!

Nghe vậy, Sanjaya đáp:

- Thưa Tôn giả, xn ngài đừng tưởng Sambhava chỉ là đứa trẻ thơ dại. Nếu chẳng ai giải đáp được vấn đề của Tôn giả, thì cứ đi hỏi em cháu.

Rồi chàng ngâm mười hai vần kệ nêu lên những đức tính của cậu bé này qua các ví dụ chứng minh trường hợp trên:

21. Xin ngài đi hỏi Sam-bha,
Xin ngài chớ vội khinh là trẻ thơ,
Em đầy thông thái tài ba
Nói ngay ngài biết đâu là Thiện Chân.
22. Khác nào ánh nguyệt trong ngần

Sáng bừng vượt hẳn sao giăng đầy trời,
Ánh sao le lói mờ soi
Chim dần trong ánh rạng ngời Hằng nga,
23. Cũng như chú bé Sam-bha
Trí tài kiệt xuất vượt xa tuổi vàng,
Hỏi Sam-bha, biết tỏ tường,
Xin ngài chớ vội khinh thường tuổi thơ.
24. Em đầy thông thái tài ba
Nói rành Chân Thiện đâu là lẽ ngay.
Tháng tư quyến rủ đắm say,
Vượt xa tất cả tháng ngày trong năm.
25. Hoa xuân đâm lộc nảy mầm,
Màu xanh bát ngát bao trùm rừng cây,
Bé Sam-bha cũng thế này,
Vượt xa tuổi trẻ, trí tài tuyệt luân.
26. Như trên đỉnh tuyết Hương Sơn
Rừng cây bao phủ, có thần điểm trang
Tỏa ra ánh sáng huy hoàng,
Mùi hương ngào ngạt dần lan toàn miền,
27. Dành cho vô số thần tiên
Tìm nơi ẩn náu bình yên chốn này.
Bé Sam-bha cũng như vầy,
Vượt xa tuổi trẻ, trí đầy khôn ngoan.
28. Khác nào ngọn lửa huy hoàng
Cháy tràn lan khắp đồng hoang tung hoành,
Với cây cột lửa cuộn nhanh,
Không hề biết thỏa, tan tành cỏ non.
29. Để trơ một lối đen ngòm,
Bất kỳ nơi chốn lửa bùng lướt qua.
Cũng vầy chú bé Sam-bha,
Trí tài kiệt xuất vượt đà ấu niên,
30. Khác nào một ngọn lửa thiêng
Đốt bằng bỏ sống trong đêm tối trời,
Gặp cây gỗ quý nhất đời,
Giục cơn thèm cháy sáng ngời cao xa.
31. Cũng vầy chú bé Sam-bha
Thông minh trí tuệ vượt xa tuổi vàng,
Hỏi Sam-bha, chớ coi thường
Em thông hiểu, nói tận tường Thiện Chơn.

32. Trâu nhờ sức lực tráng cường
Ngựa nhờ tốc độ phô trương giống nòi,
Bò nhờ vắt sữa tuôn vòi,
Hiền nhân, ta biết nhờ lời khôn ngoan.
33. Sam-bha cũng vậy, mầm non,
Thông minh trí tuệ vượt hơn tuổi vàng,
Hỏi Sam-bha, chớ coi thường
Em thông thái, nó tận tường Thiện Chân.
Trong khi Sanjaya ca ngợi Sambhava như vậy, tế sư Sucìrata nghĩ thầm: "Ta sẽ đặt vấn đề với cậu bé này là biết ngay".

Ngài hỏi:

- Thế tiểu hiền điệt ở đâu rồi?

Chàng liền mở cửa sổ giơ tay chỉ và nói:

- Ngài nhìn cậu bé đằng kia, da óng như vàng ròng, đang chơi cùng các trẻ khác bên đường trước cửa, chính đó là tiểu đệ của cháu. Xin cứ đến hỏi, tiểu hiền đệ sẽ giải đáp vấn đề của ngài với mọi lý lẽ huyền diệu của một vị Phật.

Sucìrata nghe thế, liền bước xuống khỏi dinh, đến gần cậu bé vừa đúng lúc cậu bé đang đứng, áo quần xốc xếch vắt qua vai, hai tay đang bốc đất.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ giải thích sự việc này:

34. Lúc ấy Bhà-rad lại vội vàng
Đến Sam-bha gấp tại gia đường
Ở ngoài công lộ, kìa ngay đó
Cậu bé đùa chơi thấy rõ ràng.
Bậc Đại sĩ vừa khi thấy vị Bà-la-môn kia đến đứng trước ngài, liền hỏi:

- Hiền hữu đến đây có việc gì chăng?

Vị tế sư đáp:

- Này tiểu hiền điệt, ta đã đi khắp cõi Diêm-phù-đề mà không tìm ra người nào đủ tài trí giải đáp vấn đề ta đặt ra, nên nay ta đến đây tìm cháu.

Cậu bé nghĩ thầm: "Họ bảo đây là vấn đề khắp cả cõi Diêm-phù-đề chưa giải đáp được, nên vị này đến tìm ta. Còn ta đã am hiểu thông thạo rồi".

Lúc ấy cậu thấy hổ thẹn, liền vứt cục đất đang cầm trong tay, sửa sang áo quần lại đàng hoàng và bảo:

- Này Tôn giả Bà-la-môn, cứ hỏi đi, ta sẽ giải đáp cho ngài với mức tinh thông lưu loát của một vị Phật.

Rồi với trí tuệ Tối thắng, ngài mời vị kia lựa chọn đề tài để hỏi. Vị Bà-la-môn liền hỏi vấn đề qua các câu kệ:

35. Đến vi thánh chỉ chúa Câu-lâu,
Dòng dõi Yu-dhi, hiện thỉnh cầu,
Hiền điệt Sam-bha, cho chú biết,
Thiện lương, Chân lý phải là đâu?
Vấn đề được hỏi kia quá rõ ràng đối với Sambhava như thể vầng trăng tròn giữa bầu trời cao. Ngài bảo:

- Này hãy nghe lời ta.

Và ngài giải đáp vấn đề Phụng sự Chân lý qua các vần kệ:

36. Hiền hữu, ta nay sẽ bảo ngài,
Đúng như bậc trí phải trình bày,
Vua cần biết rõ điều Chân Thiện,
Song việc vua làm, ai có hay?
Trong khi ngài đứng giữa đường phố thuyết giảng Chân lý với giọng ngọt như mật, âm thanh vang dội khắp thành Ba-la-nại, mỗi phía vang đến mười hai dặm đường. Nhà vua cùng các phó vương và

nhiều vua khác tụ tập lại, bậc Đại sĩ liền đứng giữa đám đông ấy, tuyên thuyết Chân lý. Sau khi đã hứa giải đáp vấn đề qua vần kệ này, giờ đây ngài nêu lời giải đáp vấn đề Phụng sự Chân lý:

37. Đáp lại đức vua, hãy tấu ngài:
"Ngày nay không hẳn giống ngày mai,
Thần khuyên Chúa thượng nên thông suốt
Nắm lấy thời cơ kịp đến tay".
38. Ta ước mong hiền hữu tế sư
Gợi cho vua biết cách suy tư,
Nhờ đây tâm trí ngài an lạc:
Vua phải tránh xa mọi oán thù,
Cũng chớ đi theo đường ác độc
Như là người độn trí mê mờ.
39. Đừng gây tội lỗi mất tâm hồn,
Đừng phạm hành vi bất chánh chơn,
Đừng có bao giờ theo ác hạnh,
Đừng đưa huynh đệ bước sai đường.
40. Ai biết hoàn thành đúng chánh chân
Những điều này, giống nguyệt tròn dần,
Như vua danh tiếng tăng lên mãi,
Làm ánh sáng soi đám bạn thân,
Yêu mến họ hàng, khi tận mạng
Hiền nhân sẽ đạt đến thiên cung.

Như vậy chẳng khác nào đem vầng trăng soi rọi khắp bầu trời, bậc Đại sĩ giải đáp vấn đề của vị Bà- la-môn này với mọi vẻ tinh thông của một bậc Giác Ngộ. Dân chúng reo hò vỗ tay vang dậy. Hàng ngàn tiếng reo tán thưởng cùng vô số khăn vẫy lên không và tiếng búng tay lách tách. Họ thả luôn cả đồ trang sức trên tay. Vua Ba-la-nại hoan hỷ tỏ lòng tôn kính ngưỡng mộ ngài. Còn vị tế sư Sucìrata, sau khi tặng thưởng ngài một ngàn cân vàng, liền viết câu giải đáp vấn đề trên bằng son đỏ vào phiến vàng ấy và khi đến kinh thành Indapatta, ông tâu trình vua về câu giải đáp Phụng sự Chân lý như trên.

Phần vua nhờ kiên tâm hành trì các pháp chân chánh, về sau được lên thiên giới.

*

Khi chấm dứt Pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ, mà ngay từ xa xưa, Như Lai đã dùng đại trí để giải đáp mọi vấn đề.

Và Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời bấy giờ Ànanda (A-nan) là vua Dhananjaya, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Sucìrata, Kassapa (Ca-diếp) là Vidhura, Moggallàna (Mục-kiền-liên) là Bhadrakàra, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là thiếu sinh Sanjaya, và Trí giả Sambhava chính là Ta.

-ooOoo-

516. Chuyện khỉ chúa (Tiền thân Mahàkapi)

Tương truyền đại đế xứ Kà-si..,

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm, về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) ném đá vào Ngài.

Vì vậy khi Tỷ-kheo quở trách Đề-bà-đạt-đa về việc xúi giục các thợ săn bắn cung vào đức Phật và sau đó lại ném đá vào Ngài, bậc Đạo Sư bảo:

- Không phải chỉ bây giờ, mà cả ngày xưa nữa, Đề-bà-đạt-đa cũng đã ném đá vào Ta.

Nói xong Ngài kể câu chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, khi vua Bradhmadatta trị vì xứ Ba-la-nại có một nông dân dòng họ Bà-la-môn trong một làng Kàsi, sau khi cày ruộng xong, thả trâu ra và bắt đầu cuốc đất. Đàn trâu trong khi gặm lá ở bụi cây dần dần tẩu thoát vào trong rừng. Người ấy nhận thấy trời tối liền đặt cuốc xuống đi tìmđám trâu nhưng chẳng thấy đâu, gã quá buồn khổ đi lang thang vào trong rừng tìm chúng, dần dần đến tận vùng Tuyết Sơn. Vì lạc mất phương hướng, gã lang thang bảy ngày nhịn đói, nhưng khi nhìn thấy cây Tinduka, gã trèo lên hái trái ăn. Rồi tuột khỏi cây này gã rơi xuống một vực thẳm như địa ngục sâu 60 cubit (1 cubit = 45cm) và ở đó cả mười ngày.

Thời bấy giờ Bồ-tát sinh làm thân Khỉ, đang lúc ăn trái rừng, ngài thấy gã kia, liền dùng một hònđá lôi gã ra khỏi vực. Trong lúc Khỉ đang ngủ, gã kia đập đầu Khỉ bằng một cục đá, bậc Đại Sĩ biết được việc này, liền vùng dậy nhảy lên cành cây, đứng lại và kêu to:

- Này tôn ông, ngài đang ngồi trên đất bằng, ta sẽ chỉ đường cho ngài từ trên ngọn cây này rồi ta sẽ đi ngay.

Thế là ngài cứu gã kia ra khỏi rừng, chỉ đúng đường cho gã rồi biến mất trong rừng núi ấy. Còn gã kia vì đã gây tội ác với bậc Đại sĩ, nên hóa thành tên hủi, chẳng khác nào ngạ quỷ đội lốt người trên trần thế. Trong bảy năm liền, gã đau đớn chất chồng, lang thang hết nơi này sang nơi khác, gã đến ngự viên Migàcira (Lộc Uyển) tại thành Ba-la-nại, trải ngọn lá chuối trên một góc, gã nằm xuống, lòng đau khổ điên cuồng.

Lúc bấy giờ vua Ba-la-nại đến ngự viên và trong khi dạo chơi, tìm thấy người kia, liền hỏi:

- Ngươi là ai và ngươi đã làm gì đến nỗi phải khổ như vậy?

Gã trình vua toàn thể câu chuyện với đầy đủ chi tiết.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ để làm sáng tỏ vấn đề:

1. Tương truyền đại đế xứ Kà-si,
Một thuở Ba-la-nại trị vì,
Cùng với hiền thần trên đại lộ
Vào đến Vườn Nai một bữa kia.
2. Đằng kia vua thấy gã La-môn,
Một bộ xương khô bước chập chờn,
Da trắng vì mang dòng máu hủi,
Xù xì xương xẩu tựa cây mun.
3. Ngạc nhiên trước cảnh tượng đau thương
Của kẻ không may, nặng khổ buồn:
"Thật tội nghiệp ngươi", ngài phán hỏi,
Tên gì, ác quỷ phận đành mang?
4. Giống như tuyết trắng cả tay chân,
Ta chắc đầu ngươi lại trắng hơn,
Thân thể ngươi tràn đầy vết hủi,
Bệnh kia ghi dấu ấn riêng phần.
5. Lưng ngươi như suốt chỉ giăng hàng,
Lồi lõm, dài ngoằn lại uốn quăn,
Xương khớp đen điu như mẩu gỗ,
Chẳng hề ai thấy kẻ ngang bằng!
6. Ngươi từ đâu đến, kẻ lang thang,
Khốn khổ bơ vơ, da bọc xương,
Đầu đội nắng trời nung bức lửa,

Chịu bao đói khát quá đau thương?
7. Hình hài tàn phá thật kinh hoàng,
Chẳng xứng nhìn lên ánh nhật quang,
Ngay chính mẹ ngươi chắc cũng chẳng
Còn mong nhìn trẻ quá tồi tàn!
8. Ác nghiệp gì xưa ngươi đã gây
Hay là ngộ sát kẻ nào đây,
Tội gì người phạm, ta mong biết,
Xui khiến ngươi mang nỗi khổ này?
Gà Ba-la-môn đáp lại:

9. Thần xin thưa thật với Tôn quân
Hành động đúng như một thiện nhân,
Vì kẻ không bao giờ dối trá,
Người hiền khen ngợi giữa phàm trần.
10. Xưa kia thần đến một rừng hoang,
Tìm kiếm đàn trâu tối lạc đàng,
Băng mãi lối mòn rừng rậm rạp,
Nơi loài voi ở, bước lang thang.
11. Lạc trong rừng rậm quá hoang sơ,
Chịu đói khát đau khổ xót xa,
Suốt bảy ngày ròng thần lẩn quẩn,
Chốn loài hổ dữ mớm con thơ.
12. Trái độc tối kinh, cũng cứ thèm
Ô kìa, đôi mắt bỗng bừng lên:
Cây xinh lắt lẻo ngang bờ vực,
Lơ lửng trái thơm trĩu nhánh mềm.
13. Những trái rơi theo gió lạnh rung
Thần nhai ngấu nghiến nuốt thơm lừng,
Vẫn còn khao khát, thần leo vội:
"Cách ấy no nê được vẹn toàn".
14. Chưa từng ăn quả chín ngon sao!
Thần vội giơ tay hái thật nhiều,
Cành lá, dựa thân vào gãy đứt
Như là chặt bởi búa ông tiều.
15. Cành gãy làm cho ngã lộn thân,
Không gì chặn lại, rớt nhanh dần
Trên bờ vực thẳm, đầy tường đá,
Không thoát khỏi hang vực thẳm cùng.
16. Nước sâu nằm dưới bờ vực kia,

Cứu mạng không tan nát thảm thê,
Rồi bất hạnh thay, thần tuyệt vọng,
Mười đêm nằm đợi thật dài ghê!
17. Cuối cùng một chú Khỉ dài đuôi
Trú ẩn trong hang đá, đến nơi,
Nhảy nhót cành này sang bụi nọ,
Hái ăn trái chín thật xinh tươi.
18. Chợt thấy thần vàng vọt héo khô,

Động lòng trắc ẩn, Khỉ kêu to:
"Khốn thay! Ta thấy ai nằm đó
Tuyệt vọng đau thương ngập tận bờ
Như vậy, ví như người hoặc quỷ,
Ông là ai đó, nói nguyên do".
19. Thần đầy cung kính, vội thưa ngay:
"Một kẻ khốn cùng chính lão đây,
Song phước đức dành cho Khỉ hết,
Nếu tìm được cách cứu thân này".
20. Chúa Khỉ chuyển cành ở núi cao,
Mang hòn đá nặng lực anh hào,
Ấy nhờ tu luyện tròn công hạnh,
Mục đích tỏ bày trọng đại sao:
21. "Tôn ông, trèo đến chỗ lưng này,
Quanh cổ ta, ghì chặt cánh tay,
Tức tốc ta đem ông thoát khỏi
Vách tường đá, chính cảnh tù đày".
22. Hoan hỷ, thần ghi nhớ rõ ràng
Lời khuyên của chúa Khỉ vinh quang,
Trèo lên lưng nọ, đôi tay bám,
Quanh cổ trí nhân thật vững vàng.
23. Chúa Khí lúc này thật mạnh thay,
Kiên cường can đảm đến như vầy
Dẫu rằng mệt lả vì hao sức,
Chốc lát đưa lên vách đá dày.
24. Kéo thần xong, cất tiếng anh hùng:
"Ta mệt nhoài: xin đứng hộ phòng,
Bên cạnh mình ta, tôn giả hỡi,
Trong khi ta ngủ giấc say nồng.
25. Các thứ như beo, gấu, hổ, sư,
Nếu nhìn ta, thấy quá thờ ơ,

Chúng liền giết hại ta ngay đấy,
Tôn giả canh phòng, chớ phải lo".
26. Trong lúc thần đang đứng hộ phòng
Hầu vương đánh một giấc an thân,
Một tư tưởng xấu xa nhen nhúm
Tiềm ẩn lan dần ở nội tâm:
27. "Khỉ, vượn, hươu, nai thật ngọt ngon
Vậy sao ta chẳng giết hầu vương
Đỡ cơn đói khát và con thịt
Cung cấp cho ta món tuyệt trần?
28. Khi no dạ, chẳng muốn chần chờ,
Song kiếm thật đầy thực phẩm khô,
Tích trữ cho nhiều ngày vất vả,
Từ rừng ta sẽ kiếm đường ra".
29. Cầm viên đá suýt đánh tan tành
Chiếc sọ kia, song bởi phận mình
Tay vụng về đưa lên loạng quạng,
Vung ra yếu ớt chẳng nên hình.
30. Chúa Khỉ nhanh chân nhảy ngọn cây
Toàn thân bê bết máu tuôn đầy,
Từ xa trách móc nhìn thần mãi
Với cặp mắt tuôn lệ chảy dài:
31. "Cầu trời ban phước lộc tôn ông,
Đừng làm như vậy, chỉ cầu mong
Kẻo sau số phận ngài, ta chắc
Gặp phải người hành động bất nhân.
32. Than ôi nhục nhã đến như vầy!
Sao trả ơn ta cách thế này?
Vì đã cứu ông ra thoát khỏi
Vực kia sâu thẳm hãi kinh đầy!
|
33-34. Cứu tử, chơi trò phản bội ta
Âm mưu việc ác với tâm ma,
Coi chừng, kẻ ác, e đày đọa,
Khốc liệt xuất từ ác nghiệp kia
Đem họa tử vong cho chủ nó,
Khác nào trái giết gốc tre già.
35. Ta chẳng còn tin tưởng ở ngươi,
Vì ngươi làm ác với ta rồi,

Hãy đi tới trước kia cho khéo,
Còn để ta nhìn thấy bóng thôi.
36. Thoát bầy dã thú đói tìm mồi,
Ngươi trở về nơi sống đời
Thẳng tắp con đường dài trước mặt,
Đi theo như ý muốn nhà ngươi".
37. Đến đây, dòng lệ Khỉ lau khô,
Vội vã nhanh chân nhảy xuống hồ
Rửa sạch chiếc đầu bê bết máu
Ôi, vì thần, đã chảy tuôn ra!
38. Từ đấy, đầy đau khổ đoạn trường,
Đốt thiêu, vò xé bởi Hầu vương,
Lê bước thân tàn, thần thất thểu,
Tìm nơi giải khát cho mình luôn.
39. Nhưng khi thần đến vũng hồ kia,
Mặt nước đều loang lổ máu me,
Một dòng đỏ sẫm dần dần hiện
Thành một đám như lửa lập lòe.
40. Mỗi giọt nước kia dính đến thân,
Hóa thành mụt nhọt lớn lên dần,
Như Vil-va trái khô rồi nứt
Giống hệt sắc da lẫn cỡ tầm.
41. Máu mủ tràn ra thật đáng nhờm,
Nơi nào thần muốn được an thân,
Dù là thành thị hay thôn dã,
Dân chúng chạy bay hỗn loạn luôn.
42. Lảng tránh vì mùi quá thối tha,
Trong khi gậy, đá cứ tung ra:
"Này tên khốn nạn! Đừng đi đến
Gần chúng ta!" Toàn thể hét la.
43. Như vậy khổ đau thật đáng thương,
Thần mang theo suốt bảy năm trường,
Tùy theo hạnh nghiệp mình gây tạo,
Mỗi người đi đến một con đường.
44. Thần ước mong chư vị vạn an,
Mọi người, thần gặp gỡ trên đàng,
Xin đừng phản bạn, ôi hèn hạ,
Kẻ phạm tội mưu chống bạn vàng!
45. Tất cả những ai với bạn mình

Tỏ ra là kẻ thiếu chân thành,
Như bầy hủi phải ăn năn tội,
Thân hoại, vào trong ngục tái sinh.
Và trong lúc kẻ kia đang tâu trình vua, ngay chính thời điểm ấy, mặt đất há miệng rộng ra làm gã mất dạng và được tái sinh vào Địa ngục. Khi gã bị trái đất nuốt xong, vua ra khỏi ngự viên và trở về thành.

*

Bậc Đạo sư chấm dứt Pháp thoại và bảo:

- Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa nữa, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đã némđá vào Ta.

Và Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, kẻ phản bạn kia là Đề-bà-đạt-đa và Ta chính là Khỉ chúa.

-ooOoo-

517. Tiền thân Dakarakkhasa

Chuyện này sẽ được trình bày trong Tiền thân số 546, Mahà Ummagga (Đường hầm lớn), tập VII.

-ooOoo-

518. Chuyện long vương Pandara (Tiền thân Pandara)

Người nào chuyện bí mật đem phơi..,

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) nói dối và quả đất đã há miệng nuốt sống ông như thế nào.

Thời đó là lúc Đề-bà-đạt-đa bị chúng Tỷ-kheo quở trách, bậc Đạo sư bảo:

- Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Đề-bà-đạt-đa đã nói dối và đã bị quả đất nuốt chửng.

Nói xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, có năm trăm thương nhân lên tàu ra khơi. Vào ngày thứ bảy, khi họ đã khuất dạng khỏi đất liền, họ bị đắm tàu giữa biển và tất cả làm mồi cho cá chỉ trừ một người. Người này nhờ gió đẩy đến bờ Karambiya, lên bờ, mình trần trụi, vô cùng khốn khổ, gã lang thang khắp nơi khất thực. Dân chúng nghĩ: "Đây là bậc tu hành khổ hạnh thiểu dục tri túc".

Và họ tiếp đãi gã rất ân cần. Song gã bảo:

- Ta đã có đủ sống rồi.

Và khi họ cúng dường y trong y ngoài, gã đều không nhận thứ gì cả. Họ bảo nhau:

- Chẳng có bậc khổ hạnh nào vượt quá vị này về phương diện thiểu dục tri túc.

Và lại càng hân hoan vô cùng vì gã, họ xây am ẩn sĩ cho gã trú ẩn và gã lấy danh hiệu Karambiya đạo sĩ.

Trong khi gã ở đó, gã được nhiều lợi dưỡng vinh quang, cả Long vương lẫn Kim sí Điểu vương đều đến bày tỏ lòng tôn kính gã, vị Long vương này có danh hiệu là Pandara. Một ngày kia Kim sí Điểu vương đến gặp đạo sĩ, và sau khi đảnh lễ vị này, ngồi xuống một bên và bảo:

- Thưa Tôn giả, dân chúng của ta, khi tấn công loài Rồng rắn, thường hay bị chết đuối. Ta không biết cách nào bắt Rồng rắn cho đúng. Nghe nói có điều bí ẩn chi đây. Ngài có thể dỗ dành chúng nói ra điều bí ẩn ấy chăng?

- Được rồi - đạo sĩ nói.

Khi Điểu vương từ giã ra về, vừa đúng lúc Long Vương đến tôn kính đảnh lễ xong ngồi xuống, gã hỏi:

- Này Long vương, loài Kim sí Điểu nói rằng khi bắt loài Rồng, chúng bị giết chết rất nhiều. Thế lúc đánh bắt Rồng rắn, làm sao cho chúng được an toàn?

Long vương đáp:

- Thưa Tôn giả, đây là điều bí mật của loài ta, nếu ta nói ra, ta sẽ gây tai họa tàn sát cả chủng tộc của ta.

- Sao thế, ngài nghĩ rằng ta nói với kẻ nào chăng? Ta chẳng nói với ai đâu, ta chỉ hỏi cho thỏa thích hiếu kỳ thôi. Ngài cứ tin ta và nói cho ta biết, đừng e sợ gì cả.

Long vương hứa sẽ nói và từ giã.

Ngày hôm sau ẩn sĩ lại gạn hỏi, Long vương cũng không nói ra. Song vào ngày thứ ba, lúc Long vương đến và ngồi xuống, ẩn sĩ bảo ngay:

- Hôm nay là ngày thứ ba ta hỏi ngài rồi. Tại sao ngài không nói?

- Thưa Tôn giả, ta sợ ngài kể lại cho kẻ khác.

- Ta sẽ không hé môi với ai cả, nói đi, đừng sợ gì.

Thế là Long vương bảo ẩn sĩ hứa sẽ không kể lại với ai rồi nói:

- Thưa Tôn giả, loài Rồng rắn chúng ta nuốt đá lớn cho nặng mình và nằm sát xuống, rồi loài Kim sí Điểu đến, chúng ta há miệng ra, nhe răng nhào đến chúng. Chúng chụp lấy đầu bọn ta, và trong khi chúng cố nhấc lên mà chúng ta lại nặng và nằm sát đất, nước tràn lên chúng khiến chúng chết chìm giữa biển. Một số Kim sí điểu chết như vậy. Trong lúc bắt bọn ta, tại sao chúng lại chụp lấy

đầu? Nếu bọn ngu xuẩn kia chụp lấy đuôi chúng ta và dốc ngược đầu xuống, chúng sẽ bắt bọn ta phải nhả ra những hòn đá đã nuốt ấy, thế là làm cho bọn ta nhẹ đi và tha bọn ta về tổ chúng.

Long vương đã tiết lộ bí mật như vậy với ác nhân này.

Sau đó khi Long vương ra về, Điểu vương lại đến đảnh lễ đạo sĩ Karambiya xong, liền hỏi:

- Thưa Tôn giả, thế Tôn giả đã biết điều bí mật của Long vương chưa?

- Thưa ngài, đã.

Và gã kể mọi điều vừa được kể trên cho gã.

Nghe xong, Điểu vương bảo:

- Long vương đã sai lầm nặng nề, đáng lẽ không nên nói cho ai biết cách tàn sát chủng tộc mình như vậy.

Thế là vừa nổi gió lên, Điểu vương liền chụp lấy đuôi Long vương Pandara và dốc ngược đầu xuống, làm chúa Rồng nay phải nhả những hòn đá đã nuốt vào cổ, rồi Điểu vương mang Long vương bay lên không. Rồng Pandara, trong lúc bị treo ngược đầu lên không như vậy, liền than khóc thê thảm:

- Ta tự gây khổ cho ta rồi!

Và chúa Rồng ngâm các vần kệ:

1. Người nào chuyện bí mật đem phơi
Bất cẩn, lòng không muốn giữ lời,
Kẻ ngốc bị kinh hoàng trấn áp,
Như ta, Rồng chúa ngã nhào thôi!
2. Người nào ngu xuẩn lộ ra ngoài
Tư tưởng cần che dấu mặt trời,
Kinh hoảng ngập tràn vì lẻo mép,
Như ta, Rồng chúa gặp chim mồi!
3. Không nên để bạn hữu tham gia
Ý tưởng thâm trầm nhất của ta,
Bạn tốt có khi đầy xuẩn ngốc,
Kẻ khôn lừa dối, phải phòng xa!
4. Tin tưởng gã, ôi! Có phải chăng?
Chuyên trì khổ hạnh bậc hiền nhân?
Phơi bày bí mật, ta lầm lỗi,
Ta khóc, giờ đây nỗi đoạn trường!
5. Chuyện riêng tư, gã khốn len vào,
Bí mật ta không giữ được nào,
Ta sợ mối nguy từ gã đến,
Giờ ta khóc chính nỗi thương đau.
6. Tưởng bạn trung thành tận tủy xương
Sinh lòng kính sợ, nặng tình thương

Ân tình tiết lộ cho người khác
Ngã gục, người ngu chẳng thể vươn!
7. Ai nói lên cùng đám ác nhân
Điều thầm kín phải giữ trong tâm
Được xem rắn độc nơi trần giới,
"Kẻ ấy, tránh xa!" Chúng thét rần!
8. Cẩm y, mỹ nữ, gỗ chiên-đàn
Hương liệu, vòng hoa, thực phẩm ngon,
Mọi dục ác kia, ta tránh cả,
Điểu vương, nếu đến giúp Long vương!
Rồng chúa Pandara đã khóc than như vậy qua tám vần kệ trong khi bị dốc ngược trên không. Điểu vương nghe tiếng than khóc liền khiển trách Long vương và bảo:

- Này Long vương, tại sao lại than khóc sau khi đã tiết lộ bí mật cho đạo sĩ kia?

Và Điểu vương ngâm vần kệ:

9. Trong chúng ta, ba kẻ sống đây,
Nói tên ai kẻ đáng trách này?
Chẳng sư, chẳng điểu, nhưng ngài ngốc,
Mang họa Long vương nhục nhã đầy!
Nghe vậy, Rồng Pandara liền ngâm vần kệ khác:

10. Đạo sĩ, theo ta, một bạn vàng,
Chuyên trì khổ hạnh, bậc hiền nhân,
Ẩn tình ta lộ, ta lầm lỗi,
Ta khóc, giờ đây, chính khổ thân!
Kế đó Điểu vương lại ngâm bốn vần kệ khác nữa:

11. Nhân sinh trần thế phải lìa đời,
Thánh đạo cho con cháu phải soi,
Bằng tự điều thân, chân chánh hạnh,
Con người thành đạt đích cao vời.
12. Chẳng ai thân thiết vượt song thân,

Không kẻ thứ ba ái luyến bằng, Song ẩn tình, người đừng tỏ lộ, E rằng phản bội thật không tưởng!

13. Mẹ cha, quyến thuộc khắp xa gần,
Bạn hữu đồng minh, dẫu thiết thân!
Ẩn ý ngươi đừng nên tỏ lộ,
Về sau phản bội, phải ăn năn.
14. Vợ hiền xinh đẹp, tuổi còn xuân,
Chia xẻ bầy con, đám bạn thân,

Song chớ tỏ bày điều bí ẩn,
E nàng phản bội, phải đề phòng.
Tiếp theo là các vần kệ sau:

15. Đừng ai đem chuyện kín phơi ra,
Phải giữ như kho báu của nhà,
Việc tiết lộ ra điều bí mật,
Hiền nhân chẳng muốn ngợi khen mà.
16. Bậc trí không nên lộ tấc lòng,
Với cừu nhân hoặc với hồng quần,
Những người nô lệ lòng tham dục,
Bọn chúng tỏ ra lũ bốc đồng.
17. Ai hé lộ ra một ẩn tình
Cho người không có trí thông minh,
Sợ lòng tin bị người làm phản,
Phải chịu người kia khống chế mình.
18. Những người biết được chuyện riêng tư
Mà bạn chẳng nên để lộ ra,
Sẽ khiến bất an tâm trí bạn,
Vậy đừng tiết lộ chuyện riêng mà!
19. Ban ngày chỉ có một mình ta,
Cứ bạo gan nêu chuyện kín ra,
Song giữa đêm khuya trời vắng vẻ,
Đừng liều lĩnh lộ chuyện riêng mà.
20. Bởi vì chắc chắn ở bên lưng,
Cỏ kẻ phản ta đứng sẵn sàng,
Lời thoáng đưa đều nghe lọt cả:
Vậy đừng tin chúng: đệ cầu mong!
Đây là năm vần kệ sẽ xuất hiện trong vấn đề Năm vị Hiền nhân của Tiền thân Ummagga, số 546, tập VII.

Tiếp theo là các vần kệ này:

21. Như cổ thành vây bọc tứ phương,
Với hào, cọc sắt, đã coi thường
Quân thù xâm nhập vào Tiên giới,
Bí mật người khôn giữ kín luôn.
22. Những người dù vội vã nhanh lời,
Chuyện kín vẫn không hé hở môi,
Mà quyết giữ mình luôn vững chắc,
Thật lòng chân chánh, đấy là người

Cừu nhân phải tránh, như đi trốn
Lúc rắn độc đang đuổi chạy dài!
Khi Chân lý đã được Điểu vương tuyên thuyết như vậy, Long vương Pandara liền ngâm vần kệ:

23. Lõa thể, cạo đầu, gã xuất gia,
Lang thang khất thực khắp quê nhà,
Ôi! Đem bí mật khai cùng gã,
Phúc đức tan tành, số phận ta!
24. Giới hạnh nào, tu sĩ phải trì,
Phát nguyền nào, tránh lỗi lầm chi?
Làm sao thoát ác hành vây hãm,
Để đạt thiên cung cuối hạn kỳ?
Điểu vương đáp:

25. Bền lòng, kham nhẫn, tự điều thân,
Vứt bỏ vọng ngôn, với hận sân,
Tu sĩ đoạn trừ bao tội lỗi,
Sau cùng đạt đến cảnh thiên cung.
Long vương Pandara nghe Điểu vương thuyết Pháp như vậy liền xin tha mạng và ngâm vần kệ này:

26. Như trẻ sơ sinh, mẹ ngắm nhìn,
Khắp người rung động, thú thần tiên,
Điểu vương cũng vậy, xin ban bố,
Từ ái đàn con, đấng mẹ hiền!
Sau đó Điểu vương tha mạng cho Long vương và ngâm vần kệ nữa:

27. Chúa Rồng, ta thả bạn bây giờ Thoát chết, cho ngài được tự do

Trong các bầy con này, chỉ có:
Con nuôi, con ruột, học trò ta,
Là ba trẻ hưởng nhiều sung sướng,
Quả thật ngài là một giữa ba!
Nói vậy xong, Điểu vương hạ cánh từ trên không và đặt Long vương xuống mặt đất liền.

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ để làm sáng tỏ vấn đề:

28. Nói vậy xong, Chim chúa thả ngay
Kẻ thù, đáp nhẹ địa cầu này:
Nay ta giải phóng, mau đi kiếm
An trú xa nơi hiểm họa đầy,
Dù bạn lên bờ hay dưới nước,

Ta nguyền phòng hộ kỹ từ rày.
29. Như lương y có đủ tài năng,
Con bệnh hiểm nghèo đã chữa xong,
Như nước mát trong hồ giải khát
Cho bao người được thỏa thuê lòng,
Như nhà trú ẩn trời băng giá
Ta, chốn bạn nhờ, lúc bại vong.
Điểu vương lại bảo:

- Xin hãy đi ngay.

Rồi Chim thần thả Long vương ra. Long vương liền biến mất vào cảnh giới của loài Rồng rắn.

Còn Điểu vương trở về nơi cư ngụ của loài Kim sí Điểu, tự nhủ:

- Long vương Pandara đã được ta tin tưởng nhờ lời thề nguyền nên được ta thả ra. Bây giờ ta phải thử thách xem tình cảm của vị này đối với ta ra sao.

Rồi đi đến cảnh giới Long vương, Chim thần này nổi cơn thần phong của loài Kim sí Điểu lên thật mạnh.

Thấy vậy, Long vương tưởng Kim sí Điểu vương đến bắt mình, liền hóa hình dài cả ngàn sải (1 sải: 1m 82) và nuốt cát sỏi cho nặng rồi nằm sâu xuống, vừa dấu đuôi dưới mình xong, vừa vội giương cao mồng lên như thể sẵn sàng cắn Điểu vương.

Thấy vậy, Điểu vương liền ngâm vần kệ:

30. Kìa, Long vương trước đã làm lành,
Nay bỗng dưng ngài há bộ nanh,
Với địch thủ ngài trong thuở trước,
Vì đâu ngài phách lạc hồn kinh?
Nghe lời này Long vương ngâm ba vần kệ:

31. Phải luôn nghi ngại kẻ thù mình,
Chớ quá tin ngay bạn chí tình,
Lòng cả tin sinh niềm sợ hãi,
Giết ngươi từ gốc đến đầu cành.
32. Sao đặt lòng tin tưởng một người
Trước kia ta đã cãi tranh rồi?
Hãy lo phòng hộ mình cho kỹ,
Yêu kẻ địch à? - Chẳng có ai!
33. Hãy gây tin tưởng khắp nơi nơi,
Song chớ tin vào bất cứ ai,
Đừng để người nghi ngờ chính bạn,
Song tâm hướng đến mối nghi hoài;

Người nào thực sự là người trí,
Cần phải hết lòng gắng sức thôi,
Bản tính mình không hề để lộ,
Phơi bày ra trước mặt người đời!
Hai vị đã trò chuyện với nhau như vậy xong liền hòa giải với nhau và cùng nhau thân thiết đi đến am của ẩn sĩ khổ hạnh kia.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

34. Này thấy xứng đôi bạn thánh thần,
Toát ra dáng điệu tịnh tham tâm,
Như đôi tuấn mã cùng cương chạy,
Đến chốn nhàn cư của Thánh nhân.
Về vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm thêm một vần kệ nữa:

35. Long vương đi thẳng đến thầy tu,
Rồng chúa báo ngay với kẻ thù:
"Phải biết hôm nay ta thoát nạn,
Không nhờ tình Thánh giả dành cho!".
Tiếp theo, vị khổ hạnh liền ngâm vần kệ khác:

36. Trịnh trọng ta thề trước Điểu vương,
Với ngài, ta nặng trĩu tình thương,
Hơn bao giờ cả, song rung cảm
Vì mối tình thân với đại bàng,
Ta đã sai lầm vì cố ý,
Chớ không do bởi tính ngông cuồng!
Nghe vậy, Long vương liền ngâm ba vần kệ:

37. Người thấy đời này lẫn kiếp sau
Chẳng hề thương ghét nhọc lòng đâu,
Tu hành đội lốt, ngài mong dấu
Hành động phi nhân, ngược thánh bào.
38. Nhuốm đầy ty tiện, dáng cao siêu,
Khoác áo tu, lòng chẳng tự điều,
Bản tính chứa tầm tư hạ liệt,
Ngài chuyên tạo ác nghiệp bao nhiêu!
Rồi để khiển trách gã, vị này lại ngâm vần kệ nhiếc mắng:

39. Chỉ điểm, dối lừa, muốn giết oan
Bạn lành vô tội, vậy ta mong
Nhờ đây Thề nguyện điều Chân thật:
Bảy mảnh, đầu ngài phải vỡ tan.

Thế là ngay trước mắt Long vương, đầu kẻ tu khổ hạnh kia bị vỡ nát thành bảy mảnh và mặt đất nứt ra ngay ở nơi gã đang ngồi. Gã biến mất vào lòng đất và tái sinh vào địa ngục Avìci (A-tỳ). Còn Long vương và Điểu vương đều trở về cảnh giới của riêng mình.

*

Bậc Đạo sư làm sáng tỏ sự kiện vị ấy đã bị nuốt trửng vào lòng đất bằng vần kệ sau cùng:

40. Vì thế ta nay nhắn nhủ rằng
Chớ bao giờ phản bội thân bằng
Còn gì tồi tệ hơn nhìn thấy
Một thứ bạn bè giả dối chăng?
Bị nuốt trôi vào lòng đất lạnh,
Kẻ mồm độc ấy ngã nhào lăn,
Và người khổ hạnh nay đành chết
Vì chính lời kia của chúa Rồng
*

Đến đây bậc Đạo sư chấm dứt Pháp thoại và bảo:

- Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngay cả xưa kia nữa, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đã nói dối và bị nuốt trửng vào lòng đất.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, ẩn sĩ là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), Long vương là Sàriputta (Xá-lợi-phất), và Kim sí Điểu vương chính là Ta.

-ooOoo-

519. Chuyện Hoàng hậu Sambulà (Tiền thân Sambulà)

Run rẩy nép mình dáng hãi kinh..,

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc Ngài trú tại Kỳ Viên, về Hoàng hậu Mallikà (Mạt-lợi)

Phần khởi đầu được kể đầy đủ trong Tiền thân Kammàsapinda (số 415, tập IV). Lúc bấy giờ nhờ công đức cúng dường ba phần cháo dâng đức Như Lai, ngay hôm ấy bà được sắc phong địa vị chánh hậu, cai quản đám cung tần trung tín, bà đầy đủ năm vẻ nữ sắc yêu kiều, tài trí tột bực, lại là đệ tử của đức Phật, bà tỏ ra là một vợ hiền tận tụy. Lòng nhiệt tình của bà sáng chói tỏa khắp cả kinh thành.

Vì vậy một ngày kia, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn luận trong Chánh pháp đường việc hoàng hậu Mallikà là một hiền phụ trung kiên, tận tụy như thế nào. Bậc Đạo sư, lúc đến đó, liền hỏi các Tỷ- kheo đang bàn luận đề tài gì, và khi được biết, Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngay cả ngay xưa nữa, bà ấy đã là một vợ hiền tận tụy.

Nói vậy xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, Brahmadatta có một hoàng nam mệnh danh là Sotthisena, và lúc đến tuổi trưởng thành, chàng được phong làm phó vương. Chánh phi của chàng là Sambulà cực kỳ diễm lệ, dung sắc rực rỡ chói lọi như thể ánh đèn chiếu sáng trong chốn tối tăm.

Song dần dần chứng bệnh phong cùi xuất hiện trên mình phó vương Sotthisena và mọi lương y đành bó tay chữa trị. Khi các vết lở loét chảy mủ ra, thật hôi tanh khủng khiếp đến độ phó vương tuyệt vọng kêu lên:

- Ngai vàng có ích gì cho ta đâu? Thôi ta vào rừng sâu này chết một mình không cần bạn bè cho xong.

Khi đã cho trình vua cha, chàng rời hậu cung ra đi.

Mặc dù chàng cố sức ngăn cản, Sambulà vẫn không chịu trở về, mà bảo:

- Thiếp xin nguyện chăm sóc Chúa công trong rừng thẳm.

Rồi nàng cùng chàng ra đi, từ bỏ kinh thành. Khi vào rừng, chàng xây một lều cỏ để trú thân ở một nơi có bóng cây và nước suối, trái rừng đầy đủ. Còn vương phi săn sóc chàng ra sao?

Nàng dậy thật sớm, quét dọn lều sân mang nước đến cho chàng súc miệng. Khi chàng súc miệng xong, nàng nghiền nát nhiều loại cỏ thuốc thoa vào các vết lở loét của chàng rồi đưa trái cây ngon ngọt cho chàng ăn. Khi chàng đã súc miệng, rửa tay, nàng chào chàng và bảo:

- Xin Chúa công hãy chuyên tâm làm việc thiện.

Rồi nàng cầm cái thúng, cái xẻng, và cái móc đi vào rừng hái trái cây cho chàng. Khi chàng ăn hết, nàng đem nước thơm cho chàng uống rồi mới ăn trái cây phần mình.

Nàng lại sắp đặt một tọa sàng có khăn phủ lên, và trong lúc chàng nằm trên đó, nàng rửa chân cho chàng, thay áo quần, tắm gội đầu cho chàng xong, nàng đến nằm xuống cạnh tọa sàng. Nàng chăm sóc Chúa công của nàng như vậy đó.

Một ngày kia, trong lúc đem trái cây về nhà, nàng thấy một hang có con suối, nàng liền đặt thúng trên đầu xuống, đứng bên bờ hang, rồi bước xuống tắm, nàng xoa khắp người với thuốc nhuộm vàng rồi tắm rửa. Xong xuôi nàng trèo lên mặc áo quần bằng vỏ cây và đứng trên bờ suối. Cả khu rừng sáng rực lên vì dung sắc rực rỡ tỏa ra từ thân thể nàng. Lúc ấy có một con ác quỷ Dạ-xoa đi tìm mồi, thoạt trông thấy nàng, liền mê mẩn ngâm đôi vần kệ sau:

1. Run rẩy nép mình dáng hãi kinh,
Ai đây đang đứng cạnh hang ghềnh,
Nói đi, thục nữ thân bồ liễu,
Quyến thuộc là ai, với quý danh?

2. Nương tử là ai, đẹp rỡ ràng,
Đâu là dòng giống của nhà nàng,
Khiến nàng chiếu rực khu rừng sáng,
Chốn lạc cư muôn loại thú hoang?
Yêu quỷ là ta đầy kính cẩn
Nghiêng mình, bái phục trước tôn nhan!
Nghe ác quỷ nói thế, nàng đáp lời qua ba vần kệ:

3. Thái tử Sot-thi kế vị ngai,
Xứ Kà-si, hãy biết như vầy,
Ta là vương hậu hoàng nam ấy,
Thường gọi Sam-bu chính hiệu này.
4. Vương tử Vi-đề đang ốm đau,
Khổ thân mê loạn ở rừng sâu,
Mình ta chăm sóc chàng nằm liệt,
Không thế, chắc chàng phải chết mau!
5. Đây miếng thịt nai thật ngọt ngon,
Ta vừa kiếm được chốn rừng hoang,
Đem về dâng chúa công ta đó,
Giờ bởi thiếu ăn đã mỏi mòn!
Ác quỷ:

6. Chúa công bệnh hoạn ích gì chăng?
Ngài chẳng cần vương hậu, hỡi nàng,
Mà chỉ cần người nuôi bảo hộ,
Ta mong chiếm địa vị ông hoàng!
Vương phi:

7. Lòng ta mòn mỏi với ưu sầu,
Khốn khổ bơ vơ, đẹp chẳng cầu,
Nếu quỷ vương tìm nương tử mới,
Hãy cầu nàng khác đẹp dường nào!
Ác quỷ:

8. Thê thiếp bốn trăm sẵn của ta
Tôn vinh lầu các ở đồi xa,
Xin nàng chiếu cố, ngôi cao ngự,
Cho thỏa bao nguyền ước thiết tha.
9. Hỡi mỹ nhân tươi sáng ánh vàng,
Những gì nàng quý chuộng cho nàng,
Ta đều ban tặng, xin mời đến,
Cùng ta tận hưởng thú trần gian.

10. Nếu chối từ làm vợ quỷ vương,
Hiển nhiên nàng hóa miếng mồi ngon
Cho ta thọ dụng hôm nay đấy,
Để lót lòng ta đã nhịn cơm.
Bậc Đạo sư:

11. Ác quỷ mày râu rậm bảy chòm,
Khiến cho người thất đảm kinh hoàng,
Thấy nàng lạc lỏng bơ vơ bước,
Liền nắm chặt tay ấy của nàng.
12. Bị cầm giam bởi quỷ hung tàn,
Cừu địch nàng kia, ác dục tràn,
Nàng chỉ khóc thương chàng vắng mặt,
Chẳng hề quên nỗi khó riêng chàng.
Vương phi:

13. Ta chẳng buồn vì số phận ta, Làm mồi cho quỷ ác căm thù,

Song vì tình trượng phu tôn quý, Ly biệt ta, đành phải héo khô.

14. Chư thần đi vắng cả rồi chăng?
Chẳng vị nào cai quản thế gian
Để trấn áp hành vi sỉ nhục,
Cản ngăn điều phóng đãng dâm loàn!
Lúc ấy cung đình của Đế Thích Thiên chủ rung động vì công năng đức hạnh của nàng, chiếc ngai bằng hoàng thạch của ngài trông có vẻ nóng lên; ngài suy nghĩ, tìm ra duyên cớ, liềm cầm kim cang chùy phi nhanh đến trước con quỷ và ngâm vần kệ:

15. Giữa đám quần đệ nhất danh,
Chính nàng toàn hảo, trí thông minh,
Khác nào ngọn lửa đang bừng sáng,
Ví thử ngươi ăn thịt gái lành,
Ác quỷ, đầu ngươi liền vỡ nát,
Thành ra bảy mảnh phải tan tành.
Vậy đừng làm hại nàng, nên thả,
Nàng, vợ hiền dâng hiến trọn mình.
Nghe vậy, con quỷ liền thả Sambulà. Thiên chủ nghĩ thầm: "Con quỷ này sẽ còn tái phạm một lần nữa".

Vì thế ngài lấy dây trói, giam lỏng nó trên ngọn núi thứ ba cách xa chỗ ấy, để nó không trở lại đấy được, rồi nồng nhiệt ngợi khen vương phi xong, ngài trở về thiên đình của ngài. Còn vương phi, sau khi mặt trời lặn, phải nhờ ánh trăng trở về lều cỏ.

Bậc Đạo sư ngâm tám vần kệ giải thích sự việc:

16. Thoát quỷ kia, nàng vội lại nhà,
Như chim về thấy chết con thơ,
Hay bò bị cướp bê con dại,
Than khóc nhìn hang ổ trống trơ.
17. Cũng vậy, Sam-bu tiếng tốt vang,
Hoàng phi liền cất giọng kêu than,
Thất thần, hoảng hốt, bơ vơ quá,
Đơn độc, vô phương giữa núi ngàn:
18. "Tiện thiếp xin quỳ lạy Đạo sư,
La-môn, hiền thánh trí nhân từ,
Bơ vơ, lạc lỏng thay, thân thiếp
Chạy đến thần nhân để trú nhờ.
19-20. Cọp beo, sư tử, chúa sơn lâm,

Cùng các loài hoang thú ở giữa rừng,
Tiện thiếp xin chào mừng tất cả,
Cỏ cây, hoa lá mọc um tùm,
Xin chào rừng rậm màu xanh ngắt
Cùng núi cao dốc đứng chập chùng.
21. Tiện thiếp xin thi lễ Dạ thần,
Trên cao tinh tú điểm huy hoàng,
Đêm dày tựa đóa sen xanh thẳm,
Nhuốm vẻ đậm đà nhất thế gian!
22. Thiếp xin thi lễ cả sông Hằng,
Là mẹ hiền chung của suối sông,
Ở giữa loài người trên hạ giới,
Bha-gi-ra mỹ hiệu vang lừng.
23. Tiện thiếp xin chào đỉnh Tuyết Sơn,
Là vua ngự trị mọi sơn lâm,
Đà chồng chất nhất cao hùng vĩ,
Vượt hẳn lên toàn cảnh thế gian.
Nhìn thấy nàng đang than khóc như thế, Sotthisena nghĩ thầm: "Nàng than khóc quá lời. Ta không biết có ý gì đây, nếu nàng làm thế vì yêu thương ta, thì tim nàng sẽ tan nát. Thôi ta phải thử nàng xem sao".

Chàng liền đi đến ngồi ở cửa lều. Nàng đến cửa vẫn còn than khóc, đảnh lễ chàng xong, nàng hỏi:

- Nãy giờ chúa công ở đâu?

Chàng đáp:

- Này vương phi, ngày thường nàng chưa hề về nhà giờ này, hôm nay nàng về quá trễ.

Rồi chàng ngâm vần kệ hỏi nàng:

24. Này quý phi danh tiếng vọng vang,
Sao nàng về muộn quá chiều tàn?
Tình lang yêu dấu nào đâu hẳn
Đã giữ nàng lâu hóa trễ tràng?
Nàng đáp lại:

- Tâu chúa công, thiếp đang mang trái cây về nhà thì gặp một con quỷ si tình thiếp, nắm tay thiếp và bảo: "Nếu nàng không nghe lời ta, ta sẽ ăn thịt nàng ngay".

Và nàng ngâm vần kệ:

25. Bị cừu địch bắt, nặng sầu tư,
Thiếp nói lời cùng quỷ Dạ-xoa:
"Ta chẳng buồn đau vì số phận
Làm mồi cho ác quỷ tinh ma,
Song vì tình trượng phu tôn quý
Ly biệt ta, đành phải héo khô".
Rồi nàng kể hết mọi chuyện cho chàng nghe và nói:

- Khi thiếp đang bị quỷ bắt giữ như vậy không thể nào thoát thân được, thiếp liền xin sự phò hộ của chư thần, nên Đế Thích Thiên chủ hiện ra, cầm chùy kim cang trong tay, ở trên không hăm dọa ác quỷ thả thiếp ra. Rồi ngài lại lấy dây thần trói quỷ trên ngọn núi thứ ba xa chỗ ấy, xong biến mất. Thế là thiếp đã được Đế Thích Thiên chủ cứu mạng.

Thái tử Sotthisena nghe xong liền bảo:

- Này vương phi, chuyện có thể là như vậy. Với nữ nhân thật khó biết được sự thật. Trong vùng Tuyết Sơn có nhiều sơn nhân, ẩn sĩ, và pháp sư. Ai sẽ tin nàng đây?

Nói vậy xong chàng ngâm vần kệ:

26. Các nàng ngọc nữ quá tinh khôn,
Thật hiếm khi tìm được thật chơn,
Cung cách nữ nhân làm rối trí,
Như đường cá lội giữa trùng dương!
Nghe vậy, nàng đáp:

- Tâu Chúa công, dù chàng không tin thiếp, thiếp vẫn nói nhân danh chân lý và thiếp sẽ chữa bệnh cho chàng.

Thế là khi đã rót đầy một bình nước để thực hiện một lời Ước nguyện Chân lý, nàng đổ nước từ trên đầu chàng và ngâm vần kệ:

27. Ước mong Chân lý, chốn nương thân,
Thiếp chẳng yêu ai khác Chúa công,

Thiếp nguyện cầu xin nhờ Nói Thật
Bệnh chàng nay được chữa lành chăng?
Khi nàng thực hiện lời Nguyện cầu Chân lý ấy xong, nước vừa được rảy lên đầu Sotthisena thì bệnh hủi liền biến mất như thể rỉ đồng gặp cường toan vậy. Sau khi ở lại đó vài ngày, hai vị rời khu rừng, đi đến Ba-la-nại và vào ngự viên.

Phụ vương biết chuyện hai con đã về, liền vào ngự viên, ngay tại đó, ngài bảo đem chiếc lọng hoàng gia đến che lên đầu Sotthisena, làm lễ quán đảnh sắc phong Sambulà lên ngôi chánh hậu. Sau đó ngài đưa hai con về thành, và chính ngài xuất gia tu hành, lập am trong ngự viên, nhưng vẫn thường dùng ngự thiện trong cung.

Còn vua Sotthisena chỉ phong Sambulà lên ngôi chánh hậu, song chẳng ban huệ gì cho nàng, chàng chẳng quan tâm ngay cả đến đời sống của nàng, mà chỉ ham hưởng lạc thú với những nữ nhân khác. Sambulà hờn ghen với đám tình địch kia nên gầy mòn bạc nhược, cả thân hình nổi gân xanh xao ra dáng bệnh hoạn.

Một ngày kia, phụ hoàng của vua, vi ẩn sĩ đã xuất gia ấy, đến dùng ngự thiện, nàng liền yết kiến ngài cho khuây khỏa nổi buồn. Sau khi ngài dùng bữa xong, nàng đảnh lễ ngài và ngồi xuống một bên. Trông thấy tình trạng suy nhược của nàng, ngài ngâm vần kệ hỏi:

28. Bảy trăm vương tượng trực bên mình,
Phòng hộ sẵn sàng khởi chiến binh,
Thiện xạ hàng trăm ngừa hiểm họa,
Đâu cừu nhân đến khiến hồn kinh?
Nghe vậy, nàng đáp lại:

- Tâu phụ vương, chúa thượng không còn như xưa đối với thần thiếp nữa.

Rồi nàng ngâm năm vần kệ:

29. Chàng yêu mỹ nữ tựa liên hoa,
Giọng điệu thiên nga cất tiếng thưa,
Rung động lòng chàng say đắm đuối,
Khi chàng nghe chúng nhịp nhàng ca,
Thiếp không còn ngự trong tâm tưởng,
Tình cảm chàng, như một thuở xưa!
30. Nữ nhân dáng đẹp tựa thiên nga,
Trang điểm toàn châu báu sáng lòa,
Tuyệt sắc cung tần nằm yểu điệu,
Mê hồn quyến rủ mắt vương gia!
31. Mong lần nữa lạc bước rừng hoang,
Kiếm mỗi bữa ăn đỡ dạ chàng,
Thiếp sẽ được chàng yêu quý lại,
Rừng xanh ngự trị bỏ ngai vàng!

32. Gấm vóc lụa là khoác nữ nhi,
Cao lương mỹ vị đủ tràn trề,
Diễm kiều, song nếu chàng không chuộng,
Thà kết lụa đào để chết đi!
33. Gái nghèo khốn khổ ngủ giường rơm,
Nếu được yêu thương dưới mắt chồng,
Cũng hưởng một đôi niềm hạnh phúc,
Mà người chỉ thiếu tấm tình nồng
Không hề biết đến, dù đầy đủ Tất cả mọi điều, tấu phụ vương!

Khi nàng giải thích cho vị vua ẩn sĩ hiểu nguyên nhân vì đâu nàng héo mòn như vậy, ngài liền triệu vua tới và bảo:

- Này vương nhi Sotthisena, khi vương nhi bị bệnh hủi giày vò khốn khổ phải chốn vào rừng sâu, nàng đã cùng vương nhi vào rừng, săn sóc hầu hạ đủ mọi nhu cầu cho vương nhi, lại nhờ thần lực Chân lý chữa bệnh cho vương nhi nữa; bây giờ sau khi nàng đã làm phương tiện cho vương nhi ngự chiếc ngai vàng, vương nhi không biết đến địa vị của nàng, thật là lỗi đạo lắm. Một hànhđộng phản bội bạn hiền như vậy là một tội lớn.

Rồi ngài ngâm vần kệ:

34. Khó tìm được vợ chung tình,
Nam nhi tốt với vợ mình, khó sao,
Vương nhi đức hạnh dường nào,
Với chồng, nàng lại dạt dào tình thương.
Vậy giờ đây, hỡi quân vương,
Với Sambu, phải trọn đường thủy chung.
Sau khi khiển trách vương nhi xong, ngài đứng dậy bỏ ra về ngay. Khi vương phụ đi rồi, vua triệu Sambulà đến và bảo:

- Này ái hậu, xin hãy tha thứ lỗi lầm của trẫm bấy lâu nay. Từ nay về sau trẫm giao hết quyền hành cho ái hậu.

Và nhà vua ngâm vần kệ cuối cùng:

35. Hưởng đầy phúc lộc dồi dào,
Ái khanh vẫn cứ xanh xao héo mòn,
Vì lòng nặng trĩu ghen hờn,
Từ nay trẫm với phi tần cung nga,
Là người dưới trướng Sam-là,
Sẵn sàng tuân phục lệnh bà phán sai!
Từ đó nhà vua cùng hoàng hậu sống hạnh phúc bên nhau, thực hành bố thí, và các thiện pháp.

Đến khi từ trần, hai vị đi theo đúng hạnh nghiệp của mình. Còn vị ẩn sĩ khổ hạnh tu tập phát khởi Thiền định, về sau tái sinh vào Phạm thiên giới.

*

Bậc Đạo sư chấm dứt Pháp thoại xong lại bảo:

- Không chỉ bây giờ mà ngay cả ngày xưa nữa, Mallikà đã là người vợ thủy chung.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Lúc bấy giờ Sambulà là Mallikà, Sotthisena là vua xứ Kosala, vị ẩn sĩ kia chính là Ta.

-ooOoo-

520. Chuyện vị thần cây Tindu (Tiền thân Gandatindu)

Lòng nhiệt thành là hướng Niết bàn..,

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc giáo hóa một ông vua.

Việc giáo hóa này được kể đầy đủ trong Tiền thân số 334 Tiền thân Ràjovàda tập III và số 521, Tiền thân Tesakuna, tập V.

*

Ngày xưa tại quốc độ Kampila, trong kinh thành phía Bắc xứ Pancala, có vị vua danh hiệu Pancala, cai trị bất công vì theo ác đạo và phóng dật buông lung, bởi thế các quần thần cũng trở nên bất công như nhà vua. Dân chúng bị thuế má nặng nề áp bức liền đem vợ con lang thang vào rừng như bầy dã thú.

Những vùng trước kia là làng mạc, nay hoang vắng cả, dân chúng ban ngày thì sợ quân sĩ của nhà vua nên không dám ở trong nhà, và lấy hàng rào gai bao bọc lại, khi trời mới tảng sáng, họ đã biến dạng vào rừng. Ban ngày họ bị quân lính của vua tước đoạt của cải còn ban đêm lại bị bọn cướp hoành hành.

Vào thời ấy, Bồ-tát xuất hiện trong thân hình một vị Thần cây Tinduka ở ngoại thành, hằng năm nhận được phẩm vật cúng dường của nhà vua trị giá một ngàn đồng tiền, ngài nghĩ thầm: "Nhà vua thật buông lung phóng dật, quốc độ đang suy tàn, ngoài ta ra, không ai có thể đưa vua trở về chánh đạo. Vua này là kẻ ban ơn cho ta, hằng năm lại dâng tặng ta phẩm vật một ngàn đồng tiền. Vậy ta sẽ giáo hóa cho vị vua này".

Thế là đang đêm tối, ngài vào hậu cung đứng trên không, ngay phía đầu vương sàng, phóng ra một luồng hào quang. Vua thấy ngài sáng chói như mặt trời mọc, liền hỏi ngài là ai và từ đâu đến. Nghe vua hỏi, ngài đáp:

- Này Đại vương, ta là thần Tinduka đến đây khuyên nhủ ngài.

Vua hỏi:

- Ngài muốn khuyên trẫm điều gì?

Bậc Đại sĩ đáp:

- Đại vương buông lung việc trị nước, cả quốc độ đang điêu tàn như thể làm mồi cho bọn quần thần tay sai. Vua chúa buông lơi việc trị nước không thể nào làm chủ vận mệnh quốc gia được, ngay

trong đời này chính họ sẽ bị suy tàn và đời sau phải tái sinh vào địa ngục, một khi vua chúa buông lơi việc cai trị, quần thần bên ngoài lẫn bên trong quốc độ buông lơi theo cả, vì thế nhà vua phải hết sức lo trị nước.

Nói xong, ngài ngâm các vần kệ ghi lại một bài học đạo đức:

1. Lòng nhiệt tình là hướng Niết-bàn,
Buông lung thường dẫn đến vong thân,
Những người tỉnh giác không hề chết,
Phóng dật khác nào đã mạng vong.
2. Buông lung có gốc tự kiêu căng,
Phóng dật sinh hư hỏng, mạng vong,
Hư hỏng tác thành ra ác nghiệp,
Đoạn trừ phóng dật, hỡi Anh quân!
3. Người hùng phóng dật biết bao phen,
Bị tước giang sơn lẫn bạc tiền,
Điền chủ trở thành người thất lạc
Không nhà, trôi giạt, khổ triền miên.
4. Khi vua buông lỏng việc kinh bang,
Không đúng theo danh nghĩa, tiếng vang,
Ví thử bạc vàng đều biến mất,
Chỉ còn ô nhục với ông hoàng!
5. Phi thời phóng dật, hỡi quân vương,
Từ chánh, ngài đi lạc bước đường,
Quốc độ phồn vinh ngày trước ấy
Nay làm mồi bọn cướp tan hoang.
6. Hoàng nam chẳng hưởng được giang san,
Vàng bạc, lúa ngô, viện bảo tàng,
Quốc độ làm mồi cho kẻ ác,
Ngài còn bị tước cảnh vinh quang.
7. Ông hoàng bị tước đoạt giang san
Với các kho châu báu, bạc vàng
Chẳng được niềm tin yêu thuở trước,
Của thân bằng quyến thuộc, lân bang.
8. Xe ngựa, quản xa, với vệ binh,
Lục quân lúc trước thật hùng anh,
Khi nhìn vua phải tiêu cơ nghiệp,
Cũng chẳng còn vì nể, kính danh.

9. Ngu xuẩn sống đời chẳng kỷ cương,
Bị lời tà dụ dỗ, sai đường,
Người ngu chóng mất vinh quang cũ
Như rắn phải quăng lớp vỏ tàn.
10. Song kẻ nào thức dậy đúng thời,
Không hề mỏi mệt, kỷ cương noi,
Cả đàn gia súc đều tăng trưởng,
Tài sản người kia lớn mãi hoài.
11. Đại đế, xin ngài mở rộng tai,
Lắng nghe dân chúng nói bao lời:
Nhờ nghe, nhìn được điều Chân lý,
Thành đạt đường theo phước nghiệp ngài.
Như vậy, bậc Đại sĩ đã giáo hóa vua mười một vần kệ, rồi bảo:

- Đại vương hãy đi nuôi dưỡng quốc độ, đừng chậm trễ, chớ để đất nước suy tàn.

Nói xong ngài trở lại cõi của ngài.

Vua nghe các lời khuyên ấy, vô cùng cảm kích, ngay hôm sau, ngài liền giao việc nước cho các vị đại thần và cùng với vị tế sư của hoàng gia, rời kinh thành bằng đông môn và đi được một khoảng chừng vài trăm thước. Nhằm lúc ấy, có một ông lão vốn là dân làng lấy những cành cây gai trong rừng về đặt quanh nhà, sát cửa lớn, rồi cùng vợ con vào rừng. Buổi chiều, khi quân lính vua đã bỏ đi, người ấy trở về nhà đến gần cửa bị đầu gai nhọn đâm vào chân, lão ngồi vắt chân lên, vừa rút gai ra, vừa nguyền rủa vua qua vần kệ:

12. Mong tên trúng ở chiến trường
Cho Pan-ca bạo chúa thương khóc đời,
Như ta có cớ kêu trời,
Thế này vì bị gai dài đâm da!
Lời nguyền rủa vua này phát ra nhờ thần lực của Bồ-tát, lão già nguyền rủa vua như thể một người được Bồ-tát nhập vào, hành động này của lão phải được hiểu như vậy. Vào lúc đó, vua cùng vị tế sư của ngài đang cải trang đứng trước mặt lão.

Vị tế sư nghe như vậy liền đáp kệ:

13. Tôn ông nay tuổi đã già,
Và đôi mắt đã mù lòa, cho nên,
Chẳng công bằng để xét xem,
Chính ta đáng bị rủa nguyền đó sao?
Chúa Brah-ma biết thế nào,
Khi chân ông bị gai cào đâm da?
Nghe lời này, ông lão ngâm ba vần kệ:

14. Hiển nhiên vì chúa Brah-ma

Cho nên mới khổ thân ta thế này!
Như dân cô thế thường hay
Bị đem chém giết vì bầy hại dân.
15. Ban đêm bị trộm ăn phần,
Ban ngày gặp lũ thuế nhân thu tiền;
Ác nhân đầy rẫy toàn miền,
Khi bầy bạo chúa nắm quyền trong tay.
16. Khổ đau vì sợ nỗi này,
Dân lành đành phải chạy bay vào rừng,
Chung quanh nhà rải lung tung
Đám gai để được yên phận mình!
Nghe nói vậy vua bảo vị Sư trưởng:

- Này Sư trưởng, lão già này nói đúng lắm, đó là lỗi của ta. Vậy ta hãy trở về cai trị nước chođúng pháp.

Lúc ấy, Bồ-tát nhập vào thân của vị Sư trưởng, đứng trước mặt vua bảo:

- Tâu Đại vương, ta hãy xem xét vấn đề này cho kỹ.

Rồi từ làng ấy qua một làng khác, hai vị lại nghe lời của một bà già. Nghe nói bà này nghèo khổ có hai con gái đã lớn mà bà không muốn cho hai con vào rừng. Nhưng chính bà phải tìm củi, lá khô về cung cấp cho hai con. Một ngày kia, bà lão trèo lên cây lượm lá, bị té lăn tròn xuống đất, liền nguyền rủa vua phải chết đi và ngâm vần kệ này:

17. Khi nào vua ấy chết đi?
Chao ôi, còn chúa trị vì non sông,
Các con lẻ bóng phòng không,
Thở than mong kiếm tấm chồng hoài hơi!
Vị tế sư ngâm vần kệ ngăn lời bà lão:

18. Xấu mồm vô ích, bà ơi!
Những lời bà mới kêu trời gào la,
Làm sao vua kiếm đâu ra
Trong làng cho mỗi gái tơ một chồng?
Bà già nghe nói đáp lại hai vần kệ:

19. Lời ta chẳng phải ác ngôn,
Cũng không phải nói hoài công hão huyền;
Khi còn thất thế dân đen
Chịu đàn áp bởi lắm tên giết người:
20. Đêm nằm cho trộm làm mồi,
Ban ngày lũ thuế nhân xơi mất phần!
Ác nhân đầy rẫy non sông,

Khi quyền cai trị hôn quân nắm hoài
Thời suy, bần nữ lắm người
Buồn tình chẳng kiếm được ai làm chồng!
Nghe bà lão nói, cả hai vị đều nghĩ: "Bà lão này nói đúng vấn đề đây".

Rồi hai vị đi xa hơn một khoảng đường lại nghe một gã nông dân nói chuyện. Trong lúc gã cày ruộng, con bò của gã tên gọi Saliya ngã lăn ra vì bị lưỡi cày đụng phải, gã chủ bò liền nguyền rủa vua qua vần kệ:

21. Cầu Pan-ca chúa ngã lăn,
Trúng nhằm mũi giáo của quân thù hằn,
Như Sa-li ngã xuống đường,
Thương thay! Cày đụng bị thương nằm đờ!
Vị Sư trưởng liền ngâm vần kệ chận gã lại:

22. Ngươi hờn giận chúa Brah-ma
Song ai có thấy đâu là nguyên do?
Vì ngươi phỉ báng đức vua,
Tội kia tất cả đều là của ngươi!
Nghe thế, gã nông phu đáp ba vần kệ:

23-24. Vì vua, ta cứ giận sôi,
Nên ta cương quyết giữ lời thẳng ngay;
Dân đen thất thế như vầy,
Bị tàn sát bởi lắm tay giết người:
Đêm nằm cho trộm làm mồi,
Ban ngày lũ thuế nhân xơi mất phần!..
25. Gia nô phải nấu hai lần
Rồi mang cơm nước muộn màng cho ta,
Lúc đang há họng chờ nhà,
Bò ta bị đụng ắt là mạng toi!
Đi xa hơn một đoạn nữa, hai vị vào một làng kia. Sáng sớm hôm sau, một con bò trở chứng đá người vắt sữa ngã nhào, sữa đổ tung tóe. Người này liền ngâm vần kệ nguyền rủa vua Brahmadatta:

26. Cầu Pan-ca chúa ngã lăn,
Vì do một mũi kiếm đâm trận tiền,
Như ta, bò đá lăn chiêng,
Đá luôn thùng sữa đổ liền hôm nay!
Vị tế sư ngâm vần kệ đáp:

27. Này, bò đá gậy thúc dai,
Hay là thùng sữa của người đổ ra,
Việc gì đến chúa Brah-ma,

Khiến ngài chịu mọi gièm pha thế này?
Nghe vậy người vắt sữa bò ngâm ba vần kệ đáp:

28-29. Pan-ca chúa đáng trách thay
Vì nền cai trị, thưa ngài La-môn,
Dân lành cô thế thấy luôn
Bị tàn hại bởi những quân giết người:
Ban đêm bị trộm rình mồi,
Ban ngày lũ thuế nhân xơi mất phần!..
30. Hung hăng là thứ bò rừng,
Việc đem vắt sữa, chưa từng trước đây,
Ta đành vắt sữa hôm nay,
Vì nhu cầu sữa mỗi ngày một tăng!
Hai vị bảo nhau:

- Gã này nói đúng đấy.

Rồi từ làng ấy hai vị đi ra đường cái tiến về kinh thành. Trong một làng nọ, có gã thu thuế giết một con bê con có đốm rồi lột da để làm bao da bọc kiếm, khiến bò mẹ nó quá buồn khổ vì mất con thơ, bỏ cả ăn cỏ uống nước, chỉ lang thang kêu khóc. Thấy vậy trẻ con trong làng nguyền rủa vua:

31. Cầu Pan-ca chúa héo mòn,
Hoài công than khóc mất con như vầy,
Bò kia quẩn trí thương thay,
Đi tìm bê nhỏ, người nay giết càn!
Vị tế sư liền ngâm vần kệ khác:

32. Khi bò trâu phải lạc đàn,
Muốn vơi nỗi khổ, khóc vang kêu gào.
Vậy thì duyên cớ làm sao
Khiến ngươi chê trách nhằm vào vua ta?
Lũ trẻ đáp lại hai vần kệ sau:

33. Tội tình của chúa Bra-hma,
Việc này con thấy rõ ra rành rành:
Bơ vơ khốn đốn dân lành,
Vẫn thường bị bọn bạo hành giết tươi:
34. Ban đêm bị trộm rình mồi,
Ban ngày lũ thuế nhân xơi mất phần!
Ác nhân đầy rẫy non sông,
Khi quyền cai trị hôn quân nắm tròn,
Cớ sao bê hãy còn non,
Phải đem giết bỏ, chỉ cần bao da?

- Các ngươi nói đúng đấy.

Hai vị nói xong liền ra đi. Trên đường, họ thấy trong một hồ nước khô cạn, bầy quạ đang lấy mỏ bắt ếch nhái ăn thịt. Khi hai vị đến nơi, Bồ-tát vận dụng thần lực nguyền rủa vua qua miệng con nhái:

35. Cầu Brah-ma chúa chết chùm,
Cùng bầy con cháu ở trong chiến trường,
Như ta nhái bén rừng hoang,
Làm mồi cho lũ quạ làng hôm nay!
Nghe vậy vị tế sư ngâm vần kệ, nói chuyện với con nhái:

36. Nhái cần biết rõ, nhái này,
Đại vương không thể giữ bầy nhái ranh!
Việc này vua chẳng tội tình,
Khi bầy quạ đớp em anh nhà mày!
Nghe vậy, nhái đáp lại hai vần kệ:

37. Tế sư lời nịnh khéo thay,
Phỉnh lừa vua chúa như vầy ác gian,
Mặc cho dân bị sát tàn,
Nhà vua cứ tưởng lối đàng quốc sư
Quả là đệ nhất tài ba;
Giá như có phúc mọi nhà phồn vinh.
38. Nước này an lạc, thái bình,
Quạ kia được hưởng phần mình cực sang
Có đâu cần phải giết càn
Các loài nhỏ mọn như đàn ễnh ương?
Nghe vậy vua và vị Sư trưởng đều nghĩ thầm: "Tất cả mọi loài, ngay cả nhái rừng, đều nguyền rủa ta".

Vì thế, khi về thành, hai vị lo cai trị nước thật đúng pháp và hành trì theo lời thuyết giảng của bậc Đại sĩ, hai vị chuyên tâm bố thí và làm các thiện sự khác.

*

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt Pháp thoại với vua Kosala bằng các lời này:

- Này đại vương, một vị vua phải dứt bỏ các ác đạo và cai trị đúng pháp.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, vị Thần cây Tinduka chính là Ta.

-ooOoo-

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.